LỜI DẪN

Thiền tông Việt Nam luôn là mạch sống tuôn chảy trong lòng Phật giáo và dân tộc suốt từ thế kỷ thứ VI đến nay. Có lúc mạnh mẽ tuôn tràn giữa ngàn hoa đô hội, có lúc len lỏi âm thầm trong núi sâu rừng thẳm, ung dung thoát tục, khuất tịch tiêu sái. Tuy nhiên, mạch sống thiền xưa nay vẫn như vậy, không đến không đi, là dòng sinh mệnh muôn thuở của những bậc thức tâm đạt bổn.

Hòa thượng tôn sư thượng Thanh hạ Từ khi mới vào đạo cho đến hôm nay đã lấy thiền làm mạng sống, nuôi dưỡng công phu qua những giai đoạn hành thiền nghiêm cẩn. Cuối cùng ngài thấu tỏ được lời Phật ý Tổ bằng chính sự nỗ lực không ngừng. Dòng thiền Việt Nam sau gần bảy trăm năm đi vào quên lãng, đã được Hòa thượng thắp sáng trở lại. Ngài nói:

"Thiền tông là cốt tủy của Phật giáo. Bởi vì muốn chỉ chân lý hiện hữu nơi con người, song ngại người ta khinh thường và dễ quên, nên kinh điển Đại thừa nói bằng cách diễn giảng những hình ảnh thâm sâu khó hiểu, còn thiền sư dùng thuật xuất quỷ nhập thần khiến người ta mờ mịt không có lối vào. Nếu ai tháo gỡ được cây chốt bí mật ấy, tự nhiên thấy nó chân thật bình dị vô cùng. Chừng đó mới thấy Kinh và Thiền không có hai lối. Tuy nhiên Thiền tông luôn luôn tuyên bố Giáo ngoại biệt truyền, cốt dẫn hành giả thấy đến nơi sống chân thật, không mắc kẹt trên văn tự ngữ ngôn, không chết chìm trong suy tư lý luận. Nếu Thiền tông khác với kinh Phật tức không phải đạo Phật rồi. Chính vì lẽ đó, Thiền và Kinh luôn song hành để đưa hành giả đến nơi rốt ráo chân thật."

Những năm theo học tại Phật học đường Nam Việt chùa Ấn Quang, Hòa thượng là người siêng năng cần mẫn toàn tâm duyệt tạng. Tuy nhiên chỉ thú kinh điển Đại thừa đối với ngài lúc bấy giờ thật xa xôi diệu vợi. Về sau, nhân duyên được một Phật tử cúng dường Đại tạng, Hòa thượng xem đây là linh hồn của ngài trên khắp mọi nẻo đường tu học cũng như hành đạo. Khi về Phương Bối am, đây là thời gian tốt nhất để ngài vừa tu thiền vừa nghiên cứu kinh điển và dịch thuật. Giáo nghĩa Đại thừa và Thiền tông dần dần sáng tỏ. Các tác phẩm, dịch phẩm của Hòa thượng ra đời như: Tham Thiền Yếu Chỉ, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký, Tọa Thiền Tam-muội v.v... đã mở đầu cho sự nghiệp văn học thiền của ngài.

Rời Phương Bối về Huệ Nghiêm, Hòa thượng tiếp tục con đường hoằng pháp lợi sanh và luôn giữ hoài bão tu thiền mãnh liệt. Đến năm 1966, Hòa thượng về Núi Lớn - Vũng Tàu, dựng Pháp Lạc thất chuyên tâm tu thiền. Đại duyên đại chí khởi phát, cánh cửa Không mở toang, con đường thiền rực sáng, toàn bộ giáo nghĩa Thiền tông hoát nhiên thông thống. Hòa thượng thống khoái chống gậy xuống núi, dựng pháp tràng lập tông chỉ, tiếp tăng độ chúng.

Thiền viện Chơn Không ra đời. Con đường thiền giáo đồng hành được Hòa thượng mở ra hướng dẫn cho tăng ni Phật tử hữu duyên. Vừa hành thiền, vừa dịch thuật, vừa giảng dạy, ngài đã thật sự làm sống dậy dòng thiền Việt Nam vào cuối thế kỷ XX. Nhiều tác phẩm, dịch phẩm thiền tiếp tục xuất hiện như: Xuân Trong Cửa Thiền, Bát-nhã Tâm Kinh, Nguồn Thiền, Luận Tối Thượng Thừa, Thiền Căn Bản, Thiền Đốn Ngộ, Sử 33 Vị Tổ Ấn Hoa, Thiền Sư Trung Hoa, Bích Nham Lục v.v... lần lượt ra đời, đáp ứng nhu cầu tu thiền của tăng ni Phật tử ngày càng đông.

Năm 1974, thiền viện Thường Chiếu ra đời, Thiền tông Việt Nam bước sang một bước ngoặt mới. Tu học và lao động trở thành phương châm sống của thiền sinh. Tuy khó khăn kham khổ mà thầy trò vẫn tươi vui, tin tưởng. Cuộc sống được khai hoang từ những mảnh đất khô cằn vụn vỡ. Đó chính là sức sống thiền, tuôn chảy từ trong nguồn tâm sâu thẳm của sự tỉnh thức an nhiên. Pháp hóa của Hòa thượng cứ thế lan tỏa vào đời,

Thường Chiếu trở thành tổ đình truyền bá Thiền tông Việt Nam. Cuối đông 1991 Hòa thượng cho ra đời tác phẩm Thiền Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ XX, nói lên con đường tu tập của dòng thiền Chơn Không - Thường Chiếu. Kinh sách của Hòa thượng đã trở thành cẩm nang cho hành giả tu thiền Việt Nam: Nguồn An Lạc, Hoa Vô Ưu, Quy Sơn Cảnh Sách, Bát Đại Nhân Giác, Thập Nhị Môn Luận, Kim Cang, Viên Giác, Pháp Hoa, Pháp Bảo Đàn, Lăng-già, Trung Quán, Thiền Sư Việt Nam v.v... đã được tăng ni Phật tử đọc tụng hành trì dưới sự giảng giải cặn kẽ của Hòa thượng.

Năm 1993, thiền viện Trúc Lâm ra đời, đây là đỉnh cao của hành trình khôi phục dòng thiền nước Việt. Thiền tông Việt Nam phát triển rực rỡ. Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, tất cả các nghi thức tụng niệm và hành lễ đều được Việt hóa hoàn toàn tại thiền viện Trúc Lâm, cũng như các thiền viện trực thuộc dòng thiền của Hòa thượng. Những tác phẩm ra đời tại thiền viện Trúc Lâm như: Phụng Hoàng Cảnh Sách, Tiến Thẳng Vào Thiền Tông, Khóa Hư Lục, Tham Đồ Hiển Quyết và Thi Tụng Các Thiền Sư Đời Lý, Mười Bức Tranh Chăn Trâu, Thiền Tông Bản Hạnh, Kiến Tánh Thành Phật, Thánh Đăng Lục, Tam Tổ Trúc Lâm v.v... Có thể nói sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh và sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng đã cống hiến cho Phật giáo Việt Nam một kho tàng trí tuệ quý báu vô lượng.

Năm 1997, Ban Văn Hóa Thường Chiếu ra đời dưới sự chủ trì của ngài. Tăng ni hàng môn hạ vâng theo sự

chỉ giáo của Hòa thượng ân sư, cùng nhau biên tập lại toàn bộ tác phẩm, dịch phẩm của ngài trong suốt những chặng đường hoằng truyền chánh pháp mà Hòa thượng đã tâm tâm niệm niệm vì đạo pháp vì chúng sanh. Sự nghiệp văn học của ngài được gầy dựng từ khi còn là tăng sĩ trẻ cho đến những năm gần cuối đời thật không gì có thể sánh nổi. Bởi vì ở đó là kho tàng vô giá của trí tuệ và công phu, những kinh nghiệm tu tập quý báu của một bậc thầy lớn, một thiền sư, một chân tăng thật tu thật ngộ.

Không kể đến những công trình dịch thuật, sáng tác, thi kệ về thiền tông, không kể đến những tác phẩm giảng giải thâm thúy bình dị, không kể đến những năm tháng miệt mài bên những trang giáo án dành cho tăng ni tứ chúng... Sáng giá nhất là toàn bộ cuộc đời tu tập và hành đạo của ngài. Đây mới chính là tác phẩm vô giá trong sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng. Văn là người. Mượn đầu bút xoay chuyển dòng nghiệp thức muôn đời, giúp chúng sanh chuyển mê khai ngộ, mang hạnh nguyện tự lợi lợi tha đi vào đời, cho nên toàn bộ tác phẩm của Hòa thượng cũng chính là con người của ngài. Một ngôi sao sáng trong văn học thiền Việt Nam cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Ở đó ánh lên những chất vị cao đẹp tinh khiết mà đậm đà dễ gần dễ đến của một thiền sư Việt Nam: chân chất, bình dị, trí tuệ và tròn đầy bi mẫn.

Có thể nói sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng đã đóng góp cho nền văn học Phật giáo Việt Nam nói chung và nền văn học Thiền tông Việt Nam nói riêng

một kho báu trí tuệ và kinh nghiệm tu tập vô cùng quý giá. Tăng ni Phật tử Việt Nam không thể nào nói hết lòng cảm kích tri ân đối với ngài. Thông qua kinh sách và băng giảng của Hòa thượng, người sau có thể lần mò theo dấu vết người trước, nhận được nguồn sống tâm linh của một bậc chân tăng, một thiền sư Việt Nam vào thế kỷ XXI. Từ đó noi theo tu tập ngõ hầu thành tựu sự nghiệp giác ngộ giải thoát cho chính mình.

Bên cạnh con đường thực chứng tâm linh, hoằng pháp và văn hóa là sự nghiệp độ sanh sáng chói nhất của Hòa thượng. Đây là niềm vinh hạnh và là tấm gương sáng cho tăng ni Phật tử Việt Nam. Muốn giữ gìn và rộng truyền công đức của ngài, quả là một việc làm quá sức đối với hàng đệ tử thô tâm thiển trí. Song không thể để cho pháp bảo vô giá và một đời giáo hóa của thầy tổ bị mai một, chúng tôi đã chẳng ngại tài hèn sức mọn, công phu kém cỏi, cùng nhau tận tâm tận lực biên tập và hệ thống lại toàn bộ kinh sách của Hòa thượng ân sư. Hy vọng bộ Thanh Từ Toàn Tập tái bản lần này sẽ đầy đủ và hoàn chỉnh hơn bộ Thanh Từ Toàn Tập đầu tiên đã ra mắt độc giả vào năm 2002.

Việc làm này nếu không có sự gia trì của Tam bảo, sự chỉ đạo của Hòa thượng ân sư, sự nhất tâm hòa hợp của chư huynh đệ, sự phát tâm hỷ cúng tài lực của mười phương tín thí, có lẽ Phật sự này khó có thể thành tựu. Tất cả đều vì xiển dương chánh pháp, xiển dương Thiền tông Việt Nam, vì hết lòng tưởng nhớ công ơn giáo dưỡng của thầy tổ, mà hướng tâm về pháp bảo, mong phần nào

đền đáp thâm ân rộng sâu của Ân sư, thực hiện hoài bão của thầy tổ, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn.

Công đức có được chúng tôi xin dâng lên cúng dường Hòa thượng ân sư, nguyện ngài sống lâu nơi đời, là nơi nương tựa tâm linh cho tăng ni tứ chúng trên con đường tu học cho tới ngày viên mãn. Đồng nguyện hồi hướng về pháp giới chúng sanh chuyển mê khai ngộ, tịnh hóa thân tâm, mỗi mỗi đều được hàm triêm lợi lạc.

Chúng con xin thành tâm đê đầu đảnh lễ sám hối Thầy, vì những lỗi lầm sai sót trong khi chấp bút biên tập lại kinh sách và băng giảng của Thầy, vì sự hạn chế về trí tuệ cũng như công phu tu tập của chúng đệ tử. Chúng con cùng nguyện theo chân Thầy học đạo cho tới ngày thành tựu giác ngộ viên mãn mới thôi.

Xin được cảm kích tri ân các pháp hữu hoan hỷ chỉ bảo cho những sai sót khó tránh khỏi của bộ sách. Sau cùng xin cảm niệm công đức tất cả quý Phật tử gần xa đã tùy tâm ủng hộ cho Phật sự in ấn bộ Thanh Từ Toàn Tập được thành tựu viên mãn.

Thiền viện Thường Chiếu, ngày 12-12-2012

TM. BAN VĂN HÓA THƯỜNG CHIẾU

THÍCH NHẬT QUANG

PHÀM LỆ

Những quy ước sau đây được sử dụng thống nhất trong bộ sách.

I. <u>Cách viết hoa, gạch nối từ:</u>

1. Danh từ riêng (nhân, vật, địa danh)

a. *Từ Hán Việt, từ thuần Việt:* viết hoa toàn bộ.

Thí dụ: - tổ sư Linh Hựu, vua Trần Nhân Tông,
- kinh Diệu Pháp Liên Hoa,
- thành Vương Xá, tỉnh Đồng Nai v.v...

* Trường hợp cụm danh từ dài thì viết hoa chữ đầu các nhóm nhỏ.

Thí dụ: - sách Vài nét chính trong Luân lý Phật giáo, Ban Từ thiện Xã hội v.v...

b. Từ phiên âm tiếng Phạn, Pāli: viết hoa chữ đầu và dùng gạch nối.

Thí dụ: - Phật Thích-ca-mâu-ni (Śākyamuni),
- kinh Thủ-lăng-nghiêm (Śūraṅgama),
- thành Xá-vệ (Śṛāvāsti) v.v...

2. Quả vị, giai cấp

a. Từ Hán Việt: viết hoa chữ đầu.

Thí dụ: Duyên giác, Tăng lữ v.v...

b. Từ phiên âm tiếng Phạn, Pāli: viết hoa chữ đầu và dùng gạch nối.

Thí dụ: Tu-đà-hoàn (Sotapatti),
Sát-đế-lợi (Śastriya) v.v...

3. Thuật ngữ Phật học

a. Các thuật ngữ Phật học thông thường

- Từ Hán Việt, thuần Việt: viết thường.

Thí dụ: tam độc, sáu trần, mười hai nhân duyên...

- Từ được phiên âm tiếng Phạn, Pāli: viết thường và dùng gạch nối.

Thí dụ: ba-la-mật (pāramitā), già-lam (saṃgharāma)...

b. Thuật ngữ Phật học nhấn mạnh

- Từ Hán Việt, thuần Việt: viết hoa chữ đầu.

Thí dụ: Tam bảo, Năm thiền phái v.v...

- Từ được phiên âm tiếng Phạn, Pāli: viết hoa chữ đầu và dùng gạch nối.

Thí dụ: Bát-nhã (Prajñā), Niết-bàn (Nirvāṇa) v.v...

4. Các từ chỉ danh phẩm, chức vị v.v... viết thường.

Thí dụ: tổ sư, thiền sư, đại sư, hòa thượng,
trưởng giả, bậc, đấng, đức v.v...

* Trường hợp làm đại danh từ thì viết hoa chữ đầu.

Thí dụ: Khi <u>thiền sư</u> Hy Thiên ở chỗ <u>tổ</u> Huệ Năng, nghe Lục Tổ sắp tịch, <u>Sư</u> hỏi <u>Tổ</u>:

- Sau khi <u>Hòa thượng</u> viên tịch, con phải nương ai?

5. Danh từ chỉ các loài, phương hướng v.v... viết thường.

Thí dụ: - hương chiên-đàn (candāna),
- chư thiên, dạ-xoa (yakṣa),
- phía bắc, hướng đông nam v.v...

* Trường hợp trở thành danh từ riêng thì viết hoa.
Thí dụ: chợ Đông, cửa Bắc, Tây đường v.v...

II. <u>Các từ có cách viết, âm đọc khác nhau được sử dụng như sau:</u>

Sử dụng	Không sử dụng
Thanh văn, cứu cánh, chánh pháp, sanh diệt, kiến tánh, tánh tình, lãnh vực v.v...	*Thinh văn, cứu kính, chính pháp, sinh diệt, kiến tính, tính tình, lĩnh vực v.v...*
Chính trị, hưng thịnh, sinh hoạt v.v...	*Chánh trị, hưng thạnh, sanh hoạt v.v...*
Bản lai, chân không, chân thật, nhân gian v.v...	*Bổn lai, chơn không, chơn thật, nhơn gian v.v...*
Gửi thư, cấp bậc, giật mình, thật tình, sai bảo, thật tướng v.v...	*Gởi thơ, cấp bực, giựt mình, thiệt tình, sai biểu, thực tướng v.v...*
Nương tựa, làm giùm, giấu giếm, trí tuệ v.v...	*Nương dựa, làm dùm, dấu diếm, trí huệ v.v...*
Hy sinh, kỷ yếu, chân lý, mỹ thuật, quy y v.v...	*Hi sinh, kỉ yếu, chân lí, mĩ thuật, qui y v.v...*

* Ngoại lệ các từ đã thành tên riêng thì giữ nguyên.
Thí dụ: tổ sư Huệ Năng, thiền viện Chơn Không v.v...

Ban Văn Hóa Thường Chiếu

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Kinh Pháp Hoa là bộ kinh Đại thừa được nhiều dịch giả phiên dịch, được nhiều học giả nghiên cứu chú giải, lại được lưu truyền sâu trong giới trí thức và phổ cập rộng trong quần chúng.

Giáo nghĩa trọng yếu của kinh Pháp Hoa là chỉ bày tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi chúng sanh. Tri kiến Phật là cái thấy biết không thuộc về kiến chấp ngã nơi thân, không thuộc về kiến chấp ngã nơi tâm (vọng tâm). Lại là thể của thân tâm, thường trụ không sanh không diệt. Bất luận là hàng nam nữ xuất gia thiện trí, hay hạng phàm nhân tại gia, cho đến kẻ ác tạo tội ngũ nghịch như Đề-bà-đạt-đà, hay những chúng sanh khác như loài rồng v.v... cũng đều có tri kiến Phật. Nếu biết và tin nơi mình có tri kiến Phật, liền khởi nhân tu hành thì sẽ được thành tựu quả Phật.

Kinh Pháp Hoa không ức dương đặc biệt cho một trình độ căn cơ nào, mà bao dung tế độ hết thảy mọi chúng sanh không bỏ sót loài nào. Nhưng vì căn cơ chúng sanh không đồng, nên phải tùy theo trình độ mà giáo hóa có sai biệt, để cho người cao cũng như người thấp đều nhận được lợi ích, và cuối cùng đưa đến chỗ cứu cánh bình đẳng là quả Phật. Do đó, kinh Pháp Hoa rất được nhiều thành phần, xuất gia cũng như cư sĩ, tôn quý tín ngưỡng, thiết lập nhiều đạo tràng trì tụng, lễ kính, tu tập.

Hòa thượng viện chủ tu viện Chơn Không khôi phục Thiền tông trong bối cảnh Phật giáo Việt Nam đương thời, không thể chỉ thẳng "chỗ cứu cánh" cho người trực ngộ, mà phải đem Kinh, Luận, Sử ra giảng dạy để cho thiền sinh thầm hội lý kinh rồi liễu ngộ lý thiền. Kinh Pháp Hoa là một trong những bộ kinh có quan hệ với Thiền tông, nên Hòa thượng đem ra giảng dạy cho tăng ni và Phật tử học.

Từ trước, chúng tôi cũng đã từng theo chúng tụng kinh Pháp Hoa, và cũng đã từng theo học kinh Pháp Hoa trong những khóa giảng ở Sài Gòn, nhưng vẫn chưa thông hiểu lý Kinh và cũng không biết kinh Pháp Hoa dạy tu như thế nào. Chẳng những riêng chúng tôi, mà đa số các bạn đồng tụng đồng học cũng cùng tâm trạng đó. Nay duyên phước lớn hội đủ, chúng tôi được nghe Hòa thượng viện chủ giảng kinh Pháp Hoa; càng nghe chúng tôi càng sáng càng vui. Những điều thắc mắc trong Kinh từ trước đều được hóa giải. Pháp lạc này đối với chúng tôi không lấy gì sánh được! Với những pháp lữ khác, không rõ quý vị có những cảm khái như thế nào,

mà có một số người đến đề nghị chúng tôi nên sưu tập lời giảng của Hòa thượng cho in thành sách, để có tài liệu nghiên cứu tu hành. Vì những lý do trên mà kinh Pháp Hoa do Hòa thượng viện chủ tu viện Chơn Không giảng, được biên tập thành sách, được Hòa thượng xem qua và đồng ý cho xuất bản.

Bản kinh Pháp Hoa Giảng Giải này, chúng tôi phối hợp những bài giảng của khóa I tại tu viện Chơn Không và khóa III tại thiền viện Thường Chiếu. Vì phối hợp bài giảng của hai khóa nên lý nghĩa vừa sâu lại cũng vừa rộng. Ý lời không nhất thiết của khóa I, mà cũng không hẳn của khóa III. Vậy nên quý vị đã trực tiếp nghe Hòa thượng giảng tại Thường Chiếu chớ lấy làm thắc mắc sao tập sách không trung thực với lời giảng của Hòa thượng mà quý vị đã được nghe.

Cũng như những tập sách chúng tôi ghi từ lời giảng của Hòa thượng, mặc dù cố gắng hết sức mình, nhưng sức người có hạn, chắc chắn không tránh khỏi sơ sót lỗi lầm trong lúc làm việc. Kính mong quý vị độc giả thông cảm, bỏ qua cho những lỗi mà chúng tôi đã vấp phải.

Thiền viện Thường Chiếu, 12-4-1992

Kính ghi

THUẦN GIÁC

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ KINH

Kinh Pháp Hoa ở Việt Nam đã có nhiều nhà giảng giải. Tuy nhiên, hôm nay tôi giảng kinh Pháp Hoa theo cái nhìn của Thiền tông. Nếu quý vị nghe, thấy có chỗ dị biệt, chớ lấy làm lạ. Vì đó là điểm đặc trưng của tinh thần triển khai kinh điển theo chỗ thông hội lý kinh của người giảng giải.

Kinh Pháp Hoa nguyên chữ Phạn (Sanskrit) tên Saddharma - puṇḍarīka Sutra, được dịch ra chữ Hán bởi nhiều dịch giả với nhiều bản khác nhau. Hiện nay còn đang lưu hành ba bản:

1. Chánh Pháp Hoa Kinh, do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào đời Tây Tấn, niên hiệu Vĩnh Khang (năm 300 Tây lịch) tại Đôn Hoàng, gồm 10 quyển.

2. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, do ngài Cưu-ma-la-thập dịch vào đời Diêu Tần, niên hiệu Hoằng Thủy thứ 8

(năm 406 TL) tại Trường An, gồm 7 quyển, sau thêm thành 8 quyển.

3. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, do hai ngài Xà-na và Cấp-đa dịch vào đời Tùy, niên hiệu Nhân Thọ năm đầu (601 TL), tại chùa Đại Hưng Thiện, gồm 7 quyển.

Dịch từ Hán văn ra Việt văn có những bản sau đây:

1/ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa do cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch, xuất bản vào năm 1936. Bản dịch này dung hợp bản Hán văn của ngài Cưu-ma-la-thập và bản Pháp văn (năm 1852) của học giả Eugène Burnouf (1801-1852).

2/ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa do hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch, xuất bản năm 1948. Bản dịch này căn cứ theo bản Hán văn của ngài Cưu-ma-la-thập.

3/ Pháp Hoa Huyền Nghĩa do cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền tuyển dịch, xuất bản năm 1964. Ông dung hợp nhiều bản Hán văn và Pháp văn để dịch.

4/ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Diễn Giải Lục do hòa thượng Thích Trí Nghiêm dịch, xuất bản năm 1970. Ngài dịch từ nguyên bản chữ Hán của đại sư Thái Hư chú giải.

Về phẩm loại của những bản dịch Phạn sang Hán thì bản Chánh Pháp Hoa của ngài Trúc Pháp Hộ dịch có 27 phẩm, không có phẩm Đề-bà-đạt-đa, và phẩm Chúc Lụy là phẩm sau cùng. Bản Diệu Pháp Liên Hoa của hai ngài Xà-na và Cấp-đa dịch đủ 28 phẩm, có phẩm

Đề-bà-đạt-đa và phẩm Chúc Lụy ở vào phẩm thứ 22. Bản của ngài Cưu-ma-la-thập dịch, thiếu nửa phần đầu của phẩm Dược Thảo Dụ, thiếu phần đầu của phẩm Pháp Sư, thiếu phẩm Đề-bà-đạt-đa, thiếu phần kệ tụng của phẩm Phổ Môn và phẩm Chúc Lụy ở chót. Nhưng sau y cứ vào bản "bối diệp" do hai ngài Xà-na và Cấp-đa mang tới, dịch bổ khuyết thêm đầy đủ là 28 phẩm. Do đó sau này được đặt tên là Thiêm Phẩm Pháp Hoa, tức là kinh Pháp Hoa thêm một phẩm. Ba bản kinh Pháp Hoa dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán đang lưu hành thì bản Diệu Pháp Liên Hoa Kinh của ngài Cưu-ma-la-thập dịch được coi là định bản. Vì đa số tu sĩ cũng như cư sĩ đều dùng bản này để nghiên cứu tụng đọc, bởi văn kinh lưu loát sáng sủa đầy đủ ý nghĩa, lý sâu sắc, đọc tụng dễ hiểu dễ nhận.

Bốn bản kinh Pháp Hoa được dịch từ chữ Hán ra chữ Việt mà chúng tôi vừa nêu, thì bản dịch của hòa thượng Thích Trí Tịnh được hầu hết người xuất gia cũng như tại gia ở Việt Nam dùng để nghiên cứu học hỏi, trì tụng. Hôm nay giảng kinh Pháp Hoa, chúng tôi cũng dùng bản dịch của hòa thượng Thích Trí Tịnh để cho quý vị dễ theo dõi, dễ hiểu. Hòa thượng Thích Trí Tịnh là người dày công nghiên cứu và phiên dịch kinh điển, nên có đầy đủ uy tín trên phương diện giáo dục cũng như dịch thuật. Pháp Phật mà ngài phiên dịch và truyền bá hầu hết chúng ta đều tin tưởng, nên bản dịch của ngài được mọi người tin cậy nhất. Tuy nhiên, một bản dịch dày đến năm sáu trăm trang, việc làm nhiều thì không tránh khỏi chút ít sơ sót. Nhưng phần căn bản thì đáng cho chúng ta tin tưởng để y theo đó mà tu học.

Kinh Pháp Hoa chẳng những ở Trung Hoa tăng ni Phật tử quý trọng, mà khi truyền sang Việt Nam cũng được các chùa kính trọng, nên hay tổ chức các đạo tràng Pháp Hoa hay hội Pháp Hoa để trì tụng. Ở Nhật Bản, kinh Pháp Hoa cũng được tôn trọng nên đã ra đời một phái tên Nhật Liên tông, chuyên trì kinh Pháp Hoa và niệm câu Nam-mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.

Sớ giải kinh Pháp Hoa thì ở Trung Hoa có cả trăm nhà sớ giải. Nhưng hai bộ sách được quý trọng, phổ biến rộng rãi là bộ Pháp Hoa Huyền Nghĩa do đại sư Thiên Thai Trí Giả sớ giải và bộ Pháp Hoa Huyền Tán do ngài Khuy Cơ (đệ tử pháp sư Huyền Trang) sớ giải.

TÊN KINH

Tên kinh, bản chữ Hán nói đủ là "Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm", gọi tắt là Diệu Pháp Liên Hoa, nói gọn nữa là kinh Pháp Hoa. Tên kinh được cấu tạo theo đề ghép, thuộc loại pháp dụ. Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là dụ. Theo kinh Pháp Hoa, Diệu Pháp là tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi chúng sanh, còn gọi là pháp thân thanh tịnh hay Phật tánh... Nếu người nhận ra tri kiến Phật thì không còn kẹt trong pháp đối đãi hai bên của phàm phu. Liên Hoa là dụ, sở dĩ dụ tri kiến Phật như hoa sen, vì hoa sen có những đặc điểm như sau:

1. Nhân quả đồng thời, nghĩa là hoa sen, gương sen có đồng một lúc, không giống như những hoa khác khi, cánh hoa tàn rồi mới tượng nụ thành trái. Gương sen đã có sẵn trong hoa, vì cánh hoa chưa rụng nên gương chưa lộ ra. Nếu cánh hoa rụng hết thì gương sen

lộ ra đầy đặn. Cũng vậy, tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi chúng sanh, vì vô minh phủ che nên nó không hiện. Nếu người biết tu hành, công phu viên mãn thì tri kiến Phật hiển hiện tròn sáng. Đó là ý nghĩa nhân quả đồng thời.

2. Hoa sen mọc trong bùn lầy nhơ nhớp mà không bị hôi tanh, vẫn đẹp thơm thanh khiết. Hoa sen được người ưa quý, không phải ở sắc đẹp, mùi thơm như những hoa khác, mà quý ở chỗ hoa mọc từ nơi bùn lầy nhơ nhớp mà vẫn giữ được sắc hương thanh khiết. Cũng giống như thân năm uẩn này, nếu nhìn với con mắt giác ngộ thì nó rất ô uế bất tịnh. Tuy nó ô uế bất tịnh nhưng có cái hằng thanh tịnh sáng suốt, kinh Pháp Hoa gọi đó là tri kiến Phật.

3. Hoa sen có những hoa vượt lên khỏi mặt nước hé nụ, trổ hoa, bày gương hạt; lại có những hoa còn đang ở trong nước, và cũng có những hoa vừa nhú lên khỏi bùn. Tất cả những hoa sen ấy, trước sau đều nở hoa sắc hương thanh khiết. Cũng vậy, người, trời, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát căn cơ tuy có sai biệt nhưng ai cũng có tri kiến Phật, nếu tu hành viên mãn thì thành Phật.

4. Hoa sen không bị ong bướm bu đậu và không bị phụ nữ dùng để trang điểm. Cũng vậy, tri kiến Phật là pháp vi diệu nhiệm mầu, không bị bất cứ pháp thế gian nào làm ô nhiễm.

Sở dĩ gọi tri kiến Phật là Diệu Pháp là vì tri kiến Phật siêu việt trên tất cả pháp đối đãi và không thể so sánh với bất cứ một pháp nào ở thế gian này được.

Thiền tông gọi là bản lai diện mục, là pháp gốc mà tất cả mọi chúng sanh xưa nay ai cũng có sẵn. Nếu tu, sạch hết vô minh vọng tưởng thì bản lai diện mục hiện tiền. Bài kệ truyền pháp mà Phật truyền cho tôn giả Ma-ha Ca-diếp mở đầu bằng câu: *Pháp bản pháp vô pháp*. Pháp bản là Diệu Pháp, gọi nó là pháp mà không phải pháp. Tại sao? Vì pháp ấy không phải là một vật đối đãi theo con mắt phàm tình thế gian thấy biết, nên nói không phải pháp. Pháp gốc là thể của muôn pháp. Diệu Pháp cũng tương đương nghĩa này.

Tương truyền, ngày xưa Thiên Thai Trí Giả đại sư khi ngộ được kinh Pháp Hoa, ngài giảng chữ Diệu suốt một tuần lễ. Vì Diệu Pháp là thể của muôn pháp nên nói không hết, giảng không cùng, do vậy gọi tri kiến Phật là Diệu Pháp và dụ như hoa sen. Ở hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen lên, đưa mắt nhìn khắp tứ chúng; cả hội chúng lặng im, chỉ có tôn giả Ma-ha Ca-diếp nhìn thấy liền chúm chím cười. Phật nhân đó ấn chứng cho ngài là người đã ngộ được lý Thiền, và được truyền thừa y bát làm tổ thứ nhất phái Thiền tông. Như vậy, kinh Pháp Hoa được Phật nói ở núi Linh Thứu và dùng hoa sen để dụ cho Diệu Pháp; tổ Ca-diếp thấy Phật đưa cành hoa sen, ngài ngộ được Pháp gốc (Diệu Pháp) cũng ở núi Linh Thứu. Điều đó cho chúng ta thấy kinh Pháp Hoa có mối liên hệ với Thiền tông rất mật thiết, nên các thiền sư khi hoằng hóa hay dùng hoa sen để thí dụ, như nói: "Hoa sen ở trong lò lửa mà vẫn tươi nhuần". Lò lửa là chỉ cho thân vô thường, hoa sen thanh khiết chỉ cho pháp thân thanh tịnh, ý nói từ nơi thân vô thường

của mỗi chúng sanh có sẵn thể bất sanh bất diệt hằng thanh tịnh.

Vì kinh Pháp Hoa có mối liên hệ với Thiền tông, nên hôm nay chúng tôi giảng kinh Pháp Hoa theo tinh thần Thiền tông. Với con mắt của Thiền tông, chúng ta mới lãnh hội được những biểu trưng kỳ đặc ở trong kinh. Nếu nhìn theo lý thông thường thì không thấy được những ý nghĩa đặc biệt đó.

KINH PHÁP HOA GIẢNG GIẢI

I- PHẨM TỰA

Thông thường ở mỗi bộ kinh, phần đầu là Tựa. Phẩm Tựa nói lên ý nghĩa tổng quát toàn bộ kinh. Các kinh mở đầu đều có lục chủng chứng tín. Đó là sáu điều chứng cứ của ngài A-nan nêu ra, để người nghe có đủ lòng tin pháp ngài tụng là do Phật nói. Lục chủng chứng tín giống như một biên bản của thư ký trong phiên họp ngày nay vậy.

Chánh văn:

1. Tôi nghe như thế này: Một thuở nọ đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, nơi thành Vương Xá cùng chúng đại Tỳ-kheo một muôn hai nghìn người câu hội. Các vị đó đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, việc lợi mình đã xong, dứt sự ràng rịt trong các cõi, tâm được tự tại. Tên của

các vị đó là: A-nhã Kiều-trần-như, Ma-ha Ca-diếp, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Dà-gia Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nậu-lâu-đà, Kiếp-tân-na, Kiều-phạm-ba-đề, Ly-bà-đa, Tất-lăng-già-bà-ta, Bạc-câu-la, Ma-ha Câu-hy-la, Nan-đà, Tôn-đà-la Nan-đà, Phú-lâu-na-di-đa-la-ni-tử, Tu-bồ-đề, A-nan, La-hầu-la v.v... đó là những vị đại A-la-hán hàng trí thức của chúng.

Lại có bậc hữu học và vô học hai nghìn người.

Bà Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với quyến thuộc sáu nghìn người câu hội. Mẹ của La-hầu-la là bà Tỳ-kheo-ni Da-thâu-đà-la cũng cùng với quyến thuộc câu hội.

2. Bậc đại Bồ-tát tám muôn người đều không thối chuyển ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều chứng đặng pháp đà-la-ni nhạo thuyết biện tài, chuyển nói pháp luân bất thối chuyển, từng cúng dường vô lượng trăm nghìn chư Phật, ở nơi các đức Phật trồng các cội công đức.

Thường được các Phật ngợi khen, dùng đức từ để tu thân, khéo chứng trí tuệ của Phật, thông đạt đại trí đến nơi bờ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giới, có thể độ vô số trăm nghìn chúng sanh.

Tên của các vị đó là: Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đắc Đại Thế Bồ-tát, Thường Tinh Tấn Bồ-tát, Bất Hưu Tức Bồ-tát, Bửu Chưởng Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dõng Thí Bồ-tát, Bửu Nguyệt Bồ-tát, Nguyệt Quang Bồ-tát, Mãn Nguyệt

Bồ-tát, Đại Lực Bồ-tát, Vô Lượng Lực Bồ-tát, Việt Tam Giới Bồ-tát, Bạt-đà-bà-la Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, Bửu Tích Bồ-tát, Đạo Sư Bồ-tát v.v... các vị đại Bồ-tát như thế tám muôn người câu hội.

3. Lúc bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân cùng quyến thuộc hai muôn vị thiên tử câu hội.

Lại có Minh Nguyệt thiên tử, Phổ Hương thiên tử, Bửu Quang thiên tử, bốn vị đại thiên vương cùng với quyến thuộc một muôn thiên tử câu hội. Tự Tại thiên tử, Đại Tự Tại thiên tử, cùng với quyến thuộc ba vạn thiên tử câu hội.

Chủ cõi Ta-bà: Phạm thiên vương, Thi-khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm v.v... cùng với quyến thuộc một muôn hai nghìn vị thiên tử câu hội.

Có tám vị long vương: Nan-đà long vương, Bạt-nan-đà long vương, Ta-già-la long vương, Hòa-tu-kiết long vương, Đức-xoa-ca long vương, A-na-bà-đạt-đa long vương, Ma-na-tư long vương, Ưu-bát-la long vương v.v... đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị khẩn-na-la vương: Pháp khẩn-na-la vương, Diệu Pháp khẩn-na-la vương, Đại Pháp khẩn-na-la vương, Trì Pháp khẩn-na-la vương đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị càn-thát-bà vương: Nhạc càn-thát-bà vương, Nhạc Âm càn-thát-bà vương, Mỹ càn-thát-bà vương, Mỹ Âm càn-thát-bà vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị a-tu-la vương: Bà-trĩ a-tu-la vương, Khư-la-khiên-đà a-tu-la vương, Tỳ-ma-chất-đa-la a-tu-la vương, La-hầu a-tu-la vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Có bốn vị Ca-lầu-la vương: Đại Oai Đức ca-lầu-la vương, Đại Thân ca-lầu-la vương, Đại Mãn ca-lầu-la vương, Như Ý ca-lầu-la vương, đều cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy, cùng bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc câu hội.

Cả chúng đều lễ chân Phật, lui ngồi một phía.

Giảng:

Tôi nghe: chỉ cho tôn giả A-nan, người nghe và thuật lại kinh này - Văn thành tựu.

Như thế này: chỉ pháp mà ngài A-nan nghe Phật nói, đó là kinh Pháp Hoa - Tín thành tựu.

Một thuở nọ: là thời gian nói kinh. Xưa, thời gian mỗi nơi mỗi khác, không thống nhất, nên chỉ nói một thuở nọ, chứ không nói ngày mấy, tháng mấy, lúc mấy giờ - Thời thành tựu.

Đức Phật: là vị chủ tọa trong buổi thuyết pháp - Chủ thành tựu.

Núi Kỳ-xà-quật: nơi thành Vương Xá là chỗ Phật thuyết pháp - Xứ thành tựu.

Chúng đại Tỳ-kheo một muôn hai nghìn người là bậc A-la-hán, như A-nhã Kiều-trần-như... hàng Tỳ-kheo

hữu học và vô học có trên hai ngàn người. Các Tỳ-kheo-ni như Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Da-thâu-đà-la và quyến thuộc. Hàng Bồ-tát có tới tám muôn như Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát Quán Âm... Thích-đề-hoàn-nhân và quyến thuộc. Tứ thiên vương và quyến thuộc. Phạm thiên vương và các vị trời cùng với quyến thuộc. Long vương và quyến thuộc. Khẩn-na-la vương cùng quyến thuộc. Càn-thát-bà vương cùng quyến thuộc. A-tu-la vương cùng quyến thuộc. Ca-lầu-la vương cùng với quyến thuộc. Vua A-xà-thế cùng với quyến thuộc: là những cử tọa đến nghe pháp - Chúng thành tựu.

Sáu điều trên đây gọi là lục chủng chứng tín, nghĩa là sáu điều làm bằng chứng để cho chúng ta tin Kinh này không phải ngài A-nan tự ý nói, mà chính ngài đã cùng nghe với thính chúng và thuật lại.

Chánh văn:

4. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, hàng tứ chúng vây quanh cúng dường cung kính ngợi khen tôn trọng, vì các vị Bồ-tát mà nói kinh Đại thừa tên là "Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm".

Giảng:

Kinh Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm là bộ kinh có nghĩa lý sâu rộng, không thể nghĩ lường được. Kinh này dạy cho hàng Bồ-tát tu để thành Phật, và chính Kinh này là chỗ mà chư Phật hằng hộ niệm. Đoạn này không ghi Phật nói kinh như thế nào, chỉ nói tổng quát là *kinh Đại thừa tên Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm*.

Chánh văn:

Nói Kinh này xong, đức Phật ngồi xếp bằng nhập vào chánh định "Vô lượng nghĩa xứ", thân và tâm của Phật đều không lay động.

Giảng:

Từ trước, Phật tùy theo căn cơ cao thấp của chúng sanh mà phương tiện nói kinh nghĩa lý hữu lượng, chứ kinh vô lượng liễu nghĩa thì chưa từng nói. Nay thấy căn cơ đệ tử đã thuần thục, Phật mới nói kinh Vô Lượng Nghĩa và nhập chánh định tên là Vô lượng nghĩa xứ, để chuẩn bị tư thế nói kinh Pháp Hoa là chân lý tuyệt đối.

Chánh văn:

Khi đó trời mưa hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha mạn-thù-sa, để rải trên đức Phật cùng hàng đại chúng; khắp cõi Phật sáu điệu vang động.

Lúc bấy giờ, trong chúng hội, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ, trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân và các vị tiểu vương cùng Chuyển luân thánh vương, các đại chúng ấy đều được thấy việc chưa từng có, vui mừng chắp tay một lòng nhìn Phật.

Giảng:

Khi Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa xong, ngài nhập định thì chư thiên rải hoa cúng dường, quả đất rúng động, phát ra sáu thứ âm thanh vi diệu. Bấy giờ,

thính chúng trong hội thấy việc chưa từng có, nên vui mừng chắp tay một lòng hướng về đức Phật mắt không tạm rời.

Chánh văn:

5. Bấy giờ, đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chặng mày phát ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn cõi nước ở phương đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A-tỳ, trên suốt thấu trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia.

Giảng:

Đoạn này dùng hình ảnh để hiển bày cái chân thật tuyệt đối, đó là tri kiến Phật. Sở dĩ không dùng ngôn ngữ để diễn tả, là vì mọi ngôn ngữ đều ở trong vòng tương đối, không thể nói lên pháp tuyệt đối. Hai chân mày là hai bên, chỉ cho pháp tương đối: có không, phải quấy, tốt xấu... Lông trắng giữa chặng mày tượng trưng cho lý trung đạo không kẹt hai bên đối đãi. Hào quang là ánh sáng, tượng trưng cho trí tuệ Phật. Qua hình ảnh tượng trưng đó, nếu chúng ta biết xoay lại mình để tu tập như lời dạy của tổ Bá Trượng, mới thấy được ý nghĩa huyền diệu của kinh Đại thừa. Người không còn kẹt hai bên là người hằng sống với lý trung đạo, thì được trí tuệ viên mãn. Trí tuệ viên mãn là trí tuệ Phật thênh thang rộng lớn, nên soi rọi thấu suốt một muôn tám nghìn cõi ở phương đông, từ địa ngục cho tới cõi trời Sắc Cứu Cánh. Nếu nương theo trí tuệ Phật thì chúng ta sẽ thấy rõ các cõi, biết rõ nhân quả của sáu loài chúng sanh

luân hồi trong lục đạo, và cũng thấu suốt được nguyên nhân tu hành cùng quả báo của các vị Tỳ-kheo, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Ở đây có điều khiến cho chúng ta nghi vấn, là tại sao hào quang Phật chỉ soi thấu về phương đông mà không soi về các phương khác? Phương đông là phía mặt trời mọc, ánh sáng của ngày bắt đầu từ phương đông, chiếu rọi khắp cả. Còn phương tây là phía mặt trời lặn, ánh sáng của ngày mờ dần và tắt hẳn. Phật muốn chỉ cho mọi người trí tuệ cứu cánh của Phật thấu suốt tất cả pháp, nên ngài dùng phương đông là phương mở màn cho ánh sáng ban mai để làm thí dụ.

Chánh văn:

Lại thấy các đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe kinh pháp của các đức Phật ấy nói. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ, những người tu hành đắc đạo.

Lại thấy các vị đại Bồ-tát dùng các món nhân duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ-tát. Lại thấy đức Phật nhập Niết-bàn, lại thấy sau khi các đức Phật nhập Niết-bàn, đem xá-lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu.

Giảng:

Qua đoạn này, chúng ta thấy cái nhìn của đạo Phật rất rộng rãi, chỉ một phương đông thôi mà thấy có một muôn tám nghìn cõi. Nếu trông cả mười phương hay cả vũ trụ thì sẽ thấy vô số cõi nước không thể tính đếm. Vì vậy mà trong Kinh nói hằng hà sa số cõi Phật. Điều mà đức Phật nói cách đây trên hai ngàn năm trăm

năm thì hiện nay các nhà khoa học đã chứng minh một cách cụ thể, là trong vũ trụ ngoài quả đất chúng ta đang ở còn có vô số hành tinh, gần nhất là mặt trăng, nơi loài người đã từng đặt chân đến đó cách nay không lâu. Bây giờ trong hội chúng nương hào quang Phật, thấy và nghe được các đức Phật ở các cõi ấy nói pháp. Rồi cũng thấy thính chúng của các đức Phật ở các cõi ấy tu hành đắc đạo. Chẳng những thấy Phật, Bồ-tát, thính chúng ở các cõi khác, mà còn thấy Phật nhập Niết-bàn. Lại thấy sau khi Phật nhập Niết-bàn, xá-lợi Phật được dựng tháp bằng bảy báu để cúng dường.

Chánh văn:

6. Khi ấy, ngài Di-lặc Bồ-tát nghĩ rằng: "Hôm nay đức Thế Tôn hiện thần biến tướng, vì nhân duyên gì mà có điềm lành này? Nay đức Phật đương nhập chánh định, việc biến hiện hy hữu không thể nghĩ bàn này nên hỏi ai, ai đáp được?"

Ngài lại nghĩ: "Ông Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi này đã từng gần gũi cúng dường vô lượng các đức Phật đời quá khứ, chắc đã thấy tướng hy hữu này, ta nay nên hỏi ông"

Lúc đó, hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ và các trời, rồng, quỷ, thần v.v... đều nghĩ rằng: "Tướng thần thông sáng chói của đức Phật hiện đây, nay nên hỏi ai?"

7. Bấy giờ, ngài Di-lặc Bồ-tát muốn giải quyết chỗ nghi của mình, ngài lại xét tâm niệm của bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ và của

cả chúng hội trời, rồng, quỷ, thần v.v... mà hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi rằng:

Vì nhân duyên gì mà có tướng lành thần thông này, Phật phóng ánh sáng lớn soi khắp một muôn tám nghìn cõi ở phương đông, đều thấy cõi nước trang nghiêm của các đức Phật?

Giảng:

Theo Duy thức học thì Bồ-tát Di-lặc tượng trưng cho Thức phân biệt. Bởi Thức phân biệt nên không thể hiểu được những hình ảnh biểu trưng tri kiến Phật (lý trung đạo), vì tri kiến Phật vượt khỏi pháp nhị nguyên tương đối của thế gian. Bồ-tát Văn-thù tượng trưng cho căn bản trí hay bản giác có sẵn nơi mỗi chúng sanh. Do gần gũi, bảo hộ, cúng dường, thâm nhập tri kiến Phật nên ngài mới hiểu được những điềm lành mà Phật hiện ra; vì vậy Bồ-tát Di-lặc mới có dự ý thưa hỏi. Đây là những vị Bồ-tát tượng trưng để nói lên ý nghĩa thâm sâu trong việc tu hành của mỗi người chúng ta, chứ không phải là hàng Bồ-tát đi hoằng truyền chánh pháp giáo hóa chúng sanh trong đời.

Đa số kinh Đại thừa, phẩm đầu thường là Bồ-tát Văn-thù thưa hỏi và phẩm kết thúc là hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Như kinh Pháp Hoa, mở đầu là Bồ-tát Văn-thù giải nghi cho Bồ-tát Di-lặc và bốn chúng, phần cuối cùng nêu lên hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Bồ-tát Phổ Hiền tượng trưng cho trí sai biệt. Trí căn bản là trí đã có sẵn, bởi vô minh vọng tưởng che phủ nên

không hiển lộ. Nhờ tu hành lần lần sạch hết vô minh phiền não, trí căn bản mới hiển hiện tròn sáng. Lúc đó có đủ diệu dụng, tùy duyên giáo hóa chúng sanh gọi là trí sai biệt. Chúng sanh căn cơ trình độ không đồng nhau, kẻ đần độn, người lanh lợi, trí sai biệt của Phật có đủ diệu lực thấu suốt trình độ sai biệt ấy, nên tùy theo căn cơ mà phương tiện nói pháp sai biệt giáo hóa họ. Chính trí sai biệt làm căn bản cho hàng Bồ-tát hành hạnh lợi tha không lười mỏi, không thối chuyển. Vì chúng ta tu chưa được viên mãn, chưa có trí sai biệt, khi hành hạnh lợi tha mà không biết trình độ căn cơ của chúng sanh, không rõ được cái gốc đau khổ của muôn loài, nói pháp chỉ khế lý mà không khế cơ, nên người nghe không tin không theo tu học; kết quả là giúp người mà người không hết khổ, chán nản nên thối Bồ-đề tâm. Lỗi đó không phải tại người cứng đầu không chịu nghe, mà tại mình chưa có trí sai biệt biết rõ căn cơ trình độ của người, để nói pháp hợp thời đúng bệnh. Nếu nói pháp hợp thời đúng bệnh thì người nghe mới kính tin vâng theo mà tu tập hết khổ đau. Sở dĩ người không nghe là vì chúng ta nói pháp không đúng bệnh, không hợp thời, khiến người nghe không tin, bất mãn, xa lánh. Đó là muốn giúp người được lợi ích mà hóa ra hại người mất tín tâm, lỗi đó là tại mình. Vì vậy nếu được trí sai biệt thì sự giáo hóa chẳng những khiến chúng sanh được lợi ích, mà người giáo hóa cũng không lười mỏi, không chán nản, nên mới gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền.

Phần Trùng tụng là phần lặp lại ý của văn Trường hàng ở trên, nhưng lặp lại có phần chi tiết.

Chánh văn:

Khi đó, ngài Di-lặc muốn nói lại nghĩa trên, dùng kệ hỏi rằng:

8. Ngài Văn-thù-sư-lợi!
Đức Đạo sư cớ chi
Lông trắng giữa chặng mày
Phóng ánh sáng khắp soi,
Trời mưa hoa mạn-đà
Cùng hoa mạn-thù-sa
Gió thơm mùi chiên-đàn
Vui đẹp lòng đại chúng?
Vì nhân duyên như vậy
Cõi đất đều nghiêm tịnh
Mà trong thế giới này
Sáu điệu vang động lên,
Bấy giờ bốn bộ chúng
Thảy đều rất vui mừng
Thân cùng ý thơ thới
Đặng việc chưa từng có.

Giảng:

Đoạn này lặp lại chỗ nghi vấn của Bồ-tát Di-lặc và hội chúng về hình tướng biểu trưng cho cái chân thật tuyệt đối.

Chánh văn:

9. Ánh sáng giữa chặng mày
Soi suốt thẳng phương đông
Một muôn tám nghìn cõi
Đều ánh như sắc vàng
Từ địa ngục A-tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh
Trong các thế giới đó
Cả sáu đạo chúng sanh
Sống chết của kia đến
Nghiệp duyên lành cùng dữ
Thọ báo có tốt xấu
Tại đây đều thấy rõ.

Giảng:

Nương ánh sáng do Phật phóng ra, mà cả hội chúng đồng thấy tất cả nhân quả luân hồi của sáu loài chúng sanh, ở một muôn tám nghìn cõi nước về phương đông.

Chánh văn:

10. Lại thấy các đức Phật
Đấng thánh chúa Sư tử
Diễn nói các kinh điển
Nhiệm mầu bậc thứ nhất.
Tiếng của ngài thanh tịnh

Giọng nói ra êm dịu
Dạy bảo các Bồ-tát
Vô số ức muôn người
Tiếng Phạm âm thâm diệu
Khiến người đều ưa nghe.
Các Phật ở cõi mình
Mà giảng nói chánh pháp
Dùng nhiều món nhân duyên
Cùng vô lượng tỷ dụ
Để soi rõ Phật pháp
Mà khai ngộ chúng sanh.
Nếu có người bị khổ
Nhàm lìa già, bệnh, chết,
Phật vì nói Niết-bàn
Để dứt các ngằn khổ.
Nếu là người có phước
Đã từng cúng dường Phật
Chí cầu pháp thù thắng
Vì nói hạnh Duyên giác.
Nếu lại có Phật tử
Tu tập các công hạnh
Để cầu tuệ Vô thượng
Phật vì nói tịnh đạo.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc cùng bốn chúng thấy các đức Phật đang ở cõi nước của các ngài với Phạm âm vi diệu, tùy căn

cơ dùng phương tiện nói pháp khai ngộ cho hàng Thanh văn, Duyên giác.

Chánh văn:

11. Ngài Văn-thù-sư-lợi!
Tôi ở tại nơi đây
Thấy nghe dường ấy đó
Và nghìn ức việc khác
Thấy rất nhiều như thế
Nay sẽ lược nói ra:

12. Tôi thấy ở cõi kia
Có hằng sa Bồ-tát
Dùng các món nhân duyên
Mà cầu chứng Phật đạo.
Hoặc có vị bố thí
Vàng, bạc, ngọc, san hô,
Trân châu, ngọc như ý,
Ngọc xa cừ, mã não,
Kim cương, các trân bảo,
Cùng tôi tớ, xe cộ,
Kiệu, cáng chưng châu báu
Vui vẻ đem bố thí
Hồi hướng về Phật đạo
Nguyện đặng chứng thừa ấy
Bậc nhất của ba cõi
Các Phật hằng khen ngợi.
Hoặc có vị Bồ-tát

Xe tứ mã, xe báu,
Bao lơn che tàng đẹp
Trau tria dùng bố thí.
Lại thấy có Bồ-tát
Bố thí cả vợ con,
Thân thịt cùng tay chân
Để cầu Vô thượng đạo.
Lại thấy có Bồ-tát
Đầu mắt và thân thể
Đều ưa vui thí cho
Để cầu trí tuệ Phật.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc tường trình chỗ thấy nghe của ngài, như có vô số Bồ-tát bố thí vàng bạc, châu báu, bố thí xe cộ, bố thí thân mạng, vợ con để cầu Phật đạo.

Chánh văn:

13. Ngài Văn-thù-sư-lợi!
Ta thấy các quốc vương
Qua đến chỗ của Phật
Thưa hỏi đạo Vô thượng
Bèn bỏ nước vui vẻ,
Cung điện cả thần thiếp,
Cạo sạch râu lẫn tóc
Mà mặc y pháp phục.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc lại thấy các quốc vương thưa hỏi đạo Vô thượng, rồi bèn bỏ nước, bỏ ngôi vua, quần thần, thê thiếp, cạo bỏ râu tóc xuất gia.

Chánh văn:

Hoặc lại thấy Bồ-tát
Mà hiện làm Tỳ-kheo
Một mình ở vắng vẻ
Ưa vui tụng Kinh điển.
Cũng thấy có Bồ-tát
Dõng mãnh và tinh tấn
Vào ở nơi thâm sơn
Suy xét mối Phật đạo.
Và thấy bậc ly dục
Thường ở chỗ không nhàn
Sâu tu các thiền định
Đặng năm món thần thông.
Và thấy vị Bồ-tát
Chắp tay trụ thiền định
Dùng nghìn muôn bài kệ
Khen ngợi các Pháp vương.
Lại thấy có Bồ-tát
Trí sâu chí bền chắc
Hay hỏi các đức Phật

Nghe rồi đều thọ trì.
Lại thấy hàng Phật tử
Định tuệ trọn đầy đủ
Dùng vô lượng tỷ dụ
Vì chúng mà giảng pháp
Vui ưa nói các pháp
Dạy bảo các Bồ-tát
Phá dẹp chúng binh ma
Mà đánh rền trống pháp.
Cùng thấy vị Bồ-tát
Vắng bặt yên lặng ngồi
Trời, rồng đều cung kính
Chẳng lấy đó làm mừng.
Và thấy có Bồ-tát
Ở rừng phóng hào quang
Cứu khổ chốn địa ngục
Khiến đều vào Phật đạo.
Lại thấy hàng Phật tử
Chưa từng có ngủ nghỉ
Kinh hành ở trong rừng
Siêng năng cầu Phật đạo.
Cũng thấy đủ giới đức
Oai nghi không thiếu sót
Lòng sạch như bảo châu
Để cầu chứng Phật đạo.

Và thấy hàng Phật tử
Trụ vào sức nhẫn nhục
Bị kẻ tăng thượng mạn
Mắng rủa cùng đánh đập,
Thảy đều hay nhẫn được
Để cầu chứng Phật đạo.
Lại thấy có Bồ-tát
Xa rời sự chơi cười
Và quyến thuộc ngu si
Ưa gần gũi người trí
Chuyên tâm trừ loạn động
Nhiếp niệm ở núi rừng
Trải ức nghìn muôn năm
Để cầu được Phật đạo.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc cùng hội chúng thấy các Bồ-tát ở nơi vắng vẻ, mỗi vị dùng mọi phương tiện tu hành khác nhau để cầu Phật đạo.

Chánh văn:

14. Lại thấy vị Bồ-tát
Đồ ăn uống ngọt ngon
Cùng trăm món thuốc thang
Đem cúng Phật và Tăng,
Áo tốt đồ thượng phục

Giá đáng đến nghìn muôn
Hoặc là vô giá y
Đem cúng Phật và Tăng,
Dùng nghìn muôn ức thứ
Nhà báu bằng chiên-đàn
Các giường nằm tốt đẹp
Để cúng Phật cùng Tăng,
Rừng vườn rất thanh tịnh
Bông trái đều sum suê
Suối chảy cùng ao tắm
Cúng dường Phật và Tăng,
Cúng thí như thế đó
Các đồ cúng tốt đẹp
Vui vẻ không hề nhàm
Để cầu đạo Vô thượng.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc thấy Bồ-tát ở cõi kia cúng dường tứ sự quý giá cho Phật và Tăng để cầu đạo Vô thượng.

Chánh văn:

15. Lại có vị Bồ-tát
Giảng nói pháp tịch diệt
Dùng các lời dạy dỗ
Dạy vô số chúng sanh.
Hoặc thấy vị Bồ-tát

Quán sát các pháp tánh
Đều không có hai tướng
Cũng như khoảng hư không.
Lại thấy hàng Phật tử
Tâm không chỗ mê đắm
Dùng món diệu tuệ này
Mà cầu đạo Vô thượng.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc thấy Bồ-tát các cõi kia, vị thì dùng pháp tịch diệt giáo hóa chúng sanh, vị thì quán pháp tánh không hai, vị thì ly dục dùng trí tuệ nhiệm mầu cầu Phật đạo.

Chánh văn:

16. Ngài Văn-thù-sư-lợi!
Lại có vị Bồ-tát
Sau khi Phật diệt độ
Cúng dường xá-lợi Phật.
Lại thấy hàng Phật tử
Xây dựng các tháp miếu
Nhiều vô số hằng sa
Nghiêm sức khắp cõi nước.
Bảo tháp rất cao đẹp
Đều năm nghìn do-tuần
Bề ngang rộng xứng nhau
Đều hai nghìn do-tuần.

Trong mỗi mỗi tháp miếu
Đều có nghìn tràng phan
Màn châu xen thả xuống
Tiếng linh báu hòa reo.
Các vị trời, rồng, thần,
Người cùng với phi nhân
Hương, hoa cùng kỹ nhạc
Thường đem đến cúng dường.
Ngài Văn-thù-sư-lợi!
Các hàng Phật tử kia
Vì cúng dường xá-lợi
Nên trang sức tháp miếu
Cõi quốc giới tự nhiên
Thù đặc rất tốt đẹp
Như cây Thiên thọ vương
Bông kia đương xòe nở.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc thấy Phật ở cõi kia tịch diệt, Bồ-tát xây vô số bảo tháp cao đẹp quý báu, trang hoàng cờ, phướn, màn, linh. Rồi trời, người, rồng, thần dâng hương hoa kỹ nhạc để cúng dường xá-lợi Phật.

Chánh văn:

17. Phật phóng một luồng sáng
Ta cùng cả chúng hội

Thấy nơi cõi nước này
Các thứ rất tốt đẹp
Thần lực của chư Phật
Trí tuệ đều hy hữu
Phóng một luồng tịnh quang
Soi khắp vô lượng cõi
Chúng ta thấy việc này
Đặng điều chưa từng có.

18. Xin Phật tử Văn-thù
Giải quyết lòng chúng nghi
Bốn chúng đều mong ngóng
Nhìn ngài và nhìn ta
Đức Thế Tôn cớ chi
Phóng ánh quang minh này?
Phật tử phải thời đáp
Quyết nghi cho chúng mừng
Có những lợi ích gì
Đức Phật phóng quang này?
Khi Phật ngồi đạo tràng
Chứng đặng pháp thâm diệu
Vì muốn nói pháp đó
Hay là sẽ thọ ký?
Hiện bày các cõi Phật
Các báu sạch trang nghiêm

Cùng thấy các đức Phật
Đây không phải cớ nhỏ
Ngài Văn-thù nên biết
Bốn chúng và long, thần
Nhìn xem xét ngài đó
Mong sẽ nói những gì?

Giảng:

Vì Bồ-tát Di-lặc cùng hội chúng nương hào quang của Phật, thấy được những việc chưa từng có ở các cõi nước của chư Phật khác, nên yêu cầu Bồ-tát Văn-thù giải nghi về những điềm lành mà Phật hiện: Có phải Phật sắp nói pháp hay sắp thọ ký chăng? Xin ngài giải đáp cho, vì đại chúng đang trông cậy ngài.

Chánh văn:

19. Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi nói với ngài Di-lặc Đại Bồ-tát cùng các vị đại sĩ:

Các thiện nam tử! Như chỗ ta xét nghĩ thời nay đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, mưa pháp vũ lớn, thổi pháp loa lớn, đánh pháp cổ lớn và diễn pháp nghĩa lớn.

Các thiện nam tử! Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ thấy điềm lành này, Phật kia phóng hào quang đó rồi liền nói pháp lớn. Cho nên chắc biết rằng hôm nay đức Phật hiện hào quang cũng lại như vậy. Phật vì muốn cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mầu mà tất cả trong đời khó tin theo, cho nên hiện điềm lành này.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù trả lời: Sở dĩ Phật hiện những tướng nhiệm mầu đó, là vì ngài sắp nói pháp Đại thừa. Và Bồ-tát Văn-thù xác nhận là ngài đã từng gần gũi các đức Phật đời quá khứ, nên ngài biết mỗi khi Phật hiện điềm lành là Phật sắp nói pháp Đại thừa nghĩa lý rất sâu xa, người đời không thể tin nổi. Thông thường, với con mắt người phàm chỉ tin những gì mắt thấy tai nghe được. Còn tri kiến Phật mà Phật sắp nói ở đây là diệu pháp không hình không tướng nên khó tin. Bởi pháp khó tin, nên trước khi nói Phật phải hiện những tướng lạ để cho người tin, rồi ngài mới nói pháp chân thật tuyệt đối, thì khả dĩ họ mới tin.

Chánh văn:

20. Các thiện nam tử! Như vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp về trước. Bấy giờ, có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, diễn nói chánh pháp. Ban đầu, giữa, rốt sau ba chặng đều lành, nghĩa lý rất sâu xa, lời lẽ khéo mầu, thuần một không tạp, đầy đủ cả tướng phạm hạnh thanh bạch.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù nói: *Vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp về trước, có đức Phật tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh.* Nhật là mặt trời, Nguyệt là mặt trăng, Đăng là đèn,

Minh là sáng. Phật có trí tuệ sáng suốt như mặt trời, mặt trăng và đèn. Tất cả ánh sáng thế gian đều phát ra từ mặt trời, mặt trăng và đèn. Nói cách khác là trí tuệ Phật sáng suốt viên mãn không khiếm khuyết. Vì vậy, tượng trưng cho trí tuệ viên mãn của Phật là Nhật Nguyệt Đăng. Mười hiệu của Phật hàm ý nghĩa sau:

- *Như Lai*: Như là như như bất động bất biến, chỉ cho tâm thể chân thật có sẵn ở mỗi người, tượng trưng là Bồ-tát Văn-thù. Lai là tùy duyên, tu khi viên mãn công hạnh, đầy đủ trí sai biệt, thì tùy duyên giáo hóa chúng sanh, tượng trưng là Bồ-tát Phổ Hiền.

- *Ứng Cúng*: xứng đáng cho người, trời cúng dường.

- *Chánh Biến Tri*: biết chân chánh khắp giáp tất cả.

- *Minh Hạnh Túc*: đầy đủ công hạnh, tức là đủ tam minh và lục thông.

- *Thiện Thệ*: khéo qua biển sanh tử đến Niết-bàn.

- *Thế Gian Giải*: thấu suốt tất cả các pháp thế gian.

- *Vô Thượng Sĩ*: kẻ sĩ cao tột không ai hơn.

- *Điều Ngự Trượng Phu*: bậc trượng phu có khả năng điều phục được tất cả mọi người từ trí đến ngu.

- *Thiên Nhân Sư*: bậc thầy của trời, người.

- *Phật Thế Tôn*: bậc giác ngộ mà người đời cung kính, tôn trọng.

Người giác ngộ thể nhập được trí tuệ viên mãn thì gọi là Phật. Khi đã thành Phật thì những lời Phật nói ra

rất sâu xa nhiệm mầu, ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều như một không sai trái, giúp cho người tu được thanh tịnh sáng suốt nên được coi là chân lý. Chẳng hạn Phật nói: *Các pháp thế gian là vô thường, chúng sanh thì đau khổ*. Xưa, con người sanh ra, lớn lên rồi phải già, bệnh, chết. Ngày nay, con người sanh ra cũng không tránh khỏi lão, bệnh, tử. Và mai kia, nếu con người có mặt ở cõi đời này cũng chẳng thoát khỏi nỗi khổ của sanh, già, bệnh, chết. Như vậy, điều Phật nói cách nay trên hai ngàn năm trăm năm, trải qua ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều như một, không biến dịch, không phải chân lý là gì? Ngày nay, chúng ta vì chưa được trí tuệ Phật, thấy biết không đúng lẽ thật, nên nói ra điều gì mới nghe qua thấy hợp lý, nhưng ít tháng sau hoặc ít năm sau thì không còn đúng nữa, nên không được coi là chân lý.

Chánh văn:

Phật, vì người cầu đạo Thanh văn, nói pháp Tứ đế thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết cứu cánh Niết-bàn. Vì hạng cầu quả Duyên giác, nói pháp Mười hai nhân duyên. Vì hàng Bồ-tát nói sáu pháp ba-la-mật làm cho chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành bậc Nhất thiết chủng trí.

Giảng:

Vì Phật có đủ trí sai biệt, biết rõ hạnh nguyện của người tu, nên tùy duyên ứng hóa làm lợi ích cho tất cả. Nếu người muốn thoát khổ cầu đạo Thanh văn, Phật nói pháp Tứ đế độ cho thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, được cứu cánh Niết-bàn. Nếu người trí tuệ khá hơn, cầu quả

Duyên giác, Phật sẽ nói pháp Mười hai nhân duyên. Nếu là hàng Bồ-tát, Phật sẽ *nói sáu pháp ba-la-mật làm cho chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thành bậc Nhất thiết chủng trí* tức là thành Phật. Tùy theo căn cơ cao thấp mà Phật nói pháp có sai biệt để hết thảy người tu đều đạt được sở nguyện của mình.

Chánh văn:

Kế lại, có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại có đức Phật cũng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế đến hai muôn đức Phật đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, lại cùng đồng một họ, họ Phả-la-đọa.

Giảng:

Tất cả chư Phật có đến hai muôn đều đồng một hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Tại sao Phật nhiều như thế mà chỉ cùng một hiệu? Như trước đã nói, Nhật Nguyệt Đăng Minh là chỉ cho trí tuệ sáng suốt viên mãn, tất cả chư Phật khi thành Phật đều có trí tuệ sáng suốt viên mãn như nhau, vì vậy mà đồng một hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh.

Chánh văn:

Di-lặc nên biết! Đức Phật trước, đức Phật sau đều đồng một tên, hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu, những pháp được nói ra, đầu, giữa, sau đều lành.

Đức Phật rốt sau cả, lúc chưa xuất gia có tám vị vương tử: Người thứ nhất tên Hữu Ý, thứ hai tên

Thiện Ý, thứ ba tên Vô Lượng Ý, thứ tư tên Bửu Ý, thứ năm tên Tăng Ý, thứ sáu tên Trừ Nghi Ý, thứ bảy tên Hướng Ý, thứ tám tên Pháp Ý.

Giảng:

Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh lúc chưa xuất gia là chỉ cho chúng sanh khi chưa tu. Theo kinh Lăng-già thì mọi chúng sanh đều có Như Lai tàng, nhưng vì quên (mê) Như Lai tàng nên biến thành tàng thức. Khi biến thành tàng thức rồi thì có bảy thức thân theo. Tám vương tử là tượng trưng cho tám thức; còn Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh là chỉ cho Như Lai tàng hay là Phật tánh. Chúng sanh có Phật tánh mà quên (mê) Phật tánh nên biến thành thức. Mà thức thì hay phân biệt nên đây để tên là Ý. Do thức hay phân biệt nên lưu chuyển trong lục đạo, sanh tử luân hồi.

Chánh văn:

Tám vị vương tử đó có oai đức tự tại, đều lãnh trị bốn châu thiên hạ. Nghe vua cha xuất gia chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều bỏ ngôi vua, cũng xuất gia theo, phát tâm Đại thừa, thường tu hạnh thanh tịnh, đều làm bậc Pháp sư, thuở trước đã từng ở chỗ nghìn muôn đức Phật vun trồng các cội lành.

Giảng:

Tám vị vương tử có oai đức tự tại cai trị bốn châu thiên hạ, là chỉ cho tám thức có công năng phân biệt khắp tất cả pháp. Mắt thì nhìn trước, ngó sau, xem phải,

thấy trái phân biệt sắc pháp rất tinh tường. Tai thì nghe âm thanh của bốn phía, phân biệt trầm bổng, hay dở... một cách rành rẽ. Mũi ngửi mùi từ mọi nơi bay tới phân biệt thơm, thúi, tanh, hôi... một cách rõ ràng. Khi nghe vua cha xuất gia, tám vị vương tử liền xuất gia theo; ý nói khi tàng thức chuyển thành Như Lai tàng thì tám thức cũng chuyển thành trí, có nghĩa là chúng sanh khi chưa xuất gia (mê) thì có tám thức phân biệt, rồi tạo nghiệp nên phải luân hồi trong lục đạo. Khi ngộ thì tám thức quy về với tánh giác, không còn phân biệt lăng xăng nữa mà vẫn biết rõ ràng (liễu liễu thường tri) đó là trí.

Chánh văn:

21. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh lúc đó nói kinh Đại thừa tên "Vô Lượng Nghĩa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm". Nói Kinh đó rồi, Phật liền ở trong đại chúng ngồi xếp bằng nhập vào cảnh chánh định "Vô lượng nghĩa xứ", thân và tâm chẳng động.

22. Khi ấy trời mưa hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa cùng hoa ma-ha mạn-thù-sa để rải trên đức Phật và hàng đại chúng. Khắp cõi nước Phật sáu điệu vang động.

Lúc đó trong hội, hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ, trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân cùng các vị tiểu vương, các vị Chuyển luân thánh vương v.v... các đại chúng đó được điều chưa từng có, mừng rỡ chắp tay một lòng nhìn Phật.

23. Bấy giờ, đức Như Lai từ tướng lông trắng giữa chặng mày phóng ra luồng ánh sáng soi khắp cùng cả một muôn tám nghìn cõi nước ở phương đông, như nay đương thấy ở cõi Phật đây.

Di-lặc nên biết! Khi đó trong hội có hai mươi ức Bồ-tát ưa muốn nghe pháp, các vị Bồ-tát ấy thấy ánh sáng chiếu khắp các cõi Phật được điều chưa từng có, đều muốn biết vì duyên cớ gì mà phóng ánh sáng này.

Khi ấy có vị Bồ-tát hiệu Diệu Quang có tám trăm người đệ tử.

Giảng:

Đoạn này Bồ-tát Văn-thù lặp lại những hiện tướng lạ sau khi Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa. Tuy thời gian khác nhau, nhưng tướng hiện không khác. Song, xưa kia là Bồ-tát Diệu Quang, nay trong hội Linh Sơn là Bồ-tát Văn-thù, Văn-thù chính là tên sau của Bồ-tát Diệu Quang thuở trước (Diệu Quang có nghĩa là ánh sáng nhiệm mầu, tức là trí căn bản có sẵn nơi mỗi chúng sanh).

Chánh văn:

24. Bấy giờ, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ trong chánh định mà dậy, vì Diệu Quang Bồ-tát nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm trải qua sáu mươi tiểu kiếp chẳng rời chỗ ngồi.

25. Lúc ấy trong hội, người nghe pháp cũng ngồi một chỗ đến sáu mươi tiểu kiếp thân tâm đều

không lay động, nghe đức Phật nói pháp cho là như trong khoảng bữa ăn. Bấy giờ trong chúng không có một người nào hoặc là thân hoặc là tâm mà sanh lười mỏi.

Giảng:

Một tiểu kiếp bằng 16.800.000 năm, sáu chục tiểu kiếp bằng 1.008.000.000 năm. Phật nói pháp trải qua trên một tỷ năm mà Phật cùng với thính chúng thân tâm đều không lay động, không lười mỏi, thấy thời gian như chừng một bữa ăn. Thật là kỳ diệu! Chúng ta chỉ ngồi nghe pháp liên tục khoảng chừng bốn giờ là đã thấy lười mỏi. Thính chúng ở hội này nghe pháp trên một tỷ năm mà thân tâm không lay động, không lười mỏi! Điều này, nếu chúng ta hiểu theo nghĩa thông thường thì không thấy được chân lý, học kinh Đại thừa nếu kẹt trên văn tự thì không thể hiểu nổi. Ở đây, Phật vì Bồ-tát Diệu Quang nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, mà kinh Diệu Pháp Liên Hoa là chỉ cho tri kiến Phật (Phật tánh) có sẵn nơi mỗi chúng sanh. Tri kiến Phật không hình, không tướng, không sanh, không diệt, vượt ngoài không gian và thời gian, Phật nói kinh Pháp Hoa để chỉ tri kiến Phật, thì thời gian và không gian đối với tri kiến Phật là vô nghĩa; nên nói tâm bất động, thân không ăn uống, ngồi lâu cũng chẳng lười mỏi. Nhập được Diệu Pháp Liên Hoa là thể nhập tri kiến Phật của chính mình. Tri kiến Phật vốn không hình tướng, không sanh diệt thì dựa vào đâu để phân biệt thời gian lâu mau, không gian rộng hẹp?

Do đó nói sáu mươi tiểu kiếp thấy như trong khoảng bữa ăn, vì vậy các thiền sư thường nói *nhất niệm vạn niên*, một niệm bằng vạn năm hay vạn năm bằng một niệm là để nói lên ý nghĩa dung nhiếp của pháp tánh.

Chánh văn:

26. Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh trong sáu mươi tiểu kiếp nói Kinh đó rồi, liền ở trong chúng ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, và trời, người, a-tu-la, mà tuyên rằng: "Hôm nay vào nửa đêm, Như Lai sẽ nhập Vô dư Niết-bàn."

Giảng:

Tại sao đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh sau khi nói kinh Pháp Hoa xong, liền tuyên bố giữa đêm sẽ vào Vô dư Niết-bàn? Đây tôi thí dụ như chúng ta có một nghề thiện xảo, muốn để lại cho đời. Nhưng người đang học chưa đủ khả năng để được truyền tuyệt kỹ. Khi thấy họ đủ khả năng thọ nhận, mới trao dạy hết nghề. Và khi đã trao dạy tận tình rồi thì coi như hết bổn phận. Bổn phận đã hết, ở lại là thừa. Cũng vậy bản hoài của chư Phật ra đời cốt là làm sao chỉ cho chúng sanh nhận được tri kiến Phật của chính mình. Mà nhận được tri kiến Phật đó là cái nhân tu; dẹp sạch vô minh vọng tưởng, tri kiến Phật thường hiện tiền, đó là quả Phật. Mục đích cứu cánh mà Phật muốn đưa chúng sanh đến, đó là thể nhập tri kiến Phật. Nhưng vì quá cao, nói ra sợ người nghe không hiểu, hoang mang nên Phật mới nói tam thừa. Vì Thanh văn nói Tứ đế, vì Duyên giác nói Thập nhị

nhân duyên, vì Bồ-tát nói pháp Lục độ ba-la-mật. Mục tiêu cuối cùng mà Phật muốn đưa chúng sanh đến, đó là Phật thừa, tức ngộ nhập tri kiến Phật mà kinh Pháp Hoa chỉ dạy. Sở dĩ Phật muốn chỉ từ trước mà chưa chỉ được, vì là pháp khó hiểu khó tin; đợi khi căn cơ của chúng sanh thuần thục thì ngài nói. Khi nói xong Phật thừa, chúng sanh đã nhận biết được, bản nguyện viên mãn nên ngài nhập Niết-bàn.

Chánh văn:

Khi đó có vị Bồ-tát tên Đức Tạng, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh liền thọ ký cho, bảo các Tỳ-kheo rằng: "Ông Đức Tạng Bồ-tát này kế đây sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng Cúng, Chánh đẳng Chánh giác."

Đức Phật thọ ký xong, vào nửa đêm bèn nhập Vô dư Niết-bàn.

Giảng:

Tại sao Phật nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa với Bồ-tát Diệu Quang mà lại thọ ký cho Bồ-tát Đức Tạng? Bồ-tát Diệu Quang là trí căn bản, mà trí căn bản tức là Phật tánh tròn sáng đâu cần thọ ký. Còn Bồ-tát Đức Tạng là chỉ cho kho công đức khi đã tu hành viên mãn tức là sai biệt trí, tương tự như Bồ-tát Phổ Hiền giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh, khi đầy đủ công đức rồi thì thành Phật. Vì vậy Phật nói pháp là phải nói với Bồ-tát Diệu Quang và khi thọ ký thì phải thọ ký cho Bồ-tát Đức Tạng.

Chánh văn:

27. Sau khi đức Phật diệt độ, Diệu Quang Bồ-tát trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa trải tám mươi tiểu kiếp vì người mà diễn nói.

28. Tám người con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều học với ngài Diệu Quang, ngài Diệu Quang dạy bảo cho đều vững bền ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị vương tử đó cúng dường vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật đều thành Phật đạo. Vị thành Phật rốt sau hết, hiệu là Nhiên Đăng.

Giảng:

Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa và vì người diễn nói. Trong số người được ngài giáo hóa có tám vị vương tử con của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Tám vương tử có đủ lòng tin đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và đều được thành Phật, vị rốt sau thành Phật hiệu là Nhiên Đăng. Nhiên là đốt, Đăng là đèn. Nhiên Đăng là thắp đèn phát ra ánh sáng, ánh sáng đó phát ra từ trí căn bản hướng dẫn tám thức, rũ sạch vọng tưởng phân biệt, trở nên trí tuệ tròn sáng gọi là thành Phật.

Chánh văn:

29. Trong hàng tám trăm người đệ tử có một người tên Cầu Danh, người này tham ưa danh lợi, dầu cũng đọc tụng các kinh mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất, nên gọi là Cầu Danh, người này cũng do có trồng các nhân duyên căn lành nên

được gặp vô lượng trăm ngàn muôn ức đức Phật mà cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi.

30. Di-lặc nên biết! Lúc đó Diệu Quang Bồ-tát đâu phải người nào lạ, chính là ta đấy. Còn Cầu Danh Bồ-tát là Ngài đấy.

Nay thấy điềm lành này, cùng với xưa không khác, cho nên ta xét nghĩ, hôm nay đức Phật Như Lai sẽ nói kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

Giảng:

Phần kết thúc khiến cho chúng ta có những nghi vấn:

1. Bồ-tát Diệu Quang từ trước đã giáo hóa cho bao nhiêu Bồ-tát thành Phật rồi, mà sao bây giờ ngài vẫn còn làm Bồ-tát hiệu là Văn-thù?

2. Trong hội Pháp Hoa, Phật thọ ký cho vô số Bồ-tát thành Phật, thậm chí Bồ-tát Cầu Danh tham ưa danh lợi, tu hành lôi thôi mà cũng được thọ ký cho sau này sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc. Tại sao Phật không thọ ký cho Bồ-tát Văn-thù?

Kinh Lăng-già có nêu lên năm pháp là danh, tướng, vọng tưởng, chánh trí, như như. Nếu còn vọng tưởng tức là còn thức phân biệt, mà Bồ-tát Di-lặc tượng trưng cho thức phân biệt, phân biệt danh, phân biệt tướng nên không thuộc kinh, được gọi là Cầu Danh. Tuy cầu danh, nhưng nhờ có duyên lành nên gặp Phật và tu hành. Khi tu biết rõ vọng tưởng không thật, đó là chánh trí, đã có chánh trí thì trở lại như như tức thành Phật. Mặc dầu

Bồ-tát Cầu Danh (thức) chạy theo danh tướng bên ngoài, nhưng nếu khéo chuyển thì sẽ thành trí, do đó mà được thọ ký thành Phật. Còn Bồ-tát Văn-thù tượng trưng cho trí căn bản, mà trí căn bản là tánh Phật, đã là tánh Phật còn thọ ký thành Phật gì nữa?

Ý nghĩa tổng quát ở đây nêu bày cho chúng ta thấy rằng tất cả mọi chúng sanh đều có sẵn tánh giác, nhờ khéo tu, chuyển thức thành trí, công hạnh độ sanh viên mãn thì thành Phật. Đó là tượng trưng cho trí căn bản và trí sai biệt. trí sai biệt chỉ khi thành Phật mới có, còn trí căn bản mọi người ai cũng có sẵn. Căn cứ vào đâu mà nói mỗi người ai cũng có trí căn bản? Thí dụ có một nắm bổi đang bốc khói, chúng ta biết ngay dưới nắm bổi đó có lửa, hoặc là tàn thuốc hay là cục than. Cũng vậy, nếu chúng ta không có trí căn bản thì động cơ nào thúc đẩy chúng ta phát tâm Bồ-đề cầu giác ngộ, xuất gia học đạo? Phát tâm Bồ-đề là phát tâm giác, mà phát tâm giác là phải có sẵn động cơ giác là trí căn bản. Cũng như nắm bổi bốc khói là do có lửa sẵn mới phát cháy.

Tại sao ai cũng có trí căn bản mà người được thôi thúc phát Bồ-đề tâm đi tu, người thì không phát tâm tu hành? Thí dụ đêm rằm có trăng sáng, nhưng trời chuyển mưa, mây đen kịt, lúc đó trăng vẫn sáng, nhưng vì mây che nên chúng ta thấy bầu trời tối. Nếu chỗ nào mây thưa thì thấy được ánh trăng mờ mờ. Cũng vậy, ai cũng có trí căn bản, nhưng vì vô minh phiền não quá dày nên nó thôi thúc không nổi. Với người vô minh phiền não hơi mỏng, nó liền có công năng hiện ra. Chẳng hạn như những người tu, vô minh có phần mỏng nên trí căn bản

mới thúc đẩy phát tâm cầu giác ngộ giải thoát mà đi tu. Nếu không có động cơ thúc đẩy, dễ gì kham chịu chay lạt, thức khuya, dậy sớm sống phạm hạnh để tu hành! Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới, người thôi thúc khuyến khích Thiện Tài đồng tử đi tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức là Bồ-tát Văn-thù. Khi tham vấn đến vị cuối cùng thì gặp Bồ-tát Phổ Hiền, và ngay lúc đó Bồ-tát Văn-thù cũng xuất hiện. Như vậy để thấy kinh Pháp Hoa cũng như kinh Hoa Nghiêm có chỗ gặp nhau là trí căn bản thúc đẩy người phát tâm cầu giác ngộ, đi tu dẹp hết vô minh phiền não rồi mới thành Phật. Do đó nói Bồ-tát Diệu Quang (trí căn bản) là thầy của chư Phật, dạy các Bồ-tát tu thành Phật hết mà chính ngài chưa thành. Nếu không thông lý căn bản này thì không dễ gì phá được cái nghi trên và biết phương hướng để tu hành.

Chánh văn:

Bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ở trong đại chúng, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

31. Ta nhớ thuở quá khứ
Vô lượng vô số kiếp
Có Phật Nhân Trung Tôn
Hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh
Đức Thế Tôn nói pháp
Độ vô lượng chúng sanh
Vô số ức Bồ-tát
Khiến vào trí tuệ Phật.

32. Khi Phật chưa xuất gia
Có sanh tám vương tử
Thấy Đại Thánh xuất gia
Cũng theo tu phạm hạnh.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù lặp lại lời giải nghi cho Bồ-tát Di-lặc và hội chúng, là thời quá khứ có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói pháp độ vô số chúng được thành Phật. Và tám vương tử thấy ngài đi tu cũng xuất gia theo ngài.

Chánh văn:

33. Phật nói kinh Đại thừa
Tên là Vô Lượng Nghĩa
Ở trong hàng đại chúng
Mà vì rộng tỏ bày.
Phật nói Kinh ấy rồi
Liền ở trong pháp tòa
Xếp bằng nhập chánh định
Tên Vô lượng nghĩa xứ
Trời rưới hoa mạn-đà
Trống trời tự nhiên vang
Các trời, rồng, quỷ, thần
Cúng dường đấng Nhân Tôn
Tất cả các cõi Phật
Tức thời vang động lớn.

Giảng:

Sau khi Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa cho đại chúng nghe xong, ngài liền nhập chánh định và được trời, rồng, quỷ, thần cúng dường hoa, nhạc.

Chánh văn:

34. Phật phóng sáng giữa mày
Hiện các việc hy hữu
Ánh sáng chiếu phương đông
Muôn tám nghìn cõi Phật
Bày sanh tử nghiệp báo
Của tất cả chúng sanh.
Lại thấy các cõi Phật
Dùng các báu trang nghiêm
Màu lưu ly, pha lê
Đây bởi Phật quang soi.
35. Lại thấy những trời, người
Rồng, thần, chúng dạ-xoa
Càn-thát, khẩn-na-la
Đều cúng dường Phật mình.

Giảng:

Nương hào quang của Phật, Bồ-tát Văn-thù thấy nghiệp báo của các loài chúng sanh, những vật báu trang nghiêm cõi Phật, và thấy trời, người, rồng... cúng dường Phật mình ở một muôn tám nghìn cõi Phật.

Chánh văn:

36. Lại thấy các Như Lai
Tự nhiên thành Phật đạo
Màu thân như núi vàng
Đoan nghiêm rất đẹp mầu
Như lưu ly trong sạch
Hiện ra tượng chân kim
Thế Tôn trong đại chúng
Dạy nói nghĩa thâm diệu.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù thấy các Như Lai tự nhiên thành Phật có thân tướng đoan nghiêm, nói pháp thâm diệu.

Chánh văn:

37. Mỗi mỗi các cõi Phật
Chúng Thanh văn vô số
Nhân Phật quang soi sáng
Đều thấy đại chúng kia.
Hoặc có các Tỳ-kheo
Ở tại trong núi rừng
Tinh tấn giữ tịnh giới
Dường như gìn châu sáng.

38. Lại thấy các Bồ-tát
Bố thí nhẫn nhục thảy

Số đông như hằng sa
Đây bởi sáng Phật soi.
Lại thấy hàng Bồ-tát
Sâu vào các thiền định
Thân tâm lặng chẳng động
Để cầu đạo Vô thượng.
Lại thấy các Bồ-tát
Rõ tướng pháp tịch diệt
Đều ở tại nước mình
Nói pháp cầu Phật đạo.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù thấy ở mỗi cõi Phật có hàng Thanh văn, Tỳ-kheo ở chỗ vắng tu tịnh hạnh, Bồ-tát tu bố thí, thiền định, nói pháp để cầu Phật đạo.

Chánh văn:

39. Bấy giờ bốn bộ chúng
Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng
Hiện sức thần thông lớn
Tâm kia đều vui mừng
Mỗi người tự hỏi nhau
Việc này nhân duyên gì?

Giảng:

Tứ chúng thấy Phật hiện thần thông, vừa vui mừng vừa nghi vấn.

Chánh văn:

40. Đấng của trời, người thờ
Vừa từ chánh định dậy
Khen Diệu Quang Bồ-tát:
Ông là mắt của đời
Mọi người đều tin về
Hay vâng giữ tạng pháp
Như pháp của ta nói
Chỉ ông chứng biết được.
Đức Phật đã ngợi khen
Cho Diệu Quang vui mừng
Liền nói kinh Pháp Hoa
Trải sáu mươi tiểu kiếp
Chẳng rời chỗ ngồi ấy
Ngài Diệu Quang pháp sư
Trọn đều hay thọ trì
Pháp thượng diệu của Phật.

41. Phật nói kinh Pháp Hoa
Cho chúng vui mừng rồi
Liền chính trong ngày đó
Bảo hàng chúng trời, người
Các pháp "nghĩa thật tướng"
Đã vì các ông nói
Nay ta giữa đêm này
Sẽ vào cõi Niết-bàn

Phải một lòng tinh tấn
Rời các sự buông lung
Các Phật rất khó gặp
Ức kiếp được một lần.

Giảng:

Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh xuất định, khen Bồ-tát Diệu Quang có khả năng thọ trì diệu pháp cao thượng, nên ngài vì Bồ-tát Diệu Quang mà nói kinh Pháp Hoa. Và sau khi nói Kinh xong, Phật cho biết là sẽ nhập Niết-bàn, ngài khuyên chúng nên tinh tấn tu hành, chớ có buông lung.

Chánh văn:

42. Các con của Phật thảy
Nghe Phật sắp nhập diệt
Thảy đều lòng buồn khổ
Phật sao gấp diệt vậy?
Đấng thánh chúa Pháp vương
An ủi vô lượng chúng:
Nếu lúc ta diệt độ
Các ông chớ lo sợ!
Đức Tạng Bồ-tát đây
Tâm đã được thông thấu
Nơi vô lậu thật tướng
Kế đây sẽ thành Phật
Tên hiệu là Tịnh Thân
Cũng độ vô lượng chúng.

Giảng:

Tứ chúng nghe Phật sắp Niết-bàn, lấy làm buồn khổ. Phật an ủi là sau khi Phật diệt độ, có Bồ-tát Đức Tạng tâm thấu suốt được thật tướng, sẽ thành Phật tiếp tục giáo hóa chúng sanh.

Chánh văn:

43. Đêm đó Phật diệt độ
Như củi hết, lửa tắt
Chia phân các xá-lợi
Mà xây vô lượng tháp.
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Số đông như hằng sa
Lại càng thêm tinh tấn
Để cầu đạo Vô thượng.

Giảng:

Phật diệt độ, xá-lợi Phật được xây tháp để cúng dường, chúng càng thêm tinh tấn cầu đạo Vô thượng.

Chánh văn:

44. Diệu Quang pháp sư ấy
Vâng giữ Phật pháp tạng
Trong tám mươi tiểu kiếp
Rộng nói kinh Pháp Hoa.
Tám vị vương tử đó
Được Diệu Quang dạy bảo
Vững bền đạo Vô thượng

Sẽ thấy vô số Phật
Cúng dường các Phật xong
Thuận theo tu đại đạo
Nối nhau được thành Phật
Chuyển thứ thọ ký nhau.
Đấng Phật rốt sau cả
Hiệu là Phật Nhiên Đăng
Đạo sư của thiên tiên
Độ thoát vô lượng chúng.

Giảng:

Bồ-tát Diệu Quang vâng giữ pháp tạng Phật, nói kinh Pháp Hoa độ cho vô số chúng, trong đó có tám vương tử đầy đủ lòng tin với đạo Vô thượng và sẽ được thành Phật, vị rốt sau hiệu Nhiên Đăng.

Chánh văn:

45. Diệu Quang pháp sư đó
Có một người đệ tử
Tâm thường cưu biếng trễ
Tham ưa nơi danh lợi
Cầu danh lợi không nhàm
Thường đến nhà sang giàu
Rời bỏ việc tụng học
Bỏ quên không thông thuộc
Vì bởi nhân duyên ấy

Nên gọi là Cầu Danh
Cũng tu các nghiệp lành
Được thấy vô số Phật
Cúng dường các đức Phật
Thuận theo tu đại đạo
Đủ sáu ba-la-mật
Nay gặp đấng Thích-ca
Sau đây sẽ thành Phật
Hiệu rằng: Phật Di-lặc
Rộng độ hàng chúng sanh
Số đông đến vô lượng.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù nhắc lại chuyện xưa, Bồ-tát Diệu Quang có người đệ tử tham ưa danh lợi tên là Cầu Danh, nhờ có duyên lành nên gặp chư Phật, tu pháp Lục độ, nay gặp Phật Thích-ca giáo hóa cũng sẽ thành Phật.

Chánh văn:

46. Sau Phật kia diệt độ
Lười biếng đó là Ngài
Còn Diệu Quang pháp sư
Nay thời chính là ta.
Ta thấy Phật Đăng Minh
Điềm sáng trước như thế
Cho nên biết rằng nay

Phật muốn nói Pháp Hoa.
Tướng nay như điềm xưa
Là phương tiện của Phật
Nay Phật phóng ánh sáng
Giúp bày nghĩa thật tướng
Các người nay nên biết
Chắp tay một lòng chờ
Phật sẽ rưới nước pháp
Đầy đủ người cầu đạo
Các người cầu ba thừa
Nếu có chỗ nghi hối
Phật sẽ dứt trừ cho
Khiến hết không còn thừa.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc trong đời này tức là Cầu Danh thuở xưa và Bồ-tát Văn-thù thời nay là Bồ-tát Diệu Quang thuở xưa. Bồ-tát Văn-thù bảo cho hội chúng biết, nay Phật hiện những điềm lành giống như thuở xưa là Phật sắp nói kinh Pháp Hoa, chúng nên chờ để nghe. Đặc biệt là hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát sẽ được dứt trừ nghi mà thành tựu Phật thừa.

Chúng ta thấy ở phẩm này nêu lên các vị Bồ-tát tượng trưng. Mở đầu là Bồ-tát Di-lặc nghi vấn những hiện tướng kỳ diệu mà Phật hiện ra trước khi nói kinh Vô Lượng Nghĩa và được Bồ-tát Văn-thù giải đáp. Như vậy để thấy kinh Pháp Hoa chỉ thẳng tri kiến Phật

(Phật tánh) của mỗi người, nếu dùng thức phân biệt thì không thể thấy biết mà phải nhờ trí căn bản mới nhận được. Đoạn sau Bồ-tát Văn-thù giải nghi cho Bồ-tát Di-lặc bằng một câu chuyện tiền kiếp: Cầu Danh ngày xưa chính là Bồ-tát Di-lặc ngày nay và Bồ-tát Diệu Quang ngày xưa dạy cho các Bồ-tát thành Phật mà ngài không được thọ ký thành Phật chính là Bồ-tát Văn-thù ngày nay. Văn-thù là trí căn bản thúc đẩy con người phát tâm Bồ-đề, còn Cầu Danh là thức, nếu khéo tu đúng theo lời Phật dạy thì thức cũng chuyển thành trí. Khi mê, vọng thức chạy theo danh tướng; khi tỉnh giác, chánh trí hiện, không chạy theo danh tướng liền trở thành như như. Cho nên ngài Cầu Danh được thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Di-lặc sau Phật Thích-ca. Đó là mục tiêu chánh yếu mà chư Phật ra đời để dạy cho chúng ta.

Phẩm này Phật chỉ dùng hình ảnh biểu trưng để hiển bày lý chân thật tuyệt đối là tri kiến Phật, chứ không dùng ngôn ngữ để diễn tả. Vì vậy chúng ta chớ kẹt trên ngôn ngữ mà hiểu kinh Pháp Hoa.

II- PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Phương tiện là tùy theo sở cầu trong mỗi giai đoạn của người mà tạm thời làm lợi ích. Nói cách khác, phương tiện là từng bậc thang đưa người đi từ dễ đến khó, từ thấp đến cao, từ chỗ tạm đến chỗ chân thật rốt ráo. Trí tuệ Phật viên mãn nên có vô số phương tiện hướng dẫn chúng sanh từ mê tới giác là chỗ cứu cánh chân thật.

Chúng ta thấy ở phẩm Tựa, Phật nhập định, hiện tướng lạ, không nói một lời... để thính chúng nương tướng lạ đó mà ngầm nhận ra thâm ý Phật muốn chỉ. Tới phẩm Phương Tiện, ngài mới bắt đầu dùng ngôn giáo. Tôi đi xa hơn một chút, theo tinh thần phán giáo của ngài Thiên Thai thì kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa là hai bộ kinh được nói ở đầu và cuối đời đức Phật. Ngài thí dụ: Mặt trời khi mới mọc, ánh sáng chiếu thẳng trên đỉnh núi và khi sắp lặn, ánh sáng cũng chiếu thẳng trên đỉnh núi. Khi Phật mới thành đạo nói kinh Hoa Nghiêm và sắp Niết-bàn nói kinh Pháp Hoa. Hai kinh được nói ở hai thời điểm khác nhau mà chỉ thú

không hai. Kinh Hoa Nghiêm ở phẩm Nhập Pháp Giới được coi là tối quan trọng. Trong phẩm này, Thiện Tài đồng tử được Bồ-tát Văn-thù khuyến khích đi tham vấn năm mươi ba vị thiện hữu tri thức. Đầu tiên Thiện Tài đến ngọn Diệu Phong để tham vấn Tỳ-kheo Đức Vân. Nhưng lên tận đỉnh Diệu Phong, Thiện Tài không gặp Tỳ-kheo Đức Vân. Lúc trở xuống thì gặp ngài ở ngọn Biệt Phong, chừng đó mới đàm đạo tham vấn. Cũng như kinh Pháp Hoa, mở đầu phẩm Tựa, đức Phật nhập định hiện tướng lạ, không nói. Qua phẩm Phương Tiện, Phật xả định, rồi tán thán pháp Phật vi diệu nhiệm mầu, khó nói, khó hiểu, khó tin, chừng đó mới có ngôn ngữ. Như vậy, kinh Hoa Nghiêm cũng như kinh Pháp Hoa đều nói rằng chỗ cứu cánh chân thật (pháp thân hay tri kiến Phật) thì bặt ngôn ngữ, bởi nói năng không thể hiển bày được. Vì vậy phẩm này Phật xuất định, dùng ngôn ngữ nói cho hội chúng nghe để dìu dắt chúng sanh từ thấp đến cao nên gọi là Phương tiện.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ chánh định an lành mà dậy, bảo ngài Xá-lợi-phất:

Trí tuệ của các đức Phật rất sâu vô lượng, môn trí tuệ đó khó hiểu khó vào, tất cả hàng Thanh văn cùng Bích-chi Phật đều không biết được. Vì sao?

Phật đã từng gần gũi trăm nghìn muôn ức vô số các đức Phật, trọn tu vô lượng đạo pháp của các đức Phật, dõng mãnh, tinh tấn, danh tốt đồn khắp, trọn nên pháp rất sâu chưa từng có, theo thời nghi mà nói pháp ý thú khó hiểu.

Xá-lợi-phất! Từ khi ta thành Phật đến nay, các món nhân duyên, các món thí dụ, rộng nói ngôn giáo, dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, làm cho xa lìa lòng chấp. Vì sao? Đức Như Lai đã đầy đủ phương tiện, tri kiến và ba-la-mật.

Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, đức vô lượng vô ngại, lực vô sở úy, thiền định, giải thoát tam-muội, đều sâu vào không ngằn mé, trọn nên tất cả pháp chưa từng có.

Xá-lợi-phất! Như Lai hay các món phân biệt, khéo nói các pháp lời lẽ êm dịu vui đẹp lòng chúng.

Xá-lợi-phất! Tóm yếu mà nói đó, vô lượng vô biên pháp vị tằng hữu, đức Phật thảy đều trọn nên.

Giảng:

Phẩm Tựa, đức Phật hiện điềm lành rồi nhập chánh định Vô lượng nghĩa xứ, im lặng không nói. Nay thấy căn cơ của thính chúng đã thuần thục, Phật xuất định giảng nói. Trước hết, ngài tán thán ca ngợi với tôn giả Xá-lợi-phất là trí tuệ của chư Phật sâu xa vô lượng nên khó nói, khó hiểu, khó vào. Vì vậy mà hàng Thanh văn, Bích-chi Phật không thể hiểu được.

Sở dĩ đức Phật được trí tuệ sâu rộng mà tất cả người khác không thể biết được, là vì ngài đã từng gần gũi vô số đức Phật, tu vô lượng pháp, dõng mãnh, tinh tấn, tiếng tốt đồn khắp... Nên ngài mới được pháp sâu rộng chưa từng có và tùy theo thời cơ mà đem chỉ dạy ý thú sâu xa khó hiểu đó cho chúng sanh.

Chúng ta thấy rõ Phật nói lên phương tiện ngài sử dụng. Từ khi thành Phật, Như Lai có đầy đủ phương tiện, thấy biết tận nguồn ngọn tất cả pháp nên ngài đã dùng nhân duyên, thí dụ, ngôn giáo và vô số phương tiện khác nhau để dìu dắt chúng sanh, khiến cho họ xa lìa kiến chấp.

Phật nói rằng tri kiến Phật rộng lớn sâu xa, không thể đo lường được nên gọi là đức vô lượng, không có cái gì làm chướng ngại được nên gọi là vô ngại, về sức thì được vô sở úy, tức là không sợ sệt, được thiền định, được giải thoát rất sâu không ngằn mé. Tức là trí tuệ Phật ở thế gian chưa từng có. Vì tất cả pháp thế gian có đều là tương đối, đã là tương đối thì có sanh diệt. Trí tuệ Phật là cái không sanh không diệt nên nói thế gian chưa từng có.

Chánh văn:

2. Thôi Xá-lợi-phất! Chẳng cần nói nữa. Vì sao? Vì pháp khó hiểu ít có thứ nhất mà Phật trọn nên đó, chỉ có Phật cùng Phật mới có thể thấu tột tướng chân thật của các pháp, nghĩa là các pháp: tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy.

Giảng:

Tại sao đức Phật đang khen ngợi trí tuệ của chư Phật, tới đây ngài lại không muốn nói, bảo: *Thôi, Xá-lợi-phất, chẳng cần nói nữa*. Vì lý do gì? Vì pháp khó nói, khó hiểu,

khó tin, *chỉ Phật với Phật mới có thể thấu tột tướng chân thật của các pháp*. Còn hàng Bồ-tát, Duyên giác, La-hán đều không thể thấy như Phật. Bởi trình độ chư Phật ngang nhau mới thấy biết như nhau; còn phàm phu chúng ta, mọi thấy biết đều sai lầm. Thí dụ như cái thân năm uẩn này, thấy nó là thật ngã, là của ta... Với trí Bát-nhã thấy thân người do năm ấm giả hợp mà thành, không có chủ thể cố định. Bởi không có chủ thể cố định nên nói là vô ngã, là tạm bợ, huyễn hóa. Các pháp ở thế gian, với người mê thì thấy thế này, còn người ngộ lại thấy khác. Nhưng ngộ cũng tùy theo trình độ, như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mỗi chỗ ngộ đều khác nhau. Nhưng đến cái ngộ của Phật mới thấy tột cùng, dung hợp tất cả không còn sai biệt. Vì thế ở đây nói chỉ có Phật với Phật mới thấy các pháp đúng như thật thể của nó, cho nên nói *tướng như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, tác như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, trước sau rốt ráo như vậy*.

Thế nào là tướng, thế nào là tánh? Phàm vạn pháp trên thế gian này được nhìn qua hai mặt tướng và tánh. Thí dụ: Lửa là một pháp, khi cháy, ánh lửa hiện ra các màu hoặc đỏ, hoặc xanh, hoặc cam, ta thấy tướng trạng màu sắc của lửa có sai khác, nhưng tánh nóng của lửa không khác, vẫn là nóng. Thế nên, tướng lửa có đổi thay mà tánh lửa thì không biến dịch.

Thế nào là thể, lực... quả, báo? Phàm tất cả mọi sự vật đều có cái thể chung, chẳng hạn toàn thân con người gọi là *Thể*, do thân này hoạt động có tác dụng có

sức mạnh gọi là *Lực*, do hoạt động tạo *tác* nên có nghiệp; bởi có tạo tác nên mới thành *Nhân*, nhân hội đủ *Duyên* thì thành *Quả*, mà quả kết tựu đúng như nhân đã tạo gọi là *Báo*, rõ ràng *trước sau rốt ráo* như vậy không sai biệt. Đó là đứng trên mặt tướng dụng của các pháp nhìn thì thấy rõ ràng như vậy.

Nếu nhìn toàn thân con người bằng trí tuệ Bát-nhã thì đầu, mình, tay, chân, mắt, tai... tất cả đều do tứ đại duyên hợp mà có giả tướng ấy, không một bộ phận nào trong thân là tướng chân thật. Nên dù nói tướng, nói tánh, nói thể, nói lực, nói tác, nói nhân, nói duyên, nói quả, nói báo, nói rốt ráo, tất cả đều là ngôn ngữ giả lập. Đã là ngôn ngữ giả lập thì tự tánh nó là không, bởi tự tánh là không nên nói tịch diệt.

Nếu nhìn toàn thân con người với tâm nhất như không động, không phân biệt thì thấy con người là con người. Hoặc mắt thấy sắc, sắc vẫn là sắc; tai nghe âm thanh, âm thanh vẫn là âm thanh; hương, vị, xúc, pháp cũng như vậy, không phân tích chia chẻ. Bởi nhìn tất cả pháp ở thế gian này với tâm như như thì thấy các pháp là như, không có chút sai biệt. Thí dụ có một thỏi vàng trên bàn, mọi người đều thấy thỏi vàng là thỏi vàng, không thêm một niệm nào khác thì nó là như. Nếu thấy thỏi vàng liền cho thỏi vàng quý có giá trị bạc triệu thì lòng tham dấy khởi, nhiều niệm bất chánh theo đó mà sanh... Vậy, nếu tâm như thì mọi cảnh đều như.

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, lúc Lục Tổ đến chùa Pháp Tánh với hình thức cư sĩ, có hai ông Sa-di đứng trước chùa dưới cây phướn cãi nhau:

- Đố huynh cái gì động?

- Gió động.

- Phướn động!

Người nói gió động, người nói phướn động, hai người cãi nhau không ngã lẽ. Lục Tổ nói:

- Tâm nhân giả động!

Sở dĩ chúng ta cãi nhau hoài là tại tâm chúng ta không nhất như, không thấy các pháp vốn là như vậy. Cảnh vật đối với tâm người đạt đạo giống như mặt gương sáng, có người thì hiện ảnh người, có vật thì hiện ảnh vật, có cái nào hiện cái nấy rõ ràng không tạp loạn. Đó là do tâm như nên mọi cảnh đều như. Nếu tâm dấy niệm phân biệt thì thấy người thấy vật sai khác, rồi tranh chấp nhau sanh vô số khổ đau phiền lụy.

Người thấy tất cả pháp như vậy là người hằng sống với tri kiến Phật, đó là ý nghĩa Thập như thị. Nếu tâm nhất như thì cảnh như. Cảnh như do tâm như. Đồng nghĩa với tâm an thì cảnh cũng an, tâm bất an thì cảnh cũng bất an, đó là một lẽ thật mà ít người chấp nhận.

Chánh văn:

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

3. Đấng Thế Hùng khó lường
Các trời cùng người đời
Tất cả loài chúng sanh

Không ai hiểu được Phật.
Trí lực, vô sở úy
Giải thoát các tam-muội
Các pháp khác của Phật
Không ai so lường được.
Vốn từ vô số Phật
Đầy đủ tu các đạo
Pháp nhiệm mầu rất sâu
Khó thấy khó rõ được.
Trong vô lượng ức kiếp
Tu các đạo đó rồi
Đạo tràng được chứng quả
Ta đều đã thấy biết.
Quả báo lớn như vậy
Các món tánh tướng nghĩa
Ta cùng mười phương Phật
Mới biết được việc đó.

Giảng:

Phật lặp lại ý trước, chỗ đạt được của Phật, các loài chúng sanh từ trời, người... không ai có thể hiểu và so lường được. Sở dĩ ngài được pháp như vậy là do ngài tu đủ các pháp mầu sâu xa trong vô lượng kiếp, rồi chứng quả tại đạo tràng nên mới thấu suốt như vậy. Vì thế *tánh, tướng, nghĩa* của pháp đó chỉ có Phật với Phật ở mười phương mới biết được.

Chánh văn:

4. Pháp đó không chỉ được
Vắng bặt tướng nói năng
Các loài chúng sanh khác
Không có ai hiểu được
Trừ các chúng Bồ-tát
Người sức tin bền chặt
Các hàng đệ tử Phật
Từng cúng dường các Phật
Tất cả lậu đã hết
Trụ thân rốt sau này
Các hạng người vậy thảy
Sức họ không kham được.
Giả sử đầy thế gian
Đều như Xá-lợi-phất
Cùng suy chung so lường
Chẳng lường được Phật trí
Chánh sử khắp mười phương
Đều như Xá-lợi-phất
Và các đệ tử khác
Cũng đầy mười phương cõi
Cùng suy chung so lường
Cũng lại chẳng biết được.
Bậc Duyên giác trí lanh

Vô lậu thân rốt sau
Cũng đầy mười phương cõi
Số đông như rừng tre,
Hạng này chung một lòng
Trong vô lượng ức kiếp
Muốn xét Phật thật trí
Chẳng biết được chút phần.
Bồ-tát mới phát tâm
Cúng dường vô số Phật
Rõ thấu các nghĩa thú
Lại hay khéo nói pháp
Đông đầy mười phương cõi
Như lúa, mè, tre, lau
Một lòng dùng trí mầu
Trải số kiếp hằng sa
Thảy đều chung suy lường
Chẳng biết được trí Phật.
Hàng bất thối Bồ-tát
Số đông như hằng sa
Một lòng chung suy cầu
Cũng lại chẳng hiểu được.

Giảng:

Pháp mà Phật chứng thì không ngôn ngữ nào có thể diễn tả được, nên nói *vắng bặt tướng nói năng*.

Trong thiền sử Trung Hoa có thiền sư Đả Địa, bên ngài luôn luôn có cây gậy. Nếu có thiền khách đến tham vấn, bất cứ hỏi câu gì, ngài đều cầm gậy đập xuống đất một cái rồi thôi, không nói gì hết. Một hôm có vị tăng lén lấy cây gậy đem giấu, rồi mới đến thưa:

- Bạch Hòa thượng thế nào là Đạo?

Ngài đưa tay lấy gậy, gậy không có, ngài há miệng, không nói câu nào!

Thoáng nghe qua, chúng ta rất ngạc nhiên và thắc mắc sao ngài dốt cho tới không nói được một câu, hay miệng lưỡi ngài có tật không nói được? Chính vì tri kiến Phật là cái mà ngôn ngữ không thể diễn tả được, nếu diễn tả bằng lời được thì pháp đó là pháp đối đãi của thế gian. Cho nên, để khai thị pháp tuyệt đối (tri kiến Phật), ngài chỉ đập đất hoặc há miệng mà không nói.

Qua pháp thoại này, tôi bình rằng: *Muốn thấy mặt nước hồ phẳng, trước khi cá ăn móng*. Cũng vậy, muốn thấy được thể thanh tịnh, bặt tướng nói năng thì trước khi dấy niệm phát ra ngôn ngữ, mới thấy được cái thể ấy. Vì vừa dấy niệm có ngôn ngữ là tâm động loạn không thể thấy được. Thế nên, hàng chúng sanh không ai hiểu nổi tri kiến Phật, trừ hàng Bồ-tát có lòng tin vững chắc mới có thể thấu hiểu.

Đệ tử Phật như hàng A-la-hán đối với tri kiến Phật cũng không kham được. Giả sử tất cả người ở thế gian này, mỗi người trí tuệ siêu tuyệt bậc nhất như ngài Xá-lợi-phất, hợp lại để so lường, nghĩ về tri kiến Phật

cũng không thể hiểu được. Hoặc người ở khắp mười phương thế giới, ai cũng có trí tuệ siêu tuyệt như trí tuệ của ngài Xá-lợi-phất, và hàng đệ tử khác ở khắp mười phương, chung họp tất cả trí tuệ đó để suy lường cũng không biết được tri kiến Phật. Tại sao vậy? Vì còn so lường. Trí tuệ Phật là chỗ tuyệt ngôn tuyệt lự, nếu còn đem trí để suy lường, dù trí có nhiều bao nhiêu cũng không hiểu nổi.

Hàng Duyên giác trí lanh lợi, đầy mười phương họp lại nhiều như rừng tre, trải qua thời gian vô lượng kiếp muốn biết trí tuệ Phật cũng không có phần, vì suy lường nên không biết được.

Cho đến hàng Bồ-tát mới phát tâm ở mười phương số nhiều như lúa mè, như tre lau dùng hết trí tuệ của mình, trải hằng sa kiếp để suy lường cũng không biết trí tuệ Phật. Kế nữa là hàng Bất thối Bồ-tát, nhiều như số cát sông Hằng một lòng chung suy nghĩ cũng không thể biết trí tuệ Phật.

Chúng ta thấy, đối với trí tuệ Phật dù cho bất cứ hạng người nào từ A-la-hán đến Duyên giác, đến Bồ-tát mới phát tâm, đến Bồ-tát bất thối chuyển, nếu còn dùng trí suy cầu tìm hiểu đều không thể hiểu được. Như vậy, muốn biết trí tuệ Phật thì tâm phải nhất như, khi tâm như rồi thì cảnh cũng như mới hợp với trí tuệ Phật.

Chánh văn:

5. Lại bảo Xá-lợi-phất
Pháp nhiệm mầu rất sâu

Vô lậu khó nghĩ bàn
Nay ta đã được đủ
Chỉ ta biết tướng đó
Mười phương Phật cũng vậy.
Xá-lợi-phất phải biết
Lời Phật nói không khác
Với pháp của Phật nói
Nên sanh sức tin chắc
Pháp của Phật lâu sau
Cần phải nói chân thật.
Bảo các chúng Thanh văn
Cùng người cầu Duyên giác
Ta khiến cho thoát khổ
Đến chứng được Niết-bàn.
Phật dùng sức phương tiện
Dạy cho ba thừa giáo
Chúng sanh nơi nơi chấp
Dắt đó khiến ra khỏi.

Giảng:

Phật nói pháp sâu xa nhiệm mầu mà Phật đã được, chỉ có Phật biết và mười phương chư Phật cùng biết thôi. Phật khẳng định lời ngài nói và lời chư Phật nói đều giống nhau. Những lời Phật nói ra là lời chân thật, không giả dối, vì vậy nên tin chắc lời đó. Sở dĩ

ngài nói ba thừa giáo là vì muốn cho những chúng sanh cầu Thanh văn, Duyên giác thoát khỏi khổ đau, được Niết-bàn. Ngài nói ba thừa để dẫn dắt họ phá mê chấp, đưa họ đến Niết-bàn an lạc, đó là phương tiện chứ không phải cứu cánh.

Chánh văn:

6. Khi đó trong đại chúng có hàng Thanh văn lậu tận A-la-hán, ngài A-nhã Kiều-trần-như v.v... một nghìn hai trăm người và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam cùng cận sự nữ, hạng người phát tâm Thanh văn, Duyên giác đều nghĩ rằng: "Hôm nay đức Phật cớ chi lại ân cần ngợi khen phương tiện mà nói thế này: "Pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu, tất cả hàng Thanh văn cùng Duyên giác không thể đến được." Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng chứng được pháp đó đến nơi Niết-bàn, mà nay chẳng rõ nghĩa đó về đâu?"

Giảng:

Bấy giờ toàn chúng khởi nghi: Tại sao hôm nay đức Phật lại tán thán pháp của ngài được một cách nhiệt thành và tha thiết? Khi xưa, Phật dạy hàng Thanh văn tu pháp Tứ đế để được giải thoát, hàng Duyên giác tu Mười hai nhân duyên để được Niết-bàn; sao hôm nay Phật nói pháp của ngài cao siêu bậc nhất, không thể dùng trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát suy lường mà hiểu đến được?

Chánh văn:

7. Lúc ấy, ngài Xá-lợi-phất biết lòng nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, liền bạch Phật rằng:

Thưa Thế Tôn! Nhân gì duyên gì mà Phật ân cần khen ngợi pháp phương tiện thứ nhất nhiệm mầu rất sâu khó hiểu của các đức Phật?

Con từ trước đến nay chưa từng nghe Phật nói điều đó, hôm nay bốn chúng thảy đều có lòng nghi. Cúi xin đức Thế Tôn bày nói việc đó. Cớ gì mà đức Thế Tôn ân cần khen ngợi pháp nhiệm mầu rất sâu khó hiểu?

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất là người trí tuệ bậc nhất trong hàng đệ tử Phật, nghe Phật nói như vậy ngài không hiểu, khởi nghi ngờ. Ngài biết đại chúng cũng nghi ngờ, nên thưa hỏi lý do gì mà Phật cứ ân cần tán thán phương tiện sâu xa nhiệm mầu khó hiểu như vậy? Xin Phật giảng nói.

Chánh văn:

Khi đó, ngài Xá-lợi-phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8. Đấng Tuệ Nhật đại thánh
Lâu mới nói pháp này,
Tự nói pháp mình chứng

Lực, vô úy, tam-muội,
Thiền định, giải thoát thảy
Đều chẳng nghĩ bàn được.
Pháp chứng nơi đạo tràng
Không ai hỏi đến được,
Ý con khó lường được
Cũng không ai hay hỏi.
Không hỏi mà tự nói
Khen ngợi đạo mình làm
Các đức Phật chứng được
Trí tuệ rất nhiệm mầu.
Hàng vô lậu La-hán
Cùng người cầu Niết-bàn
Nay đều sa lưới nghi
Phật cớ chi nói thế?
Hạng người cầu Duyên giác
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Các trời, rồng, quỷ, thần
Và càn-thát-bà thảy
Ngó nhau cưu lòng nghi
Nhìn trông đấng Túc Tôn,
Việc đó là thế nào?
Xin Phật vì dạy cho!
Trong các chúng Thanh văn

Phật nói con hạng nhất
Nay con nơi trí mình
Nghi lầm không rõ được
Vì là pháp rốt ráo
Vì là đạo Phật làm
Con từ miệng Phật sanh
Chắp tay nhìn trông chờ.
Xin ban tiếng nhiệm mầu
Liền vì nói như thật,
Các trời, rồng, thần thảy
Số đông như hằng sa,
Bồ-tát cầu thành Phật
Số nhiều có tám muôn,
Lại những muôn ức nước
Vua Chuyển luân vương đến.
Đều lòng kính chắp tay
Muốn nghe đạo đầy đủ.

Giảng:

Sở dĩ ngài Xá-lợi-phất nói *Con từ miệng Phật sanh*, là vì Phật nói pháp, hàng đệ tử Thanh văn, Duyên giác nhân nghe tiếng pháp của Phật nói, tu được ngộ đạo phát sanh trí tuệ. Trí tuệ đó do lời dạy của Phật mà có. Thông thường người thế gian nhận thân tứ đại là mạng sống, người tu lấy trí tuệ làm mạng sống, vì vậy nên nói từ miệng Phật sanh ra mạng sống của mình.

Đoạn này lặp lại ý trước, ngài Xá-lợi-phất và đại chúng nghi ngờ pháp mà Phật vừa ca ngợi tán thán, xin Phật giảng nói vì tất cả đại chúng đều muốn nghe.

Chánh văn:

9. Khi đó, đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

Thôi thôi! Chẳng nên nói nữa, nếu nói việc đó tất cả trong đời các trời và người đều sẽ kinh sợ nghi ngờ.

Giảng:

Đọc qua đoạn này, chúng ta thấy có cái gì mâu thuẫn. Tại sao Phật tự khen ngợi tán thán trí tuệ Phật đáo để, đến khi ngài Xá-lợi-phất thỉnh cầu Phật giảng nói, Phật lại nói: Thôi thôi, nói ra e các ông nghi ngờ kinh sợ! Nếu biết nói ra đệ tử nghi ngờ thì ngài đừng nói, tại sao trước nói rồi ngang đây bảo thôi thôi! Có lạ không?

Chánh văn:

10. Ngài Xá-lợi-phất lại bạch Phật rằng:

Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Vì sao? Trong hội đây có vô số trăm nghìn muôn ức a-tăng-kỳ chúng sanh đã từng gặp các đức Phật, các căn mạnh lẹ, trí tuệ sáng suốt, được nghe Phật dạy chắc có thể kính tin.

Lúc ấy, ngài Xá-lợi-phất muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Đấng Pháp vương Vô thượng
Xin nói, nguyện đừng lo
Vô lượng chúng hội đây
Có người hay kính tin.

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất một lần nữa tha thiết cầu xin Phật vì đại chúng nói pháp ấy, trong hội cũng có người căn trí mạnh lẹ có thể kính tin.

Chánh văn:

11. Đức Phật lại ngăn Xá-lợi-phất:

Nếu nói việc đó thì tất cả trong đời, trời, người, a-tu-la đều kinh nghi. Tỳ-kheo tăng thượng mạn sẽ phải sa vào hầm lớn.

Khi đó, đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

Thôi thôi! Chẳng nên nói
Pháp ta diệu khó nghĩ
Những kẻ tăng thượng mạn
Nghe ắt không kính tin.

Giảng:

Lần cầu thỉnh thứ hai của ngài Xá-lợi-phất, cũng bị Phật từ chối với lý do pháp Phật sâu xa rất khó hiểu, nếu nói ra thì kẻ tăng thượng mạn sẽ không tin rồi đọa lạc.

Chánh văn:

12. Lúc ấy, ngài Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

Thưa Thế Tôn! Cúi xin nói đó, cúi xin nói đó. Nay trong hội này hạng người sánh bằng con có trăm nghìn muôn ức. Đời đời đã từng theo Phật học hỏi, những người như thế chắc hay kính tin lâu dài an ổn nhiều điều lợi ích.

Khi đó, ngài Xá-lợi-phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng Vô thượng Lưỡng Túc
Xin nói pháp đệ nhất
Con là trưởng tử Phật
Xin thương phân biệt nói.
Vô lượng chúng hội đây
Hay kính tin pháp này
Đời đời Phật đã từng
Giáo hóa chúng như thế
Đều một lòng chắp tay
Muốn nghe lãnh lời Phật.
Chúng con nghìn hai trăm
Cùng hạng cầu Phật nọ
Nguyện Phật vì chúng này
Cúi xin phân biệt nói
Chúng đây nghe pháp ấy
Thời sanh lòng vui mừng.

Giảng:

Đức Phật được tán thán là Lưỡng Túc Tôn, có nghĩa Phật là bậc có đầy đủ hai món phước đức và trí tuệ.

Lần thứ ba, ngài Xá-lợi-phất cầu xin Phật giảng nói, vì trong hội chúng có một ngàn hai trăm năm mươi vị, và tất cả đều phát tâm muốn nghe pháp Phật nói. Sau khi nghe sẽ vui mừng kính tin chứ không nghi ngờ.

Chánh văn:

13. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Xá-lợi-phất:

Ông đã ân cần ba phen thưa thỉnh đâu được chẳng nói, ông nay lắng nghe khéo suy nghĩ nhớ đó, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.

Giảng:

Đây là thuật khéo léo của đức Phật đối với pháp nhiệm mầu khó nói khó tin. Từ lâu ngài đã không nói, nay biết đến thời phải nói, nên ngài hết lòng tán thán ca ngợi, gợi sự lưu ý cho thính chúng. Nhưng còn ngại thính chúng sanh lòng khinh mạn coi thường, đợi ngài Xá-lợi-phất thiết tha thưa thỉnh đến ba lần ngài mới hứa khả nói. Phật làm như thế để chi? Để cho lòng thiết tha mong mỏi của người nghe lên cao tột rồi, khi nói họ mới lưu ý nghe để lãnh hội. Nếu dễ, hỏi tới đâu nói tới đó, họ xem thường sanh tâm ngạo mạn khó tiến. Hiểu như vậy mới thấy Phật không mâu thuẫn, không phải bày ra rồi làm khó, mà vì muốn người nghe không khinh thường, được thể hội. Thật lòng từ vô hạn!

Về sau các thiền sư áp dụng thủ thuật này triệt để. Các ngài còn bạo hơn, thiền sinh đến tham vấn, các ngài hét hoặc đánh chứ không nói. Thậm chí đánh nhiều lần dồn người hỏi vào chỗ bế tắc, để khi họ nhận ra chỗ các ngài muốn chỉ thì đời đời không quên. Điển hình nhất là sư Thần Quang đến cầu đạo với tổ Đạt-ma, ngài vẫn ngồi xoay mặt vào vách mặc cho Thần Quang đứng ngoài tuyết lạnh tới sáng.

Tuyết đã ngập tới gối, mà Tổ còn cho đó là khổ hạnh cỏn con. Đến khi sư Thần Quang chặt một cánh tay dâng lên để tỏ ý chí thiết tha cầu đạo, chừng đó Tổ mới gật đầu.

Điều đó cho thấy hệ thống truyền dạy từ đức Phật cho tới đồ đệ không khác, chứ không phải người sau ưng làm thế nào thì làm. Chúng ta ngày nay hiểu được chút chút, gặp người chưa kịp thưa hỏi thì đã tự nói trước, nói thôi là nói! Vì chưa phải là pháp quý, nên gặp đâu cho đó, thành ra người nghe xem thường, không nhớ, không tu tập được.

Chánh văn:

14. Khi đức Phật nói lời đó, trong hội có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ, cả thảy năm nghìn người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật mà lui về. Vì sao? Vì bọn người này gốc tội sâu nặng cùng tăng thượng mạn, chưa được mà nói đã được, chưa chứng mà cho đã chứng, có lỗi dường ấy, cho nên không ở lại. Đức Thế Tôn yên lặng không ngăn cản.

Giảng:

Đến đây, chúng ta lại có thêm một điều nghi vấn nữa. Đức Phật là một bậc đại từ đại bi sắp nói pháp nhiệm mầu cao quý, đối với những chúng sanh chưa được phước duyên nghe, đáng lý khuyên họ ở lại nghe. Nhưng tại sao trong hội chúng của Phật có năm ngàn người đứng dậy lui ra không nghe, mà Phật im lặng để cho họ đi, không khuyên không ngăn lại? Như đã nói ở trên, chính vì đức Phật muốn cho người tự thấy mình chưa đủ, mà có tâm tha thiết cần cầu nghe, nên Phật mới vì những người đó nói. Còn đối với người tự mãn, họ không muốn nghe, họ đi thì mặc họ, vì nếu có giữ họ ở lại chỉ tăng thêm lòng kiêu mạn, tự họ không được lợi ích. Ở đây, Phật xử sự tương đối nhẹ nhàng.

Về sau, các thiền sư dùng nhiều thuật rất ngặt nghèo. Như trường hợp ngài Thiện Chiêu, hội chúng của ngài có năm trăm người, ngài biết trong số này có nhiều người nghe danh ngài mà đến, chứ chưa đủ lòng tin đối với ngài. Nhân ngày giỗ mẹ, ngài cho mua một ít rượu thịt về làm một bữa tiệc. Cúng mẹ xong, ngài mời tăng chúng dự tiệc cho vui. Nói xong, ngài thản nhiên ngồi vào bàn cầm đũa, toàn chúng không ai dám dự. Sau bữa tiệc đó, chúng bỏ đi hết, chỉ còn có mười sáu người ở lại. Ngài nói những người còn ở lại là những người có đủ lòng tin đối với ngài.

Tại sao ngài dùng thủ thuật quá gắt gao như vậy? Nếu người đã hiểu và tin ngài thì dù ngài có những

hành động bất thường như thế nào, họ cũng thừa hiểu thừa biết, không phản ứng. Còn đối với người không tin không hiểu ngài, nếu thấy ngài có chút gì hơi dở là họ bất mãn chê chán, họ có ở lại thì ngài chỉ dạy cũng không được. Vì vậy, Phật tổ đối với những người không đủ lòng tin với pháp mà các ngài giảng dạy, ai muốn đi các ngài để cho đi không cầm giữ lại.

Chánh văn:

15. Bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

Trong chúng ta đây không còn cành lá, rặt có hạt chắc. Xá-lợi-phất! Những gã tăng thượng mạn như vậy lui về cũng là tốt. Ông nay nên khéo nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Ngài Xá-lợi-phất bạch rằng:

Vâng, thưa Thế Tôn! Con nguyện ưa muốn nghe.

Giảng:

Khi những kẻ tăng thượng mạn đứng dậy ra về, đức Phật nói đó là điều tốt, số chúng còn lại có đủ lòng tin thiết tha muốn nghe, đó là hạt chắc. Phật vì những người này mà nói và khuyên họ khéo lắng nghe.

Chánh văn:

16. Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

Pháp mầu như thế, các đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, như bông linh thoại đến

thời tiết mới hiện một lần. Xá-lợi-phất! Các ông nên tin lời của Phật nói không hề hư vọng.

Giảng:

Phật tán thán pháp chư Phật khó gặp khó được, giống như hoa linh thoại khi nào có điềm lành như Phật hay Chuyển luân thánh vương ra đời mới xuất hiện. Vậy đại chúng khéo nghe và tin thọ, vì lời Phật nói không bao giờ hư dối.

Chánh văn:

17. Xá-lợi-phất! Các đức Phật theo thời nghi nói pháp, ý thú khó hiểu. Vì sao? Ta dùng vô số phương tiện các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ diễn nói các pháp. Pháp đó không phải là suy lường phân biệt mà có thể hiểu, chỉ có các đức Phật mới biết được đó. Vì sao? Các đức Phật Thế Tôn, chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Xá-lợi-phất! Sao nói rằng các đức Phật Thế Tôn chỉ do một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời? Các đức Phật Thế Tôn vì muốn cho chúng sanh khai tri kiến Phật để được thanh tịnh mà hiện ra nơi đời; vì muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng sanh mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh tỏ ngộ tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời; vì muốn cho chúng sanh chứng vào đạo tri kiến Phật mà hiện ra nơi đời.

Xá-lợi-phất! Đó là các đức Phật do vì một sự nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời.

Giảng:

Tới đây, đức Phật hiển bày cái khó nói, khó hiểu, khó tin. Hàng có trí tuệ như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát không thể suy lường mà có thể hiểu, chỉ có Phật với Phật mới biết được, bởi tâm các ngài thanh tịnh không phân biệt suy lường. *Vì một nhân duyên lớn mà hiện ra nơi đời*, đó là tông chỉ không riêng một đức Phật Thích-ca mà là của tất cả mười phương chư Phật. Các ngài ra đời để khai tri kiến Phật cho chúng sanh, chỉ (thị) tri kiến Phật cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh ngộ tri kiến Phật, và hướng dẫn cho chúng sanh nhập tri kiến Phật. Tri kiến Phật là cái thấy biết Phật, hay chính là cái trí tuệ Phật mà chư Phật đã tự chứng. Vì cái thấy biết Phật là cái có sẵn nơi mỗi người, nhưng không ai biết, nên bản hoài của chư Phật ra đời là muốn chỉ bày cái mà Phật đã ngộ đã chứng cho chúng sanh cũng ngộ cũng chứng như Phật.

Thế nào là *khai thị ngộ nhập tri kiến Phật*? Thí dụ: Có một viên ngọc xá-lợi đựng trong cái hộp bằng vàng, thờ trên bàn, trong ngôi chùa cửa đóng kín. Nhiều người nghe nói trong chùa có ngọc xá-lợi rất quý, họ khao khát muốn được chiêm bái. Để hướng dẫn cho họ chiêm bái, trước tiên thầy trụ trì phải đưa họ tới chùa, mở cửa chùa (khai) cho họ nhìn vô. Tuy cửa chùa đã mở, họ nhìn vào mà vẫn chưa thấy ngọc xá-lợi. Kế đó thầy đưa tay chỉ viên xá-lợi được đựng trong cái hộp bằng vàng thờ trên bàn. Khi tay thầy trụ trì chỉ, mắt họ nhìn theo liền thấy cái hộp đựng ngọc xá-lợi, đó là thị và ngộ. Đứng tại cửa chùa thấy ngọc xá-lợi đựng trong cái hộp chưa đủ, mà

phải đưa họ vào chùa, đi tới bàn thờ ngọc xá-lợi, mở hộp ra, chính mắt họ nhận ra viên ngọc xá-lợi sáng lấp lánh, đó là nhập. Như vậy, *Khai* là bước đầu thì dễ, đến phần *Thị* và *Ngộ* cũng không khó. Đến phần *Nhập* là phải qua hai ba giai đoạn mới là phần quan trọng.

Tri kiến Phật (trí tuệ Phật) không phải chỉ Phật mới có, mà tất cả chúng sanh mọi người ai cũng có sẵn, nhưng vì mê (vô minh) nên bây giờ Phật mới dùng phương tiện khai, rồi từ phương tiện đó Phật mới chỉ cho nhận ra tri kiến Phật và sau đó cố gắng tiến tu để nhập tri kiến Phật của mình. Khai là chỉ cho chúng sanh thấy vô minh vọng tưởng là cái không thật, chợt hiện chợt mất. Từ cái không thật đó, đức Phật mới chỉ (thị) *cái chân thật* (tri kiến Phật) sáng suốt thanh tịnh bất sanh bất diệt. Nhân đó, mới nhận ra (ngộ) *cái chân thật* có sẵn nơi mình. Tuy đã nhận ra nó, nhưng vì tập khí nhiều đời nhiều kiếp sâu dày, nên vọng tưởng vẫn còn dấy khởi, tri kiến Phật lúc ẩn lúc hiện. Nên phải có thời gian tu tập, công phu viên mãn thì vô minh vọng tưởng sạch hết, chừng đó tri kiến Phật hiển hiện tròn sáng gọi là thành Phật. Vậy tất cả chúng sanh đều có sẵn Phật tánh, nhưng vì quên (mê) nên Phật mới dùng phương tiện khai thị ngộ nhập, khiến cho chúng sanh nhận ra Phật tánh của chính mình để thành Phật như ngài. Đó là bản hoài của chư Phật nên nói là vì một đại sự nhân duyên mà các ngài ra đời.

Kinh Pháp Hoa thuyết minh về Phật thừa cốt chỉ *Tức tâm tức Phật*. Tri kiến là Tâm, là Giác, là Phật. Nhưng tri kiến nào tức Phật, còn tri kiến nào là chúng sanh?

Tri kiến theo ngài Cầu Danh là tri kiến chúng sanh. Tri kiến theo Bồ-tát Văn-thù là tri kiến Phật. Kinh Lăng-nghiêm, Phật nói rất rõ:

Tri kiến lập tri tức vô minh bổn
Tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn.

Tri kiến lập tri tức vô minh bổn tức là trên thấy biết mà lập thấy biết là gốc vô minh. Thí dụ vừa thấy cái đồng hồ liền phân biệt đẹp, xấu, đắt, rẻ... rồi sanh tâm thích hay chê. Nếu thích thì tìm cách mua sắm, hoặc xin xỏ, hoặc đánh cắp cho được cái đồng hồ, như thế là đã tạo nghiệp đi trong luân hồi. Đó là tri kiến lập tri là gốc của vô minh. *Tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn* là sao? Thấy biết mà không thấy biết tức là Niết-bàn. Thí dụ: Thấy tất cả tăng ni đang ngồi nghe giảng, tôi thấy biết rõ ràng, không dấy niệm phân biệt, tâm an nhiên lặng lẽ. Đó là thấy biết mà không thấy biết (tri kiến vô kiến) giống như mặt gương sáng, người đến thì hiện bóng người, vật đến thì hiện bóng vật, người vật qua rồi thì mặt gương không bóng, vẫn trong sáng như trước. Cũng vậy, đối với ngoại cảnh, chúng ta vẫn thấy biết mà tâm không lưu lại hình bóng để phân biệt. Đó là Niết-bàn, đó là trì kinh Pháp Hoa. Không phải trì kinh Pháp Hoa là để tính bộ mà không hiểu thâm ý của Kinh. Học đạo mà không thấy đạo, kẹt trên hình tướng không giải thoát chút nào cả. Trì kinh như thế chưa phải là trì kinh Pháp Hoa. Như vậy, ai cũng có tri kiến Phật, chỉ vì người lập và không lập cái thấy biết phân biệt, nên kẻ là chúng sanh, người là Phật.

Chánh văn:

18. Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

Các đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát, những điều làm ra thường vì một việc: Chỉ đem tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh tỏ ngộ thôi.

Xá-lợi-phất! Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sanh nói pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác.

Giảng:

Mục đích duy nhất của đức Phật Thích-ca cũng như của chư Phật đời quá khứ ra đời, là làm sao cho chúng sanh tỏ ngộ được tri kiến Phật, tức là Phật thừa chứ không có thừa thứ hai hay thứ ba.

Chánh văn:

19. Xá-lợi-phất! Pháp của tất cả các đức Phật ở mười phương cũng như thế.

Xá-lợi-phất! Thuở quá khứ, các đức Phật dùng vô lượng vô số phương tiện, các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp. Vì pháp đó đều là một Phật thừa, nên các chúng sanh đó theo chư Phật nghe pháp rốt ráo đều được chứng "Nhất thiết chủng trí".

Xá-lợi-phất! Thuở vị lai, các đức Phật sẽ ra đời cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, các món nhân duyên lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các

chúng sanh đó theo Phật nghe pháp rốt ráo đều được chứng "Nhất thiết chủng trí".

Xá-lợi-phất! Hiện tại nay, trong vô lượng trăm nghìn muôn ức cõi Phật ở mười phương, các đức Phật Thế Tôn vì nhiều điều lợi ích an vui cho chúng sanh. Các đức Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sanh diễn nói các pháp, vì pháp đó đều là một Phật thừa, các chúng sanh ấy theo Phật nghe pháp rốt ráo đều được chứng "Nhất thiết chủng trí".

Xá-lợi-phất! Các đức Phật đó chỉ giáo hóa Bồ-tát, vì muốn đem tri kiến Phật mà chỉ cho chúng sanh, vì muốn đem tri kiến Phật cho chúng sanh tỏ ngộ, vì muốn làm cho chúng sanh chứng vào tri kiến Phật vậy.

Xá-lợi-phất! Nay ta cũng lại như thế, rõ biết các chúng sanh có những điều ưa muốn, thân tâm mê chấp, ta tùy theo bản tánh kia dùng các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ cùng sức phương tiện mà vì đó nói pháp.

Xá-lợi-phất! Như thế đều vì để chứng được một Phật thừa "Nhất thiết chủng trí".

Giảng:

Nhất thiết chủng trí là trí Phật, biết tột cùng khắp tất cả pháp trên thế gian này. *Nhất thiết trí* là trí của Thanh văn, Duyên giác. Chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, và Phật hiện tại là đức Thích-ca đều nhắm vào

chỗ cứu cánh duy nhất, là chỉ bày tri kiến Phật cho chúng sanh được tỏ ngộ và chứng nhập để được *Nhất thiết chủng trí*. Như vậy, chư Phật quá khứ dạy cũng như thế, chư Phật vị lai dạy cũng như thế, kể cả đức Phật Thích-ca đời hiện tại dạy cũng như thế. Không có con đường thứ hai thứ ba nào khác. Chỉ có con đường duy nhất là làm sao cho mọi người nhận ra tri kiến Phật, và hằng sống được với tri kiến Phật nơi mình. Tại sao đức Phật chỉ nhắm có điều đó? Vì Phật biết mỗi chúng sanh ai cũng có tri kiến Phật, nhưng vì mê mới tạo nghiệp đi trong luân hồi lục đạo, thành ra tri kiến chúng sanh. Bây giờ nhờ Phật chỉ bày, chúng ta khéo nhận khéo sống thì tri kiến chúng sanh trở thành tri kiến Phật, đó là tu.

Chánh văn:

20. Xá-lợi-phất! Trong cõi nước ở mười phương còn không có hai thừa hà huống có ba!

Xá-lợi-phất! Các đức Phật hiện ra trong đời ác năm trược, nghĩa là: kiếp trược, phiền não trược, chúng sanh trược, kiến trược, mạng trược. Như thế, Xá-lợi-phất, lúc kiếp loạn trược chúng sanh nhơ nặng, bỏn sẻn, tham lam, ghét ganh, trọn nên các căn chẳng lành, cho nên các đức Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba.

Giảng:

Đoạn này đức Phật xác nhận rõ ràng ý nghĩa không có ba thừa mà chỉ có một Phật thừa. Sở dĩ Phật

nói ba thừa là vì chúng sanh ở trong đời ngũ trược: kiếp trược, phiền não trược, chúng sanh trược, kiến trược, mạng trược, sanh lòng bỏn sẻn, tham lam, ganh ghét... Vì vậy mà Phật tạm dùng phương tiện nói ba thừa để dẹp bỏ những tâm cấu uế đó.

- *Kiếp trược:* Thời mà tuổi thọ của loài người dưới hai ngàn tuổi, chỉ cho cõi Ta-bà đức Thích-ca đang giáo hóa.

- *Phiền não trược:* Lòng mọi người chứa chất nhiều tham lam, sân hận...

- *Chúng sanh trược:* Con người bám chấp vào sanh mạng mình cho là thật, rồi sanh cống cao ngã mạn.

- *Kiến trược:* Kiến chấp một bên, thấy biết lệch lạc tà vạy mà cho là đúng.

- *Mạng trược:* Chúng sanh vì sự sống mà tạo rất nhiều nghiệp ác.

Chánh văn:

21. Xá-lợi-phất! Nếu đệ tử ta tự cho mình là A-la-hán cùng Duyên giác, mà không nghe không biết việc của các đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ-tát, người này chẳng phải đệ tử Phật, chẳng phải A-la-hán, chẳng phải Duyên giác.

Lại nữa, Xá-lợi-phất! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đó tự cho mình đã được A-la-hán, là thân rốt sau rốt ráo Niết-bàn, bèn chẳng lại chí quyết cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nên biết bọn đó

là kẻ tăng thượng mạn. Vì sao? Nếu có Tỳ-kheo thật chứng quả A-la-hán mà không tin pháp này, quyết không có lẽ ấy, trừ sau khi Phật diệt độ, hiện tiền không Phật. Vì sao? Sau khi Phật diệt độ, những Kinh như thế, người hay thọ trì, đọc tụng, hiểu nghĩa rất khó có được, nếu gặp đức Phật khác, ở trong pháp này bèn được hiểu rõ.

Xá-lợi-phất! Các ông nên một lòng tin hiểu thọ trì lời Phật dạy. Lời các đức Phật Như Lai nói không hư vọng, không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa thôi.

Giảng:

Phật xác nhận một cách quyết liệt, dù là A-la-hán, Duyên giác ngang đó mà tự mãn cho là đủ thì người đó không phải là đệ tử của Phật. Người tu chúng ta hiện tại, đa số mắc phải chứng bệnh tự mãn, tu một thời gian tự thấy rằng mình đã đủ, nên mặc nhiên an hưởng tứ sự cúng dường một cách sung mãn, mà không lo nghĩ đến sự tu tiến. Nên tôi thường nói khẳng định rằng: Nếu chưa thành Phật thì không lúc nào chúng ta ngừng nghỉ tu hành, nếu ngừng nghỉ không tu là rơi vào lỗi tự mãn, đó là tăng thượng mạn. Dù là Bồ-tát cũng vẫn cố gắng tu hành, đến khi thành Phật mới thôi. Ai được chút ít cho là đủ, người đó chỉ là hạt lép, là lá vàng úa, gió thổi qua rơi rụng hết. Nếu là hạt chắc, là thứ thật thì tu cho đến khi thành Phật mới rồi trách nhiệm của mình, chưa thành Phật thì lúc nào cũng phải cố gắng nỗ lực tu chứ không tự mãn. Nhưng mà nhìn lại thì người tu bây giờ

tự mãn không phải ít. Họ nghĩ rằng đời này tu gieo giống lành, kiếp sau tu nữa, hoặc già yếu rồi nghỉ ngơi cho thảnh thơi đôi chút, chẳng lẽ suốt đời cặm cụi tu hoài!... Nghĩ như vậy là trái với tinh thần của Phật dạy, nên chưa phải là đệ tử Phật.

Đức Phật đối với những chúng sanh tu mà không muốn thành Phật, chỉ muốn đời sau sanh ra làm người tốt, có đủ duyên phước thì Phật dạy giữ Năm giới, đó là Nhân thừa. Lại có người tu không muốn thành Phật, muốn được sung sướng hưởng phước báo đầy đủ, Phật dạy tu Thập thiện, đó là Thiên thừa. Người không muốn sanh lên cõi trời cũng không muốn trở lại làm người, Phật dạy tu Tứ đế để chứng Niết-bàn không còn tái sanh lại nữa, đó là Thanh văn thừa. Đến hàng Duyên giác thì Phật nói Mười hai nhân duyên, hàng Bồ-tát thì nói Sáu pháp ba-la-mật, hướng dẫn từ thấp dần dần lên. Tới đây Phật mới nói bản hoài của chư Phật ra đời là dạy người tu để thành Phật chứ không dạy điều gì khác.

Cũng vậy, hiện tại tôi hướng dẫn tăng ni và Phật tử tu, là phải biết rõ nơi mình có *cái chân thật* mà tôi tạm gọi là *Ông chủ* hay *Bản lai diện mục*, còn ý niệm nghĩ suy là vọng tưởng không thật. Biết được như vậy rồi thì đi đứng nằm ngồi hằng sống với ông chủ, không chạy theo vọng tưởng hư giả. Đó là bản hoài mà tôi nhắm. Nhưng người tới học đạo có nhiều trình độ. Người già đến thì tôi dạy niệm Phật cho tâm bớt loạn, để khi nhắm mắt theo Phật về cõi Phật. Nếu là người trẻ mới vào đạo chưa rõ gì về Thiền tông, mà tâm quá loạn động

thì tôi dạy đếm hơi thở, nhờ đếm hơi thở mà tâm bớt loạn... Đó là những phương tiện tôi đã dùng làm lợi ích cho người tùy theo trình độ căn cơ của họ. Chưa nói được mục đích mà tôi nhắm thì phải nói phương tiện, làm sao cho người đến học đạo đều được lợi ích.

Chánh văn:

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

22. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Cưu lòng tăng thượng mạn
Cận sự nam ngã mạn
Cận sự nữ chẳng tin,
Hàng bốn chúng như thế
Số kia có năm nghìn
Chẳng tự thấy lỗi mình
Nơi giới có thiếu sót
Tiếc giữ tội quấy mình
Trí nhỏ đó đã ra,
Bọn cám tấm trong chúng
Oai đức Phật phải đi,
Gã đó kém phước đức
Chẳng kham lãnh pháp này
Chúng nay không cành lá
Chỉ có những hạt chắc.

Giảng:

Đức Phật nói những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ trong tứ chúng, có khoảng năm ngàn người là những kẻ kém duyên phước, trí nhỏ hẹp, thuộc hàng tăng thượng mạn, họ không kham nhận pháp Phật nên bỏ đi. Sau khi họ bỏ đi, Phật mới nói: Bây giờ trong chúng không còn cám tấm, cành lá úa, chỉ còn hạt chắc thôi.

Chánh văn:

23. Xá-lợi-phất khéo nghe!
Pháp của các Phật được
Vô lượng sức phương tiện
Mà vì chúng sanh nói.
Tâm của chúng sanh nghĩ
Các món đạo ra làm
Bao nhiêu những tánh dục
Nghiệp lành dữ đời trước,
Phật biết hết thế rồi
Dùng các duyên thí dụ
Lời lẽ sức phương tiện
Khiến tất cả vui mừng.
Hoặc là nói Khế kinh,
Cô khởi cùng Bản sự,
Bản sanh, Vị tằng hữu,
Cũng nói những Nhân duyên,
Thí dụ và Trùng tụng,

Luận nghị cộng chín kinh.
Căn độn ưa pháp nhỏ
Tham chấp nơi sanh tử
Nơi vô lượng đức Phật
Chẳng tu đạo sâu mầu
Bị các khổ não loạn
Vì đó nói Niết-bàn,
Ta bày phương tiện đó
Khiến đều vào tuệ Phật.
Chưa từng nói các ông
Sẽ được thành Phật đạo
Sở dĩ chưa từng nói
Vì giờ nói chưa đến,
Nay chính là đến giờ
Quyết định nói Đại thừa.

Giảng:

Phật nói cho tất cả hội chúng biết rằng pháp mà Phật được, có sức phương tiện vô cùng, biết tường tận nhân duyên quả báo của sáu loài chúng sanh. Ngài nói pháp dùng những phương tiện như:

- *Khế kinh*: Lời dạy của Phật hợp với căn cơ chúng sanh, bằng thể văn xuôi, còn gọi là *Trường hàng*.

- *Trùng tụng*: Một thể văn thuyết pháp của Phật lặp lại ý của đoạn văn Trường hàng bằng kệ tụng.

- *Bản sự*: Những việc làm, những kiến văn ở đời trước của Phật do Phật thuật lại.

- *Bản sanh*: Phật nhắc lại tiền kiếp của ngài hay của đệ tử.

- *Vị tằng hữu*: Việc chưa từng có, khó hiểu, khó tin.

- *Nhân duyên*: Phật giải về căn bản của quả báo từ gốc tới ngọn.

- *Thí dụ*: Dùng một mẩu chuyện để so sánh cho dễ hiểu.

- *Cô khởi*: Thi văn tự mình xướng lên lúc thuyết pháp.

- *Luận nghị*: Biện luận sâu rộng, khúc chiết, mạch lạc cho dễ hiểu.

Đó là những thể tài thuyết pháp mà Phật đã dùng hoặc đủ chín phần hoặc không đủ chín phần trong mỗi bộ kinh. Phật tùy thời tùy cơ mà nói, dẫn dụ chúng sanh đi từ thấp đến cao, cuối cùng đưa đến Phật thừa là chỗ cứu cánh.

Chánh văn:

24. Chín bộ pháp của ta
Thuận theo chúng sanh nói
Vào Đại thừa làm gốc
Nên mới nói Kinh này.
Có Phật tử tâm tịnh

Êm dịu cùng căn lợi
Nơi vô lượng các Phật
Mà tu đạo sâu mầu,
Vì hàng Phật tử này
Nói kinh Đại thừa đây.
Ta ghi cho người đó
Đời sau thành Phật đạo
Bởi thâm tâm niệm Phật
Tu trì tịnh giới vậy.
Hạng này nghe thành Phật
Rất mừng đầy khắp mình,
Phật biết tâm của kia
Nên vì nói Đại thừa.
Thanh văn hoặc Bồ-tát,
Nghe ta nói pháp ra
Nhẫn đến một bài kệ
Đều thành Phật không nghi.

Giảng:

Sở dĩ Phật nói chín bộ pháp đó là vì thuận theo căn cơ của chúng sanh mà nói, chứ bản hoài của Phật là chỉ cho chúng sanh một Phật thừa mà thôi. Nếu ai nghe Phật thừa này, đem lòng tin và nói cho người khác nghe thì được Phật thọ ký sau này sẽ thành Phật. Vì tâm họ nhớ nghĩ Phật rất sâu xa, không tự mãn ở những cấp bậc thấp, quyết định họ sẽ thành Phật.

Chánh văn:

25. Trong cõi Phật mười phương
Chỉ có một thừa pháp
Không hai cũng không ba
Trừ Phật phương tiện nói
Chỉ dùng danh từ giả
Dắt dẫn các chúng sanh
Vì nói trí tuệ Phật.
Các Phật ra nơi đời
Chỉ một việc này thật
Hai thứ chẳng phải chân.
Trọn chẳng đem Tiểu thừa
Mà tế độ chúng sanh
Phật tự trụ Đại thừa
Như pháp của mình được
Định, tuệ, lực trang nghiêm
Dùng đây độ chúng sanh.
Tự chứng đạo Vô thượng
Pháp bình đẳng Đại thừa
Nếu dùng Tiểu thừa độ
Nhẫn đến nơi một người
Thời ta đọa xan tham
Việc ấy tất không được,
Nếu người tin về Phật

Như Lai chẳng dối gạt
Cũng không lòng tham ganh
Dứt ác trong các pháp
Nên Phật ở mười phương
Mà riêng không chỗ sợ.
Ta dùng tướng trang nghiêm
Ánh sáng soi trong đời
Đấng vô lượng chúng trọng
Vì nói thật tướng ấn.

Giảng:

Đoạn này Phật lặp lại ý chính của chư Phật mười phương ra đời là chỉ nói một Phật thừa, chứ không có thừa thứ hai hay thứ ba. Tại sao? Vì quả vị cùng tột mà ngài chứng được là quả Phật, nếu để lại ít phần không chỉ dạy rốt ráo, đó là thiếu lòng từ, tâm còn xan lẫn, sợ người hơn mình. Phật là đấng Đại từ đại bi, không xan lẫn, nên cái gì ngài được, ngài muốn cho tất cả mọi người đều được như ngài. Nếu mọi người chưa được như ngài thì ngài chưa mãn nguyện, không bằng lòng. Vì vậy mà cuối cùng ngài nói: *Đấng vô lượng chúng trọng, vì nói thật tướng ấn*. Thông thường trong nhà Phật có nêu ra tam pháp ấn, tứ pháp ấn, hoặc nhất thật pháp ấn, để làm dấu ấn xác minh xem pháp đó có phải Phật nói không. Tam pháp ấn là: chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tịnh. Tứ pháp ấn là: vô thường, khổ, không, vô ngã. Nhất thật pháp ấn cũng là *Thật tướng ấn*. Ấn là dấu in để ấn chứng. Muốn biết

kinh nào là thật của Phật nói hay không phải của Phật nói, thì phải lấy tam pháp ấn, tứ pháp ấn hay nhất thật pháp ấn để làm chỗ ấn chứng. Nhất thật pháp ấn là chỉ cho mỗi chúng sanh đều có Phật tánh, nếu tu thì sẽ thành Phật. Kinh Pháp Hoa, Phật nói tột chỗ đó nên gọi là *Thật tướng ấn*.

Chánh văn:

26. Xá-lợi-phất! Nên biết
Ta vốn lập thệ nguyện
Muốn cho tất cả chúng
Bằng như ta không khác,
Như ta xưa đã nguyện
Nay đã đầy đủ rồi
Độ tất cả chúng sanh
Đều khiến vào Phật đạo.
Nếu ta gặp chúng sanh
Dùng Phật đạo dạy cả
Kẻ vô trí rối sai
Mê lầm không nhận lời.
Ta rõ chúng sanh đó
Chưa từng tu cội lành
Chấp chặt nơi ngũ dục
Vì si ái sanh khổ,
Bởi nhân duyên các dục
Sa vào ba đường dữ

Xoay lăn trong sáu nẻo
Chịu đủ những khổ độc,
Thân mọn thọ bào thai
Đời đời tăng trưởng luôn.
Người đức mỏng ít phước
Các sự khổ bức ngặt
Vào rừng rậm tà kiến
Hoặc chấp có, chấp không
Nương gá các chấp này
Đầy đủ sáu mươi hai
Chấp chặt pháp hư vọng
Bền nhận không bỏ được
Ngã mạn tự khoe cao
Dua nịnh lòng không thật
Trong nghìn muôn ức kiếp
Chẳng nghe danh tự Phật
Cũng chẳng nghe chánh pháp
Người như thế khó độ.

Giảng:

Lời thệ nguyện của đức Phật Thích-ca cũng như chư Phật mười phương là muốn làm sao cho tất cả chúng sanh đều được bằng Phật. Nhưng vì tâm trí chúng sanh mê mờ rối loạn, tà kiến, tham ưa ngũ dục, không bao giờ tu pháp lành, nên trôi lăn trong ba đường dữ chịu mọi khổ đau, do đó không bao giờ nghe được danh hiệu Phật. Những chúng sanh này rất là khó độ.

Chánh văn:

27. Cho nên Xá-lợi-phất!

Ta vì bày phương tiện
Nói các đạo dứt khổ
Chỉ cho đó Niết-bàn,
Ta dầu nói Niết-bàn
Cũng chẳng phải thật diệt
Các pháp từ bản lai
Tướng thường tự vắng lặng
Phật tử hành đạo rồi
Đời sau được thành Phật.
Ta có sức phương tiện
Mở bày pháp ba thừa.
Tất cả các Thế Tôn
Đều nói đạo Nhất thừa
Nay trong đại chúng này
Đều nên trừ nghi lầm
Lời Phật nói không khác
Chỉ một, không hai thừa.

Giảng:

Vì hàng chúng sanh khó độ nên Phật mới bày phương tiện dứt các khổ cho họ được Niết-bàn. Niết-bàn đó là Niết-bàn của Nhị thừa. *Tuy nói Niết-bàn*, nhưng *chẳng phải thật diệt*. Vì:

Các pháp từ bản lai
Tướng thường tự vắng lặng.

Từ trước chúng ta thường nghe Phật dạy các pháp ở thế gian này là biến động vô thường, tại sao ở Kinh này Phật lại nói *các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự vắng lặng*? Chữ *tướng* ở đây phải hiểu là *thật tướng*, tức là thể tánh của các pháp. Chúng ta quán sát thấy các pháp trên thế gian này tướng nó là biến động, có đó rồi mất đó. Thí dụ như cái đồng hồ, thông thường máy chạy, kim quay, chúng ta căn cứ trên kim đồng hồ, định ngày giờ mà làm việc. Nếu máy không chạy kim không quay thì đồng hồ không xài được. Như vậy, tất cả pháp thế gian được hữu dụng là do linh động có sự sống, nếu nó bất động coi như là chết vô dụng. Đó là cái thấy thông thường của thế gian. Nhưng nếu nhìn sâu hơn, chúng ta mở chốt đồng hồ ra, để riêng từng bộ phận thì máy không chạy, kim không quay; nếu ráp các bộ phận ấy lại thì máy đồng hồ chạy, kim đồng hồ quay. Như vậy, các pháp biến động là do duyên hợp mà có, chứ thật thể của nó vốn không động, nên nói tự tánh các pháp vốn tịch diệt.

Cũng vậy, tự tâm của mỗi người, khi mắt thấy người thấy cảnh... rồi khởi niệm nghĩ về người về cảnh đó là động niệm, mà động niệm là tướng duyên hợp sanh diệt vô thường, đủ duyên thì tạm có, thiếu duyên thì tạm không, không có thật thể cố định. Như vậy, pháp do duyên mà thành có hay thành không, thì pháp đó không thật. Còn pháp không do duyên mà thành, đó là cái chân thật.

Vậy, tất cả pháp ở thế gian này, nếu đứng về mặt bản thể mà nhìn, không có một pháp nào biến động vô thường cả. Sở dĩ thấy các pháp vô thường biến động là vì chưa thấy tột cùng bản thể của nó, nên theo tình chấp mà thấy có động tịnh, có vô thường. Nếu thấy tột cùng bản thể của nó thì thấy các pháp nguyên là bất động, lặng lẽ. Ngay nơi bản thân con người, sự sống và sự chết là do cái gì? Sống là do duyên, mà chết cũng do duyên. Vậy sống chết là chuyện của duyên; đã là chuyện của duyên thì không phải là chuyện của mình. Ngay nơi sống chết biết đó là tướng của duyên thì chúng ta không còn bị sống chết chi phối nữa, sự sống chết đối với chúng ta rất thường, không quan trọng.

Xưa, có thiền sư đọc tới hai câu trên ngài nghi: Tại sao các pháp từ xưa đến nay tướng thường vắng lặng? Ngài ôm ấp thắc mắc mãi trong lòng. Một sáng mùa xuân nọ, ngài ngồi trước cửa chùa, bỗng thấy chim hoàng oanh đậu trên cành liễu hót, ngài hoát nhiên ngộ đạo, liền đọc tiếp hai câu:

Xuân đáo bách hoa khai,
Hoàng oanh đề liễu thượng.

Hợp lại thành bài thơ bốn câu:

Chư pháp tùng bản lai,
Thường tự tịch diệt tướng.
Xuân đáo bách hoa khai,
Hoàng oanh đề liễu thượng.

Mùa xuân đến thì trăm hoa nở, chim hoàng oanh đậu trên cành liễu cất tiếng hót. Tất cả pháp, thể vốn không động, khi duyên hợp thì động, xuân sang thì hoa nở, chim hót. Xuân sang, hoa nở, chim hót là duyên. Cái động đó là động của duyên. Ngài thấy rõ ngay trong các pháp thể tánh nó vốn lặng lẽ, mà tướng dụng của nó thì biến động, như hoa nở, chim hót khi xuân đến. Ngộ đạo là thấy cùng tột bản thể của sự vật, cũng như nhận ra thể tánh của chính mình, đồng thời cũng biết rõ tướng dụng sinh động của nó không lầm lẫn. Chúng ta vì còn mê nên lầm chấp tướng dụng của các pháp cho là thật, đó là gốc của khổ đau. Người học đạo, nếu thấy tột chỗ cứu cánh này thì sẽ thành Phật không nghi, còn nếu chấp tướng động của thân của nghiệp thì vẫn là chúng sanh đi trong luân hồi sanh tử.

Đoạn này cốt nói rõ mục tiêu của chư Phật, vì thương xót chúng sanh mê lầm nên mãi chịu khổ. Các ngài dùng nhiều phương tiện giải bày cho hết khổ. Chỗ cứu cánh mà Phật muốn chỉ là Phật thừa, chứ không có thừa thứ hai thứ ba.

Chánh văn:

28. Vô số kiếp đã qua
Vô lượng Phật diệt độ
Trăm nghìn muôn ức Phật
Số nhiều không lường được.
Các Thế Tôn như thế
Các món duyên thí dụ

Vô số ức phương tiện
Diễn nói các pháp tướng,
Các đức Thế Tôn đó
Đều nói pháp Nhất thừa
Độ vô lượng chúng sanh
Khiến vào nơi Phật đạo
Lại các đại thánh chúa
Biết tất cả thế gian
Trời, người loài quần sanh
Thâm tâm chỗ ưa muốn
Bèn dùng phương tiện khác
Giúp bày nghĩa đệ nhất.

Giảng:

Đoạn này lặp lại ý đoạn trước. Vô số đức Phật đời quá khứ dùng mọi phương tiện giáo hóa chúng sanh khiến cho vào Phật đạo.

Chánh văn:

29. Nếu có loài chúng sanh
Gặp các Phật quá khứ
Hoặc nghe pháp bố thí
Hoặc trì giới, nhẫn nhục,
Tinh tấn, thiền, trí thảy
Các món tu phước tuệ,
Những người như thế đó

Đều đã thành Phật đạo
Sau các Phật diệt độ
Nếu người lòng lành dịu
Các chúng sanh như thế
Đều đã thành Phật đạo.

Giảng:

Nếu có những chúng sanh gặp chư Phật đời quá khứ, được các ngài dạy tu lục độ, những chúng sanh đó hay tu được lục độ thì họ đã thành Phật. Và sau khi Phật diệt độ, những chúng sanh có lòng lành dịu, thì cũng *đều đã thành Phật đạo*.

Chánh văn:

30. Các Phật diệt độ rồi
Người cúng dường xá-lợi
Dựng muôn ức thứ tháp
Vàng, bạc và pha lê
Xa cừ cùng mã não
Ngọc mai khôi, lưu ly
Thanh tịnh rộng nghiêm sức
Trau giồi nơi các tháp,
Hoặc có dựng miếu đá
Chiên-đàn và trầm thủy
Gỗ mật cùng gỗ khác
Gạch ngói bùn đất thảy,

Hoặc ở trong đồng trống
Chứa đất thành miếu Phật
Nhẫn đến đồng tử giỡn
Nhóm cát thành tháp Phật,
Những hạng người như thế
Đều đã thành Phật đạo.

Giảng:

Phật quá khứ đã diệt độ, nếu có ai xây tháp bằng vàng, bạc, pha lê... hoặc xây bằng gỗ, gạch, ngói, bùn, đất, cho đến trẻ con chơi làm tháp Phật để cúng dường, tất cả những người đó *đều đã thành Phật đạo.*

Chánh văn:

31. Nếu như người vì Phật
Xây dựng các hình tượng
Chạm trổ thành các tướng
Đều đã thành Phật đạo.
Hoặc dùng bảy báu làm
Thau, đồng bạch, đồng đỏ
Chất nhôm cùng chì kẽm
Sắt, gỗ cùng với bùn
Hoặc dùng keo, sơn, vải
Nghiêm sức làm tượng Phật
Những người như thế đó
Đều đã thành Phật đạo.

Vẽ vời làm tượng Phật
Trăm tướng phước trang nghiêm
Tự làm hoặc bảo người
Đều đã thành Phật đạo.
Nhẫn đến đồng tử giỡn
Hoặc cỏ cây và bút
Hoặc lấy móng tay mình
Mà vẽ làm tượng Phật
Những hạng người như thế
Lần lần chứa công đức
Đầy đủ tâm đại bi
Đều đã thành Phật đạo.
Chỉ dạy các Bồ-tát
Độ thoát vô lượng chúng.

Giảng:

Nếu các chúng sanh vì Phật mà tạo hình tượng ngài bằng bảy báu, hoặc dùng các thứ kim loại, hoặc dùng gỗ, bùn, keo, sơn, vải tạc thành tượng Phật, cho đến trẻ con dùng ngón tay hay dùng cây cỏ vẽ thành tượng Phật, nhờ tích chứa công đức, đầy đủ tâm đại bi, nên họ *đều đã thành Phật đạo.*

Chánh văn:

32. Nếu người nơi tháp miếu
Tượng báu và tượng vẽ
Dùng hoa, hương, phan, lọng

Lòng kính mà cúng dường
Hoặc khiến người trỗi nhạc
Đánh trống, thổi sừng ốc
Tiêu, địch, cầm, không hầu
Tỳ bà, chụp chả đồng
Các tiếng hay như thế
Đem dùng cúng dường hết
Hoặc người lòng vui mừng
Ca ngâm khen đức Phật
Nhẫn đến một tiếng nhỏ
Đều đã thành Phật đạo.

Giảng:

Nếu người ở trước tượng Phật hay tháp miếu Phật mà cúng dường hoa hương, phan lọng, hoặc dùng các loại nhạc cụ trỗi nhạc để cúng dường, hay ca ngâm khen ngợi Phật *đều đã thành Phật đạo.*

Chánh văn:

33. Nếu người lòng tán loạn
Nhẫn đến dùng một bông
Cúng dường nơi tượng vẽ
Lần thấy các đức Phật
Hoặc có người lễ lạy
Hoặc lại chỉ chắp tay
Nhẫn đến giơ một tay

Hoặc lại hơi cúi đầu
Dùng đây cúng dường tượng
Lần thấy vô lượng Phật
Tự thành đạo Vô thượng
Rộng độ chúng vô số
Vào Vô dư Niết-bàn
Như củi hết lửa tắt.
Nếu người lòng tán loạn
Vào nơi trong tháp miếu
Một xưng Nam-mô Phật
Đều đã thành Phật đạo,
Nơi các Phật quá khứ
Tại thế, hoặc diệt độ
Có người nghe pháp này
Đều đã thành Phật đạo.

Giảng:

Nếu người lòng tán loạn thấy tượng Phật, họ lễ lạy hoặc chỉ chắp tay, giơ tay, hoặc hơi cúi đầu để cúng dường Phật, thì lần lần thấy vô lượng Phật, tự thành đạo Vô thượng, độ tất cả chúng sanh vào Vô dư Niết-bàn. Hoặc những người lòng tán loạn vào tháp miếu thờ Phật, niệm Nam-mô Phật *đều đã thành Phật đạo.*

Đối với chư Phật thời quá khứ, những chúng sanh nào tạo được những phước duyên như vừa nêu thì *đều đã thành Phật đạo.* Câu *đều đã thành Phật đạo* cốt nhấn

mạnh ý nghĩa: Tất cả chúng sanh ai cũng có sẵn tri kiến Phật, nhưng vì mê lầm quên đi nên trầm luân trong lục đạo luân hồi. Bây giờ đủ duyên thức tỉnh, biết quay về thì sớm muộn gì cũng sẽ thành Phật. Vì đã có sẵn hạt giống, biết đem ra ươm trồng, thế nào rồi cũng thành quả. Đó là nói đối với người ở thời Phật quá khứ, dù chưa có lòng tin nhưng khi phát lòng tin hướng về Phật thì họ *đều đã thành Phật đạo.*

Chánh văn:

34. Các Thế Tôn vị lai
Số nhiều không thể lường
Các đức Như Lai đó
Cũng phương tiện nói pháp.
Tất cả các Như Lai
Dùng vô lượng phương tiện
Độ thoát các chúng sanh
Vào trí vô lậu Phật.
Nếu có người nghe pháp
Không ai chẳng thành Phật.
Các Phật vốn thệ nguyện
Ta tu hành Phật đạo
Khắp muốn cho chúng sanh
Cũng đồng được đạo này.
Các Phật đời vị lai
Dầu nói trăm nghìn ức

Vô số các pháp môn
Kỳ thật vì Nhất thừa.
Các Phật Lưỡng Túc Tôn
Biết pháp thường không tánh
Giống Phật theo duyên sanh
Cho nên nói Nhất thừa.
Pháp đó trụ ngôi pháp
Tướng thế gian thường còn
Nơi đạo tràng biết rồi
Đức Phật phương tiện nói.
Hiện tại mười phương Phật
Của trời người cúng dường
Số nhiều như hằng sa
Hiện ra nơi thế gian
Vì an ổn chúng sanh
Cũng nói pháp như thế.
Biết vắng bặt thứ nhất
Bởi dùng sức phương tiện
Dầu bày các món đạo
Kỳ thật vì Phật thừa.
Biết các hạnh chúng sanh
Thâm tâm nó nghĩ nhớ
Nghiệp quen từ quá khứ
Tánh dục, sức tinh tấn

Và các căn lợi độn
Dùng các món nhân duyên
Thí dụ cùng lời lẽ
Tùy cơ phương tiện nói.

Giảng:

Chư Phật đời vị lai nhiều vô số, dùng vô số phương tiện độ chúng sanh, cũng không ngoài mục đích chỉ cho chúng sanh nhận ra tri kiến Phật, nên nói rằng:

Biết pháp thường không tánh,
Giống Phật theo duyên sanh,
Cho nên nói Nhất thừa.

Tại sao nói các pháp thế gian thường không tánh? Tất cả pháp thế gian do duyên hợp mà có giả tướng, đã là giả tướng do duyên hợp mới có thì không có tự tánh cố định. Thí dụ cái nhà gồm cột, kèo, đòn tay, gạch ngói v.v... hợp lại tạm gọi là cái nhà. Nếu chỉ có cột mà không có đòn tay, ngói... thì không thành cái nhà, hoặc có ngói gạch mà không có kèo cột... cũng không thành cái nhà. Như vậy, cái nhà là tướng do duyên hợp, nó không có tự thể cố định, nên nói các pháp thường không tánh. Tại sao nói *Giống Phật theo duyên sanh*? Duyên sanh ở đây không có nghĩa do duyên hợp sanh ra giống Phật, mà nơi mỗi chúng sanh đều có sẵn Phật tánh, nếu được thầy giáo hóa khai ngộ và tự mình tu tỉnh thì Phật tánh sẽ hiển hiện. Vì vậy nên nói *Giống Phật theo duyên sanh*. Phật vì biết chúng sanh có sẵn giống Phật, nên ngài chỉ nói pháp Nhất thừa để cho chúng sanh tu thành Phật, chứ không nói thừa nào khác.

Pháp đó trụ ngôi pháp,
Tướng thế gian thường còn

Nghĩa là pháp đó ở đúng bản vị của nó, tướng thế gian thường trụ. Nếu chúng ta nhìn sự vật theo tướng nhân duyên hòa hợp thì thấy nó hư giả, chợt có chợt không, nên vô thường, không có tự thể cố định. Chính *tự thể không cố định* là cái tướng thường còn không biến dịch không thay đổi. Thí dụ như nước ở nhiệt độ trung bình thì lỏng, ở nhiệt độ cao bốc thành hơi, ở 0^{o} thì đông thành khối. Tùy theo duyên mà hình tướng nước có đổi thay từ lỏng sang cứng hay hơi, nhưng trên thể tánh của nước vẫn là ướt, không đổi thay, là thường còn. Đa số kinh A-hàm đều đứng trên mặt tướng dụng mà diễn nói, còn các kinh Đại thừa thì đứng trên bản thể của các pháp mà thuyết minh. Như vậy, nếu nhìn trên hình tướng thì thấy các pháp đổi thay vô thường. Nếu nhìn sâu đến thể tánh thì thấy thật tướng của các pháp là thường còn. Tuy Phật biết thể tánh của các pháp là như vậy, nhưng vì chúng sanh chưa đủ sức thấy như Phật, nên ngài phương tiện nói tướng dụng của các pháp là vô thường để dẫn dắt lần lần họ đi sâu vào bản thể. Hiểu như vậy mới không thấy mâu thuẫn và thấy rõ điểm đặc biệt của kinh Pháp Hoa: Quy tam thừa về Nhất thừa.

Chánh văn:

35. Ta nay cũng như vậy
Vì an ổn chúng sanh
Dùng các món pháp môn
Rao bày nơi Phật đạo

Ta dùng sức trí tuệ
Rõ tánh dục chúng sanh
Phương tiện nói các pháp
Đều khiến được vui mừng.
Xá-lợi-phất nên biết!
Ta dùng mắt Phật xem
Thấy sáu đường chúng sanh
Nghèo cùng không phước tuệ
Vào đường hiểm sanh tử
Khổ nối luôn không dứt
Sâu tham nơi ngũ dục
Như trâu mao mến đuôi
Do tham ái tự che
Đui mù không thấy biết
Chẳng cầu Phật thế lớn
Cùng pháp dứt sự khổ
Sâu vào các tà kiến
Lấy khổ muốn bỏ khổ
Phật vì chúng sanh này
Mà sanh lòng đại bi.

Giảng:

Sau khi Phật thành đạo, biết rõ tâm bệnh của chúng sanh, vì muốn cho họ an ổn nên ngài nói pháp đúng như chỗ họ muốn, vì vậy tất cả đều được vui mừng.

Phật dùng trí tuệ nhìn thấy chúng sanh lăn lộn trong sáu đường, nghèo phước đức, nghèo trí tuệ, nên mê mải đi trên con đường sanh tử hiểm trở không có ngày dừng. Ngay cả chư thiên ở cõi trời tuy sang quý nhưng đức Phật cũng vẫn thấy đó là hàng chúng sanh còn chìm trong dục lạc, vẫn còn bị sanh tử vô thường chi phối, nên Phật nói chưa đủ phước tuệ; nếu đủ phước tuệ thì thoát ly sanh tử, dứt luân hồi. Nếu còn đi trong vòng luân hồi sanh tử thì khổ này nối tiếp khổ kia, không bao giờ dứt. Như thai nhi ở trong bụng mẹ êm ấm, khi ra đời bất thần bị nóng lạnh cọ xát, đó là khổ. Lúc còn nhỏ được cha mẹ nuôi dưỡng chu đáo, nhưng thỉnh thoảng cũng bị ốm đau bức ngặt, đó là khổ. Đến tuổi già răng rụng, mắt mờ, tai điếc, bệnh hoạn thúc bách, đó là khổ. Rồi chết đến, hơi thở dồn dập bức ngặt là khổ. Đó là một dòng khổ đuổi nhau từ lúc mở mắt chào đời cho tới ngày nhắm mắt, chung cuộc của kiếp người, chẳng những chỉ một đời này khổ mà còn tiếp diễn tới nhiều đời sau, triền miên không dứt. Thế mà mọi người đối với ngũ dục thế gian lại tưởng là vui, cứ đeo đuổi nắm bắt.

Thế nên, ở đây Phật mới nói: Lòng tham ngũ dục của con người, giống như con trâu mao mến cái đuôi. Trâu mao có đuôi dài và đẹp, đi đâu cũng gác cái đuôi trên lưng, không để cái đuôi lết dưới đất hay dùng đuôi để đuổi ruồi muỗi, vì sợ dơ và rụng lông. Để thấy, đó là cái mê mờ của chúng sanh, đã đi trong đường khổ mà không ý thức được cái khổ, cứ ham thích bám giữ, để rồi chìm sâu trong khổ đau. Tất cả mọi khổ đau đều từ tham muốn mà có, bao giờ hết tham muốn là hết khổ,

mà người đời cứ nuôi lòng tham muốn nên khổ mãi. Vì vậy đức Phật nói: Tham ái là cái che lấp, làm cho chúng sanh mờ tối không thấy được lẽ thật. Thí dụ hai bà mẹ có hai đứa con chơi chung, chúng bất hòa cãi lộn, mỗi bà vì quá thương con nên không còn biết phải quấy, đứng ra bênh vực con mình, cũng cãi lộn nhau. Người mình thương thì quấy cũng thành phải, người mình ghét thì phải cũng thành quấy, không mù là gì?

Tất cả mọi thấy biết của chúng sanh đều theo lòng tham ái của chính mình, nói và làm theo cái tham ái đó, nên không thấy được lẽ thật. Vì vậy mà Phật nói chúng sanh đui mù. Bởi đui mù nên càng ngày càng chìm sâu trong tà kiến, bám lấy khổ mà muốn bỏ khổ. Kinh A-hàm, Phật dạy *chúng sanh bị sanh mà cầu sanh, bị vô thường mà cầu cái vô thường*. Tức là thân này bị sanh ra đã khổ, khi sắp già chết lại muốn đời sau tái sanh mang thân khác. Chính thân này đã vô thường, lại ham muốn những cái vô thường khác. Chẳng hạn mong có chiếc xe thật tốt để khỏi đi bộ cho đỡ khổ nhưng khi được rồi, thời gian sau nó hư phải nhọc công sửa chữa lại càng thêm khổ. Đó là tự thân đã khổ, mà muốn lấy khổ để bỏ khổ. Thế nên, Phật khởi tâm đại bi thương xót chúng sanh tham ái mù tối, mà vì họ nói pháp độ cho hết khổ.

Chánh văn:

36. Xưa, ta ngồi đạo tràng
Xem cây cùng kinh hành

Trong hai mươi mốt ngày
Suy nghĩ việc như vầy:
Trí tuệ của ta được
Vi diệu rất thứ nhất
Chúng sanh các căn chậm
Tham vui si làm mù
Các hạng người như thế
Làm sao mà độ được?
Bấy giờ các Phạm vương
Cùng các trời Đế-thích
Bốn Thiên vương hộ đời
Và trời Đại Tự Tại
Cùng các thiên chúng khác
Trăm nghìn ức quyến thuộc
Chắp tay cung kính lễ
Thỉnh ta chuyển pháp luân.
Ta liền tự suy nghĩ
Nếu chỉ khen Phật thừa
Chúng sanh chìm nơi khổ
Không thể tin pháp đó
Do phá pháp không tin
Rớt trong ba đường dữ
Ta thà không nói pháp
Mau vào cõi Niết-bàn.

Liền nhớ Phật quá khứ
Thực hành sức phương tiện
Ta nay chứng được đạo
Cũng nên nói ba thừa.

Giảng:

Xưa, đức Phật mới thành đạo, hoặc ngài ngồi ngay đạo tràng, hoặc đi dạo trong vườn cây, hoặc đi kinh hành trên đường thẳng, suốt hai mươi mốt ngày, Phật nghĩ rằng trí tuệ mà ngài chứng được thì quá vi diệu, tối thượng, còn chúng sanh thì căn cơ quá ám độn, lại bị lòng tham ưa ngũ dục che mờ, làm sao mà độ được? Ngài nghĩ như vậy thì chư thiên đến thỉnh ngài nên thuyết pháp. Ngài mới nghĩ tiếp, nếu nói thẳng Phật thừa mà ta đã chứng thì e chúng sanh không thể tin nhận, sanh lòng hủy báng chánh pháp, sẽ mắc tội phá pháp rơi vào ba đường dữ, tốt hơn ta nên vào Niết-bàn. Nhưng ngài nhớ lại chư Phật quá khứ từng dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sanh, nay ta cũng dùng phương tiện nói ba thừa để dẫn dắt họ từ từ.

Chánh văn:

37. Lúc ta nghĩ thế đó
Mười phương Phật đều hiện
Tiếng Phạm an ủi ta
Hay thay! Đức Thích-ca
Bậc Đạo sư thứ nhất
Được pháp Vô thượng ấy

Tùy theo tất cả Phật
Mà dùng sức phương tiện
Chúng ta cũng đều được
Pháp tối diệu thứ nhất
Vì các loại chúng sanh
Phân biệt nói ba thừa.
Trí kém ưa pháp nhỏ
Chẳng tự tin thành Phật
Cho nên dùng phương tiện
Phân biệt nói các quả
Dầu lại nói ba thừa
Chỉ vì dạy Bồ-tát.

Giảng:

Khi đức Phật Thích-ca nghĩ nên mở bày phương tiện để giáo hóa chúng sanh, thì mười phương chư Phật hoan hỷ tán thán ngài là bậc thầy thứ nhất, khéo léo biết dùng ba thừa để giáo hóa, nhưng rốt sau chỉ dùng Phật thừa để dạy Bồ-tát.

Chánh văn:

38. Xá-lợi-phất nên biết!
Ta nghe các đức Phật
Tiếng nhiệm mầu rất sạch
Xưng: "Nam-mô chư Phật!"
Ta lại nghĩ thế này:

Ta ra đời trược ác
Như các Phật đã nói
Ta cũng thuận làm theo.
Suy nghĩ việc đó rồi
Liền đến thành Ba-nại.
Các pháp tướng tịch diệt
Không thể dùng lời bày
Bèn dùng sức phương tiện
Vì năm Tỳ-kheo nói.
Đó gọi chuyển pháp luân
Bèn có tiếng Niết-bàn
Cùng với A-la-hán
Tên Pháp, Tăng sai khác.
Từ kiếp xa vẫn lại
Khen bày pháp Niết-bàn
Dứt hẳn khổ sống chết
Ta thường nói như thế.

Giảng:

Nghe chư Phật quá khứ khen, ngài liền hướng về chư Phật xưng: *Nam-mô Phật*. Sau đó, ngài bắt đầu khởi phương tiện tìm đến Uất-đầu Lam-phất (Udraka Rāmaputra) là vị thầy cũ dạy ngài tu chứng Phi tưởng phi phi tưởng xứ định và A-la-lam (Ārāḍa Kālāma) vị thầy dạy ngài tu từ Sơ thiền cho đến Vô sở hữu xứ định.

Nhưng hai vị này vừa viên tịch, ngài mới tới thành Ba-la-nại nơi vườn Lộc Uyển, nói pháp Tứ đế độ năm anh em Kiều-trần-như là những người đồng tu học với ngài thuở trước. Từ đó mới có Tam bảo Phật Pháp Tăng, mới có danh từ *Chuyển pháp luân, Niết-bàn, A-la-hán*. Lần chuyển pháp luân này là phương tiện đầu tiên ngài dùng để giáo hóa chúng sanh.

Chánh văn:

39. Xá-lợi-phất phải biết!
Ta thấy các Phật tử
Chí quyết cầu Phật đạo
Vô lượng nghìn muôn ức
Đều dùng lòng cung kính
Đồng đi đến chỗ Phật
Từng đã theo các Phật
Nghe nói pháp phương tiện.
Ta liền nghĩ thế này:
Sở dĩ Phật ra đời
Để vì nói Phật tuệ
Nay chính đã đúng giờ.

Giảng:

Sau khi Phật phương tiện nói pháp Tứ đế v.v... để giáo hóa, ngài xét lại thấy thời cơ đã đến, chúng sanh nghe pháp đầy đủ lòng tin, ngài thấy cần phải nói thẳng về Phật thừa, nên bắt đầu nói kinh Pháp Hoa.

Chánh văn:

40. Xá-lợi-phất phải biết!
Người căn chậm trí nhỏ
Kẻ chấp tướng kiêu mạn
Chẳng thể tin pháp này.
Nay ta vui vô úy
Ở trong hàng Bồ-tát
Chính bỏ ngay phương tiện
Chỉ nói đạo Vô thượng.
Bồ-tát nghe pháp đó
Đều đã trừ lưới nghi
Nghìn hai trăm La-hán
Cũng đều sẽ thành Phật.
Như nghi thức nói pháp
Của các Phật ba đời
Ta nay cũng như vậy
Nói pháp không phân biệt.
Các đức Phật ra đời
Lâu xa khó gặp gỡ
Chính sử hiện ra đời
Nói pháp này khó hơn,
Vô lượng vô số kiếp
Nghe pháp này cũng khó,
Hay nghe được pháp này

Người đó cũng lại khó,
Thí như hoa linh thoại
Tất cả đều ưa mến
Ít có trong trời, người
Lâu lâu một lần trổ.

Giảng:

Phật nói với ngài Xá-lợi-phất rằng: Những người căn trí nhỏ, chậm lụt, chấp tướng, kiêu mạn, không thể tin pháp Phật nói. Họ chỉ có cái ưa muốn tầm thường, như cư sĩ tu thì mong đời sau giàu sang sung sướng, con cái hiếu thảo v.v... Còn người xuất gia tu thì mong đời sau chuyển nữ thành nam, hoặc được thông minh trí tuệ... Hoặc người kẹt trên hình tướng thì pháp có hình tướng mới tin, còn tri kiến Phật không tướng mạo thì không đủ sức tin nhận. Với người kiêu mạn, họ đã tự thấy đủ, không cần cầu nghe học thì không thể đến được tri kiến Phật. Đó là những tâm bệnh của chúng sanh nên không thể tin nhận chỗ Phật dạy ở kinh Pháp Hoa này. Nhưng Phật thấy thời tiết đến, lòng chấp của chúng sanh mòn mỏng, ngài không ngại, không sợ, sẽ vì hàng Bồ-tát nói thẳng chỗ cứu cánh là Phật thừa, khiến cho hết lòng nghi sẽ chứng quả Phật. Bởi lâu lắm mới có Phật ra đời; tuy Phật ra đời là khó, nhưng chưa khó bằng nói thẳng tri kiến Phật, đó là cái khó thứ nhất; người nghe được pháp này cũng khó, là cái khó thứ hai; nếu nghe rồi mà khéo lãnh hội lại càng khó hơn, là cái khó thứ ba. Như vậy, pháp khó nói mà Phật

đã nói, pháp khó nghe mà chúng ta được nghe và nghe rồi khéo lãnh hội là tùy ở mỗi người chúng ta. Những cái khó đó nếu chúng ta vượt qua được, giống như hoa ưu-đàm cả ngàn năm mới nở một lần. Vậy nên phải khéo nghe và thấy rằng nghe được pháp này là việc hy hữu, không phải là chuyện thông thường. Đó là lời khuyến khích của Phật để cho tất cả thính chúng quý trọng pháp và lắng nghe pháp.

Chánh văn:

41. Người nghe pháp mừng khen
Nhẫn đến nói một lời
Thời là đã cúng dường
Tất cả Phật ba đời
Người đó rất ít có
Hơn cả hoa ưu-đàm.
Các ông chớ có nghi
Ta là vua các pháp
Khắp bảo các đại chúng
Chỉ dùng đạo Nhất thừa
Dạy bảo các Bồ-tát
Không Thanh văn đệ tử.

Giảng:

Phật nói rằng người nghe pháp này mà vui mừng, khen ngợi, cho đến nói một lời tán thán thôi, là người đó

đã cúng dường tất cả Phật trong ba đời, và người đó có mặt trên nhân gian này quý hơn là hoa ưu-đàm. Bởi vậy mà Phật khuyên mọi người đừng có nghi, vì Phật là ông Vua pháp, tức là vị đã biết tột được tâm bệnh của chúng sanh, nói pháp đúng thời đúng bệnh, hướng dẫn chúng sanh từ thấp lên cao, đến chỗ rốt ráo. Chúng sanh chớ có nghi ngờ, nghe rồi phải tin hiểu. Ngài kết thúc, việc ngài nói pháp độ cho Thanh văn đó chỉ là phương tiện tùy cơ, chứ chỗ nhắm của Phật là dạy cho hàng Bồ-tát tu để thành Phật.

Chánh văn:

42. Xá-lợi-phất các ông!
Thanh văn và Bồ-tát
Phải biết pháp mầu này
Bí yếu của các Phật.
Bởi đời ác năm trược
Chỉ tham ưa các dục
Những chúng sanh như thế
Trọn không cầu Phật đạo.
Người ác đời sẽ tới
Nghe Phật nói Nhất thừa
Mê lầm không tin nhận
Phá pháp đọa đường dữ.
Người tàm quý trong sạch
Quyết chí cầu Phật đạo

Nên vì bọn người ấy
Rộng khen đạo Nhất thừa.
Xá-lợi-phất nên biết!
Pháp các Phật như thế
Dùng muôn ức phương tiện
Tùy thời nghi nói pháp
Người chẳng học tập tu
Không hiểu được pháp này.
Các ông đã biết rõ
Phật là thầy trong đời
Việc phương tiện tùy nghi
Không còn lại nghi lầm
Lòng sanh rất vui mừng
Tự biết sẽ thành Phật.

Giảng:

Phật nói rằng hàng Thanh văn, Duyên giác hay Bồ-tát nên biết diệu pháp mà Phật dạy là bí yếu của chư Phật, tất cả chư Phật ra đời cốt để truyền dạy cái bí yếu đó. Trong đời ác ngũ trược sau này, chúng sanh tham ưa đắm mê dục lạc, không hề cầu Phật đạo, nghe Phật nói Nhất thừa, họ mê chấp không thể tin nhận, rồi sẽ phá chánh pháp đọa vào đường dữ. Còn nếu ai biết hổ thẹn, gìn giữ giới luật trong sạch, có chí cầu Phật đạo thì nên vì những người đó nói đạo Nhất thừa tức là nói kinh Pháp Hoa. Pháp của Phật là như thế. Ngài dùng

muôn ức phương tiện tùy cơ mà nói, nếu người không chịu học thì không thể hiểu, Phật là bậc thầy khéo dùng mọi phương tiện hướng dẫn, chúng ta chớ có nghi ngờ. Nếu nghe rồi hoan hỷ tin nhận tu hành thì chắc chắn sẽ được thành Phật.

III- PHẨM THÍ DỤ

Trong kinh Pháp Hoa có tất cả bảy dụ, tại sao chỉ riêng phẩm này lấy tên là Thí Dụ, còn những phẩm khác cũng dụ mà không để tên Thí Dụ? Kinh Pháp Hoa, phẩm Phương Tiện nói lên bản hoài của chư Phật ra đời, cốt làm sao cho tất cả chúng sanh đều được khai, thị, ngộ, nhập tri kiến Phật của chính mình, hay nói cách khác là nhận ra và hằng sống với tánh giác của chính mình. Nhưng khi chư Phật ra đời không nói thẳng bản hoài đó, vì căn cơ chúng sanh chưa kham thọ nhận, nên Phật phương tiện nói ngũ thừa, tam thừa, sau cùng mới nói Phật thừa. Trong phẩm này, đức Phật đã dùng những thí dụ để làm sáng tỏ thêm chỗ cứu cánh, để hiển bày những phương tiện mà ngài đã dẫn dắt chỉ là tạm thời. Nhờ vậy đã giúp cho hàng trung căn dễ dàng nhận ra đâu là mục tiêu chính mà Phật muốn chỉ. Cho nên phẩm này lấy tên là Thí Dụ.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất hớn hở vui mừng, liền đứng dậy chắp tay chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật mà bạch Phật rằng:

Nay con theo đức Thế Tôn nghe được tiếng pháp này, trong lòng hớn hở được điều chưa từng có. Vì sao? Con xưa theo Phật nghe pháp như thế này, thấy các vị Bồ-tát được thọ ký thành Phật, mà chúng con chẳng được dự việc đó, tự rất cảm thương mất vô lượng tri kiến Như Lai.

Thế Tôn! Con thường khi một mình ở dưới cây trong núi rừng, hoặc ngồi, hoặc đi kinh hành, hằng nghĩ như vầy: "Chúng ta đồng vào pháp tánh, tại sao đức Như Lai lại dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ cho?

Đó là lỗi của chúng con chứ chẳng phải là Thế Tôn vậy. Vì sao? Nếu chúng con chờ Phật nói pháp sở nhân thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thời chắc do pháp Đại thừa mà được độ thoát. Song chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp, vừa mới nghe Phật nói pháp, vội tin nhận suy gẫm để chứng lấy.

Thế Tôn! Con từ xưa đến nay trọn ngày luôn đêm hằng tự trách mình, mà nay được từ Phật nghe pháp chưa từng có, trước chưa hề nghe, dứt các lòng nghi hối, thân ý thơ thới rất được an ổn. Ngày nay mới biết mình thật là Phật tử, từ miệng Phật sanh ra, từ pháp hóa sanh, được pháp phần của Phật.

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất sau khi nghe Phật nói về trí tuệ Phật, ngài liền tin mình có khả năng thành Phật, hay nói một cách khác là ngài ngộ được tri kiến Phật của chính mình, nên vui mừng hớn hở đứng dậy chắp tay trình sở ngộ với Phật.

Xưa, ngài Xá-lợi-phất nghe Phật dạy Tứ đế hay Mười hai nhân duyên, chứ không nghe Phật nói tri kiến Phật, chỉ riêng hàng Bồ-tát mới được nghe và được thọ ký sẽ thành Phật, còn ngài thì không được dự phần. Tự thấy cảm thương mình nên những lúc ở dưới cội cây trong núi rừng, hoặc ngồi, hoặc kinh hành, ngài hằng nghĩ tất cả mọi người ai cũng như ai, tại sao người được nghe pháp tối thượng, người chỉ được nghe pháp Tiểu thừa? Tại sao có chỗ sai biệt như thế? Thí dụ nhiều người tới học đạo, có người tôi khuyên nên ăn ở hiền lành, sống làm sao cho gia đình được hòa thuận tin yêu lẫn nhau. Có người tôi dạy quán các pháp như huyễn để phá ngã chấp và pháp chấp, để tự mình được giải thoát và giải thoát cho chúng sanh. Dạy như vậy tôi có bất công không? Không. Dạy tu khế lý mà phải khế cơ, nếu trình độ người thấp mà dạy pháp cao thì họ không thể lãnh hội và ứng dụng tu được, nếu ứng dụng không được thì không có lợi ích mà còn thiệt hại là khác. Vì vậy buộc lòng phải nói pháp ngang với trình độ người nghe, cho họ được lợi ích thực tiễn. Còn đối với người đã thuần thục thì nói thẳng pháp cao họ ứng dụng được, chẳng những tự họ có lợi ích mà còn có lợi cho người sau. Sở dĩ Phật nói pháp sai biệt giữa các môn đồ là bởi căn cơ sai khác, với người

trình độ thấp thì ngài dùng phương tiện nâng lên từ từ, đến khi họ kham lãnh được pháp lớn thì ngài bình đẳng nói pháp Nhất thừa. Vậy, nếu mình học pháp thấp mà người khác được học pháp cao, chớ trách người dạy bất công mà phải tự biết mình chưa đủ sức kham lãnh pháp cao, nên người hướng dẫn phải tùy thuận theo khả năng của mình mà dạy pháp thấp. Đó là cái khéo của người giáo hóa.

Ở đây, ngài Xá-lợi-phất tự nhận lỗi mình là đã mất vô lượng tri kiến Như Lai. Nghĩa là ngài có sẵn tri kiến Như Lai, nhưng vì căn cơ thấp kém nên Phật không nói thẳng Phật thừa cho ngài mà chỉ nói pháp Nhị thừa. Ngài tự cảm thương mình chứ không trách Phật. Nếu ngài chờ Phật nói cái nhân thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi ngay đó mà tu hành thì sẽ được thành Phật. Nhưng vì không hiểu Phật phương tiện tùy cơ nói pháp Nhị thừa, liền tin và tu theo pháp Nhị thừa. Đó là lỗi ở ngài chứ không phải lỗi ở Phật.

Kế đó, ngài Xá-lợi-phất tán thán pháp mà Phật nói chưa từng có chưa từng nghe, dứt lòng nghi hối được an ổn. Ngài tự xác nhận mình *là con Phật, từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh, được pháp phần của Phật*. Sở dĩ ngài Xá-lợi-phất tự nhận như vậy là vì người tu lấy trí tuệ làm mạng sống, vì nhân lời Phật dạy mà được trí tuệ, đó là *từ miệng Phật sanh*. Nhờ pháp Phật khiến cho trí tuệ ngày càng tăng trưởng, đó là *từ pháp hóa sanh*. Được từng phần giác ngộ, nên nói *được pháp phần của Phật*.

Ngày nay, đa số người đi chùa tự nhận mình là Phật tử, tức là con của đấng Giác ngộ. Nếu không giác ngộ toàn phần thì ít ra cũng giác ngộ từng phần mới dám xưng là Phật tử, chứ không phải vô phần giác ngộ mà tự xưng là Phật tử được. Trong kinh Phật dạy, người học Phật phải có đủ ba môn trí tuệ là Văn tuệ, Tư tuệ và Tu tuệ. Văn tuệ tức là nghe lời Phật dạy mà khai thông trí tuệ, đó là từ miệng Phật sanh. Tư tuệ là do tư duy pháp Phật dạy mà trí tuệ phát sanh, đó là từ pháp hóa sanh. Tu tuệ là do tu thiền định mà phát sanh trí tuệ, đó là được pháp phần của Phật. Người học Phật phải có được một trong ba phần trí tuệ vừa nêu thì mới gọi là Phật tử, nếu không hiểu gì về đạo lý giải thoát thì chưa xứng đáng là Phật tử. Đây tôi nêu đôi phần giác ngộ để quý vị tự xét xem mình có phải là Phật tử không? Phật nói tất cả pháp có hình tướng ở thế gian đều là vô thường. Nếu tin mà chưa thấy rõ các pháp là vô thường thì chưa gọi là giác. Từ lâu chúng ta mê muội thấy đời là đẹp là thường, nhờ nghe Phật nói tất cả pháp có hình tướng đều là vô thường mà tâm sáng lên, biết mình đã mê lầm (Văn tuệ). Sau khi nghe rồi suy gẫm, nghiệm xét từ con người đến cảnh vật đều trải qua những giai đoạn thành trụ hoại không, biến dịch không ngừng, biết rõ ràng tất cả pháp có hình tướng đều bị luật vô thường chi phối (Tư tuệ). Sau khi xác nhận lời Phật dạy là chân lý, thì ứng dụng vào đời sống hằng ngày, chẳng hạn tâm vừa dấy khởi chạy theo sắc, theo danh, theo lợi... liền nhớ tới thân vô thường, cảnh vật vô thường, có đó rồi mất đó, đuổi theo danh lợi rồi danh lợi cũng sẽ mất,

ngay đó dẹp được lòng tham danh lợi (Tu tuệ). Người tu sống được như vậy mới không hổ thẹn với danh xưng Phật tử.

Chánh văn:

Khi ấy, ngài Xá-lợi-phất muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2. Con nghe tiếng pháp này
Được điều chưa từng có
Lòng rất đỗi vui mừng
Lưới nghi đều đã trừ,
Xưa nay nhờ Phật dạy
Chẳng mất nơi Đại thừa.
Tiếng Phật rất ít có
Hay trừ khổ chúng sanh
Con đã được lậu tận
Nghe cũng trừ lo khổ.
Con ở nơi hang núi
Hoặc dưới cụm cây rừng
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Thường suy nghĩ việc này.
Than ôi! Rất tự trách
Sao lại tự khi mình
Chúng ta cũng Phật tử
Đồng vào pháp vô lậu
Chẳng được ở vị lai

Nói pháp Vô thượng đạo,
Sắc vàng, ba hai tướng
Mười lực, các giải thoát.
Đồng chung trong một pháp
Mà chẳng được việc đây
Tám mươi tướng tốt đẹp
Mười tám pháp bất cộng
Các công đức như thế
Mà ta đều đã mất.

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất nghe Phật nói mọi người ai cũng có tri kiến Phật, và chủ yếu Phật ra đời là để khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Ngài tin chắc rằng ngài sẽ được pháp Đại thừa và được thành Phật. Ngài Xá-lợi-phất nói Phật thuyết pháp cốt là giải khổ cho chúng sanh. Rồi ngài tự trách mình là đệ tử của Phật, cũng được pháp vô lậu mà không được thọ ký thành Phật đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, thập lực, tám món giải thoát.

Chánh văn:

3. Lúc con kinh hành riêng
Thấy Phật ở trong chúng
Danh đồn khắp mười phương
Rộng lợi ích chúng sanh.
Tự nghĩ mất lợi này

Chính con tự khi dối
Con thường trong ngày đêm
Hằng suy nghĩ việc đó
Muốn đem hỏi Thế Tôn
Là mất hay không mất?
Con thường thấy Thế Tôn
Khen ngợi các Bồ-tát
Vì thế nên ngày đêm
Suy lường việc như vậy.

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất khi ở chỗ vắng vẻ suy gẫm có phải mình đã tự mất giống Phật không, muốn đem hỏi Thế Tôn mà ngài chưa dám hỏi.

Chánh văn:

4. Nay nghe tiếng Phật nói
Theo cơ nghi dạy pháp
Vô lậu khó nghĩ bàn
Khiến chúng đến đạo tràng.
Con xưa chấp tà kiến
Làm thầy các Phạm chí
Thế Tôn rõ tâm con
Trừ tà nói Niết-bàn.
Con trừ hết tà kiến
Được chứng nơi pháp không,

Bấy giờ lòng tự bảo
Được đến nơi diệt độ.
Mà nay mới tự biết
Chẳng phải thật diệt độ.
Nếu lúc được thành Phật
Đủ ba mươi hai tướng
Trời, người, chúng dạ-xoa
Rồng, thần đều cung kính
Bây giờ mới được nói
Dứt hẳn hết không thừa.
Phật ở trong đại chúng
Nói con sẽ thành Phật
Nghe tiếng pháp như vậy
Lòng nghi hối đã trừ.

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất nói thuở xưa ngài là thầy của ngoại đạo Phạm chí, Phật biết tâm của ngài nên giáo hóa ngài trừ hết các tà kiến, chứng được pháp không, tức Niết-bàn của Nhị thừa. Nghĩa là ngài quán sát thấy thân này do năm uẩn giả hợp mà thành, tự tánh nó là không nên nói là vô ngã. Người đạt được lý đó thì chứng quả A-la-hán. Ngài tưởng chứng quả A-la-hán là Niết-bàn thật. Bây giờ nghe Phật nói pháp Đại thừa mới biết đó là Niết-bàn tạm, chứ không phải Niết-bàn thật. Tu bao giờ công đức viên mãn thành Phật mới là Niết-bàn thật, ngài không nghi ngờ nữa.

Chánh văn:

5. Khi mới nghe Phật nói
Trong lòng rất sợ nghi
Phải chăng ma giả Phật
Não loạn lòng ta ư?
Phật dùng các món duyên
Thí dụ khéo nói phô,
Lòng kia an như biển
Con nghe, lưới nghi dứt.
Phật nói thuở quá khứ
Vô lượng Phật diệt độ
An trụ trong phương tiện
Cũng đều nói pháp đó.
Phật hiện tại, vị lai
Số nhiều cũng vô lượng
Cũng dùng các phương tiện
Diễn nói pháp như thế.
Như Thế Tôn ngày nay
Từ sanh đến xuất gia
Được đạo chuyển pháp luân
Cũng dùng phương tiện nói.
Thế Tôn nói đạo thật
Ba-tuần không nói được.
Vì thế con định biết

Không phải ma giả Phật,
Con sa vào lưới nghi
Cho là ma làm ra.
Nghe tiếng Phật êm dịu
Sâu xa rất nhiệm mầu
Nói suốt pháp thanh tịnh
Tâm con rất vui mừng.
Nghi hối đã hết hẳn
An trụ trong thật trí
Con quyết sẽ thành Phật
Được trời, người cung kính
Chuyển pháp luân Vô thượng
Giáo hóa các Bồ-tát.

Giảng:

Khi mới nghe Phật nói những vị A-la-hán, Duyên giác tuy chứng Niết-bàn nhưng không phải thật, ngài Xá-lợi-phất tưởng chừng như ma hóa ra Phật nói. Vì ngày xưa Phật dạy pháp Tứ đế là lý chân thật, ngày nay lại nói Diệt đế chưa phải là cứu cánh, chưa phải là Niết-bàn nên ngài nghi. Nhưng ngài nghe Thế Tôn giảng chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai khi ra đời giáo hóa đều dùng phương tiện như nhau, trước nói ba thừa rồi sau nói Phật thừa, nhờ vậy mà ngài tin chắc đó là lời Phật nói không phải là ma. Nên ngài nói rằng nay nghe tiếng Phật rất êm dịu, sâu xa nhiệm mầu thanh tịnh, ngài vui mừng hết nghi, tin chắc sẽ thành Phật, nói pháp

Đại thừa giáo hóa Bồ-tát. Tới đây ngài Xá-lợi-phất có lòng tin bất thối chuyển không còn lui sụt nữa, quyết định sẽ tiến tới quả Phật, vì vậy mà sau này được thọ ký thành Phật.

Chúng ta nghe Phật nói, có đủ lòng tin mình có sẵn tri kiến Phật, khởi tâm tu thì sẽ thành Phật không? Tri kiến Phật là cái nhân, là hạt giống Phật, nếu đã tiến tu không thối chuyển thì nhất định sẽ thành Phật không nghi. Và được thọ ký vô lượng kiếp về sau sẽ thành Phật, không cố định thời gian dài ngắn, quyết định sẽ thành Phật. Đó là then chốt mà người tụng hay trì kinh Pháp Hoa phải nắm vững. Nếu trì kinh Pháp Hoa mà còn mong cầu cho có phước, giàu sang, vui tươi, mát mẻ... thì chưa đúng tinh thần trì kinh Pháp Hoa.

Chánh văn:

6. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

Ta nay ở trong hàng trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn mà nói. Ta xưa từng ở nơi hai muôn ức Phật vì đạo Vô thượng nên thường giáo hóa ông, ông cũng lâu dài theo ta thọ học, ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sanh vào trong pháp ta.

Xá-lợi-phất! Ta thuở xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, ông nay đều quên mà bèn tự nói đã được diệt độ. Ta nay lại muốn khiến ông nghĩ nhớ bản nguyện cùng đạo đã làm, mà vì các Thanh văn nói kinh Đại thừa tên là "Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm".

Giảng:

Đức Phật Thích-ca mới thành Phật trong đời này, tại sao ở đây lại nói đức Phật đã từng ở hai muôn ức Phật, vì đạo Vô thượng thường giáo hóa ngài Xá-lợi-phất, ngài Xá-lợi-phất cũng đã từ lâu theo Phật thọ học, và được Phật phương tiện dẫn dắt cho vào pháp Phật? Phật lâu xa đó là chỉ cho Phật pháp thân, còn Phật thành đạo ở Ấn Độ là Phật hóa thân. Đứng về mặt pháp thân thì ai cũng có pháp thân Phật, nên nói Phật từng giáo hóa từ xa xưa, và đã từng dạy cho ngài Xá-lợi-phất tu với chí nguyện thành Phật, nhưng vì ngài Xá-lợi-phất quên đi. Khi nghe pháp Nhị thừa, ngài tu được diệt độ bèn cho là đã đủ. Vì vậy mà đức Phật đã nhắc lại hạnh nguyện xưa của ngài Xá-lợi-phất, rồi mới vì hàng Thanh văn nói kinh Pháp Hoa, để thấy tất cả mọi người ai cũng có bản nguyện thành Phật. Bản nguyện đó chính là Phật tánh sẵn có nơi mỗi người, nhưng vì quên, nên khi nghe pháp nhỏ liền chấp nhận và tu rồi tự hài lòng nơi đó. Bây giờ Phật nhắc ai cũng sẵn có tri kiến Phật và ai tu cũng sẽ thành Phật, chừng đó mới chợt nhận ra tu là phải thành Phật, chứ tầng bậc quả vị chỉ là tạm thời thôi.

Chánh văn:

7. Xá-lợi-phất! Ông đến đời vị lai, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghị kiếp, cúng dường bao nhiêu nghìn muôn ức Phật, phụng trì chánh pháp đầy đủ đạo tu hành của Bồ-tát sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải,

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Nước tên Ly Cấu, cõi đó bằng phẳng, thanh tịnh đẹp đẽ, an ổn giàu vui, trời, người đông đảo. Lưu ly làm đất, có tám đường giao thông, dây bằng vàng ròng để giăng bên đường, mé đường đều có hàng cây bằng bảy báu, thường có bông trái. Đức Hoa Quang Như Lai cũng dùng ba thừa giáo hóa chúng sanh.

Xá-lợi-phất! Lúc đức Phật ra đời dầu không phải đời ác mà bởi bản nguyện nên nói pháp ba thừa. Kiếp đó tên là "Đại Bửu Trang Nghiêm". Vì sao gọi là "Đại Bửu Trang Nghiêm"? Vì trong cõi đó dùng Bồ-tát làm "Đại Bửu" vậy. Các Bồ-tát đó số đông vô lượng vô biên bất khả tư nghị, tính kể hay thí dụ đều không kịp đến được, chẳng phải sức trí tuệ của Phật không ai có thể biết được. Khi muốn đi thì có hoa báu đỡ chân.

Các vị Bồ-tát đó không phải hàng mới phát tâm, đều đã trồng cội đức từ lâu. Ở nơi vô lượng trăm nghìn muôn ức đức Phật, tịnh tu phạm hạnh, hằng được các Phật ngợi khen. Thường tu trí tuệ của Phật, đủ sức thần thông lớn, khéo biết tất cả các pháp môn, ngay thật không dối, chí niệm bền vững, bậc Bồ-tát như thế, khắp đầy nước đó.

Xá-lợi-phất! Đức Phật Hoa Quang thọ mười hai tiểu kiếp, trừ lúc còn làm vương tử chưa thành Phật. Nhân dân nước đó thọ tám tiểu kiếp. Đức Hoa

Quang Như Lai quá mười hai tiểu kiếp thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho Kiên Mãn Bồ-tát mà bảo các Tỳ-kheo: Ông Kiên Mãn Bồ-tát này kế đây sẽ thành Phật, hiệu là Hoa Túc An Hành Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước của đức Phật đó cũng lại như đây.

Xá-lợi-phất! Sau khi Phật Hoa Quang đó diệt độ, chánh pháp trụ lại trong đời ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp trụ trong đời cũng ba mươi hai tiểu kiếp.

Lúc ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8. Xá-lợi-phất đời sau
Thành đấng Phật trí khắp
Hiệu rằng: Phật Hoa Quang
Sẽ độ vô lượng chúng.
Cúng dường vô số Phật
Đầy đủ hạnh Bồ-tát
Các công đức thập lực
Chứng được đạo Vô thượng
Quá vô lượng kiếp rồi
Kiếp tên Đại Bửu Nghiêm
Cõi nước tên Ly Cấu
Trong sạch không vết nhơ
Dùng lưu ly làm đất
Dây vàng giăng đường sá

Cây bảy báu sắc đẹp
Thường có hoa cùng trái
Bồ-tát trong cõi đó
Chí niệm thường bền vững
Thần thông, ba-la-mật
Đều đã trọn đầy đủ
Nơi vô số đức Phật
Khéo học đạo Bồ-tát
Những đại sĩ như thế
Phật Hoa Quang hóa độ.
Lúc Phật làm vương tử
Rời nước bỏ vinh hoa
Nơi thân cuối rốt sau
Xuất gia thành Phật đạo.
Phật Hoa Quang trụ thế
Thọ mười hai tiểu kiếp,
Chúng nhân dân nước đó
Sống lâu tám tiểu kiếp,
Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp trụ ở đời
Ba mươi hai tiểu kiếp
Rộng độ các chúng sanh.
Chánh pháp diệt hết rồi
Tượng pháp cũng ba hai

Xá-lợi rộng truyền khắp
Trời, người khắp cúng dường
Phật Hoa Quang chỗ làm
Việc đó đều như thế.
Đấng Lưỡng Túc Tôn kia
Rất hơn không ai bằng
Phật tức là thân ông
Nên phải tự vui mừng.

Giảng:

Phật thọ ký cho ngài Xá-lợi-phất trong đời vị lai, vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, cúng dường nghìn ức Phật, hộ trì chánh pháp đầy đủ đạo hạnh của Bồ-tát, sẽ thành Phật hiệu là Hoa Quang Như Lai. Phật thọ ký ngài Xá-lợi-phất vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp sẽ thành Phật. Thời gian thành Phật quá xa mà ngài Xá-lợi-phất vui mừng cho rằng *Được việc chưa từng có*. Nếu chúng ta thời nay được Phật thọ ký với thời gian lâu xa như vậy sẽ thành Phật, chắc là không mừng, vì tu lâu quá nên ngán! Thọ ký khoảng năm mười năm thành Phật thì khả dĩ vui mừng và lo tu hành cho mau được kết quả. Có phải chúng ta sốt sắng mong mau thành Phật hơn ngài Xá-lợi-phất không?

Như trước đã nói, tri kiến Phật là cái không hạn cuộc ở không gian và thời gian. Vì nó là cái chưa từng sanh cũng như chưa từng diệt, nên nói bao nhiêu kiếp cũng là vô nghĩa. Chỉ biết mình có Phật tánh và tin

mình tu sẽ thành Phật là đủ rồi. Chúng ta vì còn kẹt trên thời gian, chưa nhận ra tri kiến Phật, chỉ nhận cái thân tứ đại là mình, sống khoảng năm sáu chục năm là chết. Nên nghe nói vô lượng vô biên bất khả tư nghì kiếp, thấy quá xa không tin mình có thể thực hiện được. Đâu ngờ chính tri kiến Phật mới thật là mình. Ngài Xá-lợi-phất đã nhận ra tri kiến Phật chính là mình, biết có Phật nhân chắc chắn Phật quả không mất phần, nên dầu có bỏ bao nhiêu cái thân tứ đại duyên hợp tạm bợ này cũng không đáng kể. Chỉ cần Phật ấn chứng là an lòng, là mãn nguyện rồi.

Ngày nay chúng ta nghe nói tu khoảng một tỷ kiếp mới thành Phật thì buồn, thấy lâu xa quá không đủ kiên nhẫn để tu, nên xao lãng thối chí. Đó là do tâm sanh diệt nhỏ hẹp lệ thuộc thời gian, nên nghe Phật nói đến thời gian lâu xa không thể nghĩ lường thì hoảng sợ không đủ lòng tin. Có nhiều người tu hạn định trong khoảng thời gian ba năm hoặc năm năm phải đạt đạo. Thoạt nghe thì dường như người ấy có ý chí dõng mãnh đáng khen. Nhưng nếu tu ba năm, năm năm không đạt đạo thì sao? Thối Bồ-đề tâm. Đó là cái bệnh. Người tu mà nôn nóng mong mau thành đạo là người ý chí dõng mãnh hay người tham lam lười nhác? Thí dụ người chân yếu nghe nói cảnh đẹp nhưng đường dài, thì ngao ngán không muốn đi. Với người chân khoẻ, đường dài thì mặc đường dài, cứ nhắm đích mà thẳng tiến, không do dự không ngại ngùng, đó là người dõng mãnh gan dạ, bền chí.

Cũng vậy, chư Bồ-tát Thanh văn trong pháp hội lòng tin và ý chí đã vững, tuy Phật thọ ký trong khoảng thời gian lâu xa như vậy mà các ngài hoan hỷ vui mừng, tâm không chao động thối lui. Chúng ta ngày nay lòng tin không vững, thiếu nghị lực, tu muốn cho mau đạt đạo nên dễ bị gạt, rơi vào đường tà, rẽ ngã này tẽ ngã kia, rốt cuộc rồi không đến đích. Đó là bệnh chung của đa số người tu Phật hiện nay. Với người tu chân chánh, một phen nghe Phật dạy, biết rõ tu là để giác ngộ thành Phật, lúc nào cũng thấy rõ lẽ thật hư của các pháp, không lầm, không mong dễ, không mong mau, không ham hào nhoáng hấp dẫn, cứ như thế mà sống cho đến khi hoàn toàn triệt ngộ là đến đích thành Phật. Những cái hào nhoáng hấp dẫn thu hút là cái quảng cáo dối gạt người tu. Lý đạo chân thật thì thậm thâm vi diệu, lặng lẽ, không nổi bật, không phô trương màu mè để thu hút người. Nếu người tu Phật càng chạy theo những cái phô trương hấp dẫn là càng xa với đạo.

Phật thọ ký ngài Xá-lợi-phất thành Phật, nước tên Ly Cấu, kiếp tên Đại Bửu. Cõi nước Ta-bà ngũ trược của đức Phật Thích-ca, chúng sanh nhiều nghiệp ác nên Phật mới phương tiện dùng ngũ thừa hoặc tam thừa để giáo hóa. Tại sao cõi nước Ly Cấu là cõi nước thanh tịnh, Phật cũng dùng ba thừa để giáo hóa? Đây là bản nguyện của tất cả chư Phật mười phương đều dùng phương tiện nói ba thừa. Sở dĩ gọi kiếp tên Đại Bửu Trang Nghiêm là vì kiếp đó có vô số Bồ-tát tu hành thanh tịnh, là những bậc cao minh trang nghiêm cõi Phật, chứ không phải cõi đó trang nghiêm bằng châu báu vàng bạc.

Qua dữ kiện này, chúng ta thấy chùa nào tăng ni tu hành chân chánh thanh tịnh thì chùa đó được người đời quý trọng. Nếu chùa nào tăng ni phạm trai phá giới, tu hành lôi thôi thì người đời xem thường. Như vậy người đời quý kính là quý kính tâm người cao đẹp thanh tịnh, nếu tâm người ô uế bất tịnh thì không quý. Vậy chư tăng ni đừng quan niệm rằng cất chùa cho thật to, thỉnh Phật cho thật lớn, trang hoàng cho thật lộng lẫy là người đời quý trọng chùa mình. Người đời quý kính là quý kính người tu chân chánh cầu đạo giải thoát, chứ không phải trọng cảnh đẹp. Cho nên người tu ngộ đạo dù cho vị đó mặc áo vá, ăn cơm hẩm, ở hang đá hay am tranh, người ta vẫn tìm đến lễ bái cúng dường. Đạo lý là ở nơi con người, người thanh tịnh mới đáng tôn kính quý trọng. Như vậy người tu đừng có tâm mơ mộng tạo chùa cảnh cho đẹp để mai kia mình trụ trì, mà phải cố gắng nỗ lực tu, chính mình tu chân chánh mới dạy được người tu đàng hoàng, đó là trang nghiêm chùa cảnh.

Muốn cõi Phật mình được trang nghiêm thì phải thực hiện đủ hai môn phước và tuệ. Về phần tuệ tự mình phải nỗ lực tu tỉnh để được giác ngộ viên mãn, về phần phước thì phải giáo hóa chúng sanh. Khi đã giáo hoá chúng sanh viên mãn thì thành Phật. Giả sử đời này chúng ta ngộ đạo là đã có trí tuệ, nhưng chưa giáo hóa chúng sanh làm sao có phước? Sở dĩ Bồ-tát khi thành Phật có vô số đồ đệ Thanh văn Bồ-tát, là những bậc tu phạm hạnh, tu trí tuệ Phật, có sức thần thông lớn, khéo biết tất cả pháp môn, tâm ngay thật, chí bền vững, là do thời gian hành Bồ-tát đạo giáo hóa chúng sanh lâu dài,

nên mới có quyến thuộc đông như vậy, và có phước tròn đầy nên mới được tôn xưng là Lưỡng Túc Tôn. Ngày nay, chúng ta tu muốn năm năm, bảy năm thành Phật, trong khi chưa độ sanh làm sao được phước tuệ viên mãn? Vậy nếu được Phật thọ ký khoảng thời gian lâu dài sẽ thành Phật, chúng ta có buồn ngán không? Thời gian tu tập lâu dài thì việc lợi sanh cũng nhiều, phước đức thêm lớn. Khi việc tự giác giác tha đã viên mãn thì mới đủ phước và tuệ để thành Phật, quyến thuộc mới đông nhiều để trang nghiêm cõi Phật đúng như hạnh nguyện. Tu chỉ muốn năm năm, bảy năm thành Phật, làm sao có đủ phước tuệ để thành Phật? Dù muốn thành cũng không thể thành.

Đoạn này có hai điểm đáng lưu ý. Kiếp chót của đức Thích-ca thành Phật sanh làm vương tử, ở đây Phật thọ ký cho ngài Xá-lợi-phất kiếp chót thành Phật cũng làm vương tử và các đức Phật cũng đều như vậy. Tại sao đời chót của chư Phật đều sanh làm vương tử mà không sanh trong gia đình bần cùng? Vì khi Bồ-tát tu tới quả vị Nhất sanh bổ xứ thì phước đức vô lượng vô biên, nên sanh làm vương tử mà không sanh vào chỗ xấu ác. Hơn nữa, vương tử bỏ ngôi đi tu, để cho mọi người thấy rằng ngài đang ở trong ngũ dục lạc sung mãn, mà gan dạ từ bỏ ngũ dục lạc, khiến cho mọi người ngưỡng mộ kính phục để giáo hóa họ. Và một vương tử có đủ quyền thế mà còn từ bỏ, trong khi mọi người là những kẻ không có chút quyền hành, sao không gan dạ xả bỏ để tu?

Phần Trùng tụng lặp lại ý trên nên tôi không giảng, tuy nhiên bốn câu chót:

Đấng Lưỡng Túc Tôn kia,
Rất hơn không ai bằng,
Phật tức là thân ông,
Nên phải tự vui mừng.

Tại sao nói *Phật tức là thân ông?* Vì ngài Xá-lợi-phất nhận ra tri kiến Phật của chính mình, nên ngài tin chắc sẽ thành Phật, và ngài cũng được Phật thọ ký thành Phật. Bởi ngay nơi thân năm uẩn phàm phu này có sẵn Phật nhân nên nói Phật tức là thân này. Trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Vĩnh Gia Huyền Giác, đoạn mở đầu có câu *Huyễn hóa không thân tức pháp thân* nghĩa là ngay nơi thân năm uẩn duyên hợp huyễn hóa này tức là pháp thân, pháp thân không rời thân năm uẩn này mà có. Ngay thân năm uẩn của mỗi người ai cũng có sẵn pháp thân, nhưng vì không dám nhận nên tự thấy mình là kẻ phàm phu vô phần, nếu đủ lòng tin dám nhận thì thấy mình có phần, sẽ thành Phật. Vậy không cần tìm kiếm Phật ở đâu xa, chỉ khéo nhận pháp thân chân thật ngay nơi thân năm uẩn huyễn hóa này, và hằng sống với pháp thân chân thật thì được an vui tự tại. Nên nói *Phật tức là thân ông, nên phải tự vui mừng.*

Chánh văn:

9. Bấy giờ bốn bộ chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ và cả đại chúng: trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già v.v... thấy Xá-lợi-phất ở trước Phật lãnh lấy lời dự ghi sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác, lòng rất vui mừng hớn hở vô lượng. Mỗi người đều cởi y trên của mình đang đắp để cúng dường Phật.

Thích-đề-hoàn-nhân cùng Phạm Thiên vương v.v... và vô số thiên tử cũng đem y đẹp của trời, hoa trời mạn-đà-la, ma-ha mạn-đà-la v.v... cúng dường nơi Phật. Y trời tung lên liền trụ giữa hư không mà tự xoay chuyển. Các kỹ nhạc trời trăm nghìn muôn thứ ở giữa hư không đồng thời đều trỗi. Rưới các thứ hoa trời mà nói lời rằng:

Đức Phật xưa ở thành Ba-la-nại, ban đầu chuyển pháp luân, đến nay mới lại chuyển pháp luân rất lớn Vô thượng.

Lúc đó các thiên tử muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

10. Xưa ở thành Ba-nại
Chuyển pháp luân bốn đế
Phân biệt nói các pháp
Sinh diệt của năm nhóm
Nay lại chuyển pháp luân
Rất lớn diệu Vô thượng,
Pháp đó rất sâu mầu
Ít có người tin được.
Chúng ta từ xưa lại
Thường nghe Thế Tôn nói
Chưa từng nghe thượng pháp

Thâm diệu như thế này.
Thế Tôn nói pháp đó
Chúng ta đều tùy hỷ,
Đại trí Xá-lợi-phất
Nay được lãnh Phật ký,
Chúng ta cũng như vậy
Quyết sẽ được thành Phật,
Trong tất cả thế gian
Rất tôn không còn trên,
Phật đạo chẳng thể bàn
Phương tiện tùy nghi nói,
Ta bao nhiêu nghiệp phước
Đời nay hoặc quá khứ
Và công đức thấy Phật
Trọn hồi hướng Phật đạo.

Giảng:

Lần đầu đức Phật nói pháp Tứ đế ở vườn Lộc Uyển, để phá ngã chấp cho năm anh em ông Kiều-trần-như khiến chứng Niết-bàn Thanh văn. Nay đức Phật nói pháp vô thượng vi diệu khó tin khó hiểu, mà ngài Xá-lợi-phất có khả năng tin nhận và được Phật thọ ký, cho nên tất cả thính chúng trong pháp hội đều vui mừng tùy hỷ. Theo các kinh A-hàm thì ngài Xá-lợi-phất là đệ tử lớn của Phật, là người được thời trí, tức là trí tuệ ứng đối kịp thời, hỏi là đáp không cần suy nghĩ, khiến cho người nghe tiếp nhận dễ dàng, nên được khen ngợi là người

trí tuệ bậc nhất, là hàng thượng căn. Khi nghe Phật nói pháp tối thượng vi diệu thì ngài ngộ trước. Cả hội chúng đều hớn hở vui mừng cúng dường y, cúng dường hoa lên đức Phật. Đó là tâm tùy hỷ của người xưa vì đạo. Còn phần đông chúng ta ngày nay thấy có người hơn mình thì không vui, khởi lên những niệm tỵ hiềm, nên tu không tiến là ở chỗ đó. Phần trùng tụng lặp lại ý trên không có gì khác nên khỏi giảng.

Chánh văn:

11. Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch rằng:

Thế Tôn! Con nay không còn nghi hối, tự mình ở trước Phật được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị tâm tự tại một nghìn hai trăm đây, lúc xưa ở bậc hữu học, Phật thường dạy rằng: "Pháp của ta hay lìa sanh, già, bệnh, chết, rốt ráo Niết-bàn." Các vị hữu học, vô học đây cũng đều đã tự rời chấp ngã cùng chấp có, chấp không v.v... nói là được Niết-bàn, mà nay ở trước đức Thế Tôn nghe chỗ chưa từng nghe, đều sa vào nghi lầm. Hay thay Thế Tôn! Xin Phật vì bốn chúng nói nhân duyên đó, khiến lìa lòng nghi hối.

Giảng:

Ngài Xá-lợi-phất thấy chỉ có ngài được thọ ký, số người còn lại chưa được thọ ký. Với tâm lượng của đàn anh, ngài được lợi ích thế nào thì cũng muốn cho huynh đệ được lợi ích như thế ấy, nên ngài bạch với Phật rằng nay con không còn nghi hối, được Phật thọ ký. Còn một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo thuộc hàng hữu học

và vô học ở trong chúng, thường theo Phật nghe pháp Tứ đế, tu chứng Niết-bàn, nghe Thế Tôn nói về tri kiến Phật, các Tỳ-kheo ấy nghi ngờ không biết mình có kham làm Phật không? Ngài Xá-lợi-phất muốn đức Phật vì một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo ấy mà giải thích rõ hơn, nên ngài vừa tán thán công đức những vị ấy vừa cầu xin đức Phật thương xót mà nói pháp cho họ hết nghi lầm, đều được thọ ký như ngài. Đó là tâm hạnh của Bồ-tát. Còn tâm lượng phàm phu thì khác, chỉ muốn mình hơn người chứ không muốn người bằng mình, vì có người bằng mình thì mình mất giá trị. Đó là tâm bệnh của chúng ta hiện nay.

Chánh văn:

12. Khi ấy, Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

Ta trước đâu không nói rằng: "Các Phật Thế Tôn dùng các món nhân duyên lời lẽ thí dụ phương tiện mà nói pháp đều là đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác" ư? Các điều nói đó đều vì dạy hàng Bồ-tát vậy. Nhưng Xá-lợi-phất! Nay ta sẽ dùng một thí dụ để chỉ rõ lại nghĩa đó, những người có trí do thí dụ mà đặng hiểu.

Giảng:

Tới đây, đức Phật bắt đầu chỉ cho mọi người biết rằng đoạn trước chư Phật dùng phương tiện này phương tiện nọ để giáo hóa chúng sanh, nhưng cuối cùng chỉ đưa họ đến quả vị Phật. Bây giờ muốn rõ thì nghe Phật thí dụ:

Chánh văn:

13. Xá-lợi-phất! Như trong quốc, ấp, tụ lạc có vị đại trưởng giả tuổi đã già suy, của giàu vô lượng, có nhiều nhà ruộng và các tôi tớ. Nhà ông rộng lớn mà chỉ có một cửa để ra vào, người ở trong đó rất đông: hoặc một trăm, hai trăm, cho đến năm trăm người, lầu gác đã mục, vách phên sụp đổ, chân cột hư nát, trính xuyên xiêu ngã, bốn phía đồng một lúc, lửa bỗng nổi lên đốt cháy nhà cửa.

Các người con của trưởng giả hoặc mười người, hoặc hai mươi người, hoặc đến ba mươi người ở trong nhà đó.

14. Trưởng giả thấy lửa từ bốn phía nhà cháy lên, liền rất sợ sệt mà nghĩ rằng: Ta dầu có thể ở nơi cửa của nhà cháy này ra ngoài rất an ổn, song các con ở trong nhà lửa ưa vui chơi giỡn, không hay biết, không sợ sệt, lửa đến đốt thân rất đau khổ lắm, mà lòng chẳng nhàm lo, không có ý cầu ra khỏi.

Xá-lợi-phất! Ông trưởng giả đó lại nghĩ: Thân và tay của ta có sức mạnh, nên dùng vạt áo hoặc dùng ghế v.v... từ trong nhà mà ra ngoài. Ông lại nghĩ: Nhà này chỉ có một cái cửa mà lại hẹp nhỏ, các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn hoặc vấp ngã bị lửa đốt cháy, ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ. Nhà này đã bị cháy phải liền mau ra, chớ để bị lửa đốt hại.

Nghĩ như thế rồi theo chỗ đã nghĩ đó mà bảo các con: "Các con mau ra!" Cha dầu thương xót khéo nói để dụ dỗ, mà các người con ưa vui chơi chẳng khứng tin chịu, chẳng sợ sệt, trọn không có lòng muốn ra, lại cũng chẳng hiểu gì là lửa! Gì là nhà! Thế nào là hại! Chỉ cứ đông tây chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

Giảng:

Đây là cái cớ đầu tiên của bậc đại trí, đức Phật đưa thí dụ ông trưởng giả tuổi già, giàu có, nhiều ruộng vườn tôi tớ, nhà rộng lớn chỉ có một cửa để ra vào, cột kèo trính xuyên hư mục, vách phên xiêu vẹo, con trong nhà có hàng mấy chục người đang nô đùa chơi giỡn, bỗng lửa bốc cháy bốn phía nhà.

Thấy lửa bốc cháy, ông trưởng giả lo ngại và nghĩ rằng ông tuy ở trong nhà lửa, nếu muốn ra thì ra một cách dễ dàng, còn đám con của ông cứ mải miết chơi giỡn, không hề hay biết, không hề sợ lửa đốt cháy thân mình, cũng không có ý muốn ra khỏi nhà lửa. Ông trưởng giả bảo các con mau ra khỏi nhà lửa, thế mà các người con không nghe, nhìn ông rồi cứ chạy giỡn.

Nhà lửa là chỉ cho cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc đang bị lửa vô thường, lửa tham, sân, si thiêu đốt, mà chúng sanh ở trong ba cõi này không hay biết, không có ý muốn ra. Chúng ta sống trong cõi đời này, một ngày trôi qua là một ngày bị lửa vô thường thiêu đốt mòn một phần thân thể, một tháng trôi qua là một tháng bị lửa vô thường thiêu đốt thân mình, một năm trôi qua

là một năm bị lửa vô thường thiêu hoại hình hài. Rồi sáu mươi năm, bảy mươi năm, tám mươi năm... toàn thân con người bị thiêu rụi, hoàn toàn sụp đổ. Lửa vô thường thiêu đốt, làm hư hoại người vật từng giây phút, từng ngày giờ, từng năm tháng mà chúng ta không hay không biết! Thầy trụ trì Thiện Phát xưa ở Phước Hòa có vóc dáng tráng kiện tươi trẻ, khi tới Huệ Nghiêm cũng còn khỏe mạnh, rồi tới Chơn Không sức cũng còn kha khá, bây giờ ở Thường Chiếu thì đã già nua yếu đuối. Đó là một bằng chứng cụ thể, lửa vô thường âm thầm thiêu đốt tất cả người vật không ngừng nghỉ.

Chúng ta xét kỹ rồi thương mình thương người, dù cho người có nhiều tiền của, nhà lầu, xe hơi, quyền thế danh vọng cũng không thoát được cái nạn lửa vô thường thiêu đốt. Vậy mà con người cứ mãi đuổi theo danh lợi quyền thế và mong cho ngày tháng qua mau, trông chờ xuân đến để thực hiện những mộng mơ ước muốn của mình cho tốt. Đâu ngờ rằng mong ngày tháng qua mau là mong lửa vô thường sớm thiêu rụi hình hài này! Tâm người quá mâu thuẫn, luôn luôn sợ chết, không muốn chết sớm, mà mong ngày tháng qua mau, thật là mê lầm điên đảo đáng thương. Nên Phật thuyết giáo cho biết thân là vô thường, các pháp là hư dối; tuy có nghe nhưng vẫn còn mê say ngũ dục, chưa có ý muốn ra khỏi. Cũng giống như những đứa con ông trưởng giả, tuy nghe cha nói nhà cháy sắp sụp đổ, nguy hiểm tới rồi, mà vẫn cứ mải mê chơi giỡn, không chịu chạy ra, không nghe lời cha khuyên bảo. Đó là những đứa con ngu si bất hiếu. Vậy mà đêm nào chúng ta cũng lạy Phật cầu nguyện:

Con kính tin Tam bảo, học tu theo giáo pháp Phật để được giải thoát sanh tử. Và những buổi sám hối quỳ thưa có vẻ thống thiết lắm, nhưng rồi thì chứng nào tật nấy không chịu sửa đổi.

Đời sống của người tu là đời sống cao thượng, ý thức được lý vô thường, biết rõ lửa vô thường đang âm ỉ đốt cháy thân mình, mong muốn thoát ra khỏi nhà lửa nên mới đi tu. Thế mà khi đi tu rồi lại quên, cũng tìm cách này cách nọ để giải trí cho vui, giết chết thời giờ vô ích. Để thời giờ và công sức vào việc tu học thì thấy như làm một việc khó nhọc cực khổ. Thí dụ tối và khuya tôi tăng giờ tụng kinh và ngồi thiền thì quý vị ngán, than không kham nổi. Còn nếu để cho quý vị vui chơi văn nghệ tới khuya thì không ai than thở, lại còn lấy làm thích thú. Vậy văn nghệ có cứu quý vị thoát khỏi lửa vô thường thiêu đốt không? Hay chỉ là những trò chơi giải trí cho vui, qua rồi thì mất? Việc tu là việc cấp thiết để giải khổ thì lại lơ là!

Vì biết chư tăng ni có chí nguyện xuất gia cầu giải thoát sanh tử, tức là cầu ra khỏi nhà lửa, cho nên tôi khuyến khích thúc đẩy cho quý vị nỗ lực tu hành. Khuyến khích thúc đẩy là cái duyên tốt đưa quý vị ra khỏi sanh tử luân hồi, mà quý vị không biết đón nhận, lại có ý tránh né. Có người nói ở đây vừa làm việc, vừa học, vừa tu cực quá, để đi chỗ khác tu cho khỏe! Tu là tu cho quý vị chứ đâu phải tu cho tôi, quý vị tu một ngày là quý vị được lợi ích một ngày, tôi có được lợi ích gì đâu? Chúng ta mê muội tập khí sâu dày, tuy có tỉnh giác phát nguyện

xuất gia, tuy xuất gia nhưng lâu rồi quên, trở lại thói cũ là ngu si của thuở xưa, cũng ham chơi, chạy theo những thú vui của thế tục, chứ không chịu lo tu hành để giải thoát sanh tử. Nếu là người trí khi đã xuất gia rồi thì trong lòng đau đáu, nghĩ phải làm sao thoát khỏi nhà lửa này, chứ không ngồi yên chờ cho lửa cháy tới thiêu rụi cả nhà, cả thân. Khi nào ra khỏi nhà lửa rồi mới an ổn vui chơi. Ngày nào còn trong nhà lửa là ngày đó phải tỉnh giác, biết sợ cái hiểm nguy của lửa vô thường thiêu đốt mà cố gắng thoát ra.

Chánh văn:

15. Bấy giờ Trưởng giả liền nghĩ: Nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy, ta cùng các con nếu không liền ra chắc sẽ bị cháy, ta nay nên bày chước phương tiện khiến cho các con được khỏi nạn này.

Cha biết các con đều vẫn có lòng thích các đồ chơi trân báu lạ lùng, nếu có chắc chúng nó ưa lắm, mà bảo các con rằng: "Đây này là những món ít có, khó được mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy, sau chắc buồn ăn năn. Các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu như thế, nay ở ngoài cửa có thể dùng dạo chơi, các con ở nơi nhà lửa, nên mau ra đây, tùy ý các con muốn, cha đều sẽ cho các con."

Lúc bấy giờ, các người con nghe cha nói đồ chơi báu đẹp vừa ý mình, nên lòng mỗi người đều mạnh mẽ xô đẩy lẫn nhau, cùng đua nhau ruổi chạy, tranh ra khỏi nhà lửa. Khi đó Trưởng giả thấy các con

đặng an ổn ra khỏi nhà lửa, đều ở trong ngã tư đường ngồi nơi đất trống không còn bị chướng ngại, tâm ông thơ thới vui mừng hớn hở.

Bấy giờ các người con đều thưa với cha rằng: "Cha lúc nãy hứa cho những đồ chơi tốt đẹp, nào xe dê, xe hươu, xe trâu, xin liền ban cho."

Giảng:

Nghiệm lại mới thấy cái si mê của chúng ta quá lắm, đang bị nguy hiểm bủa vây, đáng sợ mà không sợ, lại cứ mải miết tham mê, Phật kêu ra mà không ra. Thật đáng thương! Cho nên ngài mới tìm cách dẫn dụ.

Trưởng giả biết các con ham chơi, ưa thích đồ quý đẹp, nên bảo: Các con mau ra khỏi nhà lửa, cha sẽ cho đồ chơi quý tốt như xe dê, xe hươu, xe trâu, ở ngoài cửa sẽ tùy ý dạo chơi, hãy ra mau! Các người con nghe có đồ chơi tốt quý sanh lòng ham thích, đua nhau chạy ra.

Tất cả chúng ta đều mê lầm nên Phật nói thẳng lẽ thật, chúng ta không kham tin nhận nên ngài phải dùng phương tiện dụ dỗ mới chịu nghe. Cái mà đem ra dụ dỗ thì không thật, nhưng đức Phật lại nói. Tuy là cái dụ dỗ không thật mà vẫn hơn. Khi chúng sanh tu để ra khỏi nhà lửa tam giới, chỉ nghĩ sẽ được quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Nhưng khi ra khỏi nhà lửa rồi thì được Phật chỉ cho Phật thừa bình đẳng, quá sức tưởng tượng, quá điều mong ước của chúng sanh.

Tới đây chúng ta mới thấy lòng từ bi của đức Phật vô lượng vô biên, ngài dùng đủ mọi phương tiện dẫn dụ,

thế mà chúng ta có người nghe có người không nghe, cứ quanh quẩn trong cảnh nguy hiểm khổ đau không chịu ra. Thậm chí ngài phải khai thác tâm lý để dẫn dụ: Ráng niệm Phật chừng mười câu, nếu được nhất tâm bất loạn thì được Phật A-di-đà và Thánh chúng đón về Cực lạc, ở đó không có khổ, cực kỳ vui sướng, muốn gì được nấy. Ngài biết chúng sanh đang ham mê ngũ dục lạc ở thế gian, ham tiền của, vàng bạc châu báu nên Phật nói ở cõi Cực lạc đất cát thì bằng vàng, có lan can, lưới, cây, ao bằng bảy báu, lầu các làm bằng pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Chúng sanh tham ưa mùi thơm, sắc đẹp, tiếng hay thì Phật nói cõi Cực lạc có hoa sen lớn, có ánh sáng đủ màu, mùi thơm vi diệu, có nhạc trời, chim báu ngày đêm ca hát với âm thanh tuyệt diệu. Thích ăn ngon, Phật nói ở Cực lạc muốn ăn liền có ăn... toàn là những cái đúng với sở thích của chúng sanh. Như vậy cho thấy đức Phật từ bi đáo để và rất khéo dùng phương tiện trị bệnh đam mê dục lạc của chúng sanh ở cõi này. Phật nói thẳng chúng sanh không nghe, không tin, nên phải dẫn dụ, dụ bằng cách này không được thì dụ bằng cách khác. Thấy tâm lượng của Phật, chúng ta vừa tôn kính Phật mà cũng vừa tức cười cho mình là đứa bé bị dụ dỗ!

Chánh văn:

16. Xá-lợi-phất! Khi đó Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn, xe đó cao rộng chưng dọn bằng các món báu, lan can bao quanh, bốn phía treo linh, lại dùng màn lọng giăng che ở trên, cũng dùng đồ báu đẹp tốt lạ mà trau giồi đó, dây bằng báu

kết thắt các dải hoa rũ xuống, nệm chiếu mềm mại trải chồng, gối đỏ để trên, dùng trâu trắng kéo, sắc da mập sạch, thân hình mập đẹp, có sức rất mạnh, bước đi ngay bằng mau lẹ như gió, lại có đông tôi tớ để hầu hạ đó.

Vì cớ sao? Vì ông trưởng giả đó của giàu vô lượng, các thứ kho tàng thảy đều đầy ngập, ông nghĩ rằng: "Của cải của ta nhiều vô cực, không nên dùng xe nhỏ xấu kém mà cho các con, nay những trẻ thơ này đều là con của ta, đồng yêu không thiên lệch, ta có xe bằng bảy báu như thế số nhiều vô lượng nên lấy lòng bình đẳng mà đều cho chúng nó, chẳng nên sai khác.

Vì sao? Dầu đem xe của ta đó khắp cho cả người một nước hãy còn không thiếu, huống gì các con." Lúc ấy, các người con đều ngồi xe lớn được điều chưa từng có, không phải chỗ trước kia mình trông.

Giảng:

Ông trưởng giả dụ những người con ra khỏi nhà lửa sẽ cho ba xe, nhờ vậy mà chúng đua nhau chạy ra khỏi nhà lửa. Khi chúng ra rồi ông trưởng giả không cho ba xe, mà chỉ cho xe trâu trắng lớn bậc nhất, trang trí bằng những vật quý giá. Sở dĩ ông cho như vậy là vì tâm ông bình đẳng không muốn có sự sai biệt giữa các con. Vả lại ông là người giàu có của cải vô lượng, giả sử cho xe tốt đó khắp người trong thiên hạ cũng không thiếu. Vậy, xe trâu trắng đó là dụ cho tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi người; nếu biết quay lại với chính mình, không đuổi theo

trần cảnh thì tri kiến Phật hiện tiền, lúc bấy giờ an vui, tự do, tự tại, vô ngại.

Qua thí dụ này, chúng ta thấy cái đặc biệt của đạo Phật là nêu lên những cảnh vô thường, khổ não, bất như ý thường xuyên chi phối con người. Sau khi chỉ cho thấy những khổ đau rồi dạy phải tu để thoát khỏi cảnh khổ đó, thì sẽ được an vui tự tại vô ngại. Mới thoạt nhìn thấy đạo Phật như bi quan, nhưng nếu biết nhìn và biết sống đúng lẽ thật thì đạo Phật rất lạc quan và tích cực.

Chánh văn:

17. Xá-lợi-phất! Ý của ông nghĩ sao? Ông trưởng giả đó đồng đem xe trân báu lớn cho các người con, có lỗi hư vọng chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

Thưa Thế Tôn! Không, ông trưởng giả đó chỉ làm cho các người con đặng khỏi nạn lửa, toàn thân mạng chúng nó chẳng phải là hư vọng. Vì sao? Nếu được toàn thân mạng bèn đã được đồ chơi tốt đẹp, huống nữa là dùng phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa.

Thế Tôn! Dầu ông trưởng giả đó nhẫn đến chẳng cho một thứ xe rất nhỏ còn chẳng phải hư vọng. Vì sao? Vì ông trưởng giả đó trước có ý nghĩ như vầy: Ta dùng chước phương tiện cho các con được ra khỏi, vì nhân duyên đó nên không hư vọng vậy. Huống gì ông trưởng giả tự biết mình của giàu vô lượng muốn lợi ích cho các con mà đồng cho xe lớn!

Giảng:

Đức Phật hỏi ngài Xá-lợi-phất: Ông trưởng giả hứa cho ba xe, bấy giờ các con ra khỏi nhà lửa, ông chỉ cho có một xe trâu trắng, như vậy ông có lỗi dối gạt không? Ngài Xá-lợi-phất trả lời: Không. Vì ông trưởng giả muốn cho các con khỏi bị lửa thiêu đốt thân mạng, nên dùng phương tiện dẫn dụ cho ra khỏi nhà lửa để thoát khỏi nạn khổ. Chẳng những không cho xe nhỏ mà lại cho xe lớn là điều quá tốt, quá sức tưởng tượng của các con, khiến chúng được điều chưa từng có, lợi ích vui sướng khôn lường.

Cũng vậy, Phật thuyết pháp lập ba thừa: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát rõ ràng. Tới đây Phật nói ba thừa đó không thật, chỉ có Phật thừa mới là cứu cánh. Như vậy là sao? Điều này chúng ta phải hiểu cho thật kỹ. Đức Phật với tâm bình đẳng thương chúng sanh như nhau, không muốn có sự sai biệt giữa người này với người khác. Sở dĩ trước Phật lập ba thừa là vì căn cơ chúng sanh còn thấp, nên Phật tùy theo đó mà phương tiện hướng dẫn từ từ. Nay chúng đã đủ khả năng tin nhận nên Phật chỉ thẳng Phật thừa rốt ráo, để tất cả đều được lợi ích như nhau.

Chánh văn:

18. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

Hay thay! Hay thay! Như lời ông nói, Xá-lợi-phất! Như Lai cũng lại như thế, Phật là cha của tất cả thế gian, ở nơi các sự sợ hãi suy não lo buồn vô minh che tối hết hẳn không còn thừa, mà trọn thành tựu

vô lượng tri kiến, trí lực, vô sở úy; có sức đại thần thông cùng sức trí tuệ đầy đủ các món phương tiện, trí tuệ ba-la-mật, đại từ đại bi thường không hề lười mỏi. Hằng vì cầu việc lành lợi cho tất cả muôn loài mà sanh vào nhà lửa tam giới cũ mục này, để độ chúng sanh ra khỏi nạn lửa: sanh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não, ngu si tối tăm, ba độc; dạy bảo cho chúng sanh được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

19. Ta thấy các chúng sanh bị những sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, khổ não nó đốt cháy, cũng vì năm món dục tài lợi mà bị các điều thống khổ. Lại vì tham mê đeo đuổi tìm cầu nên hiện đời thọ các điều khổ, đời sau thọ khổ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Nếu sanh lên trời và ở trong loài người thời nghèo cùng khốn khổ, bị khổ về người yêu thường xa lìa, kẻ oán ghét lại gặp gỡ. Các món khổ như thế mà chúng sanh chìm trong đó vui vẻ dạo chơi, chẳng hay chẳng biết, chẳng kinh chẳng sợ, cũng chẳng sanh lòng nhàm, không cầu giải thoát; ở trong nhà lửa tam giới này, đông tây rảo chạy dầu bị khổ nhiều vẫn chẳng lấy làm lo.

Giảng:

Đức Phật là bậc trí tuệ viên mãn, có đủ trí lực, vô sở úy, thần thông, ba-la-mật, vì thương tất cả chúng sanh còn đang mê đắm ngũ dục trong nhà lửa tam giới, nên ngài mới nguyện sanh vào trong nhà lửa này để độ tất cả ra khỏi nhà lửa. Lửa đó là lửa: sanh, già, bệnh, chết, tham, sân, si, lo, buồn. Lửa sanh, già, bệnh, chết âm ỉ thiêu đốt con người từ lúc tóc xanh cho tới bạc đầu

không lúc nào dừng nghỉ. Còn lửa tham tài, tham sắc, tham danh... người muốn có nhiều tiền của hay danh vọng thì phải lao thần, hao khí, tổn giảm sức lực nhiều mới có tiền tài, danh vọng, và đã có rồi thì phải phí công gìn giữ. Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Phật có thí dụ: *Một cây hương khi được đốt lên, mùi hương lan tỏa dần ra, người xung quanh ngửi được mùi thơm thì cây hương cháy đã gần tàn*. Cũng vậy, khi chúng ta tạo cho đủ điều kiện để thành danh, có quyền lợi thì sức lực đã hao mòn, thân già tóc bạc... Nếu tham mà không được thỏa mãn thì sân hận nổi lên, hoặc lo buồn dấy khởi, tinh thần rối loạn, nói xằng làm bậy, thân tâm bất an, sức khỏe suy yếu. Đó là lửa tham, lửa sân, lửa si thiêu đốt con người, khiến cho người khổ đau bất tận.

Sở dĩ chúng ta bị sanh, già, bệnh, chết, tham, sân, lo, buồn, khổ não đốt cháy, là vì chúng ta thích ưa năm món dục lạc ở thế gian là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Mắt mê sắc đẹp, tai ưa tiếng hay, mũi thích mùi thơm, lưỡi ưa vị ngon, thân thích xúc chạm cái trơn, láng, mềm, ấm... Nếu chạy theo năm món đó thì con người đau khổ. Suốt ngày đi làm nhọc mệt cho có tiền, để ăn cho thật ngon, mặc cho thật đẹp, rồi tối đi xem hát, nghe nhạc... Cả ngày làm vất vả nhọc nhằn chỉ để thỏa mãn năm món dục lạc. Càng đuổi theo dục lạc càng bị lửa tham dục, lửa sân hận, lửa si mê đốt cháy khốn khổ vô cùng. Chẳng những khổ trong đời hiện tại, lại chính vì đuổi theo danh lợi, tài sắc mà con người gây nhiều tội lỗi tày trời. Khi đã tạo những cái nhân tày trời rồi thì quả khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ở đời sau không tránh khỏi.

Thọ báo xong, nếu trở lại làm người thì cũng làm người cùng khổ, lại *bị cái khổ người yêu thương xa lìa, kẻ oán ghét lại gặp gỡ*; bao nhiêu thứ khổ dồn dập không có ngày dừng, không có ngày ra.

Chánh văn:

20. Xá-lợi-phất! Đức Phật thấy việc này rồi bèn nghĩ rằng: Ta là cha của chúng sanh nên cứu chúng nó ra khỏi nạn khổ đó, ban vô lượng vô biên món trí tuệ vui của Phật để chúng nó dạo chơi.

Xá-lợi-phất! Đức Như Lai lại nghĩ: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông cùng sức trí tuệ bỏ chước phương tiện, mà vì chúng sanh khen ngợi các món tri kiến, trí lực, vô sở úy của Như Lai, ắt chúng sanh chẳng có thể do đó mà được độ thoát.

Vì sao? Vì các chúng sanh đó chưa khỏi sự sanh, già, bệnh, chết, lo buồn, đau khổ, đang bị thiêu đốt trong nhà lửa tam giới, làm sao có thể hiểu được trí tuệ của Phật.

Giảng:

Con người mê lầm ngay trong đời hiện tại, khi còn khỏe mạnh thì chạy theo tài sắc, danh lợi... đến khi già chết thì lại lo di chúc cho con cháu chọn đất tốt để chôn, xây mộ cho kiên cố... Chết là thân tứ đại trả về cho tứ đại, thân này vô thường không giữ được, thế mà muốn tạo cái mộ để đời, tất cả đều là tướng vô thường làm sao giữ được? Lớp mê lầm này chồng chất lên lớp mê lầm kia, khổ này chồng lên khổ khác, bao giờ mới ra khỏi?

Đức Phật nói ngài có đủ sức thần thông và trí lực vì chúng sanh nói thẳng kinh Pháp Hoa, nhưng ngài không áp dụng. Vì sức chúng sanh chưa kham tin nhận, nên phải bày những phương tiện như tam thừa, hay cõi Cực lạc... Nhờ những phương tiện này chúng sanh ứng dụng tu hành, tự thấy rõ ở trong tam giới là khổ, ham thích quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát là chỗ an vui, để tự cố gắng thoát ra khỏi nhà lửa tam giới. Phật ra vào trong tam giới tự do không ngại, tại sao ngài không dùng thần thông hay trí lực đưa chúng sanh ra khỏi luân hồi sanh tử mà phải dùng phương tiện dẫn dụ? Vì muốn ra khỏi luân hồi sanh tử vĩnh viễn, thì mỗi người phải tự ý thức luân hồi sanh tử là khổ đau và tìm lối thoát ra. Đó là mỗi người tự tạo nhân rồi thọ quả, chứ Phật không thế được. Thí dụ một học giả thông minh tài giỏi đỗ tiến sĩ, có những đứa con lười biếng học. Ông biết học dốt thì thua sút bạn bè, ra đời khó sống; ông thương, muốn chúng nó học giỏi như ông, mà chúng cứ lười biếng ỷ lại cha mình là người thông minh tài giỏi nên không chịu học hành. Ông tuy thương con, nhưng không thể đem cái thông minh học giỏi của mình cho con được, nên mới dụ các con hãy ráng học ông sẽ cho đồ chơi, để cho các con ham mà lo học thành người tài giỏi. Cũng giống như Phật dẫn dụ chúng sanh thực hành theo lời ngài dạy để được hết khổ...

Hiện tại chúng ta tu cứ cầu Phật cho mình thế này cho mình thế khác. Rõ ràng nếu cho được, cứu được thì Phật đã dùng thần thông trí lực khiến cho chúng sanh không già, không bệnh, không chết, cũng như hết tham,

hết sân, hết si. Thế mà, chính thân tứ đại của ngài cũng già cũng chết; tham, sân, si cũng do ngài tu mới hết và mới thành Phật. Đây là một lẽ thật mà tất cả mọi người tu Phật phải biết và cố gắng thực hành lời Phật dạy để thoát khỏi khổ đau, chứ không phải do lễ lạy van vái mà Phật ban vui cứu khổ cho chúng ta được.

Chánh văn:

21. Xá-lợi-phất! Như ông trưởng giả kia dầu thân và tay có sức mạnh mà chẳng dùng đó, chỉ ân cần phương tiện gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, vậy sau đều cho xe trân báu lớn.

Đức Như Lai cũng lại như thế, dầu có trí lực cùng sức vô úy mà chẳng dùng đến, chỉ dùng trí tuệ phương tiện nơi nhà lửa tam giới cứu vớt chúng sanh, vì chúng sanh nói ba thừa Thanh văn, Duyên giác cùng Phật thừa, mà bảo rằng: "Các ngươi không nên ưa ở trong nhà lửa tam giới, chớ có ham mê các món sắc, thanh, hương, vị, xúc thô hèn, nếu tham, mê ắt sanh ái nhiễm thời sẽ bị nó đốt; các ngươi mau ra khỏi ba cõi sẽ được chứng ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Phật thừa. Nay ta vì các ngươi mà bảo nhiệm việc đó quyết không dối vậy. Các ngươi chỉ nên siêng năng tinh tấn tu hành".

Đức Như Lai dùng phương tiện ấy để dụ dẫn chúng sanh thẳng đến, lại bảo: "Các ngươi nên biết rằng pháp ba thừa đó đều là pháp của các đấng thánh khen ngợi, là pháp tự tại không bị ràng buộc, không còn phải nương gá tìm cầu, ngồi trong ba thừa

này dùng các món căn, lực, giác chi, thánh đạo, thiền định vô lậu, cùng giải thoát tam-muội v.v... để tự vui sướng, được vô lượng sự an ổn khoái lạc."

Giảng:

Thích ưa sắc, thanh, hương, vị, xúc là cái vui tạm bợ thô hèn. Nếu còn kẹt trong ngũ dục là còn có ái nhiễm, có ái nhiễm là bị lửa tham dục thiêu đốt. Muốn ra khỏi ba cõi thì đừng đuổi theo ngũ dục lạc. Nếu dứt được ngũ dục lạc thì sẽ được ba thừa, và khi được ba thừa thì sẽ được an lạc, tức là đã ra khỏi nhà lửa tam giới.

Chánh văn:

22. Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sanh nào bề trong có trí tánh, theo đức Phật Thế Tôn nghe pháp tin nhận ân cần tinh tấn, muốn chóng ra khỏi ba cõi tự cầu chứng Niết-bàn, gọi đó là Thanh văn thừa, như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế Tôn nghe pháp, tin nhận, rồi ân cần tinh tấn, cầu trí tuệ tự nhiên, ưa thích riêng lẻ vắng lặng, sâu rõ nhân duyên của các pháp, gọi đó là Duyên giác thừa, như các người con kia vì cầu xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Nếu có chúng sanh nào theo đức Phật Thế Tôn nghe pháp tin nhận, siêng tu tinh tấn, cầu Nhất thiết trí, Phật trí, tự nhiên trí, vô sư trí, các món tri kiến lực,

vô úy của Như Lai, có lòng thương xót làm an vui cho vô lượng chúng sanh, lợi ích trời, người, độ thoát tất cả, hạng đó gọi là Đại thừa, Bồ-tát vì cầu được thừa này thời gọi là Ma-ha-tát, như các người con kia cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

Giảng:

Trở lại thí dụ nhà lửa với ba xe. Nếu người nghe Phật nói pháp Tứ đế, tinh tấn tu hành chứng Niết-bàn gọi là Thanh văn thừa, dụ như những người con cầu xe dê. Người nghe Phật nói Mười hai nhân duyên, ở chỗ vắng vẻ quán sát lý duyên sanh của các pháp gọi là Duyên giác thừa, dụ như những người con cầu xe hươu. Người nghe pháp tin nhận, tinh tấn tu hành cầu Nhất thiết trí, Phật trí, có lòng từ bi vô lượng làm lợi ích cho chúng sanh gọi là Đại thừa, dụ như những người con cầu xe trâu.

Chánh văn:

23. Xá-lợi-phất! Như ông trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà lửa đến chỗ vô úy, ông tự nghĩ, ta của giàu vô lượng, nên bình đẳng đem xe lớn đồng cho các con. Đức Như Lai cũng lại như thế, là cha của tất cả chúng sanh, nếu thấy có vô lượng nghìn ức chúng sanh do cửa Phật giáo mà thoát khỏi khổ, đường hiểm đáng sợ của ba cõi được sự vui Niết-bàn.

Bấy giờ đức Như Lai bèn nghĩ: "Ta có vô lượng vô biên trí tuệ, lực, vô úy v.v... tạng pháp của các

đức Phật, các chúng sanh này đều là con của ta đồng ban cho pháp Đại thừa, chẳng để có người được diệt độ riêng, đều đem pháp diệt độ của Như Lai mà cho chúng sanh nó diệt độ.

Những chúng sanh đã thoát khỏi ba cõi đó, Phật đều cho món vui thiền định, giải thoát v.v... của các đức Phật, các món đó đều là một tướng, một thứ mà các đấng thánh khen ngợi, hay sanh ra sự vui sạch mầu bậc nhất."

24. Xá-lợi-phất! Như ông trưởng giả ban đầu dùng ba thứ xe dụ dẫn các con, sau rồi chỉ ban cho xe lớn, vật báu trang nghiêm an ổn thứ nhất, song ông trưởng giả kia không có lỗi hư dối. Đức Như Lai cũng như thế, không có hư dối, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh sau rồi chỉ dùng Đại thừa mà độ giải thoát đó.

Vì sao? Như Lai có vô lượng tạng pháp trí tuệ, lực, vô sở úy, có thể ban pháp Đại thừa cho tất cả chúng sanh, chỉ vì chúng sanh không thọ được hết.

Xá-lợi-phất! Vì nhân duyên đó nên phải biết các đức Như Lai dùng sức phương tiện ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba.

Giảng:

Phật hỏi lại ngài Xá-lợi-phất một lần nữa. Khi các con ra khỏi nhà lửa được an ổn, ông trưởng giả bình đẳng cho các con một thứ xe là xe trâu trắng. Cũng như đức Phật tuy có phương tiện nói ba thừa, nhưng khi

chúng sanh đủ khả năng kham nhận, Phật nói ba thừa là không thật, chỉ thẳng tri kiến Phật là chỗ cứu cánh mà chư Phật hằng khen ngợi hằng hộ niệm, như vậy ngài có mắc lỗi nói dối hay không? ngài Xá-lợi-phất trả lời rằng: Phật không có lỗi nói dối, vì Phật từ bi, phương tiện và bình đẳng độ cho chúng sanh thoát khỏi khổ đau.

Đức Phật kết thúc chỗ cứu cánh chỉ có một Phật thừa, nhưng vì phương tiện nên nói thành ba thừa: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

Chánh văn:

Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

25. Thí như ông trưởng giả
Có một nhà rất lớn
Nhà đó đã lâu cũ
Mà lại rất xấu xa,
Phòng nhà vừa cao nguy
Gốc cột lại gãy mục,
Trính xuyên đều xiêu vẹo
Nền móng đã nát rã,
Vách phên đều sụp đổ
Đất bủn rơi rớt xuống,
Tranh lợp sa tán loạn
Kèo đòn sai rời khớp,
Bốn bề đều cong vạy

Khắp đầy những tạp nhơ,
Có đến năm trăm người
Ở đỗ nơi trong đó.
Chim xi, hiêu, điêu, thứu,
Quạ, chim thước, cưu, cáp,
Loài nguyên xà, phúc yết,
Giống ngô công, do diên,
Loài thủ cung, bá túc,
Dứu, ly cùng hề thử,
Các giống độc trùng dữ
Ngang dọc xen ruổi chạy,
Chỗ phân giải hôi thúi
Đồ bất tịnh chảy tràn
Các loài trùng khương lương
Bu nhóm ở trên đó,
Cáo, sói cùng dã can
Liếm nhai và giày đạp
Cắn xé những thây chết
Xương thịt bừa bãi ra,
Do đây mà bầy chó
Đua nhau đến ngoạm lấy,
Ốm đói và sợ sệt
Nơi nơi tìm món ăn
Giành giật cấu xé nhau

Gầm gừ gào sủa rân,
Nhà đó sự đáng sợ
Những biến trạng dường ấy,
Khắp chỗ đều có những
Quỷ, ly, mỵ, vọng, lượng,
Quỷ dạ-xoa, quỷ dữ
Nuốt ăn cả thịt người
Các loại trùng độc dữ
Những cầm thú hung ác
Ấp, cho bú, sản sanh
Đều tự giấu gìn giữ,
Quỷ dạ-xoa đua đến
Giành bắt mà ăn đó,
Ăn đó no nê rồi
Lòng hung dữ thêm hăng
Tiếng chúng đánh cãi nhau
Thật rất đáng lo sợ.
Những quỷ cưu-bàn-trà
Ngồi xổm trên đống đất
Hoặc có lúc hổng đất
Một thước hay hai thước
Qua rồi lại, dạo đi
Buông lung chơi cùng giỡn
Nắm hai chân của chó

Đánh cho la thất thanh
Lấy chân đạp trên cổ
Khủng bố chó để vui.
Lại có các giống quỷ
Thân nó rất cao lớn
Trần truồng thân đen xấu
Thường ở luôn trong đó
Rền tiếng hung ác lớn
Kêu la tìm món ăn.
Lại có các giống quỷ
Cổ nó nhỏ bằng kim,
Lại có các giống quỷ
Đầu nó như đầu trâu,
Hoặc là ăn thịt người
Hoặc lại ăn thịt chó,
Đầu tóc rối tung lên
Rất ác lại hung hiểm,
Bị đói khát bức ngặt
Kêu la vừa rong chạy.
Dạ-xoa cùng quỷ đói
Các chim muông ác độc
Đói gấp rảo bốn bề
Rình xem nơi cửa sổ,
Các nạn dường thế đấy
Vô lượng việc ghê sợ.

Giảng:

Nhà đã hư mục xiêu vẹo, bị lửa lớn đốt cháy, trong nhà có những cảnh khổ đang diễn ra như: các loài thú dữ, các loài ma quỷ độc ác v.v... luôn luôn tìm cách đe dọa và chực cắn nuốt lẫn nhau. Những chúng sanh trong tam giới cũng thế. Ở cõi Dục, ngoài cái khổ sanh, già, bệnh, chết bức ngặt bản thân, ngoài cái khổ do tham, sân, si, mạn, nghi, đố kỵ... ở nội tâm dày vò, giằng co, còn bị những cái khổ bên ngoài như nghèo thiếu, đấu tranh, chúng sanh với chúng sanh gây họa hại cho nhau, chém giết lẫn nhau... không sao kể xiết. Ở đây đức Phật diễn tả bằng những hình ảnh cọp sói giành giật mồi cắn xé lẫn nhau, yêu quỷ, hung thần rình rập ăn nuốt thịt người, ăn nuốt thịt thú... Những chúng sanh ở cõi Sắc và Vô sắc tuy có sung sướng thỏa mãn khoái lạc, không còn bị khổ xác thân nhưng vẫn còn bị sự biến dịch của tâm hồn, vẫn còn bị luật vô thường chi phối, hết phước cũng bị đọa lạc nên vẫn còn khổ.

Chánh văn:

26. Nhà cũ mục trên đó
Thuộc ở nơi một người
Người ấy vừa mới ra
Thời gian chưa bao lâu
Rồi sau nhà cửa đó
Bỗng nhiên lửa cháy đỏ
Đồng một lúc bốn bề
Ngọn lửa đều hừng hực,

Rường cột và trính xuyên
Tiếng tách nổ vang động
Nát gãy rơi rớt xuống
Vách phên đều lở ngã,
Các loại quỷ thần thảy
Đồng cất tiếng kêu to,
Các giống chim điêu, thứu
Quỷ cưu-bàn-trà thảy
Kinh sợ chạy sảng sốt
Vẫn không tự ra được,
Thú dữ, loài trùng độc
Chui núp trong lỗ hang.
Các quỷ tỳ-xá-xà
Cũng ở trong hang đó
Vì phước đức kém vậy
Bị lửa đến đốt bức
Lại tàn hại lẫn nhau
Uống máu ăn thịt nhau.
Những loại thú dã can
Thời đều đã chết trước
Các giống thú dữ lớn
Giành đua đến ăn nuốt.
Khói tanh bay phùn phụt
Phủ khắp bít bốn bề,

Loài ngô công, do diên
Cùng với rắn hung độc
Bị lửa lòn đốt cháy
Tranh nhau chạy khỏi hang,
Quỷ bàn-trà rình chờ
Liền bắt lấy mà ăn.
Lại có các ngạ quỷ
Trên đầu lửa phực cháy
Đói khát rất nóng khổ
Sảng sốt chạy quàng lên,
Nhà lửa đó dường ấy
Rất đáng nên ghê sợ
Độc hại cùng tai lửa
Các nạn chẳng phải một.

Giảng:

Đoạn này đức Phật diễn tả lại cảnh khổ của các người con trong nhà lửa, nào là các loài quỷ dữ, các giống thú dữ, các loài trùng độc đang làm hại lẫn nhau... Ông trưởng giả là người đã ra khỏi nhà lửa, là vị chủ nhân của căn nhà này. Thấy lửa đang cháy, các con đang bị lửa thiêu đốt vô cùng khốn khổ, ông thương và lo cho những người còn ở trong nhà này.

Chánh văn:

27. Lúc bấy giờ chủ nhà
Đứng ở nơi ngoài cửa

Nghe có người mách rằng:
Các người con của ông
Trước đây vì dạo chơi
Mà đến vào nhà này
Thơ bé không hiểu biết
Chỉ vui ham ưa đắm.
Trưởng giả vừa nghe xong
Kinh sợ vào nhà lửa
Tìm phương nghi cứu tế
Cho con khỏi thiêu hại
Mà dụ bảo các con
Nói rõ các hoạn nạn:
Nào ác quỷ độc trùng
Hỏa tai lan tràn cháy
Các sự khổ thứ lớp
Nối luôn không hề dứt
Loài độc xà, nguyên, phúc
Và các quỷ dạ-xoa
Cùng quỷ cưu-bàn-trà
Những dã can, chồn, chó
Chim điêu, thứu, si, kiêu
Lại giống bá túc thảy
Đều đói khát khổ gấp
Rất đáng phải ghê sợ

Chỗ khổ nạn như thế
Huống lại là lửa lớn.
Các con nhỏ không hiểu
Dầu có nghe cha dạy
Cứ vẫn còn ham ưa
Vui chơi mãi không thôi.

Giảng:

Ông trưởng giả ra khỏi nhà lửa, biết đàn con mình đang bị lửa thiêu đốt mà không hay, cứ say mê chơi giỡn, thích ưa đồ chơi không có giá trị, không biết lối ra, mắc phải nạn lửa thiêu đốt.

Chánh văn:

28. Bấy giờ trưởng giả kia
Mới bèn nghĩ thế này:
Các con như thế đó
Làm ta thêm sầu não.
Nay trong nhà lửa này
Không một việc đáng vui
Mà các con ngây dại
Vẫn ham mê vui chơi
Chẳng chịu nghe lời ta
Toan sẽ bị lửa hại.
Ông bèn lại suy nghĩ
Nên bày các phương tiện

Bảo với các con rằng:
Cha có rất nhiều thứ
Các đồ chơi trân kỳ
Những xe báu tốt đẹp
Nào xe dê, xe hươu
Cùng với xe trâu lớn
Hiện để ở ngoài cửa
Các con mau ra đây
Cha chính vì các con
Mà sắm những xe này
Tùy ý các con thích
Có thể để dạo chơi.
Các con nghe cha nói
Các thứ xe như vậy
Tức thời cùng giành đua
Rảo chạy ra khỏi nhà
Đến nơi khoảng đất trống
Rời những sự khổ nạn.
Trưởng giả thấy các con
Được ra khỏi nhà lửa
Ở nơi ngã tư đường
Đều ngồi tòa sư tử.
Ông bèn tự mừng rằng
Ta nay rất mừng vui

Những đứa con ta đây
Đẻ nuôi rất khó lắm
Chúng nhỏ dại không hiểu
Mới lầm vào nhà hiểm
Có nhiều loài trùng độc
Quỷ ly mỵ đáng sợ
Lửa lớn cháy hừng hực
Bốn phía đều phực lên
Mà các trẻ con này
Lại ham ưa vui chơi
Nay ta đã cứu chúng
Khiến đều được thoát nạn.
Vì thế, các người ơi!
Ta nay rất vui mừng.
Khi ấy, các người con
Biết cha đã ngồi an
Đều đến bên chỗ cha
Mà thưa cùng cha rằng:
Xin cha cho chúng con
Ba thứ xe báu lạ
Như vừa rồi cha hứa
Các con mau ra đây
Sẽ cho ba thứ xe
Tùy ý các con muốn

Bây giờ chính phải lúc
Xin cha thương cấp cho.

Giảng:

Ông trưởng giả khi biết đàn con đang say mê chơi giỡn trong nhà lửa, ông lấy làm lo ngại, muốn cho chúng ra khỏi nhà lửa, phải dùng phương tiện dụ dỗ cho các thứ đồ chơi quý báu như xe dê, xe hươu, xe trâu tùy theo ý thích, nếu chạy ra thì sẽ được cho. Những người con nghe nói thế, đua nhau chạy ra khỏi nhà. Khi các con ra khỏi nhà lửa thì ông trưởng giả rất vui mừng và đàn con bu quanh xin ông cho đồ chơi báu đẹp. Những người con trong nhà lửa này khi ra khỏi nhà lửa là đã thoát nạn mà không nghĩ mình đã thoát nạn, vẫn còn mang lòng tham, mong cầu đồ chơi quý đẹp. Cũng vậy, chúng ta tu cứ nghĩ tới chứng đắc quả vị này quả vị khác, chứ không biết rằng chủ yếu của sự tu hành là xả ly mọi cố chấp mọi loạn tưởng; hết chấp hết loạn tưởng thì tự nhiên được an vui giải thoát. Hiểu như vậy mới thấy được lý đạo. Phần nhiều chúng ta tu bị kẹt trên phương tiện, hết kẹt phương tiện này đến phương tiện khác, đó là do bệnh si mê, nói lẽ thật không chịu tin nhận, cứ tham lam ham chứng đắc nên mãi chìm trong luân hồi sanh tử.

Chánh văn:

29. Trưởng giả giàu có lớn
Kho đụn rất nhiều đầy
Vàng, bạc cùng lưu ly,

Xa cừ, ngọc mã não,
Dùng những món vật báu
Tạo thành các xe lớn
Chưng dọn trang nghiêm đẹp
Khắp vòng có bao lơn
Bốn mặt đều treo linh
Dây vàng xen thắt tụi
Lưới mành kết trân châu
Giăng bày phủ phía trên
Hoa vàng các chuỗi ngọc
Lòng thòng rũ khắp chỗ
Các màu trang sức đẹp
Khắp vòng xây quanh xe
Dùng nhiễu hàng mềm mại
Để làm nệm lót ngồi
Vải quý mịn rất tốt
Giá trị đến nghìn muôn
Bóng láng trắng sạch sẽ
Dùng trải trùm trên nệm
Có trâu trắng to lớn
Mập khỏe nhiều sức mạnh
Thân hình rất tươi tốt
Để kéo xe báu đó
Đông những tôi và tớ

Mà chực hầu giữ gìn
Đem xe đẹp như thế
Đồng ban cho các con.
Các con lúc bấy giờ
Rất vui mừng hớn hở
Ngồi trên xe báu đó
Dạo đi khắp bốn phương
Vui chơi nhiều khoái lạc
Tự tại không ngăn ngại.

Giảng:

Khi các con ra khỏi nhà lửa, đến vây quanh ông trưởng giả xin đồ chơi. Với tâm bình đẳng, ông cho các con toàn xe trâu trắng trang hoàng bằng những vật báu ngoài sức tưởng tượng, ngoài sự mong ước của các con.

Chánh văn:

30. Bảo Xá-lợi-phất này!
Đức Phật cũng như vậy
Tôn cả trong hàng thánh
Cha lành của trong đời
Tất cả các chúng sanh
Đều là con của ta
Say mê theo thế lạc
Không có chút tuệ tâm.
Ba cõi hiểm không an

Dường như nhà lửa cháy
Các nạn khổ dẫy đầy
Rất đáng nên ghê sợ
Thường có những sanh, già,
Bệnh, chết và rầu lo
Các thứ lửa như thế
Cháy hừng chẳng tắt dứt.
Đức Như Lai đã lìa
Nhà lửa ba cõi đó
Vắng lặng ở thong thả
An ổn trong rừng nội
Hiện nay ba cõi này
Đều là của ta cả
Những chúng sanh trong đó
Cũng là con của ta.
Mà nay trong ba cõi
Có nhiều thứ hoạn nạn
Chỉ riêng một mình ta
Có thể cứu hộ chúng,
Dầu lại đã dạy bảo
Mà vẫn không tin nhận
Vì nơi các dục nhiễm
Rất sanh lòng tham mê
Bởi thế nên phương tiện

Vì chúng nói ba thừa
Khiến cho các chúng sanh
Rõ ba cõi là khổ
Mở bày cùng diễn nói
Những đạo pháp xuất thế.
Các người con đó thảy
Nếu nơi tâm quyết định
Đầy đủ ba món minh
Và sáu món thần thông
Có người được Duyên giác
Hoặc bất thối Bồ-tát.
Xá-lợi-phất phải biết!
Ta vì các chúng sanh
Dùng món thí dụ này
Để nói một Phật thừa
Các ông nếu có thể
Tin nhận lời nói đây
Tất cả người đều sẽ
Chứng thành quả Phật đạo.

Giảng:

Tòa nhà xiêu vẹo hư mục đang bốc cháy, dụ như ở trong ba cõi, chính bản thân của chúng sanh đang bị lửa vô thường thiêu đốt, không thân nào, cảnh nào là không bị lửa tàn phá. Ở trong nhà lửa có đủ thứ hình tướng

ghê tởm, đủ thứ hung hiểm ác độc đe dọa sát hại lẫn nhau, đó là dụ cho tham sân si biến ra thiên hình vạn trạng làm khổ con người mà không ai biết. Vì vậy Phật phương tiện dẫn dụ Niết-bàn Thanh văn, Niết-bàn Duyên giác, Niết-bàn Bồ-tát để cho chúng sanh thích, tu hành thoát khỏi phiền não khổ đau. Sau cùng Phật chỉ thẳng tri kiến Phật là chỗ cứu cánh viên mãn. Nếu người đến được chỗ rốt ráo này thì an vui tự tại vô ngại.

Chánh văn:

31. Phật thừa đây vi diệu
Rất thanh tịnh thứ nhất
Ở trong các thế gian
Không còn pháp nào trên
Của các Phật vui ưa,
Tất cả hàng chúng sanh
Đều phải nên khen ngợi
Và cúng dường lễ bái
Đủ vô lượng nghìn ức
Các trí lực, giải thoát
Thiền định và trí tuệ
Cùng pháp khác của Phật,
Chứng đặng thừa như thế
Khắp cho các con thảy
Ngày đêm cùng kiếp số
Thường đặng ngồi dạo chơi,

Cho các hàng Bồ-tát
Cùng với chúng Thanh văn
Nương nơi thừa báu này
Mà thẳng đến đạo tràng.
Vì bởi nhân duyên đó
Tìm kỹ khắp mười phương
Lại không thừa nào khác
Trừ Phật dùng phương tiện.
Bảo với Xá-lợi-phất!
Bọn ông các người thảy
Đều là con của ta
Ta thời là cha lành.
Các ông trải nhiều kiếp
Bị các sự khổ đốt
Ta đều đã cứu vớt
Cho ra khỏi ba cõi.
Ta dầu ngày trước nói
Các ông được diệt độ
Nhưng chỉ hết sanh tử
Mà thật thời chẳng diệt,
Nay việc nên phải làm
Chỉ có trí tuệ Phật.
Nếu có Bồ-tát nào
Ở trong hàng chúng này

Có thể một lòng nghe
Pháp thật của các Phật,
Các đức Phật Thế Tôn
Dầu dùng chước phương tiện
Mà chúng sanh được độ
Đều là Bồ-tát cả.

Giảng:

Phật thừa là pháp vi diệu thanh tịnh bậc nhất, trong thế gian này không có pháp nào hơn được, nên phải khen ngợi. Nếu người nào ưa vui tin nhận được pháp này thì chắc chắn những người đó sẽ thành Phật.

Chánh văn:

32. Nếu có người trí nhỏ
Quá mê nơi ái dục
Phật bèn vì bọn này
Mà nói lý khổ đế,
Chúng sanh nghe lòng mừng
Được điều chưa từng có
Đức Phật nói khổ đế
Chân thật không sai khác.
Nếu lại có chúng sanh
Không rõ biết gốc khổ
Quá say nơi khổ nhân
Chẳng tạm rời bỏ được,

Phật vì hạng người này
Dùng phương tiện nói dạy
Nguyên nhân có các khổ
Tham dục là cội gốc,
Nếu dứt được tham dục
Khổ không chỗ nương đỗ
Dứt hết hẳn các khổ
Gọi là đế thứ ba.
Vì chứng diệt đế vậy
Mà tu hành đạo đế
Lìa hết các khổ phược
Gọi đó là giải thoát,
Người đó nơi pháp gì
Mà nói được giải thoát?
Chỉ xa rời hư vọng
Gọi đó là giải thoát
Kỳ thật chưa phải được
Giải thoát hẳn tất cả.
Đức Phật nói người đó
Chưa phải thật diệt độ,
Vì người đó chưa được
Đạo quả Vô thượng vậy.
Ý của ta không muốn,
Cho đó đến diệt độ,

Ta là đấng Pháp vương
Tự tại nơi các pháp
Vì an ổn chúng sanh
Nên hiện ra nơi đời.
Xá-lợi-phất phải biết!
Pháp ấn của ta đây
Vì muốn làm lợi ích
Cho thế gian nên nói,
Tại chỗ ông đi qua
Chớ có vọng tuyên truyền.
Nếu có người nghe đến
Tùy hỷ kính nhận lấy
Phải biết rằng người ấy
Là bậc bất thối chuyển.
Nếu có người tin nhận
Kinh pháp Vô thượng này
Thời người đó đã từng
Thấy các Phật quá khứ
Cung kính và cúng dường
Cũng được nghe pháp này.
Nếu người nào có thể
Tin chịu lời ông nói
Thời chính là thấy ta
Cũng là thấy nơi ông

Cùng các chúng Tỳ-kheo
Và các hàng Bồ-tát.

Giảng:

Đối với những người tâm ý nhỏ hẹp không nhận được pháp lớn, nên Phật phương tiện nói khổ đế, rồi từ khổ đế ngài chỉ nguyên nhân gây ra khổ là tập đế. Khi đã biết khổ đế, tập đế, ngài mới nói diệt đế tức là Niết-bàn, muốn đến Niết-bàn là phải biết đường lối tu hành tức là đạo đế. Nếu người y cứ pháp Tứ đế tu hành thì sẽ chứng được quả A-la-hán. Nhưng quả A-la-hán chưa thật là diệt độ, chưa thật là Niết-bàn. Tại sao? Vì các vị tu pháp Tứ đế thấy thân tâm này bị vô thường chi phối nên mới khổ đau. Gốc của khổ đau là tham, sân, si mà tham, sân, si lại là hư vọng. Những thứ hư vọng đó sạch hết tức là dứt được cái nhân luân hồi sanh tử gọi là diệt đế. Thanh văn chỉ dẹp được phiền não hư vọng chưa nhận được tri kiến Phật nơi mình, nên đây Phật nói: *Chỉ xa rời hư vọng, gọi đó là giải thoát*. Còn hàng Bồ-tát hay Phật thừa thì nhận ra nơi mình có tri kiến Phật. Nhận ra nơi mình có tri kiến Phật rồi thì buông hết những cái hư vọng không thật.

Thí dụ cái áo bị dính những vết nhơ, khi tẩy hết những vết nhơ thì nói cái áo đã sạch, kỳ thật chỉ hết những vết nhơ chứ chưa thật sạch. Muốn sạch, sau khi tẩy các vết nhơ rồi phải đem cả cái áo ra giặt giũ, chừng đó mới thật sạch. Những vết nhơ tẩy sạch là cái sạch tương đối, cái áo sạch toàn diện mới là cái sạch tuyệt đối. Cũng vậy, khi dứt được tham, sân, si, phiền não hư vọng

thì tâm lặng lẽ gọi là Niết-bàn giải thoát. Niết-bàn này chỉ là Niết-bàn tiêu cực, chưa có diệu dụng tích cực, nên có nhiều vị A-la-hán chứng Niết-bàn an trụ trong vắng lặng, rồi diệt độ luôn không làm lợi ích chúng sanh. Còn hàng Bồ-tát nhận ra tri kiến Phật, đoạn dứt nhân luân hồi sanh tử, có đủ diệu dụng như: thập lực, tứ vô sở úy... ra giáo hóa làm lợi ích chúng sanh. Đó là tinh thần tiêu cực và tích cực của Thanh văn và Bồ-tát.

Chánh văn:

33. Phật vì người trí sâu
Nói kinh Pháp Hoa này
Kẻ thức cạn nghe đến
Mê lầm không hiểu được.
Tất cả hàng Thanh văn
Cùng với Bích-chi Phật
Ở trong Kinh pháp này
Sức kia không hiểu được.
Chính ông Xá-lợi-phất
Hãy còn nơi Kinh này
Dùng lòng tin được vào
Huống là Thanh văn khác.
Bao nhiêu Thanh văn khác
Do tin theo lời Phật
Mà tùy thuận Kinh này
Chẳng phải trí của mình.

Giảng:

Phật vì người trí sâu nói kinh Pháp Hoa, bởi hạng người này mới có đủ khả năng tin nhận. Còn hạng trí cạn hẹp như Thanh văn, Duyên giác thì không thể hiểu. Chính ngài Xá-lợi-phất đối với kinh Pháp Hoa phải do lòng tin mà vào, huống là những hàng Thanh văn khác.

Chánh văn:

34. Lại này, Xá-lợi-phất!
Kẻ kiêu mạn biếng lười
Vọng so chấp lấy ngã
Chớ vì nói Kinh này,
Hạng phàm phu biết cạn
Quá mê năm món dục
Nghe pháp không hiểu được
Cũng chẳng nên vì nói,
Nếu có người không tin
Khinh hủy chê Kinh này
Thời là dứt tất cả
Giống Phật ở thế gian.
Nếu có người xịu mặt
Mà cưu lòng nghi hoặc
Ông nên lắng nghe nói
Tội báo của người đó.
Hoặc Phật còn tại thế

Hoặc sau khi diệt độ
Nếu có người chê bai
Kinh điển như thế này
Thấy có người đọc tụng
Biên chép, thọ trì Kinh
Rồi khinh tiện ghét ganh
Mà cưu lòng kết hờn
Tội báo của người đó
Ông nay lại lắng nghe.
Người đó khi mạng chung
Sa vào ngục A-tỳ
Đầy đủ một kiếp chẵn
Kiếp mãn hết lại sanh
Cứ xoay vần như thế
Nhẫn đến vô số kiếp.
Từ trong địa ngục ra
Sẽ đọa vào súc sanh,
Hoặc làm chó, dã can
Thân thể nó ốm gầy
Đen điu thêm ghẻ lác
Bị người thường chọc ghẹo
Lại còn phải bị người
Gớm nhờm và ghét rẻ
Thường ngày đói khát khổ

Xương thịt đều khô khan,
Lúc sống chịu khổ sở
Chết bị ném ngói, đá
Vì đoạn mất giống Phật
Nên thọ tội báo đó.
Hoặc sanh làm lạc đà
Hoặc sanh vào loài lừa
Thân thường mang kéo nặng
Lại thêm bị đánh đập
Chỉ nhớ tưởng: nước, cỏ
Ngoài ra không biết gì
Vì khinh chê Kinh này
Mà mắc tội như vậy.
Có khi làm dã can
Đi vào trong xóm làng
Thân thể đầy ghẻ lác
Lại chột hết một mắt
Bị bọn trẻ nhỏ vây
Theo đánh đập liệng ném
Chịu nhiều các đau khổ
Hoặc có lúc phải chết.
Ở đây vừa chết rồi
Liền lại thọ thân rắn
Thân thể nó dài lớn

Đến năm trăm do-tuần
Điếc ngây và không chân
Lăn lóc đi bằng bụng
Bị các loài trùng nhỏ
Cắn rút ăn thịt, máu
Bị khổ cả ngày đêm
Không tạm có ngừng nghỉ
Vì khinh chê Kinh này
Mà mắc tội như vậy.
Nếu được sanh làm người
Các căn đều ám độn
Lùn xấu lại liệt què
Đui điếc thêm lưng gù
Có nói ra lời gì
Mọi người không tin nhận,
Hơi miệng thường hôi thúi
Bị quỷ mỵ dựa nhập
Nghèo cùng rất hèn hạ
Bị người sai khiến luôn,
Nhiều bệnh, thân ốm gầy
Không có chỗ cậy nhờ
Dầu nương gần với người
Mà người chẳng để ý
Nếu có được điều chi

Thời liền lại quên mất,
Nếu học qua nghề thuốc,
Theo đúng phép trị bệnh
Mà bệnh người nặng thêm
Hoặc có khi đến chết,
Nếu tự mình có bệnh
Không người chữa lành đặng
Dầu có uống thuốc hay
Mà bệnh càng thêm nặng,
Hoặc người khác phản nghịch
Cướp giật trộm lấy của
Các tội dường thế đó
Lại tự mang vạ lây.
Những người tội như đây
Trọn không thấy được Phật.
Là vua trong hàng thánh
Thường nói pháp giáo hóa,
Những người tội như đây
Thường sanh chỗ hoạn nạn
Tâm cuồng loạn, tai điếc
Trọn không nghe pháp được.
Trải qua vô số kiếp
Như số cát sông Hằng
Sanh ra liền điếc câm

Các căn chẳng đầy đủ
Thường ở trong địa ngục
Như dạo chơi vườn nhà,
Ở tại ác đạo khác
Như ở nhà cửa mình
Lạc đà, lừa, heo, chó
Là chỗ kia thường đi
Vì khinh chê Kinh này
Mắc tội dường thế đó.
Nếu được sanh làm người
Điếc, đui lại câm, ngọng
Nghèo cùng các tướng suy
Dùng đó tự trang nghiêm,
Sưng bủn bệnh khô khát
Ghẻ, lác, cùng ung thư
Các bệnh như trên đó
Dùng làm y phục mặc,
Thân thể thường hôi hám
Nhơ nhớp không hề sạch
Lòng chấp ngã sâu chặt
Thêm nhiều tánh giận hờn
Tánh dâm dục hẩy hừng
Đến chẳng chừa cầm thú.
Vì khinh chê Kinh này
Mắc tội dường thế đó.

Giảng:

Người chấp ngã đắm mê dục lạc thế gian, nghe kinh Pháp Hoa họ không tin lại còn khinh chê làm khuất mờ hạt giống Phật nơi mình, lại còn nói cho người khác không tin làm mờ khuất hạt giống Phật nơi người. Đó là làm đoạn mất hạt giống Phật ở thế gian nên mù mịt mê mờ, mặc tình tạo tội rồi mắc quả báo ở địa ngục. Khi hết quả báo địa ngục còn dư báo làm súc sanh, làm người thì thân thể tàn tật, đau bệnh, nghèo đói... Tất cả mọi khổ đau đều do không tin và khinh chê kinh Pháp Hoa, nên mất ánh sáng trí tuệ mà tạo nghiệp ác thọ quả khổ.

Chánh văn:

35. Bảo cho Xá-lợi-phất!
Người khinh chê Kinh này
Nếu kể nói tội kia
Cùng kiếp cũng chẳng hết
Vì bởi nhân duyên đó
Ta vẫn bảo các ông
Trong nhóm người vô trí
Chớ nên nói Kinh này.
Nếu có người lợi căn
Sức trí tuệ sáng láng
Học rộng và nhớ dai
Lòng mong cầu Phật đạo
Những hạng người như thế

Mới nên vì đó nói.
Nếu có người đã từng
Thấy trăm nghìn ức Phật
Trồng các cội đức lành
Thâm tâm rất bền vững
Hạng người được như thế
Mới nên vì đó nói.
Nếu có người tinh tấn
Thường tu tập lòng từ
Chẳng hề tiếc thân mạng
Mới nên vì đó nói.
Nếu có người cung kính
Không có sanh lòng khác
Lìa xa các phàm ngu
Ở riêng trong núi chằm
Những hạng người như thế
Mới nên vì đó nói.
Lại Xá-lợi-phất này!
Nếu thấy có người nào
Rời bỏ ác tri thức
Gần gũi bạn hiền lành
Người được như thế ấy
Mới nên vì đó nói.
Nếu thấy hàng Phật tử

Giữ giới hạnh trong sạch
Như minh châu sáng sạch
Ham cầu kinh Đại thừa
Những người được như thế
Mới nên vì đó nói.
Nếu người không lòng giận
Chắc thật ý dịu hòa
Thường thương xót mọi loài
Cung kính các đức Phật
Hạng người tốt như thế
Mới nên vì đó nói.
Lại có hàng Phật tử
Ở tại trong đại chúng
Thuần dùng lòng thanh tịnh
Các món nhân cùng duyên
Thí dụ và lời lẽ
Nói pháp không chướng ngại
Những người như thế ấy
Mới nên vì đó nói.
Nếu có vị Tỳ-kheo
Vì cầu Nhất thiết trí
Khắp bốn phương cầu pháp
Chắp tay cung kính thọ
Chỉ ưa muốn thọ trì

Kinh điển về Đại thừa
Nhẫn đến không hề thọ
Một bài kệ kinh khác
Hạng người được như thế
Mới nên vì đó nói.
Như có người chí tâm
Cầu xá-lợi của Phật
Cầu Kinh cũng như thế
Được rồi đảnh lễ thọ
Người đó chẳng còn lại
Có lòng cầu kinh khác
Cũng chưa từng nghĩ tưởng
Đến sách vở ngoại đạo
Người được như thế ấy
Mới nên vì đó nói.
Bảo cùng Xá-lợi-phất!
Ta nói các sự tướng
Của người cầu Phật đạo
Cùng kiếp cũng chẳng hết
Những người như thế đó
Thời có thể tin hiểu
Ông nên vì họ nói
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Giảng:

Ở trước, Phật dạy những người khinh mạn, lười biếng, trí kém... thì không nên vì họ mà nói kinh Pháp Hoa, e họ không đủ sức tin, khinh chê rồi tạo tội mắc quả khổ. Tới đây, Phật dạy đối với những người lợi căn trí sáng, người đã từng gặp Phật có căn lành với Phật, người tinh tấn thường tu tập lòng từ, người cung kính nghe lời Phật dạy không chán nhàm luôn ở chỗ vắng vẻ tu hành, người xa bạn ác gần gũi bạn lành, người giữ giới thanh tịnh cầu pháp Đại thừa, người ít giận tâm dịu hòa, kính Phật, thương chúng sanh, người có tâm thuần tịnh hay dùng phương tiện giảng nói Kinh pháp, người thọ trì kinh điển Đại thừa, Tỳ-kheo cầu Nhất thiết trí, người nghe kinh điển thành tâm kính lễ tu tập, không ưa thích sách vở ngoại đạo; nên vì những người đó mà nói kinh Pháp Hoa, vì những hạng người này có khả năng tin thọ.

Chủ yếu của phẩm Thí Dụ là Phật chỉ cho tất cả hàng đệ tử tu theo Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa biết rõ ba thừa đó, Phật tùy căn cơ của chúng sanh mà phương tiện tạm lập, nên không có thật. Chỗ chân thật cứu cánh mà Phật muốn chỉ là Phật thừa.

Ngoài điểm chủ yếu đã nói, trong phẩm Thí Dụ đức Phật còn nêu lên những cảnh tượng khổ đau đang bức bách con người trong nhà lửa, để cho người tu Phật thấy rõ lẽ thật là người vật đang bị lửa vô thường, lửa tam độc thiêu đốt thân tâm. Thấy được lẽ thật là tỉnh giác, do tỉnh giác mà tiến tu để thoát khỏi lửa thiêu đốt.

Đó là người trí mạnh do tỉnh giác mà được giải thoát. Còn người trí yếu, nhờ nghe lời Phật dạy, tuy chưa đủ sức tỉnh giác, nhưng tin lời Phật nói là đúng, y theo đó mà tiến tu, nhờ tiến tu nên cũng được giải thoát. Dụ như trường hợp các con của ông trưởng giả tin cha cho ba xe, nên cố gắng chạy ra khỏi nhà lửa. Không bị lửa vô thường, lửa tam độc chi phối là giải thoát, còn bị lửa vô thường, lửa tam độc bức bách thì còn trầm luân trong luân hồi sanh tử.

Thông thường giáo lý Phật nói tu đến chỗ viên mãn thì không còn chấp ngã chấp pháp, nghĩa là không còn thấy thân tâm này là ngã, không còn thấy có pháp để tu để chứng. Lúc không còn thấy ngã pháp là lúc an trụ Niết-bàn tịch diệt. Không còn ngã là không còn mình, vậy ai an trụ Niết-bàn? Không còn pháp là không có Niết-bàn, vậy tu đến chỗ tịch diệt, chỗ tịch diệt đó có phải là hư không chăng, vì không người không vật? Nếu tu để trở thành hư không vô tri thì không nên tu, tu vô ích!

Đó là một vấn đề mà người tu ít ai để ý, cứ tin Niết-bàn là tịch diệt vắng lặng, không còn gì hết, hiểu như vậy là họa cho người học Phật. Hình ảnh ông trưởng giả kêu các con và khi các con ra khỏi nhà lửa, được ông cho xe trâu trắng mập, đẹp, trang hoàng bằng bảy báu ngoài sức tưởng tượng, ngoài sự ước mơ của các con. Cũng vậy, tu đến chỗ không còn bị lửa vô thường, lửa tham sân si thiêu đốt, đâu phải ngang đó là hết, mà còn cái chân thật không hình tướng, không sanh diệt,

thanh tịnh sáng suốt mầu nhiệm, vượt khỏi tầm hiểu biết suy lường của con người, nên đức Phật không nói. Vì Phật không nói nên chúng sanh không biết không tin. Khi xả được kiến chấp về giả ngã và buông được kiến chấp về giả pháp, mà Phật đã tùy căn cơ của chúng sanh giả lập, thì cái chân thật hiện bày đầy đủ diệu dụng bất khả tư nghì. Nhiều người học Phật nghĩ Niết-bàn vắng lặng chắc buồn lắm vì trống vắng. Còn ngã còn pháp thì mình có cái này được cái kia, khi tới Niết-bàn thì vô ngã, không có một pháp thì hưởng cái gì, vui cái gì? Họ đâu ngờ chính khi hết vô minh phiền não, thoát khỏi luân hồi sanh tử trong tam giới thì được tự tại vô ngại, đầy đủ diệu dụng lợi ích chúng sanh. Thí dụ nhà lửa làm sáng tỏ ý nghĩa này.

Phẩm Thí Dụ còn nói lên rằng: Người đến với đạo Phật mà không tin mình có tri kiến Phật, đó là tự hủy hoại tự đoạn dứt căn lành của người, làm mất hạt giống Phật ở thế gian. Nên biết rõ tri kiến Phật không rời thân năm uẩn sanh diệt giả tạm này mà riêng có. Vì vậy, việc tin nhận tri kiến Phật ở chính mình là việc rất thực tế, không phải là chuyện mơ hồ viển vông. Tin nhận tri kiến Phật ngay nơi mình thì mới thấy rõ thân năm uẩn giả hợp này là huyễn hóa không thật, nếu ai mê chấp nó là thật thì trầm luân đau khổ. Thế nên nói tin Kinh này thì được vô lượng trí tuệ công đức; nếu không tin thì mê muội tạo vô số tội ác, chịu quả khổ cùng cực. Tin là tin mình có giống Phật, nếu tu sẽ được thành Phật, chứ không phải tin trên ngôn thuyết chữ nghĩa suông. Lý này đến phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát sẽ thấy rõ hơn.

Qua phẩm Thí Dụ, chúng ta thấy lòng từ của Phật đối với chúng sanh vô lượng vô biên không ngằn mé. Ngài dùng mọi phương tiện để dẫn dụ giáo hóa cho chúng sanh mau thoát khỏi nhà lửa tam giới, được đầy đủ diệu dụng, tiến đến quả Phật như ngài mới thôi.

IV- PHẨM TÍN GIẢI

Tín là tin, giải là hiểu rõ, tín giải là do giải ngộ mà rõ suốt pháp Phật nên có niềm tin sâu xa không thối chuyển. Nếu nương lời Phật dạy tin suông mà không giải ngộ, hoặc tin hiểu một cách cạn cợt thì chưa gọi là tín giải đối với pháp mà Phật muốn chỉ. Sau khi đức Phật chỉ rõ nơi mỗi chúng sanh có tri kiến Phật, tức là mỗi người đã có sẵn Phật nhân, nếu tu sẽ thành Phật quả, các bậc A-la-hán đệ tử Phật như ngài Tu-bồ-đề, Đại Ca-chiên-diên v.v... nghe Phật nói pháp được giải ngộ, các ngài không còn kẹt ở quả vị Thanh văn nữa. Do tin hiểu thâm sâu nên các ngài trình sở ngộ lên đức Phật và sẽ được Phật thọ ký cho. Sự kiện này giống như Thiền tông trình kiến giải và được ấn chứng.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, các ngài Tuệ mạng Tu-bồ-đề, Đại Ca-chiên-diên, Đại Ca-diếp, Đại Mục-kiền-liên,

từ nơi Phật được nghe pháp chưa từng có. Đức Thế Tôn dự ghi cho ngài Xá-lợi-phất sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sanh lòng hy hữu hớn hở vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy sửa y phục trịch bày vai hữu, gối hữu chấm đất, một lòng chắp tay cúi mình cung kính chiêm ngưỡng dung nhan Phật mà bạch cùng Phật rằng:

Chúng con ở đầu trong hàng tăng, tuổi đều già lụn, tự cho đã được Niết-bàn không kham nhiệm gì nữa, chẳng còn thẳng cầu thêm đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Thế Tôn thuở trước nói pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi tòa thân thể mỏi mệt, chỉ nhớ nghĩ ba pháp: Không, vô tướng, vô tác, đối với các pháp du hý thần thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ-tát, lòng chúng con không ưa thích.

Vì sao? Đức Thế Tôn khiến chúng con ra khỏi ba cõi được chứng Niết-bàn, lại nay đây chúng con tuổi đã già nua, ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Phật dạy Bồ-tát không hề sanh một niệm ưa thích.

Chúng con hôm nay ở trước Phật nghe thọ ký cho Thanh văn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lòng rất vui mừng được pháp chưa từng có, chẳng ngờ hôm nay bỗng nhiên được pháp hy hữu, tự rất mừng may được lợi lành lớn, vô lượng trân báu chẳng tìm cầu mà tự được.

Giảng:

Trong pháp hội Phật, ngài Xá-lợi-phất là bậc đại căn đại trí, nên khi Phật nói phẩm Phương Tiện ngài liền thấy rõ bản hoài của Phật và nhận ra nơi mình có tri kiến Phật. Ngang đó ngài trình sở ngộ, được Phật ấn chứng và thọ ký cho sau này sẽ thành Phật. Còn các vị A-la-hán trưởng lão như Tu-bồ-đề, Đại Ca-chiên-diên v.v... thuộc hàng trung căn tuy đã nghe Phật giải nói cái nào là phương tiện, cái nào là cứu cánh vẫn chưa dám tin nhận. Đến khi Phật nêu thí dụ rõ ràng, các ngài mới thấy rằng ban đầu được Phật dạy pháp Tiểu thừa, các ngài tu chứng Niết-bàn Thanh văn. Nhưng nay Phật nói quả vị rốt ráo là quả Phật, quả Thanh văn chỉ là giả lập, không phải cứu cánh. Các ngài lãnh hội được lý này và chứng kiến ngài Xá-lợi-phất trình sở ngộ được Phật thọ ký, nên vui mừng đứng lên chiêm ngưỡng dung nhan Phật và nói lên tâm trạng của mình rằng:

Đức Thế Tôn thuở trước nói pháp đã lâu, lúc đó chúng con ngồi nơi tòa, thân thể mỏi mệt, chỉ nhớ nghĩ ba pháp: Không, vô tướng, vô tác, đối với các pháp du hý thần thông, tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh của Bồ-tát, lòng chúng con không ưa thích. Vì các ngài đã già và đã chứng được Niết-bàn Thanh văn rồi, nên đối với đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác các ngài không hề nghĩ tới. Nay nghe Phật thọ ký hàng Thanh văn sẽ được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các ngài vui mừng vì bất ngờ mà được của báu, thật hy hữu.

Qua đoạn này chúng ta thấy tâm nguyện của Thanh văn khác với tâm nguyện của Bồ-tát. Các vị Thanh văn

tuổi già, ngồi nghe pháp lâu sanh mỏi mệt, nên không muốn nhớ nhiều chỉ nhớ có ba điều: Không, vô tướng, vô tác là ba môn giải thoát. Khi tu dừng hết mọi vọng tưởng, sạch hết kiết sử gọi đó là Không. Vì không còn vọng tưởng, không còn kiết sử, tâm vắng lặng không hình tướng nên nói là vô tướng. Bởi không có hình tướng nên không có động tác nói là vô tác. Vậy Không, vô tướng, vô tác là ba cửa giải thoát của hàng Nhị thừa. Hàng Thanh văn do nhận được lý ấy mà thoát ly sanh tử. Đó là đứng trên pháp vô vi mà nói. Nếu nhìn trên tướng hữu vi thì các pháp do duyên hợp tạm có các tướng, nhưng không có tự tánh cố định, nó chỉ là giả tướng không thật nên nói là vô tướng. Vì trên tánh không, nó không có tạo tác, vì tạo tác là tướng của duyên, nên nói là vô tác. Hàng Thanh văn lấy làm hài lòng ở ba món giải thoát này, cho đó là đã đủ, không khởi nguyện làm lợi ích chúng sanh. Nên đối với pháp du hý thần thông tam-muội, tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sanh... thì các ngài không ưa thích.

Thế nào là *du hý thần thông tam-muội?* Bồ-tát khi đạt lý tất cả pháp duyên khởi tánh không, bởi tánh không nên duyên hợp tạm có, có mà có trong hư giả huyễn hóa. Bởi huyễn hóa nên Bồ-tát lấy thân như huyễn độ hữu tình như huyễn, khi làm việc độ sanh không thấy có khổ, vì không còn thấy ta là người giáo hóa, chúng sanh là người được độ, do không chấp ta không chấp người nên không khổ. Hằng ra vào trong ba cõi để độ sanh, tâm an vui không buồn không khổ nên gọi là du hý thần thông tam-muội, đó là tâm hạnh của Bồ-tát. Còn tâm hạnh

phàm tăng của chúng ta ngày nay làm cái gì là kẹt cái nấy, tới đâu là dính đó, do ngã chấp chưa buông nên ngay khi độ sanh là khởi phiền não. Vì vậy mà không được thần thông du hý tam-muội. Hàng Bồ-tát được du hý tam-muội, nên các ngài hằng tịnh cõi nước Phật bằng cách ra vào trong ba cõi để giáo hóa chúng sanh chuyển nghiệp xấu thành nghiệp tốt, nhiều đời nhiều kiếp làm mãi mãi mà không chán. Do thấy thân như huyễn, dù có bỏ thân huyễn mộng này trăm ngàn lần cũng chỉ là trò chơi, nên ra vào ba cõi cũng như đi du hý không sợ.

Đến khi công hạnh viên mãn thì Bồ-tát thành Phật. Cõi nước của ngài có vô số quyến thuộc là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đồng duyên, đồng phước quy hội về, gọi là tịnh Phật quốc độ. Hàng Thanh văn an trụ trong Niết-bàn tịch tịnh, không khởi nguyện độ sanh, vì sợ khởi nguyện là khởi nhân phiền não nên các ngài chìm lặng mãi trong Niết-bàn tịch tịnh. Nhưng nay nghe Phật thọ ký cho hàng Thanh văn sẽ thành Phật thì các ngài vui mừng, thấy rằng bỗng nhiên được của báu, điều mà các ngài không bao giờ nghĩ tới.

Chánh văn:

2. Thế Tôn! Chúng con hôm nay xin nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó.

Thí như có người tuổi còn thơ bé, bỏ cha trốn đi qua ở lâu nơi nước khác, hoặc mười, hai mươi đến năm mươi năm; người đó tuổi đã lớn lại thêm nghèo

cùng khốn khổ, rong ruổi bốn phương để cầu đồ mặc vật ăn, dạo đi lần lần tình cờ trở về bản quốc.

Người cha từ trước đến nay, tìm con không được bèn ở lại tại một thành trong nước đó. Nhà ông giàu lớn của báu vô lượng, các kho đụn, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, pha lê, châu v.v... thảy đều tràn đầy; tôi tớ, thần tá, lại dân rất đông; voi, ngựa, xe cộ, bò, dê nhiều vô số. Cho vay thâu vào lời lãi khắp đến nước khác, khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều.

Bấy giờ, gã nghèo cùng kia dạo đến các tụ lạc, trải qua xóm làng, lần hồi đến nơi thành của người cha ở.

Người cha hằng nhớ con, cùng con biệt ly hơn năm mươi năm mà ông vẫn chưa từng đối với người nói việc như thế, chỉ tự suy nghĩ lòng rất ăn năn. Ông tự nghĩ, già nua và có nhiều của cải, vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy, không có con cái, một mai mà chết mất thời của cải tản thất không người giao phó. Cho nên ân cần nhớ luôn đến con. Ông lại nghĩ: Nếu ta gặp được con, ủy phó của cải, thản nhiên khoái lạc không còn sầu lo.

Giảng:

Chúng sanh đi trên con đường lầm mê, giống hệt như gã cùng tử thơ bé bỏ cha mẹ đi hoang đến xứ người, trải qua thời gian dài từ mười năm tới năm mươi năm, vì nghèo cùng khốn khổ nên rong ruổi bốn phương tìm cầu

sự ăn mặc, đi lần lần tình cờ trở về bản quốc. Đó là tâm trạng của chúng sanh ở giai đoạn bối giác hiệp trần. Tự mình có sẵn tánh giác, đầy đủ công đức mà quên, nên đi lang thang trong lục đạo luân hồi, không biết bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp. Bây giờ bỗng nhiên gặp duyên tốt thức tỉnh cạo tóc xuất gia. Tuy xuất gia mà không nghĩ mình sẽ thành Phật, vì quả Phật quá cao siêu, đòi hỏi phải tích lũy vô lượng vô biên công đức, trải qua thời gian lâu dài, e mình không kham nổi, nên không bao giờ dám nghĩ tu để thành Phật. Tu không phải một đời là thành Phật, mà phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp gạn lọc phiền não, tích lũy công đức. Song, tập khí phiền não đâu phải một lần buông là hết, công quả lợi sanh đâu phải làm đôi ba việc là đủ. Vì vậy, phải siêng năng cần mẫn, không ngại gian lao khó nhọc tự mình tiến tu và làm lợi ích cho mọi người, thì khả dĩ tiến được từng bước trên con đường đi đến quả Phật. Nếu nhút nhát yếu hèn sợ lao nhọc khó khổ thì đã đi ngược đường mà Phật đã đi rồi!

Có lắm người tưởng vô chùa tu là thảnh thơi nhàn hạ, nhưng không ngờ vô chùa phải thức khuya dậy sớm để tu học, lại còn phải chấp tác vất vả khổ cực bao nhiêu năm trường. Chẳng những nhiều năm, mà là nhiều đời nhiều kiếp mới thành Phật. Vì lý do đó nên sanh tâm lười mỏi thối chuyển không muốn tu nữa. Như vậy là người tu chấp nhận làm đứa con đi hoang nghèo khổ lang thang nơi này chốn nọ để ăn mày ăn xin, chứ không chịu làm con trưởng giả thừa kế sự nghiệp sang giàu của cha, để cho mọi người nương nhờ. Thật là điều đáng tiếc!

Con tuy bỏ cha đi hoang, nhưng cha lúc nào cũng nghĩ đến con. Nghĩa là chúng sanh mê, quên tánh giác có sẵn nơi mình nên tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử, còn tánh giác lúc nào cũng sẵn có nơi mỗi chúng sanh không hề thiếu mất.

Chánh văn:

3. Thưa Thế Tôn! Bấy giờ gã cùng tử làm thuê làm mướn lần hồi tình cờ đến nhà người cha bèn đứng lại bên cửa, xa thấy cha ngồi giường sư tử, ghế báu đỡ chân, các hàng Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, cư sĩ đều cung kính bao quanh. Trên thân ông đó dùng chuỗi ngọc trân châu giá trị nghìn vạn để trang nghiêm, kẻ lại dân tôi tớ tay cầm phất trần trắng đứng hầu hai bên. Màn báu che trên, những phan đẹp thòng xuống, nước thơm rưới đất, rải các thứ danh hoa, các vật báu chưng bày, phát ra, thâu vào, lấy, cho v.v... có các sự nghiêm sức dường ấy, oai đức rất tôn trọng.

Gã cùng tử thấy cha có thế lực lớn liền sanh lòng lo sợ, hối hận về việc đến nhà này, nó thầm nghĩ rằng:

Ông này chắc là vua hoặc là bậc đồng vua, chẳng phải là chỗ của ta làm thuê mướn được tiền vật. Chẳng bằng ta qua đến xóm nghèo có chỗ cho ta ra sức để được đồ mặc vật ăn, nếu như ta đứng lâu ở đây hoặc là họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm.

Gã nghĩ như thế rồi, liền chạy mau đi thẳng.

Giảng:

Gã cùng tử về đến nhà, thấy ông trưởng giả giàu sang quá, hoảng hốt hãi kinh không dám nhìn cha, bèn bỏ chạy trốn kiếm chỗ nghèo hèn để mưu cầu ăn mặc. Cũng giống như chúng ta phát tâm cắt tóc xuất gia mà không dám nghĩ mình tu sẽ thành Phật, mặc dù hằng đêm miệng đọc tụng: *Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhân thiên phước báo, Thanh văn, Duyên giác nãi chí quyền thừa chư vị Bồ-tát. Duy y tối thượng thừa phát Bồ-đề tâm. Nguyện dữ pháp giới chúng sanh nhất thời đồng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*... Như thế mà khi tu không dám nghĩ mình sẽ thành Phật. Vì sợ tu khó khổ, sợ độ sanh nhọc nhằn, sợ trải qua trăm ngàn kiếp quá lâu! Người tu phát nguyện lớn, ngoài việc tu tỉnh nơi mình còn phải lăn xả vào đời để giác ngộ cho chúng sanh đời đời kiếp kiếp, không biết mỏi mệt. Nếu đời này tu ít chục năm mà đã ngao ngán mệt mỏi thối lui, như vậy không phải hạnh nguyện của Bồ-tát.

Tới đây chắc có nhiều vị sẽ đặt vấn đề với tôi:

Thầy nói vậy, tại sao Thầy dự định năm tới sẽ nghỉ dạy[1] Có phải là Thầy đã thối Bồ-đề tâm và muốn quy tịch không?

Như quý vị đã biết, đối với người thực hành Bồ-tát đạo phải tu từ Thập tín... đến Thập địa, đến Đẳng giác, Diệu giác và thành Phật. Muốn thành Phật thì phần

---

[1] Hòa thượng giảng Kinh này vào năm 1991. Sau đó Hòa thượng vào thất năm 1992

tự giác và giác tha phải viên mãn. Nhưng riêng tôi thì những gì tôi tu tôi nhận biết đã nói hết cho quý vị nghe rồi, nếu nói nữa chỉ là việc lặp lại mà thôi, chứ không có gì mới mẻ. Tôi cần phải nghỉ để nỗ lực tu thêm, nếu có phát minh được điều gì mới lạ thì sẽ nói cho quý vị nghe, còn nếu chết thì tôi cũng đi trước quý vị được năm mười bước. Việc thầy tới đâu, trò tới đó thì có gì để học? Vì muốn cho mọi người đều được tiến không dừng thì bổn phận người hướng dẫn phải đi trước. Việc tôi nghỉ dạy không phải là thối tịch ẩn trốn, mà tôi tự thấy rằng chỗ giác ngộ của tôi chưa viên mãn, nên phải nghỉ dạy để có thì giờ nỗ lực tiến tu. Nếu đời này hướng dẫn quý vị không kịp thì đời sau tiếp tục làm nữa, cho đến viên mãn mới thôi. Tôi không chấp nhận: Thầy trò chỉ tiến một đoạn, rồi ngang đó dừng nghỉ không chịu tiến nữa!

Chánh văn:

4. Khi đó, ông trưởng giả ngồi nơi tòa sư tử thấy con bèn nhớ biết, lòng rất vui mừng mà tự nghĩ rằng: "Của cải kho tàng của ta nay đã có người giao phó rồi, ta thường nghĩ nhớ đứa con này làm sao gặp được, nay bỗng nó tự đến rất vừa chỗ muốn của ta, ta dầu tuổi già vẫn còn tham tiếc". Ông liền sai người hầu cận đuổi gấp theo bắt lại.

Lúc ấy, kẻ sứ giả chạy mau qua bắt, gã cùng tử kinh ngạc lớn tiếng kêu oan: "Tôi không hề xúc phạm, nhân sao lại bị bắt?" Kẻ sứ giả bắt đó càng gấp cưỡng dắt đem về. Khi đó gã cùng tử tự nghĩ không tội chi mà bị bắt bớ đây chắc định phải chết, lại càng sợ sệt mê ngất ngã xuống đất.

Người cha xa thấy vậy bèn nói với kẻ sứ giả rằng: "Không cần người đó, chớ cưỡng đem đến, lấy nước lạnh rưới trên mặt cho nó tỉnh lại, đừng nói chi với nó."

Vì sao? Cha biết con mình ý chí hạ liệt, tự biết mình giàu sang làm khiếp sợ cho con. Biết chắc là con rồi mà dùng phương tiện chẳng nói với người khác biết là con mình. Kẻ sứ giả nói với cùng tử: "Nay ta thả ngươi đi đâu tùy ý."

Gã cùng tử vui mừng được điều chưa từng có, từ dưới đất đứng dậy, qua đến xóm nghèo để tìm cầu sự ăn mặc.

Giảng:

Đã từ lâu, ông trưởng giả tiếc sự nghiệp, mong có người thừa kế, nay biết con mình đã về nên yên lòng có người giao phó sự nghiệp. Nhưng gã cùng tử về tới cửa thấy cha quá giàu sang uy quyền, nên khiếp sợ bỏ chạy tới chỗ nghèo hèn mà nương náu. Khi bị sứ giả rượt bắt gấp thì kinh sợ ngất xỉu, ông bảo thả ra lấy nước rảy cho tỉnh lại.

Ở đây nói ông trưởng giả tham tiếc, là tham tiếc kho báu trí tuệ Phật chưa có người truyền trao, chứ không phải tham tiếc tiền của vật chất thế gian. Tâm trạng gã cùng tử giống như tâm trạng người tu chúng ta ở giai đoạn mới vào đạo, học chút ít kinh điển, nghe nói muốn thành Phật thì phải trải qua vô số kiếp hành Bồ-tát đạo, tu lục độ ba-la-mật nào là bố thí, trì giới,

nhẫn nhục, tinh tấn... Bố thí ba-la-mật thì không thấy có người thí, không thấy có kẻ thọ thí và không thấy có vật đem ra bố thí. Bố thí mà không có mình, không có người, không có vật thì làm sao làm? Khó quá! Bèn thối Bồ-đề tâm, hoàn tục sống làm lành lánh dữ để có chút phước đời sau hưởng. Chính vì tâm hạ liệt ấy nên Phật phải dùng phương tiện an ủi, dắt dẫn từ từ.

Chánh văn:

5. Bấy giờ, ông trưởng giả toan muốn dụ dẫn người con mà bày chước phương tiện, mật sai hai người hình sắc tiều tụy không có oai đức: "Hai người nên qua xóm kia từ từ nói với gã cùng tử, nơi đây có chỗ làm trả giá gấp bội. Gã cùng tử nếu chịu thời dắt về đây khiến làm. Nếu nó có hỏi muốn sai làm gì? Thời nên nói với nó rằng: Thuê người hốt phân, chúng ta hai người cũng cùng ngươi chung nhau làm." Khi đó hai người sứ liền tìm gã cùng tử, rồi thuật đủ việc như trên.

6. Bấy giờ, gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả liền đến hốt phân. Người cha thấy con, thương xót mà trách đó. Lại một ngày khác ông ở trong cửa sổ xa thấy con ốm o tiều tụy, phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch. Ông liền cởi chuỗi ngọc, áo tốt mịn màng cùng đồ trang sức, lại mặc áo thô rách trỉn dơ, bụi đất lấm thân, tay mặt cầm đồ hốt phân, bộ dạng đáng nể sợ, bảo những người làm rằng: "Các ngươi phải siêng làm việc chớ nên lười nghỉ!" Dùng phương tiện đó đặng đến gần người con.

Lúc sau lại bảo con rằng:

Gã nam tử này! Ngươi thường làm ở đây đừng lại đi nơi khác, ta sẽ trả thêm giá cho ngươi. Những đồ cần dùng như loại bồn, chậu, gạo, bột, muối, dấm, ngươi chớ tự nghi ngại. Cũng có kẻ tớ già hèn hạ, nếu cần ta cấp cho, nên phải an lòng, ta như cha của ngươi chớ có sầu lo.

Vì sao? Vì ta tuổi tác già lớn mà ngươi thì trẻ mạnh, ngươi thường trong lúc làm việc, không lòng dối khi, trễ nải, giận hờn nói lời thán oán, đều không thấy ngươi có các điều xấu đó như các người làm công khác. Từ ngày nay nhẫn sau như con đẻ của ta.

Tức thời Trưởng giả lại đặt tên cho cùng tử gọi đó là "con". Khi đó gã cùng tử, dầu mừng việc tình cờ đó, song vẫn còn tự cho mình là khách, là người làm công hèn, vì cớ đó mà trong hai mươi năm thường sai hốt phân, sau đó lòng gã mới lần thể tin ra vào không ngại sợ, nhưng chỗ gã ở cũng vẫn nguyên chỗ cũ.

Giảng:

Gã cùng tử khi gặp cha mà không dám nhận, hoảng kinh bỏ chạy. Ông trưởng giả ngầm sai hai người làm công có thân hình tiều tụy quê xấu, đến dụ dẫn cùng tử về nhà ông để hốt phân dọn dẹp cho nhà cửa sạch sẽ. Cùng tử nghe nói việc hợp với khả năng mình nên nhận làm. Nhân khi đó, ông mới hóa trang ăn mặc dơ xấu để gần gũi an ủi dụ dẫn cho con biết việc nhà và coi ông như cha.

Nghề hốt phân ngầm dụ cho công phu tu hành tẩy trừ vô minh, ba độc cấu uế. Vô minh cấu uế sạch rồi mới chứng A-la-hán. Các vị tu Thanh văn thường hành hạnh đầu-đà, mặc y bằng vải vụn kết lại nên thô xấu, ăn thì ai cho gì dùng nấy, ở dưới cội cây, sống kham khổ nên thân hình gầy ốm. Ngược lại chúng ta nhìn tượng của các Bồ-tát thì vị nào cũng to mập, ăn mặc sang trọng vui tươi. Qua hai hình ảnh đó chúng ta thấy hạnh Thanh văn tu thì phải cần khổ, nỗ lực tư duy thiền quán để diệt trừ phiền não ngay trong kiếp này, không muốn tái sanh lại nữa. Còn Bồ-tát được trí tuệ Bát-nhã thấy các pháp như huyễn, nên tùy duyên ứng hóa, không sợ sanh tử, không cầu Niết-bàn. Thể theo hạnh nguyện, các ngài hiện thân hợp với sở thích của chúng sanh, để gần gũi thân cận mà giáo hóa làm lợi ích cho họ.

Vì tâm hạ liệt của chúng sanh không kham nhận được pháp lớn, nên sau khi Phật thành đạo ở dưới cội bồ-đề, ngài suy gẫm nếu đem chỗ chứng ngộ của ngài ra giảng nói, e chúng sanh không tin nổi, nên ngài mới phương tiện nói Tứ đế là thời pháp đầu tiên tại vườn Lộc Uyển. Trước hết chỉ cho chúng sanh thấy sanh già bệnh chết là khổ, kế đó chỉ cho tập nhân gây ra khổ đau là tham sân si... vô minh phiền não, tiếp theo là nêu bày cảnh giới an vui sau khi đã diệt hết vô minh phiền não, sau cùng là dạy cho phương pháp đoạn diệt vô minh phiền não. Đây là hình ảnh của ông trưởng giả cởi hết châu ngọc trang sức, mặc y phục thô xấu, cầm đồ hốt phân đến gần cùng tử để an ủi vỗ về và bảo coi ông

như cha, những vật dụng có sẵn trong nhà cứ tự nhiên lấy dùng. Gã cùng tử được ông trưởng giả coi như con, nhưng chưa dám nhận mình là con trưởng giả. Cũng vậy, tuy hàng Thanh văn tu học theo pháp Phật dạy, nhưng chưa dám tin mình tu sẽ được thành Phật.

Chánh văn:

7. Thế Tôn! Bấy giờ Trưởng giả có bệnh, tự biết mình không bao lâu sẽ chết mới bảo cùng tử rằng:

Ta nay rất nhiều vàng bạc, trân báu, kho đụn tràn đầy, trong đó nhiều ít chỗ đáng xài dùng, ngươi phải biết hết đó. Lòng ta như thế, ngươi nên thể theo ý ta. Vì sao? Nay ta cùng ngươi bèn là không khác, nên gắng dụng tâm chớ để sót mất.

Khi ấy cùng tử liền nhận lời bảo, lãnh biết các của vật, vàng, bạc, trân báu và các kho tàng, mà trọn không có ý mong lấy của đáng chừng bữa ăn, chỗ của gã ở vẫn tại chỗ cũ, tâm chí hạ liệt cũng chưa bỏ được.

Giảng:

Gã cùng tử theo lời yêu cầu của ông trưởng giả, nhận quản lý kho báu trong nhà nhưng vẫn còn ở ngoài hành lang và chưa dám nghĩ mình có phần trong đó. Cũng vậy, hiện tại nhiều người tu nghe Kinh nói mỗi chúng sanh ai cũng có Phật tánh, Bồ-tát tu lục độ vạn hạnh viên mãn thì sẽ thành Phật. Nghe như vậy rồi khi ra giảng nói cũng giảng nói như vậy. Nhưng trong thâm tâm chỉ mong

đời này mình tu chứng quả Tu-đà-hoàn hay Tư-đà-hàm là được rồi, chứ không dám nghĩ mình có thể thực hiện được hạnh Bồ-tát.

Chánh văn:

8. Lại trải qua ít lâu sau, cha biết ý chí con lần đã thông thái trọn nên chí lớn, tự chê tâm ngày trước. Đến giờ sắp chết, ông gọi người con đến và hội cả thân tộc, quốc vương, quan đại thần, dòng Sát-lợi, hàng cư sĩ, khi đã nhóm xong, ông liền tự tuyên rằng:

Các ngài nên rõ, người này là con ta, của ta sanh ra, ngày trước trong thành nọ, bỏ ta trốn đi, nổi trôi khổ sở, hơn năm mươi năm, nó vốn tên ấy, còn ta tên ấy. Xưa ta ở tại thành này lòng lo lắng tìm kiếm, bỗng ở nơi đây gặp được nó. Nó thật là con ta, ta thật là cha nó. Nay ta có tất cả bao nhiêu của cải, đều là của con ta có, trước đây của cải cho ra thâu vào, con ta đây coi biết.

Thế Tôn! Khi đó gã cùng tử nghe cha nói như thế, liền rất vui mừng được điều chưa từng có, mà nghĩ rằng: "Ta vốn không có lòng mong cầu, nay kho tàng báu này tự nhiên mà đến."

Giảng:

Khi thấy con mình có trí khôn đủ khả năng quản lý gia sản, ông trưởng giả bèn họp tất cả thân tộc lại tuyên bố gã cùng tử chính là con ruột của ông, sự nghiệp của ông chính là sự nghiệp của con ông. Gã cùng tử

không có lòng mong cầu mà nay bất ngờ được kho báu, nên rất vui mừng được điều chưa từng có. Thí dụ này nói lên tâm trạng vui mừng bất ngờ của hàng đệ tử Thanh văn khi nhận ra tri kiến Phật.

Chánh văn:

9. Thế Tôn! Ông phú trưởng giả đó là đức Như Lai, còn chúng con đều giống như con của Phật. Đức Như Lai thường nói chúng con là con.

Thưa Thế Tôn! Chúng con vì ba món khổ nên ở trong sanh tử chịu các sự đau đớn mê lầm không hiểu biết, ưa thích các pháp Tiểu thừa. Ngày nay đức Thế Tôn khiến chúng con suy nghĩ dọn trừ những phân dơ các pháp hý luận. Chúng con ở trong đó siêng gắng tinh tấn được đến Niết-bàn, cái giá một ngày đã được đây rồi lòng rất vui mừng tự cho là đủ, mà tự nói rằng: "Ở trong pháp của Phật, do siêng năng tinh tấn nên chỗ được rộng nhiều."

Nhưng đức Thế Tôn trước biết chúng con lòng ưa muốn sự hèn tệ, ham nơi pháp Tiểu thừa, chúng con bèn bị Phật buông bỏ, chẳng vì phân biệt rằng: Các ông sẽ có phần bảo tàng tri kiến của Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức phương tiện nói bày trí tuệ của Như Lai. Chúng con theo Phật được giá Niết-bàn một ngày cho là được nhiều rồi, đối với pháp Đại thừa này không có chí cầu. Chúng con lại nhân trí tuệ của Phật, vì các vị Bồ-tát mà chỉ bày diễn nói, nhưng chính tự mình lại không có chí muốn nơi pháp đó.

Vì sao? Đức Phật biết chúng con ưa nơi pháp Tiểu thừa, nên dùng sức phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp, chúng con không tự biết thật là Phật tử. Ngày nay chúng con mới biết đức Thế Tôn ở nơi trí tuệ của Phật không có lẫn tiếc.

Vì sao? Chúng con từ xưa đến nay thật là Phật tử mà chỉ ưa nơi pháp Tiểu thừa, nếu chúng con có tâm ham Đại thừa thời Phật vì chúng con mà nói pháp Đại thừa. Ở trong Kinh này chỉ nói pháp Nhất thừa. Lúc xưa đức Phật ở trước Bồ-tát chê trách Thanh văn ham pháp Tiểu thừa. Nhưng đức Phật thật dùng Đại thừa để giáo hóa, vì thế nên chúng con nói vốn không có lòng mong cầu mà nay báu lớn của đấng Pháp vương tự nhiên đến, như chỗ nên được của Phật tử đều đã được đó.

Giảng:

Ngài Ma-ha Ca-diếp hợp pháp thí dụ này: *Ông phú trưởng giả đó là đức Như Lai*, cùng tử là hàng Thanh văn, là con của Phật. Ngài nêu lên ba món khổ làm chướng đạo Bồ-đề là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. *Khổ khổ* là ngay nơi thân tâm con người bị lửa vô thường, lửa tham sân si thiêu đốt làm cho đau khổ, lại còn bị ngoại cảnh như thiên tai, binh biến, nghèo đói... chồng chất thêm một lớp khổ nữa gọi là khổ khổ. *Hoại khổ* là thân con người từng sát-na mọi tế bào sanh rồi diệt... vừa thấy tóc xanh, thoáng chốc đã bạc đầu, da nhăn, răng rụng, mắt mờ, tai điếc... đó là hoại khổ. *Hành khổ* là sự biến dịch đổi thay nơi con người đưa đến sự già chết. Hành khổ

còn chỉ cho hành nghiệp dẫn dắt thần thức đi thọ thân năm ấm, chịu luật vô thường chi phối nên khổ đau.

Các bậc Thanh văn do nhận ra ba cái khổ này nên quyết tâm cầu thoát ly sanh tử, bằng cách thích tu pháp Tứ đế để chứng Niết-bàn. Vì vậy khi nghe lời Phật dạy, các ngài lo dọn trừ những phân dơ hý luận, tức là tránh xa các lối hý luận suông để vui cười, không giúp cho người nghe thấy được đạo. Bởi dẹp hết hý luận, nên sạch hết nhiễm trước, do sạch hết nhiễm trước được chứng Niết-bàn. Niết-bàn này chỉ có giá trị bằng một ngày! Niết-bàn là vô sanh, đã là vô sanh thì không lệ thuộc thời gian tại sao nói giá trị bằng một ngày? Do tu nên vọng tưởng dừng lặng, khi vọng tưởng dừng lặng cho đó là vô sanh, là Niết-bàn. Niết-bàn đó là trạng thái dừng lặng của vọng tưởng, chưa phải là Niết-bàn chân thật. Nếu tu mà nhận được tri kiến Phật nơi chính mình chưa từng sanh chưa từng diệt, mới là Niết-bàn chân thật cứu cánh; còn Niết-bàn do dừng vọng tưởng, tâm vắng lặng mà không nhận ra thật thể của chính mình, nên ở đây Kinh nói giá trị một ngày.

Thí dụ tọa thiền trụ tâm vào một cảnh, chẳng hạn như quán thân bất tịnh, dồn hết tâm lực quán sát, thân này là ô uế bất tịnh, lúc nào cũng thấy hình hài này là bất tịnh, không có một niệm khác dấy khởi thì tâm được định. Tuy nhiên, tâm chỉ định trong thời gian quán chiếu, khi hết quán thì tâm hết định. Còn định của Đại thừa là nhận ra tri kiến Phật có sẵn nơi mình, mà tri kiến Phật thì hằng hữu, bất động, nên đi đứng nằm

ngồi, bửa củi, nấu cơm, không lúc nào thiếu vắng. Hằng sống với tri kiến Phật thì không có loạn tưởng, không loạn tưởng là định. Định này không xuất không nhập, nên nói là đại định, là Niết-bàn viên mãn.

Ngài Ma-ha Ca-diếp thật thà lặp lại rằng Phật có nêu tri kiến Phật nhưng các ngài đã được Niết-bàn Thanh văn nên lấy làm hài lòng, không cầu pháp Đại thừa. Tới đây có điều chúng ta lấy làm lạ là các ngài Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề... khi nói pháp cho hội chúng nghe thì các ngài cũng nói pháp Đại thừa; tại sao các ngài không thích và không cầu pháp Đại thừa, mà lại giảng nói pháp Đại thừa?

Nhân vì các ngài quen nghe Phật khen ngợi pháp Đại thừa, nên có người cần cầu pháp Đại thừa thì các ngài cũng nói để cho người nghe, chứ các ngài không mong cầu. Nếu có người hỏi về hạnh của Bồ-tát phải tu Lục độ ba-la-mật như thế nào, thì các ngài biết liền chỉ dạy cho người tu, nhưng chính các ngài thì không ham thích pháp tu của Bồ-tát. Hiện nay chúng ta tu có vấp phải lỗi này không? Thí dụ trong giới xuất gia, có người tới học đạo, hỏi: Làm thế nào để diệt tham sân si? Các vị trả lời rất rành rẽ, muốn hết tham phải tu hạnh bố thí, muốn đoạn trừ sân phải tu hạnh từ bi nhẫn nhục, muốn dứt sạch si mê phải quán mười hai nhân duyên, hay giới phân biệt quán. Giải thích bố thí phải bố thí như thế nào, quán từ bi phải quán ra sao, quán mười hai nhân duyên hay giới phân biệt quán thì phải quán như thế nào. Giải thích một cách rõ ràng tường tận. Nhưng chính bản thân mình khi đối duyên xúc cảnh thì

vẫn tham, vẫn sân, vẫn si. Như vậy là sao? Vì người mong cầu muốn dứt trừ tham sân si, được chúng ta hướng dẫn thì họ nỗ lực tu hành. Còn chúng ta nhờ nghe học nên hiểu biết, nhưng lòng chưa thiết tha loại bỏ nên không tu, tham sân si vẫn còn nguyên vẹn.

Nhiều khi tôi thấy hơi buồn và hổ thẹn. Phật tử tại gia, gặp những hoàn cảnh bất như ý phiền não, vào chùa nhờ các thầy các cô giảng dạy, giúp cho họ bớt buồn khổ. Lúc đó các thầy các cô dạy lý thuyết nghe cũng hay lắm. Nhưng rồi mai kia các thầy các cô phiền não thì Phật tử an ủi lại! Như vậy là sao? Ai dạy ai? Nếu chúng ta là người có trách nhiệm đi trước, điều gì chúng ta dạy cho người thì điều đó chúng ta phải làm được, nếu chúng ta làm chưa được viên mãn thì chúng ta cũng làm được đôi phần. Đã làm được đôi phần thì khả dĩ không hổ thẹn. Điều mình làm không được mà đem ra dạy người, đó chỉ là lý thuyết suông không đem lợi ích cho ai cả!

Đức Phật thuận theo tâm nguyện của các đệ tử, dùng sức phương tiện hướng dẫn cho các đệ tử biết rằng mình là con của Phật. Khi thấy công hạnh đệ tử gần viên mãn thì Phật liền trao truyền sự nghiệp cho, điều mà hàng Thanh văn đệ tử Phật chưa bao giờ nghĩ tới, không có tâm mong cầu, ngoài sức tưởng tượng của các ngài. Đây là lòng chân thành sau khi thấy đạo, các ngài nói lên chỗ hy hữu của mình để đức Phật chứng minh.

Chánh văn:

Bấy giờ ngài Ma-ha Ca-diếp muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

10. Chúng con ngày hôm nay
Nghe âm giáo của Phật
Lòng hớn hở mừng rỡ
Được pháp chưa từng có.
Phật nói hàng Thanh văn
Sẽ được thành quả Phật
Đống châu báu vô thượng
Chẳng cầu tự nhiên được.
Ví như gã đồng tử
Thơ bé không hiểu biết
Bỏ cha trốn chạy đi
Đến cõi nước xa khác
Nổi trôi khắp nước ngoài
Hơn năm mươi năm dài.
Cha gã lòng buồn nhớ
Kiếm tìm khắp bốn phương
Kiếm tìm đó đã mỏi
Liền ở lại một thành
Xây dựng nên nhà cửa
Năm món dục tự vui.
Nhà ông giàu có lớn
Nhiều những kho vàng, bạc,
Xa cừ, ngọc mã não,
Trân châu, ngọc lưu ly,

Voi ngựa cùng trâu dê,
Kiệu, cáng, đủ xe cộ,
Ruộng đất và tôi tớ,
Nhân dân rất đông nhiều.
Xuất nhập thâu lời lãi
Bèn khắp đến nước khác
Khách thương người buôn bán
Không xứ nào không có,
Nghìn muôn ức chúng hội
Vây quanh cung kính ông,
Thường được bậc vua chúa
Mến yêu nhớ tưởng đến,
Các quan, hạng hào tộc
Đều cũng đồng tôn trọng.
Vì có các sự duyên
Người đến lui rất đông,
Giàu mạnh như thế đó
Có thế lực rất lớn,
Mà tuổi đã già nua
Lại càng buồn nhớ con,
Ngày đêm luống suy nghĩ
Giờ chết toan sắp đến
Con thơ dại bỏ ta
Hơn năm mươi năm tròn.

Các của vật kho tàng
Sẽ phải làm thế nào?

Giảng:

Ngài Ma-ha Ca-diếp lặp lại ý trên, là nghe Phật nói hàng Thanh văn sẽ được thành Phật, các ngài vui mừng bất ngờ được của báu chưa từng có. Ví như gã cùng tử khờ dại bỏ cha đi lang thang trong thời gian năm mươi năm. Ông trưởng giả là người giàu có lớn, có rất nhiều ngọc ngà châu báu, xe, ngựa, ông là người có nhiều uy tín được vua quan cho đến thứ dân đều tôn trọng cung kính. Ngày càng lớn tuổi, ông nhớ trông con về để ủy thác tài sản sự nghiệp.

Chánh văn:

11. Bấy giờ gã cùng tử
Đi tìm cầu ăn mặc
Ấp này đến ấp khác
Nước này sang nước nọ,
Hoặc có khi được của
Hoặc có lúc không được,
Đói thiếu hình gầy gò
Thân thể sanh ghẻ lác.
Lần lựa đi trải qua
Đến thành cha gã ở
Xoay vần làm thuê mướn
Bèn đến trước nhà cha.

Lúc ấy, ông trưởng giả
Đang ở trong nhà ông
Giăng màn châu báu lớn
Ngồi tòa sư tử cao
Hàng quyến thuộc vây quanh
Đông người đứng hầu hạ,
Hoặc có người tính toán
Vàng, bạc, cùng vật báu
Của cải ra hoặc vào
Biên chép ghi giấy tờ.
Gã cùng tử thấy cha
Quá mạnh giàu tôn nghiêm
Cho là vị quốc vương
Hoặc là đồng bậc vua,
Kinh sợ tự trách thầm
Tại sao lại đến đây?
Lại thầm tự nghĩ rằng:
Nếu ta đứng đây lâu
Hoặc sẽ bị bức ngặt
Ép buộc sai khiến làm.
Suy nghĩ thế đó rồi
Rảo chạy mà đi thẳng
Hỏi thăm xóm nghèo nàn
Muốn qua làm thuê mướn.

Giảng:

Gã cùng tử nghèo đói thân hình tiều tụy lang thang khắp nơi để mưu cầu sự ăn mặc rất gian nan khốn khổ. Một hôm tình cờ trở về cố hương, gặp lại cha già đang ngồi trên tòa báu, có quyến thuộc đông đảo, kẻ hầu hạ, người xuất nhập của cải, kẻ biên chép giấy tờ... có vẻ tôn nghiêm giàu mạnh. Gã cùng tử tự thấy mình lạc loài, tự trách mình sao đến chỗ này, e ngại sẽ bị bắt làm không công, hoặc bị giết; nên hối hận rồi bỏ chạy đi nơi khác. Tâm trạng gã cùng tử giống như chúng ta, nhiều đời đi lang thang trong sáu nẻo luân hồi quá ư khốn khổ, chợt thức tỉnh cầu đạo giải thoát; nhưng khi tìm đến với đạo, học hiểu chút ít thấy việc thành đạo khó quá sanh nản lòng thối lui không muốn tiến nữa.

Chánh văn:

12. Lúc bấy giờ, trưởng giả
Ngồi trên tòa sư tử
Xa trông thấy con mình
Thầm lặng mà ghi nhớ,
Ông liền bảo kẻ sứ
Đuổi theo bắt đem về.
Gã cùng tử sợ kêu
Mê ngất ngã trên đất,
Người này theo bắt tôi
Chắc sẽ bị giết chết,
Cần gì đồ ăn mặc

Khiến tôi đến thế này!
Trưởng giả biết con mình
Ngu dại lòng hẹp hèn
Chẳng chịu tin lời ta
Chẳng tin ta là cha.
Ông liền dùng phương tiện
Lại sai hai người khác
Mắt chột, thân lùn xấu
Hạng không có oai đức!
Các người nên bảo nó
Rằng ta sẽ thuê nó
Hốt dọn các phân nhơ
Trả giá bội cho nó.
Gã cùng tử nghe rồi
Vui mừng theo sứ về
Vì dọn các phân nhơ
Sạch sẽ các phòng nhà.
Trưởng giả trong cửa sổ
Thường ngó thấy con mình
Nghĩ con mình ngu dại
Ưa thích làm việc hèn.
Lúc đó ông trưởng giả
Mặc y phục cũ rách
Tay cầm đồ hốt phân

Qua đến chỗ con làm
Phương tiện lần gần gũi
Bảo rằng: Ráng siêng làm!
Đã thêm giá cho ngươi
Và cho dầu xoa chân
Đồ ăn uống đầy đủ
Thêm đệm chiếu dầy ấm.
Cặn kẽ nói thế này:
Ngươi nên siêng làm việc!
Rồi lại dịu dàng bảo
Như con thật của ta.

Giảng:

Ông trưởng giả thấy con bỏ chạy, nên sai người đuổi theo bắt lại. Nhưng gã cùng tử thấy người đuổi theo, sợ bắt hành hạ hay giết nên hoảng hốt ngất xỉu. Ông trưởng giả thấy con mình quá khờ dại nên bảo sứ giả thả ra, mặc tình nó đi đâu thì đi. Tuy nhiên, ông ngầm sai hai người mắt chột, thân lùn xấu, nghèo hèn khuyên gã cùng tử đến hốt phân nhà ông trưởng giả. Gã cùng tử nhận lời làm thuê cho ông trưởng giả. Bấy giờ ông trưởng giả thương xót con khờ dại nên hóa trang, mặc đồ dơ xấu đến gần để an ủi con, cho nó những vật dụng cần dùng, ông khuyên bảo nên siêng làm việc, và nói ông coi gã như là con. Giống như chúng ta khi trở về với đạo, đáng lý phải thừa nhận sự nghiệp lớn lao của Phật là tu để thành Phật và độ sanh. Nhưng vì tâm lượng hẹp hòi, chỉ mong cầu chút ít phước báo ở cõi người cõi trời.

Chánh văn:

13. Ông trưởng giả có trí
Lần lần cho ra vào
Trải qua hai mươi năm
Coi sóc việc trong nhà,
Chỉ cho biết vàng, bạc,
Ngọc trân châu, pha lê
Các vật ra hoặc vào
Đều khiến gã biết rõ.
Gã vẫn ở ngoài cửa
Nương náu nơi am tranh
Tự nghĩ phận nghèo nàn
Ta không có vật đó.
Cha biết lòng con mình
Lần lần đã rộng lớn
Muốn giao tài vật cho
Liền nhóm cả thân tộc
Quốc vương, các đại thần
Hàng Sát-lợi, cư sĩ
Rồi ở trong chúng này
Tuyên nói: chính con ta
Bỏ ta đi nước khác
Trải hơn năm mươi năm,
Từ gặp con đến nay

Đã hai mươi năm rồi,
Ngày trước ở thành kia
Mà mất đứa con này,
Ta đi tìm khắp nơi
Bèn đến ngụ nơi đây,
Phàm của cải ta có
Nhà cửa cùng nhân dân
Thảy đều phó cho nó
Mặc tình nó tiêu dùng.
Người con nhớ xưa nghèo
Ý chí rất kém hèn
Nay ở nơi cha mình
Được quá nhiều châu báu
Và cùng với nhà cửa
Gồm tất cả tài vật,
Lòng rất đỗi vui mừng
Được điều chưa từng có.

Giảng:

Ông trưởng giả là người có trí, biết ý chí con hạ liệt, nên phương tiện hướng dẫn cùng tử coi sóc việc nhà cho quen, sau đó chỉ kho tàng của báu, giao cho cùng tử quản lý tất cả sự nghiệp. Rồi ông họp thân tộc, quốc vương, đại thần... công bố cùng tử là con đẻ của ông, sự nghiệp của ông là sự nghiệp của con ông. Gã cùng tử được điều chưa từng có nên rất vui mừng.

Chánh văn:

14. Đức Phật cũng như thế
Biết con ưa Tiểu thừa
Nên chưa từng nói rằng
Các ngươi sẽ thành Phật,
Mà chỉ nói chúng con
Đặng có đức vô lậu
Trọn nên quả Tiểu thừa
Hàng Thanh văn đệ tử,
Đức Phật bảo chúng con
Nói đạo pháp tối thượng
Người tu tập pháp này
Sẽ được thành Phật quả.
Chúng con vâng lời Phật
Vì các Bồ-tát lớn
Dùng các món nhân duyên
Cùng các môn thí dụ
Bao nhiêu lời lẽ hay
Để nói đạo Vô thượng.
Các hàng Phật tử thảy
Từ nơi con nghe pháp
Ngày đêm thường suy gẫm
Tinh tấn siêng tu tập,
Bấy giờ, các đức Phật

Liền thọ ký cho kia:
Các ông ở đời sau
Sẽ được thành Phật đạo.
Pháp mầu rất bí tàng
Của tất cả các Phật
Chỉ để vì Bồ-tát
Mà dạy việc thật đó,
Nhưng chẳng vì chúng con
Nói pháp chân yếu này.
Như gã cùng tử kia
Được gần bên người cha
Dầu lãnh biết các vật
Nhưng lòng chẳng mong cầu.
Chúng con dầu diễn nói
Tạng pháp báu của Phật
Tự mình không chí nguyện
Cũng lại như thế đó.

Giảng:

Ngài Ma-ha Ca-diếp hợp pháp thí dụ. Ngài nói rằng ông trưởng giả dụ cho đức Phật, Phật biết hàng Thanh văn ưa pháp Tiểu thừa *nên chưa từng nói các ngươi sẽ thành Phật*, chỉ nói tu hạnh Thanh văn sẽ chứng Niết-bàn, còn hàng Bồ-tát thì Phật dạy tu pháp tối thượng sẽ thành Phật. Do nghe Phật dạy nên các ngài cũng nói người nào tu pháp tối thượng sẽ thành Phật.

Các ngài nói người nào nghe Phật dạy cố gắng tu và được Phật thọ ký, còn các ngài thì vô phần. Để thấy rằng người học đạo hài lòng với pháp nhỏ mà mình đã được thì khó tiến bộ. Phật vì lòng từ bi, thấy đệ tử không có chí nguyện lớn, nên phương tiện thúc đẩy cho tiến lên, cuối cùng ngài thọ ký cho thành Phật.

Chánh văn:

15. Chúng con diệt bề trong
Tự cho là đã đủ
Chỉ xong được việc này
Lại không biết việc khác.
Chúng con dầu có nghe
Pháp tịnh cõi nước Phật
Cùng giáo hóa chúng sanh
Đều không lòng ưa vui.
Như thế là vì sao?
Vì tất cả các pháp
Thảy đều là không lặng
Không sanh cũng không diệt
Không lớn cũng không nhỏ
Vô lậu và vô vi
Suy nghĩ thế đó rồi
Chẳng sanh lòng ưa muốn.
Chúng con đã từ lâu
Đối với trí tuệ Phật

Không tham, không ưa thích
Không lại có chí nguyện,
Mà đối với pháp mình
Cho đó là rốt ráo.
Chúng con từ lâu nay
Chuyên tu tập pháp không
Đặng thoát khỏi hoạn nạn
Khổ não của ba cõi
Trụ trong thân rốt sau
Hữu dư y Niết-bàn
Đức Phật dạy bảo ra
Chứng được đạo chẳng luống
Thời là đã có thể
Báo được ơn của Phật.
Chúng con dầu lại vì
Các hàng Phật tử thảy
Tuyên nói pháp Bồ-tát
Để cầu chứng Phật đạo,
Mà mình đối pháp đó
Trọn không lòng mong muốn.
Đấng Đạo sư buông bỏ
Vì xem biết lòng con
Ban đầu không khuyên gắng
Nói những lợi có thật,

Như ông trưởng giả giàu
Biết con chí kém hèn
Bèn dùng sức phương tiện
Để hòa phục tâm con
Vậy sau mới giao phó
Tất cả tài vật báu,
Đức Phật cũng thế đó
Hiện ra việc ít có
Biết con ưa Tiểu thừa
Bèn dùng sức phương tiện
Điều phục tâm của con
Rồi mới dạy trí lớn.
Chúng con ngày hôm nay
Được pháp chưa từng có
Chẳng phải chỗ trước mong
Mà nay tự nhiên được
Như gã cùng tử kia
Được vô lượng của báu.

Giảng:

Ngài Ma-ha Ca-diếp thuật lại việc tu hành của hàng Thanh văn là *diệt bề trong cho là đã đủ, lại không biết việc khác*. Nghĩa là các ngài một bề dẹp những kiết sử trói buộc ở nội tâm, kiết sử hết thì không còn luân hồi, chứng Niết-bàn, các ngài thấy đó là đủ, không tự biết mình có sẵn tri kiến Phật, không thực hành pháp

tịnh cõi nước Phật, giáo hóa chúng sanh. Sỡ dĩ hàng Thanh văn không ưa giáo hóa chúng sanh, làm thanh tịnh cõi nước Phật là vì các ngài quán chiếu thấy tất cả pháp đều không lặng, không sanh không diệt, không lớn không nhỏ, vô lậu vô vi, chỉ thích an tịnh trong cái tịch tịnh đó. Còn việc độ sanh, tịnh cõi nước Phật... là việc bên ngoài nên không bao giờ nghĩ và thích. Vì vậy, Phật mới vì các ngài khuyến khích muốn cho các ngài được pháp Vô thượng cũng như gã cùng tử được của báu.

Chánh văn:

16. Thế Tôn! Chúng con nay
Được đạo và chứng quả
Ở nơi pháp vô lậu
Được tuệ nhãn thanh tịnh.
Chúng con từ lâu nay
Gìn tịnh giới Phật chế
Mới ở ngày hôm nay
Được hưởng quả báo đó,
Trong pháp của Pháp vương
Lâu tu hành phạm hạnh
Ngày nay được vô lậu
Quả báo lớn Vô thượng.
Chúng con ngày hôm nay
Mới thật là Thanh văn
Đem tiếng đạo của Phật

Cho tất cả đều nghe.
Chúng con ngày hôm nay
Thật là A-la-hán
Ở nơi các thế gian
Trời, người và ma, Phạm,
Khắp ở trong chúng đó
Đáng lãnh của cúng dường.
Ơn lớn của Thế Tôn
Đem việc ít có này
Thương xót dạy bảo cho
Làm lợi ích chúng con
Trải vô lượng ức kiếp
Ai có thể đền được.
Tay lẫn chân cung cấp
Đầu đảnh lễ cung kính,
Tất cả đem cúng dường
Đều không thể đền được,
Hoặc dùng đầu đội Phật
Hai vai cùng cõng vác
Trong kiếp số hằng sa
Tận tâm mà cung kính,
Lại đem dâng đồ ngon
Y phục báu vô lượng
Và các thứ đồ nằm

Cùng các món thuốc thang,
Gỗ ngưu đầu, chiên-đàn
Và các vật trân báu
Để dựng xây tháp miếu,
Y báu lót trên đất,
Như các việc trên đây
Đem dùng cúng dường Phật
Trải số kiếp hằng sa
Cũng không đền đáp được.
Các Phật thật ít có
Đấng vô lượng vô biên
Đến bất khả tư nghì
Đủ sức thần thông lớn,
Bậc vô lậu vô vi
Là vua của các pháp
Hay vì kẻ hạ liệt
Nhẫn việc cao thượng đó,
Hiện lấy tướng phàm phu
Tùy cơ nghi dạy nói.
Các Phật ở nơi pháp
Được sức rất tự tại
Biết các hàng chúng sanh
Có những điều ưa muốn
Và chí lực của nó

Theo sức nó kham nhiệm
Dùng vô lượng thí dụ
Mà vì chúng nói pháp,
Tùy theo các chúng sanh
Trồng căn lành đời trước
Lại biết đã thành thục
Hay là chưa thành thục
Suy lường những điều đó
Phân biệt biết rõ rồi
Ở nơi đạo Nhất thừa
Tùy cơ nghi nói ba.

Giảng:

Ngài Ma-ha Ca-diếp nói hàng Thanh văn tu pháp Tứ đế chứng quả A-la-hán. A-la-hán là bậc sạch hết lậu hoặc, xứng đáng cho trời, người cúng dường nên gọi là Ứng cúng. Tuy xưa gọi A-la-hán là bậc Ứng cúng, nhưng nay xét kỹ lại thì quả Thanh văn hãy còn hạn hẹp chưa xứng cho trời, người cúng dường. Bây giờ các ngài Thanh văn nhận ra tri kiến Phật mới thật xứng đáng cho trời, người cúng dường. Đó là ngài Ma-ha Ca-diếp kể lại công ơn giáo hóa vô cùng lớn lao của Phật. Nhờ công giáo hóa của Phật nên các ngài mới đến được chỗ cứu cánh chân thật.

Công ơn giáo hóa sâu dầy của Phật cũng như của thầy tổ, đối với người học đạo lôi thôi thì họ không thấy không biết, vì họ không nhận được sự lợi ích, vẫn còn

mê mờ khổ đau. Còn người học Phật chân chính, càng tu càng thấy công ơn của Phật đối với chúng ta lớn lao vô kể, và công ơn của thầy tổ trực tiếp hướng dẫn chúng ta tu học cũng không phải nhỏ. Tại sao vậy? Vì ở thế gian chúng ta học về ngôn ngữ, luận lý, công nghệ... giúp cho chúng ta khôn ngoan lanh lợi, ăn nói lưu loát, có nghề nghiệp để sinh sống... thì chúng ta có danh vị quyền lợi, được giàu sang no ấm, cao lắm là một đời người bốn năm mươi năm, mà chúng ta còn mang ơn thầy dạy suốt đời. Đối với đức Phật, từ vô lượng kiếp chúng ta vô minh tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử chịu khổ triền miên, nay được Phật chỉ dạy cho phương pháp tu hành, nhận ra tri kiến Phật thoát ly sanh tử, đời đời kiếp kiếp không còn khổ đau, như vậy công ơn của Phật đối với chúng ta chừng bao nhiêu? Không thể tính kể, khó mà đền đáp! Cho dù tâm cung kính đảnh lễ, đầu đội Phật, vai cõng Phật, hoặc dâng cúng thức ăn, y phục, thuốc thang, sàng tòa toàn bằng vật quý báu, hoặc xây tháp miếu thờ tượng Phật trải qua vô lượng kiếp... cũng không đền đáp được công ơn của Phật. Tại sao vậy? Vì tất cả việc làm đó đều là hình thức, là tướng sanh diệt nên có giới hạn. Còn Phật chỉ bày tri kiến Phật là cái không hình tướng, không giới hạn, chúng ta nhận ra và hằng sống với nó thì dứt khổ đau vĩnh viễn. Lấy cái giới hạn mà đáp cái vô hạn làm sao đáp được? Khi đã biết ơn Phật đối với chúng ta lớn lao vô kể, thì cái ơn gần nhất là thầy tổ, đã có công nối tiếp nhắc nhở lời Phật dạy cho chúng ta nghe để tu, thì công ơn ấy cũng không thể kể xiết.

Vì vậy ngài Ma-ha Ca-diếp tán thán công ơn của Phật không thể tính kể, không thể đền đáp. Vì thương và làm lợi ích cho đệ tử mà đức Phật đã phương tiện, tùy nghi phân biệt giảng dạy từ thấp lên cao, cuối cùng đưa các ngài từ quả vị Thanh văn đến đạo Nhất thừa rốt ráo.

V- PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Dược Thảo Dụ là thí dụ cây cỏ thuốc. Ngang đây đáng lý Phật thọ ký cho các vị Tỳ-kheo và A-la-hán. Nhưng vì Phật muốn nói rộng cho hàng Thanh văn thấy rõ công đức chân thật của Như Lai, rồi sau mới thọ ký, nên Phật nói phẩm Dược Thảo Dụ này.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Ma-ha Ca-diếp và các vị đại đệ tử:

Hay thay! Hay thay! Ca-diếp! Khéo nói được công đức chân thật của đức Như Lai. Đúng như lời các ông vừa nói; đức Như Lai lại còn có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ công đức, các ông dầu trải qua vô lượng ức kiếp nói cũng không hết được.

Ca-diếp nên biết! Đức Như Lai là vua của các pháp nếu có nói ra lời chi đều không hư dối vậy. Phật ở nơi tất cả pháp, dùng trí tuệ phương tiện mà

diễn nói đó, pháp của Phật nói thảy đều đến bậc Nhất thiết trí. Đức Như Lai xem biết chỗ quy thú của tất cả pháp, cũng rõ biết chỗ tâm sở hành của tất cả chúng sanh thông thấu không ngại. Phật lại ở nơi các pháp rốt ráo rõ biết hết, chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh.

Giảng:

Đức Phật xác nhận tôn giả Ma-ha Ca-diếp khéo tán thán công đức của Như Lai. Đúng như lời của tôn giả Ma-ha Ca-diếp nói, *Như Lai còn có vô lượng vô biên công đức, dù trải qua vô số kiếp nói cũng không hết được*. Sở dĩ Như Lai có được công đức như thế do ngài tu nhân lành vô lượng vô biên, là hành lục độ ba-la-mật, độ vô số chúng sanh được giải thoát. Ngài tu mãi cho đến khi công hạnh viên mãn thành Phật mới thôi. Còn hàng phàm phu chúng ta chỉ tu được nhân phước báo của nhân thiên, nó hữu lượng hữu biên, nên thành tựu quả cũng hữu lượng hữu biên, vì vậy còn quanh quẩn trong cõi trời cõi người. Ở đây nói trì kinh Pháp Hoa có công đức nhiều là vì Kinh này dạy Bồ-tát tu đến Phật quả mới viên mãn công hạnh, chứ không dừng ở bất cứ quả vị nào. Quả Phật là chỗ cứu cánh của người tu Phật, nên nói kinh Pháp Hoa là vua các kinh là nghĩa đó.

Phật lại nói *Như Lai là vua tất cả pháp*, nói lời không hư dối, dùng sức trí tuệ phương tiện nói pháp đều đưa chúng sanh đến bậc Nhất thiết trí. Như Lai biết chỗ quy thú của tất cả pháp, cũng biết rõ tâm sở hành của chúng sanh. Chỗ quy thú của tất cả pháp là nguồn cội

của các pháp, Phật giác ngộ thấy rõ nhân nào đưa chúng sanh đi trong luân hồi sanh tử, nhân nào đưa chúng sanh tới chỗ giải thoát Niết-bàn. Ngài thấy tận nguồn cội của pháp hữu vi sanh diệt ở thế gian và pháp vô vi bất sanh bất diệt xuất thế gian. Bởi thấy tận nguồn cội của các pháp, nên thấy được tâm sở hành của chúng sanh, tức là tâm ưa thích đến chỗ này đến chỗ kia của chúng sanh. Do biết pháp và biết tâm người nên Phật giáo hóa thông suốt không chướng không ngại. Chúng ta hiện thời, pháp thì biết chút ít, tâm người cũng biết sơ sơ, nên giáo hóa thường bị chướng ngại. Nếu biết pháp mà không biết tâm người, thì nói pháp chỉ khế lý mà không khế cơ nên người nghe không thỏa mãn, không thực hành theo, không được lợi ích, do đó có chướng ngại. Nếu biết tâm người mà không biết pháp thì cũng không giáo hóa được, vì chính bản thân mình chưa tu chưa tiến, làm sao biết rõ đường hướng để chỉ dạy cho người tu theo? Thế nên giáo hóa mà bị chướng ngại là lỗi tại chúng ta chưa được trí tuệ viên mãn, không biết pháp không rõ tâm người.

Chánh văn:

2. Ca-diếp! Thí như trong cõi tam thiên đại thiên nơi núi, sông, khe, hang, ruộng, đất sanh ra cây cối, lùm rừng và các cỏ thuốc, bao nhiêu giống loại tên gọi màu sắc đều khác. Mây dầy bủa giăng trùm khắp cõi tam thiên đại thiên, đồng thời mưa xối xuống, khắp nơi nhuần thấm. Cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc: hoặc thứ gốc nhỏ, thân nhỏ, nhánh nhỏ, lá nhỏ;

hoặc thứ gốc bậc vừa, thân vừa, nhánh vừa, lá vừa; hoặc có thứ gốc lớn, thân lớn, nhánh lớn, lá lớn.

Các giống cây lớn nhỏ, tùy hạng thượng, trung, hạ mà hấp thụ khác nhau. Một cụm mây tuôn mưa xuống xứng theo mỗi giống loại mà cây cỏ được sanh trưởng, đơm bông kết trái. Dầu rằng một cõi đất sanh, một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ cây đều có sai khác.

Giảng:

Phật dụ mặt đất sanh ra cây cỏ thuốc, cây nhỏ, cây vừa, cây lớn, màu sắc tên gọi khác nhau. Một trận mưa xuống, tùy theo khả năng của mỗi loại mà thấm nhuần sanh trưởng khác nhau. Ở đây nêu lên hai cái bình đẳng. Bình đẳng thứ nhất là cây lớn, cây vừa, cây nhỏ, tất cả đều từ đất mọc lên. Bình đẳng thứ hai là dù cây nhỏ, cây vừa hoặc cây lớn cũng được nước của trận mưa rưới đều. Cùng từ đất mọc lên, cùng nhận nước từ một trận mưa, mà sức hấp thụ phân nước của mỗi loại sai khác, nên thấm nhuần và sanh trưởng cũng sai khác.

Đất là dụ cho tri kiến Phật nơi mỗi chúng sanh ai cũng có sẵn. Mưa là dụ cho pháp Phật dạy chung cho tất cả, nhưng tùy theo sự mê muội của mỗi chúng sanh dày hay mỏng mà nhận hiểu sâu hay cạn. Đó là do căn cơ của mỗi loại mà lợi ích có sai khác, không phải pháp Phật dành cho người cao hay dành cho người thấp. Vì căn cơ sai biệt nên pháp trở thành sai biệt. Cũng như trong pháp hội này, thính chúng đều là người xuất gia,

ai cũng vì muốn nghe pháp mà đến đây. Tôi giảng cũng bình đẳng không đặc biệt dành riêng cho một người nào. Nhưng trong đây, có người hiểu sâu, có người hiểu cạn, có người nghe vui vẻ hân hoan, có người nghe không hiểu buồn ngủ... Có phải tại tôi nói pháp chú ý người này nên họ vui vẻ hân hoan, bỏ rơi người nọ nên họ buồn ngủ không? Tôi nói pháp bình đẳng, đối với người có khả năng tiếp thu được, họ hiểu nên họ vui. Người thiếu khả năng, nghe không hiểu nên buồn ngủ. Đó là do trình độ người nghe sai biệt nên hiểu biết cũng sai biệt.

Qua thí dụ trên, chúng ta thấy rằng sở dĩ Phật nói ba thừa là tại căn cơ của chúng sanh sai biệt, nên ngài tùy thuận nói, nhưng chỗ thú hướng bình đẳng là ngài quy tam thừa trở về nhất thừa. Đó là ý nghĩa cùng một thửa đất cùng một đám mưa, nhưng tùy loại giống mà hấp thụ phân nước khác nhau nên có cây lớn, cây trung, cây nhỏ khác nhau.

Chánh văn:

3. Ca-diếp nên biết! Đức Như Lai cũng lại như thế, hiện ra nơi đời như là vầng mây lớn nổi lên, dùng giọng tiếng lớn vang khắp thế giới cả trời, người, a-tu-la, như mây lớn kia trùm khắp cõi nước tam thiên đại thiên. Phật ở trong đại chúng mà xướng lời này:

"Ta là đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư,

Phật Thế Tôn. Người chưa được độ thời làm cho được độ, người chưa tỏ ngộ thời làm cho tỏ ngộ, người chưa an thời làm cho được an, người chưa chứng Niết-bàn thời làm cho chứng Niết-bàn, đời nay và đời sau Phật đều biết đúng như thật. Ta là bậc Nhất thiết trí, bậc Nhất thiết kiến, là bậc Tri đạo, bậc Khai đạo, bậc Thuyết đạo. Các ngươi, hàng trời, người, a-tu-la đều nên đến đây vì để nghe pháp vậy."

Bấy giờ có vô số nghìn muôn ức loài chúng sanh đi đến chỗ đức Phật mà nghe pháp. Lúc đó đức Như Lai xem xét các căn lợi độn, tinh tấn hay giải đãi của chúng sanh đó, thuận vừa sức nó kham được mà vì chúng nói pháp, chủng loại nhiều vô lượng, Phật đều khiến vui mừng được nhiều lợi lành. Các chúng sanh này nghe pháp rồi, hiện đời an ổn, đời sau sanh về chỗ lành, do đạo được thọ hưởng vui và cũng được nghe pháp, đã nghe pháp rồi lìa khỏi các chướng ngại, ở trong các pháp theo sức mình kham được lần lần đều được vào đạo.

Như mây lớn kia mưa rưới khắp tất cả cỏ cây lùm rừng, và các cỏ thuốc, theo giống của mỗi thứ đều được đượm nhuần đầy đủ, đều được sanh trưởng.

Đức Như Lai nói pháp một tướng, một vị, nghĩa là: tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt, rốt ráo đến bậc "Nhất thiết chủng trí". Có chúng sanh nào nghe pháp của Như Lai hoặc thọ trì, đọc tụng, đúng như lời mà tu hành, được công đức tự mình không hay biết.

Vì sao? Vì chỉ có Như Lai là biết chủng tướng thể tánh của chúng sanh đó: Nhớ việc gì? Nghĩ việc gì? Tu việc gì? Nhớ thế nào? Nghĩ thế nào? Tu thế nào? Dùng pháp gì để nhớ? Dùng pháp gì để nghĩ? Dùng pháp gì để tu? Dùng pháp gì được pháp gì?

Chúng sanh ở nơi các bậc, chỉ có đức Như Lai thấy đó đúng như thật, rõ ràng không bị ngại. Như cây cối lùm rừng, các cỏ thuốc kia không tự biết tánh thượng, trung, hạ của nó.

Đức Như Lai biết pháp một tướng một vị ấy, nghĩa là: tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt, tướng rốt ráo Niết-bàn thường tịch diệt, trọn về nơi không, Phật biết như thế rồi xem xét tâm ưa muốn của chúng sanh mà dắt dìu nó, cho nên chẳng liền vì chúng vội nói "Nhất thiết chủng trí".

Ca-diếp! Các ông rất là hy hữu, có thể rõ biết đức Như Lai tùy cơ nghi nói pháp hay tin hay nhận, vì sao? Vì các đức Phật Thế Tôn tùy cơ nghi nói pháp khó hiểu khó biết.

Giảng:

Tới đây, chúng ta thấy như đức Phật tự khen mình. Nhưng kỳ thật Phật xác định công đức Như Lai rộng lớn như vậy, là do làm lợi ích cho chúng sanh trong vô số kiếp mới được thành tựu quả Phật. Ngài tuyên bố dõng dạc rằng: Khả năng và sở nguyện của ngài là làm lợi ích chúng sanh đến chỗ viên mãn. Đối với người chưa được độ ngài làm cho được độ, người chưa tỏ ngộ ngài làm

cho tỏ ngộ, người chưa an ngài làm cho được an, người chưa chứng Niết-bàn ngài làm cho chứng Niết-bàn, ở đời này và đời sau ngài đều biết đúng như thật. Ngài là *bậc Nhất thiết trí, bậc Nhất thiết kiến, bậc Tri đạo, bậc Khai đạo, bậc Thuyết đạo. Hàng trời, người, a-tu-la nên đến để nghe pháp*.

Xét lại, chúng ta và chúng sanh đời sau chưa được độ, chưa được tỏ ngộ, chưa được an, chưa được Niết-bàn mà Phật đã diệt độ rồi, sao ở đây ngài lại nói như thế? Đức Phật là đấng Vô thượng sư, một ông thầy không có ai hơn được. Khi đức Phật còn tại thế, ngài thường khuyên dạy các Tỳ-kheo phải y theo pháp mà nỗ lực tu hành. Muốn đền ơn Phật là phải giáo hóa chúng sanh, giáo hóa chúng sanh là đền ơn Phật. Chúng ta ở đời này cũng như chúng sanh ở đời sau không có duyên gặp Phật. Thuở Phật ra đời, không biết chúng ta là loài chúng sanh nào, có thể là kiến hay muỗi cắn Phật một chút, do cái duyên đó nên ngày nay cách Phật mấy ngàn năm mới được gặp Phật pháp tu hành. Tuy gặp Phật pháp mà chỉ gặp gián tiếp, chứ không được gặp trực tiếp. Chính vì lời dạy trên của Phật, mà sau khi Phật Niết-bàn, hàng đệ tử lớn của ngài ghi chép lời dạy của ngài thành tam tạng giáo điển lưu truyền cho đời sau. Người đi trước đã tu học, dạy cho người sau được tu học, cứ thế mà truyền mãi cho tới ngày nay, nên tất cả chúng ta cũng được gặp Phật pháp. Tuy chúng ta không tỏ ngộ như người xưa, nhưng cũng được phần tỉnh sáng, tuy không được Niết-bàn an vui vĩnh viễn như người xưa, nhưng cũng được những giờ phút an ổn. Ngày nay chúng ta được phước duyên ngồi đây nghe pháp,

là chúng ta đã được Phật gián tiếp độ rồi. Chúng ta được tỉnh sáng phần nào là nhờ Phật mà được tỏ ngộ. Tâm chúng ta bớt phiền não là nhờ Phật mà được an. Như vậy lời nói của Phật không dối.

Sở dĩ đạo Phật tồn tại hơn hai ngàn năm trăm năm nay là do giáo pháp Phật còn, và còn người tu đúng theo pháp Phật. Ngoài ra chùa chiền, di tích, nghi thức tôn giáo chưa phải là yếu tố chính để duy trì Phật pháp. Trọng tâm của sự truyền bá đạo Phật, là phải làm sao chính mình thông hiểu và thực hành đúng pháp Phật, để được lợi ích thực tiễn, rồi dạy người hiểu và tu đúng theo pháp Phật, được lợi ích như mình. Cho nên chúng tôi tự thấy trách nhiệm là phải làm sao cho tăng ni và Phật tử hiểu, thực hành được những gì mà chúng tôi đã hiểu, đã thực hành, thì khả dĩ Phật pháp mới được trường tồn. Nếu hiểu Phật pháp mà không tu hoặc tu sai, hay tu mà không hiểu Phật pháp là tự mình hủy diệt mình, tự làm cho đạo Phật không còn giá trị chân chánh nữa.

Phật nói ngài là bậc Nhất thiết trí, tức là trí Phật biết được tất cả. Bậc Nhất thiết kiến, tức là Phật thấy được tất cả. Bậc Tri đạo, tức là Phật biết đường để dẫn cho mọi người đi. Bậc Khai đạo, tức Phật là người mở đường cho chúng sanh đi. Bậc Thuyết đạo, tức Phật là người nói con đường cho chúng sanh biết để đi. Vì vậy nên tất cả hãy đến để nghe. Phật biết rõ trình độ của chúng sanh nào là lợi căn, độn căn, tinh tấn, giải đãi... ngài tùy theo căn cơ của họ mà giảng nói để họ cũng được lợi ích. Ngài không bỏ sót một người nào, khôn lanh Phật

cũng độ, dại khờ Phật cũng độ, siêng năng Phật cũng độ, lười biếng Phật cũng độ. Nên ngài nói ai ai cũng đều được lợi lành, được an ổn, đời sau sanh vào cõi lành, hưởng vui sướng. Nhờ nghe pháp Phật mà bớt chướng ngại, lần lần sẽ được vào đạo, chứng Phật quả. Pháp Phật ví như một đám mưa lớn rưới khắp tất cả cỏ cây, tùy theo giống của mỗi loại đều được hấp thụ, đượm nhuần và sanh trưởng.

Pháp Phật nói chỉ có một tướng, một vị, đó là tướng giải thoát, vị giải thoát. Phật giáo hóa suốt bốn mươi chín năm, ngài nói pháp rất nhiều, tại sao chỉ có một tướng giải thoát, một vị giải thoát? Như chúng ta biết, Phật nói pháp thấp nhất là năm giới, người giữ năm giới là giải thoát được năm phần chướng nạn. Thí dụ người có tật tham lam trộm cắp, khi phát nguyện giữ năm giới thì không trộm cắp nữa, không trộm cắp là đã giải thoát được cái nạn bị bắt bớ đánh đập tù tội. Người ghiền rượu khi phát nguyện giữ năm giới thì giải thoát được cái nạn nghiện ngập say sưa. Vậy giữ một giới là giải thoát được một nạn chướng, giữ hai giới là giải thoát được hai nạn chướng... Trong luật gọi là từng phần giải thoát. Như vậy không phải pháp Phật có một vị là vị giải thoát sao?

Tướng xa lìa là xa lìa tham sân si, phiền não chấp trước. Đối trước danh lợi, tài sắc... biết là giả dối không thật, không khởi tham sân si, chấp trước, đó là xa lìa, chứ không phải chạy trốn danh lợi, tài sắc mới gọi là xa lìa. Tướng diệt là sạch hết mọi vọng niệm, tâm thanh tịnh,

hướng đến bậc Nhất thiết chủng trí. Sở dĩ Phật dạy cho tất cả chúng sanh đều được giải thoát, là vì ngài được Nhất thiết chủng trí, tức là trí biết được mọi chúng sanh. Nên ai nghe Kinh này rồi thọ trì, đọc tụng và đúng như lời Phật dạy mà tu hành thì người đó *được công đức tự mình không hay biết*, không thể suy lường.

Chúng ta ngày nay chỉ đọc tụng mà không đúng như lời Phật dạy để tu hành, cho rằng đọc tụng nhiều là tu nhiều. Tu và đọc có giống nhau không? Nếu bảo đọc tụng kinh là tu, tôi cho rằng chưa đúng. Vì sao? Thí dụ một bệnh nhân đến bác sĩ khám bệnh. Bác sĩ cho toa bảo về nhà mua đủ những thứ thuốc ghi trong toa mà uống sẽ lành bệnh. Bệnh nhân đem toa về cứ đọc tới đọc lui hiệu thuốc ghi trong toa, mà không mua thuốc để uống. Như thế bệnh có lành không? Cũng vậy, ở đây Phật dạy đọc tụng rồi đúng như lời dạy của Phật mà tu hành mới được công đức. Phải hiểu chỗ này cho thật kỹ. Đọc rồi nhớ ứng dụng lời Phật dạy vào cuộc sống đó là tu, chứ không phải đọc tụng suông như đọc toa thuốc mà gọi là tu được.

Hiện tại có rất nhiều người tụng kinh Pháp Hoa, tu theo kinh Pháp Hoa, nhưng chúng ta tụng và tu theo kinh Pháp Hoa với tâm niệm gì? Cầu trí tuệ Phật hay cầu phước báo, cầu lợi lộc? Nếu cầu phước cầu lợi là phản bội kinh Pháp Hoa rồi! Tôi xin nhắc lại, kinh Pháp Hoa dạy tu để được Nhất thiết chủng trí, tức là tu để được trí tuệ Phật. Phật dạy một đàng chúng ta làm một nẻo, mà cho là trì Kinh, cho là mình tu cao, chỉ tăng trưởng

lòng tham, tăng trưởng ngã mạn. Đó là một cái bệnh mà ít ai biết. Nói lời thật thì khó nghe và làm mích lòng người. Nhưng biết, thấy người tu sai mà không nói thì vấp phải cái lỗi bỏn sẻn, nên buộc lòng chúng tôi phải nói. Giảng kinh Pháp Hoa là phải làm sáng tỏ lý kinh, chứ để cho người tu theo kinh Pháp Hoa mà tu lầm, tu sai thì không được.

Tại sao trì tụng Kinh và đúng như lời dạy của Phật tu hành mà không tự biết công đức? Vì mình không tự biết mình căn cơ ở bậc thượng, bậc trung hay bậc hạ. Chỉ có Phật mới biết, nên ngài mới nói ra nhiều pháp môn. Chúng sanh thích hợp với pháp môn nào thì ứng dụng pháp môn đó mà tu hành, chứ tự mình không biết. Phật do được Nhất thiết chủng trí mới *biết được chủng tướng, thể tánh của chúng sanh: Nhớ việc gì? Nghĩ việc gì? Tu việc gì? Nhớ thế nào? Nghĩ thế nào? Tu thế nào? Dùng pháp gì để nhớ? Dùng pháp gì để nghĩ? Dùng pháp gì để tu? Và được pháp gì?* Nên ngài đúng theo từng tâm niệm của chúng sanh mà giáo hóa được kết quả thiết thực. Chúng ta tu chưa được Nhất thiết chủng trí, nói pháp không đúng tâm niệm của chúng sanh nên không có kết quả tốt.

Xưa, ngài A-nan hướng dẫn cho hai vị đệ tử Sa-di tu, một vị ngài dạy quán sổ tức, một vị ngài dạy quán bất tịnh. Cả hai tu một thời gian không kết quả, khi gặp lại ngài, hai vị trình là tu không tiến bộ. Ngài A-nan thắc mắc tại sao mình dạy tu đúng với pháp Phật mà đệ tử tu không có kết quả. Ngài bèn trình việc này lên Phật,

Phật hỏi hai vị đó trước làm nghề gì. Ngài A-nan thưa, một người làm thợ rèn, một người giữ nghĩa địa. Phật nói ngài A-nan dạy tu không hợp căn cơ của người. Với người thợ rèn thì nên dạy tu sổ tức, vì thợ rèn hay thụt ống bễ, dạy quán sổ tức họ dễ nhớ dễ thực hành. Người giữ nghĩa địa thường thấy thây chết nên dạy quán bất tịnh. Theo lời Phật, ngài A-nan dạy hai vị Sa-di tu một thời gian được kết quả tốt. Để thấy chúng ta chưa được Nhất thiết chủng trí, không biết tâm hành của chúng sanh, nên giáo hóa không có kết quả. Vì vậy, chúng ta tu nửa chừng như hiện nay, dù có thông minh đến đâu đi nữa, cũng chưa đủ phương tiện giáo hóa người, nên đừng tự mãn, mà phải tu cho đến chỗ rốt ráo thành Phật mới thôi.

Phật lặp lại một lần nữa là pháp Phật có *một tướng giải thoát, tướng xa lìa, tướng diệt, tướng rốt ráo Niết-bàn thường tịch diệt, trọn về nơi không*. Là chỉ cho Niết-bàn tịch diệt không có tướng mạo, không sanh diệt, không vô thường. Phàm cái gì có hình tướng thì sanh diệt, vô thường, là duyên hợp huyễn hóa không thật. Do đó Phật mới dùng phương tiện để đưa mọi người tu từ thấp lần lần lên cao, rồi đến trí tuệ Phật là cái chân thật. Nên nói *Như Lai tùy cơ nghi nói pháp* mà tâm phàm phu chúng ta khó có thể hiểu biết được.

Tới đây Phật khen tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề rất là hy hữu ít có. Tại sao Phật khen các ngài rất ít có? Vì các ngài biết rõ Phật tùy cơ nghi nói pháp nên tin nhận được,

chỗ khó hiểu khó biết bây giờ các ngài đã hiểu đã biết. Như vậy là các ngài xứng đáng gánh vác trách nhiệm mà Phật giao phó, nên Phật khen để rồi sau này Phật thọ ký.

Chánh văn:

Khi đó đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

4. Pháp vương phá các cõi
Hiện ra trong thế gian
Theo tánh của chúng sanh
Dùng các cách nói pháp.
Đức Như Lai tôn trọng
Trí tuệ rất sâu xa
Lâu giữ pháp yếu này
Chẳng vội liền nói ra
Người trí nếu được nghe
Thời có thể tin hiểu,
Kẻ không trí nghi hối
Thời bèn là mất hẳn.
Ca-diếp! Vì cớ đó
Theo sức chúng nói pháp
Dùng các món nhân duyên
Cho chúng được chánh kiến.
Ca-diếp ông nên biết!

Thí như vầng mây lớn
Nổi lên trong thế gian
Che trùm khắp tất cả
Mây trí tuệ chứa nhuần
Chớp nhoáng sáng chói lòa
Tiếng sấm xa vang động
Khiến mọi loài vui đẹp
Nhật quang bị che khuất
Trên mặt đất mát mẻ
Mây mù sa bủa gần
Dường có thể nắm tới.
Trận mưa đó khắp cùng
Bốn phương đều xối xuống
Dòng nước tuôn vô lượng
Cõi đất đều rút đầy
Nơi núi sông hang hiểm
Chỗ rậm rợp sanh ra
Những cây cối cỏ thuốc
Các thứ cây lớn nhỏ
Trăm giống lúa mộng mạ
Các thứ mía cùng nho
Nhờ nước mưa đượm nhuần
Thảy đều tươi tốt cả.
Đất khô khắp được rưới

Thuốc cây đều sum suê
Vầng mây kia mưa xuống
Nước mưa thuần một vị
Mà cỏ cây lùm rừng
Theo mỗi thứ đượm nhuần
Tất cả các giống cây
Hạng thượng trung cùng hạ
Xứng theo tánh lớn nhỏ
Đều được sanh trưởng cả.
Gốc thân nhánh và lá
Trổ bông trái sắc vàng
Một trận mưa rưới đến
Cây cỏ đều thấm mướt
Theo thể tướng của nó
Tánh loại chia lớn nhỏ
Nước đượm nhuần vẫn một
Mà đều được sum suê.

Giảng:

Phần Trùng tụng lặp lại ý chính ở trên, là Phật ra đời cốt chỉ cho mọi người nhận ra tri kiến Phật, nhưng vì căn cơ chúng sanh không đồng, nên phải tùy theo trình độ mà giáo hóa có sai biệt, để cho người cao cũng như người thấp đều nhận được lợi ích, và cuối cùng ngài đưa đến chỗ cứu cánh bình đẳng là quả Phật. Phật dụ pháp Phật bình đẳng như nước mưa có một vị ngọt rưới khắp

cỏ cây lớn nhỏ, tùy mỗi loại cây mà hấp thụ nước sai biệt, nhưng loại nào cũng bình đẳng nhận được lợi ích.

Chánh văn:

5. Đức Phật cũng như thế
Hiện ra nơi trong đời
Ví như vầng mây lớn
Che trùm khắp tất cả.
Đã hiện ra trong đời
Bèn vì các chúng sanh
Phân biệt diễn nói bày
Nghĩa thật của các pháp
Đấng đại thánh Thế Tôn
Ở trong hàng trời người
Nơi tất cả chúng hội
Mà tuyên nói lời này:
Ta là bậc Như Lai
Là đấng Lưỡng Túc Tôn
Hiện ra nơi trong đời
Dường như vầng mây lớn
Thấm nhuần khắp tất cả
Những chúng sanh khô khao
Đều làm cho lìa khổ
Được an ổn vui sướng
Hưởng sự vui thế gian

Cùng sự vui Niết-bàn.
Các chúng trời người này
Một lòng khéo lắng nghe
Đều nên đến cả đây
Ra mắt đấng Vô thượng.
Ta là đấng Thế Tôn
Không có ai bằng được
Muốn an ổn chúng sanh
Nên hiện ra trong đời
Vì các đại chúng nói
Pháp cam lồ trong sạch
Pháp đó thuần một vị
Giải thoát Niết-bàn thôi.
Dùng một giọng tiếng mầu
Diễn xướng nghĩa nhiệm này
Đều thường vì Đại thừa
Mà kết làm nhân duyên.
Ta xem tất cả chúng
Khắp đều bình đẳng cả
Không có lòng bỉ thử
Cùng với tâm yêu ghét
Ta không chút tham đắm
Cũng không có hạn ngại
Hằng vì tất cả chúng

Mà bình đẳng nói pháp
Như khi vì một người
Lúc chúng đông cũng vậy.
Thường diễn nói pháp luôn
Từng không việc gì khác
Ngồi, đứng hoặc đến, đi
Trọn không hề nhàm mỏi
Đầy đủ cho thế gian
Như mưa khắp thấm nhuần
Sang hèn cùng thượng hạ
Giữ giới hay phá giới
Oai nghi được đầy đủ
Và chẳng được đầy đủ
Người chánh kiến, tà kiến
Kẻ độn căn lợi căn
Khắp rưới cho mưa pháp
Mà không chút nhàm mỏi.
Tất cả hàng chúng sanh
Được nghe pháp của ta
Tùy sức mình lãnh lấy
Trụ ở nơi các bậc
Hoặc là ở trời, người
Làm Chuyển luân thánh vương
Trời Thích, Phạm, các vua

Đó là cỏ thuốc nhỏ.
Hoặc rõ pháp vô lậu
Hay chứng được Niết-bàn
Khởi sáu pháp thần thông
Và được ba món minh,
Ở riêng trong núi rừng
Thường hành môn thiền định
Chứng được bậc Duyên giác
Là cỏ thuốc bậc trung.
Hoặc cầu bậc Thế Tôn
Ta sẽ được thành Phật
Tu hành tinh tấn, định
Là cỏ thuốc bậc thượng.
Lại có hàng Phật tử
Chuyên tâm nơi Phật đạo
Thường thực hành từ bi
Tự biết mình làm Phật
Quyết định không còn nghi
Gọi đó là cây nhỏ.
Hoặc an trụ thần thông
Chuyển bất thối pháp luân
Độ vô lượng muôn ức
Trăm nghìn loài chúng sanh
Bồ-tát hạng như thế

Gọi đó là cây lớn.
Phật chỉ bình đẳng nói
Như nước mưa một vị
Theo căn tánh chúng sanh
Mà hưởng thọ không đồng
Như những cỏ cây kia
Được đượm nhuần đều khác.

6. Phật dùng món dụ này
Để phương tiện chỉ bày
Các thứ lời lẽ hay
Đều diễn nói một pháp
Ở nơi trí tuệ Phật
Như một giọt trong biển.
Ta rưới trận mưa pháp
Đầy đủ khắp thế gian
Pháp mầu thuần một vị
Tùy sức riêng tu hành,
Như thể lùm rừng kia
Và cỏ thuốc những cây
Tùy giống lớn hay nhỏ
Lần lần thêm sum suê.
Pháp của các đức Phật
Thường dùng thuần một vị
Khiến cho các thế gian

Đều khắp được đầy đủ
Lần lựa siêng tu hành
Rồi đều được đạo quả.
Hàng Thanh văn, Duyên giác
Ở nơi chốn núi rừng
Trụ thân hình rốt sau
Nghe Phật pháp được quả
Đó gọi là cỏ thuốc
Đều được thêm lớn tốt.
Nếu các vị Bồ-tát
Trí tuệ rất vững bền
Rõ suốt cả ba cõi
Cầu được thừa tối thượng
Đó gọi là cây nhỏ
Mà được thêm lớn tốt.
Lại có vị trụ thiền
Được sức thần thông lớn
Nghe nói các pháp không
Lòng rất sanh vui mừng
Phóng vô số hào quang
Độ các loài chúng sanh
Đó gọi là cây lớn
Mà được thêm lớn tốt
Như thế, Ca-diếp này!

Đức Phật nói pháp ra
Thí như vầng mây lớn
Dùng nước mưa một vị
Đượm nhuần nơi hoa người
Đều được kết trái cả.
Ca-diếp ông phải biết!
Ta dùng các nhân duyên
Các món thí dụ thảy
Để chỉ bày Phật đạo
Đó là ta phương tiện
Các đức Phật cũng thế
Nay ta vì các ông
Nói việc rất chân thật
Các chúng thuộc Thanh văn
Đều chẳng phải diệt độ
Chỗ các ông tu hành
Là đạo của Bồ-tát
Lần lần tu học xong
Thảy đều sẽ thành Phật.

Giảng:

Pháp Phật nói thì bình đẳng, không đặc biệt chú trọng kẻ thân người sơ, kẻ thấp người cao... Hạng người nào đến với Phật, Phật đều bình đẳng giáo hóa cho, không có tâm bỉ thử cùng với tâm yêu ghét. Nên việc giáo hóa của ngài không chướng ngại, không hạn cuộc,

khiến cho người nghe ai ai cũng đều được lợi ích. Tuy nhiên, tùy theo hạnh nguyện của mỗi người mà sự lợi ích có sai biệt. Đối với người nghe pháp Phật, phát tâm quy y giữ năm giới mong đời sau làm người lương thiện hưởng phước lành; hoặc người phát tâm tu Thập thiện mong đời sau sanh lên cõi trời hưởng phước báo an vui, hoặc làm Chuyển luân thánh vương, những người tu với hạnh nguyện như thế, Phật dụ như cỏ thuốc nhỏ. Đối với người tu theo pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, mong chứng quả Thanh văn, Duyên giác, Phật dụ như loại cỏ thuốc bậc trung. Đối với người tu chỉ mong cầu thành Phật không mong cầu quả vị nào khác và tinh tấn tu hành, tin mình sẽ thành Phật, Phật dụ như loại cỏ thuốc bậc thượng. Đối với hàng Bồ-tát mới phát tâm, thực hành hạnh từ bi, làm lợi ích chúng sanh, tinh tấn tu hành, tin mình sẽ thành Phật không còn nghi ngờ nữa... hàng Bồ-tát này, Phật dụ như loại cây nhỏ... Đối với hàng Bồ-tát an trụ thần thông, chuyển pháp luân bất thoái, độ vô lượng vô số chúng sanh, đây chỉ cho hàng Bồ-tát từ Sơ địa cho tới Thập địa, hàng Bồ-tát này được Phật dụ như loài cây lớn.

Năm hạng người phát tâm tu với hạnh nguyện sai khác, được Phật dụ cho ba loại cỏ và hai loại cây. Chúng ta tự kiểm lại xem chúng ta thuộc hạng nào trong năm hạng này? Ở đây đức Phật cụ thể hóa thí dụ, là trình độ chúng sanh tuy sai biệt nên pháp tu có thấp cao, nhưng pháp Phật thì bình đẳng chỉ có một vị giải thoát. Bởi pháp Phật bình đẳng chỉ có một vị giải thoát, tuy lúc đầu phát tâm nhỏ, tu giữ năm giới, tu Thập thiện,

nhưng dần dần sẽ tiến đến chỗ viên mãn là thành Phật, chứ không có dừng nghỉ ở một quả vị nửa chừng.

Phẩm Dược Thảo Dụ nói lên tâm bình đẳng của Phật khi giáo hóa chúng sanh, giống như nước mưa rưới khắp tất cả loài cây cỏ. Và chúng sanh ai ai cũng có tri kiến Phật, bình đẳng như nhau cùng nghe pháp Phật, tùy theo căn cơ sai biệt mà lợi ích có sai khác. Nhưng cuối cùng rồi cũng được thành Phật, giống như các loài cây cỏ đều từ mặt đất mọc lên tùy loại giống mà hấp thụ nước mưa sai khác, nhưng tất cả cây lớn hay cỏ nhỏ loại nào cũng đều được sanh trưởng.

VI- PHẨM THỌ KÝ

Thọ ký có nghĩa là trao nhận. Tức là đức Phật biết người đệ tử công hạnh tu hành sắp viên mãn, ngài liền thọ ký cho vị đó sẽ thành Phật. Tùy theo công hạnh và thời gian tu hành dài hoặc ngắn mà Phật thọ ký có sai biệt. Việc thọ ký của Phật giống như thiền sư truyền tâm ấn cho đệ tử. Khi trò ngộ đạo, chỗ thấy biết của trò ngang bằng chỗ thấy biết của thầy, thầy thấy như thế nào trò thấy như thế ấy, ngang đây thầy ấn chứng cho trò. Tôi thí dụ để quý vị tạm hiểu, ông cha có một đứa con đi học, đứa bé thông minh học giỏi thường đứng đầu lớp, mỗi năm học mỗi lên lớp, hết cấp tiểu học lên trung học rồi lên đại học. Nếu nó chuyên ngành khoa học và vẫn học giỏi dẫn đầu lớp, có người hỏi: Con ông chừng nào ra trường? Ông trả lời bốn năm nó sẽ tốt nghiệp Cử nhân khoa học. Nếu nó chuyên ngành Y khoa và cũng đứng đầu lớp thì ông cũng trả lời bảy năm nó sẽ tốt nghiệp Tiến sĩ y khoa. Sở dĩ ông cha dám nói như vậy là vì ông biết khả năng của con mình. Ngược lại nếu đứa con học

bình thường, hay ngồi lại lớp thì ông cha không dám nói khẳng định như thế. Cũng vậy, ở đây hàng đệ tử Phật đã trình bày chỗ thấu suốt lý Phật dạy, phiền não đã sạch và đã chứng A-la-hán. Bấy giờ các ngài hướng về Phật, nhận ra tri kiến Phật để tu, không còn nghi ngờ nên ngang đây đức Phật thọ ký cho sẽ thành Phật.

Phẩm Tựa nói tổng quát toàn bộ kinh. Phẩm Phương Tiện, Phật nêu lên bản hoài của Phật ra đời là *Khai Thị* chúng sanh *Ngộ Nhập* tri kiến Phật. Bấy giờ hội chúng chỉ có hàng thượng căn bậc thượng như ngài Xá-lợi-phất nhận ra tri kiến Phật, còn hạng thượng căn bậc trung thì chưa nhận được. Vì vậy mà phẩm Thí Dụ, Phật dẫn dụ một cách rõ ràng chủ đích của Phật ra đời, thì hàng thượng căn bậc trung như ngài Ca-diếp, Tu-bồ-đề... mới ngộ được Phật tri kiến. Nên đến phẩm Tín Giải thì các ngài ra trình sở ngộ lên đức Phật. Đáng lý tới đây là Phật thọ ký, nhưng vì Phật thấy số người còn lại chưa thâm nhập nổi, nên ngài nói thêm phẩm Dược Thảo Dụ, để thấy rõ thâm ý của Phật là bình đẳng giáo hóa, đưa mỗi người tiến tới chỗ cứu cánh là thành Phật, chứ không để bất cứ một ai dừng ở một quả vị thấp nào. Rồi sau đó Phật mới thọ ký cho những đệ tử trình sở ngộ như ngài Ma-ha Ca-diếp, Tu-bồ-đề... sẽ thành Phật.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ đó rồi, bảo các đại chúng, xướng lời thế này:

Ông Ma-ha Ca-diếp, đệ tử của ta, ở đời vị lai sẽ phụng thờ ba trăm muôn ức các đức Phật Thế Tôn,

cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen, rộng nói vô lượng đại pháp của các đức Phật, ở nơi thân rốt sau được thành Phật hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Nước tên là Quang Đức, kiếp tên là Đại Trang Nghiêm. Phật thọ mười hai tiểu kiếp, chánh pháp trụ thế hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp. Cõi nước tốt đẹp, không có các thứ dơ xấu, ngói sỏi gai góc cùng đồ tiện lợi chẳng sạch. Cõi đó bằng phẳng, không có cao thấp hầm hố gò nổng, đất bằng lưu ly, cây báu thẳng hàng, vàng ròng làm dây để giăng bên đường, rải các hoa báu khắp nơi sạch sẽ.

Bồ-tát trong nước đó đông vô lượng nghìn ức, các chúng Thanh văn cũng lại vô số. Không có việc ma, dầu là có ma và dân ma, nhưng đều hộ trì Phật pháp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2. Bảo các Tỳ-kheo rằng:
Ta dùng mắt của Phật
Thấy ông Ca-diếp này
Ở nơi đời vị lai
Quá vô số kiếp sau
Sẽ được thành quả Phật,

Mà ở đời vị lai
Cúng dường và kính thờ
Đủ ba trăm muôn ức
Các đức Phật Thế Tôn.
Vì cầu trí tuệ Phật
Mà tịnh tu phạm hạnh
Cúng dường đấng Tối thượng
Nhị Túc Tôn xong rồi
Tu tập trọn tất cả
Trí tuệ bậc Vô thượng
Ở nơi thân rốt sau
Được chứng thành làm Phật.
Cõi đó rất thanh tịnh
Chất lưu ly làm đất
Nhiều thứ cây bằng báu
Thẳng hàng ở bên đường
Dây vàng giăng ngăn đường
Người ngó thấy vui mừng
Thường thoảng ra hương thơm
Rải các thứ hoa đẹp
Các món báu kỳ diệu
Dùng để làm trang nghiêm
Cõi đó đất bằng phẳng
Không có những gò hầm.
Các hàng chúng Bồ-tát

Đông không thể xưng kể
Tâm các vị hòa dịu
Đều được thần thông lớn
Phụng trì các kinh điển
Đại thừa của các Phật.
Các hàng chúng Thanh văn
Vô lậu thân rốt sau
Là con của Pháp vương
Cũng chẳng thể kể hết
Nhẫn đến dùng thiên nhãn
Cũng chẳng thể đếm biết.
Phật đó sẽ sống lâu
Tuổi mười hai tiểu kiếp
Chánh pháp trụ ở đời
Đủ hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp trụ ở đời
Cũng hai mươi tiểu kiếp
Đức Quang Minh Thế Tôn
Việc của ngài như thế.

Giảng:

Sau khi các tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tu-bồ-đề... trình sở ngộ, đức Phật liền thọ ký cho các ngài thành Phật. Trước thọ ký cho tôn giả Ma-ha Ca-diếp đời vị lai sẽ được thành Phật đầy đủ mười hiệu và đủ ba mươi hai tướng tốt. Ngài phụng thờ ba trăm muôn ức đức Phật

mới thành Phật. Chúng ta thấy thời gian tu hành của ngài Ca-diếp quá lâu, mà ngài được thọ ký là vui mừng thấy mình được điều chưa từng có. Điều này nói lên tâm hạnh của Bồ-tát có khác với tâm hạnh của phàm phu.

Sau khi thành Phật, tuổi thọ của ngài đến mười hai tiểu kiếp, một tiểu kiếp là 16.800.000 năm. Tính ra đến 201.600.000 năm. Sống quá lâu! Còn cõi nước thì đất bằng phẳng trang nghiêm đẹp đẽ toàn bằng đồ báu không có dơ bẩn, không có cực khổ. Đồ đệ toàn là hàng Bồ-tát, La-hán nhiều vô lượng vô biên. Sở dĩ tôn giả Ca-diếp khi thành Phật mà được chánh báo y báo tốt đẹp lớn lao như vậy, là nhờ công phu tu hành giáo hóa chúng sanh lâu dài và nhiều vô kể. Nhân thế nào thì quả thế ấy, nhân lớn thì quả phải to.

Phật thọ ký cho tôn giả Ma-ha Ca-diếp sau khi thành Phật, số Bồ-tát ngài độ được có tới nghìn muôn ức, Thanh văn cũng vô số. Một vị Bồ-tát khi thành Phật, không có đơn độc ở một mình, như đức Thích-ca khi thành Phật bên cạnh ngài có rất nhiều Bồ-tát, La-hán, Thanh văn. Những đồ đệ đó đều là những người đã có túc duyên nhiều đời nhiều kiếp với ngài, chứ không phải chỉ có duyên một đời này. Như vậy những đệ tử Bồ-tát, Thanh văn, La-hán trước kia là những người phàm, khi Phật còn làm Bồ-tát giáo hóa họ tu; thầy tiến lên thành Phật, trò cũng tiến lên thành Bồ-tát, La-hán.

Chúng ta thấy tất cả Bồ-tát được Phật thọ ký, vị nào cũng có đồ đệ đông như vậy. Vì rằng một vị tu hành từ khi mới phát tâm tu, cho tới ngày thành Phật,

là đời đời giáo hóa chúng sanh và cũng tiếp tục gặp lại nhau ở nơi này hay ở nơi khác, những người này là hàng Bồ-tát, hàng Thanh văn câu hội về quốc độ của Phật. Như vậy, không có nghĩa tu một đời tâm hạnh bị mất, nếu phát tâm chân chánh, tu hành đứng đắn thì đời này mới tu duyên phước còn mỏng thì độ ít, đời sau tiếp tục tu nữa và giáo hóa nhiều hơn, đời sau nữa tiếp tục công hạnh cũ, như thế mà tiếp tục cho đến khi thành Phật, thì quyến thuộc là Bồ-tát, Thanh văn cũng đông vầy. Thế nên chúng ta không thể lo tu một mình để cầu mau thành Phật, thiếu phần giác tha thì công hạnh chưa viên mãn làm sao thành Phật được. Để thấy tinh thần kinh Pháp Hoa là Bồ-tát đời đời thực hiện bản nguyện nối tiếp thắp sáng ngọn đuốc Phật pháp cho chúng sanh, đến khi công hạnh viên mãn mới thành Phật, và chúng sanh được giáo hóa cũng thành Bồ-tát và La-hán câu hội về quốc độ của các ngài. Phần Trùng tụng lặp lại ý trên.

Chánh văn:

3. Lúc bấy giờ, ngài Đại Mục-kiền-liên, ngài Tu-bồ-đề, ngài Đại Ca-chiên-diên v.v... thảy đều run sợ một lòng chắp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề tạm rời, liền đồng tiếng nhau nói kệ rằng:

Thế Tôn rất hùng mãnh
Pháp vương trong dòng Thích
Vì thương xót chúng con
Mà ban giọng tiếng Phật.

Nếu rõ thâm tâm con
Được Phật thọ ký cho
Như dùng cam lồ rưới
Từ nóng được mát mẻ.
Như từ nước đói đến
Bỗng gặp cỗ tiệc vua
Còn ôm lòng nghi sợ
Chưa dám tự ăn liền
Nếu lại được vua bảo
Vậy sau mới dám ăn.
Chúng con cũng như vậy
Hằng nghĩ lỗi Tiểu thừa
Chẳng biết làm thế nào
Được tuệ Vô thượng Phật,
Dầu nghe giọng tiếng Phật
Nói chúng con thành Phật
Còn ôm lòng lo sợ
Như chưa dám tự ăn
Nếu được Phật thọ ký
Mới là khoái an vui
Thế Tôn rất hùng mãnh
Thường muốn an thế gian
Xin thọ ký chúng con
Như đói cần bảo ăn.

Giảng:

Còn ba vị chưa được Phật thọ ký là ngài Ma-ha Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên, nên các ngài run sợ, chắp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Phật. Vì bốn vị cùng là bạn, trình độ học tu ngang nhau, một trong bốn vị được thọ ký thành Phật, lúc đó ba người còn lại cả mừng trở thành hoảng hốt, bởi hoảng hốt nên run sợ. Thế nên các ngài mới trình bày tâm trạng của các ngài:

Nếu rõ thâm tâm con
Được Phật thọ ký cho
Như dùng cam lồ rưới
Từ nóng được mát mẻ.

Tâm các ngài đang nóng nảy, hồi hộp, lo sợ không biết có được Phật thọ ký không. Nếu bấy giờ được Phật thọ ký thì như được rưới nước cam lồ khiến cho tâm các ngài được mát mẻ êm ả, không còn hồi hộp lo sợ nữa.

Kế đến các ngài lại nói thêm:

Như từ nước đói đến
Bỗng gặp cỗ tiệc vua
Còn ôm lòng nghi sợ
Chưa dám tự ăn liền
Nếu lại được vua bảo
Vậy sau mới dám ăn.

Các ngài dụ các ngài như ở nước đói đến gặp tiệc vua ban đủ thức ăn sang trọng bày la liệt trên bàn,

lòng còn lo sợ chưa dám ăn liền, vì chưa được mời ăn. Nếu được vua bảo thì các ngài mới dám ăn. Thí dụ này nói lên ý nghĩa các ngài đã được cái thấy biết mà huynh đệ các ngài như tôn giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Ca-diếp đã được, nhưng chưa dám tin rằng mình sẽ được thọ ký thành Phật. Nay nếu được Phật thọ ký thì tâm các ngài mới an, mới tin chắc.

Các thiền sư cũng có tâm trạng như các tôn giả ở đây. Như ngài Vĩnh Gia Huyền Giác do xem kinh Duy-ma-cật mà ngộ đạo, ngài biết rõ mình đã thông suốt được lý Thiền, nhưng chưa được bậc tôn túc nào ấn chứng, nên thể theo lời đề nghị của thiền sư Huyền Sách đến Lục Tổ cầu xin ấn chứng. Sau khi được Lục Tổ ấn chứng, ngài mới dám nói lên chỗ chứng đạo của mình qua bài Chứng Đạo Ca. Nếu chưa được ấn chứng vẫn còn hồ nghi. Đó là tâm niệm của người xưa và người gần đây không khác nhau. Những đồ đệ của đức Phật khi xưa khao khát được Phật thọ ký như thế nào, thì các thiền sư sau này khao khát được thầy ấn chứng cũng như vậy. Vì vậy sau khi các thiền sư ngộ đạo rồi, đi tìm thiện hữu tri thức trình sở ngộ và cầu xin ấn chứng để an ổn mà tiến tu.

Chánh văn:

4. Lúc bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm của các vị đệ tử lớn, bảo các thầy Tỳ-kheo rằng:

Ông Tu-bồ-đề đến đời vị lai phụng thờ ba trăm muôn ức na-do-tha đức Phật, cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, thường tu hạnh thanh tịnh,

đủ đạo Bồ-tát, ở thân rốt sau được thành Phật hiệu Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiếp đó tên Hữu Bửu, nước đó tên là Bửu Sanh. Cõi đó bằng phẳng, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, không có những gò, hầm, cát, sỏi, gai, chông cùng tiện lợi dơ dáy, hoa báu trải khắp nơi sạch sẽ, nhân dân cõi đó đều ở đài báu và lầu gác quý đẹp. Hàng đệ tử Thanh văn đông vô lượng vô biên, tính kể cùng thí dụ đều không thể biết. Các chúng Bồ-tát đông vô số nghìn muôn ức na-do-tha.

Đức Phật thọ mười hai tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ đời hai mươi tiểu kiếp, đức Phật đó thường ở trên hư không vì chúng nói pháp độ thoát được vô lượng Bồ-tát cùng chúng Thanh văn.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

5. Các chúng Tỳ-kheo này!
Nay ta bảo các ông
Đều nên phải một lòng
Lắng nghe lời ta nói.
Đệ tử lớn của ta
Là ông Tu-bồ-đề
Rồi sẽ được làm Phật

Hiệu gọi là Danh Tướng
Sẽ phải cúng vô số
Muôn ức các đức Phật
Theo hạnh của Phật làm
Lần lần đủ đạo lớn.
Thân rốt sau sẽ được
Ba mươi hai tướng tốt
Xinh lịch đẹp đẽ lắm
Dường như núi báu lớn.
Cõi nước của Phật đó
Trang nghiêm sạch thứ nhất
Chúng sanh nào được thấy
Không ai chẳng ưa mến.
Phật ở trong cõi đó
Độ thoát vô lượng chúng.
Trong pháp hội của Phật
Các Bồ-tát đông nhiều
Thảy đều bậc lợi căn
Chuyển pháp luân bất thối.
Cõi nước đó thường dùng
Bồ-tát để trang nghiêm
Các chúng Thanh văn lớn
Chẳng có thể đếm kể
Đều được ba món minh
Đủ sáu thứ thần thông

Trụ tám pháp giải thoát
Có oai đức rất lớn.
Đức Phật đó nói pháp
Hiện ra vô lượng món
Pháp thần thông biến hóa
Chẳng thể nghĩ bàn được.
Các hàng trời, nhân dân
Số đông như hằng sa
Đều cùng nhau chắp tay
Lắng nghe lãnh lời Phật.
Đức Phật đó sẽ thọ
Tuổi mười hai tiểu kiếp
Chánh pháp trụ lại đời
Đủ hai mươi tiểu kiếp
Tượng pháp trụ ở đời
Cũng hai mươi tiểu kiếp.

Giảng:

Đức Phật thọ ký cho ngài Tu-bồ-đề sau này sẽ thành Phật hiệu là Danh Tướng, kiếp tên Hữu Bửu, cõi nước tên Bửu Sanh, cõi đó bằng phẳng, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, hàng đồ đệ toàn là Thanh văn, Bồ-tát đông vô số không thể tính kể. Sự kiện này cho chúng ta thấy, làm việc lợi sanh được phần công đức là tích tụ thành một hạt lưu ly, làm vô số công đức thanh tịnh trải qua nhiều đời nhiều kiếp, thì tụ thành cả quốc độ toàn là lưu ly thanh tịnh theo như công hạnh tu hành

của mình. Đó là do tinh thần độ sanh không giới hạn, nếu công hạnh viên mãn thì thành Phật. Nếu công hạnh chưa viên mãn mà muốn thành Phật sớm thì cõi nước không thanh tịnh, tuổi thọ không lâu dài, đồ đệ chưa phải là hàng thánh. Ở đây đức Phật nói *Phật Danh Tướng thường ở trên hư không vì chúng nói pháp độ thoát được vô lượng Bồ-tát cùng chúng Thanh văn*. Tại sao Phật Danh Tướng lại nói pháp ở trên hư không? Như chúng ta biết, ngài Tu-bồ-đề tu hạnh quán lý không, nên được Phật khen là *Giải không bậc nhất trong hội chúng*. Do ngộ được lý không nên khi nói pháp ngài nói về lý Bát-nhã chân không. Vì vậy mà nói ngài ở trên hư không vì chúng sanh nói pháp.

Chánh văn:

6. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo các chúng Tỳ-kheo:

Ta nay nói với các ông, ông Đại Ca-chiên-diên này ở đời sẽ tới, dùng các đồ cúng mà cúng dường phụng thờ tám nghìn ức Phật cung kính tôn trọng. Sau khi các đức Phật diệt độ, ông đều dựng tháp miếu cao một nghìn do-tuần, ngang rộng ngay bằng năm trăm do-tuần, tháp miếu đó dùng bảy món báu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khôi hiệp lại thành, cúng dường tháp miếu bằng các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng nhiễu, tràng phan v.v...

Sau thời kỳ đó sẽ lại cúng dường hai muôn ức Phật cũng như trước, cúng dường các đức Phật

đó rồi, đủ đạo Bồ-tát sẽ được làm Phật hiệu: Diêm-phù-na-đề Kim Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Cõi đó bằng phẳng, đất bằng pha lê, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để giăng bên đường, hoa đẹp trải đất khắp nơi sạch sẽ. Người được thấy đều vui mừng, không có bốn đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la. Các trời cùng người rất đông, các chúng Thanh văn và Bồ-tát vô lượng muôn ức trang nghiêm nước đó. Đức Phật đó thọ mười hai tiểu kiếp, chánh pháp trụ ở đời hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ hai mươi tiểu kiếp.

Lúc đó Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

7. Các chúng Tỳ-kheo này!
Đều nên một lòng nghe
Như lời của ta nói
Chân thật không khác lạ.
Ông Ca-chiên-diên này
Sau sẽ dùng các món
Đồ cúng dường tốt đẹp
Mà cúng dường các Phật.
Các đức Phật diệt rồi
Dựng tháp bằng bảy báu

Cũng dùng hoa và hương
Để cúng dường xá-lợi.
Thân rốt sau của ông
Được trí tuệ của Phật
Thành bậc Đẳng chánh giác
Cõi nước rất thanh tịnh
Độ thoát được vô lượng
Muôn ức hàng chúng sanh
Đều được mười phương khác
Thường đến kính cúng dường,
Ánh sáng của Phật đó
Không ai có thể hơn
Đức Phật đó hiệu là:
Diêm-phù Kim Quang Phật
Bồ-tát và Thanh văn
Dứt tất cả hữu lậu
Đông vô lượng vô số
Trang nghiêm cõi nước đó.

Giảng:

Ngài Ma-ha Ca-chiên-diên cũng được Phật thọ ký. Do tu hạnh Bồ-tát cung kính cúng thờ tới tám nghìn ức Phật, sau Phật diệt độ lại xây tháp miếu cúng dường. Sau lại cúng dường hai muôn ức Phật cũng như trước, công hạnh viên mãn sẽ thành Phật hiệu Diêm-phù-na-đề Kim Quang, quốc độ bằng phẳng, đất bằng pha lê, trang

nghiêm bằng cây báu... Sở dĩ Bồ-tát ra đời gặp Phật là vì các ngài tu hạnh Bồ-tát, mà Bồ-tát là nhân và Phật là quả, nên ra đời đều gặp Phật. Nơi nào có Phật là có các ngài gần gũi tôn trọng cúng dường và tu học. Trải qua thời gian lâu dài công hạnh viên mãn thì thành Phật cõi nước đẹp đẽ trang nghiêm.

Chánh văn:

8. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo trong đại chúng:

Ta nay nói với các ông, ông Đại Mục-kiền-liên đây sẽ dùng các món đồ cúng, cúng dường tám nghìn các đức Phật, cung kính tôn trọng. Sau khi đức Phật diệt độ đều dựng tháp miếu cao một nghìn do-tuần, ngang rộng thẳng bằng năm trăm do-tuần, dùng bảy món báu: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khôi hiệp lại thành. Đem các thứ hoa, chuỗi ngọc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng nhiễu và tràng phan để cúng dường tháp.

Sau lúc ấy lại sẽ cúng dường hai trăm muôn ức các đức Phật cũng như trước, rồi sẽ được thành Phật hiệu Đa-ma-la-bạt Chiên-đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiếp đó tên là Hỷ Mãn, nước tên là Ý Lạc, cõi đó bằng phẳng, chất pha lê làm đất, cây báu trang nghiêm, rải hoa trân châu khắp nơi sạch sẽ, người được thấy đều vui mừng. Các hàng trời người

rất đông, Bồ-tát và Thanh văn số nhiều vô lượng, đức Phật đó thọ hai mươi bốn tiểu kiếp, chánh pháp trụ lại đời bốn mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng trụ bốn mươi tiểu kiếp.

Khi đó đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

9. Đệ tử của ta đây
Là Đại Mục-kiền-liên
Bỏ thân người này rồi
Sẽ được gặp tám nghìn
Hai trăm muôn ức vị
Các đức Phật Thế Tôn.
Ông vì cầu Phật đạo
Nên cúng dường cung kính
Ở nơi các đức Phật
Thường tu trì phạm hạnh
Ở trong vô lượng kiếp
Phụng trì pháp của Phật.
Các đức Phật diệt rồi
Xây tháp bằng bảy báu
Tháp vàng rất cao rộng,
Dùng hoa hương kỹ nhạc
Để dùng dâng cúng dường
Tháp miếu các đức Phật.
Lần lần được đầy đủ

Đạo hạnh Bồ-tát rồi
Ở nơi nước Ý Lạc
Mà được thành quả Phật
Hiệu là Đa-ma-la
Bạt Chiên-đàn Hương Phật.
Đức Phật đó thọ mạng
Hai mươi bốn tiểu kiếp
Thường vì hàng trời người
Mà diễn nói đạo Phật
Chúng Thanh văn vô lượng
Như số cát sông Hằng
Đủ ba minh, sáu thông
Đều có oai đức lớn.
Bồ-tát đông vô số
Chí bền lòng tinh tấn
Ở nơi trí tuệ Phật
Đều không hề thối chuyển.
Sau khi Phật diệt độ
Chánh pháp sẽ trụ đời
Đủ bốn mươi tiểu kiếp
Tượng pháp cũng như thế.
10. Các đệ tử của ta
Bậc oai đức đầy đủ
Số đó năm trăm người
Ta đều sẽ thọ ký

Ở nơi đời vị lai
Đều được chứng thành Phật.
Ta cùng với các ông
Đời trước kết nhân duyên
Ta nay sẽ thuật nói
Các ông khéo lắng nghe.

Giảng:

Ngài Ma-ha Mục-kiền-liên được Phật thọ ký sau này sẽ thành Phật hiệu là Đa-ma-la-bạt Chiên-đàn Hương Như Lai, kiếp tên Hỷ Mãn, nước tên Ý Lạc... cũng do tu hạnh Bồ-tát, phụng thờ vô số đức Phật công hạnh viên mãn mới được thành Phật.

Sau khi thọ ký cho bốn vị đại đệ tử xong, Phật hứa rằng năm trăm vị đại đệ tử của Phật tuần tự sẽ được thọ ký. Không riêng gì đối với đệ tử lớn mà những vị nhỏ, có khả năng tin thọ lời Phật dạy là được Phật bình đẳng thọ ký cho. Đây là một lối ấn chứng cho đệ tử đủ lòng tin mà an tâm tiến tu không lui sụt.

Qua phẩm Thọ Ký chúng ta thấy, cõi nước của các vị Phật tương lai, cõi nào cũng bằng phẳng, đất thì bằng vàng, bằng lưu ly, trang nghiêm bằng bảy báu, đồ đệ là hàng Bồ-tát, Thanh văn vô số. Tuổi thọ của Phật thì rất lâu, chánh pháp, tượng pháp cũng lâu... Rồi chúng ta nghiệm lại đức Bổn sư Thích-ca-mâu-ni cũng là một vị Phật, tại sao cõi Ta-bà của ngài toàn là gò nổng, đất bùn sình nhơ nhớp, chúng sanh ở cõi này thì nhiều khổ đau phiền não, đồ đệ thuộc hàng Bồ-tát, Thanh văn chỉ có

một ngàn hai trăm năm mươi vị? Còn tuổi thọ của ngài chỉ có tám mươi tuổi, chánh pháp của ngài trụ thế có năm trăm năm, tượng pháp một ngàn năm?

Đức Phật Thích-ca sanh ở cung vua Tịnh Phạn xứ Ấn Độ giáo hóa cõi Ta-bà này là Phật ứng thân; chúng sanh ở cõi Ta-bà này vô minh nghiệp chướng sâu dày, phước mỏng, thì chánh báo và y báo của họ dĩ nhiên là thô xấu bất tịnh. Phật vì từ bi tùy duyên ứng thân ở cõi này để cứu độ họ. Thí dụ như người ở thủ đô giàu có, ăn cao lương mỹ vị, ở nhà lầu đi xe hơi, sống rất sung túc sang trọng. Người đó thấy dân miền sơn cước quê dốt, thiếu ăn thiếu mặc, tình nguyện đến đó để hướng dẫn dân miền này biết chữ, biết nghề nghiệp làm cho đủ cơm ăn áo mặc. Khi người thủ đô đến miền sơn cước ở thì đời sống của họ cũng đạm bạc không tiện nghi, vì chỗ ở này là chỗ ở tạm. Cũng vậy, đức Thích-ca ra đời ở cõi Ta-bà này là một chặng hóa thân của ngài để hóa độ. Cõi này là cõi tạm, ngài ở một thời gian ngắn ngài đi, nên tuổi thọ không dài. Còn cõi nước không thanh tịnh trang nghiêm, vì chúng sanh cõi này đa phần phước mỏng nghiệp dày nên cũng có các y báo chung như thế.

VII- PHẨM HÓA THÀNH DỤ

Hóa Thành Dụ là thí dụ hóa ra cái thành tạm, cho kẻ đi đường dài mỏi mệt nghỉ chân để rồi tiếp tục đi nữa. Dụ này ngầm nói lên quả vị Thanh văn, Duyên giác chỉ là Niết-bàn tạm, không phải cứu cánh. Cứu cánh là phải đạt quả vị Phật.

Chánh văn:

1. Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

Thuở quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghì a-tăng-kỳ kiếp đã qua, lúc bấy giờ có đức Phật hiệu Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Nước đó tên Hảo Thành, kiếp tên Đại Tướng. Các Tỳ-kheo! Từ khi đức Phật đó diệt độ nhẫn đến nay rất là lâu xa, thí như địa chủng trong cõi

tam thiên đại thiên, giả sử có người đem mài làm mực rồi đi khỏi một nghìn cõi nước ở phương đông bèn chấm một điểm chừng bằng bụi nhỏ, lại qua một nghìn cõi nước nữa cũng chấm một điểm, cứ như thế lần lựa chấm hết mực mài bằng địa chủng ở trên. Ý các ông nghĩ sao? Các cõi nước đó hoặc thầy toán hoặc đệ tử của thầy toán có thể biết được ngằn mé số đó chăng?

- Thưa Thế Tôn! Không thể biết!

- Các Tỳ-kheo! Những cõi nước của người đó đi qua hoặc có chấm mực hoặc không chấm mực, đều nghiền nát cả ra làm bụi, một hạt bụi là một kiếp, từ đức Phật đó diệt độ đến nay lại lâu hơn số đó vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp. Ta dùng sức tri kiến của Như Lai xem thuở lâu xa đó dường như hiện ngày nay.

Bấy giờ đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2. Ta nhớ đời quá khứ
Vô lượng vô biên kiếp
Có Phật Lưỡng Túc Tôn
Hiệu Đại Thông Trí Thắng.
Như người dùng sức mài
Cõi tam thiên đại thiên
Hết tất cả địa chủng
Thảy đều làm thành mực

Quá hơn nghìn cõi nước
Bèn chấm mỗi điểm trần
Như thế lần lựa chấm
Hết các mực trần này.
Bao nhiêu cõi nước đó
Điểm cùng chẳng điểm thảy
Lại đều nghiền làm bụi
Một bụi làm một kiếp
Kiếp số lâu xa kia
Lại nhiều hơn số bụi
Phật đó diệt đến nay
Vô lượng kiếp như thế
Trí vô ngại của Phật
Biết Phật đó diệt độ
Và Thanh văn, Bồ-tát
Như hiện nay thấy diệt.
Các Tỳ-kheo nên biết!
Trí Phật tịnh vi diệu
Vô lậu và vô ngại
Suốt thấu vô lượng kiếp.

Giảng:

Đức Phật kể lại chuyện của một đức Phật từ kiếp xa xưa tên là Đại Thông Trí Thắng. Từ khi đức Phật ấy diệt độ nhẫn đến nay thời gian rất lâu xa. Thí như lấy đất

tam thiên đại thiên thế giới, mài nát ra thành mực, rồi cứ đi về phương đông cách khoảng một ngàn cõi nước chấm một điểm nhỏ, và cứ thế mà chấm cho đến khi hết mực được mài, thì chừng bao nhiêu thế giới? Không thể tính đếm được, quá nhiều! Bây giờ đem những thế giới chấm mực và không chấm mực nghiền nát thành bụi, mỗi hạt bụi tính là một kiếp. Như vậy vô số bụi là vô số kiếp. Từ khi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhập diệt tới nay lâu hơn vô số kiếp đó, thế mà đức Thế Tôn dùng tri kiến Phật xem thuở lâu xa đó thấy như hiện nay. Chúng ta không thể tưởng tượng nổi, không thể tính toán ra thời gian đó là bao nhiêu, làm sao mà tin được? Đứng về mặt sự mà nói thì kinh Phạm Động trong bộ Trường A-hàm có ghi lại sáu mươi hai kiến chấp của ngoại đạo. Sở dĩ ngoại đạo có những kiến chấp là do họ tu thiền định, nếu sức định vừa thì họ nhớ từ năm mười kiếp về trước, thấy rõ về túc mạng, gia tộc, quốc độ, sinh hoạt của họ và mỗi loài chúng sanh. Nếu sức định sâu thì thấy cả trăm cả ngàn đời về trước. Họ thấy tới đâu là họ chấp tới đó. Còn những gì xa hơn chỗ thấy biết do sức định thì họ không biết. Ở đây nói lên sức định của Phật thâm sâu không thể diễn tả nổi. Cho nên cái biết của ngài về quá khứ cũng không thể nghĩ lường.

Thời gian từ đức Phật Đại Thông Trí Thắng tịch diệt, đến lúc đức Thích-ca ra đời trải qua thời gian lâu xa vô kể, mà bây giờ ngài ưng nhớ lại thì thấy rõ như chuyện hiện nay. Đó là do sức thiền định sâu, nhớ được quá khứ rất lâu xa. Đứng về mặt lý thì tri kiến Như Lai là trí tuệ Phật, mà trí tuệ Phật thì không lệ thuộc thời gian...

Thời gian như ngày, tháng, năm chẳng qua là khái niệm do người đặt ra, không có thật. Quả đất cứ xoay quanh mặt trời, vùng đất nhận ánh sáng mặt trời, người cho là ngày, vùng đất không nhận ánh sáng mặt trời, người cho là đêm, chứ nó không tự nói là ngày hay là đêm. Thời gian chỉ là ý niệm người đặt ra tạm dùng không có lẽ thật. Dù thời gian muôn nghìn triệu ức, nhưng đối với đức Đại Thông Trí Thắng tức tri kiến Phật là cái không hình, không tướng, không sanh, không diệt thì không bị giới hạn bởi thời gian. Vì vậy mà nói dù cho vô lượng kiếp xa xưa không thể tính đếm được, cần nhớ thì nhớ thấy như hiện tại.

Chánh văn:

3. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Đức Đại Thông Trí Thắng Phật thọ năm trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha kiếp, đức Phật đó khi trước lúc ngồi đạo tràng phá quân ma rồi, sắp được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Phật pháp chẳng hiện ra trước, như thế một tiểu kiếp cho đến mười tiểu kiếp, ngồi xếp bằng thân và tâm đều không động mà các Phật pháp còn chẳng hiện ra trước.

Thuở đó, các vị trời Đao-lợi ở dưới cội cây bồ-đề đã trước vì đức Phật đó mà trải tòa sư tử cao một do-tuần. Phật ngồi nơi tòa này sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi Phật vừa ngồi trên tòa đó các trời Phạm thiên vương rưới những hoa trời khắp bốn mươi do-tuần, gió thơm lâu lâu

thổi đến, thổi dẹp hoa héo rồi rưới hoa mới mãi như thế không ngớt mãn mười tiểu kiếp để cúng dường đức Phật, nhẫn đến khi Phật diệt độ thường rưới hoa này. Các trời Tứ thiên vương vì cúng dường Phật nên thường đánh trống trời. Ngoài ra các vị trời khác trỗi kỹ nhạc trời mãn mười tiểu kiếp đến khi Phật diệt độ cũng lại như thế.

Các Tỳ-kheo! Đức Đại Thông Trí Thắng Phật quá mười tiểu kiếp các Phật pháp hiện ra trước thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc Phật chưa xuất gia có mười sáu người con trai, người con cả tên Trí Tích. Các người con đó đều có các món đồ chơi tốt đẹp báu lạ, nghe cha chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều bỏ đồ báu của mình, đi đến chỗ Phật. Các người mẹ khóc lóc theo đưa.

Ông nội là vua Chuyển luân thánh vương, cùng một trăm vị đại thần và trăm nghìn muôn ức nhân dân khác đều vây quanh nhau đi theo đến đạo tràng, mọi người đều đến gần gũi đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường cung kính, tôn trọng, ngợi khen. Khi đã đến nơi, tất cả đem đầu mặt mình lạy chân Phật, đi vòng quanh đức Phật xong, đều chắp tay một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, rồi nói kệ khen Phật.

Giảng:

Tại sao đức Phật Đại Thông Trí Thắng ngồi đạo tràng phá quân ma rồi sắp được đạo Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác thân tâm chẳng động mà Phật pháp không hiện tiền?

Đứng về mặt sự thì chúng ta thấy đức Thích-ca-mâu-ni tuổi thọ khoảng tám mươi tuổi. Ngài tọa thiền bốn mươi chín ngày đêm, đêm sau cùng đầu hôm ma quân đến quấy nhiễu, ngài chiến đấu với ma quân, đến canh năm lúc sao mai mọc thì ngài thành đạo. Còn đức Phật Đại Thông Trí Thắng tuổi thọ đến năm trăm bốn mươi vạn ức na-do-tha kiếp, nên thời gian ngài nhập định chiến đấu với ma quân cũng lâu dài và mãi đến mười tiểu kiếp sau trời Đao-lợi trải tòa sư tử dưới cội bồ-đề, ngài ngồi trên tòa này mới thành đạo. Sự kiện này nói lên đức Thích-ca-mâu-ni là Phật hóa thân tuổi thọ ngắn nên thời gian tu cũng ngắn, còn đức Đại Thông Trí Thắng là Phật báo thân, tuổi thọ dài nên thời gian tu cũng dài.

Đứng về mặt lý thì nếu nhập định thân tâm không động, mãi an trú trong định thì chưa giác, mà nếu chưa giác thì chưa thành Phật, nên nói Phật pháp chưa hiện ra. Thiền tông có một câu chuyện nói lên ý nghĩa này:

Xưa, có một bà già thấy một thiền sư tu hành tinh tấn, bà phát tâm cất một cái am và cung cấp lương thực cho ngài ở tu. Thiền sư ở yên tu một thời gian, một hôm bà sai đứa cháu gái đem cơm đến cho ngài và dặn đứa cháu khi đưa cơm xong thì vòng tay ôm ngài và hỏi:

- Ngay bây giờ thì thế nào?

Đứa cháu gái làm đúng như lời bà dạy. Thiền sư trả lời:

Khô mộc ỷ hàn nham
Tam xuân vô noãn khí.

Dịch:

Cây khô tựa đá lạnh
Ba xuân không hơi ấm.

Tuy cô gái ôm ngài, nhưng ngài không động tâm: trơ trơ như cây khô như đá lạnh, đã trải qua ba năm rồi lòng ngài như băng giá không có chút tình cảm hơi ấm với người. Hành động của cô gái đối với ngài, ngài không hề khởi niệm dục vọng.

Cô gái về thuật lại sự việc ấy cho bà nghe, bà nói:

- Uổng mấy năm nuôi ông thầy không có trí tuệ!

Bà bèn đốt am đuổi đi.

Một người tu chân chính bị nữ sắc cám dỗ tâm không dao động, đối với chúng ta ngài là người có đạo lực cao, đáng tán thán khen ngợi. Nhưng dưới mắt bà già cũng như dưới mắt Thiền tông thì thiền sư ấy đang "chìm trong nước chết", tức là đang ở trong trạng thái tịch lặng, trí tuệ chưa sáng, chưa đến chỗ rốt ráo. Để cảnh giác ngài, bà đốt am để ngài vươn lên. Một việc làm phi thường của bà già thấu được lý đạo. Đây nói *ngồi thân tâm không động, Phật pháp chẳng hiện tiền*, là chỉ trạng thái tịch lặng, trí tuệ chưa sáng. Trải qua mười tiểu kiếp lúc đó Phật pháp mới hiện tiền, tức là vượt qua chỗ nước chết, trí tuệ sáng ra.

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng lúc chưa xuất gia có mười sáu người con trai, người con cả tên là Trí Tích.

Trí Tích là trí chứa nhóm lâu đời, phần sau sẽ giải thích rộng hơn. Khi Phật thành đạo thì mười sáu người con phát tâm tu và cả quyến thuộc đều lần lượt kéo đến chiêm ngưỡng cung kính, cúng dường, khen ngợi.

Chánh văn:

4. Thế Tôn oai đức lớn
Vì muốn độ chúng sanh
Trong vô lượng ức năm
Bèn mới được thành Phật
Các nguyện đã đầy đủ
Hay thay! Lành vô thượng
Thế Tôn rất ít có
Một phen ngồi mười kiếp
Thân thể và tay chân
Yên tịnh không hề động
Tâm Phật thường lặng lẽ
Chưa từng có tán loạn
Trọn rốt ráo vắng bặt
An trụ pháp vô lậu.
Ngày nay thấy Thế Tôn
An ổn thành Phật đạo
Chúng con được lợi lành
Mừng rỡ rất vui đẹp.
Chúng sanh thường đau khổ

Đui mù không Đạo sư
Chẳng biết đạo dứt khổ
Chẳng biết cầu giải thoát
Lâu ngày thêm nẻo ác
Giảm tổn các chúng trời
Từ tối vào nơi tối
Trọn chẳng nghe danh Phật.
Nay Phật được Vô thượng
Đạo an ổn vô lậu
Chúng con và trời người
Vì được lợi lớn tột
Cho nên đều cúi đầu
Quy mạng đấng Vô thượng.

Giảng:

Mười sáu vị vương tử và trong thân quyến tán thán Phật. Trong lời tán thán Phật, đoạn trên lặp lại ý đức Phật tu hành, đoạn dưới nói lên sự đau khổ của chúng sanh là do đui mù không người hướng dẫn. Chúng ta thấy mọi loài chúng sanh ai ai cũng có mắt, thấy đường đi, ai ai cũng phân biệt được cảnh vật tốt xấu, tại sao trong Kinh nói mù? Chữ đui mù ở đây ý nói rằng tất cả chúng sanh ở trong thế gian này, nếu không có Phật ra đời thì không làm sao nhận ra pháp thân thanh tịnh bất sanh bất diệt của mình. Cứ sống theo vọng tưởng hình tướng sanh diệt nên chúng sanh đời đời kiếp kiếp mê mờ, chẳng khác nào người mù không thấy lối đi.

Chính vì mê mờ chẳng biết đạo dứt khổ, chẳng biết cầu giải thoát. Khi sanh ra không biết mình từ đâu đến, rồi khi nhắm mắt chẳng biết mình đi về đâu! Sống cứ loanh quanh lẩn quẩn trong việc ăn, mặc, ở, bệnh, già, chết... không biết đầu mối trước, cũng không biết cuối mối sau, cứ mù mù mịt mịt, không có ánh sáng nên mãi đau khổ. Sở dĩ như thế là vì không có minh sư hướng dẫn để thoát khỏi vòng lẩn quẩn đó, nên càng ngày càng tạo thêm nghiệp ác, dẫn tới những đường ác như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Không có người tu Thập thiện nên cõi trời ít chúng sanh sanh lên đó. Như vậy thì đường ác càng ngày càng tăng, cõi thiện càng ngày càng giảm, nên nói từ tối vào nơi tối. Kinh A-hàm, Phật có dùng thí dụ để giải thích sự kiện này. Phật nói có 4 hạng người:

1. Từ tối vào tối: là những người quá khứ không tạo duyên phước lành nên sanh ra trong cảnh nghèo khổ bệnh tật, chẳng những không phát tâm hướng thiện lại còn hung dữ tàn bạo tạo nhiều nghiệp ác. Trước đã mờ mịt nay lại tạo nghiệp đen tối nữa nên nói từ tối vào tối.

2. Từ sáng đến sáng: là những người quá khứ đã tạo duyên phước lành nên sanh ra trong cảnh giàu sang, thông minh, hiền hậu, lại biết làm lành tạo nghiệp thiện. Trước đã sáng suốt nay tiếp tục tạo nghiệp duyên tốt nên nói từ sáng đến sáng.

3. Từ tối đến sáng: là những người quá khứ mê mờ không tạo duyên phước lành nên sanh ra trong cảnh cơ cực bần cùng, nay biết hướng thiện tạo nghiệp duyên lành, lần lần nghiệp ác giảm, nghiệp thiện và trí tuệ tăng trưởng, nên nói từ tối đến sáng.

4. Từ sáng vào tối: là những người trước đã có phước duyên lành sanh ra trong cảnh giàu có, mà không biết nương đạo lý tạo nhân lành lại tạo nghiệp ác. Vì vậy mà đời này thì sung sướng nhưng mai kia sẽ khổ sở, nên nói từ sáng vào tối.

Tới đây chúng ta thấy trách nhiệm của tăng ni là làm thầy dẫn đường cho người đời. Vì vậy mình phải tự tu cho sáng được lý đạo, để rồi hướng dẫn người biết đường thoát ra khỏi cảnh mê mờ u tối, bằng cách mồi đuốc trí tuệ với chánh pháp của Phật. Chính tăng ni phải là ngọn đuốc soi đường cho người đời đi đúng hướng, chứ không thể chấp nhận một kẻ dẫn đường là người mù dẫn theo một số người đui, chắc chắn không tránh khỏi cảnh lạc đường hay sa hầm sụp hố, khổ đau không có ngày cùng.

Chánh văn:

5. Bấy giờ, mười sáu vị vương tử nói kệ khen đức Phật rồi liền khuyến thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân, đều thưa rằng:

Đức Thế Tôn nói pháp được an ổn, thương xót làm lợi ích cho các trời và nhân dân.

Lại nói kệ rằng:

Đức Phật không ai bằng
Trăm phước tự trang nghiêm
Được trí tuệ vô thượng
Nguyện vì đời nói pháp

Độ thoát cho chúng con
Và các loài chúng sanh
Xin phân biệt chỉ bày
Cho được trí tuệ Phật
Nếu chúng con thành Phật
Chúng sanh cũng được thế
Thế Tôn biết chúng sanh
Thâm tâm nghĩ tưởng gì
Cũng biết đạo chúng làm
Lại biết sức trí tuệ
Muốn ưa và tu phước
Nghiệp gây tạo đời trước
Thế Tôn biết cả rồi
Nên chuyển pháp Vô thượng.

Giảng:

Trên là cảnh khổ của chúng sanh không gặp Phật ra đời. Nay được Phật ra đời là điều mãn nguyện bậc nhất của các vương tử nên các ngài tán thán và khẩn cầu Phật vì lợi ích chúng sanh mà chuyển pháp luân.

Chánh văn:

6. Phật bảo các Tỳ-kheo:

Lúc đức Đại Thông Trí Thắng Phật được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong mười phương, mỗi phương đều năm trăm muôn ức các cõi

nước Phật sáu điệu vang động. Trong các cõi nước đó chỗ tối tăm ánh sáng của nhật nguyệt không soi tới được mà đều sáng rỡ, trong đó chúng sanh đều được thấy nhau, đồng nói rằng: "Trong đây tại sao bỗng sanh ra chúng sanh?"

Lại trong các cõi đó cung điện của chư thiên cho đến Phạm cung sáu điệu vang động, hào quang lớn soi cùng khắp đầy cõi nước, sáng hơn ánh sáng của trời.

Giảng:

Khi đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật thì năm trăm muôn ức cõi Phật ở mỗi phương trỗi lên sáu điệu vang động. Trong cõi nước chỗ nào tối tăm, ánh sáng mặt trời mặt trăng không đến được, nay nhân Phật thành đạo, hào quang của Phật bủa khắp cả mười phương, chỗ tối tăm người ta không thấy nhau bây giờ được thấy. Do đó, các chúng sanh mới lần theo ánh sáng tìm đến chỗ Phật ngự. Khi đến nơi, ra mắt Phật, tán thán Phật, cúng dường Phật và cuối cùng thỉnh Phật chuyển pháp luân. Phần này, đứng về mặt sự thì trí tuệ Phật là cái hằng sáng soi khắp tất cả chỗ, được dụ như mặt trời không chỗ nào là soi chẳng đến. Tại sao? Vì do công phu thiền định sâu nên khi giác ngộ thì giác ngộ viên mãn. Do giác ngộ viên mãn nên trí tuệ trùm khắp cả mười phương. Đứng về lý thì trí tuệ Phật không sanh không diệt không bị hạn cuộc ở thời gian như đã trình bày ở đoạn trước, và ở đây thì nói trí tuệ Phật không hình không tướng nên không bị hạn cuộc bởi không gian. Trong Kinh thường ví

trí tuệ Phật rộng lớn như hư không, phàm cái gì có hình tướng là có giới hạn, còn hư không không hình tướng nên không ngằn mé, không giới hạn, bởi không giới hạn nên trùm khắp cả mười phương, vì vậy mà đâu đâu cũng thấy được ánh sáng Phật.

Khi chúng sanh còn mê thì trí tuệ Phật bị hạn cuộc trong thân năm uẩn, bị giới hạn bởi ý niệm thời gian. Khi đã giác ngộ rồi, hết vô minh phiền não thì trí tuệ Phật bủa khắp tất cả chỗ. Sự kiện này người giác ngộ thì tự biết. Bây giờ chúng ta chỉ lý luận để tạm hiểu chứ chưa phải là thấy thật. Do đó phải nỗ lực tu hành để nhận ra lẽ thật ấy.

Chánh văn:

7. Bấy giờ, phương đông, năm trăm muôn ức các cõi nước, cung điện của trời Phạm thiên ánh sáng soi chói gấp bội hơn ánh sáng thường ngày, các Phạm thiên vương đều tự nghĩ rằng: "Hôm nay cung điện sáng suốt từ xưa chưa từng có, vì nhân duyên gì mà hiện điềm tốt này?" Lúc đó các vị Phạm thiên vương liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Trong chúng có một vị Phạm thiên vương lớn tên Cứu Nhất Thiết vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Các cung điện chúng ta
Sáng suốt chưa từng có
Đây là nhân duyên gì
Phải nên chung nhau tìm
Là trời đại đức sanh

Hay là Phật ra đời?
Mà ánh sáng lớn này
Khắp soi cả mười phương.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức cõi nước, các vị Phạm thiên vương cùng chung với cung điện mỗi vị đều lấy đãy đựng các thứ hoa trời, đồng đi đến phương tây suy tìm tướng sáng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử ở nơi đạo tràng dưới cội bồ-đề, hàng chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân v.v... cung kính vây quanh đức Phật, và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân; tức thời các vị Phạm thiên vương đầu mặt lạy chân Phật đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời mà rải trên đức Phật.

Hoa của mấy ông rải nhóm như núi Diệu Cao, cùng để cúng dường cây bồ-đề của Phật, cây bồ-đề đó cao mười do-tuần. Cúng dường hoa xong, mỗi vị đem cung điện dâng lên đức Phật mà thưa rằng:

Xin đức Phật đoái thương lợi ích cho chúng con, cung điện dâng cúng đây xin nạp ở.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng đồng tiếng dùng kệ khen rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khó thể gặp gỡ được
Đủ vô lượng công đức
Hay cứu hộ tất cả

Thầy lớn của trời người
Thương xót ở trong đời
Mười phương các chúng sanh
Khắp đều nhờ lợi ích.
Chúng con cùng theo đến
Năm trăm muôn ức nước
Bỏ vui thiền định sâu
Vì để cúng dường Phật
Chúng con phước đời trước
Cung điện rất tốt đẹp
Nay đem dâng Thế Tôn
Cúi xin thương nạp thọ.

Bấy giờ, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen đức Phật rồi đều thưa rằng:

Cúi xin Thế Tôn chuyển pháp luân, độ thoát chúng sanh mở đường Niết-bàn.

Khi ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng đồng tiếng mà nói kệ rằng:

Thế Hùng Lưỡng Túc Tôn
Cúi xin diễn nói pháp
Dùng sức từ bi lớn
Độ chúng sanh khổ não.

Lúc đó, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai lắng yên nhận lời đó.

8. Lại nữa, các Tỳ-kheo! Phương đông nam năm trăm muôn ức cõi nước các vị Phạm thiên vương đều tự thấy cung điện mình ánh sáng chói lòa từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở sanh lòng hy hữu, liền cùng đến nhau chung bàn việc đó. Lúc ấy trong chúng đó có một vị Phạm thiên vương tên là Đại Bi, vì các Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Việc đó nhân duyên gì
Mà hiện tướng như thế?
Các cung điện chúng ta
Sáng suốt xưa chưa có
Là trời đại đức sanh
Hay là Phật ra đời?
Chưa từng thấy tướng này
Nên chung một lòng cầu
Quá nghìn muôn ức cõi
Theo luồng sáng tìm đó
Phần nhiều Phật ra đời
Độ thoát khổ chúng sanh.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên vương cùng chung với cung điện, lấy đãy đựng các thứ hoa trời, đồng đến phương tây bắc suy tìm tướng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi đạo tràng dưới cội bồ-đề, các hàng chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân cùng phi nhân v.v... cung kính

vây quanh, và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Khi ấy, các vị Phạm thiên vương đầu mặt lạy chân Phật, đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời mà rải trên đức Phật. Hoa rải đó nhóm như núi Diệu Cao, cùng để cúng dường cây bồ-đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật mà thưa rằng:

Xin Phật thương xót lợi ích cho chúng con, những cung điện dâng đây cúi xin nhận ở.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng đồng tiếng nói kệ khen rằng:

Thánh Chúa vua trong trời
Tiếng ca-lăng-tần-già
Thương xót hàng chúng sanh
Chúng con nay kính lễ.
Thế Tôn rất ít có
Lâu xa một lần hiện
Một trăm tám mươi kiếp
Luống qua không có Phật
Ba đường dữ dẫy đầy
Các chúng trời giảm ít.
Nay Phật hiện ra đời
Làm mắt cho chúng sanh
Chỗ quy thú của đời

Cứu hộ cho tất cả
Là cha của chúng sanh
Thương xót làm lợi ích
Nhờ phước lành đời trước
Nay được gặp Thế Tôn.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen Phật xong đều thưa rằng:

Cúi xin đức Thế Tôn thương xót tất cả, chuyển pháp luân cho, để độ thoát chúng sanh.

Lúc ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng đồng tiếng mà nói kệ rằng:

Đại Thánh chuyển pháp luân
Chỉ bày các pháp tướng
Độ chúng sanh đau khổ
Khiến được rất vui mừng
Chúng sanh nghe pháp này
Được đạo hoặc sanh thiên
Các đường dữ giảm ít
Bậc nhẫn thiện thêm nhiều.

Khi đó, đức Đại Thông Trí Thắng Phật lặng yên nhận lời.

9. Lại nữa, các Tỳ-kheo! Năm trăm muôn ức cõi nước ở phương nam, các vị Đại Phạm vương đều tự thấy cung điện mình ánh sáng chói lòa từ xưa

chưa có, vui mừng hớn hở sanh lòng hy hữu liền đến cùng nhau chung bàn việc đó. Vì nhân duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng chói này?

Trong chúng đó có một vị Phạm thiên vương lớn tên là Diệu Pháp, vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Các cung điện chúng ta
Quang minh rất oai diệu
Đây không phải không nhân
Tướng này phải tìm đó
Quá hơn trăm nghìn kiếp
Chưa từng thấy tướng này
Là trời đại đức sanh
Hay đức Phật ra đời?

Bấy giờ, năm trăm muôn ức Phạm thiên vương cùng cung điện chung, mỗi vị dùng đãy đựng các thứ hoa trời đồng đến phương bắc suy tìm tướng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi đạo tràng dưới cội cây bồ-đề, hàng chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân v.v... cung kính vây quanh, cùng thấy mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương, đầu mặt lễ Phật, đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời mà rải trên đức Phật. Hoa rải đó nhóm như núi Diệu Cao và để cúng dường cây bồ-đề của Phật.

Cúng dường hoa xong, mỗi vị đều đem cung điện dâng lên đức Phật mà thưa rằng:

Xin đức Phật đoái thương lợi ích chúng con, cung điện của chúng con dâng đây cúi xin nhận ở.

Bấy giờ, các vị Đại Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng đồng tiếng nói kệ khen rằng:

Thế Tôn rất khó thấy
Bậc phá các phiền não
Hơn trăm ba mươi kiếp
Nay mới thấy một lần
Hàng chúng sanh đói khát
Nhờ mưa pháp đầy đủ
Xưa chỗ chưa từng thấy
Đấng vô lượng trí tuệ
Như hoa ưu-đàm-bát
Ngày nay mới gặp gỡ
Cung điện của chúng con
Nhờ hào quang được đẹp
Thế Tôn đại từ mẫn
Cúi xin thương nhận ở.

Khi đó, các vị Phạm thiên vương nói kệ khen đức Phật rồi, đều bạch rằng:

Cúi mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân làm cho tất cả thế gian các hàng trời, ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đều được an ổn mà được độ thoát.

Lúc ấy, các vị Phạm thiên vương một lòng đồng tiếng nói kệ rằng:

Cúi mong Thiên Nhân Tôn
Chuyển pháp luân Vô thượng
Đánh vang pháp cổ lớn
Mà thổi pháp loa lớn
Khắp rưới pháp vũ lớn
Độ vô lượng chúng sanh
Chúng con đều quy thỉnh
Nên nói tiếng sâu xa.

Khi đó, đức Đại Thông Trí Thắng Phật lặng yên nhận lời đó.

10. Phương tây nam nhẫn đến phương dưới cũng lại như thế.

Bấy giờ, năm trăm muôn ức cõi nước ở thượng phương, các vị Đại Phạm thiên vương thảy đều tự thấy cung điện của mình ở, ánh sáng chói rực từ xưa chưa từng có, vui mừng hớn hở sanh lòng hy hữu, liền đi đến nhau để chung bàn việc đó. Vì nhân duyên gì cung điện của chúng ta có ánh sáng này? Lúc đó, trong chúng có một vị Đại Phạm thiên vương tên là Thi-khí vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:

Nay vì nhân duyên gì
Cung điện của chúng ta

Ánh sáng oai đức chói
Đẹp đẽ chưa từng có
Tướng tốt như thế đó
Xưa chưa từng nghe thấy
Là trời đại đức sanh
Hay là Phật ra đời?

Bấy giờ, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên vương cùng cung điện chung, mỗi vị đều dùng đãy đựng các thứ hoa trời đồng đến phương dưới suy tìm tướng sáng đó. Thấy đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai ngồi tòa sư tử nơi đạo tràng, dưới cội bồ-đề, hàng chư thiên, long vương, càn-thát-bà, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân v.v... cung kính vây quanh và thấy mười sáu vị vương tử thỉnh đức Phật chuyển pháp luân.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương đầu mặt lạy chân Phật, đi quanh trăm nghìn vòng, liền lấy hoa trời rải trên đức Phật. Hoa rải đó nhóm như núi Diệu Cao và để cúng dường cây bồ-đề của Phật. Cúng dường hoa xong, đều đem cung điện dâng lên đức Phật mà bạch rằng:

Xin đoái thương lợi ích chúng con. Cung điện dâng đây cúi mong Phật nhận ở.

Lúc đó, các vị Phạm thiên vương liền ở trước Phật một lòng đồng tiếng dùng kệ khen rằng:

Hay thay! Thấy các Phật
Đấng Thánh Tôn cứu thế
Hay ở ngục tam giới
Cứu khỏi các chúng sanh
Thiên Nhân Tôn trí khắp
Thương xót loài quần manh
Hay khai môn cam lồ
Rộng độ cho tất cả.
Lúc xưa vô lượng kiếp
Luống qua không có Phật
Khi Phật chưa ra đời
Mười phương thường mờ tối
Ba đường dữ thêm đông
A-tu-la cũng thạnh
Các chúng trời càng bớt
Chết nhiều đọa ác đạo
Chẳng theo Phật nghe pháp
Thường làm việc chẳng lành
Sắc, lực, cùng trí tuệ
Các việc đều giảm ít
Vì tội nghiệp nhân duyên
Mất vui cùng tưởng vui
Trụ trong pháp tà kiến

Chẳng biết nghi tắc lành
Chẳng nhờ Phật hóa độ
Thường đọa trong ác đạo.
Phật là mắt của đời
Lâu xa mới hiện ra
Vì thương các chúng sanh
Nên hiện ở trong đời
Siêu việt thành Chánh giác
Chúng con rất mừng vui
Và tất cả chúng khác
Mừng khen chưa từng có.
Cung điện của chúng con
Nhờ hào quang nên đẹp
Nay đem dâng Thế Tôn
Cúi mong thương nhận ở.
Nguyện đem công đức này
Khắp đến cho tất cả
Chúng con cùng chúng sanh
Đều đồng thành Phật đạo.

Khi đó, năm trăm muôn ức các vị Phạm thiên vương nói kệ khen đức Phật rồi, đều bạch Phật rằng:

Cúi mong đức Thế Tôn chuyển pháp luân, nhiều chỗ an ổn, nhiều chỗ độ thoát.

Lúc ấy, các vị Phạm thiên vương đồng nói kệ rằng:

Thế Tôn chuyển pháp luân
Đánh trống pháp cam lồ
Độ chúng sanh khổ não
Mở bày đường Niết-bàn
Cúi mong nhận lời con
Dùng tiếng vi diệu lớn
Thương xót mà nói bày
Pháp tu vô lượng kiếp.

Giảng:

Phật vì muốn đưa mình và chúng sanh ra khỏi khổ luân hồi sanh lão bệnh tử, mới xuất gia tu hành. Khi thành Phật rồi sao ngài không đi giáo hóa cứu độ chúng sanh hết khổ, mà đợi khuyến thỉnh mới ra nói pháp? Thái độ này không riêng gì đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai mà ngay cả đức Thích-ca cũng vậy, Phật có thiếu từ bi chăng? Theo tâm lý thông thường thì những gì mà người đời không ưa thích, chưa biết giá trị, dù vật có quý giá đem cho, họ vẫn không trọng. Hơn thế nữa, Phật pháp cao siêu vượt ngoài sự hiểu biết thông thường của con người, nên khó nói, khó hiểu, khó nhận. Cái cao quý, khó nói khó hiểu khó nhận, nếu đem cho một cách dễ dàng thì sẽ bị khinh thường, khi đã khinh thường thì người không cố gắng tu học để được

lợi ích. Phật sẵn sàng cho nhưng người nhận phải thiết tha mong cầu. Đã thiết tha mong cầu thì khi nhận mới chịu áp dụng tu hành, có tu mới lợi ích. Vì vậy khi Phật thành đạo, đợi mấy phen thưa thỉnh ngài mới chuyển pháp luân.

Trí tuệ Phật trùm khắp tất cả chỗ, chúng sanh trong mười phương được soi sáng, nên tìm đến để cúng dường hương hoa cùng cung điện, xin Phật nạp thọ và cung thỉnh Phật chuyển pháp luân.

Trong phần này có đề cập đến những chúng sanh không theo Phật nghe pháp, thường làm việc ác nên sắc, lực cùng trí tuệ đều suy giảm. Tại sao? Vì người tạo nghiệp ác là do thiếu trí tuệ nên tâm không sáng, vì tâm không sáng nên hiện ra tướng bên ngoài u tối, và sức lực yếu kém, do quả báo sát sanh hại vật chiêu cảm mà nên. Đồng là người sanh ra trong cõi đời mà người thì sắc diện trí tuệ sáng suốt, sức lực khỏe mạnh, kẻ thì sắc diện tối, sức lực yếu kém, đó là kết quả do tạo nghiệp ác hay nghiệp lành mà nên.

Vì tội nghiệp nhân duyên,
Mất vui cùng tưởng vui.

Tội nghiệp đây không có nghĩa là thương xót theo tình cảm thông thường của chúng ta, mà là thân khẩu ý tạo nghiệp gây tội, do nghiệp và tội đó là nhân là duyên cho nên *Mất vui cùng tưởng vui*. Mất vui cùng tưởng vui là sao? Vì nhân duyên gây tạo nghiệp xấu ác nên

có tội, vì có tội nên không được hưởng thú vui ở thế gian, không được vui mà lòng vẫn ham muốn, do lòng ham muốn nên cứ mơ tưởng đến lạc thú. Đó là do tội nghiệp mà ra vậy.

Trụ trong pháp tà kiến,
Chẳng biết nghi tắc lành,
Chẳng nhờ Phật hóa độ,
Thường đọa trong ác đạo.

Có những chúng sanh thấy biết lệch lạc sai lầm, không biết điều thiện việc lành, cái không đáng nghĩ cứ nghĩ, việc không nên làm cứ làm, không có duyên với Phật nên không được Phật hóa độ. Vì vậy mà đọa trong đường ác. Phật là bậc trí tuệ dẫn dắt đưa chúng sanh ra khỏi mê lầm tối tăm nên nói Phật là mắt của đời.

Tóm lại, mười sáu vị vương tử cho đến mười phương tất cả Phạm thiên đều đến cúng dường tán thán Phật, và cầu thỉnh Phật thương xót chuyển pháp luân độ cho chúng sanh được thành Phật.

Chánh văn:

11. Lúc bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai nhận lời thỉnh của các Phạm thiên vương và mười sáu vị vương tử tức thời ba phen chuyển pháp luân mười hai hành hoặc là Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc là trời, ma, Phạm và các thế gian khác đều không thể chuyển được, nói: đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là đạo diệt khổ.

Và rộng nói pháp Mười hai nhân duyên: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử, ưu bi, khổ não.

Vô minh diệt thời hành diệt, hành diệt thời thức diệt, thức diệt thời danh sắc diệt, danh sắc diệt thời lục nhập diệt, lục nhập diệt thời xúc diệt, xúc diệt thời thọ diệt, thọ diệt thời ái diệt, ái diệt thời thủ diệt, thủ diệt thời hữu diệt, hữu diệt thời sanh diệt, sanh diệt thời lão, tử, ưu bi, khổ não diệt.

Đức Phật ở trong đại chúng trời, người khi nói pháp đó có sáu trăm muôn ức na-do-tha người do vì không thọ tất cả pháp mà ở các lậu tâm được giải thoát, đều được thiền định sâu mầu, ba món minh, sáu món thông, đủ tám giải thoát.

Lúc nói pháp lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, có nghìn muôn ức hằng hà sa na-do-tha chúng sanh cũng bởi không thọ tất cả pháp mà nơi các lậu tâm được giải thoát. Từ đây nhẫn sau các chúng Thanh văn nhiều vô lượng vô biên, không thể tính kể được.

Giảng:

Đức Phật Đại Thông Trí Thắng ở thời xa xưa khi bắt đầu giáo hóa cũng dùng phương tiện nói pháp Tứ đế gọi là *tam chuyển pháp luân, thập nhị hành*. Tam chuyển

pháp luân là Thị chuyển, Khuyến chuyển, Chứng chuyển. Thị chuyển là Phật chỉ rõ bốn lẽ thật có tính cách khách quan: đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là đạo diệt khổ. Khuyến chuyển là Phật khuyên năm vị Tỳ-kheo xưa chưa từng nghe, nay cần phải biết hãy chánh tư duy để phát sanh trí tuệ: đây là khổ các ông phải biết, đây là tập các ông phải đoạn, đây là diệt các ông phải chứng, đây là đạo các ông phải tu. Chứng chuyển, Phật nói đối với pháp Tứ đế ngài đã biết, đã tu, đã đoạn và đã chứng. Đây là khổ ta đã biết, đây là khổ tập ta đã đoạn, đây là khổ diệt ta đã chứng, đây là khổ đạo ta đã tu. Phật nói về Tứ đế ba lần là thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển mỗi lần đều lặp lại bốn đế, ba lần lặp lại thành mười hai nên nói Thập nhị hành. Lần thứ nhất chưa hiểu nói cho hiểu, lần thứ hai hiểu rồi phải tu, lần thứ ba tu rồi để chứng.

Đức Phật thuyết pháp rất cụ thể, mỗi khi ngài nói điều gì thì điều đó ngài đã biết rõ, đã thực hành và được lợi ích, khuyên người nên làm để được lợi ích như ngài, nên lời Phật dạy được coi là chân lý. Chúng ta ngày nay nói pháp, chỉ lý thuyết suông, thiếu cụ thể, có khi lại mâu thuẫn nữa. Vì vậy tốn công rất nhiều mà kết quả rất ít. Điều mình dạy người mà chính bản thân mình chưa thực hành được thì làm sao có đủ kinh nghiệm, đủ lòng tin, để hướng dẫn người?

Trên đây là Phật chuyển pháp luân, chúng ta chớ lầm lối chuyển luân xa của ngoại đạo là dẫn điện chạy từ rún qua xương cùng, rồi theo xương sống chạy lên đầu

xuống rún trở lại, dẫn điện chạy vòng vòng trong người gọi là chuyển luân xa. Hiện tại có nhiều người mang hình thức tu sĩ Phật giáo đầu tròn áo vuông vẫn tin và tu theo, thật là một việc đáng tiếc! Danh từ Phật giáo bị ngoại đạo lợi dụng, thế mà người tu Phật không biết lại thực hành theo!

Kế đến là Phật nói pháp mười hai nhân duyên là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập... cho tới sanh duyên lão tử, ưu bi khổ não, đó là chiều lưu chuyển. Còn chiều hoàn diệt là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt... cho tới sanh diệt thì lão tử diệt, ưu bi khổ não không còn. Căn cứ vào mười hai pháp nhân duyên thì đầu mối của luân hồi sanh tử là vô minh. Từ vô minh dẫn tới hành rồi thúc đẩy thức đi thọ sanh, khi có bào thai thì có danh sắc, có danh sắc thì có lục nhập... Cứ như vậy tạo nghiệp rồi trở lại sanh, liên miên không cùng tận. Muốn dứt vòng luân hồi đó là phải diệt vô minh, làm cho trí tuệ bừng sáng thì hết tạo nghiệp tức là hành diệt, nếu hết tạo nghiệp thì thức không còn đi thọ sanh, nên thức diệt... Nhưng mà vô minh gốc, thuộc về quá khứ không thể diệt, phải đoạn vô minh hiện tại là ái, thủ, hữu, nếu ái, thủ, hữu dứt thì vô minh gốc cũng không còn. Vậy làm thế nào phá vô minh?

Mọi người ai cũng thấy thân này là thật, thấy vọng tưởng là thật, thấy cảnh vật là thật. Dùng trí Bát-nhã quán chiếu thấy thân này do duyên hợp tạm có, vọng tưởng cũng là tướng duyên hợp chợt hiện chợt mất, cảnh vật cũng là

tướng duyên hợp không thật. Khi thấy thân này không thật, vọng tưởng không thật, cảnh vật không thật thì ái, thủ, hữu theo đó mà dứt. Như vậy vô minh diệt thì hành diệt ngay trong đời này. Đó là dùng trí tuệ phá dẹp vô minh để thoát khỏi luân hồi sanh tử. Nhưng từ đâu mà thắp sáng trí tuệ? Kinh A-hàm Phật có dạy chư Tỳ-kheo: *Các ông hãy tự thắp đuốc lên mà đi, thắp đuốc lên với chánh pháp*. Chánh pháp Phật dạy được kết tập lại thành tam tạng giáo điển, chúng ta học hiểu và thực hành theo lời Phật dạy bằng cách giữ giới luật, tu thiền quán, để trí tuệ bừng sáng, không còn thấy biết mê mờ, không tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử, đó là tự thắp đuốc lên với chánh pháp để phá vô minh. Đạo Phật chủ trương phát huy trí tuệ để dẹp vô minh, vì vậy trong tất cả thời khóa tụng niệm ở trong chùa đều có tụng Bát-nhã Tâm Kinh. Bát-nhã Tâm Kinh là kinh dạy cho chúng ta dùng trí thấy đúng như thật về thân, về tâm, về pháp. Bất cứ pháp tu nào cũng phải có trí tuệ để phá vô minh mới dứt luân hồi sanh tử. Trước tự mình tu, sau là giáo hóa cho người tu, hết vô minh thoát ly sanh tử luân hồi. Đó là mồi đuốc chánh pháp, hay nói theo tinh thần Thiền tông là *truyền đăng tục diệm*.

Sau đây Phật lại dạy: *Do không thọ tất cả pháp mà ở các lậu tâm được giải thoát, đều được thiền định sâu mầu ba món minh, sáu món thông, đủ tám giải thoát*. Không thọ tất cả các pháp là sao? Kinh Phạm Động trong Trường A-hàm có ghi lại giai đoạn Phật đi du hóa gặp hai người Phạm chí, thầy thì dùng đủ cách để chê Phật, trò cũng dùng đủ cách để khen Phật. Khi về

tinh xá Phật dạy các Tỳ-kheo: Nếu gặp người hủy báng Phật, Pháp, Tăng, các ngươi chớ sanh oán giận, hoặc có ác ý với người ta, vì như vậy sẽ bị hãm nịch. Và khi gặp người khen ngợi tán thán Phật, Pháp, Tăng, các ngươi lấy đó làm vui mừng kiêu hãnh cũng bị hãm nịch. Vì khi vui mừng kiêu hãnh hay oán giận có ác ý thì không thấy đúng lẽ thật, mờ tối không có trí tuệ nên bi ưu khổ não bủa vây.

Phật lại nói tiếp, người chỉ căn cứ vào hình thức giới tướng như: ăn một ngày một bữa, mặc chỉ ba y, đêm thức nhiều ngủ ít, hành hạnh khất thực... Phật nói người khen ngài như vậy là chưa hiểu ngài. Chỗ đáng khen của ngài chỉ có các bậc A-la-hán mới biết để khen là: *Phật biết tất cả pháp mà không thọ*. Thế nào là không thọ? Sáu căn mắt tai mũi lưỡi thân ý tiếp xúc với sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp không thọ nhận. Mắt thấy cảnh thấy người biết là cảnh là người, chứ không thấy cảnh đẹp người đẹp thì ưa thích, thấy cảnh xấu người xấu thì ghét bỏ, đó là không thọ. Hoặc tai nghe tiếng khen biết là khen, nghe tiếng chê biết là chê, không nhận tiếng khen khởi tâm vui mừng, không nhận tiếng chê sanh tâm buồn giận, đó là không thọ. Nếu thấy cảnh đẹp người đẹp hay nghe tiếng khen mà sanh lòng ưa thích đó là thọ lạc. Hoặc thấy cảnh xấu người xấu hay tiếng chê mà sanh buồn giận đó là thọ khổ. Tắng ái sở dĩ có là do thọ khổ thọ lạc mà ra. Nếu không có tắng ái, làm gì có thủ và hữu đời sau? Nên nói không thọ tất cả là nhân giải thoát.

Nhưng làm sao không thọ? Mắt thấy vật thấy người, biết đẹp biết xấu, tai nghe tiếng khen tiếng chê, biết là khen là chê. Nhưng đẹp xấu khen chê, dùng trí tuệ biết rõ nó là tướng duyên hợp không thật. Đẹp trên tướng giả, xấu trên tướng giả, khen trên tướng giả, chê trên tướng giả. Thấy đúng lẽ thật của các pháp không lầm, không lầm thì không thọ, không thọ thì không nhiễm trước do đó mà được vô lậu giải thoát. Chúng ta vì si mê nên lầm chấp các pháp, chấp các pháp là thọ nên tự trói buộc, sanh vô số phiền não khổ đau, đi mãi trong luân hồi sanh tử.

Chánh văn:

12. Bấy giờ, mười sáu vị vương tử đều là đồng tử mà xuất gia làm Sa-di, các căn thông lanh, trí tuệ sáng láng, đã từng cúng dường trăm nghìn muôn ức các đức Phật, tịnh tu hạnh thanh tịnh, cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều bạch cùng Phật rằng: "Thưa Thế Tôn! Các vị Đại đức Thanh văn vô lượng nghìn muôn ức đây đã thành tựu xong, đức Thế Tôn cũng nên vì chúng con nói pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chúng con nghe xong đều đồng tu học. Thế Tôn! Chúng con có chí mong được tri kiến của Như Lai, chỗ nghĩ tưởng trong thâm tâm, đức Phật tự chứng biết cho."

Lúc đó, tám muôn ức người trong chúng của Chuyển luân thánh vương dắt đến thấy mười sáu vị vương tử xuất gia, cũng tự cầu xuất gia, vua liền thuận cho.

Bấy giờ, đức Phật nhận lời thỉnh của Sa-di, qua hai muôn kiếp sau mới ở trong hàng bốn chúng nói kinh Đại thừa tên là: "Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm". Đức Phật nói Kinh đó xong, mười sáu vị Sa-di vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đồng thọ trì đọc tụng thông thuộc. Lúc nói Kinh đó, mười sáu vị Sa-di Bồ-tát thảy đều tin thọ, trong chúng Thanh văn cũng có người tin hiểu. Ngoài ra nghìn muôn ức loại chúng sanh đều sanh lòng nghi lầm. Phật nói Kinh đó suốt tám nghìn kiếp chưa từng thôi bỏ. Phật nói Kinh đó xong liền vào tịnh thất trụ trong thiền định tám muôn bốn nghìn kiếp.

Giảng:

Mười sáu vị vương tử xuất gia làm Sa-di, các căn trí lanh sáng, thiết tha cầu Phật Đại Thông Trí Thắng nói pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để các ngài được nghe và được tu chứng thành Phật. Đức Phật Đại Thông Trí Thắng thể theo lời yêu cầu của mười sáu vị Sa-di, ngài nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nói xong liền trụ trong thiền định suốt tám mươi bốn ngàn kiếp.

Chánh văn:

13. Bấy giờ, mười sáu vị Bồ-tát Sa-di biết Phật nhập thất trụ trong thiền định vắng bặt, mỗi vị đều lên pháp tòa cũng trong tám muôn bốn nghìn kiếp, vì bốn bộ chúng rộng nói phân biệt kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Mỗi vị đều độ sáu trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sanh, chỉ dạy cho được lợi mừng, khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Sau khi biết Phật Đại Thông Trí Thắng trụ trong thiền định, mười sáu vị Bồ-tát Sa-di đều lên pháp tòa vì tứ chúng mà nói kinh Pháp Hoa, mỗi vị đều độ vô số chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các vị Sa-di chỉ là Bồ-tát thôi, chưa chứng quả Phật mà vẫn ra nói pháp cho tứ chúng nghe. Vì các vị Bồ-tát Sa-di đã tin thọ lời Phật dạy rồi, nên có quyền ra hành Bồ-tát đạo độ chúng sanh cho công hạnh tự giác giác tha được viên mãn để thành Phật. Chúng ta thấy rõ tinh thần của đạo Phật, ngoài công việc tự giác ở chính mình, còn phải làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không phải đợi tu thành Phật rồi mới ra giáo hóa. Như chúng ta đã thấy Phật Thích-ca thường nhắc lại ở kinh Bản Sanh, trải qua nhiều đời nhiều kiếp ngài hành Bồ-tát đạo, kiếp sau cùng mới thành Phật dưới cội bồ-đề. Nên nói tự giác giác tha viên mãn thì thành Phật.

Chánh văn:

14. Đức Đại Thông Trí Thắng Phật qua tám muôn bốn nghìn kiếp sau, từ tam-muội dậy, qua đến pháp tòa mà ngồi an lành, khắp bảo trong hàng đại chúng:

Mười sáu vị Bồ-tát Sa-di này rất là ít có, các căn thông lẹ, trí tuệ sáng láng, đã từng cúng dường

vô lượng nghìn muôn ức số đức Phật, ở chỗ các đức Phật thường tu hạnh thanh tịnh, thọ trì trí của Phật để chỉ dạy chúng sanh làm cho vào trong đó. Các ông phải luôn luôn gần gũi mà cúng dường các vị ấy.

Vì sao? Nếu hàng Thanh văn, Duyên giác cùng các Bồ-tát có thể tin Kinh pháp của mười sáu vị Bồ-tát Sa-di đó nói mà thọ trì không mất, thời người đó sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trí tuệ của Như Lai.

Giảng:

Pháp mà mười sáu vị Sa-di Bồ-tát nói là kinh Pháp Hoa, tức là tri kiến Phật. Các ngài đã tin nhận được tri kiến Phật rồi thọ trì tu hành, sau này chắc chắn sẽ thành Phật không nghi. Đó là trách nhiệm giáo hóa của đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã xong.

Chánh văn:

15. Phật bảo các Tỳ-kheo:

Mười sáu vị Bồ-tát đó thường ưa nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Sáu trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sanh của mỗi vị Bồ-tát hóa độ đó đời đời sanh ra đều cùng Bồ-tát ở chung, theo nghe pháp với Bồ-tát thảy đều tin hiểu. Nhờ nhân duyên đó mà được gặp bốn muôn ức các đức Phật Thế Tôn đến nay vẫn chẳng ngớt.

Các Tỳ-kheo! Ta nói với các ông, mười sáu vị Sa-di đệ tử của đức Phật kia nay đều chứng được

đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiện đang nói pháp trong cõi nước ở mười phương, có vô lượng trăm nghìn muôn ức Bồ-tát Thanh văn để làm quyến thuộc.

Hai vị Sa-di làm Phật ở phương đông: vị thứ nhất tên là A-súc ở nước Hoan Hỷ, vị thứ hai tên là Tu-di Đảnh. Hai vị làm Phật ở phương đông nam: vị thứ nhất tên là Sư Tử Âm, vị thứ hai tên là Sư Tử Tướng. Hai vị làm Phật ở phương nam: vị thứ nhất tên là Hư Không Trụ, vị thứ hai tên là Thường Diệt. Hai vị làm Phật ở phương tây nam: vị thứ nhất tên là Đế Tướng, vị thứ hai tên là Phạm Tướng. Hai vị làm Phật ở phương tây: vị thứ nhất tên là A-di-đà, vị thứ hai tên là Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não. Hai vị làm Phật ở phương tây bắc: vị thứ nhất tên là Đa-ma-la-bạt Chiên-đàn Hương Thần Thông, vị thứ hai tên là Tu-di Tướng. Hai vị làm Phật ở phương bắc: vị thứ nhất tên là Vân Tự Tại, vị thứ hai tên là Vân Tự Tại Vương. Một vị làm Phật ở phương đông bắc hiệu Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bố Úy. Vị thứ mười sáu, chính ta là Thích-ca-mâu-ni Phật ở cõi nước Ta-bà thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Tỳ-kheo! Lúc chúng ta làm Sa-di mỗi người giáo hóa vô lượng trăm nghìn muôn hằng hà sa chúng sanh vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác theo ta nghe pháp. Những chúng sanh đó đến nay có người trụ bậc Thanh văn, ta thường giáo hóa

pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những bọn người này đáng dùng pháp đó mà lần vào Phật đạo.

Vì sao? Vì trí tuệ của Như Lai khó tin khó hiểu, vô lượng hằng hà sa chúng sanh được hóa độ trong thuở đó chính là bọn ông, các Tỳ-kheo, và sau khi ta diệt độ các đệ tử Thanh văn trong đời vị lai. Sau khi ta diệt độ, lại có đệ tử không nghe Kinh này, không biết không hay hạnh của Bồ-tát, tự ở nơi công đức của mình được tưởng cho là diệt độ sẽ nhập Niết-bàn.

Ta ở nơi nước khác làm Phật lại có tên khác. Người đó dầu sanh lòng tưởng là diệt độ nhập Niết-bàn, nhưng ở nơi cõi kia cầu trí tuệ Phật được nghe Kinh này, chỉ do Phật thừa mà được diệt độ lại không có thừa nào khác, trừ các đức Như Lai phương tiện nói pháp.

Các Tỳ-kheo! Nếu đức Như Lai tự biết giờ Niết-bàn sắp đến, chúng lại thanh tịnh lòng tin hiểu bền chắc, rõ thấu pháp không, sâu vào thiền định, bèn nhóm các Bồ-tát và chúng Thanh văn mà vì nói Kinh này. Trong đời không có hai thừa mà được diệt độ, chỉ có một Phật thừa được diệt độ thôi.

Các Tỳ-kheo nên rõ! Đức Như Lai phương tiện sâu vào tánh chúng sanh, biết chí nó ưa pháp nhỏ, rất ham năm món dục, vì hạng người này mà nói Niết-bàn, người đó nếu nghe thời liền tin nhận.

Giảng:

Những vị Sa-di Bồ-tát do nghe kinh Pháp Hoa và nói kinh Pháp Hoa để giáo hóa chúng sanh, sau này ra đời đều gặp chư vị Bồ-tát và chư Phật, tiếp tục tu hành tiến mãi trên đường tu cho đến khi thành Phật. Và sau khi thành Phật thì cứ hai vị giáo hóa một phương, như phương đông có Phật A-súc, Phật Tu-di Đảnh, phương đông nam có Phật Sư Tử Âm, Sư Tử Tướng... cho tới mười phương, phương nào cũng có các Phật do đức Đại Thông Trí Thắng giáo hóa thành Phật. Và chính đức Thích-ca-mâu-ni cũng do đức Đại Thông Trí Thắng là cha nói kinh Pháp Hoa giáo hóa mà được thành Phật. Như vậy là thế nào? Kinh Kim Cang có đoạn nói: *Kinh này là mẹ của chư Phật ba đời*. Kinh điển từ miệng Phật nói ra, tại sao lại nói Kinh là mẹ của Phật? Kinh này là chỉ cho Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Chư Phật nếu được thành Phật là phải đầy đủ trí tuệ, nếu không có trí tuệ thì không thể thành Phật, mà Phật là giác và giác là trí tuệ; nên nói Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật. Cũng vậy, ở đây thay vì nói Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật là mẹ của chư Phật thì dùng hình ảnh đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa, con của ngài nhân nghe kinh Pháp Hoa mà tu hành thành Phật ở khắp mười phương. Như vậy, chư Phật ở mười phương được thành Phật là do đức Đại Thông Trí Thắng là cha nói kinh Pháp Hoa, các ngài nghe tu hành mà được thành Phật. Đức Đại Thông Trí Thắng là chỉ cho pháp thân, nếu muốn sống được với pháp thân

thì không gì hơn là từ tri kiến Phật mà vào, vì tri kiến Phật là dụng của pháp thân.

Thí dụ một ngọn đèn đốt ở giữa nhà, nhà có sáu cửa mở rộng, người ở ngoài nhà do thấy ánh sáng từ sáu cửa mà biết có đèn trong nhà, và phải do cửa mà vào nhà mới thấy được ngọn đèn. Ngọn đèn dụ cho pháp thân Phật, ánh sáng tỏa ra sáu cửa dụ cho tri kiến Phật. Tri kiến Phật từ pháp thân tỏa ra gọi là dụng của pháp thân, muốn sống được với pháp thân thì phải từ tri kiến Phật mà vào, chứ không có con đường nào khác. Vì vậy nên đây mới nói đức Đại Thông Trí Thắng giảng kinh Pháp Hoa cho các Sa-di Bồ-tát tu và được thành Phật. Tóm lại, mười phương chư Phật đều từ cửa tri kiến Phật mà ngộ nhập được pháp thân Phật, chứ không có cửa nào đường nào khác. Vì vậy nên các ngài tu trong vô lượng kiếp khi thành Phật rồi mỗi vị phân ra ở mỗi phương, để nói lên ý nghĩa pháp thân không bị giới hạn bởi không gian và thời gian.

Tới đây, Phật nói trí tuệ Phật khó tin khó hiểu. Song, có vô số chúng sanh đã được Phật giáo hóa, tu theo Phật chứng quả Thanh văn rồi đến Bồ-tát. Lại cũng có người sau này nghe pháp Phật có lòng tin tưởng Phật nhập Niết-bàn là hết không trở lại, không ngờ Phật thị hiện Niết-bàn ở đây rồi giáng sanh ở kia để giáo hóa chúng sanh, chứ không phải ngang đó mà hết.

Diệt độ tức là Niết-bàn. Đạo Phật chỉ có một Niết-bàn duy nhất là Niết-bàn Phật. Sở dĩ Phật nói Niết-bàn Thanh văn, Duyên giác chẳng qua là phương tiện dẫn dụ, vì ngài

biết tâm chúng sanh thích ngũ dục ưa pháp nhỏ, để cho thấy dễ họ ham mà hướng dẫn họ tu lần lần. Nếu nói tu lâu và phải chứng được Phật quả thì họ ngán, sanh lười mỏi không chịu tu.

Chánh văn:

16. Thí như đường hiểm nhiều nạn dữ, dài năm trăm do-tuần, chốn ghê sợ hoang vắng không người. Nếu chúng đông muốn đi qua con đường này đến chỗ trân bảo, có một vị Đạo sư thông minh sáng suốt, khéo biết rõ tướng thông bít của con đường hiểm, dắt chúng nhân muốn vượt qua nạn đó. Chúng nhân được dắt đi giữa đường lười mỏi, bạch Đạo sư rằng: "Chúng con mệt nhọc lại thêm sợ sệt chẳng có thể đi nữa, đường trước còn xa nay muốn lui về."

Vị Đạo sư nhiều sức phương tiện mà tự nghĩ rằng: "Bọn này đáng thương, làm sao cam bỏ trân bảo lớn mà muốn lui về." Nghĩ thế rồi, dùng sức phương tiện ở giữa đường hiểm quá ba trăm do-tuần, hóa làm một cái thành mà bảo chúng nhân rằng: "Các ngươi chớ sợ, đừng lui về, nay thành lớn này có thể dừng ở trong đó tùy ý muốn làm gì thì làm, nếu vào thành này sẽ rất được an ổn, nếu có thể lại thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được."

Bấy giờ, chúng mỏi mệt rất vui mừng khen việc chưa từng có, chúng ta hôm nay khỏi được đường dữ rất được an ổn. Đó rồi chúng nhân thẳng vào hóa thành sanh lòng tưởng cho rằng đã được độ rất an ổn.

Lúc ấy Đạo sư biết chúng nhân đó đã được nghỉ ngơi không còn mỏi mệt, liền diệt hóa thành bảo chúng nhân rằng: "Các ngươi nên đi tới, chỗ châu báu ở gần đây, thành lớn trước đó là của ta biến hóa ra để nghỉ ngơi thôi."

Các Tỳ-kheo! Đức Như Lai cũng lại như thế, nay vì các ông mà làm vị đại Đạo sư, biết các đường dữ sanh tử phiền não hiểm nạn dài xa nên bỏ nên vượt qua. Nếu như chúng sanh chỉ nghe một Phật thừa thời chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi, mà nghĩ thế này: "Đạo Phật dài xa lâu ngày chịu cần khổ mới có thể được thành." Phật biết tâm chúng đó khiếp nhược hạ liệt, dùng sức phương tiện mà ở giữa đường vì để ngơi nghỉ nên nói hai món Niết-bàn.

Nếu chúng sanh trụ nơi hai bậc, đức Như Lai bấy giờ liền bèn vì nói: "Chỗ tu của các ông chưa xong, bậc của các ông ở gần với tuệ của Phật. Phải quan sát suy lường Niết-bàn đã được đó chẳng phải chân thật vậy. Chỉ là sức phương tiện của Như Lai, ở nơi một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Như vị Đạo sư kia vì cho mọi người ngơi nghỉ mà hóa làm thành lớn, đã biết nghỉ xong mà bảo đó rằng: Chỗ châu báu ở gần, thành này không phải thật, của ta biến hóa làm ra đó thôi."

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

17. Đại Thông Trí Thắng Phật
Mười kiếp ngồi đạo tràng
Phật pháp chẳng hiện tiền
Chẳng được thành Phật đạo
Các trời, thần, long vương,
Chúng a-tu-la thảy
Thường rưới các hoa trời
Để cúng dường Phật đó,
Chư thiên đánh trống trời
Và trỗi các kỹ nhạc
Gió thơm thổi hoa héo
Lại mưa bông tốt mới.
Quá mười tiểu kiếp rồi
Mới được thành Phật đạo,
Các trời cùng người đời
Lòng đều sanh hớn hở.
Mười sáu người con Phật
Đều cùng quyến thuộc mình
Nghìn muôn ức vây quanh
Chung đi đến chỗ Phật
Đầu mặt lạy chân Phật
Thỉnh Phật chuyển pháp luân:
"Đấng Thánh sư mưa pháp
Lợi con và tất cả

Thế Tôn rất khó gặp
Lâu xa một lần hiện
Vì giác ngộ quần sanh
Mà chấn động tất cả."
Các thế giới phương đông
Năm trăm muôn ức cõi
Phạm cung điện sáng chói,
Từ xưa chưa từng có
Phạm vương thấy tướng này
Liền đến chỗ Phật ở
Rải hoa để cúng dường
Và dâng cung điện lên
Thỉnh Phật chuyển pháp luân
Nói kệ ngợi khen Phật.
Phật biết chưa đến giờ
Nhận thỉnh yên lặng ngồi
Ba phương cùng bốn phía
Trên, dưới cũng như thế
Rưới hoa, dâng cung điện
Thỉnh Phật chuyển pháp luân:
"Thế Tôn rất khó gặp
Nguyện vì bổn từ bi
Rộng mở cửa cam lồ
Chuyển pháp luân Vô thượng."

18. Thế Tôn tuệ vô thượng
Nhân chúng nhân kia thỉnh
Vì nói các món pháp
Bốn đế, mười hai duyên
Vô minh đến lão tử
Đều từ sanh duyên hữu
Những quá hoạn như thế
Các ông phải nên biết.
Tuyên nói pháp đó rồi
Sáu trăm muôn ức cai[1]
Được hết các ngằn khổ
Đều thành A-la-hán.
Thời nói pháp thứ hai
Nghìn muôn hằng sa chúng
Ở các pháp chẳng thọ
Cũng được A-la-hán.
Từ sau đây được đạo
Số đông đến vô lượng
Muôn ức kiếp tính kể
Không thể được ngằn mé.

19. Bấy giờ, mười sáu vị
Xuất gia làm Sa-di

---

[1] Cai: một trăm triệu.

Đều đồng thỉnh Phật kia
Diễn nói pháp Đại thừa:
"Chúng con cùng quyến thuộc
Đều sẽ thành Phật đạo
Nguyện được như Thế Tôn
Tuệ nhãn sạch thứ nhất."
Phật biết lòng đồng tử
Chỗ làm của đời trước
Dùng vô lượng nhân duyên
Cùng các món thí dụ
Nói sáu ba-la-mật
Và các việc thần thông,
Phân biệt pháp chân thật
Đạo của Bồ-tát làm
Nói kinh Pháp Hoa này
Kệ nhiều như hằng sa.
Phật kia nói Kinh rồi
Vào tịnh thất nhập định
Tám muôn bốn nghìn kiếp
Một lòng ngồi một chỗ.
Các vị Sa-di đó
Biết Phật chưa xuất thiền
Vì vô lượng chúng nói
Tuệ Vô thượng của Phật

Mỗi vị ngồi pháp tòa
Nói kinh Đại thừa này
Sau khi Phật yên lặng
Tuyên bày giúp giáo hóa.
Mỗi vị Sa-di thảy
Số chúng sanh mình độ
Có sáu trăm muôn ức
Hằng hà sa các chúng.
Sau khi Phật diệt độ
Các người nghe pháp đó
Ở các nơi cõi Phật
Thường cùng thầy sanh chung.
Mười sáu Sa-di đó
Đầy đủ tu Phật đạo
Nay hiện ở mười phương
Đều được thành Chánh giác.
Người nghe pháp thuở đó
Đều ở chỗ các Phật
Có người trụ Thanh văn
Lần dạy cho Phật đạo.
Ta ở số mười sáu
Từng vì các ngươi nói
Cho nên dùng phương tiện
Dẫn ngươi đến tuệ Phật.

Do bổn nhân duyên đó
Nay nói kinh Pháp Hoa
Khiến ngươi vào Phật đạo
Dè dặt chớ kinh sợ.

20. Thí như đường hiểm dữ
Xa vắng nhiều thú độc
Và lại không cỏ nước
Chốn mọi người ghê sợ
Vô số nghìn muôn chúng
Muốn qua đường hiểm này
Đường đó rất xa vời
Trải năm trăm do-tuần.
Bấy giờ, một Đạo sư
Nhớ dai có trí tuệ
Sáng suốt lòng quyết định
Đường hiểm cứu các nạn
Mọi người đều mệt mỏi
Mà bạch Đạo sư rằng:
"Chúng con nay mỏi mệt
Nơi đây muốn trở về."
Đạo sư nghĩ thế này
Bọn này rất đáng thương
Làm sao muốn lui về

Cam mất trân bảo lớn!
Liền lại nghĩ phương tiện
Nên bày sức thần thông
Hóa làm thành quách lớn
Các nhà cửa trang nghiêm
Bốn bề có vườn rừng
Sông ngòi và ao tắm
Cửa lớn lầu gác cao
Trai, gái đều đông vầy.
Hóa ra thành đó rồi
An ủi chúng: "Chớ sợ!
Các ngươi vào thành này
Đều được vừa chỗ muốn."
Mọi người đã vào thành
Lòng đều rất vui mừng
Đều sanh tưởng an ổn
Tự nói đã được độ.
Đạo sư biết nghỉ xong
Nhóm chúng mà bảo rằng:
"Các ngươi nên đi nữa
Đây là hóa thành thôi
Thấy các ngươi mỏi mệt
Giữa đường muốn lui về

Nên dùng sức phương tiện
Huyễn hóa làm thành này
Ngươi nay gắng tinh tấn
Nên đồng đến chỗ báu."

21. Ta cũng lại như vậy
Đạo sư của tất cả
Thấy những người cầu đạo
Giữa đường mà lười bỏ
Không thể vượt đường dữ
Sanh tử đầy phiền não.
Nên dùng sức phương tiện
Vì nghỉ, nói Niết-bàn.
Rằng các ngươi khổ diệt
Chỗ làm đều đã xong
Đã biết đến Niết-bàn
Đều chứng A-la-hán
Giờ mới nhóm đại chúng
Vì nói pháp chân thật
Sức phương tiện các Phật
Phân biệt nói ba thừa
Chỉ có một Phật thừa
Vì nghỉ, nên nói hai
Vì các ngươi nói thật

Các ngươi chưa phải diệt,
Vì Nhất thiết trí Phật
Nên phát tinh tấn mạnh
Ngươi chứng Nhất thiết trí
Mười lực các Phật pháp
Đủ ba hai tướng tốt
Mới là chân thật diệt,
Các Phật là Đạo sư
Vì nghỉ, nói Niết-bàn
Đã biết ngơi nghỉ rồi
Dẫn vào nơi tuệ Phật.

Giảng:

Để cho rõ nghĩa hơn, Phật nói thí dụ: Có một đoàn người đi lấy trân bảo phải đi qua con đường rất dài, hoang vắng không người, nhiều tai nạn nguy hiểm. Đoàn người này đi qua được một đoạn đường dài khá mệt nhọc mà chưa tới chỗ trân bảo, nên sanh tâm chán nản muốn thối lui. Khi đó vị hướng đạo là người thông minh tài trí rõ biết đường đi, không muốn cho đoàn người mất lợi ích bèn dụ dẫn đoàn người rằng, ở phía trước có một cái thành rất an ổn, hãy ráng đi chút nữa rồi sẽ vào thành nghỉ ngơi cho khỏe. Nghe vị hướng đạo nói, mọi người rất vui mừng, nỗ lực tiếp tục đi đến thành, vào trong ấy được mọi nhu cầu tiện nghi rất an ổn, nên muốn nghỉ luôn ở đó. Vị hướng đạo thông minh tài trí biết đoàn người nghỉ

đã hết mệt, bèn nói với họ rằng thành này do ta hóa ra để cho các người nghỉ, chứ không phải là chỗ chứa trân bảo. Hãy ra khỏi thành này và đi thêm một đoạn đường nữa sẽ đến chỗ chúng ta muốn đến. Đoàn người hết mệt nhọc nên tiếp tục đi đến đích.

Đây là tâm bệnh chung của tu sĩ chúng ta, khi mới xuất gia tuổi còn trẻ phấn chấn tu hành, nhưng khi tu được năm, mười năm, chưa chứng đạo quả bèn sanh tâm lười mỏi muốn thối lui, vì thấy quả Phật khó thành. Trên đường tu hay gặp những chướng nạn ma vương như tài, sắc, danh, lợi cám dỗ. Người tu không khéo tỉnh giác thì mắc bẫy, sa hầm sụp hố. Nên tuổi trẻ đi tu thì nhiều nhưng giữ được phạm hạnh thanh tịnh cho tới tuổi già thì rất ít. Số còn lại, người thì tay bồng tay dắt, kẻ thì lạc ngõ tẽ này, kẻ thì lạc lối quanh nọ... Rốt cuộc rồi tu chẳng tới đâu. Nên người hướng dẫn biết tâm bệnh đó phải khuyến khích, chẳng hạn như tôi nói tu một giờ là tiến một giờ, tu một ngày là tiến một ngày, tu một tháng là tiến một tháng. Vọng tưởng khởi, biết, không theo là giác, vọng tưởng khởi một trăm lần, giác một trăm lần là tiến rồi. Tôi lấy cái nhỏ để khuyến khích họ, chứ bảo tọa thiền nhập định năm, bảy ngày thì họ không thực hiện nổi; phải tùy theo trình độ mà hướng dẫn, điều phục họ tiến cho xuôi đường thẳng lối, làm thầy khó là khó ở chỗ đó.

Đây là phần hợp pháp thí dụ: Vị Đạo sư dẫn đường là dụ cho đức Phật. Đoàn người đi tìm trân bảo dụ cho các bậc Thanh văn, Duyên giác đang tu theo sự hướng dẫn

của Phật. Hóa thành là Niết-bàn Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Và chỗ chứa trân bảo tức quả Phật. Phật biết hàng Tỳ-kheo tu theo hạnh Thanh văn với tâm nguyện nhỏ hẹp, nên trước ngài nói tu đoạn sạch phiền não liền chứng Niết-bàn tịch diệt. Niết-bàn đó chỉ là phương tiện, là Niết-bàn tạm thôi, vì chỉ làm lợi ích cho mình, thiếu phần công đức lợi tha cho người nên chưa được viên mãn. Vì vậy muốn được Niết-bàn cứu cánh chân thật, ngoài phần tự tu cho mình giác ngộ thành Phật, còn phải giáo hóa cho người cũng được giác ngộ thành Phật như mình, tới đó mới là viên mãn. Như vậy quý vị mới thấy tinh thần Tiểu thừa và Đại thừa dị biệt ở chỗ nào. Thật ra tu mà giữ phạm hạnh, hết phiền não tâm thanh tịnh, sánh với chúng ta thì quá quý! Tuy nhiên được phần mình rồi, nhìn lại người còn đang mờ tối quờ quạng khổ đau, mà làm ngơ không hóa độ thì lòng từ chưa khai mở. Nên ở trước, Phật mới ví Niết-bàn Thanh văn giá đáng chừng một bữa ăn là vậy.

Phật dùng thí dụ này cho hàng Thanh văn thấy rõ thêm các ngài đã có chủng tử tri kiến Phật và Niết-bàn các ngài được chỉ là tạm, chưa phải cứu cánh, không nên an trú trong đó. Phải khởi tâm đại bi, ra giáo hóa chúng sanh cho công hạnh tự giác giác tha viên mãn thành Phật. Vì thương chúng sanh, vì thương đệ tử đi chưa tới chỗ cứu cánh viên mãn, nên Phật dùng mọi phương tiện để giáo hóa, thúc đẩy đi cho tới chỗ rốt ráo như ngài, ngài mới toại nguyện. Nên khi Phật nói kinh Pháp Hoa rồi ngài nhập Niết-bàn rất là hợp lý, vì đã có người tin nhận chỗ ngài muốn chỉ. Vì vậy, Phật Niết-bàn rồi mà

Phật pháp vẫn còn tồn tại ở thế gian không mất. Đây tôi nhắc lại một lần nữa, bản hoài của đức Phật là muốn cho mọi người đều được giác ngộ thành Phật, chứ không bằng lòng cho bất cứ một ai dừng ở bất cứ chặng đường nào. Nếu chúng ta hài lòng ở chặng đường nào đều bị Phật quở.

Phẩm này có thể phân làm bốn đoạn:

1. Trí tuệ Phật không bị hạn cuộc ở thời gian, vì định lực Phật rất thâm sâu nên có thể nhớ vô số kiếp về quá khứ, thấy biết một cách tường tận không sai lầm. Và vì trí tuệ Phật là thể sáng suốt thanh tịnh, vượt ngoài ý niệm về ngày tháng năm theo thông lệ của thế gian.

2. Trí tuệ Phật không bị giới hạn bởi không gian, vì Phật đã trải qua vô lượng kiếp tu tập trí tuệ, nên trí tuệ Phật viên mãn không giới hạn. Và trí tuệ Phật là thể sáng suốt không hình tướng trùm khắp, nên không giới hạn bởi không gian.

3. Mười sáu vị vương tử từ đức Phật Đại Thông Trí Thắng mà được thành Phật, rồi chia ra mà giáo hóa ở tám phương. Điều này cho chúng ta thấy sức hiểu biết của Phật không thể nghĩ bàn, không riêng ở cõi Ta-bà mới có Phật như từ lâu chúng ta nghĩ tưởng, mà ở những thế giới khác cũng có Phật giáo hóa. Trí tuệ Phật là thể sáng suốt viên mãn trùm khắp tất cả không đâu không có. Và không ai tu mà không từ trí tuệ Phật khởi tu để được thành Phật.

4. Dụ hóa thành cho thấy rằng trí tuệ Phật rộng lớn không ngằn mé. Công hạnh Phật không thể tính kể, với ý chí tầm thường của phàm phu không thể theo nổi, nên Phật tùy căn cơ chúng sanh phương tiện nói ngũ thừa Phật giáo hướng dẫn từ thấp lần lên cao, cuối cùng đưa chúng sanh đến mục đích cứu cánh mà Phật muốn chỉ là Phật thừa. Còn kết quả được ở ngũ thừa chỉ là quả an vui tạm bợ không nên an trụ nơi ấy.

Muốn đạt được quả Phật thì phải trải qua nhiều kiếp tu lâu dài cho công hạnh Bồ-tát đầy đủ, trí tuệ Phật viên mãn mới thành Phật.

VIII- PHẨM NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ

Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký là năm trăm vị đệ tử được Phật thọ ký sau sẽ thành Phật. Ở phẩm Thí Dụ, Phật đã thọ ký cho ngài Xá-lợi-phất, ở phẩm Thọ Ký, Phật thọ ký cho ngài Tuệ Mạng Tu-bồ-đề, Đại Ca-chiên-diên, Đại Ca-diếp, Đại Mục-kiền-liên và tới đây Phật lại thọ ký cho năm trăm vị đệ tử như Phú-lâu-na, Kiều-trần-như... sau sẽ thành Phật, vì lòng tin các ngài đã thuần thục.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Mãn Từ Tử từ nơi đức Phật nghe trí tuệ phương tiện tùy cơ nghi nói pháp như thế, lại nghe thọ ký cho các vị đệ tử lớn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại nghe việc nhân duyên đời trước, lại nghe các đức Phật có sức tự tại thần thông lớn, được điều chưa từng có, lòng thanh tịnh hớn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, đầu mặt lễ chân Phật, rồi đứng qua một bên chiêm ngưỡng dung nhan của Phật mắt

không tạm rời, mà nghĩ thế này: Thế Tôn rất riêng lạ, việc làm ít có, thuận theo bao nhiêu chủng tánh ở trong đời, dùng sức phương tiện tri kiến mà vì đó nói pháp, cứu vớt chúng sanh ra khỏi các chỗ tham trước, chúng con ở nơi công đức của Phật không thể dùng lời nói mà tuyên bày được, chỉ có đức Phật Thế Tôn hay biết bản nguyện trong thâm tâm của chúng con.

Giảng:

Tôn giả Mãn Từ Tử nghe Phật thọ ký cho các bậc huynh trưởng, lòng Tôn giả đã thanh tịnh, vui mừng đến đảnh lễ Phật và nghĩ rằng việc làm của Phật rất ít có, Phật biết chủng tánh của chúng sanh, mà vì họ phương tiện nói pháp theo chỗ họ mong muốn. Hôm nay trong hội này, nếu Phật theo bản nguyện của Tôn giả mà thọ ký cho thì thật là sung sướng, là điều mà Tôn giả trông mong chờ đợi đã lâu. Đó là tâm khao khát được thọ ký của tôn giả Mãn Từ Tử.

Chánh văn:

2. Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

Các ông thấy Mãn Từ Tử đây chăng? Ta thường khen ông là bậc nhất trong hàng người nói pháp, cũng thường khen các món công đức của ông, ròng rặt siêng năng hộ trì giúp tuyên bày pháp của ta, có thể chỉ dạy lợi mừng cho hàng bốn chúng giải thích trọn vẹn chánh pháp của Phật, mà làm nhiều lợi ích cho những người cùng đồng hạnh thanh tịnh. Ngoài đức Như Lai, không ai có thể cùng tận chỗ biện bác

ngôn luận của ông. Các ông chớ tưởng Mãn Từ Tử chỉ hay hộ trì trợ tuyên pháp của ta thôi, ông cũng đã ở nơi chín mươi ức đức Phật thuở quá khứ mà hộ trì trợ tuyên chánh pháp của Phật, ở trong nhóm người nói pháp thuở đó cũng là bậc nhất.

Ông lại ở pháp không của chư Phật nói, thông suốt rành rẽ, được bốn món trí vô ngại, thường hay suy gẫm chắc chắn nói pháp thanh tịnh không có nghi lầm, đầy đủ sức thần thông của Bồ-tát tùy số thọ mạng mà thường tu hạnh thanh tịnh.

Người đời thuở đức Phật kia đều gọi ông thật là Thanh văn. Nhưng ông Mãn Từ Tử dùng phương tiện đó làm lợi ích cho vô lượng trăm nghìn chúng sanh, lại giáo hóa vô lượng vô số người khiến đứng nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông vì muốn tịnh cõi Phật mà thường làm Phật sự giáo hóa chúng sanh.

Các Tỳ-kheo! Ông Mãn Từ Tử cũng được bậc nhất ở trong hàng người nói pháp thuở bảy đức Phật, nay ở nơi chỗ ta trong hàng người nói pháp cũng là bậc nhất.

Trong hàng người nói pháp thuở các đức Phật trong Hiền kiếp về đương lai cũng lại là bậc nhất, mà đều hộ trì giúp tuyên bày pháp của Phật. Ông cũng sẽ ở trong đời vị lai hộ trì trợ tuyên chánh pháp của vô lượng vô biên các đức Phật, giáo hóa làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, khiến an lập nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì tịnh

cõi Phật mà thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sanh, lần lần đầy đủ đạo Bồ-tát.

Qua vô lượng vô số kiếp sau, ông sẽ ở nơi cõi này thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Đức Phật đó lấy số thế giới tam thiên đại thiên nhiều như số cát sông Hằng mà làm thành một cõi Phật. Đất bằng bảy thứ báu, thẳng bằng như bàn tay, không có núi gò, khe suối, rạch ngòi. Nhà, đài bằng bảy thứ báu đầy dẫy trong đó, cung điện của các trời ở gần trên hư không, người cùng trời giao tiếp nhau, hai bên đều thấy được nhau, không có đường dữ cũng không có người nữ.

Tất cả chúng sanh đều do biến hóa sanh, không có dâm dục, được pháp thần thông lớn, thân chói ánh sáng, bay đi tự tại, chí niệm bền chắc, có đức tinh tấn trí tuệ, tất cả đều thân sắc vàng đủ ba mươi hai tướng tốt để tự trang nghiêm.

Nhân dân nước đó thường dùng hai thức ăn: một là Pháp hỷ thực, hai là Thiền duyệt thực. Có vô lượng vô số nghìn muôn ức na-do-tha các chúng Bồ-tát được sức thần thông lớn, bốn trí vô ngại, khéo hay giáo hóa loài chúng sanh. Chúng Thanh văn trong nước đó tính kể số đếm đều không thể

biết được, đều được đầy đủ ba món minh, sáu pháp thần thông và tám món giải thoát.

Cõi nước của đức Phật đó có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế, kiếp tên Bửu Minh, nước tên Thiện Tịnh. Phật đó sống lâu vô lượng vô số kiếp, pháp trụ đời rất lâu. Sau khi Phật diệt độ, dựng tháp bằng bảy thứ báu khắp cả nước đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

3. Các Tỳ-kheo lắng nghe
Đạo của Phật tử làm
Vì khéo học phương tiện
Chẳng thể nghĩ bàn được
Biết chúng ưa pháp nhỏ
Mà sợ nơi trí lớn
Cho nên các Bồ-tát
Làm Thanh văn, Duyên giác
Dùng vô số phương tiện
Độ các loài chúng sanh,
Tự nói là Thanh văn
Cách Phật đạo rất xa
Độ thoát vô lượng chúng
Thảy đều được thành tựu
Dầu ưa nhỏ, biếng lười

Sẽ khiến lần thành Phật.
Trong ẩn hạnh Bồ-tát
Ngoài hiện là Thanh văn
Ít muốn, nhàm sanh tử
Thật tự tịnh cõi Phật
Bày ba độc cho người
Lại hiện tướng tà kiến,
Đệ tử ta như vậy
Phương tiện độ chúng sanh
Nếu ta nói đủ cả
Các món việc hiện hóa
Chúng sanh nghe đó rồi
Thời lòng sanh nghi lầm.

4. Nay Phú-lâu-na đây
Ở xưa nghìn ức Phật
Siêng tu đạo mình làm
Tuyên hộ các Phật pháp
Vì cầu tuệ Vô thượng
Mà ở chỗ chư Phật
Hiện ở trên đệ tử
Học rộng có trí tuệ
Nói pháp không sợ sệt
Hay khiến chúng vui mừng
Chưa từng có mỏi mệt

Để giúp nên việc Phật.
Đã được thần thông lớn
Đủ bốn trí vô ngại
Biết các căn lợi độn
Thường nói pháp thanh tịnh
Diễn xướng nghĩa như thế
Để dạy nghìn ức chúng
Khiến trụ pháp Đại thừa
Mà tự tịnh cõi Phật.
Đời sau cũng cúng dường
Vô lượng vô số Phật
Hộ trợ tuyên chánh pháp
Cũng tự tịnh cõi Phật
Thường dùng các phương tiện
Nói pháp không e sợ
Độ chúng không kể được
Đều thành Nhất thiết trí
Cúng dường các Như Lai
Hộ trì tạng Pháp bảo.
Sau đó được thành Phật
Hiệu gọi là Pháp Minh
Nước đó tên Thiện Tịnh
Bảy thứ báu hiệp thành
Kiếp tên là Bửu Minh

Chúng Bồ-tát rất đông
Số nhiều vô lượng ức
Đều được thần thông lớn
Sức oai đức đầy đủ
Khắp đầy cả nước đó
Thanh văn cũng vô số
Ba minh, tám giải thoát,
Được bốn trí vô ngại
Dùng hạng này làm tăng.
Chúng sanh trong cõi đó
Dâm dục đều đã dứt
Thuần một biến hóa sanh
Thân trang nghiêm đủ tướng
Pháp hỷ, Thiền duyệt thực
Không tưởng món ăn khác.
Không có hàng nữ nhân
Cũng không các đường dữ.
Phú-lâu-na Tỳ-kheo
Khi công đức trọn đầy
Sẽ được tịnh độ này
Chúng hiền thánh rất đông
Vô lượng việc như thế
Nay ta chỉ nói lược.

Giảng:

Phật tán dương công đức thuyết pháp của tôn giả Mãn Từ Tử trong hội chúng của Phật, ngoài Phật ra thì tôn giả Mãn Từ Tử là người thuyết pháp bậc nhất trong hàng đệ tử Phật. Phật nói chẳng những trong đời này tôn giả Mãn Từ Tử rộng nói pháp Phật mà thuở quá khứ, ở nơi chín mươi ức đức Phật, Tôn giả cũng đã từng nói pháp bậc nhất, và trong những kiếp tương lai Tôn giả cũng sẽ nói pháp bậc nhất giáo hóa chúng sanh làm thanh tịnh cõi Phật. Đó là do duyên phước nhiều đời, Tôn giả mới làm được việc đó. Cũng vậy, trong đời hiện tại chúng ta có năng khiếu gì tốt, là do nhiều đời chúng ta đã gieo trồng giống đó, chứ không phải chỉ trong một đời mà được.

Phật nói thuở đó tôn giả Mãn Từ Tử căn cứ vào "pháp Không" của chư Phật mà nói, nên thông suốt, được bốn trí vô ngại, nói pháp thanh tịnh không nghi lầm, đủ sức thần thông của Bồ-tát, thường tu hạnh thanh tịnh. Pháp không ở đây là chỉ cho pháp Bát-nhã. Do đạt được trí tuệ Bát-nhã nên Tôn giả thuyết pháp không chướng ngại, chỉ dạy cho mọi người đều được pháp thanh tịnh. Người thuở đó gọi tôn giả Mãn Từ Tử là Thanh văn, nhưng với Phật thì tôn giả Mãn Từ Tử là Bồ-tát, bên ngoài hiện tướng Thanh văn giáo hóa làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh khiến trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy, nên sau khi nhắc đến tri kiến Phật, Tôn giả liền lãnh hội và được Phật thọ ký cho sau này sẽ thành Phật. Bởi Tôn giả chuyên tu hạnh tuyên dương

chánh pháp khai thông trí tuệ cho người, nhờ nhiều đời nhiều kiếp tích lũy phước đức đó nên khi thành Phật hiệu là Pháp Minh.

Cõi nước thì lấy số thế giới tam thiên đại thiên nhiều như số cát sông Hằng mà trang nghiêm, cõi này gần cung điện của chư thiên, nên hai bên giao tiếp nhau rất dễ. Nhân dân ở cõi này do tu đầy đủ hạnh thanh tịnh, nhờ nguyện lực mà được hóa sanh, nên không có tướng nam tướng nữ. Nhân dân cõi này dùng hai món ăn là pháp hỷ và thiền duyệt chứ không dùng thức ăn bằng phạn thực như chúng sanh ở cõi Ta-bà, nên có đủ ba món minh, sáu pháp thần thông, tám món giải thoát. Khi đói thì nghe pháp, tâm hoan hỷ liền được no, hoặc đói thì tọa thiền, tâm hoan hỷ liền được no. Vì nhân dân cõi này chỉ cần chánh pháp và thiền định chứ không cần cơm gạo thô phù như ở cõi Ta-bà. Chúng đệ tử toàn là hàng Thanh văn, Bồ-tát nhiều vô số không thể tính đếm, tuổi thọ thì dài vô kể.

Chánh văn:

5. Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A-la-hán, bậc tâm tự tại, nghĩ như vầy: "Chúng ta vui mừng được điều chưa từng có, nếu đức Thế Tôn đều thọ ký cho như các đệ tử lớn khác thời sung sướng lắm."

Đức Phật biết tâm niệm của các vị đó nên nói với ngài Đại Ca-diếp:

Một nghìn hai trăm vị A-la-hán đó, nay ta sẽ hiện tiền thứ tự mà thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong chúng đó, đệ tử lớn của ta là Kiều-trần-như Tỳ-kheo, sẽ cúng dường sáu muôn hai nghìn ức đức Phật, vậy sau được thành Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Năm trăm vị A-la-hán: ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, ông Già-da Ca-diếp, ông Na-đề Ca-diếp, ông Ca-lưu-đà-di, ông Ưu-đà-di, ông A-nậu-lâu-đà, ông Ly-bà-đa, ông Kiếp-tân-na, ông Bạc-câu-la, ông Châu-đà-tá, ông Dà-đà v.v... đều sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều đồng một hiệu là Phổ Minh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Kiều-trần-như Tỳ-kheo
Sẽ gặp vô lượng Phật
Qua vô số kiếp sau
Mới được thành Chánh giác
Thường phóng quang minh lớn
Đầy đủ các thần thông
Danh đồn khắp mười phương
Tất cả đều tôn kính
Thường nói pháp Vô thượng
Nên hiệu là Phổ Minh
Cõi nước đó thanh tịnh

Bồ-tát đều dõng mãnh
Đều lên lầu gác đẹp
Dạo các nước mười phương
Đem đồ cúng vô thượng
Hiến dâng các đức Phật,
Làm việc cúng đó xong
Sanh lòng rất vui mừng
Giây lát về bản quốc
Có sức thần như thế.
Phật thọ sáu muôn kiếp
Chánh pháp trụ bội thọ
Tượng pháp lại hơn chánh
Pháp diệt trời người lo.

7. Năm trăm Tỳ-kheo kia
Thứ tự sẽ là Phật
Đồng hiệu là Phổ Minh
Theo thứ thọ ký nhau.
Sau khi ta diệt độ
Ông đó sẽ làm Phật
Thế gian của ông độ
Cũng như ta ngày nay
Cõi nước đó nghiêm sạch
Và các sức thần thông
Chúng Thanh văn, Bồ-tát

Chánh pháp cùng tượng pháp
Thọ mạng kiếp nhiều ít
Đều như trên đã nói.
Ca-diếp! Ông đã biết
Năm trăm vị tự tại
Các chúng Thanh văn khác
Cũng sẽ làm như thế
Vị nào vắng mặt đây
Ông nên vì tuyên nói.

Giảng:

Bấy giờ, chư vị A-la-hán là huynh đệ đồng đẳng với tôn giả Mãn Từ Tử, khi thấy Tôn giả được thọ ký rồi, các ngài mong rằng các ngài sẽ được Phật thọ ký cho mình. Phật biết tâm niệm ấy của các ngài liền thứ tự thọ ký cho các ngài được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong đó đệ tử lớn của Phật là ngài A-nhã Kiều-trần-như do công đức cúng dường sáu muôn hai nghìn ức đức Phật, sau sẽ thành Phật hiệu là Phổ Minh. Kế đến năm trăm vị A-la-hán như Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Nan-đề Ca-diếp, Ca-lưu-đà-di, Ưu-đà-di, A-nậu-lâu-đà... đều sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đồng hiệu là Phổ Minh.

Tại sao chư vị A-la-hán thấy tôn giả Mãn Từ Tử được thọ ký, các ngài đều vui mừng và mong được Phật thọ ký cho mình thành bậc Chánh đẳng Chánh giác, còn chúng ta nghe các ngài được thọ ký chúng ta tự thấy mình là kẻ vô phần nên không vui mừng? Tôi thí dụ,

các anh em cùng học chung một lớp, đến giờ trả bài, anh A trả bài thuộc được tám điểm thầy khen giỏi, anh B trả bài thuộc được tám điểm cũng được thầy khen giỏi. Mình lúc đó cũng thuộc bài chưa được gọi lên trả bài trong lòng cũng mong được thầy gọi lên trả bài. Nếu hôm đó mình không thuộc bài thì không dám mong được trả bài. Qua thí dụ này chúng ta thấy sở dĩ các ngài mong được Phật thọ ký, là vì các ngài cũng có sở ngộ như những người bạn đồng đẳng mà chưa được Phật xác chứng, nên mong chờ; nếu các ngài chưa ngộ chắc không dám mong. Do thấy được tâm mong chờ đó Phật liền thọ ký cho. Đó là ý nghĩa vui mừng chờ thọ ký là như vậy.

Chánh văn:

8. Bấy giờ, năm trăm vị A-la-hán ở trước Phật được thọ ký xong, vui mừng hớn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, đầu mặt lạy chân Phật, ăn năn lỗi của mình mà tự trách:

Thế Tôn! chúng con thường nghĩ như vầy, tự cho mình đã được rốt ráo diệt độ, nay mới biết đó là như người vô trí. Vì sao? Chúng con đáng được trí tuệ Như Lai mà bèn tự lấy trí nhỏ cho là đủ.

Thế Tôn! Thí như có người đến nhà bạn thân say rượu mà nằm, lúc đó người bạn thân có việc quan phải đi, lấy châu báu vô giá cột trong áo của gã say, cho đó rồi đi. Gã đó say nằm đều không hay biết, sau khi dậy bèn dạo đi đến nước khác, vì việc ăn mặc mà phải gắng sức cầu tìm rất là khổ nhọc, nếu có được chút ít bèn cho là đủ.

Lúc sau người bạn thân gặp gỡ thấy gã bèn bảo rằng: "Lạ thay! Anh này, sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này? Ta lúc trước muốn cho anh được an vui tha hồ thọ năm món dục, ở ngày tháng năm đó, đem châu báu vô giá cột vào trong áo anh, nay vẫn còn đó mà anh không biết, lại đi nhọc nhằn sầu khổ để cầu tự nuôi sống thật là khờ lắm; nay anh nên đem ngọc báu đó đổi chác lấy đồ cần dùng thời thường được vừa ý không chỗ thiếu thốn."

Đức Phật cũng lại như vậy, lúc làm Bồ-tát giáo hóa chúng con khiến phát lòng cầu Nhất thiết trí, mà chúng con liền bỏ quên không hay không biết. Đã được đạo A-la-hán tự nói là diệt độ, khổ nhọc nuôi sống được chút ít cho là đủ, tất cả trí nguyện vẫn còn chẳng mất. Ngày nay đức Thế Tôn giác ngộ chúng con mà nói rằng: "Các Tỳ-kheo! Đạo của các ông không phải rốt ráo diệt. Ta từ lâu đã khiến các ông gieo căn lành của Phật, dùng sức phương tiện chỉ tướng Niết-bàn mà các ông cho là thật được diệt độ."

Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình thật là Bồ-tát được thọ ký sẽ thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nhân duyên đó lòng rất vui mừng được điều chưa từng có.

Bấy giờ, ông A-nhã Kiều-trần-như muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

9. Chúng con nghe Vô thượng
Tiếng thọ ký an ổn

Vui mừng chưa từng có
Lạy Phật trí vô lượng.
Nay ở trước Thế Tôn
Tự hối các lỗi quấy
Trong Phật báu vô lượng
Được chút phần Niết-bàn
Như người ngu vô trí
Bèn tự cho là đủ.
Thí như người nghèo cùng
Qua đến nhà thân hữu
Nhà đó rất giàu lớn
Bày đủ các tiệc ngon
Đem châu báu vô giá
Cột dính trong vạt áo
Thầm cho rồi bỏ đi
Gã say nằm không hay.
Sau khi gã đã dậy
Dạo đi đến nước khác
Cầu ăn mặc tự sống
Nuôi sống rất khốn khổ
Được ít cho là đủ
Chẳng lại muốn đồ tốt
Chẳng biết trong vạt áo
Có châu báu vô giá.

Người thân hữu cho châu
Sau gặp gã nghèo này
Khổ thiết trách gã rồi
Chỉ cho châu trong áo.
Gã nghèo thấy châu đó
Lòng gã rất vui mừng
Giàu có các của cải
Tha hồ hưởng ngũ dục.
Chúng con cũng như vậy
Thế Tôn từ lâu xưa
Thường thường giáo hóa cho
Khiến gieo nguyện Vô thượng.
Chúng con vì vô trí
Chẳng hay cũng chẳng biết
Được chút phần Niết-bàn
Cho đủ chẳng cầu nữa.
Nay Phật giác ngộ con
Nói chẳng phải thật diệt
Được Phật tuệ Vô thượng
Đó mới là thật diệt.
Con nay từ Phật nghe
Thọ ký việc trang nghiêm
Cùng tuần tự thọ ký
Thân tâm khắp mừng vui.

Giảng:

Năm trăm vị A-la-hán được thọ ký vui mừng hớn hở, ăn năn lỗi mình và tự trách: Mình cũng có khả năng thành Phật và cũng được Phật thọ ký, vậy mà từ lâu chứng quả A-la-hán tự cho là đủ, nay mới biết mình là kẻ vô trí, chỉ biết lấy trí nhỏ cho là đủ. Nên các ngài mới dùng thí dụ hạt châu cột trong chéo áo của chàng say rượu. Tại sao các ngài dùng thí dụ này? Vì ở phẩm Hóa Thành Dụ, Phật có nói thuở ngài còn tu hạnh Sa-di Bồ-tát đã từng nói kinh Pháp Hoa giáo hóa đồ đệ, nay ngài thành Phật những đồ đệ này cũng có duyên theo ngài là hàng hữu học vô học chứng A-la-hán ở trong hội này. Những vị này nghe Phật nhắc lại, liền nhớ mình đã được gieo trồng hạt giống tri kiến Phật hồi xa xưa, nay lại quên, cứ theo phương tiện Phật dạy hiện thời tu theo hạnh Thanh văn. Nay Phật nhắc lại liền tin nhận, được an vui tự tại và được Phật thọ ký.

Các ngài dùng hình ảnh anh chàng nghèo say rượu tới thăm người bạn thân, được bạn đãi cơm thịnh soạn và tặng cho một hạt châu cột trong chéo áo. Do uống rượu say nên quên không nhớ mình có hạt châu quý giá, cứ đi lang thang cầu thực một cách khổ sở. Sau bạn cũ bất thần gặp lại, thì ra anh bạn nghèo say nay vẫn còn nghèo, mới trách: "Xưa tôi có cho anh một hạt châu cột trong chéo áo sao không lấy ra dùng?" Từ đó anh bạn nghèo mới lấy hạt châu ra xài và trở thành người giàu có sang trọng. Người cho châu là dụ cho đức Phật, từ thuở xa xưa ngài đã từng nói kinh Pháp Hoa giáo hóa

cho đồ đệ rồi. Kẻ nghèo say rượu chỉ cho hàng đệ tử đã được Phật nói kinh Pháp Hoa rồi mà quên đi. Bấy giờ được Phật nhắc lại mới nhớ, nhận ra tri kiến Phật nơi mình và được Phật thọ ký sẽ thành Phật. Qua thí dụ này, chúng ta thấy tâm hạnh của hàng Thanh văn còn hạn cuộc chưa viên mãn, được chút ít cho là đủ. Chỗ mà hàng Thanh văn lấy làm sở chứng sở đắc đó không phải là bản hoài của Phật; Phật muốn ai tu rồi cũng thành Phật như ngài, chứ không bằng lòng cho chúng ta an trú ở quả vị Thanh văn, Duyên giác.

Vậy kinh Pháp Hoa dạy chúng ta phát tâm tu phải rộng lớn, là tự mình tu được giác ngộ thành Phật và giáo hóa cho người tu cũng được giác ngộ thành Phật như mình. Muốn được thế thì phải trải qua thời gian công phu tu tập lâu dài, công hạnh mới viên mãn.

IX- PHẨM THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ

Thọ Học Vô Học Nhân Ký nghĩa là thọ ký cho hàng đệ tử hữu học và vô học. Hàng hữu học là người tu chứng từ quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Tôn giả A-nan và La-hầu-la bấy giờ còn ở trong vòng hữu học. Hàng vô học là những người tu dứt sạch lậu hoặc, chứng A-la-hán.

Chánh văn:

1. Bấy giờ ngài A-nan và ngài La-hầu-la nghĩ như vầy: "Chúng ta tự suy nghĩ, nếu được thọ ký thời sung sướng lắm". Liền từ nơi chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật, đầu mặt lạy chân Phật đồng bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Chúng con trong đây cũng đáng có phần, chỉ có đức Như Lai là chỗ về nương của chúng con. Lại chúng con là người quen biết của tất cả trời, người, a-tu-la trong đời. A-nan thường làm vị

thị giả hộ trì tạng Pháp, La-hầu-la là con của Phật, nếu Phật thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho, thời lòng nguyện cầu của chúng con đã mãn, mà lòng trông của chúng cũng được đủ.

Lúc đó, hàng đệ tử Thanh văn, bậc hữu học cùng vô học, hai nghìn người đều từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu đến trước Phật chắp tay, một lòng chiêm ngưỡng dung nhan của Thế Tôn như chỗ nguyện cầu của A-nan và La-hầu-la, rồi đứng qua một phía.

Giảng:

Tôn giả A-nan và La-hầu-la là hai vị gần gũi với Phật nhất, lòng tha thiết muốn được thọ ký nên cùng đứng lên một lượt trình bày sở nguyện của mình. Tôn giả A-nan đặc biệt là hộ trì tạng Pháp, tôn giả La-hầu-la là con của Phật, tất cả hội chúng ai cũng đều biết là chưa được thọ ký, nay mong được Phật thọ ký để mọi người được mãn nguyện. Thấy hai vị đứng dậy thưa thỉnh thì hàng đệ tử hữu học vô học đồng hưởng ứng cũng mong được Phật thọ ký.

Chánh văn:

2. Bấy giờ, đức Phật bảo A-nan:

Ông ở đời sau sẽ được làm Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,

Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn; ông sẽ cúng dường sáu mươi hai ức đức Phật, hộ trì tạng Pháp, vậy sau chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giáo hóa hai mươi nghìn muôn ức hằng hà sa các chúng Bồ-tát v.v... làm cho thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nước tên là Thường Lập Thắng Phan, cõi đó thanh tịnh, đất bằng chất lưu ly. Kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn. Đức Phật đó thọ mạng vô lượng nghìn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp, nếu có người ở trong nghìn muôn ức vô lượng a-tăng-kỳ kiếp tính đếm số kể chẳng có thể biết được. Chánh pháp trụ đời gấp bội thọ mạng, tượng pháp lại gấp bội chánh pháp.

A-nan! Đức Phật Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương đó, được vô lượng nghìn muôn ức hằng hà sa các đức Phật Như Lai ở mười phương đồng ngợi khen công đức của ngài.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

3. Nay ta nói trong tăng:
A-nan người trì pháp
Sẽ cúng dường các Phật
Vậy sau thành Chánh giác
Hiệu rằng: Sơn Hải Huệ
Tự Tại Thông Vương Phật
Cõi nước kia thanh tịnh

Tên Thường Lập Thắng Phan
Giáo hóa các Bồ-tát
Số đông như hằng sa
Phật có oai đức lớn
Tiếng đồn khắp mười phương
Vì bởi thương chúng sanh
Nên sống lâu vô lượng
Chánh pháp bội thọ mạng
Tượng pháp lại bội chánh.
Vô số hàng chúng sanh
Đông như cát sông Hằng
Ở trong pháp Phật đó
Gieo nhân duyên Phật đạo.

Giảng:

Trước hết là Phật thọ ký cho tôn giả A-nan cúng dường sáu mươi hai ức đức Phật, hộ trì tạng Pháp sau sẽ thành Phật hiệu là Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương, giáo hóa hai mươi nghìn muôn ức hằng hà sa chúng Bồ-tát cũng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tên nước là Thường Lập Thắng Phan, tức là thường dựng cây cờ thù thắng, kiếp tên Diệu Âm Biến Mãn tức là kiếp đó có tiếng nhiệm mầu khắp cả. Thọ mạng vô lượng nghìn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp. Sở dĩ ngài được thọ ký như thế là vì do công hạnh tu tập của ngài chứa nhóm mà được vậy.

Chánh văn:

4. Bấy giờ, trong hội hàng Bồ-tát mới phát tâm, tám nghìn người đều nghĩ thế này: "Chúng ta còn chưa nghe các vị Bồ-tát lớn được thọ ký như thế, có nhân duyên gì mà các Thanh văn được thọ ký như thế?"

Lúc ấy, đức Thế Tôn biết tâm niệm của các vị Bồ-tát mà bảo rằng:

Các thiện nam tử! Ta cùng bọn ông A-nan ở chỗ đức Phật Không Vương đồng thời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. A-nan thường ưa học rộng, còn ta thường siêng năng tinh tấn, cho nên nay ta đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà A-nan hộ trì pháp của ta, ông cũng sẽ hộ trì pháp tạng của các đức Phật tương lai, giáo hóa thành tựu các chúng Bồ-tát. Bản nguyện của ông như thế nên được thọ ký dường ấy.

Ngài A-nan tận mặt ở trước Phật, tự nghe Phật thọ ký cùng cõi nước trang nghiêm, chỗ mong cầu đã đủ lòng rất vui mừng được điều chưa từng có. Tức thời nghĩ nhớ tạng Pháp của vô lượng nghìn muôn ức các đức Phật thuở quá khứ, suốt thấu không ngại như hiện nay nghe và cũng biết bản nguyện.

Khi đó, ngài A-nan nói kệ rằng:

Thế Tôn rất ít có
Khiến con nhớ quá khứ

Vô lượng các Phật pháp
Như chỗ nghe ngày nay
Con nay không còn nghi
An trụ trong Phật đạo
Phương tiện làm thị giả
Hộ trì các Phật pháp.

Giảng:

Tôn giả A-nan được thọ ký rồi thì hàng Bồ-tát sơ phát tâm trong đại chúng khởi nghĩ: Tại sao mình tu hạnh Bồ-tát chưa được thọ ký mà Phật thọ ký cho hàng Thanh văn, như vậy là lý do gì? Nhân đó Phật mới giải thích lý do: Hồi thời đức Phật Không Vương, tôn giả A-nan cùng với Phật Thích-ca đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Song tôn giả A-nan thì ưa học rộng, Phật Thích-ca thì tinh tấn tu hành nên nay ngài đã thành Phật, tôn giả A-nan thì còn hộ trì pháp Phật. Đó là nguyên nhân mà Phật thọ ký cho tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan phát tâm đồng thời với đức Phật, nhưng vì ngài nghiêng về học vấn nên thông thì có thông mà ngộ thì chưa, nên phải hộ trì tạng Pháp của sáu mươi hai ức đức Phật mới chứng thành Phật đạo. Thế nên, người tinh tấn tu hành và người ham học rộng biết nhiều, kết quả sai biệt như vậy. Tuy nhiên, không phải đặt nặng phần tu mà thiếu phần học, nếu tu mà không học thì tu mù tu sai, kết quả cũng không tới đâu, tự mình không lợi ích cũng không giáo hóa được người. Nếu lấy

sự học hiểu làm trên, thì thời gian học hiểu chiếm hết không có thì giờ tu và giáo hóa, thì công hạnh tự giác giác tha làm sao viên mãn thành Phật? Học tuy khó mà nhiều người ham, tu thấy dễ mà ít người kham nổi, cần phải nỗ lực cả hai mặt.

Chánh văn:

5. Bấy giờ, Phật bảo ông La-hầu-la:

Ông ở đời sau sẽ được làm Phật hiệu Đạo Thất Bửu Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ông sẽ cúng dường các đức Như Lai như số vi trần trong mười thế giới. Thường vì các đức Phật mà làm trưởng tử, cũng như hiện nay.

Đức Phật Đạo Thất Bửu Hoa đó, cõi nước trang nghiêm, kiếp số thọ mạng, giáo hóa đệ tử, chánh pháp và tượng pháp cũng đồng như đức Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai không khác. Ông cũng làm trưởng tử cho Phật này, qua sau đây rồi sẽ được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Lúc ta làm thái tử
La-hầu làm trưởng tử,
Ta nay thành Phật đạo

Thọ pháp làm Pháp tử,
Ở trong đời vị lai
Gặp vô lượng ức Phật
Làm trưởng tử cho kia
Một lòng cầu Phật đạo.
Hạnh kín của La-hầu
Chỉ ta biết được thôi
Hiện làm con của ta
Để chỉ các chúng sanh
Vô lượng ức nghìn muôn
Công đức không thể đếm
An trụ trong Phật pháp
Để cầu đạo Vô thượng.

Giảng:

Kế đến, Phật thọ ký cho tôn giả La-hầu-la cúng dường chư Phật nhiều như số vi trần trong mười thế giới và cũng thường làm trưởng tử chư Phật, với tâm cầu Phật đạo tu mật hạnh sẽ thành Phật hiệu là Đạo Thất Bửu Hoa, cõi nước, thọ mạng, giáo hóa cũng như đức Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai.

Chánh văn:

6. Bấy giờ, đức Thế Tôn thấy bậc hữu học cùng vô học hai nghìn người, chí ý hòa dịu vắng lặng trong sạch, một lòng nhìn Phật. Phật bảo A-nan:

Ông thấy bậc hữu học vô học hai nghìn người đây chăng?

Vâng! Con đã thấy.

A-nan! Các người này sẽ cúng dường các đức Như Lai như số vi trần trong năm mươi thế giới, cung kính tôn trọng hộ trì tạng Pháp. Rốt sau đồng thời ở cõi nước trong mười phương đều được thành Phật, đều đồng một hiệu là Bửu Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn sống lâu một kiếp, cõi nước trang nghiêm, Thanh văn, Bồ-tát, chánh pháp, tượng pháp thảy đều đồng nhau.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Hai nghìn Thanh văn đây
Nay đứng ở trước ta
Thảy đều thọ ký cho
Đời sau sẽ thành Phật
Cúng dường các đức Phật
Như số trần nói trên.
Hộ trì tạng pháp Phật
Sau sẽ thành Chánh giác
Đều ở nơi mười phương
Thảy đồng một danh hiệu

Đồng thời ngồi đạo tràng
Để chứng tuệ Vô thượng
Đều hiệu là Bửu Tướng
Cõi nước cùng đệ tử
Chánh pháp và tượng pháp
Thảy đều không có khác.
Đều dùng các thần thông
Độ mười phương chúng sanh
Tiếng đồn vang khắp cùng
Lần nhập vào Niết-bàn.

Lúc đó, bậc hữu học cùng vô học hai nghìn người nghe đức Phật thọ ký vui mừng hớn hở mà nói kệ rằng:

Thế Tôn đèn tuệ sáng
Con nghe tiếng thọ ký
Lòng vui mừng đầy đủ
Như được rưới cam lồ.

Giảng:

Sau cùng, Phật thọ ký cho hàng hữu học và vô học cả thảy hai ngàn người, về sau cúng dường chư Phật nhiều như số vi trần trong năm mươi thế giới cũng hộ trì pháp tạng. Rốt sau thành Phật đồng hiệu là Bửu Tướng, tuổi thọ, sự giáo hóa đồng giống nhau. Những vị này đều nhân Phật chỉ dạy nên bấy giờ gặp lại và được Phật

thọ ký. Khi được thọ ký các ngài đồng phát tâm vui mừng thấy như được rưới cam lồ.

Tới đây tôi lặp lại lần nữa, hàng thượng thượng căn như ngài Xá-lợi-phất chỉ nghe qua một lần (phẩm Phương Tiện) là ngộ. Hàng thượng căn như ngài Ma-ha Ca-diếp, Tu-bồ-đề... Phật nói thêm một thí dụ nữa (phẩm Thí Dụ) các ngài mới ngộ. Còn hàng trung căn thì Phật phải giảng dạy thêm (Hóa Thành Dụ) rồi mới ngộ. Đến hàng hạ căn thì chưa ngộ nên Phật phải mấy phen nói đi nói lại để cho ngộ.

X- PHẨM PHÁP SƯ

Pháp Sư là thầy nói pháp, mà pháp được nói là kinh Diệu Pháp Liên Hoa tức là tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi người. Nếu quên, không nhớ nơi mình có tri kiến Phật thì đời đời kiếp kiếp không bao giờ thành Phật. Nếu nhớ nơi mình có tri kiến Phật lấy đó làm nhân tu hành không nghi ngờ thì thời gian sau sẽ thành Phật. Vì tri kiến Phật quan trọng như vậy, nếu người chỉ tri kiến Phật cho chúng ta nhớ và tin để tu hành thì công đức người đó vô lượng vô biên không tính kể. Vì vậy phẩm này trước tán thán Kinh, kế đó tán thán người truyền bá Kinh.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nhân nói với Dược Vương Bồ-tát để bảo tám muôn Đại sĩ rằng:

Dược Vương! Trong đại chúng đây vô lượng hàng chư thiên, long vương, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân

cùng phi nhân, và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hạng cầu Thanh văn, hạng cầu Bích-chi Phật, hạng cầu Phật đạo, các loại như thế đều ở trước Phật nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa một bài kệ, một câu, nhẫn đến một niệm tùy hỷ đó, ta đều thọ ký cho sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Dược Vương:

Lại sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhẫn đến một bài kệ, một câu, một niệm tùy hỷ đó, ta cũng thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho.

Nếu lại có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhẫn đến một bài kệ, đối Kinh điển này cung kính xem như Phật. Các thứ cúng dường: hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, nhẫn đến chắp tay cung kính. Dược Vương nên biết! Các người trên đó đã từng cúng dường mười muôn ức Phật, ở chỗ các đức Phật thành tựu chí nguyện lớn vì thương xót chúng sanh mà sanh vào nhân gian.

Dược Vương! Nếu có người hỏi những chúng sanh nào ở đời vị lai sẽ được làm Phật? Nên chỉ các người trên đó ở đời vị lai ắt được làm Phật. Vì sao? Nếu có gã thiện nam, người thiện nữ nào ở nơi kinh Pháp Hoa nhẫn đến một câu, thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép. Các thứ cúng dường kinh quyển, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa,

hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, kỹ nhạc, chắp tay cung kính. Người đó tất cả trong đời đều nên chiêm ngưỡng sùng phụng. Nên đem đồ cúng dường Như Lai mà cúng dường đó. Phải biết người đó là Bồ-tát lớn thành xong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thương xót chúng sanh mà nguyện sanh trong đời để rộng nói phân biệt kinh Diệu Pháp Liên Hoa, huống lại là người trọn hay thọ trì và các thứ cúng dường.

Dược Vương nên biết! Người đó tự bỏ nghiệp báo thanh tịnh, sau khi ta diệt độ vì thương chúng sanh mà sanh nơi đời ác, rộng nói Kinh này. Nếu người thiện nam, người thiện nữ đó, sau khi ta diệt độ có thể riêng vì một người nói kinh Pháp Hoa, nhẫn đến một câu, phải biết người là sứ của Như Lai, đức Như Lai sai làm việc của Như Lai, huống là ở trong đại chúng rộng vì người nói.

Dược Vương! Nếu có người ác dùng tâm không lành ở trong một kiếp hiện ở trước Phật thường chê mắng Phật, tội đó còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời dữ chê mắng người tại gia hay xuất gia đọc tụng kinh Pháp Hoa, tội đây rất nặng.

Dược Vương! Có người đọc tụng kinh Pháp Hoa, phải biết người đó dùng đức trang nghiêm của Phật tự trang nghiêm mình, thời được Như Lai dùng vai mang vác. Người đó đến đâu, mọi người nên hướng theo làm lễ, một lòng chắp tay cung kính cúng dường, tôn trọng, ngợi khen: hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng nhiễu,

tràng phan, y phục, đồ ngon, trỗi các thứ kỹ nhạc, đồ cúng bậc thượng của trong loài người mà đem cúng dường cho người đó, nên cầm báu trời mà rải cúng đó, nên đem đống báu trên trời dâng cho đó.

Vì sao? Người đó hoan hỷ nói pháp, giây lát nghe pháp liền được rốt ráo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vậy.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2. Nếu muốn trụ Phật đạo
Thành tựu trí tự nhiên
Thường phải siêng cúng dường
Người thọ trì Pháp Hoa.
Có ai muốn mau được
Nhất thiết chủng trí tuệ
Nên thọ trì Kinh này
Và cúng dường người trì.
Nếu người hay thọ trì
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Nên biết là sứ Phật
Thương nhớ các chúng sanh.
Những người hay thọ trì
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Xa bỏ cõi thanh tịnh
Thương chúng nên sanh đây.
Phải biết người như thế

Chỗ muốn sanh tự tại
Ở nơi đời ác này
Rộng nói pháp Vô thượng,
Nên đem hoa, hương trời
Và y phục, báu trời
Đống báu tốt trên trời
Cúng dường người nói pháp.
Đời ác, sau ta diệt
Người hay trì Kinh này
Phải chắp tay lễ kính
Như cúng dường Thế Tôn,
Đồ ngon ngọt bậc thượng
Và các món y phục
Cúng dường Phật tử đó
Mong được giây lát nghe.
Nếu người ở đời sau
Hay thọ trì Kinh này
Ta khiến ở trong người
Làm việc của Như Lai.
Nếu ở trong một kiếp
Thường ôm lòng chẳng lành
Đỏ mặt mà mắng Phật
Mắc vô lượng tội nặng.
Có người đọc tụng trì
Kinh Diệu Pháp Hoa này

Giây lát dùng lời mắng
Tội đây lại hơn kia.
Có người cầu Phật đạo
Mà ở trong một kiếp
Chắp tay ở trước ta
Dùng vô số kệ khen
Do vì khen Phật vậy
Được vô lượng công đức,
Khen ngợi người trì Kinh
Phước đây lại hơn kia.
Trong tám mươi ức kiếp
Dùng sắc thanh tối diệu
Và cùng hương, vị, xúc
Cúng dường người trì Kinh
Cúng dường như thế rồi
Mà được chốc lát nghe
Thời nên tự mừng vui
Nay ta được lợi lớn.
Dược Vương! Nay bảo ông
Các kinh của ta nói
Mà ở trong kinh đó
Pháp Hoa tột thứ nhất.

Giảng:

Phẩm Pháp Sư cho chúng ta thấy đức Phật vì hàng hạ căn như Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

thiên, long... hạng cầu Thanh văn, cầu Bích-chi Phật, cầu Phật, ở trước Phật nghe chừng một câu Kinh, một bài kệ nhẫn đến phát tâm tùy hỷ, đều được Phật thọ ký thành bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì đã có giống Phật chắc chắn sẽ thành Phật. Như vậy là đại chúng ở đây ai cũng thấy mình có phần hết. Còn chúng ta hiện nay tuy có nghe kinh Pháp Hoa, nhưng không sanh đồng thời với Phật nên không được thọ ký, thấy như vô phần. Nhưng chúng ta đừng mặc cảm vì Phật có nói: *Lại sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhẫn đến một bài kệ, một câu, một niệm tùy hỷ đó, ta cũng thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho*. Đức Phật tuần tự thọ ký cho người có mặt và ngầm thọ ký cho người sau. Như vậy là pháp Phật nói ra trùm khắp các căn cơ của chúng sanh, hàng hạ căn cũng có phần trong đó.

Phật nói ai mà nghe kinh Pháp Hoa hoặc thọ trì, đọc tụng, biên chép, vì người giải nói cung kính cúng dường, người đó từ trước đã cúng dường mười muôn ức đức Phật và cũng đã thành tựu công đức Phật, hoặc vì chí nguyện lớn thương xót chúng sanh mà vào cõi này chứ không phải mới tu, các vị đó đang hành Bồ-tát hạnh. Như vậy là Phật vì căn cơ bậc thấp mà nâng lên, để cho chúng ta khỏi mặc cảm chỉ có các bậc chứng A-la-hán, hàng hữu học vô học được thọ ký, còn chúng ta thì vô phần. Nếu đã có phần với kinh Pháp Hoa thì sau này thành Phật không nghi.

Đến đây Phật lặp lại cho rõ ý ngài đã nêu ở trên, là *có người hỏi những chúng sanh nào ở đời vị lai sẽ*

được làm Phật? Ngài nói chỉ những người thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh Pháp Hoa. Những người tu hạnh Bồ-tát vì lợi ích chúng sanh mà trở lại cõi này, những người cúng dường Phật hãy đến cúng dường những người đó. Phật nâng chúng ta lên tột đỉnh, ngang với đức Phật để cho chúng ta đừng tự ti mặc cảm mình là chúng sanh hèn hạ không có phần. Đó là lòng từ bi vô bờ bến của Phật. Ngài dạy cho hàng thượng căn khác, dạy cho hàng hạ căn khác, để cho hàng chúng sanh nào cũng có lòng tin rằng mình có tri kiến Phật. Dù là một niệm hướng về trí tuệ Phật mà tiến tu thì sớm muộn gì cũng thành Phật. Vì đã tin mình có Phật nhân nên tu hạnh Bồ-tát, tu hạnh Bồ-tát là vì chúng sanh mà giáo hóa cho viên mãn công hạnh thì thành Phật, người đó là sứ giả của Như Lai. Giả sử bây giờ có người hỏi những chúng sanh nào sẽ thành Phật? Tôi chỉ quý vị đang ngồi nghe kinh Pháp Hoa có được không? Được. Chỉ do công phu tu hành tinh tấn hay giải đãi mà thành Phật trước hay sau thôi. Thoạt nghe thấy như dễ nhưng kỳ thật không dễ; vì ở sau, Phật đưa ra những điều kiện mà vị Pháp sư phải có.

Phật nói rằng:

Nếu có người ác dùng tâm không lành ở trong một kiếp hiện ở trước Phật thường chê mắng Phật, tội đó còn nhẹ. Nếu có người dùng một lời dữ chê mắng người tại gia hay xuất gia đọc tụng kinh Pháp Hoa, tội đây rất nặng. Tại sao thường chửi mắng Phật trong một kiếp mà tội nhẹ hơn là dùng một lời dữ chê mắng người phàm phu đọc tụng kinh Pháp Hoa? Có phải Phật thấp hơn kẻ phàm phu trì kinh Pháp Hoa chăng? Xưa, khi Phật

thành đạo đi giáo hóa, nhiều tín đồ Bà-la-môn giáo theo ngài. Các vị truyền đạo Bà-la-môn giận tức nên vây chửi Phật, ngài thản nhiên không đáp, khiến họ càng tức thêm nên chặn Phật lại hỏi lý do. Ngài trả lời là ngài không thọ nhận lời chửi mắng đó, nên ngài thản nhiên bất động. Vì ngài thản nhiên bất động nên không có sân hận dấy khởi, làm gì có chướng ngại Phật? Đối với người phàm phu mới phát tâm tu, đạo lực còn yếu kém, nếu bị người ác mắng chửi, sân hận liền dấy khởi, thối tâm Bồ-đề.

Phật nêu lên thí dụ này để nhấn mạnh kẻ làm cho người tu trở ngại, thối Bồ-đề tâm là tội nặng. Còn làm, mà người tu không chướng ngại không thối chuyển, ngay cả mắng chửi Phật, tội cũng nhẹ. Đối với đức Phật, đồng một việc ác, nếu việc ác đó gây tổn hại sự tu hành nhiều thì tội nặng, nếu không gây tổn hại cho sự tu hành thì tội nhẹ. Vì chửi mắng Phật mà Phật không thối tâm Bồ-đề, Phật không bị tổn thương nên ngài nói tội nhẹ. Còn hàng phàm phu sơ cơ, nếu làm khó hoặc chửi mắng làm cho họ thối tâm Bồ-đề thì tội nặng. Tội nặng ở chỗ làm cho người tu không tiến, chứ không phải nặng ở chỗ người có công đức nhiều hay người có công đức ít. Để thấy lòng từ của Phật vô lượng vô biên, chỉ vì lợi ích cho chúng sanh, muốn cho mọi người tiến đến chỗ giác ngộ như ngài mà không ngần ngại tự hạ mình thấp đưa người lên, để tạo duyên tốt cho người tu tiến. Tới đây Phật nói quá dễ, chỉ cần tùy hỷ hay đọc tụng năm, bảy câu cũng được Phật thọ ký. Đó là vì hạng người hạ căn, tâm hạ liệt nên Phật phải nói dễ để nâng đỡ cho họ tu, chứ không phải là pháp dễ.

Thứ đến Phật còn hạ thấp ngài xuống một bậc nữa, ngài nói:

Có người đọc tụng kinh Pháp Hoa phải biết người đó dùng đức trang nghiêm của Phật, tự trang nghiêm mình, thời được Như Lai dùng vai mang vác. Phật là bậc thầy của trời người, là bậc Toàn giác tại sao lại cõng vác kẻ phàm phu mới phát tâm tu? Thí dụ người đời sanh ra một đứa con dáng dấp tính hạnh cũng như cách nói năng rất vừa ý họ. Đứa bé đó rất được họ thương cưng, chính vì thương cưng nên họ thường ẵm bồng, cõng trên lưng trên vai. Cũng vậy, bản hoài của Phật ra đời là dạy cho người tu thành Phật, nên người trì tụng kinh Pháp Hoa tức là tin mình có sẵn tri kiến Phật và tu hành để được thành Phật, nên Phật hài lòng nâng đỡ cho tiến; ở đây diễn tả bằng cách cõng vác trên vai. Lại nữa, tri kiến Phật của Phật hay tri kiến Phật của người không hai không khác. Vì không hai không khác nên ngài hằng mang vác không rời.

Chánh văn:

3. Lúc bấy giờ, Phật lại bảo ngài Dược Vương đại Bồ-tát:

Kinh điển của ta nói nhiều vô lượng nghìn muôn ức, đã nói, hiện nói, sẽ nói, mà ở trong đó kinh Pháp Hoa rất là khó tin, khó hiểu.

Dược Vương! Kinh này là tạng bí yếu của các đức Phật, chẳng có thể chia bủa vọng trao cho người. Kinh đây là của các đức Phật giữ gìn từ xưa

đến nay chưa từng bày nói, mà chính Kinh này khi Như Lai đang hiện tại còn nhiều kẻ oán ghét, huống là sau lúc Phật diệt độ.

Dược Vương nên biết! Sau khi Như Lai diệt độ người nào có thể biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, vì người khác mà nói, thời được Như Lai lấy y trùm đó, lại được các đức Phật hiện tại ở phương khác hộ niệm cho. Người đó có sức tin lớn và sức chí nguyện, các sức căn lành, phải biết người đó cùng Như Lai ở chung, được đức Như Lai lấy tay xoa đầu.

Giảng:

Trong các kinh Phật nói, như Tứ đế, Thập nhị nhân duyên... thì kinh Pháp Hoa là bậc nhất, khó tin khó hiểu. Vì kinh Pháp Hoa chỉ thẳng tri kiến Phật, là chỗ giác ngộ viên mãn mà Phật đã đạt được và biết mọi người ai cũng có sẵn, nên Phật chỉ cho để tu thành Phật như ngài. Nhưng khi Phật chỉ thì người ta không tin không nhận được, vì mọi người quen nhìn ra ngoài không biết tự tri. Hơn thế nữa, tri kiến Phật là cái không hình không tướng, không thể dùng mắt thịt hay suy tư mà biết được nên khi chỉ thì khó nhận khó tin.

Đến đây Phật lại an ủi người sau, khi Phật còn tại thế nói kinh Pháp Hoa người nghe còn khó tin khó nhận, sanh lòng oán ghét, huống là sau khi Phật diệt độ. Vì kinh Pháp Hoa là *tạng bí yếu của các đức Phật*, chỉ có người khéo nghe khéo nhận mới tin được. Còn nghe mà không hiểu thì không tin, nếu không hiểu không tin thì xem thường, rồi sanh lòng phỉ báng.

Phật lại nói, sau khi Phật diệt độ có người trì tụng, biên chép, giảng nói kinh Pháp Hoa thì sẽ được Phật lấy y trùm, và người đó cùng Như Lai ở chung, được Như Lai lấy tay xoa đầu. Hiện tại có rất nhiều người trì tụng và giảng kinh Pháp Hoa, mà chúng ta chưa thấy Phật lấy y trùm và lấy tay xoa đầu, như vậy là Phật nói rỗng sao? Điều này chúng ta cần hiểu cho thấu đáo. Nếu chúng ta thọ trì kinh Pháp Hoa, tức là chúng ta tin nhận nơi mình có tri kiến Phật, mà tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi người không rời thân năm uẩn này, lúc nào cũng hiện hữu nơi mỗi chúng ta. Như vậy, không phải Phật đang trùm chúng ta, xoa đầu chúng ta, và ở chung với chúng ta sao? Quý vị nên nhớ, Như Lai đây không phải là Phật Thích-ca mà là tri kiến Phật hay pháp thân. Nếu hiểu Như Lai là Phật Thích-ca thì chúng ta sẽ ước vọng ra ngoài, tìm kiếm tướng lạ này tướng lạ nọ, trở thành mê tín. Lý kinh rất cao siêu rất thực tế, nếu hiểu lầm thì kinh điển trở thành huyễn hoặc, gây tác hại cho người tu học.

Chánh văn:

4. Dược Vương! Nơi nơi chỗ chỗ, hoặc nói, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc chép, hoặc chỗ có quyển Kinh này, đều nên dựng tháp bằng bảy thứ báu cho tột cao rộng đẹp đẽ, chẳng cần để xá-lợi.

Vì sao? Vì trong đó đã có toàn thân của đức Như Lai rồi. Tháp đó nên dùng tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, lọng lụa, tràng phan, kỹ nhạc, ca tụng, để cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen. Nếu có người thấy được tháp này mà lễ lạy cúng dường,

phải biết những người đó đều gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Dược Vương! Có rất nhiều người tại gia cùng xuất gia hành đạo Bồ-tát, nếu chẳng có thể thấy nghe, đọc tụng, biên chép, thọ trì, cúng dường được kinh Pháp Hoa này, phải biết người đó chưa khéo tu đạo Bồ-tát. Nếu có người được nghe Kinh điển này, mới là hay khéo tu đạo Bồ-tát. Có chúng sanh nào cầu Phật đạo hoặc thấy hoặc nghe kinh Pháp Hoa này, nghe xong tin hiểu thọ trì, nên biết người đó được gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Dược Vương! Thí như có người khát tìm nước ở nơi gò cao kia soi đào tìm đó, vẫn thấy đất khô biết rằng nước còn xa, ra công đào không thôi, lần thấy đất ướt rồi lần thấy đến bùn, tâm người đó quyết chắc biết rằng nước ắt gần.

Bồ-tát cũng lại như thế, nếu chưa nghe chưa hiểu chưa có thể tu tập kinh Pháp Hoa này, phải biết người đó cách đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn xa.

Nếu được nghe hiểu suy gẫm tu tập Kinh này, thời chắc biết được gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát đều thuộc Kinh này, Kinh này mở môn phương tiện bày tướng chân thật. Tạng kinh Pháp Hoa này xa kín nhiệm sâu không có người

đến được, nay Phật vì giáo hóa để thành tựu Bồ-tát mà chỉ bày cho.

Dược Vương! Nếu có Bồ-tát nghe kinh Pháp Hoa này mà kinh nghi sợ sệt, phải biết đó là Bồ-tát mới phát tâm. Nếu hàng Thanh văn nghe Kinh này mà kinh nghi sợ sệt, phải biết đó là hạng tăng thượng mạn.

Giảng:

Phật dạy, nơi chỗ đọc tụng biên chép kinh Pháp Hoa hoặc có kinh Pháp Hoa, nên xây tháp bảy báu cúng dường mà không cần để xá-lợi. Nghĩa là người mà tin hiểu tri kiến Phật tức là tin Phật tánh sẵn có nơi chính mình, như vậy chỗ đó nên xây tháp mà thờ vì có sẵn Phật pháp thân không cần xá-lợi.

Phật nói thêm, người hành đạo Bồ-tát mà chưa thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa thì *người đó chưa khéo tu đạo Bồ-tát*, vì chưa tin nhận nơi mình có sẵn tri kiến Phật. Còn người mà biết thọ trì, biên chép, cúng dường, giảng nói kinh Pháp Hoa thì sẽ *gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác*. Tại sao được gần? Kinh Pháp Hoa là chỉ cho Phật tánh sẵn có nơi mỗi người, người mà biết trở về với Phật tánh của chính mình là người đó gần với Phật rồi, nên nói gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dùng thí dụ người đào giếng, đào từng lớp đất khô rồi dần dần tới lớp đất âm ẩm, lần tới lớp đất ướt. Khi tới lớp đất ướt là biết sắp tới nước. Cũng vậy, người nào đối với kinh Pháp Hoa đủ niềm tin, biết trở về

với chính mình thì chắc chắn người đó sẽ thành Phật. Vì biết mình có sẵn tri kiến Phật và biết trở về với tri kiến Phật, thì cũng như người đi lạc đường mà tìm ra đường về, và bắt đầu đi về thì chắc chắn người đó sẽ tới nhà.

Tới đây Phật nói ngược lại, nếu người nghe kinh Pháp Hoa không tin lại nghi sợ, nên *biết đó là Bồ-tát mới phát tâm*. Còn hàng Thanh văn nghe Kinh này mà nghi sợ thì *biết đó là tăng thượng mạn*. Tại sao vậy? Vì Phật chỉ thẳng tri kiến Phật, nếu tin nhận được tức là khởi tu Phật nhân, nhất định sẽ thành Phật quả. Bồ-tát tu cốt là để thành Phật, bây giờ nghe kinh Pháp Hoa mà sợ thì biết người đó mới bắt đầu, nên chưa hiểu, chưa tin, lại sợ. Còn hàng Thanh văn tự cho mình chứng quả Tu-đà-hoàn... hay A-la-hán là đủ rồi, bây giờ nghe kinh Pháp Hoa thì không tin nên gọi là tăng thượng mạn, được ít cho là đủ.

Chánh văn:

5. Dược Vương! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào, sau khi đức Như Lai diệt độ, muốn vì hàng bốn chúng mà nói kinh Pháp Hoa này thời phải nói cách thế nào? Người thiện nam, người thiện nữ đó phải vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng mà rộng nói Kinh này.

Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với tất cả chúng sanh; y Như Lai chính là lòng nhu hòa, nhẫn nhục; tòa Như Lai chính là Nhất thiết pháp không. An trụ trong đây, sau rồi dùng tâm không

biếng trễ vì các Bồ-tát và bốn chúng rộng nói kinh Pháp Hoa này.

Dược Vương! Bấy giờ ta ở nước khác sai hàng hóa nhân làm chúng nhóm nghe pháp của người đó, ta cũng sai hóa Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nghe người đó nói pháp. Các người biến hóa đó nghe pháp tin nhận thuận theo không hề trái. Nếu người nói pháp ở chỗ vắng vẻ, ta liền sai nhiều trời, rồng, quỷ, thần, càn-thát-bà, a-tu-la v.v... nghe người đó nói pháp. Ta dầu ở nước khác, nhưng luôn luôn khiến người nói pháp đó được thấy thân ta. Nếu ở trong Kinh này quên mất câu lối, ta lại vì nói cho đó được đầy đủ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Muốn bỏ tánh biếng lười
Nên phải nghe Kinh này
Kinh này khó được nghe
Người tin nhận cũng khó.
Như người khát cần nước
Xoi đào nơi gò cao
Vẫn thấy đất khô ráo
Biết cách nước còn xa
Lần thấy đất ướt bùn
Quyết chắc biết gần nước.
Dược Vương! Ông nên biết
Các người như thế đó

Chẳng nghe kinh Pháp Hoa
Cách trí Phật rất xa,
Nếu nghe Kinh sâu này
Quyết rõ pháp Thanh văn.
Đây là vua các kinh
Nghe xong suy gẫm kỹ
Phải biết rằng người đó
Gần nơi trí tuệ Phật.
Nếu người nói Kinh này
Nên vào nhà Như Lai
Mặc y của Như Lai
Mà ngồi tòa Như Lai
Ở trong chúng không sợ
Rộng vì người giải nói,
Từ bi lớn làm nhà
Y nhu hòa nhẫn nhục
Các pháp không làm tòa
Ở đó vì người nói.
Nếu lúc nói Kinh này
Có người lời ác mắng
Dao gậy, ngói, đá đánh
Nhớ Phật nên phải nhịn.
Ta trong muôn ức cõi
Hiện thân sạch bền chắc
Trải vô lượng ức kiếp

Vì chúng sanh nói pháp.
Sau khi ta diệt độ
Nếu hay nói Kinh này
Ta sai hóa tứ chúng
Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni
Và nam, nữ thanh tịnh
Cúng dường nơi Pháp sư
Dẫn dắt các chúng sanh
Nhóm đó khiến nghe pháp.
Nếu người muốn làm hại
Dao gậy cùng ngói đá
Thời khiến người biến hóa
Giữ gìn cho người đó.
Nếu người nói Pháp Hoa
Ở riêng nơi vắng vẻ
Lặng lẽ không tiếng người
Đọc tụng Kinh điển này
Bấy giờ, ta vì hiện
Thân thanh tịnh sáng suốt
Nếu quên mất chương cú
Vì nói khiến thông thuộc.
Nếu người đủ đức này
Hoặc vì bốn chúng nói
Chỗ vắng đọc tụng Kinh
Đều được thấy thân ta

Nếu người ở chỗ vắng
Ta sai trời, long vương,
Dạ-xoa, quỷ, thần thảy
Vì làm chúng nghe pháp.
Người đó ưa nói pháp
Phân giải không trở ngại
Nhờ các Phật hộ niệm
Hay khiến đại chúng mừng
Nếu ai gần Pháp sư
Mau được đạo Bồ-tát
Thuận theo thầy đó học
Được thấy hằng sa Phật.

Giảng:

Đây Phật đưa ra điều kiện người nói kinh Pháp Hoa phải *vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai* mới đủ tư cách của người nói kinh Pháp Hoa. Vì vào nhà Như Lai mới có tâm từ bi rộng lớn đối với tất cả chúng sanh, mặc y Như Lai mới có đủ nhu hòa nhẫn nhục đối với tất cả mọi khó khổ chướng ngại, ngồi tòa Như Lai mới có đủ trí tuệ rộng lớn thấy rõ tất cả pháp không có tự thể cố định. Từ lâu chúng ta quen học hiểu trên sự tướng, hiểu thọ trì, đọc tụng bằng lời, diễn nói bằng ngôn ngữ, biên chép bằng tay, sẽ được Phật xoa đầu thọ ký thành Phật. Nhưng ở đây Phật dạy, người nói kinh Pháp Hoa phải có đủ ba điều kiện vừa nêu. Nếu muốn giảng nói kinh Pháp Hoa thì trước phải biên chép, thọ trì, đọc tụng cho thể nhập, rồi sau mới vì người mà

giảng dạy. Như vậy thì người thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh Pháp Hoa cũng phải *vào nhà Như Lai, ngồi tòa Như Lai, mặc y Như Lai* mới gần với tri kiến Phật. Tại sao? Vì tri kiến Phật là tánh giác có sẵn nơi mỗi người mà bị vô minh vọng tưởng che khuất; muốn cho tánh giác hiển lộ thì phải có trí tuệ thấy rõ thật tướng tất cả pháp không có tự thể cố định tùy duyên tạm có, huyễn hóa không thật; thấy rõ ràng không lầm lẫn, thì đối với mọi hoàn cảnh khó khổ, đói thiếu, vinh nhục... không cố chấp, không chao động, và thấy chúng sanh đang mê mờ chạy theo giả tướng, tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử không có ngày dừng, nên khởi lòng từ bi tế độ.

Thiền sư Duy Tín nói rằng: *Ba mươi năm trước, tôi thấy núi sông là núi sông. Sau khi gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy, tôi thấy núi sông không phải là núi sông. Bây giờ tôi thấy núi sông là núi sông*. Khi chưa học đạo còn phàm phu, trí tuệ chưa sáng thấy lầm các pháp là thật, nên thấy núi thật là núi, thấy sông thật là sông. Khi được thiện tri thức chỉ dạy biết tu, dùng trí tuệ quán chiếu thấy rõ các pháp không có tự thể cố định, do duyên hợp tạm có không thật, thấy núi không phải là núi, thấy sông không phải là sông, nên không cố chấp không phiền não. Vì không cố chấp nên tâm không vọng động, tâm thể nhất như, thấy các pháp đúng như bản vị của nó, thấy núi là núi, thấy sông là sông. Như vậy, muốn vì người nói kinh Pháp Hoa là phải đủ ba điều kiện nêu trên, mới không hướng dẫn người tu sai lạc.

Phật kết thúc rằng người có đủ ba điều kiện nêu trên, vì chúng sanh nói kinh Pháp Hoa thì Phật sẽ sai

hóa nhân đến để nghe pháp, luôn luôn được Phật hộ niệm và người nói pháp đó là người thấy Phật. Tại sao được thấy Phật? Vì người nói được kinh Pháp Hoa là người có đủ từ bi, nhẫn nhục, trí tuệ; mà người đã có trí tuệ là người hằng sống với trí tuệ Phật thì thấy Phật chứ gì.

Qua phẩm này, chúng ta thấy Phật tán thán kinh Pháp Hoa là ít có, quý nhất trên đời, quý nhất trong các kinh, vì vậy mà Phật tán thán người thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh Pháp Hoa. Kế đó, Phật tán thán người đem Kinh này ra giảng nói cho mọi người nghe, nhắc cho mọi người nhớ và tin nơi mình có sẵn tri kiến Phật là quý. Sau rốt, Phật nêu lên ba điều kiện mà một Pháp sư nói kinh Pháp Hoa phải có: tâm từ bi lớn, nhu hòa nhẫn nhục và sống bằng trí tuệ Bát-nhã.

Như vậy, Phật tùy theo người hạ căn mà nói. Người nào có một niệm hướng về kinh Pháp Hoa đều có thể thành Phật. Ngài nói thật thấp rồi ngài nâng lên cao. Người nói kinh Pháp Hoa phải có ba điều kiện nêu trên, chứ không phải dễ. Phật vừa an ủi kẻ hạ căn không mặc cảm để nỗ lực tu, vừa răn dè kẻ nghe nói dễ rồi lơ là khinh thường, hoặc hiểu theo sự rồi chấp tướng, cứ lo trì tụng lễ bái suông cho là đã đủ công đức sẽ thành Phật. Thành Phật thì ai cũng có khả năng thành, nhưng thành hay không còn tùy thuộc ở người có thực hiện ba điều kiện vừa nêu hay không.

XI- PHẨM HIỆN BẢO THÁP

Như tôi đã nói, mục đích Phật nói kinh Pháp Hoa là để khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Phẩm Tựa nói tổng quát trọn bộ Kinh. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Pháp Sư là phần *khai Phật tri kiến*. Những phẩm này Phật dùng những phương tiện thực tế, cũng như các đệ tử Phật dùng những thí dụ cụ thể nói lên chỗ nhận hiểu của các ngài, để minh chứng rằng các ngài đã tin nhận nơi mình có sẵn tri kiến Phật. Trước tiên là ngài Xá-lợi-phất, kế đến là bốn vị Đại Ca-diếp, Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, sau nữa gồm năm trăm vị A-la-hán, và cuối cùng thì có những vị hữu học, vô học như ngài A-nan, La-hầu-la... Phật tùy theo cơ duyên mà thọ ký cho, phần này là phần khai, tức là mở ra cái hướng để nhìn và đi vào.

Phẩm Hiện Bảo Tháp là phần *thị Phật tri kiến*. *Thị* là chỉ cho người thấy (ngộ), *thị* và *ngộ* không rời nhau. Tri kiến Phật tướng trạng như thế nào mà có thể chỉ được? Tri kiến Phật là tánh giác có sẵn nơi

mỗi người, hằng sáng soi mà không hình không tướng, nên khó chỉ khó nhận. Giống như không khí rất cần thiết cho lẽ sống của sinh vật, nhưng không hình không tướng nên khó chỉ; khó chỉ không phải là không có. Vì vậy mà phải mượn những hình ảnh biểu trưng để chỉ cho chúng ta ngầm nhận ra tri kiến Phật, nên phẩm Hiện Bảo Tháp, phẩm Đề-bà-đạt-đa... nêu lên những hình ảnh biểu trưng cho tri kiến Phật có sẵn muôn thuở không mất ở nơi mỗi người, khi người tin nhận thì nó hiện tiền. Ở đây mang tính cách giải bày nêu ra phần *khai, thị, ngộ, nhập*, kỳ thật toàn bộ Kinh đều chỉ cho mọi người nhận ra nơi thân năm uẩn này có sẵn tri kiến Phật chứ không ở nơi nào khác.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, trước Phật có tháp bằng bảy báu, cao năm trăm do-tuần, ngang rộng hai trăm năm mươi do-tuần, từ dưới đất nổi lên trụ ở giữa hư không; các món vật báu trau giồi, năm nghìn bao lơn, nghìn muôn phòng nhà, vô số tràng phan để nghiêm sức đó, chuỗi ngọc báu rũ xuống, muôn nghìn linh báu treo trên tháp. Bốn mặt đều thoảng đưa ra mùi hương gỗ ly cấu chiên-đàn khắp cùng cả cõi nước. Các phan lọng đều dùng bảy thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khôi hiệp lại thành, cao đến ngang cung trời Tứ thiên vương.

Trời Đao-lợi rưới hoa mạn-đà-la cúng dường tháp báu. Các trời khác và rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân,

phi nhân v.v... nghìn muôn ức chúng đều đem tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, phan, lọng, kỹ nhạc mà cúng dường tháp báu, đồng cung kính tôn trọng ngợi khen.

Bấy giờ, trong tháp báu vang tiếng lớn ra khen rằng:

Hay thay! Hay thay! Đức Thích-ca-mâu-ni Thế Tôn! Có thể dùng tuệ lớn bình đẳng vì đại chúng nói kinh Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm Diệu Pháp Liên Hoa. Đúng thế! Đúng thế! Đức Thích-ca-mâu-ni Thế Tôn! Như lời Phật nói đó, đều là chân thật.

Giảng:

Tới đây Phật nêu lên hình ảnh một tháp bằng bảy báu, từ dưới đất nổi lên trụ giữa hư không, rồi từ trong tháp đó vang ra tiếng khen Phật Thích-ca nói kinh Pháp Hoa là đúng là chân thật. Tháp bảy báu là tượng trưng cho cái thân hình thành bằng thất đại: đất, nước, gió, lửa, không, thức, kiến. Khi ngộ, nhận ra tri kiến Phật thì nó thanh tịnh trở thành thất bảo, nếu còn mê tri kiến Phật, tâm uế trược thì nó là thất đại. Tại sao tháp bảy báu này nổi lên trụ ở giữa hư không mà không trụ ở mặt đất? Ở phẩm Pháp Sư, Phật có nói: người giảng kinh Pháp Hoa phải có đủ ba điều kiện là từ bi, nhẫn nhục và trí tuệ rõ biết tất cả pháp không. Trụ trong hư không là ngồi tòa Như Lai, với trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả các pháp tự tánh là không. Thấy được như thế mới chuyển thất đại thành thất bảo. Ngay trong thất đại có sẵn tri kiến Phật, đoạn sau biểu trưng bằng Phật Đa Bảo, nếu gặp duyên khai mở thì nó hiện ra rõ ràng, nên nói ở trong tháp bảy báu vang ra tiếng khen Phật

Thích-ca nói kinh Pháp Hoa đúng và chân thật. Kinh Pháp Hoa chính là tri kiến Phật, chư Phật đời quá khứ cũng ngộ tri kiến Phật, chư Phật đời hiện tại, đời vị lai cũng ngộ tri kiến Phật không khác.

Chánh văn:

2. Bấy giờ, bốn chúng thấy tháp báu lớn trụ trong hư không, lại nghe trong tháp vang tiếng nói ra, đều được pháp hỷ, lấy làm lạ chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chắp tay rồi đứng một bên.

Lúc đó, có vị đại Bồ-tát tên Đại Nhạo Thuyết biết lòng nghi của tất cả trời, người, a-tu-la v.v... trong thế gian mà bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có tháp này từ đất nổi lên, lại ở trong tháp vang ra tiếng như thế?

Lúc đó, Phật bảo ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát:

Trong tháp báu này có toàn thân Như Lai, thời quá khứ về trước, cách đây vô lượng nghìn muôn ức vô số cõi nước ở phương đông, có nước tên Bảo Tịnh, trong nước đó có Phật hiệu là Đa Bảo, đức Phật đó tu hành đạo Bồ-tát phát lời thệ nguyện lớn rằng: Nếu ta được thành Phật, sau khi diệt độ trong cõi nước ở mười phương có chỗ nào nói kinh Pháp Hoa, thời tháp miếu của ta vì nghe Kinh đó mà nổi ra nơi trước để làm chứng minh khen rằng: "Hay thay!" Đức Phật đó thành Phật rồi lúc sắp diệt độ

ở trong đại chúng, trời, người, bảo các Tỳ-kheo rằng: "Sau khi ta diệt độ muốn cúng dường toàn thân của ta thời nên dựng một tháp lớn."

Đức Phật đó dùng sức nguyện thần thông nơi nơi chỗ chỗ trong mười phương cõi nước, nếu có nói kinh Pháp Hoa, thời tháp báu đó đều nổi ra nơi trước, toàn thân Phật ở trong tháp khen rằng: "Hay thay! Hay thay!"

Đại Nhạo Thuyết! Nay tháp của Đa Bảo Như Lai vì nghe nói kinh Pháp Hoa nên từ dưới đất nổi lên khen rằng: "Hay thay! Hay thay!"

Giảng:

Từ trước những người đứng ra thưa hỏi là những vị Thanh văn, La-hán có trong lịch sử. Tới đây là phần *thị Phật tri kiến* dùng hình ảnh biểu trưng để chỉ, nên người đứng ra thưa hỏi cũng là vị Bồ-tát biểu trưng tên là Đại Nhạo Thuyết. Ngài đứng ra thưa hỏi nguyên do nào tháp nổi lên trụ giữa hư không và vang ra tiếng như vậy?

Ngài được đức Phật giải thích rằng, trong tháp báu ấy có toàn thân Như Lai. Thời quá khứ xa xưa, về phương đông có cõi nước tên là Bảo Tịnh, Phật hiệu Đa Bảo tu hạnh Bồ-tát, có lời thệ nguyện là sau khi ngài diệt độ, nơi nào nói kinh Pháp Hoa thì tháp ngài sẽ nổi lên ở trước để nghe Kinh và chứng minh. Đây lại nêu lên hình ảnh tượng trưng nữa. Phật đã thành Phật mà còn nghe pháp là chuyện thừa, vì đã là bậc vô học rồi đâu còn cần nương pháp để học để tu! Tại sao Phật Đa Bảo đã Niết-bàn rồi mà còn nguyện nghe pháp và chứng minh pháp hội đó?

Rõ ràng là ý nghĩa biểu trưng. Đa Bảo là nhiều báu, Bảo Tịnh là của báu trong sạch, nước Phật và hiệu Phật đều là quý báu, những món quý báu đều chỉ cho tri kiến Phật. Tri kiến Phật thanh tịnh sáng suốt, không bị thời gian không gian chi phối, rất tôn quý nên nói là báu. Ở đây Phật Đa Bảo là chỉ cho tri kiến Phật hay Phật pháp thân, mà Phật pháp thân thì thanh tịnh ở ngay nơi thân thất đại của mỗi người, nên tượng trưng bằng cõi nước Bảo Tịnh. Thí dụ con người chúng ta tâm đang bị phiền não chi phối, thường tạo những ác nghiệp nên thường lộ ra dáng vẻ tối tăm nặng nề, nếu tâm thường an vui sáng suốt, thường tạo nghiệp lành thì lộ ra dáng vẻ tươi sáng thanh tịnh. Vì vậy ở đây nói tâm thanh tịnh thì hiện ra thân cũng thanh tịnh, nên nói là báu.

Chánh văn:

3. Bấy giờ, ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát do sức thần của đức Như Lai mà bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện muốn thấy thân của đức Phật đó.

Phật bảo ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát Ma-ha-tát:

Phật Đa Bảo đó có nguyện sâu nặng: "Nếu lúc tháp báu của ta vì nghe kinh Pháp Hoa mà hiện ra nơi trước các đức Phật, có Phật nào muốn đem thân ta chỉ bày cho bốn chúng, thời các vị Phật của Phật đó phân thân ra nói pháp ở các cõi nước trong mười phương đều phải nhóm cả một chỗ, vậy sau thân của ta mới hiện ra."

Đại Nhạo Thuyết! Các vị Phật của ta phân thân nói pháp ở các cõi nước trong mười phương nay nên sẽ nhóm lại.

Ngài Đại Nhạo Thuyết bạch Phật rằng:

Thưa Thế Tôn! Chúng con cũng nguyện muốn thấy các vị Phật của Thế Tôn phân thân để lễ lạy cúng dường.

Giảng:

Đến đây, chúng ta càng thêm sáng tỏ, là đức Phật Đa Bảo có nguyện rằng khi tháp ngài hiện ra trong hội nghe kinh Pháp Hoa, đức Phật giảng kinh Pháp Hoa trong thời đó, muốn cho tứ chúng thấy được thân của ngài thì các hóa thân của Phật đó đang phân đi giáo hóa ở khắp nơi phải tụ hội về một chỗ, ngồi yên lại, mở tháp ra mới thấy được thân của ngài. Nếu mà phân thân Phật đi làm Phật sự chưa tụ hội về thì không thể mở tháp được, và cũng không thấy toàn thân của Phật Đa Bảo được. Lời nguyện này có ý nghĩa gì? Phật pháp thân tức là Phật Đa Bảo, Phật báo thân là chỉ cho thân Phật Thích-ca giáng sanh ở Ấn Độ, Phật hóa thân hay ứng thân là những thân Phật phân ra đi nói pháp ở các cõi trong mười phương. Muốn thấy được Phật Đa Bảo thì các hóa thân phải cùng quy hội về nhập pháp thân là thấy rõ toàn thân ngài. Đoạn sau sẽ nói rõ ý này.

Chánh văn:

4. Bấy giờ, Phật phóng một lằn sáng nơi lông trắng giữa chặng mày, liền thấy năm trăm muôn ức

na-do-tha hằng hà sa cõi nước ở phương đông. Các cõi nước đó đều dùng pha lê làm đất, cây báu, y báu để làm đồ trang nghiêm, vô số nghìn muôn ức Bồ-tát đầy dẫy trong nước đó. Khắp nơi giăng màn báu, lưới báu phủ trên, đức Phật trong nước đó đều dùng tiếng lớn tốt mà nói các pháp, và thấy vô lượng nghìn muôn ức Bồ-tát khắp đầy trong nước đó vì chúng sanh mà nói pháp. Phương nam, tây, bắc, bốn phía, trên dưới, chỗ tướng sáng lông trắng chiếu đến cũng lại như thế.

Lúc đó, các Phật ở mười phương đều bảo chúng Bồ-tát rằng:

Thiện nam tử! Ta nay phải qua thế giới Ta-bà, chỗ của đức Thích-ca-mâu-ni Phật, cùng để cúng dường tháp báu của Đa Bảo Như Lai.

5. Lúc bấy giờ, cõi Ta-bà liền biến thành thanh tịnh, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây để giăng ngăn tám đường, không có các tụ lạc làng xóm, thành ấp, biển cả, sông ngòi, núi sông cùng rừng. Đốt hương báu lớn, hoa mạn-đà-la trải khắp cõi đất, dùng lưới màn báu giăng trùm ở trên, treo những linh báu, chỉ lưu lại chúng trong hội này, dời các trời người để ở cõi khác.

Lúc đó, các đức Phật đều đem theo một vị Bồ-tát lớn để làm thị giả qua cõi Ta-bà đều đến dưới cây báu, mỗi mỗi cây báu cao năm trăm do-tuần, nhánh lá bông trái thứ lớp rất trang nghiêm. Dưới các cây báu đều có tòa sư tử cao năm do-tuần cũng dùng đồ báu tốt mà trau giồi đó.

Khi ấy, các đức Phật đều ngồi xếp bằng trên tòa này, như thế lần lựa đến khắp đầy cả cõi tam thiên đại thiên mà ở nơi thân của đức Thích-ca-mâu-ni Phật phân ra trong một phương vẫn còn chưa hết.

Bấy giờ, đức Thích-ca-mâu-ni vì muốn dung thọ các vị Phật của mình phân thân, nên ở tám phương lại biến thành hai trăm muôn ức na-do-tha cõi nước, đều làm cho thanh tịnh, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cùng a-tu-la, lại cũng dời các hàng trời người để ở cõi khác.

Những nước của Phật biến hóa ra đó cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm cao năm trăm do-tuần, nhánh lá bông trái đều có thứ lớp tốt đẹp, dưới cây đều có tòa báu sư tử cao năm do-tuần, dùng các thứ báu để trau giồi. Những nước đó cũng không có biển cả sông ngòi và các núi lớn: núi Mục-chân-lân-đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu-di v.v... thông làm một cõi nước Phật, đất báu bằng phẳng, các báu xen lẫn nhau làm màn trùm khắp ở trên, treo các phan lọng, đốt hương báu lớn, các hoa trời báu trải khắp trên đất.

Đức Thích-ca-mâu-ni Phật vì các Phật sẽ đến ngồi, nên ở nơi tám phương lại đều biến thành hai trăm muôn ức na-do-tha cõi nước, đều làm cho thanh tịnh, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và a-tu-la, lại dời các hàng trời người để ở cõi khác. Những nước biến hóa ra đó cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm, cao năm trăm do-tuần, nhánh,

lá, bông, trái thứ tự tốt đẹp, dưới cây đều có tòa sư tử bằng báu cao năm do-tuần, cũng dùng chất báu tốt mà trau giồi đó.

Những nước này cũng không có biển cả sông ngòi và các núi lớn: núi Mục-chân-lân-đà, núi Đại Mục-chân-lân-đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu-di v.v... thông lại làm một cõi nước Phật đất báu bằng phẳng, các báu đan xen lẫn nhau thành màn trùm khắp ở trên, treo các phan lọng, đốt hương báu tốt, các thứ hoa trời báu trải khắp trên đất.

Bấy giờ, ở phương đông, các đức Phật trong trăm nghìn muôn ức na-do-tha hằng hà sa cõi nước của đức Thích-ca-mâu-ni Phật phân thân ra, thảy đều nói pháp đến nhóm ở cõi này. Tuần tự như thế, các đức Phật trong cõi nước ở mười phương thảy đều đến nhóm ngồi ở tám phương. Bấy giờ, mỗi mỗi phương các đức Như Lai ngồi khắp đầy trong bốn trăm muôn ức na-do-tha cõi nước.

Giảng:

Đức Phật Thích-ca được đại chúng yêu cầu họp các hóa thân Phật của ngài về, để chúng chiêm ngưỡng và được thấy đức Phật Đa Bảo ở trong tháp. Bấy giờ Phật Thích-ca từ giữa chặng mày phóng ra một luồng hào quang sáng qua vô số cõi nước ở phương đông, nam, tây, bắc... Các hóa thân Phật thấy hào quang liền biết Phật muốn mình quy hội về, tuần tự các ngài cùng nhau về. Khi vô số hóa thân Phật đều quy hội về thì cõi Ta-bà này được dẹp hết các loài trời, người, a-tu-la, súc sanh,

ngạ quỷ, địa ngục, chỉ còn một cõi thanh tịnh, hiện ra các tòa báu để hóa thân Phật an trụ. Khi hóa thân Phật an trụ xong thì Phật mới mở cửa tháp cho đại chúng thấy Phật Đa Bảo. Chúng ta phải hiểu như thế nào về ba đức Phật này?

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ có nói về ba thân Phật. Pháp thân là tự tánh pháp thân, khởi niệm là hóa thân. Khi khởi niệm mà không dính không kẹt hai bên có không, tà chánh v.v... là báo thân thanh tịnh. Thân tuy nói là ba nhưng cùng một thể. Pháp thân là chỉ cho tự tánh thanh tịnh của chính mình, báo thân là chỉ cho tâm thanh tịnh lìa chấp hai bên, còn niệm tưởng dấy từ tâm gọi là hóa thân. Như chúng ta mỗi ngày khởi vô số nghĩ tưởng hết chuyện xưa đến chuyện nay, hết chuyện thiện tới chuyện ác, hết chuyện bên đông tới chuyện bên tây... Đó là hóa thân của chúng ta, vì chúng ta là phàm phu nên hóa thân không đi giáo hóa chúng sanh, mà là đi phá phách chọc ghẹo chúng sanh, chứ không làm được điều gì hay. Thí dụ như đang tu, bỗng dưng khởi lên những niệm rất trần tục đó là phá phách chứ gì? Chư Phật đã giác ngộ thấy nơi nào chúng sanh có duyên liền khởi nguyện đến giáo hóa. Phật khởi niệm, khởi trong giác ngộ chứ không khởi trong mê mờ như chúng sanh. Do đó chúng sanh có vô số phiền não, Phật cũng có vô số hóa thân để giáo hóa. Bây giờ muốn thấy được pháp thân Phật thì hóa thân phải quy về với báo thân và phải ngồi yên, nghĩa là những hóa thân tức là những vọng tưởng chạy đông chạy tây khắp cả mười phương phải dừng, phải định thì pháp thân Phật mới

hiển hiện, nếu còn vọng tưởng rối loạn thì pháp thân Phật không hiển hiện. Chúng ta tu hành lúc nào cũng vậy, nếu muốn được giác ngộ thì phải định, tức là sạch hết mọi loạn tưởng rồi mới phát tuệ, tức là nhận ra tri kiến Phật sẵn có nơi mình. Đây là những hình ảnh biểu trưng, chúng ta chớ kẹt trên danh tướng mà không thấu được lý kinh, rồi không ứng dụng tu hành được.

Đến đây chúng ta thấy có cái gì mâu thuẫn: Tại sao cõi Ta-bà của Phật Thích-ca không thanh tịnh, nào là núi sông, gò nổng, sỏi cát... lộn xộn đủ thứ, còn các cõi phân thân Phật đến giáo hóa thì thanh tịnh trang nghiêm toàn là bảy báu? Như vậy phân thân do Phật hóa ra có giá trị hơn chính báo thân Phật Thích-ca sao? Như trên đã nói, hóa thân là những vọng tưởng chạy khắp mười phương nghĩ về người, về trời, về thú, về địa ngục... đó là đang đi trong lục đạo. Tất cả những vọng tưởng đó đều bất tịnh. Khi dừng hết mọi vọng tưởng bất tịnh chạy đông chạy tây đó, thì tâm thanh tịnh an định, nên cõi nước cũng thanh tịnh, mà tâm thanh tịnh thì Phật hiện tiền. Nhưng muốn dừng hết mọi vọng tưởng không chạy đông chạy tây, hay nói theo trong Kinh là gom hết hóa thân Phật về một nơi thì trước tiên phải có trí tuệ không kẹt hai bên. Người đối với cảnh khởi niệm phân biệt hai bên, tốt xấu, hay dở, phải trái... rồi sanh ưa ghét, niệm khởi rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt, vô số vọng niệm chạy khắp sáu đường không dừng nghỉ, nên phiền não trần lao cũng vô số. Đó là người thấy một bên không có trí tuệ. Nếu người có trí tuệ đối với các pháp thấy đúng như thật, do duyên hợp tạm có, không có tự thể cố định nên không chấp thế này

là tốt thế kia là xấu, không khởi niệm ưa chán tìm cầu hay ghét bỏ, nên không bị phiền não chi phối, tâm được an định. Như vậy là người có trí không kẹt hai bên. Trí không kẹt hai bên ở đây tượng trưng bằng hình ảnh hào quang phát ra ở giữa chặng mày.

Chánh văn:

6. Lúc đó, các đức Phật đều ngồi tòa sư tử dưới cây báu, đều sai vị thị giả qua thăm viếng đức Thích-ca-mâu-ni Phật, đều đưa cho đầy bụm hoa báu mà bảo thị giả rằng:

Thiện nam tử! Ngươi qua đến núi Kỳ-xà-quật, chỗ của đức Thích-ca-mâu-ni Phật, theo như lời của ta mà thưa cùng Phật thế này: "Như Lai có được ít bệnh ít khổ sức khỏe an vui, và chúng Bồ-tát cùng Thanh văn đều an ổn chăng?" Rồi đem hoa báu này rải trên Phật để cúng dường mà thưa rằng: "Đức Phật kia cũng muốn mở tháp báu này."

Các đức Phật sai người đến cũng như vậy.

Bấy giờ, đức Thích-ca-mâu-ni Phật thấy các vị Phật của mình phân thân đều ngồi trên tòa sư tử, đều nghe các Phật cùng muốn đồng mở tháp báu, Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy trụ trên hư không, tất cả hàng bốn chúng đồng đứng dậy chắp tay một lòng nhìn Phật.

Khi ấy, đức Thích-ca-mâu-ni Phật dùng ngón tay hữu mở cửa tháp bảy báu vang ra tiếng lớn, như tháo khóa chốt mở cửa thành lớn.

Tức thời, tất cả chúng trong hội đều thấy đức Đa Bảo Như Lai ở trong tháp báu ngồi tòa sư tử, toàn thân không rã như vào cảnh thiền định, lại nghe Phật đó nói:

Hay thay! Hay thay! Thích-ca-mâu-ni Phật sướng thích nói kinh Pháp Hoa đó, ta vì nghe Kinh đó mà đến cõi này.

Bấy giờ, hàng tứ chúng thấy đức Phật đã diệt độ vô lượng nghìn muôn ức kiếp về trước nói lời như thế đều khen là việc chưa từng có, đều đem hoa trời báu rải trên đức Phật Đa Bảo và Phật Thích-ca-mâu-ni.

Lúc đó, đức Đa Bảo Phật ở trong tháp báu chia nửa tòa cho Thích-ca-mâu-ni Phật mà nói rằng:

Thích-ca-mâu-ni Phật có thể đến ngồi trên tòa này.

Tức thời đức Thích-ca-mâu-ni Phật vào trong tháp báu ngồi xếp bằng trên nửa tòa đó.

Bấy giờ, hàng đại chúng thấy hai đức Như Lai ngồi xếp bằng trên tòa sư tử trong tháp bảy báu thời đều nghĩ rằng: "Đức Phật ngồi trên cao xa, cúi mong đức Như Lai dùng sức thần thông làm cho bọn chúng con đều được ở trên hư không."

Tức thời, đức Thích-ca-mâu-ni Phật dùng sức thần thông tiếp hàng đại chúng đều ở hư không, rồi dùng tiếng lớn mà khắp bảo đó rằng:

Ai có thể ở trong cõi Ta-bà này rộng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa nay chính phải lúc. Như Lai

không bao lâu sẽ vào Niết-bàn, Phật muốn đem kinh Pháp Hoa này phó chúc cho các người.

Giảng:

Khi hóa thân Phật cùng quy hội về, đều ngồi trên tòa sư tử sai thị giả đem hoa báu đến núi Kỳ-xà-quật vấn an Phật Thích-ca, cùng với đại chúng và cúng dường cung thỉnh Phật Thích-ca mở tháp bảy báu để chiêm ngưỡng Phật Đa Bảo.

Sau khi hóa thân Phật quy hội về ngồi yên rồi, Phật Thích-ca mới mở được cửa tháp cho đại chúng thấy toàn thân Phật Đa Bảo trong tháp, và Phật Đa Bảo mời Phật Thích-ca cùng ngồi nửa tòa với ngài. Như vậy để thấy rằng pháp thân là có sẵn muôn đời, nếu dừng hết vọng tưởng điên đảo thì ngay nơi báo thân này pháp thân hiện tiền. Nếu còn vọng tưởng duyên theo ngoại cảnh thì pháp thân ẩn khuất không hiển hiện.

Khi đại chúng thấy hai đức Phật cùng ngồi tòa sư tử trong tháp bảy báu trên hư không, đều nghĩ rằng Phật ngồi trên hư không cao xa, mong đức Như Lai dùng sức thần thông khiến cho các ngài đều được ở trên hư không. Phật Thích-ca liền dùng thần thông tiếp đại chúng trên hư không. Tại sao có những hiện tượng như vậy? Như phẩm Pháp Sư đã nói, người nào muốn thấy được tri kiến Phật là phải từ bi, nhẫn nhục và thấy tất cả pháp là không. Vì vậy, đức Phật phương tiện giáo hóa để cho người dùng trí Bát-nhã tu, thấy tất cả pháp là không, đó là thần thông, chứ không phải dùng thần lực đưa tất cả đại chúng từ mặt đất lên hư không để thấy Phật.

Nếu ngài biến hóa đại chúng được như vậy thì ngài cũng biến hóa cho tất cả chúng sanh thành Phật, để họ khỏi tu, vì tu khó và lâu lắm mới được thành Phật. Đó là ngài vận dụng phương tiện giáo hóa cho chúng sanh tỉnh giác, không còn lầm lẫn chấp các pháp là thật có. Thấy rõ các pháp duyên hợp giả có, tự tánh là không, tâm không còn chấp, không còn chạy theo các pháp, tâm an định, pháp thân hiển hiện. Vì vậy ở đây nói nâng đại chúng lên hư không để thấy Phật và được nghe Phật nói pháp. Và sau khi nâng đại chúng lên hư không rồi, nói rằng:

Ai có thể ở trong cõi Ta-bà này rộng nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nay chính phải lúc. Như Lai không bao lâu sẽ vào Niết-bàn, Phật muốn đem kinh Pháp Hoa này phó chúc cho các người. Khi nâng đại chúng lên hư không thì ngang chừng đó là phải lúc, là xứng đáng nhận lãnh lời phó chúc, nên ngài kết luận là ngài sắp vào Niết-bàn, ai có thể nói kinh Pháp Hoa thì ngài giao phó. Khi đại chúng còn ở dưới đất tức là còn chấp có, chấp không, thấy hai bên, ngài không tuyên bố lời này. Khi nâng đại chúng lên hư không, tức là đại chúng đã có trí tuệ thấy rõ tất cả pháp đúng như thật, không còn kẹt hai bên, Phật mới tuyên bố như vậy.

Qua những hình ảnh trên, nếu chúng ta căn cứ trên chữ nghĩa thì thấy khó hiểu khó tin, thấy như huyễn hoặc mê tín, rồi đâm ra phỉ báng Kinh. Lý Kinh thật cao siêu tuyệt diệu, nếu chúng ta không hiểu, vô tình biến thành cái tầm thường rồi phỉ báng, điều này không nên để xảy ra.

Chánh văn:

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

7. Đấng Thánh chúa Thế Tôn
Dầu diệt độ đã lâu
Ở trong tháp báu này
Còn vì pháp mà đến
Các ông lại thế nào
Há chẳng siêng vì pháp?
Phật Đa Bảo diệt độ
Đã vô lượng số kiếp
Nơi nơi đến nghe pháp
Vì khó gặp được vậy.
Phật kia bản nguyện rằng:
Sau khi ta diệt độ
Nơi nơi tháp ta qua
Thường vì nghe Pháp Hoa.
Lại vô lượng các Phật
Số nhiều như hằng sa
Của ta phân thân ra
Vì muốn đến nghe pháp
Và cùng để ra mắt
Phật diệt độ Đa Bảo
Nên đều bỏ cõi đẹp

Cùng với chúng đệ tử
Trời, người, rồng, thần thảy
Và các việc cúng dường
Muốn pháp lâu ở đời
Cho nên đến cõi này.
Ta vì các Phật ngồi
Dùng sức thần thông lớn
Dời vô lượng trời, người
Làm cho nước thanh tịnh.
Các đức Phật mỗi mỗi
Đều đến dưới cây báu
Như hoa sen trang nghiêm
Nơi ao báu trong sạch.
Dưới mỗi cây báu đó
Có tòa báu sư tử
Phật xếp bằng ngồi trên
Sáng suốt rất đẹp đẽ
Như giữa đêm tối tăm
Đốt đuốc lớn lửa sáng.
Thân Phật thoảng hương thơm
Bay khắp mười phương nước
Chúng sanh được hương xông
Vui mừng không kể xiết
Thí như luồng gió lớn
Thổi lay nhánh cây nhỏ

Dùng các phương tiện đó
Làm cho pháp ở lâu.

Giảng:

Phật khuyến khích đại chúng rằng Phật Đa Bảo đã Niết-bàn lâu rồi, nay vì kinh Pháp Hoa mà hiện bảo tháp để nghe, bởi kinh Pháp Hoa khó gặp khó được, đại chúng nên phát tâm thọ trì kinh Pháp Hoa.

Chánh văn:

8. Nói cùng hàng đại chúng
Sau khi ta diệt độ
Ai có thể hộ trì
Đọc nói Kinh pháp này
Thời nay ở trước Phật
Nên tự phát lời thệ.
Coi Phật Đa Bảo kia
Dầu đã diệt từ lâu
Do bản thệ nguyện rộng
Mà còn rền tiếng lớn.
Đức Đa Bảo Như Lai
Và cùng với thân ta
Nhóm họp các hóa Phật
Phải nên biết ý này.
Các hàng Phật tử thảy
Ai có thể hộ pháp
Nay nên phát nguyện lớn

Khiến pháp ở đời lâu.
Có ai hay hộ được
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Thời là đã cúng dường
Thích-ca cùng Đa Bảo.
Đức Đa Bảo Phật đây
Ở trong tháp báu lớn
Thường dạo qua mười phương
Vì để nghe Kinh này.
Cũng là để cúng dường
Các hóa Phật đến nhóm
Trang nghiêm rất sáng đẹp
Các thế giới vô lượng.
Nếu người nói Kinh này
Thời là đã thấy ta
Cùng Đa Bảo Như Lai
Và các vị hóa Phật.

Giảng:

Phật dạy tất cả những người đã phát tâm thọ trì kinh Pháp Hoa, sau đó là phải thệ nguyện. Tại sao phải thệ nguyện? Vì Phật Đa Bảo từ muôn kiếp tới giờ vẫn còn ở trong tháp không hư không hoại, đó là nói lên ý nghĩa pháp thân không hoại diệt vì nó vô tướng, bởi vô tướng nên thọ trì rất là khó. Phàm cái gì có hình tướng mắt thấy tay sờ mó được thì nắm bắt gìn giữ tương đối dễ. Tri kiến Phật tuy không tướng mà hằng hiện hữu,

muốn chỉ và muốn nhận rất khó, nên đòi hỏi người tu phải bền chí nhẫn nại tâm không lui sụt, mới có thể tiến tới đích được. Tuy biết mình có sẵn tri kiến Phật, song thời gian tu để nhận ra nó không hạn định. Trong Kinh thường diễn tả rất lâu xa, nếu thệ nguyện không vững, khi khỏe vui thì tu, mệt buồn thì nghỉ, như vậy không tiến. Do đó Phật dạy người phát tâm thọ trì kinh Pháp Hoa phải có chí nguyện bền vững.

Chánh văn:

9. Các thiện nam tử này!
Đều nên suy nghĩ kỹ
Đây là việc rất khó
Phải phát nguyện rộng lớn
Bao nhiêu kinh điển khác
Số nhiều như hằng sa
Dầu nói hết kinh đó
Cũng chưa đủ làm khó,
Hoặc đem núi Diệu Cao
Ném để ở phương khác
Cách vô số cõi Phật
Cũng chưa lấy làm khó,
Nếu người dùng ngón chân
Động cõi nước đại thiên
Ném xa qua cõi khác
Cũng chưa lấy làm khó,
Hoặc đứng trên Hữu Đảnh

Nói vô lượng kinh khác
Vì để dạy bảo người
Cũng chưa lấy làm khó.
Nếu sau lúc Phật diệt
Người ở trong đời ác
Có thể nói Kinh này
Đây thời rất là khó.
Giả sử lại có người
Dùng tay nắm hư không
Để mà khắp dạo đi
Cũng chưa lấy làm khó,
Sau khi ta diệt độ
Nếu người tự thọ trì
Hoặc bảo người thọ trì
Đây thời là rất khó.
Hoặc đem cả cõi đất
Để trên móng ngón chân
Bay lên đến Phạm thiên
Cũng chưa lấy làm khó,
Sau khi Phật diệt độ
Người ở trong đời ác
Tạm đọc Kinh pháp này
Đây thời mới là khó.
Giả sử gặp kiếp thiêu
Gánh mang những cỏ khô

Vào lửa không bị cháy
Cũng chưa lấy làm khó,
Sau khi ta diệt độ
Nếu người trì Kinh này
Vì một người mà nói
Đây thời mới là khó.
Hoặc người trì tám muôn
Bốn nghìn các tạng pháp
Đủ mười hai bộ kinh
Vì người mà diễn nói
Khiến các người nghe pháp
Đều được sáu thần thông
Dầu được như thế đó
Cũng chưa lấy làm khó,
Sau khi ta diệt độ
Nghe lãnh Kinh điển này
Hỏi nghĩa thú trong Kinh
Đây thời mới là khó.
Hoặc có người nói pháp
Làm cho nghìn muôn ức
Đến vô lượng vô số
Hằng hà sa chúng sanh
Chứng được quả A-la-hán
Đủ sáu phép thần thông
Dầu có lợi ích đó

Cũng chưa phải là khó,
Sau khi ta diệt độ
Nếu người hay phụng trì
Những Kinh điển như đây
Đây thời là rất khó.

Giảng:

Phật nói kinh Pháp Hoa rất khó thọ trì, khó đem ra giảng dạy. Ngài dùng những thí dụ để so sánh cái khó của kinh Pháp Hoa. Thứ nhất là dầu cho nói hết kinh điển của Phật nhiều như số cát sông Hằng cũng chưa đủ làm khó.

Thứ hai là đem núi Diệu Cao ném ở phương khác, cách vô số cõi Phật cũng chưa phải là khó. Thứ ba là dùng ngón chân động ba ngàn thế giới ném xa qua cõi khác cũng chưa phải là khó. Thứ tư là đứng trên cõi trời Sắc Cứu Cánh nói vô lượng kinh để dạy bảo người cũng chưa phải là khó. Thứ năm là dùng bàn tay nắm hư không để dạo đi khắp cõi nước cũng chưa phải là khó. Thứ sáu là đem tất cả cõi đất để trên móng ngón chân bay lên đến Phạm thiên cũng chưa phải là khó. Thứ bảy là gặp kiếp thiêu mang những cỏ khô vào lửa không bị cháy cũng chưa phải là khó. Thứ tám là trì tám muôn bốn nghìn tạng pháp đủ mười hai bộ kinh, giảng nói cho người nghe chứng lục thông cũng chưa phải là khó. Thứ chín là nói pháp độ cho vô số chúng sanh chứng lục thông La-hán cũng chưa phải là khó. Cái khó nhất là sau khi Phật diệt độ ở trong đời ác nói được Kinh này mới thật là khó.

Chín việc khó vừa nêu trên, đối với khả năng chúng ta đã không làm được, thế mà sánh với việc thọ trì giảng nói kinh Pháp Hoa trong đời ác trược càng khó hơn nữa. Như vậy là sao? Đời ác trược là thời mà tâm người đang điên đảo móng vọng tìm cầu, tranh giành, dua nịnh, người mạnh lấn hiếp người yếu, khen mình chê người, lừa dối lẫn nhau. Với tâm người mê mờ cuồng loạn như thế, mà giảng nói tri kiến Phật thì họ có tin có nhận được không? Thật khó mà tin nhận được! Vì muốn nhận ra tri kiến Phật là phải dừng tất cả mọi vọng niệm. Nếu vọng niệm còn chạy ngược chạy xuôi, dù cho thuyết giảng thế nào chăng nữa, người ta cũng không hiểu không tin nên nói là khó. Nên nhớ, Kinh này là chỉ cho tri kiến Phật, chứ không phải bộ kinh văn tự được ghi chép bằng giấy mực và đóng lại thành tập thành bộ. Thế nên muốn giảng giải, chỉ cho người nhận ra tri kiến Phật là phải có đủ từ bi, nhẫn nhục và trí tuệ mới hội đủ điều kiện để thuyết giảng, nên nói là khó. Ngày nay chúng ta thấy giảng kinh Pháp Hoa tuy dễ, nhưng nếu làm đúng thì chúng ta ít ai làm được. Như hôm nay tôi giảng kinh Pháp Hoa cũng chỉ là gượng gạo nói, chưa trọn vẹn ý nghĩa trên và có lẽ người nghe cũng còn dính kẹt đủ thứ trần lao, nên nghe thì nghe chứ chưa nhận ra tri kiến Phật.

Chánh văn:

10. Ta vì hộ Phật đạo
Ở trong vô lượng cõi
Từ thuở trước đến nay

Rộng nói nhiều các kinh
Mà ở trong kinh đó
Kinh này là bậc nhất
Nếu có người trì được
Thời là trì thân Phật.
Các thiện nam tử này!
Sau khi ta diệt độ
Ai có thể thọ trì
Và đọc tụng Kinh này
Thời nay ở trước Phật
Nên tự nói lời thệ.
Kinh pháp đây khó trì
Nếu người tạm trì đó
Thời ta rất vui mừng
Các đức Phật cũng thế
Người nào được như vậy
Các đức Phật thường khen
Đó là rất dõng mãnh
Đó là rất tinh tấn
Gọi là người trì giới
Bậc tu hạnh đầu-đà
Thời chắc sẽ mau được
Quả Vô thượng Phật đạo.
Có thể ở đời sau
Đọc trì Kinh pháp này

Là chân thật Phật tử
Trụ ở bậc thuần thiện.
Sau khi Phật diệt độ
Có thể hiểu nghĩa này
Thời là mắt sáng suốt
Của trời người trong đời.
Ở trong đời kinh sợ
Hay nói trong chốc lát
Tất cả hàng trời người
Đều nên cúng dường đó.

Giảng:

Vì muốn hộ trì Phật đạo thường còn mà Phật hằng nói kinh, và trong các kinh, Phật thường nói kinh Pháp Hoa là bậc nhất. Nên người nào *thọ trì Kinh này* là hộ trì pháp Phật, *thọ trì thân Phật* được Phật hoan hỷ tán thán khen ngợi là *người trì giới, tinh tấn, dõng mãnh, tu hạnh đầu-đà, chắc chắn sẽ mau được Vô thượng Phật đạo*, sẽ là con mắt sáng cho thế gian, xứng đáng cho trời người cúng dường.

XII- PHẨM ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA

Căn cứ theo kinh A-hàm thì đương thời với Phật, Đề-bà-đạt-đa là người có tham vọng thay Phật thống lãnh Tăng đoàn, từng làm cho thân Phật ra máu, phá hoại Phật nhiều cách, làm chướng ngại sự tu tiến của Phật chẳng những một đời mà nhiều đời ở quá khứ. Với con mắt phàm phu và Nhị thừa thì thấy Đề-bà-đạt-đa là người tội lỗi, phạm tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục. Nhưng ở đây dưới mắt Phật thì Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức của Phật, nhờ Đề-bà-đạt-đa ngài mới được viên mãn công hạnh Bồ-tát để thành Phật. Như vậy nhãn quan của kinh A-hàm và kinh Đại thừa về Đề-bà-đạt-đa rất dị biệt, phần sau sẽ giải thích.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị Bồ-tát và hàng trời, người, bốn chúng:

Ta ở trong vô lượng kiếp về thời quá khứ cầu kinh Pháp Hoa không có lười mỏi. Trong nhiều kiếp

thường làm vị quốc vương phát nguyện cầu đạo Vô thượng Bồ-đề, lòng không thối chuyển. Vì muốn đầy đủ sáu pháp ba-la-mật nên siêng làm việc bố thí lòng không lẫn tiếc, bố thí voi, ngựa, bảy báu, nước, thành, vợ, con, tôi tớ, bạn bè, cho đến đầu, mắt, tủy, óc, thân, thịt, tay, chân, chẳng tiếc thân mạng.

Thuở đó, nhân dân trong đời sống lâu vô lượng, vua vì mến pháp nên thôi bỏ ngôi vua, giao việc trị nước cho thái tử. Đánh trống rao lệnh cầu pháp khắp bốn phương: "Ai có thể vì ta nói pháp Đại thừa, thời ta sẽ trọn đời cung cấp hầu hạ."

Khi ấy, có vị tiên nhân đến thưa cùng vua rằng: "Ta có pháp Đại thừa tên là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nếu Đại vương không trái ý ta, ta sẽ vì Đại vương mà tuyên nói."

Vua nghe lời vị tiên nhân nói, vui mừng hớn hở, liền đi theo vị tiên nhân để cung cấp việc cần dùng: hoặc hái trái, gánh nước, hoặc lượm củi, nấu ăn cho đến dùng thân mình làm giường ghế, thân tâm không biết mỏi. Thuở đó theo phụng thờ vị tiên nhân trải qua một nghìn năm, vì trọng pháp nên siêng năng cung cấp hầu hạ cho Tiên nhân không thiếu thốn.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2. Ta nhớ kiếp quá khứ
Vì cầu pháp Đại thừa

Dầu làm vị quốc vương
Chẳng ham vui ngũ dục.
Đánh chuông rao bốn phương
Ai có pháp Đại thừa
Nếu vì ta giải nói
Thân sẽ làm tôi tớ.
Giờ có tiên Trường thọ
Đến thưa cùng Đại vương
Ta có pháp nhiệm mầu
Trong đời ít có được
Nếu có thể tu hành
Ta sẽ vì ông nói.
Khi vua nghe Tiên nói
Sanh lòng rất vui đẹp
Liền đi theo Tiên nhân
Cung cấp đồ cần dùng
Lượm củi và rau trái
Theo lời, cung kính dâng
Lòng ham pháp Đại thừa
Thân tâm không lười mỏi,
Khắp vì các chúng sanh
Siêng cầu pháp mầu lớn
Cũng không vì thân mình
Cùng với vui ngũ dục

Nên dầu làm vua lớn
Siêng cầu được pháp này
Do đó được thành Phật
Nay vẫn vì ông nói.

Giảng:

Phẩm này cũng có vẻ huyền bí như phẩm Hiện Bảo Tháp, nếu không khéo nghe có thể hiểu lầm. Trước hết Phật kể lại thuở vô lượng kiếp về trước, ngài từng làm quốc vương cầu đạo Vô thượng Bồ-đề, muốn viên mãn hạnh lục độ, thực hành pháp bố thí rốt ráo không tiếc thân mạng. Vua truyền ngôi cho thái tử, đi khắp nơi để cầu pháp, lúc bấy giờ có vị Tiên nhân tự giới thiệu với vua là ông có pháp Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu vua không trái ý ông thì ông sẽ vì vua mà nói. Vua nghe rất vui mừng bèn theo vị tiên ấy trải qua một ngàn năm, xả thân, phụng thờ, hầu hạ, cung cấp mọi nhu cầu không thiếu sót.

Ở đây quốc vương vì muốn viên mãn hạnh Lục độ để thành Phật, nên ngài thực hành pháp bố thí, buông xả tất cả những sở hữu như danh vọng, quyền hành, vợ con... cho tới thân mạng cũng không lẫn tiếc. Tức là không còn chấp thân tâm là thật, không còn chấp ngoại cảnh là thật. Do buông xả tất cả ngã pháp, nên mới thể nhập tri kiến Phật. Xưa thiền sư Quy Tông đệ tử của ngài Mã Tổ, là người buông xả tất cả nên được thiền sư Hoàng Bá khen: *Trong đây chỉ có Quy Tông là người tiêu chảy đầy đất*. Tổ nói nghe có vẻ tiếu ngạo, nhưng kỳ thật đó là lời tán thán hạnh buông xả của ngài

Quy Tông. Tu mà không buông xả, còn một niệm chấp thủ thì không bao giờ thấy đạo.

Vì vậy vừa có một niệm dấy khởi, dù là niệm thiện hay niệm bất thiện đều phải buông, đó là xả. Buông sạch không còn một niệm, tâm thanh tịnh đó mới thật là xả.

Chánh văn:

3. Phật bảo các Tỳ-kheo rằng:

Thuở ấy, vua đó thời chính là thân ta, còn Tiên nhân đó nay chính là ông Đề-bà-đạt-đa. Do nhờ ông thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa làm cho ta đầy đủ sáu pháp ba-la-mật, từ bi hỷ xả, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi món đẹp, thân sắc vàng tía, mười trí lực, bốn món vô sở úy, bốn món nhiếp pháp, mười tám món bất cộng, thần thông đạo lực, thành bậc Đẳng chánh giác rộng độ chúng sanh, tất cả công đức đó đều là nhân thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa cả.

Giảng:

Phật nói vị tiên nhân thuở xưa, nay chính là Đề-bà-đạt-đa, vị quốc vương cầu đạo, nay chính là ngài. Nhờ thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa mà Phật thực hành viên mãn sáu pháp Ba-la-mật, từ bi hỷ xả... được đầy đủ công đức trí tuệ và thành Phật. Chỗ này chúng ta phải hiểu cho thấu đáo, nếu không thì sẽ hoang mang nghi ngờ.

Trong kinh A-hàm, Phật tuyên bố rằng Đề-bà-đạt-đa sau khi chết sẽ đọa địa ngục không thể cứu. Tôn giả A-nan là em ruột của Đề-bà-đạt-đa nghe Phật nói vậy

lo sợ thương khóc, đến thưa hỏi Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, do thiên nhãn mà Phật nói như vậy, hay ngài dùng trí suy luận quán xét về nhân duyên mà nói như vậy?" Phật trả lời rằng: "Ta dùng trí xét thì thấy Đề-bà-đạt-đa không có một hành vi thiện nên ta nói như thế." Nhìn theo lý nhân quả thì Đề-bà-đạt-đa tạo quá nhiều nghiệp ác, mà tội nặng nhất là phá hòa hợp tăng và làm thân Phật ra máu, đó là hai tội trong năm tội ngũ nghịch. Chỉ tạo một trong năm tội ngũ nghịch là phải đọa địa ngục rồi, huống là hai tội. Đó là cái nhìn tương đối theo kinh A-hàm dạy bỏ ác làm thiện, mà Đề-bà-đạt-đa đã làm nhiều điều ác, nên Phật nói đọa địa ngục để hướng dẫn chư Tỳ-kheo tu, bỏ pháp ác thực hành pháp thiện.

Còn kinh Pháp Hoa chỉ thẳng tri kiến Phật. Tri kiến Phật thì không bị giới hạn bởi không gian thời gian, không kẹt trong pháp tương đối hai bên. Giáo lý cứu cánh không cho phép chúng ta nhìn hai bên thiện ác mà phải thấy vượt trên cả thiện ác. Khi đã nhận ra nơi mình có cái chân thật là Phật tánh thì ở trong mọi hoàn cảnh bất như ý phải khắc phục để vượt qua, như thế công hạnh Bồ-tát mới viên mãn, thành Phật. Thí dụ thầy A phát tâm tu hạnh bố thí, đem rất nhiều của cải tiền bạc xây chùa, cúng tăng, giúp đỡ người đau bệnh, tật nguyền, nghèo khó... Tuy nhiên, thầy cũng còn để lại một vài vật quý mà thầy ưa thích. Một hôm có người đến xin vật quý đó, nếu thầy A thấy người xin là kẻ xấu lợi dụng lòng tốt của mình nên không cho, như vậy hạnh bố thí của thầy chưa tròn. Ngược lại, tuy thầy A quý các vật đó không đem ra bố thí, nhưng có

người xin, thầy vui vẻ cho và thấy người dám xin là người tốt, muốn giúp cho thầy buông xả rốt ráo, sớm thành tựu hạnh bố thí.

Hạnh nhẫn nhục và những hạnh khác cũng vậy. Nếu người phát tâm tu hạnh nhẫn nhục mà không có sự thử thách thì hạnh nhẫn nhục không viên mãn. Thí dụ thầy B là người giữ giới rất nghiêm minh, sống rất thành thật hài hòa trên kính dưới nhường, nên rất được thầy bạn thương quý. Thầy phát tâm tu hạnh nhẫn nhục. Một hôm bất thần có người mắng thầy thậm tệ, cho thầy là kẻ phạm trai, phá giới, phản thầy, lừa bạn, không xứng đáng là người tu. Nếu thầy tức giận phân bua cải chính thì thầy thực hành hạnh nhẫn nhục chưa tròn. Nếu thầy bình thản chắp tay Mô Phật, thấy người đó đã vì sự tu tiến của thầy mà phải chấp nhận nghiệp ác khẩu, họ đã hy sinh quá nhiều, không phải Bồ-tát nghịch hạnh là gì? Thầy không giận mà còn nhớ ơn và kính trọng. Như vậy thì không có niệm oán thù thân sơ để đi tới từ bi bình đẳng, có như thế công hạnh nhẫn nhục của thầy mới viên mãn.

Bồ-tát có khi hiện thuận hạnh, an ủi vỗ về trong khi chúng ta nguy khốn hay thối tâm Bồ-đề; có khi hiện nghịch hạnh để thử thách, khiến người đang kẹt trong cảnh xuôi thuận được thức tỉnh để tiến. Cả hai, thuận hạnh hay nghịch hạnh đều là Bồ-tát giúp cho người tu được viên mãn công hạnh tu hành. Nếu thấy người an ủi vỗ về giúp đỡ là người ơn, người thử thách rầy mắng là kẻ phá hại, còn thấy người ơn và kẻ hại là còn

thấy hai. Còn thấy hai thì không thể nào nhận ra tri kiến Phật mà kinh Pháp Hoa đã dạy. Vì vậy nên ở đây Phật nói Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức của ngài, không phải đời này mà là nhiều kiếp về trước. Nhờ thiện hữu tri thức Đề-bà-đạt-đa mà Phật viên mãn công hạnh Bồ-tát, được thành Phật.

Chánh văn:

4. Phật bảo hàng tứ chúng:

Qua vô lượng kiếp về sau, ông Đề-bà-đạt-đa sẽ được thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Thiên Đạo, lúc Thiên Vương Phật trụ ở đời hai mươi trung kiếp, rộng vì các chúng sanh mà nói pháp mầu. Hằng hà sa chúng sanh được quả A-la-hán, vô lượng chúng sanh phát tâm Duyên giác, hằng hà sa chúng sanh phát tâm Vô thượng đạo, được vô sanh nhẫn đến bậc bất thối chuyển.

Sau khi đức Thiên Vương Phật nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ lại đời hai mươi trung kiếp, toàn thân xá-lợi dựng tháp bằng bảy báu, cao sáu mươi do-tuần, ngang dọc bốn mươi do-tuần. Các hàng trời, nhân dân đều đem hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương đốt, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc, ca tụng để lễ cúng dường tháp đẹp bằng bảy báu đó. Vô lượng chúng sanh được quả

A-la-hán, vô lượng chúng sanh ngộ Bích-chi Phật, bất khả tư nghì chúng sanh phát tâm Bồ-đề đến bậc bất thối chuyển.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, sanh lòng trong sạch kính tin chẳng sanh nghi lầm, thời chẳng đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, được sanh ở trước các đức Phật trong mười phương, chỗ người đó sanh ra thường được nghe Kinh này. Nếu sanh vào cõi nhân thiên thời hưởng sự vui rất thắng diệu, nếu sanh ở trước Phật thời từ hoa sen hóa sanh.

Giảng:

Tới đây Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa sau thành Phật hiệu là Thiên Vương, cõi nước cũng trang nghiêm đẹp đẽ, đồ đệ cũng đông đảo. Phật lại kết thúc rằng: Nếu đời sau, ai nghe phẩm Đề-bà-đạt-đa mà kính tin không nghi thì không đọa ba đường ác, sanh vào cõi lành, từ hoa sen sanh. Tại sao chỉ tin mà phước lớn như vậy? Vì tri kiến Phật không phải chỉ có nơi người thiện mà người ác cũng có. Từ trước những người thiện biết hướng về Phật pháp, biết trì kinh Pháp Hoa đều đã được Phật thọ ký thành Phật. Đến đây, người làm điều ác phá hòa hợp tăng, làm thân Phật ra máu như Đề-bà-đạt-đa cũng được Phật thọ ký thành Phật. Như vậy để thấy rằng người thiện hay ác đều có tri kiến Phật, nếu biết

thức tỉnh tu hành thì sẽ thành Phật. Kế đó là đối với tất cả chướng duyên, người tu khắc phục được, tâm không phiền não luôn luôn thanh tịnh thì có một sức mạnh phi thường, tiến vững trên đường đạo, không yếu hèn rơi trong đường ác.

Chánh văn:

5. Bấy giờ, ở hạ phương vị Bồ-tát theo hầu đức Đa Bảo Như Lai tên là Trí Tích bạch với đức Đa Bảo Phật nên trở về bổn quốc. Đức Thích-ca-mâu-ni Phật bảo Trí Tích rằng:

Thiện nam tử! Chờ giây lát, cõi đây có Bồ-tát tên Văn-thù-sư-lợi có thể cùng ra mắt nhau luận nói pháp mầu rồi sẽ về bổn độ.

Lúc đó, ngài Văn-thù-sư-lợi ngồi hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, các vị Bồ-tát cùng theo cũng ngồi hoa sen báu, từ nơi cung rồng Ta-kiệt-la trong biển lớn tự nhiên vọt lên trụ trong hư không, đến núi Linh Thứu, từ trên hoa sen bước xuống đến chỗ Phật, đầu mặt kính lạy chân hai đức Phật, làm lễ xong, qua chỗ Trí Tích cùng hỏi thăm nhau rồi ngồi một phía.

Ngài Trí Tích Bồ-tát hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi rằng:

Ngài qua cung rồng hóa độ chúng sanh số được bao nhiêu?

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

Số đó vô lượng không thể tính kể, chẳng phải

miệng nói được, chẳng phải tâm lường được, chờ chừng giây lát sẽ tự chứng biết.

Ngài Văn-thù nói chưa dứt lời, liền có vô số Bồ-tát ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên đến núi Linh Thứu trụ giữa hư không. Các vị Bồ-tát này đều là của ngài Văn-thù-sư-lợi hóa độ, đủ hạnh Bồ-tát đều chung luận nói sáu pháp ba-la-mật. Những vị mà trước kia là Thanh văn ở giữa hư không nói hạnh Thanh văn nay đều tu hành "nghĩa không" của Đại thừa.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói với ngài Trí Tích rằng: Tôi giáo hóa ở nơi biển việc đó như thế.

Lúc ấy, ngài Trí Tích Bồ-tát nói kệ khen rằng:

Đại Trí đức mạnh mẽ
Hóa độ vô lượng chúng
Nay trong hội lớn này
Và tôi đều đã thấy
Diễn nói nghĩa thật tướng
Mở bày pháp Nhất thừa
Rộng độ các chúng sanh
Khiến mau thành Bồ-đề.

Giảng:

Bồ-tát thị giả của Phật Đa Bảo ở phương dưới tên là Trí Tích. Tích là dấu vết, là chứa nhóm, Trí Tích là trí hiểu biết do huân tập, nên còn kẹt còn vướng mắc.

Trí này còn phân biệt còn vướng mắc, thuộc về hữu sư trí, nên không thể tin nhận tri kiến Phật. Vì vậy mà ở đây biểu trưng bằng hình ảnh Bồ-tát Trí Tích ở hạ phương đòi trở về bổn quốc. Bồ-tát Văn-thù tiêu biểu cho căn bản trí. Căn bản trí hằng dứt sạch mọi nhiễm ô tham ái chấp trước, luôn thanh tịnh, có khả năng tin nhận tri kiến Phật, nên biểu trưng bằng hình ảnh Bồ-tát Văn-thù ngồi hoa sen lớn từ biển lớn vọt lên hư không, đến núi Linh Thứu đảnh lễ Phật. Sau khi đảnh lễ Phật, Bồ-tát Trí Tích và Bồ-tát Văn-thù cùng thăm hỏi nhau. Hai vị Bồ-tát gặp nhau để làm gì? Vì Bồ-tát Trí Tích thuộc về hữu sư trí, do huân tu, tùy duyên ứng hiện giáo hóa chúng sanh mà được. Còn Bồ-tát Văn-thù là căn bản trí có sẵn nơi mỗi người hằng thanh tịnh sáng suốt. Hai trí này hợp nhau mới viên mãn đạo Bồ-đề thành Phật, nên nói Bồ-tát Trí Tích và Bồ-tát Văn-thù cùng ra mắt luận nói pháp mầu. Lại nữa, căn bản trí là trí biết đầy đủ, biết được tri kiến Phật sẵn có nơi mọi chúng sanh. Vô số chúng sanh ở cõi Ta-bà này ai cũng có tri kiến Phật, nên nói Bồ-tát Văn-thù giáo hóa vô lượng vô số chúng sanh không thể tính kể.

Chánh văn:

6. Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

Ta ở biển chỉ thường tuyên nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Ngài Trí Tích hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi rằng:

Kinh này rất sâu vi diệu là báu trong các kinh,

trong đời rất ít có, vậy có chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành Kinh này mau được thành Phật chăng?

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

Có con gái của vua rồng Ta-kiệt-la mới tám tuổi mà căn tánh lanh lẹ, có trí tuệ, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sanh, được pháp tổng trì, các tạng pháp kín rất sâu của các Phật nói đều có thể thọ trì, sâu vào thiền định, rõ thấu các pháp. Trong khoảng sát-na phát tâm Bồ-đề được bậc Bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sanh như con đỏ, công đức đầy đủ, lòng nghĩ miệng nói pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi nhân đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, nàng ấy có thể đến Bồ-đề.

Trí Tích Bồ-tát nói rằng:

Tôi thấy đức Thích-ca Như Lai ở trong vô lượng kiếp làm những hạnh khổ khó làm, chứa nhiều công đức để cầu đạo Bồ-đề chưa từng có lúc thôi dứt; tôi xem trong cõi tam thiên đại thiên nhẫn đến không có chỗ nhỏ bằng hạt cải, mà không phải là chỗ của Bồ-tát bỏ thân mạng để vì lợi ích chúng sanh, vậy sau mới được thành đạo Bồ-đề. Chẳng tin Long nữ đó ở trong khoảng giây lát chứng thành bậc Chánh giác.

Nói luận chưa xong, lúc đó con gái của Long vương bỗng hiện ra nơi trước, đầu mặt lễ kính Phật rồi đứng một phía nói kệ khen rằng:

Thấu rõ tướng tội phước
Khắp soi cả mười phương
Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba mươi hai tướng
Dùng tám mươi món tốt
Để trang nghiêm pháp thân
Trời, người đều kính ngưỡng
Long thần thảy cung kính
Tất cả loài chúng sanh
Không ai chẳng tôn phụng
Lại nghe thành Bồ-đề
Chỉ Phật nên chứng biết
Tôi nói pháp Đại thừa
Độ thoát khổ chúng sanh.

Giảng:

Ở đây không những nam tử được Bồ-tát Văn-thù giáo hóa cho thành Phật, mà hàng nữ nhi như Long nữ cũng được độ thành Phật. Long nữ chẳng những mang thân nữ lại còn là loài rồng mới có tám tuổi, mà nói thành Phật thì Bồ-tát Trí Tích không tin. Tại sao? Vì Trí Tích là trí do huân tập. Bởi do huân tập được, nên chỉ biết tu mà được thành Phật. Thành Phật là phải trải qua vô lượng kiếp hành Bồ-tát đạo, như lời Phật Thích-ca kể lại tiền thân của ngài. Bây giờ nói Long nữ, vừa là nữ, vừa là thú, vừa là nhỏ mà thành Phật, thì làm sao

tin được? Nên với Bồ-tát Trí Tích, ngài không thể tin. Còn Bồ-tát Văn-thù là căn bản trí, biết rõ tất cả chúng sanh đều có sẵn tri kiến Phật, nếu căn tánh lanh lợi khi được khai thị, tin nhận và hằng sống với tri kiến Phật là thành Phật, bất luận là nam hay nữ, lớn hay nhỏ, người hay thú.

Chánh văn:

7. Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất nói với Long nữ rằng:

Người nói không bao lâu chứng được đạo Vô thượng, việc đó khó tin. Vì sao? Vì thân gái nhơ uế chẳng phải là pháp khí, thế nào có thể được thành Vô thượng Chánh giác? Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ chứa nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái còn có năm điều chướng: một, chẳng được làm Phạm thiên vương; hai, chẳng được làm Đế-thích; ba, chẳng được làm ma vương; bốn, chẳng được làm Chuyển luân thánh vương; năm, chẳng được làm Phật. Thế nào thân gái được mau thành Phật?

Lúc đó, Long nữ có một hạt châu báu, giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dâng lên đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ-tát cùng tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

Tôi hiến châu báu, đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?

Đáp: Rất mau.

Long nữ nói:

Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó.

Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy Long nữ thoạt nhiên biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ-tát, liền qua cõi Vô Cấu ở phương nam ngồi tòa sen báu thành bậc Đẳng chánh giác, đủ ba mươi hai tướng, tám mươi món đẹp, khắp vì tất cả chúng sanh trong mười phương mà diễn nói pháp mầu.

Khi ấy, trong cõi Ta-bà hàng Bồ-tát Thanh văn, trời, rồng, bát bộ, nhân cùng phi nhân đều xa thấy Long nữ thành Phật, khắp vì hàng nhân thiên trong hội đó mà nói pháp, sanh lòng vui mừng đều xa kính lạy, vô lượng chúng sanh nghe pháp tỏ ngộ được bậc Bất thối chuyển, vô lượng chúng sanh được lãnh lời thọ ký thành Phật. Cõi Vô Cấu sáu điệu vang động, cõi Ta-bà ba nghìn chúng sanh trụ bậc Bất thối, ba nghìn chúng sanh phát lòng Bồ-đề mà được lãnh lời thọ ký.

Trí Tích Bồ-tát và ngài Xá-lợi-phất tất cả trong chúng hội yên lặng mà tin nhận đó.

Giảng:

Không riêng gì Bồ-tát Trí Tích không tin Long nữ sẽ thành Phật mà cả tôn giả Xá-lợi-phất cũng không tin. Ngài nêu lên năm điều mà nữ giới không thể làm được, là Phạm thiên vương, Đế-thích, ma vương, Chuyển luân thánh vương, Phật. Thông thường những người tu hành

có liên hệ tình cảm với phái nữ, nửa chừng cởi áo tu ra đời, thì bấy giờ người nữ ấy bị coi như ma nữ, phá hại người tu hành. Ở đây nói nữ giới không thể làm Phạm thiên, Đế-thích, Chuyển luân thánh vương, cho đến ma vương cũng không làm được. Tại sao chê phái nữ quá vậy? Như trước đã nói, tuy tôn giả Xá-lợi-phất đã được thọ ký, nhưng ngài còn quen cái nhìn theo nghiệp tướng, thấy người nữ nghiệp nặng hơn người nam, nên không thể làm Phạm thiên, Đế-thích... Vì nhìn trên nghiệp tướng nên thấy người nữ khó tu hơn người nam.

Long nữ dâng hạt châu lên Phật để cúng dường, có nghĩa là trình sự tin nhận tri kiến Phật. Giống như trình sở ngộ để Phật tổ ấn chứng cho chỗ tin, thấy của mình là không sai. Việc thành Phật của Long nữ nhanh hơn việc dâng châu lên Phật.

Bấy giờ trong chúng hội đều thấy Long nữ thoạt biến thành nam tử đầy đủ công hạnh Bồ-tát, liền qua cõi Vô Cấu thành Phật thuyết pháp. Ngài Trí Tích thuộc hàng Bồ-tát, tôn giả Xá-lợi-phất thuộc hàng Thanh văn, cả hai đều là bậc trí tuệ. Nhưng trí tuệ của hai ngài do huân tập, còn hạn cuộc trong vòng tương đối nên còn thấy theo nghiệp tướng, vì vậy mà không thể tin Long nữ thành Phật. Căn cứ trên nghiệp tướng thì thân nam nữ có sai biệt, nhưng tri kiến Phật sẵn có nơi mỗi người thì không khác. Hơn nữa tri kiến Phật không có nam nữ đối đãi, vì không có nam nữ đối đãi nên ai nhận ra tri kiến Phật thì thành Phật, bất luận nam hay nữ, không nhận được thì không thành Phật.

Phẩm này nêu lên hai đặc điểm:

- Thứ nhất là bình đẳng giữa thiện và ác, kẻ ác người thiện ai cũng có tri kiến Phật như nhau. Dù ác dù thiện một phen nhận ra tri kiến Phật của chính mình thì thành Phật. Chẳng hạn đồ tể Quảng Ngạch một phen *phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật*. Thiền sư Tư Nghiệp trước kia làm đồ tể, ngộ được lý đạo liền nói:

Hôm qua tâm Dạ-xoa,
Ngày nay mặt Bồ-tát,
Dạ-xoa và Bồ-tát,
Chỉ cách một đường tơ.

Ở đây Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa thành Phật là để nói kẻ ác phạm tội ngũ nghịch như Đề-bà-đạt-đa vẫn có tri kiến Phật, nếu thức tỉnh tu hành thì cũng thành Phật.

- Thứ hai là bình đẳng giữa nam và nữ, giữa người và thú... người nam hay người nữ, kể cả súc sanh đều có tri kiến Phật. Vì vậy mà Bồ-tát Thường Bất Khinh gặp ai cũng nói: *Tôi không dám khinh các ngài, các ngài sẽ thành Phật*. Đó là để nói lên ý nghĩa này. Ai ai cũng có tri kiến Phật, nhưng vì quên nên không nhận, do vậy cứ luân hồi mãi trong sáu đường. Nếu nhận ra thì thành Phật, nên ở đây Long nữ khi nghe kinh Pháp Hoa liền tin nhận và thành Phật.

- Phẩm Kinh này dạy cho chúng ta một lối nhìn bình đẳng, dù là người thiện hay ác, đều thấy như nhau;

đối với người ác, không khinh thường, không ác cảm, dù là người nam hay nữ cũng thấy như nhau, vì ai ai cũng có tri kiến Phật. Dù là người hay thú, tất cả đều có tri kiến Phật nên không nỡ hại nhau. Nếu tin nhận được thì công đức vô lượng.

XIII- PHẨM TRÌ

Trì có nghĩa là gìn giữ. Vậy ở đây gìn giữ cái gì? Người tu theo kinh Pháp Hoa là phải gìn giữ cho Kinh này tồn tại mãi ở thế gian. Mà Kinh này là chỉ cho tri kiến Phật sẵn có nơi mỗi người, làm sao cho mọi người ở thế gian mãi mãi đủ lòng tin nơi mình có tri kiến Phật. Và thứ nữa, là sau khi đã tự nhận ra nơi mình có tri kiến Phật, luôn luôn phải gìn giữ chớ để phiền não trần lao phủ che, nghĩa là lúc nào cũng nhớ nơi mình có tri kiến Phật không quên, đó là *Trì*.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Dược Vương đại Bồ-tát và ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát Ma-ha-tát cùng chung với quyến thuộc hai muôn vị Bồ-tát đều ở trước Phật nói lời thệ rằng:

Cúi mong đức Thế Tôn chớ lo, sau khi Phật diệt độ chúng con sẽ phụng trì đọc tụng nói Kinh điển này, đời ác sau, chúng sanh căn lành càng ít,

nhiều kẻ tăng thượng mạn tham lợi dưỡng cúng dường, thêm lớn căn chẳng lành, xa lìa đạo giải thoát, dầu khó có thể giáo hóa, chúng con sẽ khởi sức nhẫn lớn đọc tụng Kinh này, thọ trì, giải nói, biên chép, dùng các món cúng dường cho đến chẳng tiếc thân mạng.

Giảng:

Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Đại Nhạo Thuyết đứng lên thệ nguyện đem kinh Pháp Hoa truyền bá cho chúng sanh đời sau, khi Phật đã Niết-bàn. Tuy chúng sanh đời sau căn lành ít, nhiều kẻ tăng thượng mạn, tham lợi dưỡng cúng dường, tăng trưởng nhiều tật xấu ác, xa lìa đạo giải thoát rất khó giáo hóa, nhưng các ngài vẫn nguyện khởi sức nhẫn lớn để truyền bá Kinh này, dù có bị hại cũng không tiếc thân mạng.

Chánh văn:

2. Lúc đó, trong chúng có năm trăm vị A-la-hán đã được thọ ký đồng bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện ở nơi cõi khác rộng nói Kinh này.

Lại có bậc học và vô học tám nghìn người đã được thọ ký đồng từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay hướng về phía Phật nói lời thệ rằng:

Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ở cõi khác rộng nói Kinh này. Vì sao? Vì người trong nước Ta-bà nhiều điều tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, giận hờn, dua vạy tâm không chân thật.

Giảng:

Tới đây các vị A-la-hán và hàng hữu học vô học đã được thọ ký cũng phát nguyện: Đời sau sẽ truyền bá kinh Pháp Hoa, mà truyền bá ở cõi khác, chứ không truyền bá ở cõi Ta-bà. Vì chúng sanh ở cõi này tệ ác, không chân thật, nghiệp chướng nặng nề, các ngài không kham giảng nói, các ngài chỉ có thể giáo hóa những chúng sanh ở những cõi hiền lành. Đó là tâm nguyện của các vị A-la-hán, tuy đã được thọ ký thành Phật, tâm lợi tha vẫn còn hạn cuộc. Ở trên thì các vị Bồ-tát phát nguyện: Sau khi Phật Niết-bàn, đời sau chúng sanh nghiệp ác sâu dày, dù có khó giáo hóa đến đâu các ngài cũng sẵn sàng xả thân, làm lợi ích cho họ mà không tiếc thân mạng. Tâm hạnh Bồ-tát và La-hán khác nhau ở chỗ đó.

Chánh văn:

3. Khi đó, dì của Phật là bà Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-ni cùng chung với bậc học và vô học Tỳ-kheo-ni sáu nghìn người đồng từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Kiều-đàm-di:

Cớ chi có sắc buồn mà nhìn Như Lai, tâm Bà toan cho rằng tôi chẳng nói đến tên Bà, để thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Kiều-đàm-di! Tôi trước tổng nói tất cả Thanh văn đều đã được thọ ký, nay Bà muốn biết thọ ký đó, đời tương lai sau Bà sẽ ở trong pháp hội của sáu muôn tám nghìn ức đức Phật làm vị đại Pháp sư và

sáu nghìn vị học và vô học Tỳ-kheo-ni đều làm Pháp sư. Bà lần lần đủ đạo hạnh Bồ-tát như thế sẽ được thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiều-đàm-di! Đức Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật đó và sáu nghìn Bồ-tát tuần tự thọ ký được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, mẹ của La-hầu-la là bà Da-thâu-đà-la Tỳ-kheo-ni nghĩ rằng: "Thế Tôn ở nơi trong hội thọ ký riêng chẳng nói đến tên tôi."

Phật bảo bà Da-thâu-đà-la:

Ngươi ở đời sau trong pháp hội của trăm nghìn muôn ức đức Phật, tu hạnh Bồ-tát, làm vị đại Pháp sư, lần lần đầy đủ Phật đạo, ở trong cõi Thiện quốc sẽ được thành Phật, hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Phật sống lâu vô lượng vô số kiếp.

Lúc đó, bà Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-ni và bà Da-thâu-đà-la Tỳ-kheo-ni cùng cả quyến thuộc đều rất vui mừng được việc chưa từng có, liền ở trước Phật mà nói kệ rằng:

Đấng Thế Tôn Đạo sư
Làm an ổn trời người

Chúng con nghe thọ ký
Lòng an vui đầy đủ.

Các vị Tỳ-kheo-ni nói kệ đó rồi, bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Chúng con cũng có thể ở cõi nước phương khác rộng tuyên nói Kinh này.

Giảng:

Tới đây chúng ta thấy có điều dường như lạc đề, là hai vị thuộc cấp lãnh đạo bên ni giới là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo và Da-du-đà-la đứng dậy chắp tay chiêm ngưỡng dung nhan Phật im lặng không nói, Phật biết tâm trạng của hai bà mong được thọ ký, nên liền thọ ký cho hai bà và sáu ngàn Tỳ-kheo-ni hữu học và vô học sẽ được thành Phật. Đây không phải là phẩm Thọ Ký tại sao các bà mong được thọ ký? Ở trước chúng ta đã thấy Phật tổng thọ ký rồi, tuy không nói tên riêng từng người, nhưng trong đó đã có hai bà Đại Ái Đạo và Da-du-đà-la là cấp lãnh đạo của ni giới. Chẳng lẽ ni giới lại vô phần, không được Phật gọi tên người nào để thọ ký, trong khi Long nữ là súc sanh mới tám tuổi mà được Phật đề cập đến? Điều này khiến người sau nghi ngờ. Để đánh tan mối nghi ngờ, hai bà tạo điều kiện để Phật gọi tên ít vị lớn thọ ký trước, rồi sau mới thọ ký chung như Phật đã thọ ký bên tăng, chứ không phải các bà không biết là đã được thọ ký rồi. Khi đã được thọ ký, hai bà và các Tỳ-kheo-ni khác cũng phát nguyện sau khi Phật Niết-bàn, các bà cũng rộng nói kinh Pháp Hoa ở các cõi khác.

Chánh văn:

4. Bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn tám mươi muôn ức na-do-tha vị đại Bồ-tát, các vị Bồ-tát đó đều là bậc Bất thối chuyển, chuyển pháp luân bất thối, được các pháp tổng trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật một lòng chắp tay mà nghĩ rằng: "Nếu đức Thế Tôn dạy bảo chúng ta nói Kinh này, thời chúng ta sẽ như lời Phật dạy, rộng tuyên nói pháp này."

Các vị đó lại nghĩ: "Nay đức Phật yên lặng chẳng thấy dạy bảo, chúng ta phải làm thế nào?"

Lúc đó, các vị Bồ-tát kính thuận ý của Phật, và muốn tự thỏa mãn bản nguyện, bèn ở trước Phật nói lớn tiếng mà phát lời thệ rằng:

Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con đi giáp vòng qua lại khắp mười phương thế giới hay khiến chúng sanh biên chép Kinh này, thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa đó, nghĩ nhớ chân chánh, đúng như pháp mà tu hành, như thế đều là sức oai thần của Phật. Cúi mong đức Thế Tôn ở phương khác xa giữ gìn cho.

Tức thời các vị Bồ-tát đều đồng tiếng mà nói kệ rằng:

5. Cúi mong Phật chớ lo
Sau khi Phật diệt độ
Trong đời ác ghê sợ

Chúng con sẽ rộng nói
Có những người vô trí
Lời ác mắng rủa thảy
Và dao gậy đánh đập
Chúng con đều phải nhẫn.
Tỳ-kheo trong đời ác
Trí tà lòng dua vạy
Chưa được nói đã được
Lòng ngã mạn dẫy đầy,
Hoặc người mặc áo nạp
Lặng lẽ ở chỗ vắng
Tự nói tu chân đạo
Khinh rẻ trong nhân gian
Vì ham ưa danh lợi
Nói pháp cho bạch y
Được người đời cung kính
Như lục thông La-hán
Người đó ôm lòng ác
Thường nghĩ việc thế tục
Giả danh "A-luyện-nhã"
Ưa nói lỗi chúng con
Mà nói như thế này
Các bọn Tỳ-kheo này
Vì lòng tham lợi dưỡng

Nói luận nghĩa ngoại đạo
Tự làm kinh điển đó
Dối lầm người trong đời
Vì muốn cầu danh tiếng
Mà giải nói Kinh đó
Thường ở trong đại chúng
Vì muốn phá chúng con
Đến quốc vương, quan lớn
Bà-la-môn, cư sĩ
Và chúng Tỳ-kheo khác
Chê bai nói xấu con
Đó là người tà kiến
Nói luận nghĩa ngoại đạo
Chúng con vì kính Phật
Đều nhẫn các ác đó.
Bị người đó khinh rằng
Các người đều là Phật
Lời khinh mạn dường ấy
Đều sẽ nhẫn thọ đó.
Trong đời ác kiếp trược
Nhiều các sự sợ sệt
Quỷ dữ nhập thân kia
Mắng rủa hủy nhục con
Chúng con kính tin Phật

Sẽ mặc giáp nhẫn nhục
Vì để nói Kinh này
Nên nhẫn các việc khó,
Con chẳng mến thân mạng
Chỉ tiếc đạo Vô thượng.
Chúng con ở đời sau
Hộ trì lời Phật dặn
Thế Tôn tự nên biết
Tỳ-kheo ác đời trược
Chẳng biết Phật phương tiện
Tùy cơ nghi nói pháp
Chau mày nói lời ác
Luôn luôn bị xua đuổi
Xa rời nơi chùa tháp
Các điều ác như thế
Nhớ lời Phật dặn bảo
Đều sẽ nhẫn việc đó.
Các thành ấp xóm làng
Kia có người cầu pháp
Con đều đến chỗ đó
Nói pháp của Phật dặn.
Con là sứ của Phật
Ở trong chúng không sợ
Con sẽ khéo nói pháp

Xin Phật an lòng ở
Con ở trước Thế Tôn
Mười phương Phật đến nhóm
Phát lời thệ như thế
Phật tự rõ lòng con.

Giảng:

Đến hàng Bồ-tát Bất thối chuyển đứng lên phát nguyện, là đi khắp mười phương thế giới đem kinh Pháp Hoa giáo hóa chúng sanh, cho họ thọ trì đọc tụng đúng như pháp mà tu hành. Tâm nguyện của các ngài thênh thang không giới hạn, không chọn lựa, sẵn sàng làm việc lợi sanh dù cho bị kẻ cư sĩ vô trí hãm hại các ngài cũng kham nhẫn. Hoặc hàng Tỳ-kheo trí tà ngã mạn, tham danh lợi, lòng còn ác giả danh làm ẩn sĩ, chê bai nói lỗi các ngài là hàng ngoại đạo tự làm ra kinh điển dối gạt người đời để cầu danh lợi. Cho đến hàng vua quan cư sĩ cho các ngài là kẻ truyền bá tà kiến ngoại đạo, như tổ Huệ Khả bị giam trong khám, các ngài đều vì Phật mà kham nhẫn. Hoặc quỷ nhập thân người, mắng chửi hủy nhục các ngài, các ngài vì kính Phật vì truyền bá kinh Pháp Hoa, sẵn sàng nhẫn chịu tất cả, chẳng tiếc thân mạng. Tại sao? Vì tri kiến Phật là tôn quý, nếu không truyền bá được thì chúng sanh mê mờ, mãi trôi lăn trong vòng luân hồi sanh tử khổ đau. Còn thân này dù có khéo gìn giữ cũng không gìn giữ được, duy trì được khoảng sáu bảy mươi năm, rồi cũng hoại. Nếu truyền bá cho người tin nhận được tri kiến Phật thì họ sẽ thành Phật,

dứt mọi phiền não khổ đau không còn luân hồi sanh tử. Nên nói *chẳng mến thân mạng chỉ tiếc đạo Vô thượng*.

Tại sao ở đây Phật không chỉ định cho đệ tử đi giáo hóa nơi này nơi kia, mà để cho các ngài từ Bồ-tát bậc thượng, đến hàng Bồ-tát mới phát tâm, rồi Thanh văn La-hán, cho đến hàng hữu học vô học, tự đứng lên phát nguyện? Vì chuyện hoằng hóa làm lợi ích cho chúng sanh là trách nhiệm của người thực hành hạnh Bồ-tát. Nếu chỉ định thì có tính cách cưỡng bách bắt buộc, không thích hợp với căn cơ của người tự giác. Vì vậy mà hàng đệ tử Phật thể theo ý Phật, đứng lên phát nguyện đúng với khả năng trình độ của mình, ra làm lợi ích cho chúng sanh.

XIV- PHẨM AN LẠC HẠNH

An lạc hạnh là công hạnh tu hành đúng như lời Phật dạy, để việc tự lợi lợi tha được an vui không có chướng nạn. Vì ở trước các hàng Bồ-tát phát nguyện sau khi Phật Niết-bàn, các ngài sẽ đem kinh Pháp Hoa giáo hóa cho người sau, dù có gặp khó khăn chướng ngại cũng không thối chuyển, các ngài xả thân vì đạo Vô thượng Bồ-đề.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi đại Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Các vị Bồ-tát này thật là ít có, vì kính thuận Phật nên phát thệ nguyện lớn: Ở nơi đời ác sau, hộ trì đọc nói kinh Pháp Hoa này.

Thế Tôn! Các vị đại Bồ-tát ở đời ác sau, thế nào mà có thể nói Kinh này?

Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

Nếu vị đại Bồ-tát ở đời ác sau muốn nói Kinh này, phải an trụ trong bốn pháp.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù tán thán những vị Bồ-tát thuận theo Phật, nguyện ở đời ác sau hộ trì giảng nói kinh Pháp Hoa. Kế đó, ngài nêu lên câu hỏi: Các vị đại Bồ-tát ở đời ác sau, làm thế nào có thể nói kinh Pháp Hoa? Phật dạy ở đời ác sau muốn nói Kinh này phải trụ trong bốn pháp.

Chánh văn:

2. Một, an trụ nơi "Hành xứ" và nơi "Thân cận xứ" của Bồ-tát, thời có thể vì chúng sanh mà diễn nói Kinh này. Văn-thù-sư-lợi! Thế nào gọi là chỗ "Hành xứ" của đại Bồ-tát? Nếu vị đại Bồ-tát an trụ trong nhẫn nhục hòa dịu khéo thuận mà không vụt chạc, lòng cũng chẳng kinh sợ, lại ở nơi pháp không phân biệt mà quán tướng như thật của các pháp cũng chẳng vin theo, chẳng phân biệt, đó gọi là chỗ Hành xứ của Bồ-tát.

Thế nào gọi là chỗ "Thân cận" của đại Bồ-tát? Vị đại Bồ-tát chẳng gần gũi quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng, chẳng gần gũi các ngoại đạo Phạm chí, Ni-kiền-tử v.v... và chẳng gần những kẻ viết sách thế tục ca ngâm; sách ngoại đạo cùng với phái "Lộ-già-da-đà", phái "Nghịch Lộ-già-da-đà", cũng chẳng gần gũi những kẻ chơi hung hiểm đâm nhau, đánh nhau, và bọn Na-la v.v... bày các cuộc chơi biến hiện.

Lại chẳng gần gũi bọn hàng thịt và kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn, chài lưới, hạng người sống với nghề ác, những người như thế hoặc có lúc lại đến thời Bồ-tát vì nói pháp không có lòng mong cầu.

Lại chẳng gần gũi những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hạng người cầu quả Thanh văn, cũng chẳng thăm hỏi; hoặc ở trong phòng, hoặc chỗ kinh hành, hoặc ở trong giảng đường chẳng cùng ở chung, hoặc có lúc những người đó lại đến, Bồ-tát theo cơ nghi nói pháp không lòng mong cầu.

Văn-thù-sư-lợi! Lại vị đại Bồ-tát chẳng nên ở nơi thân người nữ có niệm tưởng hay sanh dục nhiễm mà vì nói pháp, cũng chẳng ưa thấy. Nếu vào nhà người, chẳng cùng với gái nhỏ, gái trinh, gái góa v.v... chung nói chuyện, cũng lại chẳng gần năm giống người bất nam để làm thân hậu.

Chẳng riêng mình vào nhà người, nếu lúc có nhân duyên cần riêng mình vào thời chuyên một lòng niệm Phật.

Nếu vì người nữ nói pháp, thời chẳng hở răng cười, chẳng bày hông, ngực, nhẫn đến vì pháp mà còn chẳng thân hậu, huống lại là việc khác.

Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa-di ít tuổi và các trẻ nhỏ, cũng chẳng ưa cùng chúng nó đồng một thầy. Thường ưa ngồi thiền ở chỗ vắng tu nhiếp tâm mình.

Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là chỗ Thân cận ban đầu.

Giảng:

Bốn pháp Phật dạy Bồ-tát ở đời sau phải an trụ để nói kinh Pháp Hoa là:

Một là an trụ nơi "Hành xứ" và "Thân cận xứ". An trụ nơi Hành xứ là nhẫn nhục hòa dịu, khéo thuận mà không vụt chạc, lòng cũng chẳng kinh sợ, lại ở nơi pháp không phân biệt mà quán tướng như thật của các pháp, chẳng vin theo chẳng phân biệt.

Trước, tôi nói về hạnh nhẫn nhục hòa dịu không nóng nảy, không kinh sợ. Thí dụ như: Tối, đến giờ chỉ tịnh, thầy hương đăng sửa soạn đóng cửa chùa. Có người đến ngăn cản, nói những câu trái ý nghịch lòng, làm cho thầy hương đăng bực bội, thầy lộ ra cử chỉ thô tháo, đóng cửa mạnh tay, gây tiếng động rầm rầm. Đó là thiếu nhẫn nhục, thiếu hòa dịu, vụt chạc. Khi thầy hương đăng có thái độ vụt chạc không hòa dịu là do tự tâm thầy đã bất an phiền não, nên mới phát lộ ra làm phiền lòng người đối diện và mọi người chung quanh. Khi thấy một sự việc xảy ra, hay nghe một câu nói bất bình, tâm khởi niệm bực bội liền tỉnh giác buông ngay, không tiếp tục nghĩ suy nữa, tâm liền được an ổn. Và tự tâm mình đã an ổn thì mọi người trong cộng đồng sống chung với mình cũng được an vui. Vì vậy muốn được an lạc thì phải tu hạnh nhẫn nhục nhu hòa.

Kế đó là phải có lòng can đảm không sợ sệt. Vì trong đời sau Phật Niết-bàn, người ác nhiều, người hiền ít. Khi nói đạo lý thì người hiền nghe, người ác lại ghét,

nên họ hăm dọa phá phách. Nếu vì sự hăm dọa phá phách của họ mà mình không dám giảng nói thì mình không thực hành được hạnh Bồ-tát. Vì vậy, vừa nhẫn nhục nhu hòa lại vừa can đảm, chứ không phải nhẫn nhục nhu hòa, rồi việc gì cũng vâng dạ tuân theo lệnh của bạo lực, thì không thể xiển dương được chánh pháp. Nhớ là nhẫn mà không nhu nhược.

Thứ đến là ở nơi các pháp không phân biệt, không vin theo, mà quán tướng như thật của các pháp. Đối cảnh tâm không khởi cái này đẹp cái kia xấu, cái này hơn cái kia thua... đó là ở nơi các pháp không phân biệt. Đúng ra, quán tướng như thật của các pháp trước, rồi mới không khởi phân biệt sau. Hàng Nhị thừa thấy tướng như thật của các pháp là ngay nơi con người, hiện đang trẻ trung cường tráng, thấy rõ thân năm uẩn đang bị luật vô thường làm cho biến hoại, dần đưa đến bệnh hoạn già nua rồi chết mất, đó là khổ và không. Còn với hàng Bồ-tát thì ngay nơi thân năm uẩn này, thấy rõ nó do duyên hợp tạm có, không có thực thể cố định. Duyên hợp có hình hài con người thì nói là sanh, duyên ly tán hình hài con người rã tan thì nói là tử. Thành hoại hay sanh tử là do duyên tụ hay tán, rõ ràng nó không thật có. Như vậy thì có gì mà phân biệt tốt xấu hơn thua?

Nghe nói vậy quý vị đừng tưởng mình ở ngoài cái tụ tán đó, thật ra mình không ở ngoài cũng không ở trong. Tụ tán là tứ đại tụ tán, mà tứ đại là vô tri, còn mình là hữu tri, "cái biết" đâu có tụ tán. Tứ đại tụ lại, có thân bằng xương bằng thịt này gọi là sanh, tứ đại ly tán,

thân bằng xương bằng thịt này rã tan gọi là tử. Chứ "cái biết" đâu có sanh tử. Nên tôi nói "Gá thân mộng". Thân này là mộng, "cái biết" gá vào thân, thân tứ đại không phải là mình. Vì "cái biết" gá vào thân nên có sinh hoạt hằng ngày gọi đó là cuộc sống tạm. Như vậy, nếu nhìn trên thật tướng thì thấy thân này là một khối tứ đại đất, nước, gió, lửa hợp thành, sanh là tứ đại hợp, tử là tứ đại tan. Thí dụ chúng ta hít vô bao nhiêu không khí, khi thở ra cũng bấy nhiêu khí, mượn vô bao nhiêu gió thì trả ra bấy nhiêu, đất (thức ăn), nước mượn vô bao nhiêu rồi cũng phải trả ra bấy nhiêu. Và ngay thân tứ đại này là bao nhiêu khi rã tan cũng rã tan bấy nhiêu. Tứ đại tụ tán chứ tri kiến Phật đâu có tụ tán hay sanh tử. Từ người rồi nhìn ra sự vật cũng vậy, duyên tụ thì sự vật thành, duyên tán thì sự vật hoại. Các pháp thành hoại là do duyên tụ tán, không có pháp nào là chân thật chắc bền, nên không vin theo không phân biệt. Đó là chỗ hành xứ của Bồ-tát. Sở dĩ vin theo các pháp để phân biệt là vì thấy các pháp thật đẹp thật quý... nên ưa pháp này chán pháp kia. Nếu thấy các pháp do duyên hợp tạm có, nó không có thật thể cố định thì vin vào đâu mà đeo đuổi dính mắc? Vậy hành xứ của Bồ-tát là tâm nhu hòa nhẫn nhục và thấy các pháp đúng như thật. Thường thì chúng ta dễ mắc kẹt trên giả tướng giả danh, một vị Tỳ-kheo tu khoảng vài chục năm được gọi là Thượng tọa. Nếu có ai không biết gọi là Đại đức, thì khó chịu không vui, đó là do chấp ngã quá nặng, tu càng lâu ngã càng lớn, động tới là nổi sân, đó là do không thấy các pháp đúng như thật, nên ngã chấp càng lớn phiền não

thêm dày. Tất cả chỉ là giả danh giả tướng mà người ta không thấy cứ vin vào đó mà chấp, rồi thành bệnh.

Thế nào là chỗ thân cận của đại Bồ-tát? Một là Bồ-tát không gần gũi với những người có thế lực như quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng. Hai là không gần gũi với ngoại đạo. Ba là không gần gũi với những người viết sách thế tục. Bốn là không gần gũi hạng người ca hát. Năm là không gần gũi với người sống bằng những nghề ác. Nếu những hạng người đó có đến mong cầu nghe pháp thì Bồ-tát vì họ nói pháp với tâm không mong cầu. Thường tình thì người nói pháp hay có bệnh mong cầu lợi dưỡng muốn cho người cúng dường, thậm chí tụng kinh chẳng những mong cầu cúng dường mà còn ra giá trước nữa. Phật dạy người tu chúng ta phải có một đời sống cao thượng, nếu đối với năm hạng người đó nói pháp thì tùy cơ mà nói, lòng không mong cầu họ thù đáp bất cứ một thứ gì. Như thế mới là người nói pháp chân chánh.

Phật lại dạy Bồ-tát không nên thân cận với Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cầu quả Thanh văn. Nếu những người này cầu pháp thì vì họ nói pháp, tâm không khởi niệm mong cầu bất cứ điều gì.

Đến đây, Phật dạy rất tỉ mỉ, nếu hạng người nữ cầu pháp thì không nên nhìn trên thân họ mà sanh tâm dục nhiễm, chỉ một bề nói pháp giáo hóa họ. Chẳng vì hàng gái tơ gái nhỏ mà nói chuyện, cũng chẳng thân cận với người bán nam bán nữ, vì những người này có nhiều chướng tật, gần họ thì lôi thôi lắm. Không nên

một mình vào nhà người, đây là lời Phật dạy chứ không phải quy chế của Thiền viện tự đặt ra. Nếu có duyên sự đặc biệt mà vào nhà người thì phải niệm Phật. Niệm Phật là nhớ đến công hạnh Phật mà không khởi niệm ác, chứ không phải ngồi lâm râm niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Phật còn dạy khi nói pháp cho người nữ, chớ cười hở răng hoặc để lộ hông ngực. Vì quấn y theo tu sĩ Nam tông Ấn Độ nếu bất cẩn thì để lộ thân ra coi thấy kỳ, nên phải dè dặt tối đa, tránh được những cái đó thì sẽ không có chướng nạn, việc nói pháp mới tốt.

Phật lại còn cẩn thận dạy không nên nuôi đệ tử Sa-di ít tuổi, và không cùng chúng đồng thầy. Tại sao giáo hóa mà hạn cuộc như vậy? Theo tinh thần thừa kế, tức là nối tiếp ngọn đèn chánh pháp, nếu không nuôi dưỡng người trẻ nhỏ thì lấy ai mà kế thừa Phật pháp? Các chú nhỏ thì khờ dại chưa biết tu hành, ham ăn, ham ngủ, ham chơi, ngỗ nghịch. Nếu nuôi là phải dạy dỗ, mà dạy dỗ thì phải rầy la răn phạt, nếu răn phạt nhiều lần mà nó không nghe thì sanh bực bội, mà bực bội là chướng đạo, ở đây Phật dạy không nên nuôi Sa-di ít tuổi. Và tại sao Phật dạy không cùng với chúng đồng thầy? Thông thường những người tu có cái tình chấp là người cùng thầy, người tu sau gọi người tu trước là Sư huynh. Giả sử như tôi đã nhận những đệ tử bốn năm mươi tuổi, tu cũng mấy mươi năm chẳng hạn như Đắc Pháp, bây giờ tôi nhận chú tiểu chừng mười hai tuổi làm đệ tử. Bấy giờ chú gọi Đắc Pháp là sư huynh có được không, trong khi Đắc Pháp đã có đệ tử ngoài ba mươi tuổi? Nếu gọi Đắc Pháp là sư huynh thì gọi đệ tử Đắc Pháp là gì? Chẳng lẽ

đệ tử Đắc Pháp ngoài ba mươi tuổi gọi chú tiểu mười hai tuổi bằng Sư chú! Sư chú gì mà Phật pháp chưa thông, giới hạnh chưa nghiêm túc còn đùa giỡn nghịch ngợm? Như thế chỉ làm rối loạn trong đạo. Theo tôi, người thọ Cụ túc giới thì gọi bằng thầy, còn là Sa-di thì gọi bằng chú, chứ sư thúc sư bá sư huynh sư đệ... không khéo sẽ bị kẹt vào tình chấp chướng đạo!

Trước Phật dạy những chỗ cần phải xa lánh. Kế, Phật bảo thường ưa ngồi thiền ở chỗ vắng tu nhiếp tâm. Chỗ này có nhiều nhà phê bình kinh Pháp Hoa là kinh Đại thừa, chỉ thẳng chỗ cứu cánh, mà cũng vẫn còn mang tinh thần Tiểu thừa. Nếu quan niệm như thế là sai lầm. Vì người đem kinh Pháp Hoa ra giáo hóa tức là đem mạng mạch Phật pháp trao lại cho đời, đó là trách nhiệm rất lớn. Nếu người đem trách nhiệm lớn lao trao cho người khác, mà không đủ tác phong uy tín để cho người tin, thì người không quý, không quý thì không thực hành theo. Vì vậy muốn làm được việc lớn khó làm, thì trước hết phải tự tu chỉnh tâm mình cho thanh tịnh, giới tướng cho nghiêm minh, điều mình giảng dạy mới có giá trị, người đời mới kính tin và chấp nhận mà tiến tu dễ dàng. Nếu người giảng nói chưa đủ uy tín, thì dù là của báu đem cho, họ cũng không nhận, chỉ làm chuyện vô ích. Tuy là hình tướng bên ngoài nhưng cũng là điều cần thiết để giáo hóa người.

Hiện tại có một số tăng ni trẻ mang tinh thần Đại thừa quá sớm, cho những tu sĩ gìn giữ giới luật là Tiểu thừa, cố chấp, không hiểu nam nữ bình đẳng, Phật

tánh đồng nhất...; kẻ đó là bệnh. Tuy đứng về tánh mà nói tri kiến Phật không có nam nữ, không có lớn nhỏ sai biệt. Nhưng chúng sanh nhìn người hướng đạo là nhìn theo nghiệp tướng hay nhìn theo thể tánh? Đứng trên mặt giáo hóa lợi tha, chúng sanh phàm phu đa số là nhìn người hướng đạo theo nghiệp tướng, nếu làm trái với cái thấy biết của họ là họ không tin, họ không tin thì làm sao hướng dẫn họ tu? Vì vậy người giáo hóa lợi tha chẳng những có được tâm hồn cao thượng thanh tịnh, mà còn phải khéo giữ giới tướng cho nghiêm minh thì việc lợi tha mới hữu hiệu. Đối với chúng sanh, chỉ vài hành động sơ suất cũng đủ đánh mất lòng kính tin của họ, thì những điều cao quý mình không đem ra chỉ dạy được. Nên phẩm An Lạc Hạnh, Phật dạy chúng ta muốn làm được việc dễ dàng vui vẻ, thì phần giới tướng đừng để cho người phàm tục nghi ngờ, cho đến giữ gìn hành vi nhỏ nhiệm để dễ dàng chỉ bày lý cao tột cứu cánh cho người tin nhận. Đức Phật rất cẩn thận, sự không rời lý, lý không bỏ sự, lý sự viên dung. Chúng ta thường thì chấp lý bỏ sự, cứ nói làm gàn bướng, khiến cho người khinh chê phỉ báng Tam bảo, rốt rồi chẳng giáo hóa được ai. Chỗ này phải hiểu cho thật kỹ kẻo lầm ý Phật dạy, cho rằng Phật dạy hàng Thanh văn không phải dạy cho Bồ-tát.

Chánh văn:

3. Lại nữa, vị đại Bồ-tát quán sát "Nhất thiết pháp không như thật tướng" chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không, không có thật tánh, tất cả lời nói phô dứt, chẳng sanh,

chẳng xuất, chẳng khởi, không danh, không tướng, thật không chỗ có, không lường, không ngằn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh cho nên nói, thường ưa quán sát pháp tướng như thế, đó gọi là "chỗ thân cận" thứ hai của vị đại Bồ-tát.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

4. Nếu có vị Bồ-tát
Ở trong đời ác sau
Lòng không hề sợ sệt
Muốn nói Kinh pháp này
Nên trụ vào "Hành xứ".
Và trụ "Thân cận xứ".
Thường xa rời quốc vương
Và con của quốc vương
Quan đại thần, quan lớn
Kẻ chơi việc hung hiểm
Cùng bọn chiên-đà-la
Hàng ngoại đạo Phạm chí
Cũng chẳng ưa gần gũi
Hạng người tăng thượng mạn
Hàng học giả tham chấp
Kinh, luật, luận Tiểu thừa
Những Tỳ-kheo phá giới

Danh tự A-la-hán
Và những Tỳ-kheo-ni
Ưa thích chơi giỡn cười.
Các vị Ưu-bà-di
Tham mê năm món dục
Cầu hiện tại diệt độ
Đều chớ có gần gũi.
Nếu những hạng người đó
Dùng tâm tốt mà đến
Tại chỗ của Bồ-tát
Để vì nghe Phật đạo
Bồ-tát thời nên dùng
Lòng không chút sợ sệt
Chẳng có niệm mong cầu
Mà vì chúng nói pháp.
Những gái góa, gái trinh
Và các kẻ bất nam
Đều chớ có gần gũi
Để cùng làm thân hậu.
Cũng chớ nên gần gũi
Kẻ đồ tể cắt thái
Săn bắn và chài lưới
Vì lợi mà giết hại
Bán thịt để tự sống

Buôn bán sắc gái đẹp
Những người như thế đó
Đều chớ có gần gũi.
Các cuộc chơi giỡn dữ
Hung hiểm đâm đánh nhau
Và những dâm nữ thảy
Trọn chớ có gần gũi.
Chớ nên riêng chỗ khuất
Vì người nữ nói pháp
Nếu lúc vì nói pháp
Chẳng được chơi giỡn cười.
Khi vào xóm khất thực
Phải dắt một Tỳ-kheo
Nếu không có Tỳ-kheo
Phải một lòng niệm Phật.
Đây thời gọi tên là
"Hành xứ", "Thân cận xứ"
Dùng hai xứ trên đây
Có thể an lạc nói.
Lại cũng chẳng vin theo
Pháp thượng, trung và hạ,
Hữu vi hay vô vi,
Thật cùng pháp chẳng thật;
Cũng chẳng có phân biệt

Là nam là nữ thảy,
Lại chẳng được các pháp
Chẳng biết cũng chẳng thấy,
Đây thời gọi tên là
"Hành xứ" của Bồ-tát.
Tất cả các món pháp
Đều không, chẳng chỗ có
Không có chút thường trụ
Vẫn cũng không khởi diệt
Đây gọi là "Thân cận"
Chỗ người trí hằng nương.
Chớ đảo điên phân biệt
Các pháp có hoặc không
Là thật, chẳng phải thật,
Là sanh, chẳng phải sanh.
Ở an nơi vắng vẻ
Sửa trau nhiếp tâm mình
An trụ chẳng lay động
Như thể núi Tu-di.
Quán sát tất cả pháp
Thảy đều không thật có
Dường như khoảng hư không
Không có chút bền chắc.
Chẳng sanh cũng chẳng xuất

Chẳng động cũng chẳng thối
Thường trụ một tướng thể
Đó gọi là "Cận xứ".
Nếu có vị Tỳ-kheo
Sau khi ta diệt độ
Vào được "Hành xứ" này
Và "Thân cận xứ" đó
Thời lúc nói Kinh này
Không có lòng e sợ.
Vị Bồ-tát có lúc
Vào nơi nhà tịnh thất
Lòng nghĩ nhớ chân chánh
Theo đúng nghĩa quán pháp.
Từ trong thiền định dậy
Vì các bậc quốc vương,
Vương tử và quan, dân,
Hàng Bà-la-môn thảy
Mà khai hóa diễn bày
Rộng nói Kinh điển này
Tâm vị đó an ổn
Không có chút khiếp nhược.
Văn-thù-sư-lợi này!
Đó gọi là Bồ-tát
An trụ trong sơ pháp

Có thể ở đời sau
Diễn nói kinh Pháp Hoa.

Giảng:

Trên là Phật nêu lên sự tướng mà người nói kinh Pháp Hoa cần phải có, để khi giáo hóa chúng sanh không bị chướng ngại. Tới đây là phần lý, người nói kinh Pháp Hoa phải đạt được, tức là thấy các pháp không có tướng cố định do duyên hợp tạm có, nên tâm không điên đảo, không động, không thối chuyển, như hư không, không có thật tánh. Tất cả lời nói đều không thật, không sanh, không diệt v.v... Tất cả các pháp đều từ nhân duyên mà sanh, do điên đảo mà có. Tại sao nói pháp do điên đảo mà có? Thí dụ đêm tối có người cầm cây nhang cháy quay thật nhanh, người ngoài nhìn thấy một vòng lửa tròn. Vòng lửa tròn ấy không thật có, chẳng qua do tay quay cây nhang nhanh, mắt nhìn không kịp, nên thấy một vòng lửa. Thấy không tới lẽ thật, nên nói điên đảo như thế. Chúng ta có thân này là do duyên hợp tạm có không thật. Nếu nó còn thì mừng, nó hoại thì sợ. Bởi sợ nó mất nên khởi niệm điên đảo tìm gá thân khác. Từ niệm điên đảo đó mà tiếp nối thân sau đi mãi trong ba cõi, nên nói điên đảo sanh. Chúng ta nhìn cho thật kỹ thì tất cả các pháp ở thế gian này, có pháp nào là thật? Như con người, ai cũng nhận thân này là ta là mình, thế mà mỗi ngày đưa vô một số thức ăn, nước, không khí vào trong thân, bao tử, ruột, phổi, tim... nó biến hóa, nó làm gì, chúng ta hoàn toàn không biết, không hề ra lệnh cho nó làm thế này hay thế kia, mặc tình nó làm gì thì làm,

nó biến hóa ra sao tùy nó. Nó biến hóa tốt thì thân khỏe mạnh, biến hóa không tốt thì thân đau bệnh. Chúng ta hoàn toàn không biết gì về hoạt động bên trong của thân. Tim đập nhanh, chậm, hay ngừng nghỉ tùy nó, bao tử ruột tiêu hóa tốt hay xấu cũng tùy nó, chúng ta không điều khiển được. Vậy mà nhận nó là ta, chấp chặt nó là mình thật, đó là cái tưởng điên đảo, không đúng sự thật.

Với cái nhìn của trí tuệ Bát-nhã, thấy sự vật là một dòng chuyển biến trôi chảy, đủ duyên thì tụ, hết duyên thì tan, luôn luôn chuyển động không dừng. Vạn vật luôn luôn biến dịch mà mắt phàm phu của chúng sanh không thấy không biết. Nhìn sự vật, như cái bàn với mắt người thường thì thấy nó là một cố thể, nhưng với mắt khoa học phân tích từ thô đến tế thì cái bàn do nhiều miếng gỗ ráp lại bởi những cây đinh, công thợ... và rồi phân tích đến chỗ vi tế thì thấy cái bàn hình thành bởi những nguyên tử đang quay vùn vụt ở trong mỗi vật. Ngay thân con người thì thấy vô số tế bào đang hoạt động, ngay nơi vật thì thấy vô số nguyên tử đang quay, tất cả đều di động không dừng. Vì vậy Phật nói, tất cả pháp không có một pháp nào có thật thể cố định, tụ tán biến chuyển không dừng. Đã là pháp chuyển biến, mà chấp bám chặt muốn nó dừng một chỗ là khờ dại ngu si. Càng bám giữ cái không bao giờ dừng đứng là càng khổ đau. Nên nói chấp là gốc của khổ, điều đó cụ thể vô cùng. Với mắt trí tuệ Bát-nhã thấy tất cả người vật là một dòng trôi chảy không dừng. Con người thì sanh, già, bệnh, chết tuần tự đuổi nhau, vật thì thành, trụ,

hoại, không. Nếu biết chuyện sẽ đến đương nhiên phải đến, lo sợ cũng không khỏi, nên nhìn và cười nó đến đi một cách bình thản, người như thế có phải là người trí không? Chư tổ xưa kia trí tuệ tròn đầy, các ngài nói thân này còn cũng tốt mà hoại cũng vui không có gì sợ sệt. Người trí thấy đúng như thật là thấy các pháp là một dòng chuyển biến, đã chuyển biến thì chấp nhận nó đổi thay. Đó là nói các pháp có hình tướng. Còn tâm niệm con người cũng vậy, chợt khởi chợt mất, giây phút trước nghĩ chuyện này, giây phút sau nghĩ chuyện khác, tiếp nối nhau nghĩ tưởng không có được một phút giây dừng lặng. Nó cũng là một dòng trôi chảy biến dịch, ngày nay nghĩ như vậy, ngày mai chưa chắc cũng nghĩ như vậy, vì vọng niệm vô thường đổi thay Nên đừng chấp lời nói, ý nghĩ người đó trước sau như một, nó cứ biến chuyển đổi thay hoài. Vì vậy người tu chúng ta cũng phải thay đổi, chuyển từ nghiệp bất thiện sang nghiệp thiện, chuyển từ mê sang tỉnh. Thí dụ như khi chưa tu thì tham, sân, si có đủ một trăm phần trăm, khi biết tu chuyển tham, sân, si giảm dần còn chín mươi, tám mươi, bảy mươi phần trăm... cho đến khi hết tham, sân, si.

Tóm lại, Phật dạy Bồ-tát nói kinh Pháp Hoa giáo hóa chúng sanh, trên mặt sự phải đủ giới tướng, trên mặt lý phải quán thông các pháp, thì khi hành Bồ-tát đạo, mình được an vui, chúng sanh được lợi ích. Nếu chấp sự mà không thông lý thì chỉ có được hình tướng để cho người mến, cũng chẳng giáo hóa chúng sanh được thăng tiến lợi ích. Còn nếu thông lý mà bỏ sự, khiến cho người hoang mang không kính tin, cũng không giáo hóa

làm lợi ích cho chúng sanh được. Vì vậy lý sự phải viên dung thì việc tự giác giác tha mới viên mãn.

Chánh văn:

5. Lại Văn-thù-sư-lợi! Sau khi đức Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp muốn nói Kinh này, phải trụ nơi hạnh An lạc, hoặc miệng tuyên nói hoặc lúc đọc kinh đều chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển; cũng chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh văn cũng chẳng kêu tên nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng kêu tên khen ngợi điều tốt của người đó.

Lại cũng chẳng sanh lòng oán hiềm, vì khéo tu, lòng an lạc như thế, nên những người nghe pháp không trái ý. Có chỗ gạn hỏi, chẳng dùng pháp Tiểu thừa đáp, chỉ dùng pháp Đại thừa mà vì đó giải nói làm cho được bậc "Nhất thiết chủng trí".

Giảng:

Hai là Phật dạy người nói kinh Pháp Hoa mà được an vui thì đừng có nói lỗi người và lỗi kinh, đừng có khinh Pháp sư khác, không nên nói việc hay dở tốt xấu của người. Đối với hàng Thanh văn không khen và cũng không chê. Đa số chúng ta thời nay tụng kinh Pháp Hoa sợ đổ nghiệp, vì vừa ra khỏi đạo tràng thì khen người này chê người kia, tạo điều kiện cho phiền não dấy động làm mờ trí tuệ Phật, trái với lời Phật dạy thì làm sao được an lạc? Trong Pháp Bảo Đàn Kinh, Lục Tổ đánh

Sa-di Thần Hội ở chỗ thấy lỗi người. Lục Tổ dạy chỉ thấy lỗi mình mà không nên thấy lỗi người, vì thấy lỗi người thì lỗi mình đã đến một bên rồi, đó là điều chướng đạo. Tại sao? Vì thấy lỗi người thì bực bội không thể thương người được, bực bội không thương thì không giáo hóa, không chướng đạo là gì? Thế nên không thấy lỗi người, mà hằng thấy tâm niệm mình đang an ổn hay đang bị vọng tưởng dấy động phiền não phủ che, để điều phục cho được yên.

Trên, Phật dạy nơi miệng không nói lỗi người, không khen chê người. Tới đây Phật dạy nơi tâm không sanh lòng oán hiềm, nếu có người hỏi thì không dùng pháp Tiểu thừa để đáp, chỉ dùng pháp Đại thừa giải nói làm cho họ được Nhất thiết chủng trí. Người nói kinh mà tâm còn oán thù người này, hiềm hận người kia, thì tự mình đã chướng đạo, không có lòng từ bủa rộng đâu làm lợi ích cho người được. Và nếu chỉ đem pháp Tiểu thừa ra giảng nói, mà không nói pháp Đại thừa thì không đưa người đến chỗ rốt ráo thành Phật cũng là chướng đạo, chưa đủ tư cách nói kinh Pháp Hoa.

Chánh văn:

Khi ấy, Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Vị Bồ-tát thường ưa
An ổn nói kinh pháp
Ở nơi chỗ thanh tịnh
Mà sắp đặt sàng tòa

Dùng hương dầu xoa thân
Tắm gội các bụi dơ
Mặc y mới sạch sẽ
Trong ngoài đều sạch thơm
Ngồi an nơi pháp tòa
Theo chỗ hỏi vì nói.
Nếu có vị Tỳ-kheo
Cùng với Tỳ-kheo-ni
Các hàng Ưu-bà-tắc
Và hàng Ưu-bà-di
Quốc vương và vương tử
Các quan cùng sĩ dân
Dùng pháp nghĩa nhiệm mầu
Vui vẻ vì họ nói
Nếu có người gạn hỏi
Theo đúng nghĩa mà đáp
Nhân duyên hoặc thí dụ
Giải bày phân biệt nói
Dùng trí phương tiện này
Đều khiến kia phát tâm
Lần lần thêm đông nhiều
Vào ở trong Phật đạo.
Trừ lòng lười biếng trễ
Cùng với tưởng giải đãi

Xa rời các ưu não
Tâm từ lành nói pháp.
Ngày đêm thường tuyên nói
Giáo pháp Vô thượng đạo
Dùng các việc nhân duyên
Vô lượng món thí dụ
Mở bày dạy chúng sanh
Đều khiến chúng vui mừng
Y phục cùng đồ nằm
Đồ ăn uống thuốc thang
Mà ở nơi trong đó
Không có chỗ mong cầu
Chỉ chuyên một lòng nhớ
Nhân duyên nói Kinh pháp
Nguyện ta thành Phật đạo
Khiến mọi người cũng vậy
Đó là lợi lành lớn
Là an vui cúng dường.
Sau khi ta diệt độ
Nếu có vị Tỳ-kheo
Có thể diễn nói được
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Lòng không chút ganh hờn
Không các não chướng ngại

Cũng lại không ưu sầu
Và cùng mắng nhiếc thảy
Lại cũng không sợ sệt
Không dao gậy đánh đập
Cũng không xua đuổi ra
Vì an trụ nhẫn vậy.
Người trí khéo tu tập
Tâm mình được dường ấy
Thời nay trụ an lạc
Như ta nói ở trên
Công đức của người đó
Trong nghìn muôn ức kiếp
Tính kể hay thí dụ
Nói chẳng thể hết được.

Giảng:

Phật trùng tụng và lặp lại ý trên, tuy nhiên có thêm vài chi tiết. Phật dạy phải ăn mặc sạch sẽ trang nghiêm để nói đạo. Kế đến nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, vua, quan... tới hỏi đạo, thì với sắc diện hòa nhã vui vẻ mà đáp, chớ có thái độ bực dọc cau có. Khi đáp thì phải đáp cho đúng với nghĩa lý Phật dạy, dùng mọi cách dẫn giải thí dụ, để cho họ hiểu lần lần được vào đạo.

Chánh văn:

7. Lại Văn-thù-sư-lợi! Vị đại Bồ-tát ở đời rốt sau lúc pháp gần diệt mà thọ trì, đọc tụng kinh điển này,

chớ ôm lòng ganh ghét dua dối, cũng chớ khinh mắng người học Phật đạo, vạch tìm chỗ hay dở của kia. Nếu hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc cầu Thanh văn, hoặc cầu Duyên giác, hoặc cầu Bồ-tát đạo đều không được làm não đó, khiến cho kia sanh lòng nghi hối mà nói với người đó rằng: "Các ngươi cách đạo rất xa trọn không thể được bậc Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các ngươi là kẻ buông lung, biếng trễ đối với đạo vậy."

Lại cũng chẳng nên hý luận các pháp có chỗ tranh cãi. Phải ở nơi tất cả chúng sanh, khởi tưởng đại bi, đối với các đức Như Lai, sanh tưởng như cha lành, đối với các Bồ-tát, tưởng là bậc Đại sư, với các đại Bồ-tát ở mười phương phải thâm tâm lễ lạy, với tất cả chúng sanh đều bình đẳng nói pháp. Vì thuận theo pháp nên chẳng nói nhiều, chẳng nói ít, nhẫn đến người rất ưa pháp cũng chẳng vì nói nhiều.

Văn-thù-sư-lợi! Vị đại Bồ-tát ở đời rốt sau lúc pháp muốn diệt nếu thành tựu được hạnh An lạc thứ ba đây, thời lúc nói pháp này không ai có thể não loạn, được bạn đồng học tốt chung cùng đọc tụng Kinh này, cũng được đại chúng thường đến nghe thọ. Nghe rồi hay nhớ, nhớ rồi hay tụng, tụng rồi hay nói, nói rồi hay chép, hoặc bảo người chép, cúng dường kinh quyển cung kính tôn trọng ngợi khen.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8. Nếu muốn nói Kinh này
Phải bỏ lòng ganh hờn
Ngạo dua dối tà ngụy
Thường tu hạnh chất trực
Chẳng nên khinh miệt người
Cũng chẳng hý luận pháp
Chẳng khiến kia nghi hối
Rằng người chẳng thành Phật,
Phật tử đó nói pháp
Thường nhu hòa hay nhẫn
Từ bi với tất cả
Chẳng sanh lòng biếng trễ,
Bồ-tát lớn mười phương
Thương chúng nên hành đạo
Phải sanh lòng cung kính
Đó là Đại sư ta,
Với các Phật Thế Tôn
Tưởng là cha Vô thượng
Phá nơi lòng kiêu mạn
Nói pháp không chướng ngại
Pháp thứ ba như thế
Người trí phải giữ gìn
Một lòng An lạc hạnh
Vô lượng chúng cung kính.

Giảng:

Pháp thứ ba Phật dạy người nói kinh Pháp Hoa được an lạc, là chớ có ôm lòng ganh ghét dua dối, chớ có khinh mắng người học đạo tối dốt. Đối với người cầu Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, tuy căn cơ họ có chậm lụt, nhưng cũng không được nói làm cho họ xúc não thối Bồ-đề tâm, mất lòng tin, đó là việc làm trái đạo lý. Vì ai cũng có sẵn tri kiến Phật.

Người giảng nói kinh có bổn phận phải khơi dậy niềm tin nơi mọi người, để họ phấn khởi tu tiến. Nếu khinh chê làm xúc não họ, chẳng khác nào mình phủ nhận hạt giống Bồ-đề nơi họ. Đó là bệnh là tội lỗi, chúng ta phải dè dặt, phải chừa. Nếu chúng ta không làm cho người đủ niềm tin phấn khởi tu hành, chớ có làm cho họ thối Bồ-đề tâm. Phật dạy người nói kinh phải có lòng từ đối với chúng sanh, kính thờ Phật coi như cha, Bồ-tát coi như bậc Đại sư. Đồng thời Phật còn dạy người nói kinh chớ có hý luận, tức là dùng pháp này công kích pháp kia, đứng bên này công kích bên kia, đứng bên kia công kích bên này, gây nên sự chia rẽ tranh chấp lẫn nhau, đó là bệnh. Và đây là cái bệnh của người giảng đạo nữa, nếu người nghe mà chăm chú, tiếp thu nhanh, ưa nghe pháp mình nói, thì nói say mê không chán, quên ngày quên giờ, nếu người nghe lơ đễnh, tiếp thu chậm, thì nói qua loa vài ba câu thôi, không nói nữa. Ở đây Phật dạy phải điều hòa đừng nói quá nhiều cũng đừng nói quá ít. Nếu nói nhiều quá thì dư, khiến người nghe sanh lòng khinh thường nhàm chán không tu được. Còn nói ít quá thì phụ lòng kính ngưỡng khát vọng của người nghe,

và người nghe cũng không hiểu để mà tu tiến. Điều này tuy nhỏ nhưng quan trọng, vì vậy mà phải cố gắng điều hòa đừng để thiên lệch, chớ nói dư mà cũng đừng nói thiếu. Đó là hạnh An lạc thứ ba.

Chánh văn:

9. Lại, Văn-thù-sư-lợi! Các vị đại Bồ-tát ở đời rốt sau lúc pháp gần diệt, có vị nào trì kinh Pháp Hoa này ở trong hàng người tại gia, xuất gia sanh lòng từ lớn, ở trong hạng người chẳng phải Bồ-tát sanh lòng bi lớn, phải nghĩ thế này: Những người như thế thời là mất lợi lớn. Đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi. Người đó dầu chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu Kinh này, lúc ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người đó tùy ở chỗ nào, ta dùng sức thần thông, sức trí tuệ dẫn dắt đó khiến được trụ trong pháp này.

Văn-thù-sư-lợi! Vị đại Bồ-tát đó ở sau lúc Như Lai diệt độ nếu thành tựu được pháp thứ tư này thời lúc nói pháp này không có lầm lỗi, thường được hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà-la-môn, cư sĩ thảy cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, hàng chư thiên ở trên hư không vì nghe pháp cũng thường theo hầu. Nếu ở trong xóm làng thành ấp, rừng cây vắng vẻ, có người đến muốn gạn hỏi, hàng chư thiên ngày đêm thường vì pháp mà vệ hộ đó, có thể khiến người nghe đều được vui mừng.

Vì sao? Vì Kinh này được sức thần của tất cả các đức Phật thuở quá khứ, vị lai, hiện tại giữ gìn vậy. Văn-thù-sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này ở trong vô lượng cõi nước, nhẫn đến danh tự còn chẳng được nghe, hà huống là được thấy, thọ trì, đọc tụng.

Văn-thù-sư-lợi! Thí như vua Chuyển luân thánh vương sức lực mạnh mẽ muốn dùng oai thế hàng phục các nước, mà các vua nhỏ chẳng thuận mệnh lệnh, bấy giờ Chuyển luân thánh vương đem các đạo binh qua đánh dẹp, vua thấy binh chúng những người đánh giặc có công, liền rất vui mừng theo công mà thưởng ban. Hoặc ban cho ruộng, nhà, xóm, làng, thành, ấp, hoặc ban cho đồ y phục trang nghiêm nơi thân, hoặc cho các món trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, tôi tớ, nhân dân, chỉ viên minh châu trong búi tóc chẳng đem cho đó.

Vì sao? Vì riêng trên đảnh vua có một viên châu này, nếu đem cho đó thời các quyến thuộc của vua ắt rất kinh lạ.

Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng lại như thế, dùng sức thiền định trí tuệ được cõi nước pháp, giáo hóa trong ba cõi mà ma vương chẳng khứng thuận phục, các tướng Hiền Thánh của Như Lai cùng ma đánh nhau. Những người có công lòng cũng vui mừng, trong hàng chúng vì nói các kinh khiến tâm kia vui thích, ban cho các pháp thiền định, giải thoát, vô lậu, căn, lực. Và lại ban cho thành Niết-bàn, bảo rằng được diệt độ để dẫn dắt lòng chúng làm

cho đều được vui mừng, mà chẳng vì đó nói kinh Pháp Hoa này.

Văn-thù-sư-lợi! Như vua Chuyển luân thấy các binh chúng những người có công lớn, lòng rất hoan hỷ đem viên minh châu khó tin từ lâu ở trong búi tóc chẳng vọng cho người, mà nay cho đó.

Đức Như Lai cũng lại như thế, làm vị đại Pháp vương trong ba cõi, đem pháp mầu giáo hóa tất cả chúng sanh. Thấy quân Hiền Thánh cùng ma ngũ ấm, ma phiền não, ma chết đánh nhau có công lao lớn, diệt ba độc, khỏi ba cõi, phá lưới ma. Lúc ấy Như Lai cũng rất vui mừng; kinh Pháp Hoa này có thể khiến chúng sanh đến bậc "Nhất thiết trí" là pháp mà tất cả thế gian nhiều oán ghét khó tin, trước chưa từng nói mà nay nói đó.

Văn-thù-sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này là lời nói bậc nhất của Như Lai, ở trong các lời nói thời là rất sâu, rốt sau mới ban cho, như vua sức mạnh kia lâu gìn viên minh châu mà nay mới cho đó.

Văn-thù-sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của các đức Phật Như Lai, ở trong các kinh thời là bậc trên hết, lâu ngày gìn giữ chẳng vọng tuyên nói, mới ở ngày nay cùng với các ông mà bày nói đó.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

10. Thường tu hành nhẫn nhục
Thương xót tất cả chúng

Mới có thể diễn nói
Kinh của Phật khen ngợi.
Đời mạt thế về sau
Người thọ trì Kinh này
Với tại gia, xuất gia
Và chẳng phải Bồ-tát,
Nên sanh lòng từ bi
Những người đó chẳng nghe
Chẳng tin Kinh pháp này
Thời là mất lợi lớn
Khi ta chứng Phật đạo
Dùng các sức phương tiện
Vì nói Kinh pháp này
Làm cho trụ trong đó.
Thí như vua Chuyển luân
Thánh vương có sức mạnh
Binh tướng đánh có công
Thưởng ban những đồ vật
Voi, ngựa và xe cộ,
Đồ trang nghiêm nơi thân
Và những ruộng cùng nhà,
Xóm làng, thành ấp thảy
Hoặc ban cho y phục,
Các món trân báu lạ,

Tôi tớ cùng của cải
Đều vui mừng ban cho,
Nếu có người mạnh mẽ
Hay làm được việc khó
Vua mới mở búi tóc
Lấy minh châu cho đó.
Đức Như Lai cũng thế
Là vua trong các pháp
Nhẫn nhục sức rất lớn
Tạng báu trí tuệ sáng
Dùng lòng từ bi lớn
Đúng như pháp độ đời
Thấy tất cả mọi người
Chịu các điều khổ não
Muốn cầu được giải thoát
Cùng các ma đánh nhau,
Phật vì chúng sanh đó
Nói các món kinh pháp
Dùng sức phương tiện lớn
Nói các kinh điển đó,
Đã biết loài chúng sanh
Được sức mạnh kia rồi
Rốt sau mới vì chúng
Nói kinh Pháp Hoa này

Như vua Thánh mở tóc
Lấy minh châu cho đó.
Kinh này là bậc tôn
Trên hết trong các kinh
Ta thường giữ gìn luôn
Chẳng vọng vì mở bày
Nay chính đã phải lúc
Vì các ông mà nói.
Sau khi ta diệt độ
Người mong cầu Phật đạo
Muốn được trụ an ổn
Diễn nói Kinh pháp này
Phải nên thường gần gũi
Bốn pháp trên như thế.
Người đọc tụng Kinh này
Thường không bị ưu não
Lại không có bệnh đau
Nhan sắc được trắng sạch
Chẳng sanh nhà bần cùng
Dòng ti tiện xấu xa
Chúng sanh thường ưa thấy.
Như ham mộ hiền thánh
Các đồng tử cõi trời
Dùng làm kẻ sai khiến

Dao gậy chẳng đến được
Độc dữ chẳng hại được
Nếu người muốn mắng nhiếc
Miệng thời liền ngậm bít
Dạo đi không sợ sệt
Dường như Sư tử vương
Trí tuệ rất sáng suốt
Như mặt trời chói sáng.
Nếu ở trong chiêm bao
Chỉ thấy những việc tốt
Thấy các đức Như Lai
Ngồi trên tòa sư tử
Các hàng chúng Tỳ-kheo
Vây quanh nghe nói pháp,
Lại thấy các long thần
Cùng a-tu-la thảy
Số như cát sông Hằng
Đều cung kính chắp tay
Tự ngó thấy thân mình
Mà vì chúng nói pháp.
Lại thấy các đức Phật
Thân tướng thuần sắc vàng
Phóng vô lượng hào quang
Soi khắp đến tất cả

Dùng giọng tiếng Phạm âm
Mà diễn nói các pháp
Phật vì hàng tứ chúng
Nói kinh pháp Vô thượng
Thấy thân mình ở trong
Chắp tay khen ngợi Phật
Nghe pháp lòng vui mừng
Mà vì cúng dường Phật
Được pháp đà-la-ni
Chứng bậc Bất thối trí,
Phật biết tâm người đó
Đã sâu vào Phật đạo
Liền vì thọ ký cho
Sẽ thành Tối chánh giác.
Thiện nam tử! Người này
Sẽ ở đời vị lai
Chứng được Vô lượng trí
Nên đạo lớn của Phật,
Cõi nước rất nghiêm tịnh
Rộng lớn không đâu bằng
Cũng có hàng tứ chúng
Chắp tay nghe nói pháp.
Lại thấy thân của mình
Ở trong rừng núi vắng

Tu tập các pháp lành
Chứng thật tướng các pháp
Sâu vào trong thiền định
Thấy các Phật mười phương
Các Phật thân sắc vàng
Trăm phước tướng trang nghiêm
Nghe pháp vì người nói
Thường có mộng tốt đó.
Lại mộng làm quốc vương
Bỏ cung điện quyến thuộc
Và ngũ dục thượng diệu
Đi đến nơi đạo tràng
Ở dưới cội bồ-đề
Mà ngồi tòa sư tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Được trí của các Phật
Thành đạo Vô thượng rồi
Dậy mà chuyển pháp luân
Vì bốn chúng nói pháp
Trải nghìn muôn ức kiếp
Nói pháp mầu vô lậu
Độ vô lượng chúng sanh
Sau sẽ vào Niết-bàn
Như khói hết đèn tắt.

Nếu trong đời ác sau
Nói pháp bậc nhất này
Người đó được lợi lớn
Các công đức như trên.

Giảng:

Pháp thứ tư mà người nói kinh Pháp Hoa cần phải có để được an lạc, là khởi tâm từ bi lớn. Tại sao đối với hàng tại gia xuất gia thì khởi lòng từ, còn đối với người chẳng phải Bồ-tát thì khởi lòng bi? Vì hàng tại gia xuất gia là những người đang tiến tu, nên Bồ-tát làm lợi lạc khiến cho họ được thăng tiến an vui nên nói là khởi lòng từ; còn đối với hàng chúng sanh chưa tu theo giáo pháp của Phật, lòng tràn đầy khổ đau, vì vậy mà Bồ-tát thương xót dùng mọi phương tiện để cứu khổ khiến cho họ được an vui. Nên nói đối với hàng chúng sanh, Phật nói pháp mà không nghe, không hiểu, không tin... thì Bồ-tát phải phát tâm đại bi, nguyện rằng: Khi mình được thành Phật thì những người đó ở đâu cũng dùng phương tiện dẫn dắt cho họ tu. Phàm phu có cái bệnh nếu biết điều nào hay, có lợi ích thì khuyến khích khuyên bảo cho người làm, nếu họ không làm thì bực bội, không nói nữa, để khổ cho đáng kiếp, không thèm cứu! Tâm Bồ-tát thì không phải vậy, vẫn trải lòng từ bi mà cứu độ khi họ khổ.

Phật nói kinh Pháp Hoa rất quý, được chư Phật ba đời hộ trì. Có vô lượng cõi nước không được thấy nghe kinh Pháp Hoa huống là được thọ trì đọc tụng. Điều này làm cho chúng ta có chút nghi vấn. Kinh Pháp Hoa được

in ấn và phát hành rất nhiều, tại sao Phật lại nói không được nghe đến tên kinh và thấy kinh để thọ trì? Chúng ta nhớ: kinh Pháp Hoa là chỉ cho tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi người. Nếu không gặp được thiện hữu tri thức khai thị, thì làm sao mà tin hiểu? Nên nói khó thấy nghe huống là thọ trì. Chứ không phải quyển kinh Pháp Hoa được in bằng giấy mực mà chúng ta đọc tụng hằng ngày. Tuy nhiên, nhờ đọc tụng kinh Pháp Hoa bằng giấy mực mà chúng ta khéo nhận ra quyển Kinh không lời không chữ mà Phật đã chỉ. Vậy ở đây, quý vị đã từng đọc tụng hằng chục hằng trăm bộ, có nhận ra quyển Kinh không lời chưa?

Dưới đây Phật dùng thí dụ nói lên cái quý của kinh Pháp Hoa để cho chúng ta thấy, ở vào từng trường hợp đặc biệt nào Phật mới chỉ cho. Phật thí dụ Chuyển luân thánh vương muốn hàng phục các nước nhỏ, mà các nước nhỏ không tuân mệnh lệnh, nên vua đem binh đánh dẹp. Quan quân đánh giặc có công, vua tùy theo công mà thưởng ban cho ngọc ngà châu báu hay thành ấp... Đối với vị tướng lãnh có công lớn nhất thì vua lấy hạt minh châu trong búi tóc mà thưởng. Khi vua thưởng hạt minh châu cho vị tướng lãnh có công lớn, thì tất cả quyến thuộc rất kinh ngạc. Vì hạt minh châu là vật quý nhất, mà vua lấy đem ra ban thưởng, thật là chuyện hiếm có. Chuyển luân thánh vương là dụ cho đức Phật, binh tướng là dụ cho hiền thánh tăng đệ tử Phật, giặc phải dẹp là ma ngũ ấm, ma phiền não, ma chết... Vậy chư tăng ni có mặt ở đây đã đánh trận nào với ma chưa và đánh như thế nào?

Ma ngũ ấm là kiến chấp thân năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thật ngã. Do chấp thân năm ấm là thật ngã nên không nhận ra tri kiến Phật sẵn có nơi mình. Bây giờ phải dùng kiếm trí tuệ Bát-nhã đâm thủng con ma ngũ ấm thì tình chấp thân tâm là thật ngã không còn nữa, tri kiến Phật hiện tiền. Mỗi tối chúng ta lên chùa hăm he: *Chiếu kiến ngũ uẩn giai không*, sắc không thật, thọ không thật, tưởng không thật, hành, thức cũng không thật... Tôi xin hỏi, có phải quý vị là binh tướng của Phật đang tuyên chiến với quân ma không? Tuy tuyên chiến với ma mà gặp ma không nỡ giết vẫn còn thương ma, nên cũng thấy "ngũ uẩn giai hữu", vì vậy bị thua ma dài dài! Ma phiền não thì rất nhiều, nào là tham, sân, si, nào là mạn, nghi, ác kiến... Với ma tham, quý vị có tuyên chiến với nó chưa? Thắng nó hay là bại? Ma sân coi bộ hung dữ quá, thắng nó được mấy trận rồi? Hay là bất như ý là bực tức hiện ra mặt, ra lời, ra tay chân, xong rồi hối hận? Như vậy là thua ma, làm tôi mọi cho nó đó! Nên, khi ma tham ma sân dấy lên, liền biết nó không thật, không có cứ điểm, không có nơi chốn, thì nó tự lặn mất, như vậy là thắng ma. Ma chết là con người khi chết chưa siêu quanh quẩn phá phách người sống. Và sự chết làm mất thân mạng không còn đủ duyên để tiến tu cũng gọi là ma. Khi thân này bệnh, điều trị không khỏi, cái chết sẽ đến nên rất lo sợ, hoặc ở chỗ vắng vẻ có những hiện tướng bất thường hiện ra, chúng ta run sợ đó là sợ ma chết. Tất cả những thứ ma chết chúng ta đều sợ, hễ sợ là chướng đạo, thế nên phải chiến thắng nó. Phá sạch ma ngũ ấm, ma phiền não, ma chết, mới thoát khỏi

luân hồi sanh tử trong ba cõi, không còn bị trói buộc trong lưới ma nữa.

Việc làm này đối với Phật là một công trận lớn nhất, nên Phật rất vui mừng đem kinh Pháp Hoa giảng nói khiến cho được Nhất thiết chủng trí, tức là khiến cho thành Phật để thưởng người công đầu. Trong cuộc chiến với ma quân, tùy theo công trận lớn nhỏ mà Phật có những pháp để thưởng công, nào là thiền định, giải thoát, nào là vô lậu, căn, lực, thành Niết-bàn... hễ chiến đấu có công là được thưởng. Chỉ đặc biệt người có công lớn nhất là *được thưởng kinh Pháp Hoa*. Xét lại xem, chúng ta có được Phật thưởng công không? Chắc vô phần! Nếu không được thưởng công tức là chưa chiến thắng ma quân. Chúng ta chưa được phần thưởng nào, huống là được thưởng kinh Pháp Hoa! Nhưng tại sao hôm nay chúng ta lại được học kinh Pháp Hoa? Như vậy có trái ngược không? Ở đây chúng ta học kinh Pháp Hoa là học văn tự nghĩa lý, chứ *kinh Pháp Hoa vô tự*, tức tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi người, chỉ có bậc thánh tăng phá tan quân ma vượt khỏi lưới ma, tri kiến Phật mới hiện tiền, nói theo phẩm này thì mới được Phật ban thưởng. Còn chúng ta chưa được dự phần, vì chưa phá được quân ma cũng như chưa ra khỏi lưới ma! *Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của các đức Phật Như Lai* là sao? Vì kinh Pháp Hoa là chỉ tri kiến Phật, chính thái tử Sĩ-đạt-ta đã ngộ, nên thành Phật. Muốn chỉ cho người thì rất khó, vì nó không có tướng mạo, vượt ngoài ngôn ngữ, suy tư, làm sao chỉ được! Nó hằng hiện hữu nơi mỗi người mà chỉ không được, nên gọi là *tạng bí mật của Như Lai*.

Khi căn lành tròn đủ, sạch hết các ma chướng lúc đó mới thấy được tạng bí mật này.

Sở dĩ từ lâu Phật không nói kinh Pháp Hoa là tại sao? Vì tất cả chư Phật nhân Kinh này mà được thành, song khó tin khó nhận. Đối với người căn cơ thấp kém họ không tin nên Phật không nói. Khi nào phiền não sạch, trí tuệ sáng, Phật chỉ, liền nhận ra tức thành Phật. Đó là *dụ Kế châu* tức hạt châu trong búi tóc.

Như vậy, trong bộ kinh Pháp Hoa có tất cả bảy dụ: dụ Nhà lửa với ba cỗ xe, dụ Cùng tử, dụ Dược thảo, dụ Hóa thành, dụ Hệ châu, dụ Tạc tỉnh, dụ Kế châu. Phẩm An Lạc Hạnh là phẩm dạy cho chúng ta thực hành nên rất quan trọng. Người muốn nói kinh Pháp Hoa phải cần có đủ bốn điều kiện để được an lạc không bị chướng ngại, đó là:

1. Nhẫn nhục nhu hòa, không kinh sợ, quán tướng như thật của các pháp.

2. Không thân cận người có quyền thế, ngoại đạo, kẻ xướng ca, kẻ hung ác..

3. Không nói lỗi người, không oán hờn người, không dùng pháp Tiểu thừa để giáo hóa mà chỉ dùng pháp Đại thừa giảng giải, khiến được Nhất thiết chủng trí, không ganh ghét dua dối, không khinh mắng người học đạo...

4. Phải có đầy đủ lòng từ bi lớn đối với mọi chúng sanh, dắt dẫn họ an trụ trong pháp Phật.

Phẩm Trì ở trước là Phật giao phó kinh Pháp Hoa cho người sau, đến phẩm này Phật dạy bốn hạnh cần phải có, để đem kinh Pháp Hoa truyền bá được an lạc không bị chướng ngại. Trong bộ kinh, phẩm trước có liên hệ với phẩm sau. Như vậy trì kinh và đem kinh ra giáo hóa đó là phần Thị và Ngộ Phật tri kiến theo tinh thần của thiền sư Minh Chánh. Nếu không thấy (thị) làm sao mà nguyện trì và không ngộ làm sao giáo hóa?

XV- PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT

Tùng Địa Dũng Xuất nghĩa là từ đất vọt mạnh lên. Ý nói chư Bồ-tát từ dưới đất nứt vọt lên rất nhiều. Phẩm An Lạc Hạnh, Phật dạy người trì kinh Pháp Hoa và truyền bá Pháp Hoa, phải tu bốn hạnh như đã nêu lên ở trước thì mới được an lạc. Nhân Phật khuyến khích chư Bồ-tát và tất cả chúng nên duy trì kinh Pháp Hoa, để cho chúng sanh cõi Ta-bà được biết và thọ trì, vì vậy chư Bồ-tát phát nguyện thực hành.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, các vị đại Bồ-tát ở cõi nước phương khác đông hơn số cát của tám sông Hằng, ở trong đại chúng đứng dậy chắp tay làm lễ mà bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Nếu bằng lòng cho chúng con, lúc sau khi Phật diệt độ ở tại cõi Ta-bà này siêng tu tinh tấn, giữ gìn đọc tụng, biên chép, cúng dường Kinh điển này, thời chúng con sẽ ở trong cõi đây mà rộng nói đó.

Khi đó, Phật bảo các chúng đại Bồ-tát:

Thiện nam tử! Thôi đi, chẳng cần các ông hộ trì Kinh này. Vì sao? Vì cõi Ta-bà của ta tự có chúng đại Bồ-tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng. Mỗi vị Bồ-tát có sáu muôn hằng hà sa quyến thuộc, những người đó có thể sau khi ta diệt độ hộ trì đọc tụng rộng nói Kinh này.

Giảng:

Phật khuyến khích các vị Bồ-tát nên duy trì kinh Pháp Hoa ở cõi Ta-bà, thì chư Bồ-tát ở phương khác phát nguyện xin được ở cõi Ta-bà tinh tấn gìn giữ, đọc tụng, biên chép, cúng dường kinh điển này, tại sao Phật lại từ chối? Vì ở cõi Ta-bà, số chúng Bồ-tát và quyến thuộc đông không thể tính đếm được, sau khi Phật diệt độ có thể hộ trì đọc tụng rộng nói Kinh này. Như vậy, có phải Phật dành phần thọ trì truyền bá kinh Pháp Hoa cho chư Bồ-tát, đệ tử của Phật không?

Chánh văn:

2. Lúc Phật nói lời đó, cõi Ta-bà, trong tam thiên đại thiên cõi nước đất đều rúng nứt, mà ở trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị đại Bồ-tát đồng thời vọt ra. Các vị Bồ-tát đó thân đều sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt cùng vô lượng ánh sáng, trước đây đều ở dưới cõi Ta-bà này, cõi đó trụ giữa hư không. Các vị Bồ-tát đó nghe tiếng nói của đức Thích-ca-mâu-ni Phật nên từ dưới mà đến. Mỗi vị Bồ-tát đều là bậc đạo thủ trong đại chúng, đều đem theo sáu muôn hằng hà sa quyến thuộc, huống là

những vị đem năm muôn, bốn muôn, ba muôn, hai muôn, một muôn hằng hà sa quyến thuộc. Huống là nhẫn đến những vị đem một hằng hà sa, nửa hằng hà sa, một phần tư hằng hà sa, nhẫn đến một phần trong nghìn muôn ức na-do-tha phần hằng hà sa quyến thuộc. Huống là những vị đem nghìn muôn ức na-do-tha quyến thuộc, huống là đem ức muôn quyến thuộc, huống là đem nghìn muôn, trăm muôn nhẫn đến một muôn, huống là đem một nghìn, một trăm nhẫn đến mười quyến thuộc, huống là đem năm, bốn, ba, hai, một người đệ tử. Huống lại là những vị riêng một mình ưa hạnh viễn ly, số đông vô lượng vô biên dường ấy, tính đếm thí dụ chẳng có thể biết được.

Giảng:

Tới đây, lại có thêm những nghi vấn nữa, là tại sao chư Bồ-tát từ trong lòng đất rúng nứt vọt lên trụ trong hư không? Nếu từ lòng đất vọt lên thì các ngài không phải ở thế giới khác đến. Bồ-tát sao ở dưới đất nhiều vô số vậy? Phần nhiều lấy số sáu để định lượng, như vậy có hàm súc ý nghĩa gì đặc biệt?

Chánh văn:

3. Các vị Bồ-tát đó từ dưới đất lên, đều đến nơi tháp đẹp bảy báu, chỗ của đức Đa Bảo Như Lai và Thích-ca-mâu-ni Phật, đến nơi rồi hướng về hai vị Thế Tôn mà đầu mặt lạy chân Phật, và đến chỗ các đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cội cây báu, cũng đều làm lễ. Đi quanh bên mặt ba vòng, chắp tay

cung kính, dùng các cách ngợi khen của Bồ-tát mà ngợi khen Phật, rồi đứng qua một phía, ưa vui chiêm ngưỡng hai đấng Thế Tôn.

Từ lúc các vị đại Bồ-tát do từ dưới đất vọt lên dùng các cách ngợi khen của Bồ-tát mà khen ngợi Phật, thời gian đó trải qua năm mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ, đức Thích-ca-mâu-ni Phật nín lặng ngồi yên, cùng hàng tứ chúng cũng đều nín lặng, năm mươi tiểu kiếp, vì do sức thần của Phật, khiến hàng đại chúng cho là như nửa ngày.

Bấy giờ, hàng tứ chúng cũng nhờ sức thần của Phật, thấy các Bồ-tát đầy khắp vô lượng nghìn muôn ức cõi nước hư không.

Giảng:

Đoạn này lại có thêm nghi vấn nữa là chư vị Bồ-tát từ đất vọt lên đến đảnh lễ hai đức Phật, lễ xong thì tán thán khen ngợi, tán thán khen ngợi xong mất một khoảng thời gian là năm mươi tiểu kiếp. Chúng ta thấy đức Phật Thích-ca từ khi giáng sanh đến khi Niết-bàn cho đến ngày nay chỉ có trên hai ngàn năm trăm năm (một tiểu kiếp bằng 16.800.000 năm) như vậy lẽ thật ở chỗ nào?

Chánh văn:

4. Trong chúng Bồ-tát đó có bốn vị đạo sư:

1. Thượng Hạnh.

2. Vô Biên Hạnh.

3. Tịnh Hạnh.

4. An Lập Hạnh.

Bốn vị Bồ-tát này là bậc thượng thủ xướng đạo sư trong chúng đó, ở trước đại chúng, bốn vị đồng chắp tay nhìn đức Thích-ca-mâu-ni Phật mà hỏi thăm rằng:

Thưa Thế Tôn! Có được ít bệnh, ít não, an vui luôn chăng? Những người đáng độ thọ giáo dễ chăng, chẳng làm cho đức Thế Tôn sanh mỏi nhọc chăng?

Khi đó, bốn vị đại Bồ-tát nói kệ rằng:

Thế Tôn được an vui
Ít bệnh cùng ít não,
Giáo hóa các chúng sanh,
Được không mỏi nhọc ư?
Lại các hàng chúng sanh
Thọ hóa có dễ chăng?
Chẳng làm cho Thế Tôn
Sanh nhọc mệt đó ư?

Giảng:

Trong chúng Bồ-tát có bốn vị lãnh đạo là Thượng Hạnh, Vô Biên Hạnh, Tịnh Hạnh, An Lập Hạnh. Hạnh có nghĩa là hành. Tại sao bốn vị Bồ-tát này đều có tên chung là Hạnh? Đây là phần ngộ tri kiến Phật, tức là sống được với tri kiến Phật. Người sống được với tri kiến Phật, là đã thực hành đầy đủ công hạnh của bậc Bồ-tát, hoặc là hạnh bậc thượng, hoặc là hạnh vô biên, hoặc là

hạnh thanh tịnh, hoặc là hạnh an lập. Những hạnh đó giúp cho người ngộ được tri kiến Phật thoát khỏi phiền não trần lao, cũng như những Bồ-tát từ đất vọt lên giữa hư không.

Chánh văn:

5. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong đại chúng Bồ-tát mà nói rằng:

Đúng thế! Đúng thế! Các thiện nam tử! Đức Như Lai an vui, ít bệnh, ít não, các hàng chúng sanh hóa độ được dễ, không có nhọc mệt.

Vì sao? Vì các chúng sanh đó, từ nhiều đời nhẫn lại, thường được ta dạy bảo, mà cũng từng ở nơi các đức Phật quá khứ, cung kính, tôn trọng, trồng các cội lành. Các chúng sanh đó mới vừa thấy thân ta, nghe ta nói pháp, liền đều tin nhận, vào được trong tuệ của Như Lai, trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa, những người như thế ta cũng khiến được nghe Kinh này, vào trong tuệ của Phật.

Lúc ấy, các vị đại Bồ-tát nói kệ rằng:

Hay thay! Hay thay!
Đức Đại Hùng Thế Tôn
Các hàng chúng sanh thảy
Đều hóa độ được dễ.
Hay hỏi các đức Phật
Về trí tuệ rất sâu

Nghe pháp rồi tin làm
Chúng con đều tùy hỷ.

Khi đó, đức Thế Tôn khen ngợi các vị đại Bồ-tát thượng thủ:

Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Các ông có thể đối với đức Như Lai mà phát lòng tùy hỷ.

Giảng:

Đức Phật nhận rằng ngài được cảnh thuận lợi nên giáo hóa dễ dàng cùng khắp không bỏ sót một ai. Phẩm này nằm trong phần Thị và Ngộ tri kiến Phật. Phật chỉ cho chúng sanh nhận ra tri kiến Phật. Song, tri kiến Phật thì không có hình tướng, đã không hình tướng làm sao chỉ được? Vì vậy mà Phật dùng những hình ảnh biểu trưng, để người được chỉ nhận ra nơi mình có sẵn tri kiến Phật. Thế nên ở đây mượn hình ảnh chư Bồ-tát từ lòng đất vọt lên. Hình ảnh này nói lên ý nghĩa gì? Trong quyển Góp Nhặt Cát Đá của thiền sư Muju có kể câu chuyện tên Giáo Lý Thượng Thừa:

Có một anh chàng mù đi thăm người bạn thân, vì là bạn thân nên khi gặp nhau nói chuyện quên ngày giờ. Nói mãi tới khuya, anh mù từ giã ra về. Anh bạn sáng mắt mới đốt cây đèn lồng đưa cho anh mù cầm đi đường. Anh mù cười nói:

- Đối với tôi, đêm như ngày, ngày như đêm, đốt đèn làm gì?

Anh bạn sáng mắt giải thích:

- Anh hãy cầm cây đèn, người ta thấy anh, họ tránh, không đụng anh.

Anh bạn mù nghe nói có lý, nên nhận cây đèn lồng cầm đi về. Đi được nửa đường thì anh bị người đụng, anh la lên:

- Anh không thấy tôi sao?

Người đi đường nói:

- Thưa, tôi không thấy anh.

Anh mù trách:

- Tôi cầm cây đèn đây mà anh không thấy à?

Người đi đường đáp:

- Thưa bạn, cây đèn bạn đã tắt tự bao giờ!

Câu chuyện rất đơn giản thông thường, sao gọi là Giáo Lý Thượng Thừa? Trong nhà Phật, Trí được chia làm hai loại: Trí hữu sư và Trí vô sư. Trí hữu sư là sự hiểu biết do nghe học ở sách vở, ở các bậc thiện tri thức chỉ dạy, nhờ đó mà được sáng. Trí vô sư là cái biết có sẵn nơi mình, không do học hỏi ở người hay sách vở, mà do tu hành, phiền não lóng lặng tâm thanh tịnh, trí tuệ phát sáng, thấy biết đúng như thật. Trọng tâm kinh Pháp Hoa là khai thị tri kiến Phật ở nơi mỗi người, để rồi mỗi người tự ngộ nhập tri kiến Phật của chính mình. Câu chuyện Giáo Lý Thượng Thừa nói lên ý nghĩa: Trí vô sư là cái có sẵn nơi mình, khi nó phát sáng thì thấy biết các pháp đúng như thật không lầm, tránh khỏi mọi tai ách khốn khổ và đi đúng đích. Nếu trí tuệ chưa sáng dù người khác có muốn giúp cũng không giúp được,

ngay cả Bồ-tát hay Phật cũng không giải cho mình thoát khỏi ách nạn, sanh tử luân hồi. Thế nên, Trí vô sư là trí thiết yếu, mà mỗi người chúng ta cần phải phát minh. Người phát minh được Trí vô sư phải là bậc Thượng thừa mới thực hiện nổi, chứ hạng tầm thường thì không kham được. Xưa, ngài Đức Sơn là người tinh thông Kinh Luật, từng giải kinh Kim Cang, nghe phương Nam Thiền tông thạnh hành, Sư bất bình nói:

Kẻ xuất gia ngàn muôn kiếp học oai nghi tế hạnh của Phật mà chẳng được thành Phật. Những kẻ ma ở phương Nam dám nói trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật? Ta phải ruồng tận hang ổ của chúng, diệt hết những giống ấy để đền ơn Phật.

Sư bèn khăn gói lên đường mang theo bộ Thanh Long Sớ Sao. Trên đường đi gặp bà già bán bánh, Sư bèn nghỉ chân bảo bà lấy ít bánh điểm tâm. Bà chỉ gánh kinh của Sư hỏi:

- Gói ấy là sách vở gì?

Sư bảo:

- Thanh Long Sớ Sao.

Bà hỏi:

- Thầy thường giảng kinh gì?

Sư đáp:

- Kinh Kim Cang.

Bà nói:

- Tôi có một câu hỏi, nếu Thầy đáp được, tôi xin cúng dường bánh điểm tâm. Bằng đáp chẳng được, mời Thầy đi nơi khác.

Sư nhận lời. Bà hỏi:

- Kinh Kim Cang nói: "Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc." Xin hỏi Thượng tọa điểm tâm nào?

Sư không đáp được bèn lên đường đi Long Đàm.

Đến pháp đường gặp ngài Long Đàm, Sư nói:

- Lâu nay nghe danh Long Đàm, đi đến nơi, đàm chẳng thấy mà long cũng không hiện.

Sùng Tín bảo:

- Ngươi đã gần đến Long Đàm.

Sư không đáp được, liền dừng lại đây.

Một đêm Sư đứng hầu, Sùng Tín bảo:

- Đêm đã khuya sao chẳng xuống?

Sư kính chào bước ra, lại trở vào, thưa:

- Bên ngoài trời tối đen.

Sùng Tín thắp đèn đưa Sư, Sư toan tiếp lấy, Sùng Tín liền thổi tắt. Ngay đó Sư đại ngộ, liền lễ bái. Sùng Tín hỏi:

- Ngươi thấy cái gì?

Sư thưa:

- Từ nay về sau chẳng còn nghi lời nói chư lão hòa thượng trong thiên hạ.

Đức Sơn ngộ cái gì? Sư nói *bên ngoài trời tối đen*. Câu ấy chỉ trời tối mà cũng ngụ ý nói con đang mù mịt, không biết làm sao ngộ được bản tánh của mình.

Đức Sơn than tối, Sùng Tín cho đèn, nhưng Đức Sơn vừa cầm đèn thì Sùng Tín liền thổi tắt. Tại sao? Vì người tối dù cho có đèn cũng không thấy, cũng không cứu cho được sáng. Khi Sùng Tín thổi tắt đèn, Đức Sơn mới chợt thấy rằng cái sáng phải tự nơi mình phát ra, chứ không phải từ người khác cho mà được, nên ngay đó đại ngộ. Chúng ta thấy lý Thiền cùng với lý kinh Đại thừa rất gần nhau.

Câu chuyện sau đây cũng nói lên ý nghĩa này.

Tuyết Phong và Nham Đầu là hai huynh đệ cùng học ở Đức Sơn, Nham Đầu đã đạt được lý Thiền, Tuyết Phong thì còn băn khoăn. Một hôm hai vị cùng đi đến Ngao Sơn, gặp trời trở tuyết nên dừng lại, Nham Đầu mỗi ngày cứ ngủ, Tuyết Phong một bề ngồi thiền. Một hôm Sư gọi:

- Sư huynh, Sư huynh hãy dậy.

Nham Đầu hỏi:

- Làm cái gì?

Sư nói:

- Đời nay chẳng giải quyết xong, lão Văn Thúy đi hành cước đến nơi chốn, bị y chê cười, từ ngày đến đây sao chỉ lo ngủ?

Nham Đầu nạt:

- Ngủ đi! Mỗi ngày ngồi trên giường giống như thổ địa, ngày sau còn làm mê hoặc người!

Sư chỉ trong ngực nói:

- Tôi trong ấy còn chưa ổn, không dám tự dối.

- Nếu thật như thế, cứ chỗ thấy của ông mỗi mỗi thông qua, chỗ phải tôi sẽ chứng minh cho ông, chỗ chẳng phải tôi sẽ vì ông đuổi dẹp.

- Khi tôi mới đến Diêm Quan, nghe nói nghĩa Sắc Không liền được chỗ vào.

- Từ đây đến ba mươi năm rất kỵ không nên nói đến.

Lạ chưa, ngộ được lý Sắc Không là quá hay, tại sao kỵ ba mươi năm không cho nói đến? Vì ngộ lý Sắc Không chỉ là cửa không ở ngoài, chưa vào nhà. Nếu lấy đó cho là đủ thì bệnh.

Tuyết Phong lại nói:

- Nghe bài kệ qua sông của ngài Động Sơn, ngay đó tôi liền tỉnh.

Ngài Động Sơn Lương Giới đang đi trên cầu nhìn xuống thấy bóng mình ở dưới sông, ngay đó ngài làm bài kệ diễn đạt cái ngộ của ngài. Sau này Tuyết Phong đọc có tỉnh ngộ. Khi thuật lại giai thoại này thì Nham Đầu nói:

- Nếu thế ấy tự cứu cũng chưa xong.

Tuyết Phong lại nói thêm:

- Sau, hỏi Đức Sơn: Việc Tông thừa từ trước con có phần chăng? Đức Sơn đánh một gậy hỏi: Nói cái gì? Tôi khi đó giống như thùng lủng đáy.

Thùng lủng đáy là ngộ suốt rồi. Vậy mà Nham Đầu nạt:

- Ông chẳng nghe nói "từ cửa vào chẳng phải của báu trong nhà"?

Trí vô sư là cái có sẵn nơi mình, không phải *từ cửa vào*, dù chúng ta hỏi, thiện tri thức tạo duyên cho chúng ta ngộ, ngộ đó là cái duyên bên ngoài *chưa phải là của báu trong nhà*, nó là của người ta, không phải của mình.

Câu chuyện này cho chúng ta thấy rõ Trí hữu sư là cái biết từ ngoài huân vào, giống như của báu ở bên ngoài. Còn Trí vô sư là của báu ở trong nhà, chỉ cần khai thác là phát sáng, giống như hòn ngọc quý để trong tủ, chỉ cần mở tủ ra là có của báu, không cần tìm kiếm ở đâu xa.

Tuyết Phong mới hỏi:

- Về sau làm thế nào mới phải?

Nham Đầu đáp:

- Về sau nếu muốn xiển dương đại giáo, mỗi mỗi từ trong hông ngực mình lưu xuất, sau này cùng ta che trời che đất đi!

Từ trong hông ngực mình lưu xuất, tức là từ trong cái thân ngũ uẩn này mà phát ra chứ không phải ở ngoài vào. Qua ba câu chuyện vừa nêu, chúng ta hiểu được ý nghĩa của phẩm này. Bồ-tát nghĩa là tự giác và giác tha, mà giác là biết là trí, Bồ-tát ở tha phương là chỉ cho trí tuệ của người khác mà mình huân tập, là của báu ở bên ngoài, không phải của mình, thì không thể thọ trì kinh Pháp Hoa được nên Phật không nhận, mà chỉ nhận những vị Bồ-tát từ lòng đất vọt lên. Đấy là hình ảnh biểu trưng Trí vô sư tự nơi thân ngũ uẩn phát ra, chính là của mình, nó không sanh không diệt, mới có thể duy trì truyền bá kinh Pháp Hoa, tức là thể nhập trí tuệ Phật.

Trở về nguồn, giai đoạn đầu thái tử Sĩ-đạt-ta xuất gia học đạo với A-la-lam, tu chứng từ Sơ thiền đến Vô sở hữu xứ định. Qua Uất-đầu Lam-phất, tu chứng được Phi tưởng phi phi tưởng xứ định. Tuy đã chứng được tám bậc thiền định ấy mà ngài chưa thỏa mãn. Tại sao? Vì mục đích ngài xuất gia là tìm ra manh mối của luân hồi sanh tử, mà con người ai cũng chấp nhận nó như một lẽ đương nhiên, không hề có ý muốn thoát ra cái vòng lẩn quẩn đó. Chí nguyện chưa đạt được, nên ngài tới cội cây bồ-đề xếp chân ngồi, phát nguyện: "Nếu không thấy được chân lý, dù cho tan thân mất mạng cũng không đứng dậy." Thế là suốt bốn mươi chín ngày đêm thiền quán, ngài chứng ngộ thấy rõ manh mối của luân hồi sanh tử, và biết cách thoát ly ra khỏi sanh tử. Nên nói ngài thành Phật. Như vậy, Phật thấy biết manh mối luân hồi sanh tử, ai dạy ngài? Rõ ràng Trí vô sư có sẵn nơi ngài hiển hiện tròn sáng, ngài thấy biết tất cả. Nên ngài tuyên bố ngài học đạo không có thầy. Nếu ngài thỏa mãn với tám tầng thiền của A-la-lam và Uất-đầu Lam-phất thì ngài học đạo có thầy. Nhưng điều ngài muốn khám phá thì không ai chỉ dạy, mà do chính ngài tu thiền định, tâm thanh tịnh trí tuệ sáng ra, thông suốt các pháp không còn nghi ngờ. Đó là Trí vô sư không sanh không diệt hiển hiện nơi ngài, nên ngài thoát khỏi luân hồi sanh tử. Còn Trí hữu sư do huân tập từ bên ngoài mà được, do huân tập nên động, do động nên sanh diệt, còn sanh diệt nên chưa thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Vậy, thọ trì kinh Pháp Hoa là thọ trì tri kiến Phật, để được thành Phật. Điều này nói ra thì khó tin,

kỳ thật rõ ràng là vậy, vì chính bản thân tôi đã nghiệm thấy điều này. Xưa tôi làm Tri tạng ở Ấn Quang nên đọc hết Đại tạng, đọc tới kinh Đại thừa và ngữ lục của thiền sư, tôi không hiểu gì cả, thầm tự nói rằng mình không có phần với Đại thừa, với Thiền tông. Nhưng qua một thời gian tu, tâm được yên, một hôm bất chợt đọc qua những câu kinh luận mà ngày xưa không hiểu, nay hiểu dễ dàng. Từ đó tôi đem Đại tạng, ngữ lục của thiền sư ra đọc, đọc tới đâu hiểu tới đó, hiểu rõ như ban ngày. Vậy lúc đó tôi học với ai? Rõ ràng chính khi tâm an định thì trí tuệ phát sáng, đó là Trí vô sư có sẵn ở mỗi người. Tuy nhiên, chỉ lóe sáng chút thôi, vì sức định của tôi chưa sâu, nếu định sâu thì hoàn toàn sáng như Phật. Trí vô sư ai ai cũng có, chỉ vì vô minh phiền não phủ che nên không sáng. Phá được vô minh thì ngay nơi mỗi người trí tuệ hiện sáng. Vì vậy mà nói Thượng thừa hay Phật thừa, cốt làm sao cho trí tuệ từ nơi mình phát sáng, chứ không phải huân tập sự hiểu biết từ bên ngoài vào. Đó là điều thiết yếu của người tu.

Có nhiều vị tu sĩ học giỏi, nhớ kinh điển nhiều, nói pháp hay, nhưng không bao lâu cởi áo hoàn tục lập gia đình, lắm người thắc mắc: Thầy đó thông minh, rất thông hiểu Phật pháp, nhưng tại sao bỏ tu cởi áo hoàn tục? Điều này không có gì lạ, sự hiểu biết mà vị sư ấy có là do huân tập của người, nó là cái động luôn luôn sanh diệt. Cái vay mượn của người không phải của báu trong nhà, nên không thể cứu được mình. Khi nào Trí vô sư phát sáng thì mới cứu được mình. Vì vậy nên ở đây các vị Bồ-tát đều có tên là Hạnh tức là phải thực hành, thì Trí vô sư mới hiện.

Ở đây cái không thể chỉ được, mà Phật đã khéo dùng hình ảnh biểu trưng, để cho chúng ta nhân hình ảnh đó mà nhận ra cái Phật muốn chỉ. Cũng vậy, trong nhà thiền, các thiền sư cũng áp dụng thuật này, nhờ tu thiền mà chúng ta sáng được lý kinh. Thế nên, ngài Khuê Phong nói *nhân tu thiền mà sáng được kinh, nhờ học kinh mà rõ được thiền*, thiền giáo hỗ tương nhau. Vậy kinh Pháp Hoa có dạy tu thiền không? Rõ ràng nhắm thẳng Trí vô sư có sẵn nơi mỗi người, mà khai thác bằng phương tiện tu thiền định, để cho sáng tỏ. Tuy nhiên, đối với người chưa phát minh được Trí vô sư thì phải học. Đầu tiên phải nhờ thầy hướng dẫn phương pháp ban đầu, trước tạm dùng Trí hữu sư, rồi sau đó mới ứng dụng tới chỗ tột đỉnh; cái tột đỉnh đó là của mình không phải là cái của thầy dạy.

Chánh văn:

6. Bấy giờ, ngài Di-lặc đại Bồ-tát cùng tám nghìn hằng hà sa các chúng Bồ-tát đều nghĩ rằng: "Chúng ta từ xưa nhẫn lại, chẳng thấy, chẳng nghe các chúng đại Bồ-tát như thế, từ dưới đất vọt lên, đứng trước đức Thế Tôn, chắp tay cúng dường thăm hỏi Như Lai."

Lúc đó, ngài Di-lặc Bồ-tát biết tâm niệm của tám nghìn hằng hà sa chúng Bồ-tát, cùng muốn tự giải quyết chỗ nghi của mình, bèn chắp tay hướng về phía Phật, nói kệ hỏi rằng:

Vô lượng nghìn muôn ức

Các Bồ-tát đại chúng

Từ xưa chưa từng thấy
Nguyện đấng Lưỡng Túc nói
Là từ chốn nào đến
Do nhân duyên gì nhóm
Thân lớn đại thần thông
Trí tuệ chẳng nghĩ bàn
Chí niệm kia bền vững
Có sức nhẫn nhục lớn
Chúng sanh chỗ ưa thấy
Là từ chốn nào đến?
Mỗi mỗi hàng Bồ-tát
Đem theo các quyến thuộc
Số đông không thể lường
Như số hằng hà sa
Hoặc có đại Bồ-tát
Đem sáu muôn hằng sa
Các đại chúng như thế
Một lòng cầu Phật đạo.
Những Đại sư đó thảy
Sáu muôn hằng hà sa
Đều đến cúng dường Phật
Cùng hộ trì Kinh này.
Đem năm muôn hằng sa,
Số này hơn số trên,

Bốn muôn và ba muôn,
Hai muôn đến một muôn,
Một nghìn một trăm thảy,
Nhẫn đến một hằng sa,
Nửa và ba bốn phần,
Một phần trong ức muôn,
Nghìn muôn na-do-tha,
Muôn ức các đệ tử,
Nhẫn đến đem nửa ức,
Số đông lại hơn trên.
Trăm muôn đến một muôn,
Một nghìn và một trăm,
Năm mươi cùng một mươi,
Nhẫn đến ba, hai, một,
Riêng mình không quyến thuộc
Ưa thích ở riêng vắng
Đều đi đến chỗ Phật
Số đây càng hơn trên.
Các đại chúng như thế
Nếu người phát thẻ đếm
Quá nơi kiếp hằng sa
Còn chẳng thể biết hết.
Các vị oai đức lớn
Chúng Bồ-tát tinh tấn

Ai vì đó nói pháp
Giáo hóa cho thành tựu
Từ ai, đầu phát tâm?
Xưng dương Phật pháp nào?
Thọ trì tu kinh gì?
Tu tập Phật đạo nào?
Các Bồ-tát như thế
Thần thông sức trí lớn
Đất bốn phương rúng nứt
Đều từ đất vọt lên
Thế Tôn! Con từ xưa
Chưa từng thấy việc đó
Xin Phật nói danh hiệu,
Cõi nước của kia ở.
Con thường qua các nước
Chưa từng thấy chúng này
Con ở trong chúng đây
Bèn chẳng quen một người
Thoạt vậy từ đất lên
Mong nói nhân duyên đó.
Nay trong đại hội này
Vô lượng trăm nghìn ức
Các chúng Bồ-tát đây
Đều muốn biết việc này

Hàng Bồ-tát chúng kia
Gốc ngọn nhân duyên đó
Thế Tôn đức vô lượng
Cúi mong quyết lòng nghi.

Giảng:

Khi thấy vô số Bồ-tát từ đất vọt lên hư không, đứng trước đức Thế Tôn chắp tay cúng dường thăm hỏi Như Lai, thì Bồ-tát Di-lặc và tám ngàn Bồ-tát ở phương khác khởi nghi, nên thưa thỉnh Phật giải nghi. Như trước đã nói, Di-lặc Bồ-tát biểu trưng cho thức, và tám ngàn vị Bồ-tát ở phương khác biểu trưng cho cái biết phân biệt của tám thức ở bên ngoài. Vì là thức nên không thể nhận ra tri kiến Phật, nên mới nghi và thưa hỏi Phật. Tại sao thức cũng gọi là Bồ-tát? Vì thức nào cũng có tri giác, song vì còn phân biệt cho nên gọi là thức. Nếu hết niệm phân biệt, chỉ còn tri giác thanh tịnh thì gọi là trí, đã là trí thì không nghi ngờ không thưa hỏi.

Chánh văn:

7. Khi ấy, các vị Phật của đức Thích-ca-mâu-ni phân thân, từ vô lượng nghìn muôn ức cõi nước ở phương khác đến, ngồi xếp bằng trên tòa sư tử, dưới các cội cây báu nơi trong tám phương. Hàng thị giả của Phật đó, đều thấy đại chúng Bồ-tát ở bốn phương cõi tam thiên đại thiên, từ đất vọt lên trụ trên hư không, đều bạch với Phật mình rằng:

Thế Tôn! Các đại chúng vô lượng vô biên a-tăng-kỳ Bồ-tát đó, từ chốn nào mà đến?

Lúc ấy, các đức Phật đều bảo thị giả:

Các thiện nam tử! Hãy chờ giây lát, hiện có vị đại Bồ-tát tên là Di-lặc, là vị mà đức Thích-ca-mâu-ni Phật thọ ký kế đây sẽ làm Phật đã hỏi việc đó, đức Phật sẽ đáp, các ông tự đương nhân đây mà được nghe.

Giảng:

Tôi lặp lại, Di-lặc biểu trưng cho thức, vì là thức phân biệt nên không hiểu được tri kiến Phật. Và Phật hóa thân, Bồ-tát hóa thân thì không thật, bởi không thật nên không biết được tri kiến Phật nên mới nghi và thưa hỏi. Trí vô sư biểu trưng qua hình ảnh Bồ-tát, không hạn cuộc bởi thời gian và không gian, nói lâu mau hay nói nhỏ lớn đều không khác. Vì vậy mà ở đây nói các vị Bồ-tát vọt lên hư không đông vô số đầy khắp mười phương, tán thán Phật lâu khoảng năm mươi tiểu kiếp... đó là để nói Trí vô sư không hình tướng, không bị vô thường sanh diệt chi phối, nên hóa thân Phật, hóa thân Bồ-tát không thể hiểu tới.

Chánh văn:

8. Bấy giờ, đức Thích-ca-mâu-ni Phật bảo ngài Di-lặc Bồ-tát:

Hay thay! Hay thay! A-dật-đa, bèn có thể hỏi Phật việc lớn như thế, các ông phải chung một lòng, mặc giáp tinh tấn, phát ý bền vững. Nay đức Như Lai muốn hiển phát tuyên bày trí tuệ của các đức Phật, sức thần thông tự tại của các đức Phật, sức

sư tử mạnh nhanh của các đức Phật, sức oai thế mạnh lớn của các đức Phật.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Phải một lòng tinh tấn
Ta muốn nói việc này
Chớ nên có nghi hối
Trí Phật chẳng nghĩ bàn
Ông nay gắng sức tin
Trụ nơi trong nhẫn thiện
Chỗ pháp xưa chưa nghe
Nay đều sẽ được nghe
Nay ta an ủi ông
Chớ ôm lòng nghi sợ
Phật không lời chẳng thật
Trí tuệ chẳng nghĩ bàn
Phật được pháp bậc nhất
Rất sâu khó phân biệt
Như thế nay sẽ nói
Các ông một lòng nghe.

Giảng:

Phật nói Bồ-tát Di-lặc nghi ngờ muốn hiểu, đó là điều đáng khen. Nhưng nếu muốn biết việc đó trước phải tinh tấn, phải phát ý bền vững mới có thể nghe hiểu được.

Vì Như Lai muốn hiển phát tuyên bày trí tuệ, sức thần thông tự tại, sức sư tử mạnh nhanh, sức oai thế mạnh lớn của Phật. Việc này của Phật chỉ có Trí vô sư khi đã sạch vô minh phiền não mới có thể hiểu tới.

Chánh văn:

9. Khi đức Thế Tôn nói kệ đó, bảo ngài Di-lặc Bồ-tát:

Nay ta ở trong đại chúng này, tuyên bảo các ông. A-dật-đa! Các hàng đại Bồ-tát vô lượng vô số a-tăng-kỳ, từ dưới đất vọt ra mà các ông từ xưa chưa từng thấy đó, chính ta ở cõi Ta-bà lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, giáo hóa chỉ dẫn các Bồ-tát đó, điều phục tâm kia khiến phát đạo tâm.

Các vị Bồ-tát đó, ở phía dưới cõi Ta-bà, cõi đó trụ giữa hư không, ở trong các kinh điển đọc tụng thông lẹ, suy gẫm rõ hiểu, nghĩ tưởng chân chánh. A-dật-đa! Các thiện nam tử đó chẳng thích ở trong chúng nhiều nói bàn, thường ưa chỗ vắng, siêng tu tinh tấn, chưa từng thôi dứt. Cũng chẳng nương tựa người trời mà ở, thường ham trí tuệ sâu, không có chướng ngại, cũng thường ham nơi pháp của đức Phật, chuyên lòng tinh tấn, cầu tuệ Vô thượng.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

A-dật-đa nên biết!

Các Bồ-tát lớn này

Từ vô số kiếp lại
Tu tập trí tuệ Phật,
Đều là ta hóa độ
Khiến phát đại đạo tâm.
Chúng đó là con ta
Y chỉ thế giới này
Thường tu hạnh đầu-đà
Chí thích ở chỗ vắng
Bỏ đại chúng ồn náo
Chẳng ưa nói bàn nhiều,
Các vị đó như thế
Học tập đạo pháp ta
Ngày đêm thường tinh tấn
Vì để cầu Phật đạo
Ở phương dưới Ta-bà
Trụ giữa khoảng hư không
Sức chí niệm bền vững
Thường siêng cầu trí tuệ
Nói các món pháp mầu
Tâm kia không sợ sệt.
Ta ở thành Già-da
Ngồi dưới cội bồ-đề
Thành bậc Tối chánh giác
Chuyển pháp luân Vô thượng

Rồi mới giáo hóa đó
Khiến đầu phát đạo tâm
Nay đều trụ bất thối
Đều sẽ được thành Phật.
Nay ta nói lời thật
Các ông một lòng tin
Ta từ lâu xa lại
Giáo hóa các chúng đó.

Giảng:

Ở đây diễn tả các vị Bồ-tát ở phía dưới cõi Ta-bà *trụ giữa hư không, đọc tụng thông lẹ, suy gẫm rõ hiểu, nghĩ tưởng chân chánh, không thích ở trong chúng nói bàn nhiều, ưa chỗ thanh vắng*... Rõ ràng là chỉ tâm hạnh của người tu, Trí vô sư có sẵn nơi mỗi người, nó không có tướng mạo, không có dấu vết, khi vô minh phiền não dấy khởi thì có tướng mạo có vết tích, khi vô minh phiền não lặng xuống và hết sạch thì Trí vô sư sáng ra mà không hình tướng không dấu vết. Vì vậy nên nói ở giữa hư không dưới cõi Ta-bà. Đó là biểu trưng Trí vô sư ẩn dưới lớp vô minh phiền não, nó không hình tướng mà không phải không. Và muốn cho Trí vô sư phát sáng thì phải phá vô minh phiền não, vô minh phiền não mà được dứt trừ là phải nhờ an định. Nên nói không ưa chỗ chúng đông nói bàn nhiều, thích ở chỗ thanh vắng, và siêng năng tinh tấn chưa từng thôi dứt. Không nương tựa ở trời người, chỉ mong cầu trí tuệ Vô thượng tức là trí tuệ Phật. Đó là diễn tả tâm hạnh của Bồ-tát.

Muốn được trí tuệ Phật là phải thiền định để phá dẹp vô minh phiền não và hằng sống với trí tuệ Phật của chính mình.

Trong luận Đại Thừa Khởi Tín, ngài Mã Minh trình bày về phần tịnh huân giống như trên. Nghĩa là do pháp thân thanh tịnh làm gốc, tịnh huân dần dần cho đến khi viên mãn thì phá sạch vô minh phiền não, liền phát ra vô số diệu dụng. Đó là hình ảnh đức Phật giáo hóa vô số Bồ-tát từ dưới đất vọt lên giữa hư không. Các vị Bồ-tát là chỉ cho cái tịnh huân đã viên mãn, thì lúc đó diệu dụng của trí tuệ không thể nghĩ bàn.

Chánh văn:

10. Lúc bấy giờ, ngài Di-lặc đại Bồ-tát cùng vô số chúng Bồ-tát, lòng sanh nghi hoặc, lấy làm lạ chưa từng có mà nghĩ rằng: "Thế nào đức Thế Tôn ở trong thời gian rất ngắn mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên a-tăng-kỳ các đại Bồ-tát đó, làm cho trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?"

Liền bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Đức Như Lai lúc làm thái tử rời khỏi cung dòng Thích, ngồi nơi đạo tràng cách thành Già-da chẳng bao xa, được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm, đức Thế Tôn thế nào ở trong thời gian ngắn đó làm nên Phật sự lớn! Do thế lực của Phật, do công đức của Phật, giáo hóa vô lượng chúng Bồ-tát lớn, như thế sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Thế Tôn! Chúng đại Bồ-tát này, giả sử có người trong nghìn muôn ức kiếp đếm không thể hết, chẳng được ngằn mé, chúng đó từ lâu nhẫn lại, ở nơi vô lượng vô biên các đức Phật, trồng các cội lành, thành tựu đạo Bồ-tát, thường tu phạm hạnh.

Thế Tôn! Việc như thế đời rất khó tin. Thí như có người sắc đẹp, tóc đen, tuổi hai mươi lăm, chỉ người trăm tuổi, nói đó là con của ta. Người trăm tuổi nọ cũng chỉ gã tuổi nhỏ, nói là cha ta, đẻ nuôi ta thảy, việc đó khó tin. Đức Phật cũng như thế. Từ lúc thành đạo nhẫn đến nay, kỳ thật chưa bao lâu, mà các đại chúng Bồ-tát đó, đã ở nơi vô lượng nghìn muôn ức kiếp, vì Phật đạo nên siêng tu tinh tấn, khéo nhập xuất trụ nơi vô lượng nghìn muôn ức tam-muội, được thần thông lớn, tu hạnh thanh tịnh đã lâu, khéo hay thứ đệ tập các pháp lành, giỏi nơi vấn đáp, là báu quý trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Ngày nay đức Thế Tôn mới nói, lúc được Phật đạo, bắt đầu khiến kia phát tâm, giáo hóa chỉ dạy dìu dắt, làm cho kia hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu mà có thể làm được việc công đức lớn này.

Chúng con dầu lại tin Phật tùy cơ nghi nói pháp, lời Phật nói ra chưa từng hư vọng, chỗ Phật biết thảy đều thông suốt, nhưng các Bồ-tát mới phát tâm, sau khi Phật diệt độ, nếu nghe lời này hoặc chẳng tin nhận, sanh nhân duyên tội nghiệp phá chánh pháp.

Kính thưa Thế Tôn! Mong vì chúng giải nói, trừ lòng nghi của chúng con, và các thiện nam tử đời vị lai nghe việc này rồi cũng chẳng sanh nghi.

Lúc đó, ngài Di-lặc muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Phật xưa từ dòng Thích
Xuất gia gần Già-da
Ngồi dưới cây bồ-đề
Đến nay còn chưa xa.
Các hàng Phật tử này
Số đông không thể lường
Lâu đã tu Phật đạo
Trụ nơi sức thần thông
Khéo học đạo Bồ-tát
Chẳng nhiễm pháp thế gian
Như hoa sen trong nước
Từ đất mà vọt ra
Đều sanh lòng cung kính
Đứng nơi trước Thế Tôn,
Việc đó khó nghĩ bàn
Thế nào mà tin được
Phật được đạo rất gần
Chỗ thành tựu rất nhiều
Mong vì trừ lòng nghi

Như thật phân biệt nói
Thí như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Chỉ người trăm tuổi già
Tóc bạc và mặt nhăn:
Bọn này của ta sanh.
Con cũng nói là cha.
Cha trẻ mà con già
Mọi người đều chẳng tin.
Thế Tôn cũng như thế
Được đạo đến nay gần
Các chúng Bồ-tát này
Chí vững không khiếp nhược
Từ vô lượng kiếp lại
Mà tu đạo Bồ-tát.
Giỏi nơi gạn hỏi đáp
Tâm kia không sợ sệt
Nhẫn nhục lòng quyết định
Đoan chánh có oai đức
Mười phương Phật khen ngợi
Khéo hay phân biệt nói,
Chẳng thích ở trong chúng
Thường ưa ở thiền định,
Vì cầu Phật đạo vậy

Trụ hư không phương dưới.
Chúng con từ Phật nghe
Nơi việc này không nghi
Nguyện Phật vì người sau
Diễn nói khiến rõ hiểu,
Nếu người ở Kinh này
Sanh nghi, lòng chẳng tin
Liền phải đọa đường dữ
Mong nay vì giải nói:
Vô lượng Bồ-tát đó
Thế nào thời gian ngắn
Giáo hóa khiến phát tâm
Mà trụ bậc Bất thối?

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc nghi: Từ khi Phật Thích-ca thành đạo đến giờ, ngài giáo hóa khoảng hơn bốn mươi năm, thời gian quá ngắn sao ngài giáo hóa vô số Bồ-tát đã tu nhiều kiếp và làm cho các Bồ-tát thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đây là điều không thể tin. Ngài nêu lên một thí dụ người thanh niên hai mươi lăm tuổi chỉ ông già một trăm tuổi nói: đây là con của ta, và ông già một trăm tuổi nhận thanh niên hai mươi lăm tuổi là cha mình. Điều này căn cứ vào đâu mà tin được? Từ lâu chúng ta quen nhìn và xét đoán sự việc qua hình tướng của tứ đại giả hợp, chứ không khéo nhìn đúng lẽ thật. Ngay nơi thân năm uẩn của Phật Thích-ca,

cũng như thân năm uẩn của mỗi người chúng ta là do duyên hợp tạm có. Nhưng ngay nơi thân tạm bợ đó có sẵn Trí vô sư không sanh không diệt, mà ít ai biết rằng mình có. Chúng ta tu tâm thanh tịnh, sạch vô minh phiền não thì Trí vô sư hiển lộ. Nên nói các vị Bồ-tát do Phật giáo hóa mà được. Vì Trí vô sư đã có sẵn từ thuở nào, nên nói già lâu. Nếu căn cứ nơi thân tứ đại Phật Thích-ca tám mươi năm thị tịch với Trí vô sư thì hai cái khác xa. Vì vậy mà không thể tin được, bởi không tin được nên mới nêu thí dụ cha trẻ con già để phủ nhận. Tuy nhiên, điều này không có gì lạ. Nếu căn cứ trên giới thân tuệ mạng, thì có nhiều người tuy thân già mà mới tu, giới đức trí tuệ còn non kém, phải theo làm đệ tử với một vài vị tu sĩ thân còn trẻ mà đức trí khá sâu dày và gọi bằng Thầy xưng bằng Con. Đó là dựa trên trí đức mà đối xử.

Để thấy rõ câu chuyện này cốt làm sáng tỏ Bồ-tát từ đâu mà ra, tại sao mà có, ở đây Phật trả lời do ngài giáo hóa, tức là phải đoạn tận vô minh phiền não thì Trí vô sư hiển hiện. Câu hỏi của Bồ-tát Di-lặc được Phật trả lời ở phẩm sau.

XVI- PHẨM NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Như ở trước đã nói Trí vô sư không lệ thuộc thời gian, không giới hạn trong không gian. Tuy Phật nói tất cả hội chúng đều nghe, nhưng chưa hiểu hết, nên giờ đây Phật mới nói tuổi thọ của Phật không thể tính kể. Tuổi thọ của Phật đây không phải tuổi thọ của Phật Thích-ca tám mươi tuổi thị tịch, mà là tuổi thọ của Phật pháp thân.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, Phật bảo các Bồ-tát và tất cả đại chúng:

Các thiện nam tử! Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai.

Lại bảo các đại chúng:

Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai.

Lại bảo các đại chúng:

Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai.

Lúc đó, đại chúng Bồ-tát, ngài Di-lặc làm đầu, chắp tay bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Cúi mong nói đó, chúng con sẽ tin nhận lời Phật.

Ba phen bạch như thế rồi lại nói:

Cúi mong nói đó, chúng con sẽ tin nhận lời Phật.

Giảng:

Tại sao Phật bảo tới ba lần là phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai? Vì điều Phật nói là một lẽ thật, nhưng lẽ thật quá tầm tin hiểu của con người. Nên Phật lặp lại nhiều lần để cho mọi người chú ý lắng nghe.

Ba lần Phật bảo phải tin hiểu lời Phật nói. Đáp lại ba lần các vị Bồ-tát hứa sẽ tin lời Phật. Sau Phật mới nói.

Chánh văn:

2. Bấy giờ, đức Thế Tôn biết các vị Bồ-tát ba phen thỉnh chẳng thôi, mà bảo đó rằng:

Các ông lắng nghe! Sức bí mật thần thông của Như Lai, tất cả trong đời, trời, người và a-tu-la đều cho rằng nay đức Thích-ca-mâu-ni Phật ra khỏi cung họ Thích, cách thành Già-da chẳng bao xa, ngồi nơi đạo tràng, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhưng, thiện nam tử! Thật ta thành Phật nhẫn lại đây, đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức na-do-tha kiếp. Ví như năm trăm nghìn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ cõi tam thiên đại thiên, giả sử có người nghiền làm vi trần qua phương đông, cách năm trăm nghìn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ cõi nước, bèn rơi một bụi trần, đi qua phía đông như thế cho đến hết vi trần đó.

Các thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Các thế giới đó có thể suy gẫm so tính biết được số đó chăng?

Di-lặc Bồ-tát thảy, đều bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Các thế giới đó vô lượng vô biên, chẳng phải tính được, đếm được, cũng chẳng phải tâm lực biết đến được. Tất cả Thanh văn, Duyên giác dùng trí vô lậu, chẳng có thể suy nghĩ biết được hạng số đó. Chúng con trụ bậc bất thối, ở trong việc này cũng chẳng thông đạt.

Thế Tôn! Các thế giới như thế, nhiều vô lượng vô biên.

Giảng:

Đại đa số người nghĩ rằng: Phật thành Phật, theo sử ghi thái tử Sĩ-đạt-ta từ cung vua Tịnh Phạn xuất gia tu hành thành Phật dưới cội bồ-đề. Chứ không ai tin rằng Phật thành Phật từ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp rồi. Phật Thích-ca thành đạo dưới cội bồ-đề là căn cứ trên sự tướng tu hành. Vì mọi người quên Trí vô sư sẵn có nơi mình, bây giờ nhờ tu, phá sạch vô minh phiền não,

Trí vô sư hiển hiện gọi là thành Phật. Cho nên nói *tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật*. Nếu căn cứ trên thể tánh, thì Trí vô sư đã sẵn có nơi mỗi người từ bao giờ, không hạn cuộc bởi thời gian, vì vậy nói, *vì tất cả chúng sanh đều đã thành Phật*. Với tâm phàm phu, chúng ta nghe nói tất cả chúng sanh ai cũng sẽ thành Phật, thì chấp nhận và hy vọng, cố gắng tu để sau này thành Phật. Còn nói tất cả chúng sanh đã thành Phật thì nghi vấn: Mọi người ai cũng còn phàm phu, tham sân si dẫy đầy, đụng chạm gây phiền não cho nhau không ít, mà nói đã thành Phật, làm sao tin? Bây giờ tôi thí dụ như mặt trăng đã có sẵn từ bao giờ. Nếu người ở trong vòng quay của quả đất thì thấy mặt trăng khi mọc khi lặn, khi khuyết khi tròn, khi có khi không. Nếu người ra khỏi vòng quay của quả đất thì thấy mặt trăng là mặt trăng, không còn có hiện tượng trăng mọc, trăng lặn, trăng tròn, trăng khuyết... Cũng vậy, Trí vô sư có sẵn từ thuở nào không tối không sáng. Nhưng vì vô minh phiền não phủ che, người lúc mê lúc giác nên thấy có tối có sáng. Khi hết vô minh phiền não, Trí vô sư hằng hiển hiện, thì không còn nói tối nói sáng nữa.

Chánh văn:

3. Bấy giờ, Phật bảo các chúng Bồ-tát:

Các thiện nam tử! Nay ta sẽ tuyên nói rành rõ cho các ông. Các thế giới đó, hoặc dính vi trần hoặc chẳng dính, đều nghiền cả làm vi trần, cứ một trần là một kiếp, từ ta thành Phật nhẫn lại đến nay, lại lâu hơn số đó trăm nghìn muôn ức na-do-tha

a-tăng-kỳ kiếp. Từ đó nhẫn lại, ta thường ở cõi Ta-bà này nói pháp giáo hóa, cũng ở trong trăm nghìn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ cõi nước khác, dắt dẫn lợi ích chúng sanh.

Các thiện nam tử! Nơi chặng giữa đó ta nói Phật Nhiên Đăng v.v... và lại nói các đức Phật nhập Niết-bàn, như thế đều là dùng phương tiện để phân biệt.

Các thiện nam tử! Nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta, ta dùng Phật nhãn quan sát: tín v.v... các căn lợi độn của chúng, tùy theo chỗ đáng độ, nơi nơi tự nói văn tự chẳng đồng, niên kỷ hoặc lớn, hoặc nhỏ, cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn, lại dùng các trí phương tiện nói pháp vi diệu, có thể làm cho chúng sanh phát lòng vui mừng.

Các thiện nam tử! Như Lai thấy những chúng sanh ưa nói pháp Tiểu thừa, đức mỏng tội nặng. Phật vì người đó nói: Ta lúc trẻ xuất gia được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhưng thật, từ ta thành Phật nhẫn lại, lâu xa dường ấy, chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến vào Phật đạo, nên nói như thế.

Giảng:

Trên Phật dùng thí dụ: Nghiền nát trăm nghìn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ cõi tam thiên đại thiên thành vi trần, cứ một vi trần tính là một kiếp. Phật nói từ khi Phật thành đạo tới nay lâu hơn số kiếp tính bằng

vi trần nghiền nát, và Phật ở cõi Ta-bà cùng các cõi nước khác giáo hóa làm lợi ích chúng sanh cũng lâu như thế. Vậy tuổi thọ của Phật là bao nhiêu? Không thể nghĩ bàn tính đếm được. Thời gian là ý niệm của con người căn cứ trên hình tướng; quả đất quay một vòng quanh nó, phía hướng ra mặt trời có ánh sáng gọi là ngày, phía không có ánh sáng gọi là đêm, một lần sáng một lần tối quy định là một ngày đêm. Quả đất quay quanh mặt trời tính là một năm... Nếu định tinh lớn thì vòng quay lâu, mà vòng quay lâu thì ngày tháng năm cũng lâu. Như vậy thời gian không có cố định, tùy theo sự vận hành của vũ trụ mà thấy dài ngắn khác nhau. Thế nên, cái gì vượt ngoài sự vận hành của vũ trụ, thì không có hạn định thời gian. Cũng vậy, Trí vô sư không hình tướng, không sanh diệt, không lệ thuộc sự vận hành của vũ trụ, vì vậy không có hạn định thời gian. Nên nói tuổi thọ của Phật dài lâu nhiều hơn số vi trần của vô số thế giới được nghiền nát ra.

Mọi người ai cũng có Trí vô sư với tuổi thọ lâu dài không thể tính đếm, mà chúng ta lại không biết, quên đi, chỉ biết sống với thân tứ đại tạm bợ tuổi thọ cao lắm chừng tám chín chục năm, nên rồi buồn than khóc lóc bởi mạng sống quá ngắn ngủi. Nếu chúng ta khéo nhận và sống với tri kiến Phật, tuổi thọ không thể tính đếm, thì cười hoài, vì không thấy mình già, không thấy mình chết, lúc nào nó cũng như vậy thôi. Nhưng vì chúng ta chưa biết sống với tri kiến Phật của mình, nên phẩm này Phật mới nói thọ lượng của Như Lai, để cho mọi người thấy: Nếu nhập được tri kiến Phật thì chúng ta

sống không có hạn lượng tuổi tác thời gian là bao nhiêu năm. Nó lại trùm khắp cả không gian, nên đối với thân tứ đại này thấy như hạt cát giữa sa mạc, sự chết sống không có nghĩa lý gì. Chừng đó mới chợt thấy rằng, ngay nơi thân tứ đại nhỏ bé sanh diệt này có một cái không hạn lượng, không sanh không diệt.

Sở dĩ nói Phật là vua thầy thuốc, vì nếu có một thầy thuốc trị lành bệnh và kéo dài tuổi thọ cho một bệnh nhân hấp hối từ tám mươi tuổi tới chín mươi tuổi, thì thầy thuốc đó coi như đại tài. Nhưng đức Phật dạy cho chúng ta tu để thể nhập tri kiến Phật, tuổi thọ không thể tính đếm được, như vậy ngài không phải vua thầy thuốc là gì? Điều này không thể dùng thức mà hiểu, nên không thể tin, chỉ tu và thể nhập mới có thể tin lời Phật nói: *Nơi chặng giữa đó ta nói có Phật Nhiên Đăng v.v... và lại nói các đức Phật nhập Niết-bàn...* Đó là đứng trên hình tướng của thân tứ đại mà nói, nên thấy có gần có xa khác nhau, nếu căn cứ trên pháp thân thì Phật không có sanh không có diệt. Tùy theo trình độ, người ưa những cái nhỏ thì Phật nói chuyện gần, như: Phật xuất gia, tu thành Phật rồi ra giáo hóa. Vậy các ông hãy ráng tu cho hết vô minh phiền não rồi cũng thành Phật như ngài. Đối với người căn cơ cao thì nói: Các ông cũng như ta đều có sẵn Phật tánh từ vô lượng kiếp, nếu hằng sống với Phật tánh thì thành Phật. Đó là sống được với kinh Pháp Hoa.

Đại sư Trí Khải tụng kinh Pháp Hoa, ngài tụng luôn hai mươi mốt ngày, một hôm tụng tới phẩm Dược Vương Bồ-tát thì ngài nhập Pháp hoa tam-muội, ngài thấy

Phật đang thuyết pháp cho hội chúng nghe ở hội Linh Sơn trên núi Kỳ-xà-quật. Tôi có một lần qua Ấn Độ, đến đó mà không thấy Phật và chúng tăng, chỉ thấy còn một nền thất trên một hòn đá thôi. Như vậy qua Ấn Độ tìm Phật hay nhập chánh định để tìm Phật? Tâm an định thì thấy được Phật sống dài lâu vô lượng vô biên kiếp, còn đang nói pháp vang như sấm cả bầu trời. Nếu tâm còn loạn động, dù qua đến Ấn Độ, chỉ thấy cảnh hoang tàn đổ nát chứ không thấy Phật đâu nữa! Nếu nhận được lý này mới thấy lý Kinh cao siêu, bằng không chỉ thấy Kinh nói cái gì huyền hoặc. Như vậy nói Phật đản sanh, Phật Niết-bàn là dùng phương tiện mà nói, chứ mỗi đức Phật đều thể nhập pháp thân thì không có sanh không có diệt.

Chánh văn:

4. Các thiện nam tử! Kinh điển của đức Như Lai nói ra, đều vì độ thoát chúng sanh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người. Các lời nói ấy đều thật chẳng dối.

Vì sao? Vì đức Như Lai đúng như thật thấy biết tướng của tam giới, không có sanh tử, hoặc thối, hoặc xuất, cũng không ở đời và diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi. Các việc như thế Như Lai thấy rõ, không có sai lầm.

Bởi các chúng sanh có các món tánh, các món dục, các món hạnh, các món nhớ tưởng phân biệt,

muốn làm cho sanh các căn lành, nên dùng bao nhiêu nhân duyên, thí dụ ngôn từ, các cách nói pháp, chỗ làm Phật sự, chưa từng tạm bỏ. Như thế, từ ta thành Phật nhẫn lại, thật là lâu xa, thọ mạng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thường còn chẳng mất.

Các thiện nam tử! Ta xưa tu hành đạo Bồ-tát, cảm thành thọ mạng, nay vẫn chưa hết, lại còn hơn số trên, nhưng nay chẳng phải thật diệt độ, mà bèn xướng nói sẽ diệt độ. Đức Như Lai dùng phương tiện đó, giáo hóa chúng sanh.

Vì sao? Vì nếu Phật ở lâu nơi đời, thời người đức mỏng, chẳng trồng cội lành, nghèo cùng hèn hạ, ham ưa năm món dục, sa vào trong lưới nhớ tưởng vọng kiến. Nếu thấy đức Như Lai thường còn chẳng mất, bèn sanh lòng buông lung nhàm trễ, chẳng có thể sanh ra ý tưởng khó gặp gỡ cùng lòng cung kính, cho nên đức Như Lai dùng phương tiện nói rằng: "Tỳ-kheo phải biết, các đức Phật ra đời khó có thể gặp gỡ."

Vì sao? Những người đức mỏng, trải qua trăm nghìn muôn ức kiếp, hoặc có người thấy Phật, hoặc người chẳng thấy, do việc này, nên ta nói rằng:

"Tỳ-kheo! Đức Như Lai khó có thể được thấy."

Các chúng sanh đó nghe lời như thế, ắt sẽ sanh ý tưởng khó gặp gỡ, ôm lòng luyến mộ khát ngưỡng nơi Phật, bèn trồng cội lành, cho nên đức Như Lai dầu chẳng diệt mà nói diệt độ.

Lại, thiện nam tử! Phương pháp của các đức Như Lai đều như thế, vì độ chúng sanh đều thật chẳng dối.

Giảng:

Ở đây đức Phật chỉ rõ rằng: Phật nói pháp, có khi vì độ chúng sanh mà căn cứ vào thân tứ đại của mình, hoặc căn cứ trên thân người khác, hoặc chỉ việc của mình, hoặc chỉ việc của người, mà phương tiện chỉ bày cho người thấy được lẽ thật. Chỗ thấy của Phật là *tướng của tam giới không có sanh tử, hoặc thối hoặc xuất, cũng không ở đời và diệt độ, chẳng phải thật chẳng phải hư, chẳng phải như chẳng phải dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi*. Tại sao thấy tam giới không có sanh tử? Vì các pháp hữu vi do duyên hợp tạm có; có thì gọi là sanh, hư hoại thì gọi là tử. Thí dụ như cái đồng hồ, khi các bộ phận ráp lại, máy chạy kim quay kêu tích tắc thì gọi là cái đồng hồ. Khi các bộ phận hư, máy không chạy kim không quay, thì nói đồng hồ chết. Nếu tháo rời từng bộ phận của đồng hồ ra, thì đồng hồ không có sanh không có tử, sanh tử là căn cứ trên duyên hợp hay tan. Nếu căn cứ trên thân tứ đại của con người, khi duyên tan, đất, nước, gió, lửa rã, thì nói người chết. Bấy giờ, tóc, lông, móng, xương... trở về đất; máu, mồ hôi, nước miếng... trở về nước; hơi ấm trở về lửa; hơi thở trở về gió. Bốn đại chưa từng chết mà cũng chưa từng sống, bốn đại là bốn đại. Khi duyên hợp đủ thì có sanh, có hoạt động thì gọi là sống. Khi duyên tan nó lặng yên thì gọi là chết.

Với trí tuệ nhìn qua bốn đại, thấy bốn đại chưa có chết sống, huống nữa là ngay nơi thân này có cái không hình tướng, hằng thanh tịnh sáng suốt làm sao có chết sống? Chúng ta thấy rõ tứ đại nơi mình không có sanh tử, thì biết rõ tri kiến Phật nơi mình cũng không có sanh diệt. Nếu tứ đại nơi mình không có sống chết, thì tứ đại bên ngoài có sống chết hay không? Thay hình biến dạng là do duyên hợp rồi tan, tan rồi hợp. Thấy có hợp tan, còn mất, là thấy theo duyên, chứ tứ đại vẫn là tứ đại. Vậy, nhìn tất cả vạn vật trên vũ trụ này, tự thể nó vốn không có sanh tử, sanh tử chẳng qua chỉ là giả tướng thôi. Nếu chúng ta biết nhìn thẳng vào tự thể của vạn vật như Phật đã nhìn, thì thấy tam giới không có sanh tử, không thối không xuất... chẳng phải như ba cõi mà tạm thấy là ba cõi. Và tứ đại không phải là ta mà thấy có thân ta, rồi thấy có sống có chết. Nếu thấy đúng lẽ thật thì nó đâu có sanh diệt.

Sở dĩ đức Phật nói pháp dùng nhân duyên thí dụ... chẳng qua tùy theo tâm bệnh của chúng sanh mà nói, chứ ngài thì sống vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, từ trước tới giờ đâu từng sanh đâu từng diệt. Nhưng ngài cũng tạm xướng lên rằng "Ta sắp vào Niết-bàn", để cho những chúng sanh có bệnh buông lung nhàm trễ lo tu hành. Và đối với những chúng sanh đời sau phước mỏng nghiệp dày, có bệnh khinh lờn, thì ngài nói "Khó gặp được Phật" để họ khởi tâm tôn quý khởi lòng khao khát, nương theo kinh điển mà nỗ lực tu hành. Chứ Phật có bao giờ diệt độ đâu?

Chánh văn:

5. Ví như vị lương y, trí tuệ sáng suốt, khéo luyện phương thuốc trị các bệnh. Người đó nhiều con cái, hoặc mười, hai mươi nhẫn đến số trăm, do có sự duyên đến nước xa khác. Sau lúc đó các người con uống thuốc độc khác, thuốc phát muộn loạn, lăn lộn trên đất.

Bấy giờ, người cha từ nước xa trở về nhà. Các con uống thuốc độc, hoặc người mất bản tâm, hoặc chẳng mất, xa thấy cha về, đều rất vui mừng, quỳ lạy hỏi thăm: "An lành về an ổn. Chúng con ngu si, lầm uống thuốc độc, xin cứu lành cho, lại ban thọ mạng cho chúng con."

Cha thấy các con khổ não như thế, y theo các kinh phương, tìm cỏ thuốc tốt, mùi sắc vị ngon, thảy đều đầy đủ. Đâm nghiền hòa hiệp, đưa bảo các con uống mà nói rằng: "Thuốc đại lương dược này mùi sắc vị ngon, thảy đều đầy đủ, các con nên uống, mau trừ khổ não, không còn lại có các bệnh hoạn."

Trong các con, những người chẳng thất tâm, thấy thuốc lương dược ấy, sắc hương đều tốt, liền bèn uống đó, bệnh trừ hết được lành mạnh. Ngoài ra, những người thất tâm, thấy cha về, dầu cũng vui mừng, hỏi thăm, cầu xin trị bệnh, song trao thuốc cho mà không chịu uống.

Vì sao? Vì hơi độc đã thâm nhập làm mất bản tâm, nơi thuốc tốt thơm đẹp này mà cho là không ngon.

Người cha nghĩ rằng: "Các con này đáng thương, bị trúng độc, tâm đều điên đảo, dầu thấy ta về, mừng cầu xin cứu lành, nhưng thuốc tốt như thế, mà chẳng chịu uống, nay ta bày chước phương tiện, khiến chúng uống thuốc này."

Nghĩ thế rồi liền bảo rằng: "Các con phải biết, ta nay già suy, giờ chết đã đến, thuốc "lương dược" tốt này nay để ở đây các con nên lấy uống, chớ lo không lành." Bảo thế, rồi lại đến nước khác, sai sứ về nói: "Cha các ngươi đã chết."

Bấy giờ, các con nghe cha chết, lòng rất sầu khổ mà nghĩ rằng: "Nếu cha ta còn, thương xót chúng ta, có thể được cứu hộ, hôm nay bỏ ta xa chết ở nước khác." Tự nghĩ mình nay côi cút, không có chỗ cậy nhờ, lòng thường bi cảm, tâm bèn tỉnh ngộ, biết thuốc này, sắc hương vị ngon, liền lấy uống đó, bệnh độc đều lành. Người cha nghe các con đều đã lành mạnh, liền trở về cho các con đều thấy.

Các thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Vả có người nào có thể nói ông lương y đó mắc tội hư dối chăng?

- Thưa Thế Tôn, không thể được!

Phật nói:

Ta cũng như thế, từ khi thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp, vì chúng sanh dùng sức phương tiện nói: "sẽ diệt độ", cũng không ai có thể đúng như pháp mà nói ta có lỗi hư dối.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Từ ta thành Phật lại
Trải qua các kiếp số
Vô lượng trăm nghìn muôn
A-tăng-kỳ ức năm
Thường nói pháp giáo hóa
Vô số ức chúng sanh
Khiến vào nơi Phật đạo
Đến nay vô lượng kiếp
Vì độ chúng sanh vậy
Phương tiện hiện Niết-bàn
Mà thật chẳng diệt độ
Thường trụ đây nói pháp.
Ta thường ở nơi đây
Dùng các sức thần thông
Khiến chúng sanh điên đảo
Dầu gần mà chẳng thấy
Chúng thấy ta diệt độ
Rộng cúng dường xá-lợi
Thảy đều hoài luyến mộ
Mà sanh lòng khát ngưỡng,
Chúng sanh đã tín phục
Ngay thật ý dịu hòa

Một lòng muốn thấy Phật
Chẳng tự tiếc thân mạng
Giờ ta cùng chúng tăng
Đều ra khỏi Linh Thứu
Ta nói với chúng sanh
Thường ở đây chẳng diệt
Vì dùng sức phương tiện
Hiện có diệt chẳng diệt.
Nước khác có chúng sanh
Lòng cung kính tín nhạo
Ta lại ở trong đó
Vì nói pháp Vô thượng
Ông chẳng nghe việc đó
Chỉ nói ta diệt độ.
Ta thấy các chúng sanh
Chìm ở trong khổ não
Nên chẳng vì hiện thân
Cho kia sanh khát ngưỡng
Nhân tâm kia luyến mộ
Hiện ra vì nói pháp
Sức thần thông như thế
Ở trong vô số kiếp
Thường tại núi Linh Thứu
Và các trụ xứ khác.

Chúng sanh thấy tận kiếp
Lúc lửa lớn thiêu đốt
Cõi ta đây an ổn
Trời người thường đông vầy
Vườn rừng các nhà gác
Những món báu trang nghiêm
Cây báu nhiều bông trái
Chỗ chúng sanh vui chơi
Các trời đánh trống trời
Thường trỗi những kỹ nhạc
Rưới bông mạn-đà-la
Rải Phật và đại chúng.
Tịnh độ ta chẳng hư
Mà chúng thấy cháy rã
Lo sợ các khổ não
Như thế đều đầy dẫy
Các chúng sanh tội đó
Vì nhân duyên nghiệp dữ
Quá a-tăng-kỳ kiếp
Chẳng nghe tên Tam bảo.
Người nhu hòa ngay thật
Có tu các công đức
Thời đều thấy thân ta
Ở tại đây nói pháp.

Hoặc lúc vì chúng này
Nói Phật thọ vô lượng,
Người lâu mới thấy Phật
Vì nói Phật khó gặp.
Trí lực ta như thế
Tuệ quang soi vô lượng
Thọ mạng vô số kiếp
Tu hành lâu cảm được.
Các ông người có trí
Chớ ở đây sanh nghi
Nên dứt khiến hết hẳn
Lời Phật thật không dối.
Như lương y chước khéo
Vì để trị cuồng tử
Thật còn mà nói chết
Không thể nói hư dối.
Ta là cha trong đời
Cứu các người đau khổ
Vì phàm phu điên đảo
Thật còn mà nói diệt,
Vì cớ thường thấy ta
Mà sanh lòng kiêu tứ
Buông lung ham ngũ dục
Sa vào trong đường dữ.

Ta thường biết chúng sanh
Hành đạo chẳng hành đạo
Tùy chỗ đáng độ được
Vì nói các pháp môn
Hằng tự nghĩ thế này:
Lấy gì cho chúng sanh
Được vào tuệ Vô thượng
Mau thành tựu thân Phật.

Giảng:

Sau đây là Phật đưa thí dụ: Một thầy thuốc giỏi có duyên sự đi xa, ở nhà những đứa con ông uống nhầm thuốc, bị nhiễm độc nên phát cuồng điên. Khi ông trở về, con ông tuy bệnh nhưng cũng mừng và biết ông là thầy thuốc, nên xin thuốc giải độc. Ông chế ra những liều thuốc hay quý để giải cứu các con. Những người con bị nhiễm độc nhẹ, ông đưa thuốc uống liền thì khỏi bệnh. Còn những người con nhiễm độc nặng, không chịu uống nên bệnh không lành. Ông mới dùng phương tiện nói, ông có việc phải đi xa, thuốc để ở nhà, các con tùy tiện lấy đó mà uống. Và khi đi xa, ông nhắn tin về là ông đã chết. Những người con nghe tin cha đã chết, không còn ỷ lại, bèn lấy thuốc uống và được khỏi bệnh.

Ông cha là vị lương y, dụ cho đức Phật. Những đứa con bị nhiễm độc ít dụ cho những bậc thượng căn như ngài Xá-lợi-phất, ngài Mục-kiền-liên... là những vị bị vô minh ái kiến phủ che mỏng. Khi Phật nói pháp giáo hóa,

liền tin nhận tu hành và phá sạch vô minh phiền não, giải thoát mọi khổ đau. Còn những đứa con bị nhiễm độc nhiều dụ cho hạng chúng sanh hạ căn bị vô minh phiền não phủ che dầy, tuy nghe Phật nói pháp giáo hóa mà chưa đủ lòng tin, vẫn còn bị quay cuồng trong vòng vô minh phiền não. Mãi đến khi Phật Niết-bàn rồi, kinh điển Phật còn để lại, mới chịu nghiên cứu đọc tụng và ứng dụng tu hành, khả dĩ hết vô minh phiền não, tâm thanh tịnh thì Phật hiện tiền.

Vậy thử xét lại, chúng ta là những đứa con cuồng loạn hay tỉnh táo? Nếu chúng ta tỉnh táo thì đã hết khổ từ lâu rồi. Vì chúng ta cuồng loạn quên mất bản tâm nên trôi lăn mãi cho tới ngày nay, bây giờ gặp pháp Phật để lại, ráng lo tu để hết khổ và được giải thoát. Như vậy, hiện tướng Phật Niết-bàn là vì lòng từ bi, khiến cho chúng sanh đem lời Phật dạy ra ứng dụng tu hành. Chúng ta đã có thuốc hay, chỉ biết khen mà không uống, đó là lỗi tại chúng ta, để rồi cũng cuồng loạn cũng chạy ngược chạy xuôi. Vậy xin mời quý vị uống đi, thật tình uống đi, đừng khen hoài mà không uống thì không hết bệnh.

XVII- PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Phân Biệt Công Đức là giản trạch cho thấy rõ công đức của kinh này hơn các kinh khác, hoặc công đức của người tu theo kinh Pháp Hoa như thế nào.

Ba phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, Như Lai Thọ Lượng và Phân Biệt Công Đức có liên hệ mật thiết với nhau, nên khi giảng không thể tách rời được. Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, Phật chỉ cho thấy tri kiến Phật. Sau khi đã chỉ, nếu thính chúng còn nghi ngờ thì phẩm Như Lai Thọ Lượng, Phật xác định tri kiến Phật không phải mới có mà nó đã có từ thuở nào, không hạn cuộc bởi không gian và vượt khỏi thời gian. Tới phẩm Phân Biệt Công Đức cho chúng sanh thấy rằng người nhận ra tri kiến Phật nơi mình công đức không thể tính kể, lớn hơn người tu các hạnh khác như bố thí, trì giới, nhẫn nhục... Vì đó là pháp hữu vi có hình tướng còn sanh diệt, nên có giới hạn. Còn tri kiến Phật là pháp vô vi không hình tướng, không sanh không diệt, vượt khỏi không gian và

thời gian, không thể suy lường tính kể được, vì vậy nên nói người nhận hiểu hay thọ trì kinh Pháp Hoa công đức hơn tất cả.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, trong đại hội nghe Phật nói thọ mạng, kiếp số dài lâu như thế, vô lượng, vô biên, vô số chúng sanh được lợi ích lớn.

Khi đó, đức Thế Tôn bảo ngài Di-lặc đại Bồ-tát:

A-dật-đa! Lúc ta nói đức Như Lai thọ mạng dài lâu như thế, có sáu trăm tám muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sanh được Vô sanh pháp nhẫn.

Lại có đại Bồ-tát nghìn lần gấp bội được môn "Văn trì đà-la-ni". Lại có một thế giới vi trần số đại Bồ-tát được "Nhạo thuyết vô ngại biện tài". Lại có một thế giới vi trần số đại Bồ-tát được trăm nghìn muôn ức vô lượng môn "Triền đà-la-ni". Lại có tam thiên đại thiên thế giới vi trần số đại Bồ-tát chuyển được "Pháp luân bất thối".

Lại có nhị thiên trung quốc độ vi trần số đại Bồ-tát chuyển được "Pháp luân thanh tịnh". Lại có tiểu thiên quốc độ vi trần số đại Bồ-tát tám đời sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có bốn tứ thiên hạ vi trần số đại Bồ-tát bốn đời sẽ được Chánh đẳng Chánh giác. Lại có ba tứ thiên hạ vi trần số đại Bồ-tát ba đời sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có hai tứ thiên hạ vi trần số đại Bồ-tát hai đời sẽ được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Lại có một tứ thiên hạ vi trần số đại Bồ-tát một đời sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại có tám thế giới vi trần số chúng sanh đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Mở đầu phẩm Phân Biệt Công Đức, Phật nhắc lại kết quả sau khi Phật nói về thọ lượng của Như Lai, thì trong hàng Bồ-tát thánh chúng đều trụ bất thối, hoặc còn một đời, hai đời... thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, số Bồ-tát đó nhiều vô số không thể kể xiết.

Chánh văn:

2. Lúc đức Phật nói các vị đại Bồ-tát đó được pháp lợi, trên giữa hư không, rưới hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, để rải vô lượng trăm nghìn muôn ức các đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cội cây báu, và rải đức Thích-ca-mâu-ni Phật cùng đức Đa Bảo Phật ngồi trên tòa sư tử trong tháp bảy báu, cùng rải tất cả các đại Bồ-tát và bốn bộ chúng.

Lại rưới bột gỗ chiên-đàn, trầm thủy hương v.v... trong hư không, trống trời tự kêu tiếng hay sâu xa.

Lại rải nghìn thứ thiên y, thòng các chuỗi ngọc, chuỗi ngọc trân châu, chuỗi châu ma-ni, chuỗi châu như ý khắp cả chín phương, các lò hương báu đốt hương vô giá, tự nhiên khắp đến cúng dường đại chúng.

Trên mỗi đức Phật có các vị Bồ-tát nắm cầm phan lọng, thứ đệ mà lên đến trời Phạm thiên. Các vị Bồ-tát đó dùng tiếng tăm hay, ca vô lượng bài tụng ngợi khen các đức Phật.

Khi ấy, ngài Di-lặc Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai hữu, chắp tay hướng về phía Phật mà nói kệ rằng:

3. Phật nói pháp ít có
Từ xưa chưa từng nghe
Thế Tôn có sức lớn
Thọ mạng chẳng thể lường.
Vô số các Phật tử
Nghe Thế Tôn phân biệt
Nói được pháp lợi đó
Vui mừng đầy khắp thân
Hoặc trụ bậc bất thối
Hoặc được đà-la-ni
Hoặc Vô ngại nhạo thuyết
Muôn ức Triền tổng trì.
Hoặc có cõi đại thiên
Số vi trần Bồ-tát
Mỗi vị đều nói được
Pháp luân bất thối chuyển.
Hoặc có trung thiên giới
Số vi trần Bồ-tát

Mỗi vị đều có thể
Chuyển pháp luân thanh tịnh.
Lại có tiểu thiên giới
Số vi trần Bồ-tát
Còn dư lại tám đời
Sẽ được thành Phật đạo.
Lại có bốn, ba, hai
Tứ thiên hạ như thế
Số vi trần Bồ-tát
Theo số đời thành Phật.
Hoặc một Tứ thiên hạ
Số vi trần Bồ-tát
Còn dư có một đời
Sẽ thành Nhất thiết trí.
Hàng chúng sanh như thế
Nghe Phật thọ dài lâu
Được vô lượng quả báo
Vô lậu rất thanh tịnh.
Lại có tám thế giới
Số vi trần chúng sanh
Nghe Phật nói thọ mạng
Đều phát tâm Vô thượng.

4. Thế Tôn nói vô lượng
Bất khả tư nghì pháp

Nhiều được có lợi ích
Như hư không vô biên
Rưới hoa thiên mạn-đà
Hoa ma-ha mạn-đà
Thích, Phạm như hằng sa
Vô số cõi Phật đến
Rưới chiên-đàn trầm thủy
Lăng xăng loạn xạ xuống
Như chim bay liệng đáp
Rải cúng các đức Phật.
Trống trời trong hư không
Tự nhiên vang tiếng mầu,
Áo trời nghìn muôn thứ
Xoay chuyển mà rơi xuống
Các lò hương đẹp báu
Đốt hương quý vô giá
Tự nhiên đều cùng khắp
Cúng dường các Thế Tôn.
Chúng đại Bồ-tát kia
Cầm phan lọng bảy báu
Cao đẹp muôn ức thứ
Thứ lớp đến Phạm thiên.
Trước mỗi mỗi đức Phật
Tràng báu treo phan tốt

Cũng dùng nghìn muôn kệ
Ca vịnh các Như Lai
Như thế các món việc
Từ xưa chưa từng có
Nghe Phật thọ vô lượng
Tất cả đều vui mừng
Phật tiếng đồn mười phương
Rộng lợi ích chúng sanh
Tất cả đủ căn lành
Để trợ tâm Vô thượng.

Giảng:

Các vị Bồ-tát khi nghe Phật nói phẩm Như Lai Thọ Lượng, thì các ngài đều được lòng tin bất thối và chứng được quả vị trên đường tu, để tiến tới Phật quả không còn ngăn ngại. Vì vậy nên được chư thiên rải hoa hương, chuỗi ngọc... cúng dường và trống trời trỗi lên với lời khen ngợi ca tụng công đức của Phật.

Chánh văn:

5. Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Di-lặc đại Bồ-tát:

A-dật-đa! Có chúng sanh nào nghe đức Phật thọ mạng dài lâu như thế, nhẫn đến có thể sanh một niệm tín giải, được công đức không thể hạn lượng. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong tám mươi muôn ức na-do-tha kiếp tu năm pháp ba-la-mật:

Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, trừ Trí tuệ ba-la-mật, đem công đức này sánh với công đức tín giải trước, trăm phần, nghìn phần, trăm nghìn muôn ức phần chẳng kịp một, nhẫn đến tính đếm, thí dụ, không thể biết được. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có công đức như thế mà thối thất nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời quyết không có lẽ đó.

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Nếu người cầu tuệ Phật
Trong tám mươi muôn ức
Na-do-tha kiếp số
Tu năm ba-la-mật
Ở trong các kiếp đó
Bố thí cúng dường Phật
Và Duyên giác đệ tử
Cùng các chúng Bồ-tát,
Đồ uống ăn báu lạ
Thượng phục và đồ nằm
Chiên-đàn dựng tinh xá
Dùng vườn rừng trang nghiêm
Bố thí như thế thảy
Các món đều vi diệu
Hết các kiếp số này

Để hồi hướng Phật đạo,
Nếu lại gìn cấm giới
Thanh tịnh không thiếu sót
Cầu nơi đạo Vô thượng
Được các Phật ngợi khen,
Nếu lại tu nhẫn nhục
Trụ nơi chỗ điều nhu
Dầu các ác đến hại
Tâm đó chẳng khuynh động
Các người có được pháp
Cưu lòng tăng thượng mạn
Bị bọn này khinh não
Như thế đều nhẫn được,
Hoặc lại siêng tinh tấn
Chí niệm thường bền vững
Trong vô lượng ức kiếp
Một lòng chẳng trễ thôi,
Lại trong vô số kiếp
Trụ nơi chỗ vắng vẻ
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Trừ ngủ thường nhiếp tâm
Do các nhân duyên đó
Hay sanh các thiền định
Tám mươi ức muôn kiếp
An trụ tâm chẳng loạn

Đem phước thiền định đó
Nguyện cầu đạo Vô thượng
Ta được Nhất thiết trí
Tận ngằn các thiền định,
Người đó trong trăm nghìn
Muôn ức kiếp số lâu
Tu các công đức này
Như trên đã nói rõ,
Có thiện nam, tín nữ
Nghe ta nói thọ mạng
Nhẫn đến một niệm tin
Phước đây hơn phước kia
Nếu người trọn không có
Tất cả các nghi hối
Thân tâm giây lát tin
Phước đó nhiều như thế.
Nếu có các Bồ-tát
Vô lượng kiếp hành đạo
Nghe ta nói thọ mạng
Đây thời tin nhận được
Các hạng người như thế
Đảnh thọ Kinh điển này
Nguyện ta thuở vị lai
Sống lâu độ chúng sanh

Như Thế Tôn ngày nay
Vua trong các họ Thích
Đạo tràng rền tiếng lớn
Nói pháp không sợ sệt
Chúng ta đời vị lai
Được mọi người tôn kính
Lúc ngồi nơi đạo tràng
Nói thọ mạng cũng thế.
Nếu có người thâm tâm
Trong sạch mà ngay thật
Học rộng hay tổng trì
Tùy nghĩa giải lời Phật
Những người như thế đó
Nơi đây không có nghi.

Giảng:

Tới đây Phật xác nhận một cách rõ ràng, nếu có chúng sanh nào nghe thọ mạng của Phật dài lâu như thế, mà có lòng tín giải thì công đức không thể hạn lượng được. Tín giải là tin nhận, tin nhận tri kiến Phật ở chính mình không mảy may nghi ngờ. Phật so sánh người tu năm hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định trải qua tám mươi muôn ức na-do-tha kiếp, công đức người này không bằng một phần công đức của người tin nhận tri kiến Phật ở chính mình. Tại sao? Vì năm hạnh trên thuộc pháp hữu vi, có tướng sanh diệt nên quả báo có hạn lượng. Còn tri kiến Phật thì không

hình tướng không hạn lượng, lấy pháp hữu vi hạn lượng mà sánh với pháp vô vi không hạn lượng thì không thể nào sánh kịp. Việc tu không phải khó mà cũng không phải dễ. Không khó, nếu chúng ta nhận hiểu được lý kinh rồi tu, thì đơn giản không tốn công nhiều mà trí tuệ đạo lực tăng trưởng. Ngược lại, người không lãnh hội được lý kinh, mà dùng công sức khổ cực để tu, như lạy từng chữ kinh Pháp Hoa, từ năm này qua năm khác mà trí tuệ chưa sáng, đó là tu khó. Như vậy, người nghe kinh Pháp Hoa sống được với tri kiến Phật, ngày ngày sanh hoạt bình thường bẻ củi nấu cơm, sánh với người ngày ngày y hậu nghiêm trang, khổ công lạy từng chữ kinh Pháp Hoa, mà trí tuệ không sáng, hai người ấy người nào hơn? Người sống với tri kiến Phật.

Tóm lại, người không đạt được yếu chỉ Phật dạy, cứ hành khổ hạnh nhọc nhằn thân xác để cầu Phật đạo, tuy tốn nhiều công mà kết quả không bao nhiêu, chỉ được phước hữu lậu thế gian thôi. Còn người nhận được yếu chỉ Phật dạy, sống được với tri kiến Phật của mình, dụng công ít mà công đức thì vô lượng vô biên.

Chánh văn:

7. Lại, A-dật-đa! Nếu có người nghe nói đức Phật thọ mạng dài lâu, hiểu ý thú của lời nói đó, người này được công đức không có hạn lượng, có thể sanh tuệ Vô thượng của Như Lai. Huống là người rộng nghe Kinh này, hoặc bảo người nghe, hoặc tự thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, hoặc đem hoa hương, chuỗi ngọc,

tràng phan, lọng nhiễu, dầu thơm, đèn nến cúng dường kinh quyển, công đức của người này vô lượng vô biên có thể sanh Nhất thiết chủng trí.

A-dật-đa! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe ta nói thọ mạng dài lâu, sanh lòng tin hiểu chắc, thời chính là thấy đức Phật thường ở núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng Bồ-tát lớn và hàng Thanh văn vây quanh nói pháp.

Lại thấy cõi Ta-bà này đất bằng lưu ly ngang liền bằng phẳng, dây vàng diêm-phù-đàn để ngăn tám nẻo đường, cây báu bày hàng, các đài lầu nhà thảy đều có các thứ báu hiệp thành, chúng Bồ-tát đều ở trong đó. Nếu có người tưởng quán được như thế, phải biết đó là tướng tin hiểu sâu chắc.

Và lại sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe Kinh này mà không chê bai, sanh lòng tùy hỷ, phải biết đó đã là tướng tin hiểu sâu chắc, huống là người đọc tụng, thọ trì Kinh này, người này thời là kẻ đầu đội đức Như Lai.

A-dật-đa! Thiện nam tử cùng thiện nữ nhân đó chẳng cần lại vì ta mà dựng chùa tháp, và cất tăng phường dùng bốn sự cúng dường để cúng dường chúng tăng. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân đó thọ trì, đọc tụng Kinh điển này thời là đã dựng tháp, tạo lập tăng phường cúng dường chúng tăng, thời là đem xá-lợi của Phật dựng tháp bảy báu cao rộng nhỏ lần lên đến trời Phạm thiên, treo các phan lọng và các linh báu, hoa hương, chuỗi ngọc,

hương bột, hương xoa, hương đốt, các trống, kỹ nhạc, ống tiêu, ống địch, không hầu, các thứ múa chơi, dùng tiếng giọng tốt ca ngâm khen ngợi, thời là ở trong vô lượng nghìn muôn ức kiếp đã làm việc cúng dường đó rồi.

A-dật-đa! Nếu sau khi ta diệt độ, nghe Kinh điển này, có người hay thọ trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, thời là dựng lập tăng phường, dùng gỗ chiên-đàn đỏ làm cung điện nhà cửa ba mươi hai sở, cao bằng tám cây đa-la, cao rộng nghiêm đẹp, trăm nghìn Tỳ-kheo ở trong đó. Vườn, rừng, ao tắm, chỗ kinh hành, hang ngồi thiền, y phục, đồ uống ăn, giường nệm, thuốc thang, tất cả đồ vui dẫy đầy trong đó, tăng phường có ngần ấy trăm nghìn muôn ức nhà gác như thế, số đó nhiều vô lượng, dùng để hiện tiền cúng dường nơi ta và Tỳ-kheo tăng.

Cho nên ta nói: Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thọ trì, đọc tụng, vì người khác nói, hoặc mình chép hoặc bảo người chép, cúng dường kinh quyển thời chẳng cần lại dựng chùa tháp và tạo lập tăng phường cúng dường chúng tăng. Huống lại có người hay thọ trì Kinh này mà gồm tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, công đức của người ấy rất thù thắng vô lượng vô biên.

Thí như hư không, đông, tây, nam, bắc, bốn phía, trên, dưới vô lượng vô biên, công đức của người đó cũng lại như thế vô lượng vô biên mau đến bậc

Nhất thiết chủng trí. Nếu có người đọc tụng, thọ trì Kinh này, vì người khác nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, lại có thể dựng tháp cùng tạo lập tăng phường cúng dường khen ngợi chúng Thanh văn tăng, cũng dùng trăm nghìn muôn pháp ngợi khen mà ngợi khen công đức của Bồ-tát.

Lại vì người khác dùng các món nhân duyên theo nghĩa giải nói kinh Pháp Hoa này, lại có thể thanh tịnh trì giới cùng người nhu hòa mà chung cùng ở, nhẫn nhục không sân, chí niệm bền vững, thường quý ngồi thiền được các món định sâu, tinh tấn mạnh mẽ nhiếp các pháp lành, căn lành trí sáng, giỏi gạn hỏi đáp.

A-dật-đa! Nếu sau khi ta diệt độ, các thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì, đọc tụng Kinh điển này lại có các công đức lành như thế, phải biết người đó đã đến đạo tràng gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ngồi dưới cội đạo thọ.

A-dật-đa! Chỗ của thiện nam tử cùng thiện nữ nhân đó hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, trong đó bèn nên xây tháp, tất cả trời người đều phải cúng dường như tháp của Phật.

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8. Sau khi ta diệt độ
Hay phụng trì Kinh này
Người đó phước vô lượng

Như trên đã nói rõ.
Đó thời là đầy đủ
Tất cả các cúng dường
Dùng xá-lợi xây tháp
Bảy báu để trang nghiêm.
Chùa chiền rất cao rộng
Nhỏ dần đến Phạm thiên
Linh báu nghìn muôn ức
Gió động vang tiếng mầu,
Lại trong vô lượng kiếp
Mà cúng dường tháp đó
Hoa hương, các chuỗi ngọc
Thiên y, các kỹ nhạc
Thắp đèn dầu nến thơm
Quanh khắp thường soi sáng,
Lúc đời ác mạt pháp
Người hay trì Kinh này
Thời là đã đầy đủ
Các cúng dường như trên.
Nếu hay trì Kinh này
Thời như Phật hiện tại
Dùng ngưu đầu chiên-đàn
Dựng tăng phường cúng dường
Nhà ba mươi hai sở

Cao tám cây đa-la
Đồ ngon, y phục tốt
Giường nằm đều đầy đủ.
Trăm nghìn chúng nương ở
Vườn, rừng, các ao tắm,
Chỗ kinh hành, ngồi thiền
Các món đều nghiêm tốt.
Nếu có lòng tin hiểu
Thọ trì, đọc tụng biên
Nếu lại bảo người biên
Và cúng dường Kinh quyển.
Rải hoa hương, hương bột
Dùng tu-mạn, chiêm-bặc
A-đề, mục-đa-già
Ướp dầu thường đốt đó
Người cúng dường như thế
Được công đức vô lượng
Như hư không vô biên
Phước đó cũng như thế.
Huống lại trì Kinh này
Gồm bố thí, trì giới,
Nhẫn nhục, ưa thiền định,
Chẳng sân, chẳng ác khẩu,
Cung kính nơi tháp miếu,

Khiêm hạ các Tỳ-kheo,
Xa lìa tâm tự cao,
Thường nghĩ suy trí tuệ,
Có gạn hỏi chẳng sân,
Tùy thuận vì giải nói,
Nếu làm được hạnh đó
Công đức chẳng lường được.
Nếu thấy Pháp sư này
Nên công đức như thế
Phải dùng hoa trời rải
Áo trời trùm thân kia
Đầu mặt tiếp chân lạy
Sanh lòng tưởng như Phật.
Lại nên nghĩ thế này:
Chẳng lâu đến đạo thọ
Được vô lậu vô vi
Rộng lợi các trời người
Chỗ trụ chỉ của kia
Kinh hành hoặc ngồi nằm
Nhẫn đến nói một kệ
Trong đây nên xây tháp
Trang nghiêm cho tốt đẹp
Các món đem cúng dường,
Phật tử ở chỗ này

Thời là Phật thọ dụng
Thường ở nơi trong đó
Kinh hành và ngồi nằm.

Giảng:

Phật nói người nghe thọ mạng của Phật, hiểu được ý thú của Kinh, thì người đó được công đức không thể lường và có thể phát sanh tuệ Vô thượng Như Lai. Huống là nghe rồi lại khuyến khích người khác nghe, hoặc tự thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự chép hoặc bảo người chép, hoặc cúng dường Kinh này, nhất định sẽ thành Phật. Nếu chúng ta hiểu thọ trì, biên chép cúng dường theo nghĩa thông thường, cứ ngày ngày đọc tụng biên chép nhiều cho có phước, đó là chúng ta chỉ hiểu qua sự tướng, mà không thông đạt được lý tánh. Thọ trì, ghi chép, cúng dường ở đây, hàm ý nghĩa tin nhận mình có tri kiến Phật và khéo gìn giữ phát huy cho trí tuệ Phật càng hiển hiện tròn sáng, chớ để cho vô minh phiền não che mờ. Người sống được như vậy, nhất định sẽ thành Phật và được vô lượng vô biên công đức.

Phật lại dạy, người mà tin nhận chắc chắn lời Phật nói về thọ mạng Như Lai, thì hằng thấy Phật đang nói pháp ở núi Linh Thứu. Như vậy là sao? Với con mắt thịt của người chưa giác ngộ, quen nhìn ra ngoài, lên núi Linh Thứu thấy trống vắng, không có Phật và thánh chúng nên nói Phật nhập diệt. Nhưng với người đã giác ngộ và tin sâu nơi mình có tri kiến Phật hằng hiển hiện thì có lúc nào sống xa Phật? Không thấy Phật luôn nói pháp là gì! Trong mọi sinh hoạt hằng ngày như cuốc đất,

nấu cơm, ngủ nghỉ... lúc nào cũng có Phật bảo hộ, không hề xa vắng phút giây nào. Và người sống như vậy là do tâm đã thanh tịnh, mà tâm thanh tịnh thì thấy cảnh vật cũng thanh tịnh, nên nói thấy cõi Ta-bà này đất bằng lưu ly bằng phẳng, vàng diêm-phù-đàn... trang nghiêm không có ô uế. Sở dĩ thấy cõi Ta-bà này ô uế, là vì chúng ta nhìn cõi Ta-bà bằng đôi mắt thịt của thân ngũ uẩn đầy phiền não, nên thấy nó ô trọc.

Đến đây Phật nói sau khi Như Lai diệt độ, nếu người nghe Kinh này mà không chê lại tùy hỷ, huống là có lòng tin sâu và thọ trì Kinh này, đó là đầu đội đức Như Lai. Tại sao? Vì người ngộ được tri kiến Phật, nên có đủ lòng tin, tâm thường hoan hỷ và luôn luôn bảo hộ không để phiền não phủ che, lúc nào cũng nhớ và sống với tri kiến Phật, đó là đầu đội Như Lai.

Phật lại nói người nam hay nữ chẳng cần dựng chùa tháp, dâng tứ sự cúng dường Phật và chúng tăng, mà chỉ ngộ nhập tri kiến Phật, là đã dâng tứ sự cúng dường Phật và tăng, lại cũng đã xây tháp bằng bảy báu cao tới cõi trời Phạm thiên để cúng dường Phật và tăng. Như vậy người thọ trì Kinh này là đã cúng dường Phật và tăng rồi. Tại sao? Vì người sống được với tri kiến Phật của chính mình, tuy không làm ra tiền để xây tháp, để dâng tứ sự cúng dường, song sống được với tri kiến Phật tức là sống với Phật, hay nói cách khác là cúng dường Phật.

Trên Phật nói xây tháp, tới đây ngài nói cất chùa và nhà tăng bằng gỗ chiên-đàn đỏ, trong đó trang bị đầy

đủ phương tiện tu hành, để cúng dường Phật và chúng tăng, công đức không bằng thọ trì kinh Pháp Hoa. Vì thọ trì kinh Pháp Hoa là sống với tri kiến Phật, tức là thành Phật, không còn luân hồi sanh tử, nên ngài nói hơn tất cả. Phật nói thế e chúng sanh chấp lý bỏ sự, nên tới đây ngài nói thêm, nếu người thọ trì kinh Pháp Hoa được như vậy, mà còn tu bố thí cúng dường thì công đức vô lượng vô biên.

Đức Phật nói không cho chúng ta mắc kẹt một bên, tới đây ngài kết thúc: Người nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa mà còn bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ nữa, người đó chắc chắn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ ngồi dưới cội bồ-đề thành Phật không nghi. Đức Phật lại khuyến khích, người đó ngồi đâu, ở đâu, đi đâu, chúng sanh ở đó nên xây tháp cúng dường, coi tháp đó như tháp của Phật vậy. Tại sao? Vì người đó không chấp lý bỏ sự, không chấp sự bỏ lý, thực hành cả lý và sự viên dung, chắc chắn sẽ thành Phật, nên xứng đáng cúng dường như cúng dường Phật. Chúng ta thấy, trước Phật đưa về lý, sau gồm lý sự viên dung, không cho chúng ta kẹt một bên. Vừa ngộ được nơi mình có tri kiến Phật đồng thời phải tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thì người đó mới xứng đáng nối tiếp ngôi vị Phật. Người đó ở đâu, chúng sanh nên cúng dường như cúng dường Phật.

XVIII- PHẨM TÙY HỶ CÔNG ĐỨC

Tùy là theo, Hỷ là vui, người mà thấy ai làm điều thiện điều hay khởi tâm vui theo thì gọi là tùy hỷ. Ở trước, Phật đã so sánh công đức của người nghe, tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói kinh Pháp Hoa rồi. Giờ đây Phật lại nói công đức của người tùy hỷ khi thấy người khác thọ trì, đọc tụng... kinh Pháp Hoa như thế nào.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Di-lặc Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe kinh Pháp Hoa này mà tùy hỷ đó, được bao nhiêu phước đức?

Liền nói kệ rằng:

Sau khi Phật diệt độ
Có người nghe Kinh này
Nếu hay tùy hỷ đó
Lại được bao nhiêu phước?

2. Khi đó, Phật bảo ngài Di-lặc Bồ-tát rằng:

A-dật-đa! Sau khi Như Lai diệt độ nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và người trí khác, hoặc lớn, hoặc nhỏ nghe Kinh này mà tùy hỷ rồi, từ trong pháp hội ra đến chỗ khác, hoặc tại tăng phường, hoặc chỗ vắng vẻ, hoặc thành ấp, đường sá, xóm làng, ruộng rẫy, đem pháp đúng như chỗ đã nghe mà vì cha mẹ tôn thân, thiện hữu tri thức tùy sức diễn nói. Các người đó nghe rồi tùy hỷ lại đi chuyển dạy người khác, người khác nghe rồi cũng tùy hỷ chuyển dạy, xoay vần như thế đến người thứ năm mươi.

3. A-dật-đa! Công đức tùy hỷ của thiện nam tử, thiện nữ nhân thứ năm mươi đó, ta nay nói, ông phải lắng nghe.

Nếu bốn trăm muôn ức vô số thế giới có sáu đường chúng sanh trong bốn loài sanh: thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hoặc có hình, không hình, có tưởng, không tưởng, chẳng phải có tưởng, chẳng phải không tưởng, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, tất cả trong số chúng sanh như thế, có người cầu phước tùy theo đồ ưa thích của chúng muốn đều cung cấp cho đó. Mỗi mỗi chúng sanh cho các trân bảo tốt: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách đầy cả Diêm-phù-đề và voi, ngựa, xe cộ, bảy báu làm thành những cung điện lầu gác v.v...

Vị đại thí chủ đó bố thí như thế đủ tám mươi năm rồi mà nghĩ rằng: "Ta đã ban cho chúng sanh

những đồ ưa thích tùy theo ý muốn, nhưng chúng sanh này đều đã già suy tuổi quá tám mươi, tóc bạc mặt nhăn gần chết chẳng lâu, ta phải dùng Phật pháp mà dạy bảo dìu dắt chúng." Liền nhóm chúng sanh đó tuyên bày pháp giáo hóa, chỉ dạy lợi ích vui mừng. Đồng thời được đạo Tu-đà-hoàn, đạo Tư-đà-hàm, đạo A-na-hàm, đạo A-la-hán dứt hết cả hữu lậu, với những thiền định sâu đều được tự tại, đủ tám món giải thoát.

Ý ông nghĩ sao? Công đức của vị đại thí chủ đó được, có nhiều chăng?

Ngài Di-lặc bạch Phật rằng:

"Thế Tôn! Công đức của người đó rất nhiều vô lượng vô biên. Nếu vị thí chủ đó chỉ thí tất cả đồ ưa thích cho chúng sanh, công đức đã vô lượng rồi, huống là làm cho đều được quả A-la-hán."

Phật bảo ngài Di-lặc:

Ta nay rành rẽ nói cùng ông, người đó đem tất cả đồ vui thích thí cho sáu đường chúng sanh trong bốn trăm muôn ức vô số thế giới, lại khiến được quả A-la-hán, công đức của người đó được chẳng bằng công đức của người thứ năm mươi kia nghe một bài kệ kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, trăm phần, nghìn phần, trăm nghìn muôn ức phần chẳng bằng một phần, nhẫn đến tính, đếm, thí dụ không thể biết được.

A-dật-đa! Người thứ năm mươi như thế, xoay vần nghe kinh Pháp Hoa, công đức tùy hỷ còn vô

lượng vô biên a-tăng-kỳ, huống là người tối sơ ở trong hội nghe Kinh mà tùy hỷ, phước đó lại hơn vô lượng vô biên a-tăng-kỳ không có thể sánh được.

Giảng:

Mở đầu ngài Di-lặc hỏi Phật: Người nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ thì được bao nhiêu phước đức?

Phật vì ngài Di-lặc nói phước đức của người nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, rồi ở chỗ khác chuyển nói tuần tự cho đến người thứ năm mươi, thì công đức của người thứ năm mươi này thù thắng hơn công đức của một thí chủ bố thí tứ sự bằng bảy báu sung mãn, và dạy cho vô số chúng sanh thuộc bốn loài ở trong vô số thế giới tu chứng quả từ Tu-đà-hoàn tới A-la-hán. Ở đây, tôi không nói bốn loài chúng sanh trong vô số thế giới mà chỉ nói loài người trên quả đất này thôi. Ai nuôi dưỡng hết loài người trên quả đất cho no ấm, rồi dạy cho họ tu chứng quả A-la-hán, thì phước đức chừng bao nhiêu? Với tình thức của phàm phu, chúng ta không thể nghĩ lường công đức của người đó, huống là vô số chúng sanh trong vô số thế giới, phước đức không thể toán số thí dụ nổi. Tại sao vậy? Vì bố thí cúng dường là việc làm hữu vi, tuy có phước, nhưng phước hữu lậu sanh diệt nên có giới hạn. Và dù cho dạy vô số chúng sanh tu chứng quả A-la-hán, thì cũng chỉ là Niết-bàn của một ngày, chứ chưa phải chứng được thể bất sanh bất diệt Như Lai. Nếu chứng được thể bất sanh bất diệt của Như Lai, mới có thể tùy duyên ứng hóa vô lượng thân mà độ sanh. Còn chứng được Niết-bàn một ngày của A-la-hán, chìm trong lặng lẽ không làm lợi ích cho chúng sanh được.

Vì thế mà không bì không sánh kịp. Người nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ tin nhận rồi giảng nói cho người khác nghe, người ấy đã nhận được nhân Phật chứ không phải nhân A-la-hán. Mà người đã nhận và tu nhân Phật thì chắc chắn sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy nên nói phước đức của người thứ năm mươi nghe kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, thù thắng hơn phước đức của người bố thí và dạy cho vô số chúng sanh ở trong vô số thế giới tu chứng A-la-hán.

Chánh văn:

4. A-dật-đa! Nếu có người vì Kinh này mà qua đến tăng phường, hoặc ngồi, hoặc đứng, trong chốc lát nghe nhận, nhờ công đức đó chuyển thân sanh ra được voi ngựa, xe cộ, kiệu cáng bằng trân bảo tốt đẹp bậc thượng và được ở thiên cung.

Nếu có người ngồi trong chỗ giảng pháp, sau lại có người đến bèn khuyên mời ngồi nghe, hoặc chia chỗ cho ngồi, công đức của người đó chuyển thân được chỗ ngồi của Đế-thích hoặc chỗ ngồi của Phạm vương, hoặc chỗ ngồi của Chuyển luân thánh vương.

5. A-dật-đa! Nếu lại có người nói với người khác rằng: "Có kinh tên Pháp Hoa nên cùng nhau qua nghe." Liền nhận lời bảo nhẫn đến nghe trong giây lát, công đức của người đó chuyển thân được với đà-la-ni Bồ-tát, sanh chung một chỗ, căn tánh lanh lợi, có trí tuệ, trăm nghìn muôn đời, trọn chẳng ngọng câm, hơi miệng chẳng hôi, lưỡi thường không bệnh,

miệng cũng không bệnh, răng chẳng đen dơ, chẳng vàng, chẳng thưa, cũng chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng sếu gãy, môi chẳng trớt, cũng chẳng rút túm, chẳng thô rít, chẳng ghẻ mụt, cũng chẳng sứt hư, cũng chẳng cong vẹo, chẳng dày chẳng lớn, cũng chẳng đen nám, không có các tướng đáng chê.

Mũi chẳng xệp giẹp, cũng chẳng cong gãy, sắc mặt chẳng đen, chẳng hẹp dài, cũng chẳng hóm gãy, không có tất cả tướng chẳng đáng ưa, môi lưỡi răng nướu thảy đều nghiêm tốt, mũi lớn cao thẳng, diện mạo tròn đầy, mày cao mà dài, trán rộng bằng thẳng, tướng người đầy đủ, đời đời sanh ra thấy Phật, nghe pháp tin nhận lời dạy bảo.

A-dật-đa! Ngươi hãy xem khuyên nơi một người khiến qua nghe pháp mà công đức như thế, huống là một lòng nghe, nói, đọc, tụng, lại ở trong đại chúng vì người phân biệt, đúng như lời dạy mà tu hành.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Nếu người trong pháp hội
Được nghe Kinh điển này
Nhẫn đến một bài kệ
Tùy hỷ vì người nói
Xoay vần dạy như thế
Đến người thứ năm mươi
Người rốt sau được phước

Nay sẽ phân biệt đó.
Như có đại thí chủ
Cung cấp vô lượng chúng
Đầy đủ tám mươi năm
Tùy ý chúng ưa muốn
Thấy chúng: tướng già suy,
Tóc bạc và mặt nhăn,
Răng thưa, thân khô gầy,
Nghĩ kia sắp phải chết;
Ta nay phải nên dạy
Cho chúng được đạo quả
Liền vì phương tiện nói
Pháp Niết-bàn chân thật.
Đời đều chẳng bền chắc
Như bọt bóng ánh nắng
Các ngươi đều nên phải
Mau sanh lòng nhàm lìa.
Các người nghe pháp đó
Đều được A-la-hán
Đầy đủ sáu thần thông
Ba minh, tám giải thoát.
Người năm mươi rốt sau
Nghe một kệ tùy hỷ
Người này phước hơn kia
Không thể thí dụ được.

Xoay vần nghe như thế
Phước đó còn vô lượng
Huống là trong pháp hội
Người tùy hỷ ban đầu.
Nếu có khuyên một người
Dắt đến nghe Pháp Hoa
Rằng: Kinh này rất mầu
Nghìn muôn kiếp khó gặp
Liền nhận lời qua nghe
Nhẫn đến nghe giây lát
Phước báo của người đó
Nay nên phân biệt nói.
Đời đời miệng không bệnh,
Răng chẳng thưa, vàng, đen,
Môi chẳng dày, teo, thiếu,
Không có tướng đáng chê,
Lưỡi chẳng khô, đen, ngắn,
Mũi cao lớn mà ngay,
Trán rộng và bằng thẳng,
Mặt, mắt đều đoan nghiêm;
Được người thấy ưa mến
Hơi miệng không hôi nhơ
Mùi thơm bông ưu-bát
Thường từ trong miệng ra.

Nếu cố đến tăng phường
Muốn nghe kinh Pháp Hoa
Giây lát nghe vui mừng
Nay sẽ nói phước đó:
Sau sanh trong trời người
Được voi, ngựa, xe tốt
Kiệu, cáng bằng trân báu,
Cùng ở cung điện trời.
Nếu trong chỗ giảng pháp
Khuyên người ngồi nghe Kinh
Nhân vì phước đó được
Tòa Thích, Phạm, Chuyển luân.
Huống là một lòng nghe
Giải nói nghĩa thú Kinh
Đúng như pháp mà tu
Phước đó chẳng lường được.

Giảng:

Tới đây, Phật nói công đức của người vì kinh Pháp Hoa mà ngồi hoặc đứng nghe trong chốc lát, hoặc nhường chỗ hoặc mời ngồi nghe kinh, thì được sanh lên cõi trời, được chỗ ngồi của Đế-thích, hay Phạm thiên và hưởng phước báo. Thông thường thì người tu Thập thiện suốt cả đời mà không lỗi giới, mới được sanh lên cõi trời cao nhất là trời Đao-lợi. Còn ở đây, chỉ ngồi nghe hoặc nhường chỗ mời người nghe kinh Pháp Hoa một chút,

là được sanh lên cõi trời Phạm thiên... như vậy là quá dễ. Song, Phật dạy người khéo biết và hướng dẫn người sống với tri kiến Phật, dầu trong một thời gian ngắn, tuy ít mà họ có chút lòng tin tri kiến Phật thì công đức cũng vô kể. Bởi vì tri kiến Phật là cái chân thật bất sanh bất diệt, tất cả pháp hữu vi không pháp nào sánh kịp. Chính vì vậy mà trong sử ghi rằng: Phật sanh ra đi bảy bước, tay chỉ trời tay chỉ đất nói: *Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn*, trên trời dưới trời chỉ Ta là tôn quý. Ta là chỉ cho tri kiến Phật thanh tịnh sáng suốt, có sẵn nơi mỗi người. Trong thế gian này, chỉ có tri kiến Phật là cái thường hằng bất hoại, là hơn cả. Như vậy, tất cả công đức, tất cả vật quý báu, không có công đức nào, của báu nào bằng tri kiến Phật. Nên người sống được với tri kiến Phật dù chỉ trong chốc lát cũng là hơn tất cả.

Kế tiếp Phật nói thêm, người nghe kinh Pháp Hoa, hoặc nhường chỗ, hoặc mời ngồi nghe Kinh được phước đức, khi chuyển thân, căn tánh lanh lợi, có trí tuệ, trán, mày, mũi, miệng, răng, lưỡi... đều được tướng tốt đầy đủ, đời đời sanh ra gặp Phật nghe pháp. Ở đây hơi đặt nặng về miệng. Tại sao? Vì miệng mời người nghe pháp và khuyên người đến nghe pháp. Nên mọi tật xấu nơi miệng không có và chính người mời nghe Kinh đã có đủ lòng tin đối với kinh Pháp Hoa, tức là đã biết mình có tri kiến Phật thanh tịnh sáng suốt, nên thể hiện ra ngoài vui tươi, hài hòa thanh thoát... Còn người sống với điên đảo vọng tưởng, thì mặt nhăn má hóp gầy ốm, vì ăn không ngon, ngủ không được nên tâm buồn bực, nếu mở miệng ra là nói những lời xấu xa bần tiện, là chửi thề, nói thô tục. Đó là miệng hôi hám, lời nhơ bẩn...

Chúng ta thấy Phật giáo hóa rất khéo, ngài nói kinh bao hàm cả sự và lý. Người thấu đạt được lý, sống với tri kiến Phật của chính mình thì an nhàn tự tại; còn người chưa đạt được lý, nương theo sự thì biết nhường nhịn, khuyến khích nhau nghe Kinh, đó cũng là hành động tốt đẹp. Vì vậy người nghe ở trình độ nào cũng được lợi ích.

Tóm lại, Phật so sánh công đức của người tùy hỷ khi nghe kinh Pháp Hoa. Công đức người ấy siêu vượt thù thắng hơn người bố thí cúng dường tứ sự cho vô số chúng sanh ở trên vô số thế giới và dạy cho họ tu chứng quả A-la-hán. Và người tùy hỷ khuyến khích người nghe kinh Pháp Hoa được tướng tốt ở nơi trán, mặt, mày, mũi, miệng...

XIX- PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC

Ở trước, Phật đã nói công đức của kinh Pháp Hoa, công đức người thọ trì kinh Pháp Hoa, công đức người tùy hỷ khi nghe kinh Pháp Hoa. Tới phẩm Pháp Sư, Phật nói công đức của người giảng kinh Pháp Hoa. Người giảng kinh Pháp Hoa cho người khác tin hiểu, thì người đó phải tin hiểu thọ trì trước rồi sau mới giảng nói được.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Thường Tinh Tấn đại Bồ-tát rằng:

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người đó sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một nghìn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một nghìn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một nghìn hai trăm công đức nơi ý, dùng những công đức này trang nghiêm sáu căn đều được thanh tịnh.

Thiện nam tử và thiện nữ nhân đó, nhục nhãn thanh tịnh của cha mẹ sanh ra, thấy khắp cõi tam thiên đại thiên, trong ngoài có những núi, rừng, sông, biển, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến cõi trời Hữu Đảnh, cũng thấy tất cả chúng sanh trong đó và nghiệp nhân duyên quả báo chỗ sanh ra thảy đều thấy biết.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

2. Nếu người ở trong chúng
Dùng tâm không sợ sệt
Nói kinh Pháp Hoa này
Ông nghe công đức đó
Người đó được tám trăm
Công đức thù thắng nhãn
Do dùng đây trang nghiêm
Mắt kia rất thanh tịnh.
Mắt thịt cha mẹ sanh
Thấy cả cõi tam thiên
Trong ngoài núi Di-lâu
Núi Tu-di, Thiết Vi
Và các núi rừng khác
Biển lớn nước sông ngòi
Dưới đến ngục A-tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh
Chúng sanh ở trong đó

Tất cả đều thấy rõ
Dầu chưa được thiên nhãn
Sức nhục nhãn như thế.

Giảng:

Đoạn này có hai phần, phần đầu nói tổng quát, phần sau nói chi tiết. Mở đầu Phật nói, người trì kinh Pháp Hoa rồi đem giảng cho người khác nghe, thì ngay nơi thân này được tám trăm công đức ở mắt, một ngàn hai trăm công đức ở tai, tám trăm công đức ở mũi, một ngàn hai trăm công đức ở lưỡi, tám trăm công đức ở thân, một ngàn hai trăm công đức ở ý. Công đức là chỉ cho khả năng của từng giác quan. Mắt thấy phía trước và hai bên, không thấy phía sau; bốn phía mà mắt thấy có ba phía, khả năng của mắt có giới hạn, nên nói có tám trăm công đức. Thân và mũi khả năng cũng giới hạn nên có tám trăm công đức. Tai thì âm thanh ở trước, sau, hai bên đều nghe được khắp, không ngăn ngại nên nói có một ngàn hai trăm công đức. Lưỡi và ý thì chuyện trên trời dưới đất, bên đông bên tây, lưỡi và ý muốn nói muốn nghĩ đều nói nghĩ được cả, nên có một ngàn hai trăm công đức. Phật nói, nếu người nào biết trì kinh Pháp Hoa, hay biết sống với tri kiến Phật có sẵn nơi thân năm uẩn, thì ngay nơi sáu căn này có đầy đủ công đức. Nếu sáu căn rong ruổi theo sáu trần thì bị lục tặc hoành hành quấy nhiễu, khi biết sống với tri kiến Phật thì sáu căn trở thành thanh tịnh đầy đủ công đức.

Sau đây là phần chi tiết, Phật phân biệt công đức từng căn một. Thứ nhất là nhãn căn thanh tịnh. Ngay nơi nhục nhãn do cha mẹ sanh ra, người nào biết thọ trì

giảng nói kinh Pháp Hoa, thì sẽ có khả năng thấy khắp cõi tam thiên đại thiên, trên từ cõi trời Hữu Đảnh dưới đến địa ngục A-tỳ, thấy tất cả mọi loài chúng sanh và thấy suốt nghiệp duyên quả báo của họ. Như vậy là sao? Vì tri kiến Phật là thể không tướng mạo, không giới hạn, bởi không giới hạn nên người sống được với tri kiến Phật xuyên suốt tất cả, vì vậy mà nói thấy khắp tất cả.

Chánh văn:

3. Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu người thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc biên chép, hoặc giải nói, được một nghìn hai trăm nhĩ công đức, dùng tai thanh tịnh đó, nghe khắp cõi tam thiên đại thiên, dưới đến địa ngục Vô Gián, trên đến trời Hữu Đảnh, trong ngoài các thứ lời lẽ giọng tiếng:

Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trâu, tiếng khóc la, tiếng buồn than, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng trai, tiếng gái, tiếng đồng tử, tiếng đồng nữ, tiếng pháp, tiếng phi pháp, tiếng khổ, tiếng vui, tiếng phàm phu, tiếng thánh nhân, tiếng đáng ưa, tiếng chẳng đáng ưa, tiếng trời, tiếng rồng, tiếng dạ-xoa, tiếng càn-thát-bà, tiếng a-tu-la, tiếng ca-lầu-la, tiếng khẩn-na-la, tiếng ma-hầu-la-già, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, tiếng địa ngục, tiếng súc sanh, tiếng ngạ quỷ, tiếng Tỳ-kheo, tiếng Tỳ-kheo-ni, tiếng Thanh văn, tiếng Bích-chi Phật, tiếng Bồ-tát, tiếng Phật.

Nói tóm đó, trong cõi tam thiên đại thiên, tất cả trong ngoài có các thứ tiếng, dầu chưa được thiên nhĩ dùng tai tầm thường thanh tịnh của cha mẹ sanh, thảy đều nghe biết, phân biệt các thứ tiếng tăm như thế, mà chẳng hư nhĩ căn.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

4. Tai cha mẹ sanh ra
Trong sạch không đục nhơ
Dùng tai thường này nghe
Cả tiếng cõi tam thiên
Tiếng voi, ngựa, trâu, xe,
Tiếng chung, linh, loa, cổ,
Tiếng cầm, sắt, không hầu,
Tiếng ống tiêu, ống địch,
Tiếng ca hay thanh tịnh
Nghe đó mà chẳng ham.
Tiếng vô số giống người
Nghe đều hiểu rõ được
Lại nghe tiếng các trời
Tiếng ca rất nhiệm mầu
Và nghe tiếng trai, gái,
Tiếng đồng tử, đồng nữ
Trong núi sông hang hiểm
Tiếng ca-lăng-tần-già
Cộng mạng các chim thảy

Đều nghe tiếng của nó.
Địa ngục các đau đớn
Các thứ tiếng độc khổ
Ngạ quỷ đói khát bức
Tiếng tìm cầu uống ăn
Các hàng a-tu-la
Ở nơi bên biển lớn
Lúc cùng nhau nói năng
Vang ra tiếng tăm lớn
Như thế người nói pháp
An trụ ở trong đây
Xa nghe các tiếng đó
Mà chẳng hư nhĩ căn.
Trong cõi nước mười phương
Cầm thú kêu hô nhau
Người nói kinh Pháp Hoa
Ở đây đều nghe đó.
Trên các trời Phạm thiên
Quang Âm cùng Biến Tịnh
Nhẫn đến trời Hữu Đảnh
Tiếng tăm của kia nói
Pháp sư ở nơi đây
Thảy đều được nghe đó.
Tất cả chúng Tỳ-kheo
Và các Tỳ-kheo-ni

Hoặc đọc tụng kinh điển,
Hoặc vì người khác nói
Pháp sư ở nơi đây
Thảy đều được nghe đó.
Lại có các Bồ-tát
Đọc tụng nơi Kinh pháp
Hoặc vì người khác nói
Soạn tập giải nghĩa Kinh
Các tiếng tăm như thế
Thảy đều được nghe đó.
Các Phật đấng đại thánh
Giáo hóa hàng chúng sanh
Ở trong các đại hội
Diễn nói pháp nhiệm mầu
Người trì Pháp Hoa này
Thảy đều được nghe đó.
Cõi tam thiên đại thiên
Các tiếng tăm trong ngoài
Dưới đến ngục A-tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh
Đều nghe tiếng tăm kia
Mà chẳng hư nhĩ căn.
Vì tai kia sáng lẹ
Đều hay phân biệt biết
Người trì kinh Pháp Hoa

Dầu chưa được thiên nhĩ
Chỉ dùng tai sanh ra
Công đức đã như thế.

Giảng:

Tới đây, Phật nói công đức nhĩ căn thanh tịnh. Người biết sống với tri kiến Phật thì được nhĩ căn thanh tịnh. Do nhĩ căn thanh tịnh nên nghe được tất cả tiếng. Song, nhĩ căn thanh tịnh đây không phải do tu chứng thiên nhĩ thông, mà là do hằng sống với tri kiến Phật nên cái nghe ở nơi tai cũng thanh tịnh, và cái nghe thanh tịnh đó không giới hạn, nên nghe tất cả tiếng ở khắp mọi nơi.

Chánh văn:

5. Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, trọn nên tám trăm tỹ công đức, dùng tỹ căn thanh tịnh đó nghe khắp cõi tam thiên đại thiên, trên dưới trong ngoài các thứ mùi: mùi bông tu-mạn-na, mùi bông xà-đề, mùi bông mạt-lợi, mùi bông chiêm-bặc, mùi bông ba-la-la, mùi bông sen đỏ, mùi bông sen xanh, mùi bông sen trắng, mùi cây có bông, mùi cây có trái, mùi chiên-đàn, mùi trầm thủy, mùi đa-ma-la-bạt, mùi đa-già-la, đến nghìn muôn thứ hòa lộn, hoặc là bột, hoặc là viên, hoặc là hương xoa, người trì Kinh này ở trong đây đều có thể phân biệt.

Và lại rõ biết mùi chúng sanh: mùi voi, mùi ngựa, mùi dê, trâu v.v... mùi trai, mùi gái, mùi

đồng tử, mùi đồng nữ và mùi cỏ cây lùm rừng, hoặc gần, hoặc xa, bao nhiêu thứ mùi có ra, thảy đều được nghe rõ biết chẳng lầm.

Người trì Kinh này dầu ở nơi đây cũng nghe mùi trên các cõi trời: mùi cây ba-lợi-chất-đa-la, cây câu-bệ-đà-la, cùng mùi bông mạn-đà-la, bông đại mạn-đà-la, bông mạn-thù-sa, bông đại mạn-thù-sa, mùi gỗ chiên-đàn, trầm thủy, các thứ hương bột, mùi các hoa đẹp. Các thứ hương trời như thế hòa hiệp thoảng ra mùi thơm đều nghe biết.

Lại nghe mùi nơi thân của các vị trời: mùi của Thích-đề-hoàn-nhân lúc ở trên thắng điện, năm món dục vui chơi, hoặc mùi lúc ở trên Diệu pháp đường vì các vị trời Đao-lợi nói pháp, hoặc mùi lúc dạo chơi trong vườn, cùng mùi nơi thân của các vị trời nam nữ khác, thảy đều xa nghe biết. Xoay vần như thế nhẫn đến trời Phạm Thế, trên đến mùi nơi thân các vị trời Hữu Đảnh cũng đều nghe biết.

Và nghe mùi hương của các vị trời đốt và mùi Thanh văn, mùi Bích-chi Phật, mùi Bồ-tát, mùi nơi thân các đức Phật, cũng đều xa nghe biết chỗ ở của đó. Dầu nghe biết hương ấy, nhưng nơi tỹ căn không hư không sai, nếu muốn phân biệt vì người khác nói, ghi nhớ không lầm.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

6. Người đó mũi thanh tịnh
Ở trong thế giới này

Hoặc vật thơm hoặc hôi
Các thứ đều nghe biết.
Tu-mạn-na, xà-đề,
Đa-ma-la, chiên-đàn,
Trầm thủy và mùi quế,
Mùi các thứ bông trái
Và mùi các chúng sanh:
Mùi nam tử, nữ nhân
Người nói pháp ở xa
Nghe mùi biết chỗ nào.
Đại thế Chuyển luân vương
Tiểu Chuyển luân và con,
Bầy tôi, các cung nhân,
Nghe mùi biết chỗ nào.
Trân bảo đeo nơi thân
Cùng tạng báu trong đất,
Bảo nữ của Luân vương,
Nghe hương biết chỗ nào.
Mọi người đồ nghiêm thân,
Y phục và chuỗi ngọc,
Các thứ hương xoa thân,
Nghe mùi biết thân kia.
Các trời hoặc đi, ngồi,
Dạo chơi và thần biến,
Người trì Pháp Hoa này

Nghe mùi đều biết được.
Các cây bông trái hột
Và mùi thơm dầu tô
Người trì Kinh ở đây
Đều biết ở chỗ nào.
Các núi, chỗ sâu hiểm,
Cây chiên-đàn nở hoa,
Chúng sanh ở trong đó
Nghe mùi đều biết được.
Núi Thiết Vi, biển lớn,
Các chúng sanh trong đất,
Người trì Kinh nghe mùi
Đều biết đó ở đâu.
Trai gái a-tu-la
Và quyến thuộc của chúng
Lúc đánh cãi, dạo chơi,
Nghe hương đều biết được.
Đồng trống, chỗ hiểm trở,
Sư tử, voi, hùm, sói,
Bò rừng, trâu nước thảy
Nghe hương biết chỗ ở.
Nếu có người nghén chửa
Chưa rõ trai hay gái,
Không căn và phi nhân,
Nghe mùi đều biết được.

Do vì sức nghe mùi
Biết người mới nghén chửa
Thành tựu hay chẳng thành
An vui đẻ con phước.
Do vì sức nghe mùi
Biết tâm niệm trai, gái,
Lòng nhiễm dục, ngu, hờn,
Cũng biết người tu lành,
Các phục tàng trong đất
Vàng, bạc, các trân bảo,
Đồ đồng chỗ đựng chứa
Nghe mùi đều biết được.
Các thứ chuỗi ngọc báu
Không ai biết giá mấy,
Nghe mùi biết mắc rẻ
Chỗ sản xuất ở đâu.
Các thứ hoa trên trời,
Mạn-đà, mạn-thù-sa,
Cây ba-lợi-chất-đa
Nghe mùi đều biết được.
Các cung điện trên trời
Thượng, trung, hạ sai khác
Các hoa báu trang nghiêm
Nghe hương đều biết được.
Thắng điện, vườn, rừng trời,

Các nhà Diệu pháp đường,
Ở trong đó vui chơi
Nghe mùi đều biết được.
Các trời hoặc nghe pháp
Hoặc lúc hưởng ngũ dục,
Lại, qua, đi, ngồi, nằm,
Nghe mùi đều biết được.
Thiên nữ mặc y phục
Hoa hương tốt trang nghiêm
Lúc quanh khắp dạo chơi
Nghe mùi đều biết được.
Lần lựa lên như thế
Nhẫn đến trời Phạm Thế
Nhập thiền cùng xuất thiền
Nghe mùi đều biết được.
Trời Quang Âm, Biến Tịnh
Nhẫn đến nơi Hữu Đảnh
Mới sanh và lui chết
Nghe hương đều biết được.
Các hàng Tỳ-kheo chúng
Nơi pháp thường tinh tấn
Hoặc ngồi hoặc kinh hành
Và đọc tụng Kinh điển
Hoặc ở dưới rừng cây
Chuyên ròng mà ngồi thiền

Người trì Kinh nghe mùi
Đều biết ở tại đâu.
Bồ-tát chí bền chắc
Ngồi thiền hoặc đọc tụng
Hoặc vì người nói pháp
Nghe mùi đều biết được.
Nơi nơi chỗ Thế Tôn
Được mọi người cung kính
Thương chúng mà nói pháp
Nghe mùi đều biết được.
Chúng sanh ở trước Phật
Nghe Kinh đều vui mừng
Đúng pháp mà tu hành
Nghe mùi đều biết được.
Dù chưa được vô lậu
Pháp sanh tỹ Bồ-tát
Mà người trì kinh đây
Trước được tướng mũi này.

Giảng:

Đây là công đức của tỹ căn thanh tịnh. Người hằng sống với tâm thể thanh tịnh thì từ tâm thể thanh tịnh phát ra nơi mũi cũng được thanh tịnh. Từ mũi thanh tịnh mà biết được tất cả mùi gần xa, mũi biết khắp giáp không giới hạn.

Chánh văn:

7. Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép được một nghìn hai trăm thiệt công đức.

Những món hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc ngon, hoặc dở và các vật đắng chát, ở trên lưỡi của người đó, đều biến thành vị ngon như vị cam lồ trên trời, không món nào là chẳng ngon.

Nếu dùng thiệt căn đó ở trong đại chúng nói pháp, có chỗ diễn nói ra tiếng sâu mầu có thể vào tâm chúng, đều làm cho vui mừng sướng thích.

Lại các vị thiên tử, thiên nữ, các trời Thích, Phạm, nghe tiếng tăm thâm diệu này diễn nói ngôn luận thứ đệ, thảy đều đến nghe. Và các hàng long, long nữ, dạ-xoa, dạ-xoa nữ, càn-thát-bà, càn-thát-bà nữ, a-tu-la, a-tu-la nữ, ca-lầu-la, ca-lầu-la nữ, khẩn-na-la, khẩn-na-la nữ, ma-hầu-la-già, ma-hầu-la-già nữ, vì để nghe pháp mà đều đến gần gũi cung kính cúng dường.

Và Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, quần thần, quyến thuộc, tiểu Chuyển luân vương, đại Chuyển luân vương, bảy báu, nghìn người con, cùng quyến thuộc trong ngoài, ngồi cung điện đồng đến nghe pháp.

Vì vị Bồ-tát này khéo nói pháp, nên hàng Bà-la-môn, cư sĩ, nhân dân trong nước trọn đời theo

hầu cúng dường. Lại các Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát, các đức Phật thường ưa thấy người đó, người đó ở chỗ nào, các đức Phật đều xoay về phía đó nói pháp, người đó đều hay thọ trì tất cả Phật pháp, lại có thể nói ra tiếng pháp sâu mầu.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

8. Người đó lưỡi thanh tịnh
Trọn không thọ vị xấu
Người đó ăn uống chi
Đều biến thành cam lồ.
Dùng tiếng hay thâm tịnh
Ở trong chúng nói pháp
Đem các nhân duyên dụ
Dẫn dắt lòng chúng sanh
Người nghe đều vui mừng
Bày đồ cúng dường tốt.
Các trời, rồng, dạ-xoa
Cùng a-tu-la thảy
Đều dùng lòng cung kính
Mà đồng đến nghe pháp.
Người nói Kinh pháp đó
Nếu muốn dùng tiếng mầu
Khắp cùng cõi tam thiên
Tùy ý liền được đến.

Đại, tiểu Chuyển luân vương
Và nghìn con quyến thuộc
Chắp tay lòng cung kính
Thường đến nghe thọ pháp,
Các trời, rồng, dạ-xoa
La-sát, tỳ-xá-xà
Cũng dùng lòng vui mừng
Thường ưa đến cúng dường.
Phạm thiên vương, ma vương,
Tự Tại, Đại Tự Tại
Các chúng trời như thế
Thường đến chỗ người đó.
Các Phật cùng đệ tử
Nghe người nói tiếng pháp
Thương nhớ giữ gìn cho
Hoặc lúc vì hiện thân.

Giảng:

Người thọ trì, đọc tụng, giải nói kinh Pháp Hoa, hay nói cách khác là hằng sống với tri kiến Phật thì được thiệt căn thanh tịnh; khi để những vị chua, đắng, chát... lên lưỡi, thì những vị chua đắng chát biến thành cam lồ. Thông thường lưỡi chúng ta, khi để vị đắng lên, thì biết đắng liền nhả ra, nếu để vị ngọt thì nuốt vào. Như vậy là có niệm phân biệt, thích ngọt ghét đắng; thiệt căn chưa thanh tịnh. Nếu lưỡi nếm vị ngọt biết là ngọt, nếm vị mặn biết là mặn, nếm vị đắng biết là đắng,

ngang chừng đó không khởi niệm ưa thích thì vị mặn, vị đắng biến thành cam lồ.

Và khi dùng *thiệt* căn thanh tịnh để nói pháp, thì tất cả quỷ thần, nhân dân cho tới Thanh văn, Bích-chi Phật, Bồ-tát v.v... đồng tới nghe và hướng về vị đó. Nói cho dễ hiểu, người mà hằng sống với tri kiến Phật thì *thiệt* căn hằng thanh tịnh. Khi nói ra, lời nào cũng là lời Phật pháp, không nói sai, không nói dối, nên người nghe dễ chấp nhận. Sở dĩ chúng ta mở miệng ra nói sai nói bậy, là vì thiệt căn chúng ta chưa thanh tịnh, còn lệch bên này thiên bên kia, không bình đẳng, nên có người nghe, có người không thích nghe. Thí dụ như trong chúng có hai vị tăng mích lòng nhau, thầy trụ trì đứng ra phân xử. Nếu thầy trụ trì xử hơi lệch bên tăng A, thì tăng B không bằng lòng, có phản ứng. Nếu thầy trụ trì xử lệch bên tăng B, thì tăng A không bằng lòng, có phản ứng. Và nếu thầy trụ trì phân xử công minh, không thiên lệch bên nào, thì cả hai đều vâng lời nghe dạy. Cũng vậy, người hằng sống với tri kiến Phật, tâm thường thanh tịnh bình đẳng. Do tâm thanh tịnh bình đẳng, nên nói ra lời nào cũng trong sáng bình đẳng, khiến mọi người thích nghe.

Chánh văn:

9. Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép được tám trăm thân công đức, được thân thanh tịnh như lưu ly sạch chúng sanh ưa thấy. Vì thân đó trong sạch nên chúng sanh trong cõi tam thiên đại thiên, lúc sanh

lúc chết, trên dưới, tốt xấu, sanh chỗ lành, chỗ dữ v.v... đều hiện rõ trong đó.

Và núi Thiết Vi, núi đại Thiết Vi, núi Di-lâu, núi đại Di-lâu v.v... các núi cùng chúng sanh ở trong đó đều hiện rõ trong thân, dưới đến địa ngục A-tỳ, trên đến trời Hữu Đảnh cảnh vật cùng chúng sanh đều hiện rõ trong thân. Hoặc là Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cùng chư Phật nói pháp đều hiện sắc tượng ở trong thân.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

10. Nếu người trì Pháp Hoa
Thân thể rất thanh tịnh
Như lưu ly sạch kia
Chúng sanh đều ưa thấy.
Lại như gương sáng sạch
Đều thấy các sắc tượng
Bồ-tát nơi tịnh thân
Thấy cả vật trong đời
Chỉ riêng mình thấy rõ
Người khác không thấy được.
Trong cõi nước tam thiên
Tất cả các chúng sanh
Trời, người, a-tu-la,
Địa ngục, quỷ, súc sanh
Các sắc tượng như thế

Đều hiện rõ trong thân.
Cung điện của các trời
Nhẫn đến trời Hữu Đảnh
Núi Thiết Vi, Di-lâu
Núi Ma-ha Di-lâu
Các biển nước lớn thảy
Đều hiện ở trong thân.
Các Phật cùng Thanh văn
Phật tử Bồ-tát thảy
Hoặc riêng, hoặc tại chúng
Nói pháp thảy đều hiện.
Dầu chưa được diệu thân
Pháp tánh sạch các lậu
Dùng thân thanh tịnh thường
Tất cả hiện trong đó.

Giảng:

Đến đây nói về công đức của thân căn thanh tịnh. Người hằng sống với tri kiến Phật thì tâm thanh tịnh sáng suốt. Tâm thanh tịnh sáng suốt thì hiển lộ ra nơi thân cũng thanh tịnh tươi sáng. Thí dụ như ngọn đèn điện đang sáng được phủ lên miếng vải màu đen. Tuy vải màu đen, nhưng nhờ ánh sáng chiếu rọi nên miếng vải cũng hơi sáng. Ngược lại, nếu đèn tắt mà phủ vải đen thì tối đen. Cũng vậy, tâm thanh tịnh thì thân cũng theo đó mà thanh tịnh, tâm mờ mịt buồn rầu... thì thân cũng u tối dã dượi; tâm thế nào thì hiện ra thân thế ấy.

Cho nên đây Phật dạy, người trì kinh Pháp Hoa, và vì người giảng nói, tức là tự mình nhận và sống với tri kiến Phật thanh tịnh, thì thân cũng theo đó mà được thanh tịnh. Đó là thân ảnh hưởng từ tâm.

Chánh văn:

11. Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Sau khi đức Như Lai diệt độ, nếu có người thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, thời được một nghìn hai trăm ý công đức.

Dùng ý căn thanh tịnh đó nhẫn đến nghe một kệ, một câu, suốt thấu vô lượng vô biên nghĩa, hiểu nghĩa đó rồi, có thể diễn nói một câu, một kệ đến một tháng, bốn tháng nhẫn đến một năm. Các pháp nói ra tùy nghĩa thú kia đều cùng thật tướng chẳng trái nhau.

Nếu nói kinh sách trong đời, lời lẽ trị thế, nghề nghiệp nuôi sống v.v... đều thuận chánh pháp. Sáu đường chúng sanh trong cõi tam thiên đại thiên, lòng nghĩ tưởng, lòng động tác, lòng hý luận, thảy đều biết đó.

Dầu chưa được trí tuệ vô lậu mà ý căn thanh tịnh như thế, người đó có suy nghĩ, tính lường, nói năng những chi thời đều là Phật pháp cả, không có gì là chẳng chân thật, cũng là lời trong kinh của các Phật thuở trước nói.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

12. Ý người đó thanh tịnh
Sáng lanh không đục nhơ
Dùng ý căn tốt đó
Biết pháp: thượng, trung, hạ
Nhẫn đến nghe một kệ
Thông đạt vô lượng nghĩa
Thứ đệ nói đúng pháp
Tháng, bốn tháng, đến năm.
Trong ngoài của cõi này
Tất cả các chúng sanh
Hoặc trời rồng và người
Dạ-xoa, quỷ, thần thảy
Kia ở trong sáu đường
Nghĩ tưởng bao nhiêu điều
Phước báo trì Pháp Hoa
Đồng thời thảy đều biết.
Vô số Phật mười phương
Trăm phước tướng trang nghiêm
Vì chúng sanh nói pháp
Đều nghe hay thọ trì.
Suy gẫm vô lượng nghĩa
Nói pháp cũng vô lượng
Sau trước chẳng quên lộn
Bởi thọ trì Pháp Hoa

Trọn biết các pháp tướng
Theo nghĩa rõ thứ đệ
Suốt danh tự ngữ ngôn
Như chỗ biết diễn nói.
Người đó có nói ra
Là pháp của Phật trước
Vì diễn nói pháp này
Ở trong chúng không sợ.
Người trì kinh Pháp Hoa
Ý căn tịnh như thế
Dầu chưa được vô lậu
Trước có tướng dường ấy.
Người đó trì Kinh này
An trụ bậc hy hữu
Được tất cả chúng sanh
Vui mừng mà mến kính.
Hay dùng nghìn muôn thứ
Lời lẽ rất hay khéo
Phân biệt mà nói pháp
Bởi trì kinh Pháp Hoa.

Giảng:

Đây nói người thọ trì, đọc tụng hoặc vì người giải nói kinh Pháp Hoa thì được ý căn thanh tịnh, mà ý căn thanh tịnh thì nhớ và nói suốt hết kinh kệ đã học.

Tuy kinh kệ ngắn ít, mà có thể nói trong thời gian rất dài cũng không hết, và mở miệng nói, dù chuyện thế gian cũng phù hợp với Phật pháp. Tại sao vậy? Vì tâm thanh tịnh thì ý nghĩa lời nói lúc nào cũng ở trong sự tỉnh giác, hễ tỉnh giác thì ngay nơi pháp tà cũng chuyển được thành chánh. Ở đây Phật nói người thọ trì kinh Pháp Hoa, ý căn được công đức như thế, nhưng thực tế có đúng như vậy không? Chúng ta chớ mắc kẹt trên chữ nghĩa, mà phải hiểu qua lý kinh thì thấy rõ lẽ thật. Trong sáu căn, ý căn là chủ chốt tác động với năm căn trước, mới có phân biệt hay dở tốt xấu... sanh ra buồn thương giận ghét... rồi tạo nghiệp! Công thì lớn mà tội cũng dẫn đầu. Ý căn chủ động và giảo hoạt như vậy, nên khi tu là phải ngay nơi ý mà tu. Thiền nguyên thủy, Thiền tông hay những pháp môn khác đều nhắm thẳng ý để điều phục, không lệ thuộc nó, không để nó sai sử dẫn dắt tạo nghiệp. Không còn tạo nghiệp thì không còn đi trong luân hồi sanh tử, được giải thoát. Ngang đây chúng ta thấy rõ chủ trương của Thiền viện dạy cho thiền sinh *tri vọng*, là nhắm ngay ý mà tu, để trở về tánh biết của ý. Như vậy, ý căn thanh tịnh thì năm căn còn lại cũng thanh tịnh theo.

Phẩm Pháp Sư Công Đức nói rằng người biết xoay lại sống với tri kiến Phật, và nhắc cho chúng sanh biết mình có tri kiến Phật, thì sáu căn được thanh tịnh, có diệu dụng không thể nghĩ bàn. Diệu dụng đó không phải tu chứng A-la-hán được lục thông, biết mọi chuyện gần xa. Mà ngay nơi thân cha mẹ sanh, thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc chạm, biết được tất cả, không còn hạn cuộc

riêng từng căn. Sở dĩ như thế là do sáu căn có cùng một thể; ngoài dụng thì khu biệt khả năng từng căn một thấy có sai khác, còn thể thì không khác. Giống như cái nhà có sáu cửa, đêm tối trong nhà thắp một bóng đèn, ánh sáng chiếu rọi ra, tùy theo hình dáng của sáu cửa vuông, tròn, lớn, nhỏ mà thấy hình dáng của ánh sáng khác nhau, nhưng ánh sáng thì không khác. Cũng vậy, mắt thấy sắc cũng biết, tai nghe tiếng cũng biết, mũi ngửi mùi cũng biết, lưỡi nếm vị cũng biết... sáu căn đều có cái biết. Cái biết này chưa khởi phân biệt tốt xấu, hay dở, ưa ghét... Biết nghe, biết thấy, biết ngửi, biết nếm... cái biết đó bình đẳng không hai. Nhưng qua tai chỉ nghe được tiếng, qua mắt chỉ thấy được sắc, qua mũi chỉ ngửi được mùi, qua lưỡi thì nếm được vị. Nghĩa là qua căn nào thì biết theo khả năng của căn nấy, còn thể biết chung thì không khác. Thế nên chúng ta tu là tu ở sáu căn, bất luận tu ở căn nào cũng đều quay về cái thể biết chung là tri kiến Phật. Tri kiến Phật hiển lộ rõ ràng nơi sáu căn, cái biết của sáu căn phát ra từ tánh giác, nên khi nào tâm chúng ta yên tịnh, vọng niệm không dấy động, thì lúc đó chúng ta cảm thấy sáu căn như có một thôi chứ không còn sáu nữa. Như vậy, Phật chỉ cho thấy tánh giác hiển hiện ở sáu căn, nếu từ một căn mà nhận ra tánh giác là trở về sống với tri kiến Phật. Gọi đó là ngộ tri kiến Phật.

XX- PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ-TÁT

Thường Bất Khinh Bồ-tát là vị Bồ-tát tên Thường Bất Khinh. Ngài có tâm hạnh kính trọng tất cả mọi người, không có một niệm xem thường ai cả, vì ngài thấy ai ai cũng có Phật tánh, và sẽ thành Phật.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Đắc Đại Thế đại Bồ-tát rằng:

Ông nay nên biết! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào thọ trì kinh Pháp Hoa này được công đức như trước đã nói, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cùng ý thanh tịnh, như có người nói lời thô ác mắng nhiếc chê bai, mắc tội báo lớn cũng như trước đã nói.

Giảng:

Đoạn này Phật lặp lại ý trước với Bồ-tát Đắc Đại Thế rằng người thọ trì kinh Pháp Hoa thì được công đức

sáu căn thanh tịnh. Ngược lại, người nào chê bai kinh Pháp Hoa thì chịu quả báo không tốt. Như vậy, chúng ta thấy ai tùy thuận kinh Pháp Hoa thì sẽ được thanh tịnh, ai chống ngược lại thì chịu khổ họa. Tại sao như thế? Vì người không chịu trở về với tri kiến Phật thanh tịnh sáng suốt, thì người đó đang mê mờ loạn động, sáu căn chạy theo sáu trần tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử nên khổ đau. Còn nếu trở về sống với tri kiến Phật, thì người đó luôn tỉnh giác, nên sáu căn cũng thanh tịnh, ngang đó dứt nghiệp, không tạo nhân đi trong luân hồi sanh tử, được giải thoát.

Chánh văn:

2. Đắc Đại Thế! Về thuở xưa, quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì vô số kiếp, có Phật hiệu là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiếp đó tên là Ly Suy, nước đó tên là Đại Thành. Đức Oai Âm Vương Phật trong đời đó vì hàng trời, người, a-tu-la mà nói pháp, vì người cầu Thanh văn mà nói pháp Tứ đế, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, rốt ráo Niết-bàn; vì người cầu Bích-chi Phật mà nói pháp mười hai nhân duyên; vì các Bồ-tát nhân Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà nói sáu pháp ba-la-mật rốt ráo trí tuệ của Phật.

Đắc Đại Thế! Đức Oai Âm Vương Phật đó sống lâu bốn mươi vạn ức na-do-tha hằng hà sa kiếp,

chánh pháp trụ ở đời kiếp số như vi trần trong một Diêm-phù-đề; tượng pháp trụ ở đời kiếp số như số vi trần trong bốn châu thiên hạ. Đức Phật đó lợi ích chúng sanh, vậy sau mới diệt độ. Sau khi chánh pháp, tượng pháp diệt hết, trong cõi nước đó lại có Phật ra đời, cũng hiệu là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cứ thứ lớp như thế có hai muôn ức đức Phật đều đồng một hiệu.

Giảng:

Phật dẫn lại chuyện xưa, vô số kiếp về trước, có đức Phật đầu tiên ra đời tên là Oai Âm Vương. Sau khi Phật Oai Âm Vương đầu tiên diệt độ, thì tuần tự như thế có hai muôn ức đức Phật ra đời, cùng một hiệu là Oai Âm Vương, Phật Oai Âm Vương ra đời trước tất cả chư Phật, nên có câu là: "Oai Âm Vương dĩ tiền vô Phật chúng sanh danh, tư thời chánh thị đạo", nghĩa là trước Phật Oai Âm Vương không có tên Phật tên chúng sanh, chính khi đó mới là đạo. Tại sao vậy? Vì có tên Phật tên chúng sanh, là có thấy phân biệt đối đãi, mà thấy phân biệt là vô minh. Trước khi khởi niệm phân biệt đối đãi, lúc ấy tâm vô niệm là đang sống với tri kiến Phật. Phật Oai Âm Vương là chỉ cho tánh giác có sẵn nơi mỗi người chúng ta từ thuở nào.

Chánh văn:

3. Đức Oai Âm Vương Như Lai đầu hết, diệt độ rồi, sau lúc chánh pháp đã diệt, trong đời tượng pháp những Tỳ-kheo tăng thượng mạn có thế lực lớn.

Bấy giờ, có vị Bồ-tát Tỳ-kheo tên Thường Bất Khinh. Đắc Đại Thế! Vì cớ gì tên là Thường Bất Khinh? Vì vị Tỳ-kheo đó phàm khi ngó thấy hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, thảy đều lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: "Tôi rất kính quý ngài chẳng dám khinh mạn. Vì sao? Vì quý ngài đều tu hạnh đạo Bồ-tát sẽ được làm Phật."

Mà vị Tỳ-kheo đó chẳng chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ đi lễ lạy nhẫn đến xa thấy hàng tứ chúng, cũng cố qua lễ lạy ngợi khen mà nói rằng: "Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ làm Phật." Trong hàng tứ chúng có người lòng bất tịnh sanh giận hờn buông lời ác mắng nhiếc rằng: "Ông vô trí Tỳ-kheo này từ đâu đến đây tự nói ta chẳng khinh ngài, mà thọ ký cho chúng ta sẽ được làm Phật, chúng ta chẳng dùng lời thọ ký hư dối như thế."

Trải qua nhiều năm như vậy, thường bị mắng nhiếc, chẳng sanh lòng giận hờn, thường nói: "Ngài sẽ làm Phật." Lúc nói lời đó, chúng nhân hoặc lấy gậy cây, ngói đá để đánh ném. Ông liền chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xướng rằng: "Ta chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật." Bởi ông thường nói lời đó, nên hàng tăng thượng mạn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di gọi ông là Thường Bất Khinh.

Giảng:

Đây giải thích công hạnh của một vị Bồ-tát, và nhân Bồ-tát thực hành công hạnh ấy nên đặt thành tên.

Vậy ngài tu hạnh gì? Bồ-tát Thường Bất Khinh không siêng trì tụng, lễ bái, giảng nói kinh Pháp Hoa... mà chỉ đi lễ lạy người và nói rằng: "Tôi không dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật." Như vậy Bồ-tát Thường Bất Khinh có trì kinh Pháp Hoa không? Như chúng ta đã biết, chư Phật ra đời chỉ có mục đích duy nhất là chỉ cho chúng sanh nhận ra tri kiến Phật có sẵn nơi mình. Chúng sanh biết mình có tri kiến Phật, tức là đã có Phật nhân, nếu khéo tu sẽ thành Phật quả. Ngài không lễ lạy, trì tụng giảng nói bộ kinh Pháp Hoa văn tự in bằng giấy mực gồm bảy quyển. Mà chỉ đi gieo rải niềm tin ở mọi người, khiến cho mọi người tin rằng mình sẵn có tri kiến Phật, nếu tu sẽ được thành Phật. Như vậy, ngài có dạy người trì kinh Pháp Hoa chưa? Việc làm của ngài có đúng với bản hoài của chư Phật không? Rõ ràng ngài thực hành không sai yếu chỉ mà Phật đã dạy. Sở dĩ ngài nói như vậy, là vì mọi chúng sanh ai ai cũng có sẵn tánh giác, nhưng vì vô minh che phủ nên quên không chịu nhận. Vì vậy ngài phải khơi dậy, phải đánh thức cho mọi người biết và nhận ra cái sẵn có nơi mình, để tu hành thành Phật. Câu nói của ngài tuy đơn giản ngắn gọn nhưng nêu rõ bản hoài của mười phương chư Phật. Ngài nói tuy ngắn gọn nhưng thực hành không phải dễ, người ưa thì im lặng vâng làm, người không ưa thì mắng nhiếc đánh đập ngài. Mặc dù vậy, với lòng từ bi rộng lớn, ngài không nản lòng thối chí, chấp nhận mọi sự khó khăn, vui vẻ đi khắp nơi, khơi dậy niềm tin ở mọi người, để cùng tu tập tiến đến quả Phật.

Chánh văn:

4. Vị Tỳ-kheo đó lúc sắp chết, nơi giữa hư không nghe trọn hai mươi nghìn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa của đức Oai Âm Vương Phật đã nói thuở trước, nghe xong đều có thể thọ trì, liền được nhãn căn thanh tịnh, nhĩ, tỹ, thiệt, thân cùng ý căn thanh tịnh như trên. Được sáu căn thanh tịnh đó rồi lại sống thêm hai trăm muôn ức na-do-tha tuổi, rộng vì người nói kinh Pháp Hoa đó.

Lúc đó hàng tăng thượng mạn Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khinh tiện vị đó đặt cho tên "Bất Khinh", nay thấy vị đó được sức thần thông lớn, sức đại thiện tịch, nghe vị đó nói pháp đều tin phục tùy tùng.

Vị Bồ-tát đó giáo hóa nghìn muôn chúng khiến trụ trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi mạng chung được gặp hai nghìn ức Phật, đều hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, ở trong pháp hội đó nói kinh Pháp Hoa này. Do nhân duyên đó lại gặp hai nghìn ức Phật đồng hiệu là Vân Tự Tại Đăng Vương, ở trong pháp hội của các đức Phật đó thọ trì, đọc tụng, vì hàng tứ chúng nói Kinh điển này, cho nên được mắt thanh tịnh thường trên đó, tai, mũi, lưỡi, thân cùng ý các căn thanh tịnh, ở trong bốn chúng nói pháp lòng không sợ sệt.

Đắc Đại Thế! Vị Thường Bất Khinh đại Bồ-tát đó cúng dường bao nhiêu đức Phật như thế, cung kính tôn trọng ngợi khen, trồng các cội lành. Lúc sau

lại gặp nghìn muôn ức Phật, cũng ở trong pháp hội các đức Phật nói Kinh điển này, công đức thành tựu sẽ được làm Phật.

Giảng:

Bồ-tát Thường Bất Khinh do gieo rải lòng tin nơi mỗi người, nên khi ngài sắp tịch được nghe kinh Pháp Hoa do Phật Oai Âm Vương nói, sáu căn ngài liền thanh tịnh và sống thêm hai trăm muôn ức na-do-tha kiếp, vì người nói kinh Pháp Hoa. Tại sao lúc ngài còn khỏe mạnh không được nghe và thọ trì kinh Pháp Hoa, mãi đến lúc sắp tịch mới được nghe kinh Pháp Hoa và sống thêm... như vậy là ý nghĩa gì? Như đã nói, thọ trì kinh Pháp Hoa là xoay lại sống với cái bất tử là tri kiến Phật. Bất tử thì không chết. Vì vậy mà ngài được tất cả công đức như sáu căn thanh tịnh v.v... Rồi những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trước khinh chê ngài, nay tin phục theo ngài tu hành.

Bồ-tát Thường Bất Khinh giáo hóa vô số chúng trụ trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi mạng chung, được gặp hai nghìn ức Phật đều hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh và lại gặp hai nghìn ức Phật đồng hiệu Vân Tự Tại Đăng Vương. Bồ-tát Thường Bất Khinh nhờ tu hạnh ấy, sau công đức viên mãn thành tựu trí tuệ Phật.

Chánh văn:

5. Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Thường Bất Khinh Bồ-tát thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là thân ta. Nếu ta ở đời trước chẳng thọ trì, đọc tụng

Kinh này, vì người khác giải nói đó, thời chẳng có thể mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì ta ở chỗ các đức Phật thuở trước thọ trì, đọc tụng Kinh này, vì người khác nói, nên mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Bồ-tát Thường Bất Khinh là tiền thân của Phật Thích-ca. Phật nói sở dĩ ngài được thành Phật là do thời quá khứ ngài thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa. Chúng ta thấy lúc tu nhân ngài không đọc tụng văn tự kinh, mà ngài nhận ra nơi ngài có sẵn Phật tánh, rồi đi lễ bái mọi người, nhắc cho mọi người nhớ biết nơi mình cũng có Phật tánh, nếu khéo tu thì sẽ thành Phật. Do huân tu hạnh này dần dần công đức viên mãn nên thành Phật.

Chánh văn:

6. Đắc Đại Thế! Thuở đó bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, do lòng giận hờn khinh tiện ta, nên trong hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng thấy Tăng, nghìn kiếp ở địa ngục A-tỳ chịu khổ não lớn. Hết tội đó rồi lại gặp Thường Bất Khinh Bồ-tát giáo hóa đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Bốn chúng thường khinh vị Bồ-tát thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là nay trong hội này bọn ông Bạt-đà-bà-la năm trăm vị Bồ-tát, bọn ông Sư Tử Nguyệt năm trăm vị Tỳ-kheo, bọn ông Ni-tư Phật năm trăm Ưu-bà-tắc, đều bất thối chuyển ở nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đắc Đại Thế! Phải biết kinh Pháp Hoa này rất lợi ích cho các vị đại Bồ-tát, có thể làm cho đến nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên các vị đại Bồ-tát sau khi Phật diệt độ phải thường thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh này.

Khi đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

7. Thuở quá khứ có Phật
Hiệu là Oai Âm Vương
Sức trí thần vô lượng
Dìu dắt tất cả chúng
Hàng trời, người, long, thần
Đều chung nhau cúng dường.
Sau khi Phật diệt độ
Lúc pháp muốn dứt hết
Có một vị Bồ-tát
Tên là Thường Bất Khinh.
Bấy giờ hàng tứ chúng
Chấp mê nơi các pháp
Thường Bất Khinh Bồ-tát
Qua đến chỗ của họ
Mà nói với đó rằng:
Ta chẳng dám khinh ngài
Quý ngài tu đạo nghiệp
Đều sẽ được làm Phật.
Những người đó nghe rồi

Khinh chê thêm mắng nhiếc
Thường Bất Khinh Bồ-tát
Đều hay nhẫn thọ đó.
Tội Bồ-tát hết rồi
Đến lúc gần mạng chung
Được nghe Kinh pháp này
Sáu căn đều thanh tịnh
Vì sức thần thông vậy
Sống lâu thêm nhiều tuổi
Lại vì các hạng người
Rộng nói Kinh pháp này.
Các chúng chấp nơi pháp
Đều nhờ Bồ-tát đó
Giáo hóa được thành tựu
Khiến trụ nơi Phật đạo
Thường Bất Khinh mạng chung
Gặp vô số đức Phật
Vì nói Kinh này vậy
Được vô lượng phước đức
Lần lần đủ công đức
Mau chứng thành Phật đạo.
Thuở đó Thường Bất Khinh
Thời chính là thân ta
Bốn bộ chúng khi ấy
Những người chấp nơi pháp

Nghe Thường Bất Khinh nói:
Ngài sẽ được làm Phật
Do nhờ nhân duyên đó
Mà gặp vô số Phật,
Chính trong pháp hội này
Năm trăm chúng Bồ-tát
Và cùng bốn bộ chúng
Thanh tín nam nữ thảy
Nay ở nơi trước ta
Nghe kinh Pháp Hoa đó,
Ta ở trong đời trước
Khuyên những hạng người đó
Nghe thọ kinh Pháp Hoa
Là pháp bậc thứ nhất
Mở bày dạy cho người
Khiến trụ nơi Niết-bàn
Đời đời thọ trì luôn
Những Kinh điển như thế.
Trải ức ức muôn kiếp
Cho đến bất khả nghì
Lâu lắm mới nghe được
Kinh Diệu Pháp Hoa này,
Trải ức ức muôn kiếp
Cho đến bất khả nghì
Các đức Phật Thế Tôn

Lâu mới nói Kinh này
Cho nên người tu hành
Sau khi Phật diệt độ
Nghe Kinh pháp như thế
Chớ sanh lòng nghi hoặc.
Nên phải chuyên một lòng
Rộng nói Kinh điển này
Đời đời được gặp Phật
Mau chứng thành Phật đạo.

Giảng:

Bồ-tát Thường Bất Khinh khi đi gieo rải lòng tin ở mọi người, người hoan hỷ tin theo được gặp Phật, người không tin mắng chửi lại, sau cũng được gặp Phật. Người hoan hỷ tin theo nên được Phật trực tiếp giáo hóa, tiến tu thành Phật. Còn người không tin mắng chửi lại, tuy họ mắc tội bị đọa một thời gian để trả quả, nhưng rồi cũng trở lại gặp Phật giáo hóa nương theo mà tiến tu, sau cũng thành Phật. Chúng ta thấy ý nghĩa này rất thâm trọng. Khi vị Bồ-tát đi giáo hóa luôn đem điều lành điều tốt đến với mọi người, người kính mến tin và làm theo, đó là đã kết duyên thuận với Bồ-tát để tu. Còn người không ưa mắng chửi đánh đập Bồ-tát, bị đọa trả quả cũng kết duyên mà duyên nghịch. Nên sau khi thọ quả báo rồi, cũng gặp Bồ-tát, nhận sự giáo hóa của ngài để tiến tu. Duyên thuận hay duyên nghịch, trước sau gì cũng gặp nhau, vì đã kết duyên rồi. Thông thường chúng ta thấy người mà mình thương thì tìm đến để gặp nhau,

người mà mình ghét cũng có chuyện tìm gặp để phân bua cãi vã. Vì sao? Vì người thương nhiều thì luôn nghĩ tới, mà người ghét nhiều cũng không quên được. Bởi nhớ nhau nên gặp nhau. Thế nên, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, mắng chửi đánh đập Bồ-tát Thường Bất Khinh, mắc quả báo đọa địa ngục, trả quả xong, trở lại gặp Bồ-tát nhận sự giáo hóa của ngài, vì còn nhớ ngài. Như vậy, ngày nay chúng ta đi giáo hóa nếu người nghe thực hành theo, thì biết người này sẽ gặp lại mình, tiếp tục giáo hóa nữa. Nếu gặp người mắng chửi mình, thì cũng biết rằng người này sẽ gặp lại để mình giáo hóa, tuy có cách thời gian thọ quả báo nhưng rồi cũng gặp nhau. Thế nên, đừng giận họ vì họ sẽ làm đệ tử dưới sự giáo hóa của mình. Nếu mình buồn giận họ, thì chẳng lẽ họ tạo nghiệp xuống địa ngục, mình cũng đi theo họ xuống địa ngục sao?

Thế nên, kẻ chống đối, người mến thương, Bồ-tát đều có tâm bình đẳng giáo hóa, không chối bỏ người nào. Như vậy chúng ta đã thấy, Bồ-tát Thường Bất Khinh trì và truyền bá kinh Pháp Hoa như thế nào rồi. Việc làm của ngài quá đơn giản, nhưng hợp với lý kinh, nên lợi ích không thể nghĩ lường. Còn chúng ta một ngày tụng hết một bộ Pháp Hoa hai mươi tám phẩm, mà không biết Phật dạy cái gì, tu hành ra sao, tham sân si phiền não vẫn còn nguyên vẹn, không giảm chút nào, như vậy là chưa trì kinh Pháp Hoa.

XXI- PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC

Như Lai Thần Lực là sức thần của Như Lai. Đây có hai ý. Ý thứ nhất là khi Phật thành đạo có đủ thần thông diệu dụng, nên việc làm của ngài vượt hẳn sức của người thường, vì vậy người đời không thể biết hết được, nên gọi là thần lực của Như Lai. Ý thứ hai, Như Lai là chỉ tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi chúng sanh. Nếu ai biết quay lại sống với tri kiến Phật nơi mình, thì sẽ được diệu dụng không thể nghĩ bàn, nên gọi đó là Như Lai Thần Lực.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, các vị đại Bồ-tát đông như số vi trần trong nghìn thế giới từ dưới đất vọt lên đó, đều ở trước đức Phật một lòng chắp tay, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật mà bạch cùng Phật rằng:

Thế Tôn! Sau khi Phật diệt độ, ở nơi cõi nước của đức Thế Tôn phân thân diệt độ, chúng con sẽ rộng nói Kinh này. Vì sao? Chúng con cũng tự muốn

được pháp lớn thanh tịnh này để thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép mà cúng dường đó.

Giảng:

Đến đây, chư Bồ-tát từ dưới đất vọt lên vô số, đều chắp tay bạch Phật rằng sau khi Phật diệt độ, thì ở các cõi nước của Phật phân thân giáo hóa, lúc đó các ngài sẽ tới giáo hóa bằng kinh Pháp Hoa. Chư Bồ-tát từ dưới đất vọt lên, biểu trưng ý nghĩa tri kiến Phật hiển hiện, khi vô minh phiền não đã sạch. Tri kiến Phật là pháp thân trùm khắp không giới hạn. Nên nói sau khi các Phật phân thân diệt độ, các Bồ-tát sẽ đi khắp nơi nói kinh Pháp Hoa để giáo hóa. Như vậy báo thân hay hóa thân của chư Phật ở đâu thì pháp thân trùm khắp ở đó, không thiếu không vắng.

Chánh văn:

2. Lúc đó, Thế Tôn ở trước ngài Văn-thù-sư-lợi v.v... vô lượng trăm nghìn muôn ức vị đại Bồ-tát cựu trụ ở nơi cõi Ta-bà và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân cùng phi nhân v.v... trước tất cả chúng, hiện sức thần thông lớn: bày tướng lưỡi rộng dài lên đến trời Phạm Thế, tất cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng vô số tia sáng đủ màu sắc, thảy đều khắp soi cả cõi nước trong mười phương. Các đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu cũng lại như thế: bày tướng lưỡi rộng dài phóng vô lượng tia sáng.

Lúc đức Thích-ca-mâu-ni Phật và các đức Phật dưới cây báu hiện sức thần thông mãn trăm nghìn năm vậy sau mới hoàn nhiếp tướng lưỡi, đồng thời tằng hắng cùng chung khảy móng tay, hai tiếng vang đó khắp đến cõi nước của các đức Phật trong mười phương, đất đều sáu điệu vang động, chúng sanh trong đó: trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân cùng phi nhân v.v... nhờ sức thần của Phật đều thấy trong cõi Ta-bà này vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức các đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới những cây báu và thấy đức Thích-ca-mâu-ni Phật cùng đức Đa Bảo Như Lai, ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu. Lại thấy vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vị Bồ-tát và hàng tứ chúng cung kính vây quanh đức Thích-ca-mâu-ni Phật, đã thấy thế rồi đều rất vui mừng được chưa từng có.

Tức thời hàng chư thiên ở giữa hư không lớn tiếng xướng rằng:

Khỏi đây vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số thế giới có nước tên Ta-bà, trong đó có Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni hiện nay vì các đại Bồ-tát nói kinh Đại thừa tên "Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm", các ông phải thâm tâm tùy hỷ, cũng nên lễ bái cúng dường đức Thích-ca-mâu-ni Phật.

Các chúng sanh đó nghe tiếng nói giữa hư không rồi, chắp tay xoay về cõi Ta-bà nói thế này:

"Nam-mô Thích-ca-mâu-ni Phật, Nam-mô Thích-ca-mâu-ni Phật". Dùng các món hoa hương, chuỗi ngọc, phan lọng và các đồ trang nghiêm nơi thân, những vật tốt bằng trân báu, đều đồng vói rải vào cõi Ta-bà.

Các vật rải đó từ mười phương đến thí như mây nhóm, biến thành màn báu trùm khắp trên các đức Phật ở trong đây. Bấy giờ mười phương cõi nước thông đạt không ngại như một cõi Phật.

Giảng:

Đoạn này Phật hiện thần thông. Ngài hiện thần thông sao không biến hóa bay đi, hay biến thân nhỏ thành thân lớn... mà lại hiện thần thông bằng cách le lưỡi dài rộng cho đến cõi trời Phạm thiên, rồi trong mỗi lỗ chân lông phóng hào quang sáng đủ màu sắc? Hiện tướng ấy biểu trưng ý nghĩa gì?

Nghĩa thứ nhất theo kinh A-hàm, người mà ba đời không nói dối, thì tướng lưỡi dài, le ra tới mí tóc. Tướng lưỡi Phật dài đến cõi trời Phạm thiên, chứng tỏ Phật vô số kiếp tu hạnh Bồ-tát cho tới khi thành Phật chưa từng nói dối. Lời Phật nói là lời nói chân thật, trải qua ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai không thay đổi. Thí dụ Phật nói: Các pháp hữu vi đều là vô thường, không cố định.

Nghĩa thứ hai tiêu biểu lời nói của Phật là lời khéo léo mầu nhiệm không thể nghĩ bàn, do diệu dụng của thiệt căn thanh tịnh mà có.

Trong sáu căn, ba căn có công đức viên mãn là nhĩ căn, thiệt căn và ý căn. Vì vậy mà chư Bồ-tát và

tất cả người tu, đều chọn ý căn, nhĩ căn để tu và khi giáo hóa thì dùng thiệt căn để tuyên dương chánh pháp. Mà *chánh pháp* được tuyên dương trong kinh Pháp Hoa là tri kiến Phật, trùm khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, không bị giới hạn ở một nơi nào. Nên tuyên dương pháp đó, cái lưỡi cũng rộng dài không thể nghĩ bàn, nếu lưỡi nhỏ có giới hạn thì đâu nói được pháp lớn.

Tướng tất cả lỗ chân lông Phật phóng ra vô lượng vô số tia sáng, soi khắp cả mười phương, biểu trưng ý nghĩa gì? Như trước đã nói, người thọ trì kinh Pháp Hoa, là trở về sống với tri kiến Phật thanh tịnh sáng suốt có sẵn nơi mình. Bởi hằng sống với tri kiến Phật nơi mình, tức nhiên toàn thân đều thanh tịnh sáng suốt, nên có khả năng phóng ra ánh sáng. Ánh sáng này thanh tịnh, nên chiếu diệu khắp cả mười phương, không có giới hạn ở một khu vực nào, không riêng ở một người nào, và ai ai cũng có. Nếu khéo tu thì ánh sáng ấy chiếu soi cùng khắp, như chư Phật không thua không kém.

Lại một hiện tượng lạ nữa, là sau khi thâu nhiếp thần thông trở lại bình thường, Phật tằng hắng và khảy móng tay. Hai tiếng ấy vang khắp mười phương quốc độ, chúng sanh trong ấy nương sức thần của Phật, thấy ở cõi Ta-bà Phật đang nói pháp và có Phật Đa Bảo ngồi trên tòa sư tử chứng minh. Hình ảnh ấy biểu trưng ý nghĩa gì? Nếu không tu học theo Thiền tông thì điều này chúng ta khó mà hiểu được. Trong thiền sử Trung Hoa, mỗi khi có thiền tăng đến hỏi đạo, thì tổ Lâm Tế không đáp bằng lời, mà chỉ đánh hoặc hét. Vậy cái đánh hoặc hét có tác dụng gì đối với thiền tăng? Tiếng hét chỉ là tiếng hét cái đánh chỉ là cái đánh. Thiền tăng nhân

nghe tiếng hét hoặc bị đánh, tỉnh ngộ nhận ra tánh giác nơi mình. Thiền tông gọi là kiến tánh hay ngộ đạo. Ngài Hương Nghiêm nghe tiếng viên gạch chạm vào cây tre, liền ngộ đạo, trường hợp này khác nào tiếng khảy móng tay ở đây! Thông thường ngôn ngữ đều phát xuất từ ý niệm phân biệt đối đãi, phàm ý niệm đối đãi không diễn đạt được chỗ cứu cánh cùng tột. Vì vậy, khi muốn chỉ cái cứu cánh tột cùng thì các thiền sư hoặc hét, hoặc đánh, hoặc "hư hư!... Cũng vậy, ở đây Phật tằng hắng, hay khảy móng tay, cốt để cho chúng sanh thâm nhập cái cứu cánh cùng tột đó, chứ không phải gây tiếng động để cho suy nghĩ. Vì cái cứu cánh cùng tột không hình tướng, không giới hạn, nên nói trùm khắp mười phương, ở đây động thì tất cả nơi đều động, khiến cho mọi chúng sanh nhận tiếng động đó, mà hướng về để nhận ra cái cứu cánh chân thật.

Khi Phật hiện các tướng trên, thì chư thiên báo cho Bồ-tát và chúng Tỳ-kheo biết là hiện tướng của Phật Thích-ca đang nói pháp ở cõi Ta-bà. Nên các vị hướng về ngài tùy hỷ và niệm "Nam-mô Thích-ca-mâu-ni Phật", đồng thời vói tay rải hoa hương, trân bảo cúng dường Phật. Lúc bấy giờ mười phương cõi nước thông đạt không ngại như một cõi Phật. Tới đây chúng ta thấy lý kinh quá rõ ràng, là khi thể nhập được tri kiến Phật thì mười phương đều thông đồng, không có trong không có ngoài, không trên không dưới. Vì không trong không ngoài, không trên không dưới, trùm khắp tất cả, nơi này thanh tịnh thì nơi khác cũng thanh tịnh, ở đây không chướng ngại thì nơi khác cũng không chướng ngại.

Nên nói mười phương tức một, một tức mười phương, thông đồng, không riêng không khác.

Chánh văn:

3. Khi đó, Phật bảo đại chúng bậc thượng hạnh Bồ-tát thảy:

Thần lực của các đức Phật vô lượng vô biên bất khả tư nghì như thế; nếu ta dùng thần lực đó trong vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số kiếp, vì để chúc lụy mà nói công đức của Kinh này vẫn chẳng hết được.

Nói tóm đó, tất cả pháp của Như Lai có, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả tạng bí yếu của Như Lai, tất cả việc rất sâu của Như Lai đều tuyên bày rõ nói trong Kinh này, cho nên các ông sau khi Như Lai diệt độ, phải một lòng thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, đúng như lời nói mà tu hành.

Cõi nước chỗ nào nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, đúng như lời tu hành, hoặc là chỗ có quyển Kinh, hoặc trong vườn, hoặc trong rừng, hoặc dưới cây, hoặc tăng phường, hoặc nhà bạch y, hoặc ở điện đường, hoặc núi hang đồng trống, trong đó đều nên dựng tháp cúng dường.

Vì sao? Phải biết chỗ đó, chính là đạo tràng, các đức Phật ở đây mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các đức Phật ở đây mà chuyển pháp luân, các đức Phật ở đây mà nhập Niết-bàn.

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

4. Các Phật, đấng cứu thế
Trụ trong thần thông lớn
Vì vui đẹp chúng sanh
Hiện vô lượng thần lực:
Tướng lưỡi đến Phạm thiên
Thân phóng vô số quang
Vì người cầu Phật đạo
Hiện việc ít có này.
Tiếng tằng hắng của Phật
Cùng tiếng khảy móng tay
Khắp vang mười phương cõi
Đất đều sáu món động.
Sau khi Phật diệt độ
Người trì được Kinh này
Các Phật đều vui mừng
Hiện vô lượng thần lực.
Vì chúc lụy Kinh này
Khen ngợi người thọ trì
Ở trong vô lượng kiếp
Vẫn còn chẳng hết được.
Công đức của người đó
Vô biên vô cùng tận

Như mười phương hư không
Chẳng thể được ngằn mé.
Người trì được Kinh này
Thời là đã thấy ta
Cũng thấy Phật Đa Bảo
Và các Phật phân thân.
Lại thấy ta ngày nay
Giáo hóa các Bồ-tát.
Người trì được Kinh này
Khiến ta và phân thân
Phật Đa Bảo diệt độ
Tất cả đều vui mừng.
Mười phương Phật hiện tại
Cùng quá khứ vị lai
Cũng thấy cũng cúng dường
Cũng khiến được vui mừng.
Các Phật ngồi đạo tràng
Pháp bí yếu đã được.
Người trì đọc Kinh này
Chẳng lâu cũng sẽ được.
Người trì được Kinh này
Nơi nghĩa của các pháp
Danh tự và lời lẽ
Ưa nói không cùng tận

Như gió trong hư không
Tất cả không chướng ngại.
Sau khi Như Lai diệt
Biết kinh của Phật nói
Nhân duyên và thứ đệ
Theo nghĩa nói như thật.
Như ánh sáng nhật nguyệt
Hay trừ các tối tăm
Người đó đi trong đời
Hay dứt tối chúng sanh
Dạy vô lượng Bồ-tát
Rốt ráo trụ Nhất thừa.
Cho nên người có trí
Nghe công đức lợi này
Sau khi ta diệt độ
Nên thọ trì Kinh này
Người đó ở Phật đạo
Quyết định không có nghi.

Giảng:

Tới đây Phật quy kết, mọi thần lực mà Phật hiện, tuy nói là bất khả tư nghì, song nếu đem vô số thần lực đó mà phó chúc và nói về công đức của kinh Pháp Hoa, vẫn không nói hết được. Vì kinh Pháp Hoa là cái thể bao hàm tất cả thần thông diệu dụng. Cho nên tu đừng có ham luyện thần thông, mà phải biết mình có tri kiến

Phật, quay về sống với tri kiến Phật, đừng chạy theo ngoại cảnh, thì được thanh tịnh sáng suốt, phát ra vô số diệu dụng. Đừng kiếm tìm thần thông, vì thần thông là tướng hư dối không thật, nếu nhập được thể thì mọi diệu dụng theo đó mà có, không nhập được thể mà tập cái dụng thì đó chỉ là ngọn ngành tạm thời, không phải cứu cánh. Thế nên, người tu phải biết cái nào là gốc cái nào là ngọn. Nếu cứ lo luyện thần thông mà bỏ quên cái thể, đó là tu theo ngọn mất gốc. Người tu Phật chân chánh là thể nhập bản thể, lấy bản thể làm chính, rồi mọi thần thông diệu dụng từ bản thể mà phát ra. Thế nên cái dụng không thể diễn đạt bản thể.

Sau nữa, Phật nói kinh Pháp Hoa ở đâu thì ở đó nên dựng tháp cúng dường. Gần đây chúng ta thấy quý vị in một lần đến năm bảy ngàn bộ, như vậy làm sao dựng đủ tháp để thờ? Đó là chúng ta chỉ biết kinh Pháp Hoa bằng văn tự chứ không phải kinh Pháp Hoa vô tự chỉ cho tri kiến Phật. Ở đâu có người ngộ được tri kiến Phật thì chỗ đó có Phật hiện, chỗ đó đáng cho chúng sanh dựng tháp cúng dường. Vì vậy nên Phật nói, kinh Pháp Hoa ở chỗ nào thì chỗ đó là đạo tràng, là chỗ chư Phật thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn cũng ở chỗ đó.

XXII- PHẨM CHÚC LỤY

Chúc là phó chúc, giao phó, Lụy là dặn dò nhiều lần để duy trì mãi mãi.

Chúc lụy là phó chúc dặn dò sau chót, mà dặn dò nhiều lần. Thông thường ở các kinh thì lời dặn dò sau rốt nằm ở cuối kinh, nhưng tại sao phẩm Chúc Lụy nằm ở khoảng hai phần ba của bộ kinh Pháp Hoa? Như vậy có ẩn chứa ý nghĩa gì? Có phải ngài La-thập khi phiên dịch đặt lộn chăng? Đứng về mặt văn nghĩa chúng ta thấy có phần mâu thuẫn, nhưng theo phương tiện tu hành thì ngài La-thập không lầm lẫn. Vì ngang phẩm Hiện Bảo Tháp tới phẩm Chúc Lụy, là phần Thị và Ngộ Phật tri kiến. Khi Phật chỉ cho đệ tử ngộ Phật tri kiến rồi, nên Phật có lời dặn dò đệ tử nhớ bảo nhậm gìn giữ đừng để cho phiền não che khuất. Như vậy, Phật kết thúc là kết thúc phần Thị và Ngộ tri kiến Phật, để đi tới thực hành ở sau, chứ không phải kết thúc toàn bộ kinh. Vì vậy phẩm Chúc Lụy nằm ở đây.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Thích-ca-mâu-ni Phật từ nơi pháp tòa đứng dậy, hiện sức thần thông lớn, dùng tay mặt xoa đảnh của vô lượng đại Bồ-tát mà nói rằng:

Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp tu tập pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông, các ông nên phải một lòng lưu bố pháp này làm cho thêm nhiều rộng.

Phật ba phen xoa đảnh các đại Bồ-tát như thế mà nói rằng:

Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp tu tập pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông, các ông phải thọ trì, đọc tụng rộng tuyên nói pháp này cho tất cả chúng sanh đều được nghe biết.

Vì sao? Đức Như Lai có lòng từ bi lớn, không có tánh bỏn sẻn, cũng không sợ sệt, có thể cho chúng sanh trí tuệ của Phật, trí tuệ của Như Lai, trí tuệ tự nhiên. Như Lai là vị đại thí chủ cho tất cả chúng sanh, các ông cũng nên thọ học pháp của Như Lai, chớ sanh lòng bỏn sẻn. Ở đời vị lai nếu có người thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tin trí tuệ của Như Lai, thời các ông phải vì đó diễn nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này khiến đều được nghe biết, vì muốn cho người đó được trí tuệ của Phật vậy.

Nếu có chúng sanh nào chẳng tin nhận, thời phải ở trong pháp sâu khác của Như Lai chỉ dạy cho

được lợi ích vui mừng, các ông nếu được như thế thời là đã báo được ơn của các đức Phật.

Giảng:

Sau khi Phật chỉ cho đệ tử ngộ tri kiến Phật rồi, tới đây ngài xoa đảnh các vị Bồ-tát ba lần mà căn dặn: *Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp, tu tập pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông, các ông phải thọ trì, đọc tụng rộng tuyên nói pháp này cho tất cả chúng sanh đều được nghe biết*. Phật đã tu tập pháp này thành Phật, ngài bảo hàng đệ tử cũng phải một lòng tu tập và truyền bá pháp này. Chúng ta nhớ, Phật dạy tu tập rồi mới truyền bá, chứ không phải truyền bá suông mà không tu tập.

Đến đây, Phật nêu lý do tại sao ngài dặn dò như thế. Vì Phật là đấng Đại từ bi, không có lòng bỏn sẻn, không sợ sệt, nên Phật muốn chỉ cho chúng sanh trí tuệ Phật, trí tuệ Như Lai, trí tuệ tự nhiên. Chúng sanh mỗi người ai cũng có sẵn trí tuệ Phật, Phật mới chỉ cho biết để nhận ra, gọi đó là cho, chứ không phải ngài cầm lấy trí tuệ của ngài đưa cho chúng sanh. Phật đã tu hành thành Phật; quả Phật là quả rốt ráo, ngài đã được như vậy rồi, bây giờ ngài dạy lại cho đệ tử tu hành cũng được như ngài. Nếu ngài có tâm bỏn sẻn chỉ dạy cho đệ tử tu thành La-hán, thành Bồ-tát thôi, không dạy cho tu thành Phật, để quả vị độc tôn một mình ngài được, đó là ngài bỏn sẻn. Nhưng Phật dạy cho tất cả chúng sanh tu để thành Phật như ngài, không chịu cho ai ở các quả vị thấp, nếu đệ tử không nỗ lực tu hành, còn ở những tầng bậc thấp, ngài quở rầy sách tấn cho tiến thêm, để viên thành quả Phật. Như vậy Phật quá đại từ đại bi muốn ai cũng được như ngài. Vì vậy nói ngài là đại

thí chủ. Ngài không muốn cho ai tu Phật mà được quả vị thấp hơn ngài, ngoại trừ độ người căn cơ thấp phải tùy thuận dùng phương tiện dẫn dắt từ thấp đến cao. Đó là lòng từ bi và tâm bố thí của ngài không có giới hạn.

Phật lại dặn các vị Bồ-tát, sau này nếu chỉ thẳng tri kiến Phật là chỗ cứu cánh, mà người không hiểu không tin thì tùy đó mà linh động dạy các pháp khác, miễn sao cho người được lợi ích được vui mừng, đó cũng là đền ơn Phật rồi. Vì vậy, khi Phật mới thành đạo, thấy Chân lý tuyệt đối, ngài muốn nói mà sợ người không hiểu nên ngài hạ thấp xuống dùng phương tiện giảng dạy. Như vậy chúng ta mới hiểu tại sao có những kinh nói khác, và kinh này lại nói khác. Đó là Phật vì căn cơ chúng sanh nên giảng nói có sai biệt.

Chánh văn:

2. Lúc đó, các vị đại Bồ-tát nghe Phật nói thế rồi, đều rất vui mừng khắp đầy nơi thân càng thêm cung kính, nghiêng mình cúi đầu chắp tay hướng Phật, đồng lên tiếng bạch rằng:

Như lời Thế Tôn dạy, chúng con sẽ vâng làm đầy đủ, kính xin đức Thế Tôn chớ có lo.

Các chúng đại Bồ-tát ba phen như thế, đều lên tiếng bạch rằng:

Như lời Thế Tôn dạy, chúng con sẽ vâng làm đầy đủ, kính xin đức Thế Tôn chớ có lo.

Khi đó, đức Thích-ca-mâu-ni Phật khiến các đức Phật phân thân ở mười phương đến, đều trở về bổn độ mà nói rằng:

Các Phật đều về yên chỗ, tháp của Phật Đa Bảo được hoàn như cũ.

Giảng:

Ở trên Phật ba phen dặn dò rồi dưới đây các vị Bồ-tát ba phen hứa: *Như lời Thế Tôn dạy, chúng con sẽ vâng làm đầy đủ, kính xin Thế Tôn chớ có lo*. Tới đây là xong phần Thị và Ngộ Phật tri kiến, nên Phật yêu cầu các Phật phân thân ở mười phương đến nên về lại bổn xứ và tháp Phật Đa Bảo trở về chỗ cũ. Ngang đây là xong phần Khai, Thị, Ngộ.

Chánh văn:

3. Phật nói lời đó rồi, vô lượng các đức Phật phân thân ở mười phương ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu, và Phật Đa Bảo cùng vô biên vô số đại chúng Bồ-tát, bậc thượng hạnh thảy, ngài Xá-lợi-phất v.v... bốn chúng hàng Thanh văn và tất cả trong đời: trời, người, a-tu-la v.v... nghe Phật nói rồi đều rất vui mừng.

Giảng:

Khi đã ngộ thì phải thực hành, nên Phật có lời phó chúc rồi thì Phật hóa thân và Phật Đa Bảo trở về bổn quốc. Tới phần thực hành thì mỗi người tự hành, tự sống; Phật không còn chỉ dạy nữa. Thính chúng trong pháp hội nghe Phật phó chúc, tất cả đều vui mừng.

XXIII- PHẨM DƯỢC VƯƠNG BỒ-TÁT BẢN SỰ

Dược Vương Bồ-tát Bản Sự là nói về việc xưa của Bồ-tát Dược Vương. Thường thường trong kinh có chia ra bản sanh và bản sự. Bản sanh thì nói về những kiếp quá khứ của Phật, còn bản sự thì nhắc lại việc làm đời trước của đệ tử và những người khác. Chủ yếu của phẩm này là phá sắc ấm.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Tú Vương Hoa Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Ngài Dược Vương Bồ-tát dạo đi nơi cõi Ta-bà như thế nào? Thế Tôn! Ngài Dược Vương Bồ-tát đó, có bao nhiêu trăm nghìn muôn ức na-do-tha hạnh khổ khó làm? Hay thay Thế Tôn! Nguyện giải nói cho một ít, các hàng trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân cùng

phi nhân v.v... và các vị Bồ-tát ở các nước khác đến cùng chúng Thanh văn đây nghe đều vui mừng.

Giảng:

Mở đầu phẩm này, người đương cơ đứng ra thưa hỏi là Bồ-tát Tú Vương Hoa. Tú Vương Hoa là vua của loài hoa đẹp. Tại sao lại có một Bồ-tát kiều diễm như vậy? Người tu nếu đem thân nhơ nhớp ô uế để hành hạnh Bồ-tát thì sẽ được báo thân tốt đẹp. Nên khi đề cập tới Bồ-tát Dược Vương muốn đem thân cúng dường Phật, thì vị Bồ-tát đứng ra thưa hỏi phải là Bồ-tát có thân tươi đẹp.

Đây bắt đầu phần *Nhập tri kiến Phật*. Trước đã ngộ, bây giờ nhập. Muốn nhập tri kiến Phật trước phải làm sao? Là thiêu đốt thân tức phá sắc uẩn. Thông thường nếu người nặng vật chất thì quên tinh thần, và ngược lại người trọng tinh thần thì xem thường vật chất. Thế nên, muốn nhập tri kiến Phật, hay muốn sống với cái thanh tịnh sáng suốt của mình thì phải xem thường thân thể, nếu còn trọng thân thể thì không sống được với tri kiến Phật. Nên bắt đầu nhập tri kiến Phật thì phải coi thường thân tứ đại.

Chánh văn:

2. Lúc đó, Phật bảo ngài Tú Vương Hoa Bồ-tát:

Về thuở quá khứ vô lượng hằng hà sa kiếp trước, có Phật hiệu Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Phật đó có tám mươi ức đại Bồ-tát, bảy mươi hai hằng hà sa chúng đại Thanh văn. Phật sống lâu bốn muôn hai nghìn kiếp, Bồ-tát sống lâu cũng bằng Phật. Nước đó không có người nữ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la v.v... và các khổ nạn. Đất bằng như bàn tay, chất lưu ly làm thành, cây báu trang nghiêm, màn báu trùm trên, thòng các phan báu đẹp, bình báu, lò hương, khắp cùng cả nước, bảy món báu làm đài, một cây có một đài, cây đó cách đài đều một lằn tên. Các cây báu đó đều có Bồ-tát, Thanh văn ngồi ở dưới. Trên các đài báu đều có trăm ức chư thiên trỗi kỹ nhạc trời, ca khen đức Phật để làm việc cúng dường.

Giảng:

Phật nói về công hạnh tu hành của những Bồ-tát trước đã hành, để người sau ứng dụng tu theo. Ngài kể từ thuở trước có đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai ra đời, ngài có rất đông đệ tử Bồ-tát, Thanh văn, quốc độ ngài thanh tịnh và đẹp quý, không có điều ác và khổ, tất cả những cây cối trong nước ngài đều có đài, mỗi cây có một đài, mỗi cây đều có một vị Bồ-tát hoặc Thanh văn ngồi ở dưới, giống như một khu rừng dưới mỗi cây thông có tòa cho người ngồi tu. Cách nhau một trăm thước, có một vị ngồi thiền yên lặng thanh tịnh. Đây đưa ra hình ảnh trước, để nói lên cái nhân tu của Bồ-tát Dược Vương.

Chánh văn:

3. Bấy giờ, đức Phật đó vì ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát, cùng chúng Bồ-tát và chúng Thanh văn nói kinh Pháp Hoa.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát đó ưa tu tập khổ hạnh, ở trong pháp hội của đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật, mãn một muôn hai nghìn năm được "Hiện nhất thiết sắc thân tam-muội".

Được tam-muội đó rồi lòng rất vui mừng, liền nghĩ rằng: "Ta được "Hiện nhất thiết sắc thân tam-muội" này đều là do sức được nghe kinh Pháp Hoa, ta nay nên cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật và kinh Pháp Hoa."

Tức thời nhập tam-muội đó, ở giữa hư không rưới bông mạn-đà-la, bông ma-ha mạn-đà-la, cùng bột kiên hắc chiên-đàn đầy trong hư không như mây mà rưới xuống. Lại rưới hương hải thử ngạn chiên-đàn, sáu thù hương này giá trị cõi Ta-bà để cúng dường Phật.

Cúng dường thế đó rồi, từ tam-muội dậy mà tự nghĩ rằng: "Ta dầu dùng thần lực cúng dường nơi Phật, chẳng bằng dùng thân cúng dường." Liền uống các chất thơm: chiên-đàn, huân lục, đâu-lâu-bà, tất-lực-ca, trầm thủy giao hương; lại uống dầu thơm các thứ bông chiêm-bặc v.v... mãn một nghìn hai trăm năm, rồi lấy dầu thơm xoa thân, ở trước đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật dùng y báu cõi trời mà tự quấn thân, rưới các thứ dầu thơm, dùng sức nguyện thần thông mà tự đốt thân.

Ánh sáng khắp soi cả tám mươi ức hằng hà sa thế giới, các đức Phật trong đó đồng thời khen rằng:

Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Đó là chân thật tinh tấn gọi là chân pháp cúng dường Như Lai. Nếu dùng hoa hương, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan lọng bằng lụa cõi trời và hương hải thử ngạn chiên-đàn, dùng các món vật cúng dường như thế đều chẳng bằng được. Giả sử quốc thành thê tử bố thí cũng chẳng bằng. Thiện nam tử! Đó gọi là món thí thứ nhất, ở trong các món thí rất tôn rất thượng, bởi dùng pháp cúng dường các đức Như Lai vậy.

Các đức Phật nói lời đó rồi đều yên lặng. Thân của Bồ-tát lửa cháy một nghìn hai trăm năm, qua sau lúc đó thân Bồ-tát mới hết.

Giảng:

Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến là tiền thân của Bồ-tát Dược Vương, lúc bấy giờ ngài chuyên tu khổ hạnh và nghe kinh Pháp Hoa ở trong pháp hội của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Ngài được chánh định Hiện nhất thiết sắc thân, tức là thấy rõ thấy đúng như thật sắc thân này. Thấy sắc thân này như thế nào? Đối với người ngộ được tri kiến Phật thanh tịnh, thấy rõ sắc thân tứ đại sanh diệt này như hòn bọt trên mặt biển, chợt nổi rồi tan; hòn bọt sánh với đại dương không đáng kể, nó chợt hiện chợt mất như mộng như huyễn. Thấy như thế gọi là được chánh định Hiện nhất thiết sắc thân. Sau khi được chánh định thì Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến phát tâm cúng dường Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức. Ngài liền nhập tam-muội đó,

bèn ở giữa hư không rưới những thù hương hoa để cúng dường Phật. Thù là một dụng cụ cân lường, sáu thù bằng một phần tư lượng. Một phần tư lượng hương hải thử ngạn chiên-đàn, trị giá bằng cõi Ta-bà mà chúng ta đang ở, nó quý như thế.

Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến do nghe kinh Pháp Hoa, mà được Nhất thiết sắc thân tam-muội. Ngài thấy rõ diệu dụng của kinh Pháp Hoa và công đức giáo hóa lớn lao của Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức, nên ngài đã dùng tất cả hương hoa thơm để cúng Phật. Tuy đã cúng dường hương hoa mà ngài chưa mãn nguyện, ngài lại còn ướp hương vào thân mình châm lửa thiêu để cúng dường Phật. Và khi ngài thiêu thân cúng dường, thì được các đức Phật mười phương khen ngợi là chân thật tinh tấn, là chân pháp cúng dường Như Lai. Cúng dường hoa hương chuỗi ngọc quý giá, hay bố thí quốc thành thê tử công đức không bằng thiêu thân cúng dường. Như vậy là sao?

Giáo lý của Phật có nói đến bố thí, bố thí ngoại tài và bố thí nội tài. Ngoại tài là những thứ thuộc về con người, như quốc thành, thê tử, hương hoa, phan lọng... Những thứ này tuy quý nhưng giá trị có giới hạn, nên phước cũng giới hạn. Nội tài là chính bản thân con người, là cái không tự làm thành được nên rất quý. Vì vậy mà người dám đốt thân cúng dường Phật, công đức không thể tính kể. Nhưng, ở đây chúng ta phải hiểu nghĩa đốt thân đúng với tinh thần kinh Pháp Hoa, là khi người nhập

tri kiến Phật coi thường thân tứ đại, nên đốt thân mình để cúng dường Phật, mà đốt thân là phá sắc ấm và tiếp tục phá luôn thọ, tưởng, hành, thức ấm. Năm ấm phải phá sạch mới tới quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người nhập được tri kiến Phật đầu tiên phải phá sắc ấm, thấy rõ thân tứ đại do cha mẹ sanh là vô thường huyễn hóa không thật, không có giá trị. Thấy như thế thì không lệ thuộc nó, không bị nó chi phối làm cho phiền não khổ đau, vì không còn quý trọng nó, dùng nó làm phương tiện để truyền bá chánh pháp làm lợi ích cho chúng sanh. Thấy và thực hành như vậy là đốt thân hay đem thân cúng dường Phật. Chứ không phải ngộ đạo rồi đốt thân, đốt như thế vô tình làm cho Phật pháp sớm hoại diệt. Vì ai ngộ đạo rồi cũng đốt thân cháy thành tro, thì còn ai truyền bá Phật pháp? Vậy muốn nhập tri kiến Phật, đầu tiên là phá sắc ấm, ở đây gọi là đốt thân cúng dường Phật, đốt thân cúng dường Phật là bố thí thân trên hết. Tại sao? Vì những vật ngoài thân có thể làm ra được, còn thân này không tự làm thành được. Phá chấp ngã về thân, không quý trọng nó nữa, trải thân ra làm lợi ích cho mọi người, thật vô vàn khó khăn, nên nói bố thí thân là cao hơn cả. Xưa, đại sư Trí Giả đọc kinh Pháp Hoa tới đoạn này ngài được chánh định thấy Phật Thích-ca đang thuyết pháp trên hội Linh Sơn. Ngài đã nhập Pháp Hoa tam-muội, nên sau này ngài giảng tựa kinh Diệu Pháp Liên Hoa suốt một tuần lễ. Đó là ngài đã được ngôn ngữ tam-muội. Chỗ này đáng cho chúng ta lưu ý.

Chánh văn:

4. Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát làm việc pháp cúng dường như thế xong, sau khi mạng chung, lại sanh trong nước của đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, ở nơi nhà vua Tịnh Đức bỗng nhiên ngồi xếp bằng hóa sanh ra, liền vì vua cha mà nói kệ rằng:

Đại vương nay nên biết!
Tôi kinh hành chốn kia
Tức thời được Nhất thiết
Hiện chư thân tam-muội
Siêng tu rất tinh tấn
Bỏ thân thể đáng yêu
Cúng dường đức Thế Tôn
Để cầu tuệ Vô thượng.

Nói kệ đó rồi thưa vua cha rằng:

Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật nay vẫn hiện còn, tôi trước cúng dường Phật xong, được "Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn đà-la-ni" lại nghe kinh Pháp Hoa này tám trăm nghìn muôn ức na-do-tha, chân-ca-la, tần-bà-la, a-súc-bà, các bài kệ. Đại vương! Tôi nay lại nên cúng dường đức Phật đó.

Thưa xong, liền ngồi đài bảy báu, bay lên hư không cao bằng bảy cây đa-la, qua đến chỗ Phật đầu mặt lạy chân, chắp tay nói kệ khen Phật:

Dung nhan rất đẹp lạ
Ánh sáng soi mười phương

Con vừa từng cúng dường
Nay lại về thân thấy.

Giảng:

Thân thấy có nghĩa là chính mắt mình được thấy, chứ không phải nghe người ta nói. Sau khi Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến đốt thân cúng dường xong thì ngài hóa sanh trở lại, để gặp và lễ Phật, rồi tiếp tục công việc giáo hóa. Như vậy ngài xả thân sắc ấm để cầu trí tuệ Phật, coi như ngài đã chết, kỳ thật ngài có chết không? Bồ-tát xả kiến chấp về thân, không còn thấy thân tứ đại là thật ngã nên ngộ Phật pháp thân.

Chánh văn:

5. Lúc đó, ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát nói kệ xong mà bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Đức Thế Tôn vẫn còn ở đời ư?

Bấy giờ, đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát rằng:

Thiện nam tử! Giờ ta nhập Niết-bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến, ông nên sắp đặt giường tòa, ta trong đêm nay sẽ nhập Niết-bàn.

Phật lại bảo ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát rằng:

Thiện nam tử! Ta đem Phật pháp giao phó cho ông và các Bồ-tát đại đệ tử, cùng pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng đem cõi thất bảo tam thiên đại thiên các cây báu, đài báu và hàng chư thiên cung cấp hầu hạ đều giao phó cho ông.

Sau khi ta diệt độ có bao nhiêu xá-lợi cũng phó chúc cho ông, nên làm cho lưu bố rộng bày các việc cúng dường, nên xây bao nhiêu nghìn tháp.

Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát như thế rồi, vào khoảng cuối đêm nhập Niết-bàn.

Giảng:

Khi thấy Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến xả thân để cúng dường, thì Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức tin tưởng giao phó, nào là chánh pháp, nào là bốn chúng, nào là của cải... đồng giao phó nốt, để vào Niết-bàn. Vì ngài yên lòng đã có người thay thế ngài để gánh vác bảo trì Phật pháp.

Chánh văn:

6. Lúc đó, ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát thấy Phật diệt độ buồn cảm sầu khổ, luyến mộ nơi Phật, liền dùng hải thử ngạn chiên-đàn làm giàn để cúng dường thân Phật mà thiêu đó.

Sau khi lửa tắt, thâu lấy xá-lợi đựng trong tám muôn bốn nghìn bình báu, để xây tám muôn bốn nghìn tháp, cao ba thế giới, chưng dọn trang nghiêm thòng, các phan lọng, treo các linh báu.

Bấy giờ, ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát lại tự nghĩ rằng: "Ta dầu làm việc cúng dường đó lòng còn chưa đủ, ta nay lại nên cúng dường xá-lợi." Liền nói với các Bồ-tát đại đệ tử và trời, rồng,

dạ-xoa v.v... tất cả đại chúng rằng: Các ông phải một lòng ghi nhớ, tôi nay cúng dường xá-lợi của đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật.

Nói xong liền ở trước tám muôn bốn nghìn tháp đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm, mãn bảy muôn hai nghìn năm để cúng dường. Khiến vô số chúng cầu Thanh văn, vô lượng vô số người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều làm cho trụ trong "Hiện nhất thiết sắc thân tam-muội".

Lúc đó, các Bồ-tát, trời, người, a-tu-la v.v... thấy ngài không có tay bèn sầu khổ buồn thương mà nói rằng:

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát này là thầy chúng ta, giáo hóa chúng ta, mà nay đốt tay, thân chẳng đầy đủ.

Lúc ấy, ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát ở trong đại chúng lập lời thề rằng:

Tôi bỏ hai tay ắt sẽ được thân sắc vàng của Phật, nếu thật không dối, thời khiến hai tay tôi hoàn phục như cũ.

Nói lời thề xong, hai tay tự nhiên hoàn phục, đó là do phước đức trí tuệ thuần hậu của Bồ-tát cảm nên.

Đương lúc đó, cõi tam thiên đại thiên thế giới sáu điệu vang động, trời rưới hoa báu, tất cả người, trời được việc chưa từng có.

Giảng:

Sau khi Phật ký thác cho Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến phải duy trì chánh pháp, phải giáo hóa đệ tử và duy trì sự nghiệp của Phật, tới đây Bồ-tát đốt luôn hai cánh tay để cúng dường tháp Phật. Vậy đốt hai cánh tay hàm chứa ý nghĩa gì? Trước đốt thân là xả kiến chấp ngã nơi thân sắc uẩn, hy sinh thân để làm lợi ích cho chúng sanh. Nếu chỉ phá chấp ngã nơi thân, mà còn mắc kẹt kiến chấp nơi tâm, thấy có không, thiện ác... là kiến chấp hai bên, không thể đến quả Phật được. Vì vậy mà phải phá luôn cái thấy hai bên, qua hình ảnh biểu trưng là đốt hai cánh tay. Ngay phẩm Tựa đã nói lên ý nghĩa này với hình ảnh Phật phóng quang giữa chặng mày. Đến đây chúng ta lại càng thấy rõ hơn, nếu xem thường thân sắc uẩn, hy sinh thân sắc uẩn mà còn kiến chấp hai bên, thì chưa đến chỗ giải thoát viên mãn, vì còn kẹt trong đối đãi hai bên nên phải phá nốt.

Sau khi đốt hai cánh tay rồi, ngài thề rằng: *Tôi bỏ hai tay ắt sẽ được thân sắc vàng của Phật, nếu thật không dối, thì khiến hai tay tôi hoàn phục như cũ*. Nói lời thề xong, hai tay tự nhiên hoàn phục. Rõ ràng là phá được kiến chấp hai bên thì nhất định sẽ được kết quả thành Phật không nghi ngờ.

Hạnh thứ nhất của Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến là phá chấp thân sắc uẩn, hạnh thứ hai là phá kiến chấp hai bên.

Chánh văn:

7. Đức Phật bảo ngài Tú Vương Hoa Bồ-tát:

Ý ông nghĩ sao? Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ-tát đâu phải người nào lạ, chính nay là ông Dược Vương Bồ-tát đó. Ông ấy bỏ thân bố thí số nhiều vô lượng trăm nghìn muôn ức na-do-tha như thế.

Tú Vương Hoa! Nếu người phát tâm muốn được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể đốt một ngón tay nhẫn đến một ngón chân để cúng dường tháp của Phật, hơn đem quốc thành, thê tử và cõi tam thiên đại thiên, núi, rừng, sông, ao, các vật trân báu mà cúng dường.

Nếu lại có người đem bảy thứ báu đầy cả cõi tam thiên đại thiên cúng dường nơi Phật, cùng đại Bồ-tát, Duyên giác và A-la-hán, công đức của người đó được chẳng bằng người thọ trì kinh Pháp Hoa này nhẫn đến một bài kệ bốn câu, phước của người này rất nhiều.

Giảng:

Phật kết thúc, Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến là tiền thân của Bồ-tát Dược Vương, Bồ-tát Dược Vương không phải hy sinh một đời mà hy sinh nhiều đời, đem thân cúng dường Phật như vậy. Nên Phật mới nói nếu ở đời có người muốn cầu thành Phật đạo, chỉ cần đốt một ngón chân hoặc một ngón tay cúng dường

tháp Phật, còn hơn đem quốc thành, thê tử và vật báu ở cõi tam thiên đại thiên cúng dường. Như vậy bố thí nội tài quý hơn bố thí ngoại tài.

Hơn thế nữa, người trì kinh Pháp Hoa lại còn quý hơn. Tại sao vậy? Vì vật báu tuy là quý, nhưng sanh diệt vô thường, đem tướng sanh diệt vô thường mà cầu Phật đạo tuy có phước, nhưng chưa viên mãn, không bằng quay lại sống với tri kiến Phật không sanh không diệt, có sẵn nơi mình mới là viên mãn cứu cánh.

Chúng ta thấy Phật dạy quá rõ ràng, nhưng sau này có nhiều người đọc kinh Pháp Hoa, hoặc đọc trong giới Bồ-tát thấy Phật dạy đốt thân cúng dường Phật, bèn đốt tay, hoặc đốt chân, hoặc đốt liều trên đầu... để cúng dường Phật, việc làm này rất thạnh hành, song mâu thuẫn mà người ta không biết mình đang kẹt trên hình tướng. Tại sao? Trong giới bổn, Phật có dạy: Người thiếu tay thiếu chân, có tật, không được thọ giới Tỳ-kheo. Nếu không được thọ giới Tỳ-kheo thì làm sao truyền bá chánh pháp mà cho rằng Phật dạy đốt thân? Trong luật Phật đã không cho người có tật thọ giới, nếu người mới học đạo, nghe kinh rồi chấp tướng bèn đốt tay cúng dường Phật, tới chừng thọ giới Tỳ-kheo, không được thọ thì sao đây? Quý vị có thấy mâu thuẫn không? Nếu chúng ta hiểu đốt tay chân, đốt một phần thân xác là thể hiện tinh thần xả thân, xem nhẹ thân sắc uẩn, để tu hành và làm lợi ích cho chúng sanh, tiến tới quả Phật thì có ý nghĩa. Tôi có sống gần với những vị đốt một hai ngón tay. Hồi đốt, không biết họ phát nguyện như thế nào,

nhưng rồi họ cũng quý thân và ích kỷ quá! Lại có nhiều người đốt trên đầu tới chín liều, thế mà rồi họ cũng cởi áo hoàn tục, sống thường tình như bao nhiêu người khác! Như vậy là sao? Thoạt thấy như họ hy sinh rất mạnh, nhưng kỳ thật đó là một việc làm do chấp tướng mà ra. Thậm chí còn có quan niệm đốt liều nhiều là lớn, không đốt liều là nhỏ. Thật là lệch lạc! Thế nên phải hiểu cho thật rõ.

Hồi xưa khi còn học, tôi thắc mắc chỗ này lắm, thấy quý hòa thượng khác có đốt liều, sao hòa thượng Giám đốc Ấn Quang và hòa thượng Viện trưởng Viện Hóa Đạo không đốt? Tôi mới thưa hỏi thì hòa thượng cười nói: "Ai muốn nguyện gì thì nguyện." Ngài chỉ trả lời như vậy thôi. Chúng ta mới thấy nguyện xả thân để lo cho đạo mới là chủ yếu. Đốt thân mà không có chí nguyện quên mình vì đạo, dù cho đốt nhiều tới đâu rồi cũng chỉ là việc làm của buổi đầu thôi. Vì vậy khi tôi thọ giới Bồ-tát cũng không đốt liều nào. Chúng ta làm điều gì phải hiểu lý cho thật vững, chứ đừng thấy người làm rồi đua nhau làm theo, như vậy cũng hơi nguy hiểm, sẽ làm cho Phật pháp suy vi.

Chánh văn:

8. Tú Vương Hoa! Thí như trong các dòng nước: sông, ngòi, kinh, rạch thời biển là lớn thứ nhất, kinh Pháp Hoa này cũng như thế, ở trong các kinh của đức Như Lai nói rất là sâu lớn.

Lại như trong các núi non: thổ sơn, hắc sơn, núi tiểu Thiết Vi, núi đại Thiết Vi cùng mười núi báu,

thời núi Diệu Cao bậc nhất, kinh Pháp Hoa này cũng như thế, ở trong các kinh rất là bậc thượng.

Lại như trong các ngôi sao, mặt trăng là bậc nhất, kinh Pháp Hoa này cũng như thế, ở trong nghìn muôn ức các kinh pháp, rất là sáng.

Lại như mặt trời hay trừ các chỗ tối tăm, Kinh này cũng thế, hay phá tất cả sự tối bất thiện.

Lại như trong các vua nhỏ, vua Chuyển luân thánh vương rất là bậc nhất, Kinh này cũng như thế, ở trong các kinh là bậc tôn kính hơn cả.

Lại như Đế-thích là vua trong ba mươi ba cõi trời, Kinh này cũng thế, là vua trong các kinh.

Lại như trời Đại Phạm thiên vương là cha của tất cả chúng sanh, Kinh này cũng thế, là cha của tất cả hiền thánh: bậc hữu học, vô học cùng hàng phát lòng Bồ-đề.

Lại như trong tất cả phàm phu thời bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, Vô sanh, Duyên giác là bậc nhất, Kinh này cũng như thế, tất cả Như Lai nói hoặc Bồ-tát nói, hoặc Thanh văn nói, trong các kinh pháp là bậc nhất hơn cả, có người thọ trì được Kinh điển này cũng lại như thế, ở trong tất cả chúng sanh cũng là bậc nhất.

Trong tất cả Thanh văn cùng Duyên giác, Bồ-tát là bậc nhất, Kinh này cũng thế, trong tất cả các kinh pháp rất là bậc nhất.

Như Phật là vua của các pháp, Kinh này cũng thế, là vua của các kinh.

Giảng:

Đức Phật nói rằng tất cả các cách bố thí ở trên, không bằng thọ trì kinh Pháp Hoa. Tới đây Phật mới tán thán giá trị của kinh Pháp Hoa sánh với tất cả kinh khác thì kinh Pháp Hoa là bậc nhất, là vua của tất cả kinh.

Chánh văn:

9. Tú Vương Hoa! Kinh này có thể cứu tất cả chúng sanh, Kinh này có thể làm cho tất cả chúng sanh xa rời các khổ não, Kinh này có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh, đầy mãn chỗ mong cầu của chúng, như ao nước trong mát có thể đầy đủ cho những người khát nước, như kẻ lạnh được lửa, như kẻ trần truồng được y phục, như người buôn được chủ, như con gặp mẹ, như qua sông gặp ghe, như người bệnh gặp thầy thuốc, như tối được đèn, như nghèo được của báu, như dân gặp vua, như khách buôn được biển, như đuốc trừ tối. Kinh Pháp Hoa này cũng thế, có thể làm cho chúng sanh xa rời tất cả khổ, tất cả bệnh tật đau đớn, có thể mở sự trăn trói của tất cả sanh tử.

Nếu người được nghe kinh Pháp Hoa này, hoặc chép, hoặc bảo người chép, được công đức, dùng trí tuệ Phật tính lường nhiều ít chẳng thể được ngằn mé đó. Nếu chép Kinh sách này, dùng hoa hương, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan,

lọng, y phục, các thứ đèn: đèn nến, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, đèn dầu chiêm-bặc, đèn dầu tu-mạn-na, đèn dầu ba-la-la, đèn dầu bà-lợi-sư-ca, đèn dầu na-bà-ma-lợi đem cúng dường, được công đức cũng là vô lượng.

Giảng:

Kinh Pháp Hoa có diệu dụng là cứu tất cả khổ ách cho chúng sanh. Chúng sanh nào biết trì tụng kinh Pháp Hoa thì mọi khổ não đều hết sạch. Giống như người khát gặp nước, người đói gặp cơm, người lạnh gặp lửa, người trần truồng gặp y phục, như tối được đèn, nghèo được của báu... Như vậy, kinh Pháp Hoa là bộ Kinh làm cho chúng sanh xa rời mọi khổ não tật bệnh, mở hết mọi sự trói buộc ở trong sanh tử. Tại sao? Vì kinh Pháp Hoa chỉ tri kiến Phật cho mọi người, ai nhận ra và hằng sống với tri kiến Phật thì không còn thấy đói khổ. Tri kiến Phật không phải là thân tứ đại, đã không phải là thân tứ đại thì làm gì có đói, có khát, có lạnh, có nóng...? Nếu không đói, không khát, không lạnh, không nóng, thì đâu có phiền não làm nhân dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Cho nên nói kinh Pháp Hoa cứu tất cả khổ cho tất cả chúng sanh.

Sau đó, Phật nói công đức của kinh Pháp Hoa, người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép thì công đức vô lượng, trí tuệ Phật cũng không thể tính đếm được. Tại sao trí tuệ Phật trùm khắp, mà không thể biết được công đức kinh Pháp Hoa? Chúng ta nhớ trong Thiền tông,

khi nói tới chỗ cứu cánh thì nói chỗ đó mắt Phật nhìn cũng không thấy nữa. Tại sao? Vì chỗ cứu cánh đó không có tướng mạo, bởi không có tướng mạo nên không có con mắt nào thấy được; mắt quỷ thần, mắt chư thiên, kể cả mắt Phật cũng không thấy, chỉ ai ngộ được thì người đó tự biết thôi. Chứ người khác không thể căn cứ trên hình tướng mà thấy được.

Chánh văn:

10. Tú Vương Hoa! Nếu có người nghe phẩm "Dược Vương Bồ-tát Bản Sự" này, cũng được vô lượng vô biên công đức.

Nếu có người nữ nghe phẩm "Dược Vương Bồ-tát Bản Sự" này mà có thể thọ trì, thời sau khi dứt báo thân đàn bà đó không còn thọ lại nữa.

Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe Kinh điển này, đúng như lời mà tu hành, thời khi ở đây chết liền qua cõi An Lạc, chỗ trụ xứ của đức A-di-đà Phật cùng chúng đại Bồ-tát vây quanh, mà sanh trên tòa báu trong hoa sen.

Chẳng còn bị lòng tham dục làm khổ, cũng lại chẳng bị lòng giận dỗi, ngu si làm khổ, cũng lại chẳng bị lòng kiêu mạn ganh ghét các tánh nhơ làm khổ, được thần thông vô sanh pháp nhẫn của Bồ-tát, được pháp nhẫn đó thời nhãn căn thanh tịnh. Do nhãn căn thanh tịnh đó thấy bảy trăm muôn hai nghìn ức na-do-tha hằng hà sa các đức Phật Như Lai.

Bấy giờ, các đức Phật đồng nói khen rằng:

Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Ông có thể ở trong pháp hội của đức Thích-ca-mâu-ni Phật mà thọ trì đọc tụng suy gẫm Kinh này vì người khác nói, ông được công đức vô lượng vô biên, lửa chẳng đốt được, nước chẳng trôi được, công đức của ông, nghìn Phật chung nói chẳng thể hết được. Ông nay đã có thể phá các giặc ma, hoại quân sanh tử, các oán địch khác thảy đều trừ diệt.

Thiện nam tử! Trăm nghìn các đức Phật dùng sức thần thông đồng chung thủ hộ ông, tất cả trời người trong đời không ai bằng ông. Chỉ trừ các đức Như Lai, bao nhiêu thiền định trí tuệ của các Thanh văn, Duyên giác, nhẫn đến Bồ-tát không có ai bằng ông.

Tú Vương Hoa! Vị Bồ-tát đó thành tựu sức công đức trí tuệ như thế.

Giảng:

Đến đây, có điều khiến chúng ta để ý là Phật giảng hơi nghiêng về phái nữ. Như chúng ta đã biết, trong tất cả ái, ái thân là số một, và trong hai phái, phái nữ tình cảm dồi dào, vì vậy nói mẹ thương con như biển cả, chứ không nói cha thương con như biển cả. Thế nên ở đây, nói tới tu hành, phá chấp thân sắc uẩn, thì nhấn mạnh người nữ. Vì người nữ ái thân nặng, nên mới trang điểm thân sắc cho đẹp, người nào trang điểm nhiều là người đó ái thân nhiều, người ít trang điểm

là người đó ái thân ít. Ở đây Phật dạy người nữ nghe phẩm Dược Vương Bản Sự mà thọ trì đọc tụng thì hết báo thân phụ nữ, tức là sạch ái nhiễm. Tại sao? Vì khi ngộ được tri kiến Phật, thấy rõ thân sắc uẩn là huyễn hóa tạm bợ, không còn chấp thân thì ái cái gì? Không chấp và không ái thân thì đâu còn tái sanh làm người nữ nữa. Như vậy, sau khi Phật diệt độ thì người nữ đó sanh về cõi Phật A-di-đà, được tự tại an lạc. Sở dĩ chúng ta đau khổ là do ái ngã, nghe lời nói nặng ngủ không được, là vì cái ngã bị xúc chạm, mất một chút quyền lợi ngủ không ngon, vì ngã sở bị mất mát... tất cả khổ ách đều từ ái ngã mà ra, bây giờ nếu dứt được tâm ái ngã thì không phải ở Cực lạc là gì?

Sau đây Phật nói tiếp, nếu người phá được tâm ái ngã thì không còn bị tham dục làm khổ, không còn bị sân giận làm khổ, không còn bị ngu si làm khổ, không còn bị kiêu mạn ganh ghét làm khổ... Do ái ngã nên mới ngu si, do ái ngã nên mới có tham dục, do ái ngã nên mới giận dữ... Nếu phá được tâm ái ngã thì hết ngu si, hết tham dục, hết sân giận...

Do không còn chấp thân, không còn ái ngã nên không còn sanh tử. Đã không sanh tử thì lửa làm sao đốt, nước làm sao cuốn trôi, nhận chìm? Tất cả oán tặc không làm hại, không làm khổ được, nên nói phá hoại được quân ma sanh tử, các oán địch khác thảy đều trừ diệt.

Tới đây chúng ta thấy hình ảnh đẹp của Bồ-tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến: sau khi đốt thân

sẽ được hoàn thân đẹp thêm, sau khi đốt tay sẽ được hoàn tay đẹp hơn. Như vậy để thấy rằng, khi chúng ta phá chấp sắc thân rồi, thì từ đó về sau được thân đẹp hơn, nên người đương cơ hỏi Phật phép tu để phá sắc ấm là Bồ-tát Tú Vương Hoa.

Chánh văn:

11. Nếu có người nghe phẩm "Dược Vương Bồ-tát Bản Sự" này mà có thể tùy hỷ khen ngợi, thời người đó trong đời hiện tại trong miệng thường thoảng ra mùi thơm hoa sen xanh; trong lỗ chân lông nơi thân thường thoảng ra mùi thơm ngưu đầu chiên-đàn, được công đức như đã nói ở trên.

Tú Vương Hoa! Vì thế ta đem phẩm "Dược Vương Bồ-tát Bản Sự" này chúc lụy cho ông. Năm trăm năm sau khi ta diệt độ phải tuyên nói lưu bố rộng truyền ở cõi Diêm-phù-đề, chớ để dứt mất. Chớ cho hàng ác ma, dân ma, các trời, rồng, dạ-xoa, cưu-bàn-trà v.v... phá khuấy được.

Tú Vương Hoa! Ông phải dùng sức thần thông giữ gìn Kinh này. Vì sao? Vì Kinh này là món lương dược của người bệnh trong cõi Diêm-phù-đề; nếu người có bệnh được nghe kinh này bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Tú Vương Hoa! Nếu ông thấy có người thọ trì Kinh này, phải dùng hoa sen xanh đựng đầy hương bột rải trên người đó. Rải xong nghĩ rằng: "Người này chẳng bao lâu quyết sẽ lấy cỏ trải ngồi nơi

đạo tràng phá các quân ma, sẽ thổi ốc pháp, đánh trống pháp, độ thoát tất cả chúng sanh ra khỏi biển sanh, già, bệnh, chết."

Cho nên người cầu Phật đạo thấy có người thọ trì Kinh điển này, nên phải sanh lòng cung kính như thế.

Giảng:

Đối với phẩm Kinh này, ai mà đầy đủ lòng tin hoặc sanh lòng tùy hỷ, thì người đó châu thân đẹp đẽ, sạch sẽ không có hôi hám dơ dáy. Vì không còn chấp thân, không ái thân, thì đâu có niệm xấu ác bẩn thỉu quy về thân nên ma quái không thể phá được.

Bệnh chung của chúng sanh ở cõi này là chấp ngã, chấp ngã nơi thân sắc uẩn là nặng nhất, mà chấp thân là khổ. Nếu không còn chấp thân thì bệnh khổ đâu còn, không phải thuốc hay là gì? Giả sử như thân đau quằn quại, mà thấy thân là huyễn hóa không thật, thì không bị cái đau chi phối nên không khổ. Nếu còn chấp thân, thương thân, thấy thân bệnh, buồn lo nên khổ. Còn chấp thân là còn bệnh còn khổ. Nếu ứng dụng phẩm này như lời Phật dạy, thì không còn bệnh, không còn già, không còn chết. Đối với bệnh, già, chết thấy như trò đùa, không có tác dụng làm cho người khổ đau. Như vậy, người phá được chấp ngã nơi thân thì người đó được tự tại, người đó sẽ ngồi đạo tràng, và mọi người nên cúng dường các thứ hoa báu. Vì người đó sẽ thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và sẽ nói pháp độ chúng sanh ra khỏi biển sanh, già, bệnh, chết.

Chánh văn:

12. Lúc đức Phật nói phẩm "Dược Vương Bồ-tát Bản Sự" này, có tám muôn bốn nghìn Bồ-tát được pháp "Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn đà-la-ni".

Đức Đa Bảo Như Lai ở trong tháp báu, khen ngài Tú Vương Hoa Bồ-tát rằng:

Hay thay! Hay thay! Tú Vương Hoa! Ông thành tựu bất khả tư nghì công đức mới có thể hỏi đức Thích-ca-mâu-ni Phật việc như thế, làm vô lượng lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Giảng:

Tới đây chúng ta lại có chút nghi vấn: Trước nói Phật Đa Bảo hoàn chỗ cũ, sao bây giờ ngài ở trong tháp khen ngợi Bồ-tát Tú Vương Hoa? Như chúng ta đã biết Phật Đa Bảo là Phật pháp thân, mà Phật pháp thân thì không rời báo thân và hóa thân, nên không lúc nào ngài vắng mặt khi còn nói kinh Pháp Hoa.

Phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự chỉ cho chúng ta một phương thuốc để trị bệnh sanh, già, bệnh, chết. Phương thuốc ấy là *không chấp, không ái thân sắc uẩn, và buông xả kiến chấp hai bên đối đãi*. Đó là vị vua thuốc trên tất cả loài thuốc. Người nào uống được thuốc này thì sẽ được đầy đủ thân sắc vàng, tức là Phật pháp thân hiển hiện. Vậy ai thấy mình chấp ngã, ái ngã nặng, hãy trì tụng phẩm Kinh này thường xuyên. Không lựa là các cô mang thân xác phụ nữ, hễ chấp ngã, ái ngã nhiều,

dù là mang thân nam nhân, vẫn được coi là các cô như phẩm này nói. Đọc kinh Đại thừa, nếu chúng ta chỉ hiểu trên chữ nghĩa thì không thông được lý Phật dạy, thấy như Phật nói chuyện đàn bà con nít đâu đâu, kỳ thật là dạy chúng ta tu rất thực tế.

XXIV- PHẨM DIỆU ÂM BỒ-TÁT

Diệu Âm là tiếng nói hay đẹp nhiệm mầu. Tiếng nói như thế nào là nhiệm mầu? Căn cứ trên nhân tu để được cái quả của một Bồ-tát. Bồ-tát Diệu Âm do nhiều đời nhiều kiếp tu hạnh cúng dường chư Phật âm nhạc và bát báu, nên được tiếng nói nhiệm mầu. Đó là nói theo nghĩa thông thường, còn nói theo lý thì ở phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự khi phá sắc ấm thì Bồ-tát đốt thân và hai tay, vào Sơ địa và Nhị địa Bồ-tát. Giờ đây phẩm Diệu Âm Bồ-tát phá thọ ấm vào Tam địa Tứ địa Bồ-tát. Thọ ấm sâu hơn, nên khó phá.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Thích-ca-mâu-ni Phật từ nhục kế tướng đại nhân phóng ra ánh sáng, và phóng ánh sáng nơi tướng lông trắng giữa chặng mày, soi khắp tám trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa các cõi Phật ở phương đông.

Qua khỏi số cõi đó có thế giới tên Tịnh Quang Trang Nghiêm. Nước đó có Phật hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, được vô lượng vô biên đại chúng Bồ-tát cung kính vây quanh, mà vì chúng nói pháp.

Ánh sáng lông trắng của đức Thích-ca-mâu-ni Phật soi khắp cõi nước đó.

Giảng:

Ở đây Phật phóng quang ở hai chỗ, một là từ nhục kế ở trên đỉnh đầu, hai là ở giữa chặng mày. Như chúng ta đã biết, hào quang được phóng ra từ giữa chặng mày tượng trưng cho trí tuệ không kẹt hai bên. Đó là cái nhân tu hành. Còn hào quang được phóng ra từ nhục kế biểu trưng cho quả giác. Vì nhục kế trên đỉnh đầu là chỗ cao tột của con người, hào quang được phóng ra từ đó là nói lên kết quả tột cùng của sự giác ngộ. Hào quang ở giữa chặng mày là cái nhân giác ngộ, nhân giác và quả giác đồng thời gặp nhau, nên ngang đây tướng của Bồ-tát Diệu Âm vượt hẳn những vị Bồ-tát trước. Bấy giờ Phật phóng quang qua vô số thế giới ở phương đông, có một thế giới tên Tịnh Quang Trang Nghiêm của Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí, cõi nước này được hào quang của Phật rọi soi khắp tất cả.

Chánh văn:

2. Lúc đó, trong nước Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm có một vị Bồ-tát tên là Diệu Âm,

từ lâu đã trồng các cội công đức, cúng dường gần gũi vô lượng trăm nghìn muôn ức các đức Phật, mà đều được trọn nên trí tuệ rất sâu, được môn "Diệu tràng tướng tam-muội", "Pháp hoa tam-muội", "Tịnh đức tam-muội", "Tú vương hý tam-muội", "Vô duyên tam-muội", "Trí ấn tam-muội", "Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn tam-muội", "Tập nhất thiết công đức tam-muội", "Thanh tịnh tam-muội", "Thần thông du hý tam-muội", "Tuệ cự tam-muội", "Trang nghiêm vương tam-muội", "Tịnh quang minh tam-muội", "Tịnh tạng tam-muội", "Bất cộng tam-muội", "Nhật triển tam-muội" v.v... được trăm nghìn muôn ức hằng hà sa các đại tam-muội như thế.

Quang minh của đức Thích-ca-mâu-ni Phật soi đến thân vị Bồ-tát đó, liền bạch cùng đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật rằng:

Thế Tôn! Con phải qua đến cõi Ta-bà để lễ lạy gần gũi cúng dường đức Thích-ca-mâu-ni Phật, cùng để ra mắt ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dõng Thí Bồ-tát, Tú Vương Hoa Bồ-tát, Thượng Hạnh Ý Bồ-tát, Trang Nghiêm Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát.

Khi đó, đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật bảo ngài Diệu Âm Bồ-tát:

Ông chớ có khinh nước Ta-bà sanh lòng tưởng là hạ liệt. Thiện nam tử! Cõi Ta-bà kia cao thấp không bằng, các núi đất đá đầy dẫy sự dơ xấu, thân Phật kém nhỏ, các chúng Bồ-tát thân hình

cũng nhỏ, mà thân của ông cao đến bốn muôn hai nghìn do-tuần, thân của ta sáu trăm tám mươi muôn do-tuần. Thân của ông tốt đẹp thứ nhất, trăm nghìn muôn phước sáng rỡ đẹp lạ, cho nên ông qua đó chớ khinh nước kia, hoặc ở nơi Phật, Bồ-tát cùng cõi nước mà sanh lòng tưởng cho là hạ liệt.

Ngài Diệu Âm Bồ-tát bạch với Phật đó rằng:

Thế Tôn! Con nay qua cõi Ta-bà đều là do sức thần của Như Lai, do thần thông du hý của Như Lai, do công đức trí tuệ trang nghiêm của Như Lai.

Giảng:

Đây nói sở chứng của Bồ-tát Diệu Âm, ngài do tu nhân cúng dường Phật âm nhạc và bát báu nhiều đời nhiều kiếp, nên được đầy đủ vô lượng tam-muội.

Hào quang của Phật Thích-ca soi đến thân của Bồ-tát Diệu Âm, ngài cảm thọ hào quang Phật Thích-ca, liền xin Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đến cõi Ta-bà để lễ Phật Thích-ca và các Bồ-tát. Ở phẩm trước đã phá sắc ấm, phẩm này phá thọ ấm. Thọ ấm thì thuộc về tinh thần. Nếu không xúc chạm, có thọ không? Không. Nếu không có xúc thì không có thọ. Bồ-tát Diệu Âm nhờ hào quang của Phật Thích-ca soi đến thân ngài, ngài tiếp xúc nên có cảm thọ lạc. Song, cõi Ta-bà mà ngài muốn qua là nơi đất không bằng phẳng, nhiều hầm hố gò nổng, chúng sanh thân thì nhỏ, ốm... biểu hiện của khổ đau. Nên khi ngài xin phép được qua đó thì Phật Tịnh Hoa

Tú Vương Trí dặn dò ngài chớ có khinh chê cõi Ta-bà là xấu, rồi tự thấy thân mình là tốt. Thấy như vậy là có thọ khổ và thọ lạc sai biệt. Muốn cho thọ khổ và thọ lạc được bình đẳng, phải dùng trí tuệ quán chiếu cảm thọ do xúc mà có, nó không có tự thể cố định nên không thật. Cảm thọ không thật thì khổ vui làm gì có thật? Đó là phá được thọ ấm.

Bồ-tát Diệu Âm nói ngài qua cõi Ta-bà được là nhờ sức thần và trí tuệ của Phật, chứ không phải khả năng của ngài. Ngài ở nơi cảm thọ được tự tại là do trí tuệ Phật mà được. Như vậy, ở nơi sáu căn đều có lãnh thọ, nhãn căn thì thọ sắc trần, nhĩ căn thì thọ thanh trần, tỹ căn thì thọ hương trần, thiệt căn thì thọ vị trần, thân căn thì thọ xúc trần, ý căn thì thọ pháp trần. Tuy nhiên, căn mà lanh lợi thông nhiếp nhất là nhĩ căn, vì khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, thức, ngủ... tai đều nghe được tiếng. Nên Bồ-tát tượng trưng cho cảm thọ của nhĩ căn tên là Diệu Âm.

Chánh văn:

3. Lúc đó, ngài Diệu Âm Bồ-tát chẳng rời khỏi tòa, thân chẳng lay động mà vào trong tam-muội, dùng sức tam-muội ở nơi núi Kỳ-xà-quật cách pháp tòa chẳng bao xa hóa làm tám muôn bốn nghìn các hoa sen báu: vàng diêm-phù-đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân-thúc-ca-bảo làm đài.

Bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử thấy hoa sen bèn bạch cùng Phật rằng:

Thế Tôn! Đây do nhân duyên gì mà hiện điềm tốt này, có ngần ấy nghìn muôn hoa sen: vàng diêm-phù-đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân-thúc-ca-bảo làm đài?

Khi ấy, đức Thích-ca-mâu-ni Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi rằng:

Đó là Diệu Âm đại Bồ-tát từ cõi nước của đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật muốn cùng tám muôn bốn nghìn Bồ-tát vây quanh mà đến cõi Ta-bà này, để cúng dường gần gũi lễ lạy nơi ta cùng muốn cúng dường nghe kinh Pháp Hoa.

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Vị Bồ-tát đó trồng cội lành gì, tu công đức gì mà có được sức đại thần thông như thế? Tu tam-muội gì? Mong Phật vì chúng con nói danh tự của tam-muội đó. Chúng con cũng muốn siêng tu hành đó. Tu hành môn tam-muội này mới thấy được sắc tướng lớn nhỏ oai nghi tấn chỉ của vị Bồ-tát đó. Cúi mong đức Thế Tôn dùng sức thần thông khi vị Bồ-tát đó đến khiến chúng con được thấy.

Lúc ấy, đức Thích-ca-mâu-ni Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu đây, sẽ vì các ông mà hiện bày thân tướng của Bồ-tát đó.

Tức thời đức Đa Bảo Phật bảo Bồ-tát đó rằng:

Thiện nam tử đến đây! Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử muốn thấy thân của ông.

Giảng:

Bồ-tát Diệu Âm từ trong chánh định hiện ra nơi núi Kỳ-xà-quật, cách nơi nói kinh Pháp Hoa không bao xa, hiện ra hoa sen đẹp nghìn cánh, nhụy, bông, cành, lá, cọng... đều làm bằng vật báu. Bồ-tát Văn-thù thấy hoa sen quý hiện ra, cho đó là điềm lành mới thưa hỏi Phật Thích-ca. Phật Thích-ca cho biết có Bồ-tát Diệu Âm sắp đến. Bồ-tát Văn-thù yêu cầu Phật nói cái nhân tu hành của Bồ-tát Diệu Âm, để các ngài tu theo và thấy được Bồ-tát Diệu Âm. Điều này cho chúng ta thấy Bồ-tát mà được phước tướng trang nghiêm là do tu phước, tu định, tu tuệ... không phải ngẫu nhiên mà có.

Tại sao Phật Thích-ca không chỉ bày thân tướng Bồ-tát Diệu Âm cho thính chúng thấy, mà đợi Phật Đa Bảo gọi, Bồ-tát Diệu Âm mới hiện? Như chúng ta đã biết, thọ vui, thọ khổ là do cảm xúc mà có. Bản chất của cảm thọ là biết, biết khổ biết vui, biết không khổ biết không vui. Do có biết nên nói cảm thọ phát khởi từ tâm chân thật, chứ không phải ở ngoài vào, giống như sóng dậy từ mặt biển. Thế nên Phật Thích-ca không thể chỉ được, mà phải Phật Đa Bảo gọi Bồ-tát Diệu Âm mới hiện. Tức là tâm phải thật thanh tịnh mới thấy thọ từ tự tánh chân thật dấy động, nó là hư giả không thật.

Chánh văn:

4. Bấy giờ, ngài Diệu Âm Bồ-tát nơi cõi nước kia ẩn mặt, cùng với tám muôn bốn nghìn Bồ-tát đồng nhau qua cõi Ta-bà, ở các nước trải qua, sáu điệu vang động, thảy đều rưới hoa sen bằng bảy báu,

trăm nghìn nhạc trời chẳng trỗi tự kêu, mắt của vị Bồ-tát đó như cánh hoa sen xanh rộng lớn. Giả sử hòa hiệp trăm nghìn muôn mặt trăng, diện mạo của ngài tốt đẹp lại hơn nơi đây, thân sắc vàng ròng vô lượng trăm nghìn công đức trang nghiêm, oai đức rất thạnh, ánh sáng chói rực, các tướng đầy đủ như thân Na-la-diên bền chắc.

Ngài vào trong đài thất bảo bay lên hư không cách đất bằng bảy cây đa-la. Các chúng Bồ-tát cung kính vây quanh, mà đồng đến núi Kỳ-xà-quật ở cõi Ta-bà này, đến rồi xuống đài thất bảo, dùng chuỗi ngọc giá trị trăm nghìn, đem đến chỗ đức Thích-ca-mâu-ni Phật, đầu mặt lễ chân Phật dâng chuỗi ngọc lên mà bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật hỏi thăm đức Thế Tôn ít bệnh, ít khổ, đi đứng thơ thới, sở hành an vui chăng? Bốn đại điều hòa chăng? Việc đời nhẫn được chăng? Chúng sanh dễ độ chăng? Không có người nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bỏn sẻn, kiêu mạn chăng? Không kẻ chẳng thảo cha mẹ, chẳng kính Sa-môn, tà kiến tâm chẳng lành, chẳng nhiếp năm tình chăng?

Thế Tôn! Chúng sanh hàng phục được các ma oán chăng? Đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu ở trong tháp bảy báu có đến nghe pháp chăng? Lại hỏi thăm đức Đa Bảo Như Lai: an ổn, ít khổ, kham nhẫn ở lâu được chăng? Thế Tôn! Nay con muốn

thấy thân đức Đa Bảo Phật, cúi mong Thế Tôn chỉ bày cho con được thấy.

Lúc đó, đức Thích-ca-mâu-ni Phật nói với Phật Đa Bảo rằng:

Ông Diệu Âm Bồ-tát này muốn được ra mắt Phật.

Đức Đa Bảo Phật liền nói với Diệu Âm Bồ-tát rằng:

Hay thay! Hay thay! Ông có thể vì cúng dường đức Thích-ca-mâu-ni Phật và nghe kinh Pháp Hoa cùng ra mắt Văn-thù-sư-lợi v.v... nên qua đến cõi này.

Giảng:

Ở đoạn trước đã phá sắc ấm rồi, tới đây là phá thọ ấm thì tế nhị hơn, càng tế nhị là càng đẹp, sáng, bền nên thân Bồ-tát Diệu Âm được diễn tả từ mặt đến mắt, màu da... không có cái đẹp, sáng, bền nào ở thế gian có thể sánh bằng. Sở dĩ thân ngài được như thế là do ngài tu vô lượng công đức và được nhiều tam-muội.

Bồ-tát Diệu Âm và các vị Bồ-tát phương khác đến cõi Ta-bà ra mắt Phật Thích-ca và Phật Đa Bảo. Theo thể thức chung, trước là vấn an Phật, sau là hỏi thăm việc giáo hóa của Phật, chúng sanh có dễ độ không, chúng sanh nghiệp ác nặng nhiều hay ít, có hàng phục được ma oán chăng? Sau nữa Bồ-tát Diệu Âm hỏi thăm Phật Đa Bảo và ngỏ ý muốn gặp Phật Đa Bảo. Phật Thích-ca giới thiệu Bồ-tát Diệu Âm với Phật Đa Bảo. Phật Đa Bảo tùy hỷ việc Bồ-tát Diệu Âm qua cõi Ta-bà, để ra mắt cúng dường Phật Thích-ca cùng nghe kinh Pháp Hoa và để

gặp Bồ-tát Văn-thù. Hình ảnh này nói lên ý nghĩa hành giả sau khi phá sắc ấm, tiếp theo là phá thọ ấm, xoay lại sống với tri kiến Phật hằng hiện hữu.

Chánh văn:

5. Lúc bấy giờ, ngài Hoa Đức Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Ngài Diệu Âm Bồ-tát trồng cội lành gì, tu công đức gì, mà có sức thần thông như thế?

Đức Phật bảo ngài Hoa Đức Bồ-tát:

Thuở quá khứ có Phật hiệu Vân Lôi Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên Hỷ Kiến. Diệu Âm Bồ-tát ở trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường đức Vân Lôi Âm Vương Phật cùng dâng lên tám muôn bốn nghìn cái bát bảy báu. Do nhân duyên quả báo đó nay sanh tại nước của đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, có sức thần như thế.

Hoa Đức! Ý ông nghĩ sao? Thuở đó, nơi chỗ đức Vân Lôi Âm Vương Phật, Diệu Âm Bồ-tát cúng dường kỹ nhạc cùng dâng bát báu lên đó, đâu phải người nào lạ, chính nay là Diệu Âm đại Bồ-tát đây.

Hoa Đức! Diệu Âm Bồ-tát này đã từng cúng dường gần gũi vô lượng các đức Phật, từ lâu trồng cội công đức, lại gặp hằng hà sa trăm nghìn muôn ức na-do-tha đức Phật.

Giảng:

Ở phẩm Dược Vương, Phật nói bố thí quốc thành thê tử là những món ngoại tài, công đức không thể sánh bằng cúng dường thân mạng là nội tài. Tại sao ở đây Bồ-tát Diệu Âm cúng dường âm nhạc và bát bảy báu là hai món ngoại tài, công đức lại thù thắng hơn Bồ-tát Dược Vương? Ý này nếu chúng ta không hiểu thì thấy có cái gì mâu thuẫn. Như trước đã nói, phẩm Diệu Âm Bồ-tát là phần *phá thọ ấm*. Thọ ấm là cảm thọ của sáu căn nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý; trong sáu căn ấy nhãn và nhĩ là đại biểu. Hằng ngày chúng ta đau khổ phần lớn là do thấy và nghe, nghe tiếng khen lời chê, nghe tiếng từ ái hòa nhã... nên có buồn vui. Nếu chúng ta nghe tất cả tiếng, không dấy niệm phân biệt tốt xấu khen chê; khi nghe tiếng, biết mình đang nghe tiếng, không cảm thọ buồn vui, đó là xả thọ, là cúng dường âm nhạc. Bát bằng bảy báu tốt đẹp chỉ cho sắc pháp, mắt tiếp xúc sắc pháp mà không có cảm thọ vui hay buồn, đó là xả sắc tướng, là cúng dường bát báu. Như vậy, mắt thấy sắc tai nghe tiếng; biết rõ sắc tiếng là huyễn hóa không thật, nên tâm không kẹt không dính và không bị nó quấy nhiễu, đó là phá thọ ấm. Trước đốt thân, đốt cánh tay là phá sắc ấm, đây là phá thọ ấm. Thọ ấm từ nơi tâm phát ra khi tiếp với ngoại trần, nên tế nhị và sâu hơn sắc ấm một tầng. Nên đây diễn tả thân tướng Bồ-tát Diệu Âm trang nghiêm hơn thân tướng Bồ-tát Dược Vương.

Chánh văn:

6. Hoa Đức, ông chỉ thấy Diệu Âm Bồ-tát thân hình ở tại đây, mà Bồ-tát đó hiện các thứ thân hình, nơi nơi vì hàng chúng sanh nói Kinh điển này.

Hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Đế-thích, hoặc hiện thân Tự Tại thiên, hoặc hiện thân Đại Tự Tại thiên, hoặc hiện thân Thiên đại tướng quân, hoặc hiện thân Tỳ-sa-môn thiên vương, hoặc hiện thân Chuyển luân thánh vương, hoặc hiện thân các tiểu vương, hoặc hiện thân trưởng giả, hoặc hiện thân cư sĩ, hoặc hiện thân tể quan, hoặc hiện thân Bà-la-môn, hoặc hiện thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc hiện thân phụ nữ của tể quan, hoặc hiện thân phụ nữ của Bà-la-môn, hoặc hiện thân đồng nam đồng nữ, hoặc hiện thân trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân cùng phi nhân v.v... mà nói Kinh này.

Bao nhiêu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các chỗ nạn đều có thể cứu giúp, nhẫn đến trong hậu cung của vua biến làm thân người nữ mà nói Kinh này.

Giảng:

Đây nói lên diệu dụng của Bồ-tát Diệu Âm. Trước phá sắc ấm, thân đã trang nghiêm tự tại rồi, bây giờ phá luôn thọ ấm nữa thì diệu dụng càng tự tại và mạnh mẽ hơn, nên ngài có báo thân đẹp đẽ trang nghiêm. Lại có ứng thân tùy theo sở cầu của chúng sanh, mà thị hiện

giáo hóa cho mọi người biết và nhận ra tri kiến Phật. Như vậy, tùy chúng sanh ở trong loài nào là ngài hiện thân loài ấy để hóa độ; nơi nơi chốn chốn ngài đều ứng thân thị hiện không thiếu vắng. Đó là Bồ-tát tu tới Tam địa trở lên đã có ứng thân. Trước Phật phóng quang từ giữa chặng mày, rồi phóng quang ở trên đảnh, đó là chỉ cho cái dụng của nhân và quả hợp nhau, nên Bồ-tát có thể hiện thân Phật và Phật diệt độ được.

Chánh văn:

7. Hoa Đức! Diệu Âm Bồ-tát này, hay cứu hộ các chúng sanh trong cõi Ta-bà, Diệu Âm Bồ-tát này biến hóa hiện các thứ thân hình như thế ở tại cõi Ta-bà này vì chúng sanh mà nói kinh Pháp Hoa, ở nơi trí tuệ thần thông biến hóa không hề tổn giảm. Vị Bồ-tát này dùng ngần ấy trí tuệ sáng soi cõi Ta-bà, khiến tất cả chúng sanh đều được hiểu biết, ở trong hằng hà sa cõi nước trong mười phương cũng lại như thế.

Nếu chúng sanh đáng dùng thân hình Thanh văn được độ thoát, liền hiện thân hình Thanh văn mà vì đó nói pháp.

Đáng dùng thân hình Duyên giác được độ thoát, liền hiện thân hình Duyên giác mà vì đó nói pháp.

Đáng dùng thân hình Bồ-tát được độ thoát, liền hiện thân hình Bồ-tát mà vì đó nói pháp.

Đáng dùng thân hình Phật được độ thoát, liền hiện thân hình Phật mà vì đó nói pháp.

Theo chỗ đáng độ mà vì chúng hiện các thứ thân hình như thế, nhẫn đến đáng dùng diệt độ mà được độ thoát, liền thị hiện diệt độ.

Hoa Đức! Diệu Âm đại Bồ-tát trọn nên sức đại thần thông trí tuệ, việc đó như thế.

Lúc ấy, ngài Hoa Đức Bồ-tát bạch cùng Phật rằng:

Thế Tôn! Ngài Diệu Âm Bồ-tát sâu trồng căn lành. Thế Tôn! Bồ-tát đó trụ tam-muội gì mà có thể ở các nơi biến hiện thân hình độ thoát chúng sanh như thế?

Phật bảo ngài Hoa Đức Bồ-tát:

Thiện nam tử! Tam-muội đó tên là "Hiện nhất thiết sắc thân. Diệu Âm Bồ-tát trụ trong tam-muội đó có thể nhiêu ích vô lượng chúng sanh như thế.

Giảng:

Bồ-tát Diệu Âm tùy theo sở cầu của chúng sanh mà thị hiện hóa thân Thanh văn, Bồ-tát, Phật để giáo hóa chúng sanh. Bồ-tát Hoa Đức thấy vậy mới hỏi Phật: Bồ-tát Diệu Âm trụ trong tam-muội nào mà hiện được thân như vậy? Phật nói Bồ-tát Diệu Âm trụ trong tam-muội Hiện nhất thiết sắc thân. Tam-muội Hiện nhất thiết sắc thân có nghĩa là người sống được với tri kiến Phật, thấy thọ uẩn chợt có chợt không, vô thường huyễn hóa không thật, nên không chấp thọ uẩn là ngã. Do chấp thọ uẩn là ngã nên bị trói buộc bởi thọ ở mắt, ở tai,

ở mũi, ở lưỡi, ở thân, ở ý, vì vậy không tự tại vô ngại. Giờ đây cảm thọ ở sáu căn đã phá vỡ, chấp thọ là ngã không còn, thể nhập bản thể rộng lớn là pháp thân, mà pháp thân thì có diệu dụng không thể lường, nên ứng hiện thân tự tại không ngại, để hóa độ mọi loài chúng sanh.

Chánh văn:

8. Lúc nói phẩm "Diệu Âm Bồ-tát" này, những Bồ-tát cùng đi chung với Diệu Âm Bồ-tát tám muôn bốn nghìn người đều được "Hiện nhất thiết sắc thân tam-muội". Vô lượng Bồ-tát trong cõi Ta-bà này cũng được tam-muội đó và đà-la-ni.

Khi ngài Diệu Âm đại Bồ-tát cúng dường đức Thích-ca-mâu-ni Phật và tháp của đức Đa Bảo Phật xong rồi, trở về bổn độ, các nước trải qua đều sáu điệu vang động, rưới hoa sen báu, trỗi trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc, đã đến bổn quốc cùng tám muôn bốn nghìn Bồ-tát vây quanh đến chỗ đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật mà bạch rằng:

Thế Tôn! Con đến cõi Ta-bà lợi ích chúng sanh, ra mắt đức Thích-ca-mâu-ni Phật và ra mắt tháp đức Đa Bảo Phật lễ lạy cúng dường, lại ra mắt Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Đắc Cần Tinh Tấn Lực Bồ-tát, Dõng Thí Bồ-tát, cũng làm cho tám muôn bốn nghìn vị Bồ-tát này được "Hiện nhất thiết sắc thân tam-muội.

Lúc nói phẩm "Diệu Âm Bồ-tát lai vãng" này, bốn muôn hai nghìn vị thiên tử được vô sanh pháp nhẫn. Hoa Đức Bồ-tát được Pháp Hoa tam-muội.

Giảng:

Bồ-tát Diệu Âm do cảm thọ hào quang của Phật Thích-ca, nên đến cõi Ta-bà lễ ngài và Phật Đa Bảo, cùng thăm viếng các vị Bồ-tát ở cõi này. Làm Phật sự xong, Bồ-tát Diệu Âm trở về bản quốc. Các vị Bồ-tát theo ngài và những vị Bồ-tát ở cõi Ta-bà đều được chánh định Hiện sắc thân tam-muội, số đông thiên tử thì được vô sanh pháp nhẫn. Bồ-tát Hoa Đức thì được Pháp Hoa tam-muội. Tất cả đều nhờ duyên phước nghe Phật nói Bồ-tát Diệu Âm vãng lai.

Như trước đã nói, cảm thọ là do ngoại trần xúc chạm với nội căn, nếu ngoại trần hết xúc chạm với nội căn thì cảm thọ hết. Ý nghĩa trên biểu trưng qua hình ảnh Bồ-tát Diệu Âm vãng lai. Ngài từ phương xa đến xong việc rồi đi, không thường trụ. Cảm thọ là vô thường nếu chúng ta dùng trí tuệ thấy rõ nó không lầm, thì sẽ được cái chân thường, không còn bị chi phối bởi khổ vui nữa. Nếu chúng ta còn kẹt trong khổ vui tạm bợ, thì không bao giờ thấy được cái chân thường. Đối với sắc ấm, phá nó đã là khó, bây giờ xả thọ ấm lại càng khó hơn, vì nó thuộc về tâm vi tế hơn nên khó xả. Thí dụ như chân bị đạp gai, nhổ gai xong, xức thuốc ít hôm lành, là hết cái khổ đau nhức nơi thân. Nhưng bị vu khống chúng ta thấy đó là sỉ nhục, nên tâm bất an, nhớ hoài, buồn dai dẳng khó quên. Thế nên cảm thọ tuy vi tế, song khó phá.

Cái nhân tu và quả chứng liên hệ mật thiết không rời nhau. Tu, thiết yếu là phải thực hành cho được những điều Phật và Bồ-tát đã hành và dạy cho chúng ta. Phần nhập tri kiến Phật là phần thực hành, nên Phật nói lên công hạnh của các vị Bồ-tát để cho chúng sanh theo đó mà tu.

XXV- PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ MÔN

Quán là xem xét, Thế Âm là âm thanh của thế gian. Quán Thế Âm là xem xét âm thanh thế gian, tiêu biểu cho lòng từ bi của Bồ-tát. Ngài lắng nghe tiếng kêu than của chúng sanh, khởi lòng thương xót đến cứu độ cho hết khổ. Phổ Môn là cái cửa thông suốt khắp tất cả. Bồ-tát Quán Thế Âm tu hạnh từ bi, hay lắng nghe tiếng kêu than của chúng sanh mà hiện thân để hóa độ. Phương tiện hóa độ của ngài là cửa pháp thông suốt khắp tất cả, ai ai cũng có thể vào tu, không giới hạn. Mục đích của phẩm này là phá tưởng ấm vào Ngũ địa và Lục địa Bồ-tát.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bày vai hữu, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng:

Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ-tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?

Phật bảo ngài Vô Tận Ý Bồ-tát:

Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ-tát này, một lòng xưng danh. Quán Thế Âm Bồ-tát tức thời xem xét tiếng tăm kia, đều được giải thoát.

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức oai thần của Bồ-tát này vậy.

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ-tát này liền được chỗ cạn.

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu các thứ báu, nên vào trong biển lớn, giả sử gió đen thổi ghe thuyền của kia trôi tấp nơi nước quỷ la-sát, trong ấy nếu có nhẫn đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thời các người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ la-sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế Âm.

Giảng:

Phẩm này, người đương cơ đứng ra thưa hỏi là Bồ-tát Vô Tận Ý. Vô Tận Ý là ý tưởng không cùng, không dứt. Tại sao Bồ-tát mà ý nhiều như vậy? Như đã nói, phẩm này là phá tưởng ấm. Ý tưởng của chúng sanh có trăm ngàn muôn ức thứ, cái gì cũng nghĩ tưởng được, nên nói

là Vô Tận Ý. Nhưng nếu niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát thì mọi nghĩ tưởng dừng lặng là hết khổ. Chỗ này nếu chúng ta không hiểu rõ sẽ lầm. Trong kinh Nhật Tụng phẩm Phổ Môn được liệt vào kinh Cầu An, ai đau bệnh tụng phẩm này cầu cho an ổn. Vậy phẩm Phổ Môn có phải để cầu an không? Trong phẩm này Phật nói lên bản sự của Bồ-tát. Bồ-tát Quán Thế Âm ở đời quá khứ, ngài khởi tâm từ bi tu hạnh quán xét tiếng kêu than của chúng sanh ở thế gian, mà hiện thân đến cứu độ cho mọi loài hết đau khổ. Nếu chúng ta cứ dựa trên chữ nghĩa hình tướng thì ngang đây bị kẹt lớn. Như câu: *Có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức oai thần của Bồ-tát này vậy*. Quý vị học phẩm này có tin lời Phật nói không? Đệ tử Phật mà không tin Phật thì tin ai? Vậy nếu có người nhóm một đống củi đốt lửa cháy hừng hực, bảo quý vị niệm Quán Thế Âm Bồ-tát và đi vào đống lửa đó, xem thân quý vị có cháy không? Nếu thân quý vị bị cháy nám thì lời Phật nói không đúng. Quý vị nghĩ sao đây?

Lại một đoạn nữa: *Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm liền được chỗ cạn*. Như vậy những người đi biển, thuyền chìm niệm danh hiệu Bồ-tát, tất cả đều gặp chỗ cạn, hay cũng có người chết chìm? Những sự việc này nếu hiểu theo sự tướng thì thấy chống trái, còn hiểu theo lý tánh, như theo kinh Thủ-lăng-nghiêm, Phật nói Bồ-tát Quán Âm tu hạnh *Phản văn văn tự tánh*, tức là xoay lại nghe tánh nghe của mình. Tánh nghe là cái thể chân thật của mỗi người,

không có tướng mạo, không có hình dáng. Đã không có hình dáng tướng mạo thì lửa nào thiêu được, nước nào nhận chìm được? Nên nói niệm Quán Âm tức là lắng nghe tánh nghe của chính mình, thì mọi chướng nạn của lửa nước đều qua khỏi.

Lại một đoạn nữa: *Có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng bạc, lưu ly... vào biển lớn, giả sử gió đen thổi ghe thuyền họ trôi tấp nơi nước quỷ la-sát, nếu có một người trong đó xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thời các người đó đều thoát khỏi nạn quỷ la-sát*. Chuyện này phải hiểu như thế nào? Xưa có một vị tướng công, tới hỏi đạo một thiền sư, ông nêu câu chuyện trên và hỏi rằng:

- Thế nào là hắc phong?

Thiền sư bình tĩnh nói rằng:

- Ông là một vị tướng công mà đi hỏi vớ vẩn như vậy sao? Vị tướng công nghe chê mình nên nổi tức, mặt đỏ gay. Thiền sư chỉ:

- Đó, hắc phong đó.

Vậy hắc phong là gì? Thiền sư không nói hắc phong là gió ào ào mây đen kéo mù mịt, mà nói hắc phong là cơn sân giận của con người. Sân giận nổi lên tự mình chịu khổ họa, lại còn gây khổ lụy cho người khác. Thí dụ ông A vô cớ kêu tên ông B chửi. Ông B nổi sân, xông tới đánh đập ông A. Ông A bị đánh đau liền đánh lại ông B. Đó là ông B bị hắc phong thổi phiêu bạt tới cõi nước la-sát, bị quỷ la-sát hại rồi. Nếu ông B vừa nổi sân,

biết mình đang sân, liền niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, cơn sân giận lắng dịu lần rồi hết, đâu có đánh ông A và bị ông A đánh lại. Như vậy, không phải Bồ-tát Quán Âm cứu ông B thoát nạn quỷ la-sát là gì? Hiểu như thế mới thực tế. Chứ trong lục địa cũng như hải đảo ngoài biển khơi, đảo nào ở đâu, có người ở hay không có người ở, có quỷ hay không có quỷ, mọi người đều biết hết. Vậy nước la-sát nằm ở vị trí nào trên quả địa cầu này? Như vậy, hắc phong và nước quỷ la-sát biểu trưng cho lòng sân giận của con người dấy khởi, rồi con người theo đó mà tạo nghiệp ác thọ quả báo khổ đau. Còn Quán Thế Âm Bồ-tát là biểu trưng lòng từ bi, lòng từ bi khởi lên thì sân giận tiêu tan, nên nói bị hắc phong thổi phiêu bạt đến cõi nước la-sát, niệm danh hiệu Quán Thế Âm thì không bị hại là vậy.

Chánh văn:

2. Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thời dao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy được thoát khỏi.

Nếu quỷ dạ-xoa cùng la-sát đầy trong cõi tam thiên đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thời các quỷ dữ đó còn không có thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được.

Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, thảy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi tam thiên đại thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều của báu, trải qua nơi đường hiểm trở, trong đó có một người xướng rằng: "Các thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, vị Bồ-tát đó hay đem pháp vô úy thí cho chúng sanh, các ông nếu xưng danh hiệu thời sẽ được thoát khỏi oán tặc này."

Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát!" Vì xưng danh hiệu Bồ-tát nên liền được thoát khỏi.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát sức oai thần cao lớn như thế.

Giảng:

Đoạn này nói người bị nạn niệm danh hiệu Quán Thế Âm sẽ được thoát nạn. Như người sắp bị hại bằng dao gậy, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thời dao gậy gãy ra từng khúc. Nếu người bị vô số quỷ la-sát đến hại, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thời quỷ không dám dùng mắt để nhìn huống là hại. Hoặc người bị xiềng xích trói thân, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, xiềng xích liền đứt rã. Hoặc những người đi buôn gặp oán tặc, niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, sẽ được Bồ-tát ban cho pháp vô úy, thoát khỏi oán tặc. Đó là công hiệu của người niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Đây nói Bồ-tát Quán Thế Âm hay bố thí pháp vô úy, vô úy là không sợ. Phần nhiều mọi khổ đau đều phát nguồn từ lòng sợ hãi, sợ đói, sợ khát, sợ bệnh, sợ chết... Lúc sợ thì bồn chồn, lo âu, kinh hãi, ăn ngủ không được,

khổ não hiện ra ngay lúc sợ. Sợ là do tưởng mới có nên người bất thần đạn lạc bay tới trúng thì không sợ, nhưng có người chĩa họng súng trước mình thì sợ run lên. Như vậy, sợ là do tưởng tượng mà ra, và khổ do sợ mà có. Tưởng tượng nhiều là sợ nhiều, sợ nhiều là khổ nhiều, Bồ-tát Quán Thế Âm cứu khổ là làm cho chúng sanh hết sợ, gọi là thí pháp vô úy. Thí dụ chúng ta mộng thấy ma nhát, chúng ta sợ hãi, lúc đó liền nhớ niệm danh hiệu Quán Thế Âm, thì ma biến mất. Do chúng ta có tưởng điên đảo, nên phóng hiện ra ma quái rồi sợ. Khi sợ, chợt tỉnh niệm Quán Thế Âm thì những niệm điên đảo tiêu tan, hết sợ hãi nên an ổn. Đó là Bồ-tát Quán Thế Âm thí pháp vô úy. Cao hơn một bậc, niệm danh hiệu Quán Thế Âm là trở về tri kiến Phật là cái thể không hình tướng, không có hình tướng làm sao hại được mà sợ. Do đó mọi hiểm nguy đều hóa giải.

Chánh văn:

3. Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, liền được ly dục.

Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, liền được lìa lòng giận.

Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, liền được lìa ngu si.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát có những sức oai thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, liền sanh con trai phước đức trí tuệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái có tướng xinh đẹp, vì trước đã trồng cội phước đức, mọi người đều kính mến.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát có sức thần như thế.

Giảng:

Chúng ta thấy, nếu chúng sanh nào khởi niệm tham dục, liền niệm danh hiệu Quán Thế Âm, thì tham dục lặng xuống không còn. Nếu nổi giận, niệm Quán Thế Âm, cơn giận lần lần lắng dịu và hết. Nếu ngu si nghĩ tưởng điên đảo, niệm danh hiệu Quán Thế Âm, tâm an định tỉnh sáng, lìa được ngu si. Sở dĩ được như vậy là do biết xoay lại sống với tri kiến Phật thanh tịnh sáng suốt nên lìa được tham, sân, si.

Sau đây nói người nữ muốn sanh con trai, con gái, cúng dường lễ lạy Bồ-tát Quán Thế Âm thì được thành tựu như ý muốn. Điều này lâu nay chúng ta hiểu trên chữ nghĩa nên bị kẹt, nhất là tu sĩ phái nữ, thấy các nữ Phật tử mang thai, hay khuyên các cô niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Có một nữ Phật tử ở gần chùa tín ngưỡng rất sâu đậm, cô có thai, ngỏ ý mong được sanh con trai. Nên cô ni ở chùa dạy cho cô Phật tử niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm để được sanh con trai. Cô Phật tử nghe lời niệm rất chí thành, nhưng tới ngày sanh thì sanh con gái. Cô Phật tử đi kiện, cô ni không biết giải quyết thế nào, cứ lánh mặt hoài. Thật là cái họa của người không hiểu lý kinh. Ở đây Phật nói muốn cầu con trai

được con trai, cầu con gái được con gái, là nói lên công đức không thể nghĩ bàn của người niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Do công đức thù thắng không thể nghĩ bàn, nên mọi việc được như ý không trái không nghịch. Nếu nói xa hơn, niệm Bồ-tát Quán Thế Âm là xoay lại với tánh nghe của mình, tức là trở về với tri kiến Phật thì mọi sự việc đều được như ý. Tri kiến Phật còn gọi là Châu như ý.

Chánh văn:

4. Nếu có chúng sanh cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ-tát, thời phước đức chẳng luống mất. Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ-tát, lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam tử, thiện nữ nhân đó có nhiều chăng?

Vô Tận Ý thưa:

Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật nói:

"Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, nhẫn đến một thời lễ lạy cúng dường, thời phước của hai người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn muôn ức kiếp không thể cùng tận.

Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát được vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế.

Giảng:

Phật so sánh công đức người niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm với người niệm và cúng dường vô số Bồ-tát khác, thì công đức hai người ngang nhau và nhiều vô tận. Tại sao thế? Vì niệm vô số danh hiệu của Bồ-tát khác cốt là trở về với tri kiến Phật, còn niệm một danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm cũng trở về với tri kiến Phật. Như vậy, đứng trên danh từ thì có sai khác, nhưng đứng trên lý tánh thì niệm một danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm hay niệm vô số danh hiệu Bồ-tát khác, đều bình đẳng không sai biệt. Vì niệm là nhớ sống với tri kiến Phật, chứ không phải niệm suông ngoài miệng để rồi chấp câu chấp lời.

Chánh văn:

5. Ngài Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ-tát dạo đi trong cõi Ta-bà như thế nào? Nói pháp cho chúng sanh như thế nào? Sức phương tiện việc đó như thế nào?

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ-tát:

Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật được độ thoát, thời Quán Thế Âm Bồ-tát liền hiện thân Phật mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Duyên giác được độ thoát, liền hiện thân Duyên giác mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thanh văn được độ thoát, liền hiện thân Thanh văn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Phạm vương được độ thoát, liền hiện thân Phạm vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đế-thích được độ thoát, liền hiện thân Đế-thích mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tự Tại thiên được độ thoát, liền hiện thân Tự Tại thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Đại Tự Tại thiên được độ thoát, liền hiện thân Đại Tự Tại thiên mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Thiên đại tướng quân được độ thoát, liền hiện thân Thiên đại tướng quân mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ-sa-môn được độ thoát, liền hiện thân Tỳ-sa-môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân tiểu vương được độ thoát, liền hiện thân tiểu vương mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân trưởng giả được độ thoát, liền hiện thân trưởng giả mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân cư sĩ được độ thoát, liền hiện thân cư sĩ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân tể quan được độ thoát, liền hiện thân tể quan mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Bà-la-môn được độ thoát, liền hiện thân Bà-la-môn mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được độ thoát, liền hiện thân

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà-la-môn được độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ được độ thoát, liền hiện thân đồng nam, đồng nữ mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân cùng phi nhân được độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói pháp.

Người đáng dùng thân Chấp Kim Cang thần được độ thoát, liền hiện Chấp Kim Cang thần mà vì đó nói pháp.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, dạo đi trong các cõi nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát.

Quán Thế Âm Bồ-tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban sự vô úy, cho nên cõi Ta-bà này đều gọi ngài là vị "Thí vô úy".

Giảng:

Đây nói về ứng thân của Bồ-tát, khi Bồ-tát phá được sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, thì có được cái dụng ứng hóa thân để độ sanh không thể nghĩ bàn. Nếu chúng sanh

có duyên phước, cảm thông được lòng từ bi của Bồ-tát, thì ngài tùy theo ước nguyện của chủng loại chúng sanh mà thị hiện để hóa độ cho hết khổ, đó là trên mặt sự. Xưa, khi tôi còn đi giảng, có ông Phó quận Lộc Ninh tên Triền đứng ra tổ chức, mời tôi và thượng tọa Huyền Vi lên đó giảng, ông hỏi tôi:

- Thưa Thầy, mình thành tâm cầu nguyện Bồ-tát Quán Âm, ngài có ứng hiện không?

Tôi hỏi:

- Theo đạo hữu thì thấy sao?

- Tôi tin chắc, ngài có ứng hiện.

Rồi ông kể cho tôi nghe, ông có một đứa con khoảng mười ba, mười bốn tuổi bệnh nặng, đưa đi bệnh viện Đồn Đất chữa trị khoảng nửa tháng. Bệnh không giảm, bác sĩ bó tay, bảo ông đem nó về nhà, nếu không sẽ chết trong bệnh viện. Ông chở về nhà. Tuyệt vọng, không biết phải chạy chữa như thế nào, chỉ thành tâm cầu nguyện Bồ-tát Quán Thế Âm. Đêm đó ông ngủ thấy Bồ-tát Quán Thế Âm hiện, ngài đứng trên hoa sen trước mặt ông bảo:

- Ngươi nên sai người đi về hướng bắc rước thầy thuốc về trị, con ngươi sẽ lành bệnh.

Khi thức giấc ông nhớ rõ ràng hình dáng Bồ-tát Quán Thế Âm ứng hiện. Sáng ra cho người đi về hướng bắc tìm gặp thầy thuốc, mời về nhà xem mạch hốt thuốc, con ông uống chỉ có ba thang là hết bệnh. Từ đó, ông lập bàn thờ Bồ-tát Quán Thế Âm, tin Tam bảo và rước

chúng tôi giảng đạo. Trên sự tướng, chúng ta thấy có thành tâm cầu nguyện thì có cảm ứng. Song cảm ứng còn tùy duyên phước của mỗi người, chứ không phải ai ai cũng như vậy. Cũng như mặt trăng trên không, chỉ hiện bóng khi trời trong và chỗ có nước, nếu trời nhiều mây, không nước thì mặt trăng không hiện; chẳng phải Bồ-tát đến với người này mà không đến với người kia. Trên mặt lý, khi không còn chạy theo vọng niệm điên đảo, xoay lại sống với tri kiến Phật là cái thanh tịnh sáng suốt, thì có việc gì mà chướng ngại trái ngăn không như ý? Vậy lý sự phải viên dung.

Chánh văn:

6. Vô Tận Ý Bồ-tát bạch Phật:

Thế Tôn! Con nay phải cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát.

Liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lượng vàng, đem trao cho ngài Quán Thế Âm mà nói rằng:

Xin ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này.

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ-tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm Bồ-tát rằng:

Xin ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này.

Bấy giờ, Phật bảo Quán Thế Âm Bồ-tát:

Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ-tát này và hàng

tứ chúng cùng trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó.

Tức thời Quán Thế Âm Bồ-tát thương hàng tứ chúng và trời, rồng, nhân và phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó chia làm hai phần: một phần dâng đức Thích-ca-mâu-ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa Bảo.

- Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ-tát có sức thần tự tại như thế, dạo đi nơi cõi Ta-bà.

Lúc đó, ngài Vô Tận Ý Bồ-tát nói kệ hỏi Phật rằng:

7. Thế Tôn đủ tướng tốt!
Con nay lại hỏi kia
Phật tử nhân duyên gì
Tên là Quán Thế Âm?
Đấng đầy đủ tướng tốt
Kệ đáp Vô Tận Ý:
Ông nghe hạnh Quán Âm
Khéo ứng các nơi chỗ
Thệ rộng sâu như biển
Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn
Hầu nhiều nghìn ức Phật
Phát nguyện thanh tịnh lớn.
Ta vì ông lược nói
Nghe tên cùng thấy thân

Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các cõi.
Giả sử sanh lòng hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc trôi giạt biển lớn
Các nạn quỷ, cá, rồng
Do sức niệm Quán Âm
Sóng mòi chẳng chìm được.
Hoặc ở chót Tu-di
Bị người xô rớt xuống
Do sức niệm Quán Âm
Như mặt nhật treo không.
Hoặc bị người dữ rượt
Rớt xuống núi kim cang
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng tổn đến mảy lông.
Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm dao làm hại
Do sức niệm Quán Âm
Đều liền sanh lòng lành.
Hoặc bị khổ nạn vua
Khi hành hình sắp chết
Do sức niệm Quán Âm

Dao liền gãy từng đoạn.
Hoặc tù cấm xiềng xích
Tay chân bị gông cùm
Do sức niệm Quán Âm
Tháo rã được giải thoát
Nguyền rủa, các thuốc độc
Muốn hại đến thân đó
Do sức niệm Quán Âm
Trở hại nơi bổn nhân.
Hoặc gặp la-sát dữ,
Rồng độc, các loài quỷ
Do sức niệm Quán Âm
Liền đều không dám hại.
Hoặc thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Do sức niệm Quán Âm
Vội vàng bỏ chạy thẳng.
Rắn độc cùng bò cạp
Hơi độc khói lửa đốt
Do sức niệm Quán Âm
Theo tiếng tự bỏ đi.
Mây sấm nổ sét đánh
Tuôn giá, xối mưa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Liền được tiêu tan cả.

Chúng sanh bị khổn ách
Vô lượng khổ bức thân
Quán Âm sức trí diệu
Hay cứu khổ thế gian
Đầy đủ sức thần thông
Rộng tu trí phương tiện
Các cõi nước mười phương
Không cõi nào chẳng hiện.
Các loài trong đường dữ:
Địa ngục, quỷ, súc sanh
Sanh, già, bệnh, chết khổ
Lần đều khiến dứt hết.
Chân quán, thanh tịnh quán,
Trí tuệ quán rộng lớn,
Bi quán và từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Sáng thanh tịnh không nhơ
Tuệ nhật phá các tối
Hay tiêu tai khói lửa
Khắp soi sáng thế gian.
Lòng bi răn như sấm
Ý từ diệu dường mây
Xối mưa pháp cam lồ
Dứt trừ lửa phiền não.
Cãi kiện qua chỗ quan,

Trong quân trận sợ sệt
Do sức niệm Quán Âm
Cừu oán đều lui tan.
Diệu âm, Quán thế âm
Phạm âm, Hải triều âm
Tiếng hơn thế gian kia,
Cho nên thường phải niệm.
Niệm niệm chớ sanh nghi
Quán Âm bậc tịnh thánh
Nơi khổ não nạn chết
Hay vì làm nương cậy.
Đủ tất cả công đức
Mắt lành trông chúng sanh
Biển phước lớn không lường
Cho nên phải đảnh lễ.

Giảng:

Khi Bồ-tát Vô Tận Ý biết được công hạnh của Bồ-tát Quán Thế Âm, ngài liền phát tâm cúng dường chuỗi ngọc. Bồ-tát Quán Thế Âm không nhận, Phật bảo ngài nên vì tứ chúng mà nhận chuỗi ngọc. Ngài vâng lời Phật nhận chuỗi ngọc chia hai, một phần cúng dường Phật Thích-ca, một phần cúng dường Phật Đa Bảo. Qua hình ảnh này khiến chúng ta nghi vấn: Các Bồ-tát thì thân hình mập mạp to lớn, trang sức bằng ngọc ngà châu báu; trong khi đó, những vị A-la-hán thì thân hình khô gầy. Đồng thời là đệ tử Phật, học tu theo pháp Phật,

tại sao người thì trang nghiêm đẹp đẽ, người thì khổ hạnh ốm gầy? Như chúng ta đã biết, Bồ-tát thì tu theo hạnh tự lợi lợi tha, nên phải vui vẻ cởi mở để cho chúng sanh dễ dàng kết duyên. Các ngài do hạnh lợi tha nên có muôn đức trang nghiêm, vì vậy mà thân đẹp đẽ. Còn các vị A-la-hán với hạnh nguyện tu cốt cho hết phiền não, để được giải thoát cho mình, nên có dáng khắc khổ đăm chiêu, thiếu phần lợi tha nên chưa đủ muôn hạnh để trang nghiêm thân cho tươi đẹp. Bồ-tát Quán Thế Âm với hạnh từ bi, ban cho chúng sanh mọi điều lợi ích, chứ không nhận của người, vì nhận là vị kỷ chứ không phải vị tha. Lúc đầu, ngài không nhận chuỗi anh lạc của Bồ-tát Vô Tận Ý, sau ngài nhận là vì lòng từ bi chứ không phải do lòng ích kỷ. Khi nhận xong, lại cúng dường cho Phật Thích-ca và Phật Đa Bảo. Việc làm này của Bồ-tát Quán Thế Âm cho thấy Bồ-tát làm mọi công tác Phật sự đều hướng về Phật mà làm, và được thành quả cũng hướng về Phật mà dâng, chứ không phải vì tư kỷ mà làm.

Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn dạy cho chúng sanh phá tưởng ấm. Khi nhập được tri kiến Phật thì hết tưởng ấm, mà hết tưởng là hết khổ thì tự tại vô ngại. Vì vậy Bồ-tát Vô Tận Ý khuyên chúng ta nên niệm và đảnh lễ Bồ-tát Quán Thế Âm.

Chánh văn:

8. Bấy giờ, ngài Trì Địa Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng:

Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm "Quán Thế Âm Bồ-tát đạo nghiệp tự tại, Phổ Môn

thị hiện sức thần thông" này, thời phải biết công đức người đó chẳng ít.

Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sanh đều phát tâm Vô đẳng đẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Từ trước chúng ta không nghe tên Bồ-tát Trì Địa, bây giờ ngẫu nhiên ngài xuất hiện nói rằng: *Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát đạo nghiệp tự tại, Phổ Môn thị hiện sức thần thông này, thời phải biết công đức của người đó chẳng ít*. Bồ-tát Trì Địa là vị Bồ-tát gìn giữ quả đất, tức là cõi Ta-bà này, ngài nói: Nếu mọi người ở cõi Ta-bà này thuận theo pháp tu của Bồ-tát Quán Thế Âm thì sẽ được kết quả là thần thông tự tại, công đức rất lớn. Sở dĩ được như thế là do công hạnh tu *Phản văn văn tự tánh*, là xoay lại nghe tánh nghe của mình, nghĩa là khi nghe âm thanh bên ngoài, không để tâm phân biệt chạy theo tiếng hay tiếng dở. Trái lại khi nghe âm thanh liền nhớ mình có tánh nghe luôn luôn hiện hữu, không đuổi theo tiếng hay tiếng dở, tâm được thanh tịnh thì trí tuệ hằng sáng soi, công đức đầy đủ, từ đó mà khởi phát diệu dụng. Đây là pháp tu chung ở cõi Ta-bà này nên nói là Phổ Môn.

XXVI- PHẨM ĐÀ-LA-NI

Dhāraṇī (đà-la-ni) là tiếng Phạn, nghĩa là tổng trì, là gom lại tất cả để gìn giữ, cũng là thần chú. Chủ yếu phẩm này là phá hành ấm, vào Thất địa và Bát địa Bồ-tát. Hành ấm là niệm rất vi tế không hiện rõ như tưởng ấm.

Thần chú là những lời nói nhiệm mầu, khi nghe hay đọc chúng ta không thể khởi niệm suy tư về ý nghĩa của thần chú được. Nên khi đọc thần chú tâm bình thản an nhiên, gọi là trừ cái lặng lẽ vi tế của hành ấm. Thông thường người tu khi phá tưởng ấm, hết vọng tưởng ngỡ rằng tâm mình đã thanh tịnh nên không có ý tiến lên, bèn an trú trong đó. Hàng Nhị thừa cho đó là Niết-bàn. Thiền tông biểu trưng trạng thái này qua bức tranh thứ tám trong mười bức tranh chăn trâu, người chăn và trâu không còn, gọi đó là đầu sào trăm trượng. Mút đầu sào phải nhảy qua mới là người anh kiệt, nếu kẹt ở đó là bị

chìm trong cái lặng lẽ. Vì người tu tới đây hay bị kẹt, không biết làm sao tiến nữa nên phải nhờ sức gia hộ của Phật và Bồ-tát để vượt qua chỗ này. Thần chú là biểu trưng cho sức gia hộ của Phật và Bồ-tát để phá hành ấm. Nếu không hiểu mà cho rằng thần chú để cứu nạn cứu khổ thì không đúng.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Dược Vương Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai hữu chắp tay hướng Phật mà bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hay thọ trì được kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng thông lẹ, hoặc biên chép quyển kinh, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo ngài Dược Vương:

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường tám trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa các đức Phật. Ý ông nghĩ sao? Người đó được phước đức có nhiều chăng?

Thưa Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật nói:

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân ở nơi Kinh này có thể thọ trì nhẫn đến một bài kệ bốn câu, đọc tụng giải nghĩa, đúng như lời mà tu hành thời công đức rất nhiều.

Giảng:

Đây lặp lại một lần nữa, người trì kinh Pháp Hoa hay sống với tri kiến Phật, thì công đức không thể tính kể, nếu sánh với người làm phước hữu lậu, thì phước hữu lậu không thể sánh bằng. Nên nói rằng đọc tụng thọ trì chừng bốn câu và giải nghĩa, đúng như lời mà tu hành thì công đức không thể tính kể. Đó là mở màn Phật và Bồ-tát ủng hộ người nói kinh Pháp Hoa.

Chánh văn:

2. Lúc đó, ngài Dược Vương Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Con nay sẽ cho người nói kinh Pháp Hoa chú đà-la-ni để giữ gìn đó.

Liền nói chú rằng:

An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ, chỉ lệ, già lê đệ, xa mế, xa lý đa vĩ, chuyên đế, mục đế, mục đa lý, ta lý, a vĩ ta lý, tang lý, ta lý, xoa duệ, a xoa duệ, a kỳ nhị, chuyên đế, xa lý, đà la ni, a lư già bà ta ky dá tỳ xoa nhị, nễ tỳ thế, a tiện đa la nễ lý thế, a đàn đá ba lệ thâu địa, âu cứu lệ, mâu cứu lệ, a la lệ, ba la lệ, thủ ca sai, a tam ma tam lý, Phật đà tỳ kiết lợi điệt đế, đạt ma ba lợi sai đế, tăng già niết cù sa nễ, bà xá bà xá thâu địa, mạn đá lã, mạn đá lã xoa dạ đa, bưu lâu đá, bưu lâu đá kiêu xá lược, ác xoa lã, ác xoa dã đa dã, a bà lư, a ma nhã na đa dạ.

Thế Tôn! Thần chú đà-la-ni này là của sáu mươi hai ức hằng hà sa các đức Phật nói. Nếu có

người xâm hủy vị Pháp sư này, thời là xâm hủy các đức Phật rồi.

Lúc đó, đức Thích-ca-mâu-ni Phật khen Dược Vương Bồ-tát rằng:

Hay thay! Hay thay! Dược Vương! Ông thương xót muốn ủng hộ vị Pháp sư đó, nên nói chú đà-la-ni này, được nhiều lợi ích ở nơi các chúng sanh.

Giảng:

Thần chú này là của chư Phật chứ không phải của Bồ-tát, vì thương xót và ủng hộ vị Pháp sư mà nói thần chú để giúp cho người tu phá hành ấm không còn mắc kẹt trong chỗ lặng lẽ, vượt qua khỏi Thất địa và Bát địa.

Chánh văn:

3. Lúc bấy giờ, ngài Dõng Thí Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Con cũng vì ủng hộ người đọc tụng thọ trì kinh Pháp Hoa mà nói chú đà-la-ni. Nếu vị Pháp sư đó được chú đà-la-ni này, hoặc dạ-xoa, la-sát hoặc phú-đơn-na, hoặc kiết-giá, hoặc cưu-bàn-trà, hoặc ngạ quỷ v.v... rình tìm chỗ dở của Pháp sư không thể được tiện lợi.

Liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

Toa lệ, ma ha toa lệ, úc chỉ, mục chỉ, a lệ, a la bà đệ, niết lệ đệ, niết lệ đa bà đệ, y trí nỉ, vi trí nỉ, chỉ tri nỉ, niết lệ trì nỉ, niết lệ tri bà để.

Thế Tôn! Thần chú đà-la-ni này của hằng hà sa các đức Phật nói, cũng đều tùy hỷ. Nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này thời là xâm hủy các đức Phật đó rồi.

Giảng:

Bồ-tát Dõng Thí nói chú đà-la-ni để ủng hộ, khiến cho những loài dị nhân không tìm được khuyết điểm của Pháp sư.

Chánh văn:

4. Bấy giờ, Tỳ-sa-môn thiên vương, vị trời hộ đời, bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Con cũng vì thương tưởng chúng sanh ủng hộ vị Pháp sư đó mà nói đà-la-ni này.

Liền nói chú rằng:

A lê, na lê, nâu na lê, a na lư, na lý, câu na lý.

Thế Tôn! Dùng thần chú này ủng hộ Pháp sư, con cũng tự phải ủng hộ người trì Kinh này, làm cho trong khoảng trăm do-tuần không có các điều tai hoạn.

Giảng:

Tỳ-sa-môn thiên vương nói chú để ủng hộ Pháp sư khiến cho Pháp sư không có các điều tai hoạn.

Chánh văn:

5. Bấy giờ, Trì Quốc thiên vương ở trong hội này cùng với nghìn muôn ức na-do-tha chúng

càn-thát-bà cung kính vây quanh đến trước chỗ Phật, chắp tay bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Con cũng dùng thần chú đà-la-ni ủng hộ người trì kinh Pháp Hoa.

Liền nói chú rằng:

A dà nể, dà nể, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đẳng kỳ, thường cầu lợi, phù lầu tá nỉ, ác đế.

Thế Tôn! Thần chú đà-la-ni này là của bốn mươi hai ức các đức Phật nói, nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này thời là xâm hủy các đức Phật đó rồi.

Giảng:

Trì Quốc thiên vương nói chú ủng hộ Pháp sư.

Chánh văn:

6. Bấy giờ, có những la-sát nữ: một tên Lam-bà, hai tên Tỳ-lam-bà, ba tên Khúc Xỉ, bốn tên Hoa Xỉ, năm tên Hắc Xỉ, sáu tên Đa Phát, bảy tên Vô Yểm Túc, tám tên Trì Anh Lạc, chín tên Cao Đế, mười tên Đoạt Nhất Thiết Chúng Sanh Tinh Khí. Mười vị la-sát nữ đó cùng với quỷ Tử Mẫu, con và quyến thuộc đều đến chỗ Phật, đồng tiếng bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng, thọ trì kinh Pháp Hoa, trừ sự khổ hoạn cho người đó. Nếu có kẻ rình tìm chỗ dở của Pháp sư, thời làm cho chẳng được tiện lợi.

Liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

Y đề lý, y đề dẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, lâu hê, lâu hê, lâu hê, lâu hê, đa hê, đa hê, đa hê, đâu hê, nâu hê.

Thà trèo lên đầu chúng con chứ đừng não hại Pháp sư, hoặc dạ-xoa, hoặc la-sát, hoặc ngạ quỷ, hoặc phú-đơn-na, hoặc kiết-giá, hoặc tỳ-đà-la, hoặc kiền-đà, hoặc ô-ma-lặc-già, hoặc a-bạt-ma-la, hoặc dạ-xoa kiết-giá, hoặc nhân kiết-giá, hoặc quỷ làm bệnh nóng, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc đến bảy ngày, hoặc làm bệnh nóng luôn, hoặc hình trai, hoặc hình gái, hoặc hình đồng nam, hoặc hình đồng nữ, nhẫn đến trong chiêm bao cũng lại chớ não hại.

Liền ở nơi trước Phật mà nói kệ rằng:

Nếu chẳng thuận chú ta
Não loạn người nói pháp
Đầu vỡ làm bảy phần
Như nhánh cây a-lê
Như tội giết cha mẹ
Cũng như họa ép dầu
Cân lường khi dối người
Tội Điều-đạt phá tăng
Kẻ phạm Pháp sư đây
Sẽ mắc họa như thế.

Những la-sát nữ nói kệ đó rồi, bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ tự mình ủng hộ người thọ trì, đọc tụng, tu hành Kinh này, làm cho được an ổn, lìa các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc.

Giảng:

Những la-sát nữ nói chú ủng hộ Pháp sư khiến cho Pháp sư *an ổn lìa các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc*.

Người tu nếu đến chỗ lặng lẽ, rồi ưa thích bèn chìm trong đó, Thiền tông cho sự thích ưa cái lặng lẽ đó là chìm trong biển độc. Tương tợ, đây nói tiêu các thuốc độc.

Chánh văn:

7. Phật bảo các la-sát nữ:

Hay thay! Hay thay! Các ngươi chỉ có thể ủng hộ người thọ trì tên kinh Pháp Hoa phước chẳng thể lường được rồi, huống là ủng hộ người thọ trì toàn bộ cúng dường quyển Kinh, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, phan lọng, kỹ nhạc, thắp các thứ đèn: đèn nến, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, đèn dầu bông tô-ma-na, đèn dầu bông chiêm-bặc, đèn dầu bông bà-sư-ca, đèn dầu bông ưu-bát-la, nghìn trăm thứ cúng dường như thế.

Cao đế! Các ngươi cùng quyến thuộc phải nên ủng hộ những Pháp sư như thế.

Lúc nói phẩm "Đà-la-ni" này, có sáu muôn tám nghìn người được vô sanh pháp nhẫn.

Giảng:

Khi tu tới đệ thất địa và đệ bát địa là giai đoạn phá hành ấm. Tuy đã yên tĩnh nhưng chưa phải là sự tĩnh lặng tuyệt đối. Nên lầm cho là Niết-bàn, rồi an trú trong đó không thoát ra được. Vì vậy phải có sự gia hộ của Phật và Bồ-tát để tiến lên khỏi chỗ lặng lẽ đó. Nên ở đây Bồ-tát nói chú đà-la-ni để ủng hộ.

XXVII- PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BẢN SỰ

Diệu Trang Nghiêm Bản Sự là công hạnh tu hành ở đời trước của vua Diệu Trang Nghiêm. Đời trước ngài tu hành thế nào, nay thuật lại như thế ấy, gọi đó là bản sự.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, Phật bảo hàng đại chúng rằng:

Về thuở xưa, cách đây vô lượng vô biên bất khả tư nghì a-tăng-kỳ kiếp, có đức Phật hiệu là Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri... Nước đó tên Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên Hỷ Kiến.

Trong pháp hội của Phật đó có vị vua tên Diệu Trang Nghiêm, phu nhân của vua tên Tịnh Đức, có hai người con: một tên Tịnh Tạng, hai tên Tịnh Nhãn. Hai người con đó có sức thần thông lớn, phước đức trí tuệ, từ lâu tu tập đạo hạnh của Bồ-tát,

những là: Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Trí tuệ ba-la-mật, Phương tiện ba-la-mật, từ bi hỷ xả nhẫn đến ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp thảy đều rành rẽ suốt thấu.

Lại được các môn tam-muội của Bồ-tát: Nhật tinh tú tam-muội, Tịnh quang tam-muội, Tịnh sắc tam-muội, Tịnh chiếu minh tam-muội, Trường trang nghiêm tam-muội, Đại oai đức tạng tam-muội, ở nơi các môn tam-muội này cũng đều thấu suốt.

Giảng:

Đây nêu lên bốn nhân vật biểu trưng là vua Diệu Trang Nghiêm, phu nhân Tịnh Đức, hai người con là Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn. Phẩm này là phá thức ấm, ấm chót trong năm ấm. Phá được thức ấm là qua được Cửu địa và Thập địa Bồ-tát, rồi lên Đẳng giác Diệu giác thành Phật. Thức ấm đây không phải là sáu thức do sáu căn duyên sáu trần dấy khởi, mà là tàng thức, là kho chứa tất cả chủng tử thiện ác, khi chuyển hết chủng tử thiện ác thì nó trở thành Như Lai tàng, tức là thành Phật.

Vua Diệu Trang Nghiêm biểu trưng cho tàng thức, phu nhân Tịnh Đức biểu trưng cho mạt-na thức, Tịnh Tạng biểu trưng cho Ý thức, Tịnh Nhãn biểu trưng cho tiền ngũ thức là nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân thức. Người tu, dùng ý thức nhận hiểu chánh pháp rồi mới khởi sự tu hành và chuyển năm thức trước trở thành thanh tịnh. Do năm thức trước thanh tịnh thì thức thứ bảy là

mạt-na thức mới thanh tịnh. Khi ý thức và năm thức trước huân tu đầy đủ công đức rồi, mới chuyển thức thứ tám là a-lại-da thức thành Như Lai tàng. Nên nói hoàng tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn xuất gia rồi, khuyên phu nhân Tịnh Đức và vua Diệu Trang Nghiêm hướng về đạo để tu hành. Hoàng tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn dẫn đường cho Phu nhân và Hoàng đế đi tu, lẽ ra phải được Phật thọ ký trước, Hoàng đế tới sau được thọ ký sau. Nhưng, ngược lại khi thọ ký thì Phật thọ ký cho vua Diệu Trang Nghiêm, mà không thọ ký cho hoàng tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn. Để thấy thành Phật là a-lại-da thức thành, còn những thức kia chỉ là diệu dụng thôi. Nên khi loại hết chủng tử thiện ác rồi thì a-lại-da thức thành cái kho thanh tịnh gọi là Như Lai tàng. Thức a-lại-da mang chủng tử thiện ác ở đời quá khứ đến thọ sanh ở đời hiện tại. Khi mang thân người thì tất cả nghiệp thiện hay ác đều chứa chấp đủ. Nếu chuyển được nó thì thành Phật, còn nếu chưa chuyển được nó, dầu cho tu các thức kia cũng không thể thành Phật. Vì vậy, trong Duy thức học nói thức a-lại-da đi thì đi sau đến thì đến trước, nên nói nó là gốc là chủ. Đó là hình ảnh biểu trưng của sự tu tiến.

Chánh văn:

2. Lúc đó, đức Phật kia vì muốn dẫn dắt vua Diệu Trang Nghiêm cùng thương tưởng hàng chúng sanh nên nói kinh Pháp Hoa này.

Bấy giờ, Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, hai người con đến chỗ của mẹ, chắp tay thưa mẹ rằng:

Mong mẹ đến nơi chỗ đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí, chúng con cũng sẽ theo hầu gần gũi cúng dường lễ lạy.

Vì sao? Vì đức Phật đó ở trong tất cả chúng trời người mà nói kinh Pháp Hoa, nên phải nghe và tin nhận.

Mẹ bảo con rằng:

Cha con tin theo ngoại đạo, rất ham pháp Bà-la-môn, các con nên qua thưa với cha để cùng nhau đồng đi.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn chắp tay thưa mẹ:

Chúng con là Pháp vương tử mà lại sanh vào nhà tà kiến này!

Mẹ bảo con rằng:

Các con nên thương tưởng cha các con, mà vì đó hiển phép thần thông biến hóa, nếu cha con được thấy lòng ắt thanh tịnh, hoặc là chịu cho chúng ta qua đến chỗ Phật.

Giảng:

Đoạn này chúng ta thấy rõ ý nghĩa của những hình ảnh biểu trưng đó. Lúc bấy giờ Phật nói kinh Pháp Hoa vì muốn độ vua Diệu Trang Nghiêm cùng chúng sanh trong thời đó. Hai anh em hoàng tử Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn xin phép Hoàng hậu và mời Hoàng hậu đi nghe kinh. Hoàng hậu khuyên hai con nên mời nhà vua cùng đi. Nhắc tới vua cha, hai hoàng tử mới than rằng:

Chúng con là Pháp vương tử mà lại sanh vào nhà tà kiến này! Tại sao nói nhà vua theo ngoại đạo tà kiến? Nhà vua là chỉ cho thức a-lại-da huân chứa chủng tử cũ. Trước khi đức Phật ra đời đã có đạo Bà-la-môn nên con người đã có sẵn chủng tử đó. Bây giờ muốn chuyển thì khó khăn lắm, phải đầy đủ diệu dụng mới chuyển được. Vì vậy Hoàng hậu khuyên hai người con nên dùng phép thần thông để chuyển tâm ý vua cha.

Chánh văn:

3. Lúc ấy, hai người con thương cha nên bay lên hư không cao bằng bảy cây đa-la, hiện các món thần biến. Ở trong hư không, đi, đứng, ngồi, nằm, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa; dưới thân ra nước, trên thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đầy trong hư không rồi lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, ở trong hư không ẩn mất, bỗng nhiên hiện trên đất; vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, hiện các món thần biến như thế làm cho vua cha lòng thanh tịnh tin hiểu.

Bấy giờ, cha thấy con có sức thần như thế, lòng rất vui mừng được chưa từng có, chắp tay hướng về phía con mà nói rằng:

Thầy các con là ai, con là đệ tử của ai?

Hai người con thưa rằng:

Đại vương! Đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Phật kia, nay đương ngồi trên pháp tòa dưới cây bồ-đề bằng bảy báu, ở trong tất cả chúng trời người

thế gian, rộng nói kinh Pháp Hoa, đó là thầy chúng con, con là đệ tử.

Cha nói với con rằng:

Ta nay cũng muốn ra mắt thầy các con, nên cùng nhau đồng đi.

Khi đó, hai người con từ trong hư không xuống, đến chỗ của mẹ chắp tay thưa mẹ rằng:

Phụ vương nay đã tin hiểu, có thể kham phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chúng con đã vì cha làm Phật sự rồi, mong mẹ bằng lòng cho chúng con, ở nơi chỗ đức Phật kia mà xuất gia tu hành Phật đạo.

Lúc đó, hai người con muốn tuyên lại ý mình nói kệ thưa mẹ:

Mong mẹ cho các con
Xuất gia làm Sa-môn
Các Phật rất khó gặp
Chúng con theo Phật học
Như hoa ưu-đàm-bát
Gặp Phật lại khó hơn
Khỏi các nạn cũng khó
Mong cho các con xuất gia.

Mẹ liền bảo con rằng:

Cho các con xuất gia. Vì sao? Vì Phật khó gặp vậy.

Giảng:

Thông thường chúng ta tu là do ý thức lanh lợi, giản trạch rõ lẽ chánh tà, chân ngụy, rồi từ từ chuyển hóa ý thức trở thành thanh tịnh. Do ý thức thanh tịnh mới có diệu dụng huân lại những chủng tử trong a-lại-da, nhờ đó thức a-lại-da lần lần chuyển theo. Ý thức và năm thức trước tiếp xúc bên ngoài, nó huân tất cả những cái hay cái tốt, mới có công năng hướng thức a-lại-da trở thành thanh tịnh, nên ở đây nói là hai hoàng tử hiện thần thông cho nhà vua tin để rồi đưa nhà vua tới chỗ Phật ngự.

Sau khi hướng dẫn vua cha đến với đức Phật, hai hoàng tử đồng xin xuất gia, vì đã làm tròn bổn phận là đưa cha về với chánh pháp. Chúng ta thấy rõ, khi ý thức và năm thức trước đã chuyển thì thức a-lại-da cũng chuyển thành trí, thì tất cả thức đều được thanh tịnh hoàn toàn, ý nghĩa này đoạn sau sẽ giải thích.

Chánh văn:

4. Bấy giờ, hai người con thưa cha mẹ rằng:

Lành thay, cha mẹ! Xin liền qua đến chỗ đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Phật để gần gũi cúng dường.

Vì sao? Vì Phật khó gặp được, như hoa linh thoại, lại như rùa một mắt gặp bộng cây nổi mà chúng ta do phước đời trước sâu dày, sanh đời này gặp Phật pháp, xin cha mẹ nên cho chúng con được xuất gia.

Vì sao? Vì các đức Phật khó gặp được, thời kỳ gặp Phật cũng khó có.

Giảng:

Lại một lần nữa hai hoàng tử xin xuất gia vì lý do được gặp Phật là khó. Nay có phước duyên lớn, sanh nhằm thời Phật ra đời, là cơ hội tốt được gặp Phật, nên hai hoàng tử nguyện đi theo con đường của Phật để chóng thoát sanh tử.

Chánh văn:

5. Lúc đó, nơi hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm có tám muôn bốn nghìn người thảy đều có thể kham thọ trì kinh Pháp Hoa này. Tịnh Nhãn Bồ-tát từ lâu đã thông đạt nơi "Pháp hoa tam-muội". Tịnh Tạng Bồ-tát đã từ vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp, thông đạt môn "Ly chư ác thú tam-muội", vì muốn làm cho tất cả chúng sanh lìa các đường dữ vậy.

Phu nhân của vua được môn "Chư Phật tập tam-muội", hay biết được tạng pháp bí mật của các đức Phật. Hai người con dùng sức phương tiện, khéo hóa độ vua cha như thế, khiến cho lòng cha tin hiểu ưa mến Phật pháp.

Giảng:

Nhà vua đi đâu là có cả tám muôn bốn ngàn người ở hậu cung đi theo, những người đó đều thọ trì kinh Pháp Hoa. Điều đó cho chúng ta thấy rằng thức a-lại-da chứa

vô số chủng tử, nên khi thức a-lại-da chuyển thì bao nhiêu chủng tử liền theo đó chuyển hết. Đây nói Tịnh Nhãn thì được Pháp Hoa tam-muội, Tịnh Tạng được Ly chư ác thú tam-muội. *Pháp hoa tam-muội* là tri kiến Phật, mà tri kiến Phật lúc nào cũng hiện hữu nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của mỗi người, nên nói Tịnh Nhãn được Pháp hoa tam-muội. *Ly chư ác thú tam-muội* là chánh định lìa các đường ác, hay nói cách khác: ý thức đã chuyển, không tạo các nghiệp ác nên được thanh tịnh. Động lực dẫn con người đi vào đường ác cũng là ý thức, lìa các nghiệp ác được thanh tịnh cũng là ý thức.

Phu nhân Tịnh Đức thì được Chư Phật tập tam-muội. *Chư Phật tập tam-muội* là chánh định do chư Phật nhóm họp, Phu nhân được định này.

Đoạn này chúng ta thấy chia ra bốn nhóm: nhóm thứ nhất chỉ cho tiền ngũ thức, nhóm thứ hai chỉ cho ý thức, nhóm thứ ba chỉ cho mạt-na thức, nhóm thứ tư chỉ cho a-lại-da thức. Chúng ta thấy rõ ý thức là động lực chính tạo nghiệp và chuyển nghiệp. Còn những thức kia có công năng đi theo thôi, nhất là mạt-na thức, qua hình ảnh phu nhân Tịnh Đức không có công gì hết, chỉ có việc đi theo vua Diệu Trang Nghiêm. Giống như Sa Tăng quảy hành lý theo Tam Tạng đi thỉnh kinh. Tịnh Nhãn như Trư Bát Giới, Tịnh Tạng như Tề Thiên tài ba mưu lược. Vua Diệu Trang Nghiêm là Tam Tạng thì không khôn lanh, chậm chạp, nhưng ngài là chủ, những người kia theo trợ giúp cho ngài nên khi thành tựu kết quả thì chính ngài nhận lãnh.

Qua đoạn này chúng ta thấy, trọng tâm tu là chuyển ý thức thành Diệu quan sát trí, năm thức trước thành Thành sở tác trí, mạt-na thức thành Bình đẳng tánh trí, a-lại-da thức thành Đại viên cảnh trí. Rõ ràng chuyển tám thức thành bốn trí.

Chánh văn:

6. Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng chung với quần thần quyến thuộc, Tịnh Đức phu nhân cùng chung với thể nữ quyến thuộc nơi hậu cung, hai người con của vua, cùng chung với bốn muôn hai nghìn người, đồng một lúc đi qua chỗ Phật. Đến rồi đầu mặt lạy chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, rồi đứng qua một phía.

Lúc đó, đức Phật kia vì vua nói pháp, chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng. Vua rất vui đẹp.

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng phu nhân mở chuỗi trân châu giá trị trăm nghìn đeo nơi cổ, để rải trên đức Phật, chuỗi đó ở giữa hư không hóa thành đài báu bốn trụ, trong đài có giường báu lớn trải trăm nghìn muôn thiên y, trên đó có đức Phật ngồi xếp bằng phóng hào quang sáng lớn.

Giảng:

Vua Diệu Trang Nghiêm mới gặp Phật lần đầu, liền phát tâm cúng dường chuỗi ngọc, chuỗi ngọc biến thành đài báu, trên đài báu có Phật ngồi xếp bằng phóng hào quang. Như vậy vừa khởi tâm cúng dường Phật thì Phật hiện tiền.

Chánh văn:

7. Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm nghĩ rằng: Thân Phật tốt đẹp riêng lạ ít có, thành tựu sắc thân vi diệu thứ nhất.

Bấy giờ, đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo bốn chúng rằng:

Các ngươi thấy vua Diệu Trang Nghiêm chắp tay đứng trước ta đó chăng?

Vị vua này ở trong pháp ta làm Tỳ-kheo siêng ròng tu tập các món trợ Phật đạo pháp, sẽ được làm Phật hiệu Ta-la Thọ Vương, nước tên Đại Quang, kiếp tên Đại Cao Vương.

Đức Ta-la Thọ Vương Phật có vô lượng chúng Bồ-tát và vô lượng Thanh văn, nước đó bằng phẳng công đức như thế.

Giảng:

Hai hoàng tử và phu nhân phát tâm tu trước mà không được Phật thọ ký, nhà vua vừa mới phát tâm cúng dường liền được Phật thọ ký. Như vậy để thấy rõ ý nghĩa khi chuyển từ mê thành ngộ, từ ô nhiễm thành thanh tịnh, thì tàng thức là cái nhân chính để thành Phật, chứ bảy thức còn lại là phụ không phải là nhân tố chính để thành Phật.

Chánh văn:

8. Vua Diệu Trang Nghiêm liền đem nước giao cho em, rồi cùng phu nhân, hai người con và các

quyến thuộc, ở trong Phật pháp xuất gia tu hành đạo hạnh.

Vua xuất gia rồi trong tám muôn bốn nghìn năm thường siêng tinh tấn tu hành kinh Diệu Pháp Liên Hoa; qua sau lúc đây, được môn "Nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm tam-muội". Liền bay lên hư không cao bảy cây đa-la mà bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Hai người con của con đây đã làm Phật sự, dùng sức thần thông biến hóa, xoay tâm tà của con, làm cho con được an trụ trong Phật pháp, được thấy Thế Tôn. Hai người con này là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành đời trước lợi ích cho con nên đến sanh vào nhà con.

Lúc đó, đức Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo vua Diệu Trang Nghiêm rằng:

Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trồng cội lành thời đời đời được gặp thiện tri thức, vị thiện tri thức hay làm Phật sự, chỉ dạy cho lợi ích vui mừng, khiến vào đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại vương nên biết! Vị thiện tri thức đó là nhân duyên lớn, giáo hóa dìu dắt làm cho được thấy Phật, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại vương! Ông thấy hai người con này chăng? Hai người con này đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn muôn ức na-do-tha hằng hà sa các đức Phật, gần gũi cung kính, nơi chỗ các đức Phật

thọ trì kinh Pháp Hoa, thương tưởng những chúng sanh tà kiến làm cho trụ trong chánh kiến.

Diệu Trang Nghiêm vương liền từ trong hư không xuống mà bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Như Lai rất ít có, do công đức trí tuệ nên nhục kế trên đảnh sáng suốt chói rỡ. Mắt Phật dài rộng mà sắc xanh biếc, tướng lông trắng chặng mày như ngọc kha nguyệt, răng trắng bằng và khít thường có ánh sáng, môi sắc đỏ đẹp như trái tần-bà.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm khen ngợi Phật có vô lượng trăm nghìn muôn ức công đức như thế rồi, ở trước Như Lai một lòng chắp tay lại bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Chưa từng có vậy! Pháp của Như Lai đầy đủ trọn nên bất khả tư nghì công đức vi diệu, dạy răn chỗ tu hành an ổn rất hay. Con từ ngày nay chẳng còn lại tự theo tâm hành của mình, chẳng sanh những lòng ác: kiêu mạn, giận hờn, tà kiến.

Vua thưa lời đó rồi, lạy Phật mà ra.

Giảng:

Vua Diệu Trang Nghiêm phát tâm tu liền giao hết triều đình, quốc dân cho em, cả gia đình cùng xuất gia và được *Nhất thiết tịnh công đức trang nghiêm tam-muội*, tức là chánh định mà tất cả công đức đều được thanh tịnh trang nghiêm. Ngài tán thán Phật và nói rằng ngài được tu hành là do hai người con làm thiện tri thức, giúp ngài

phát khởi căn lành. Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí cũng xác nhận là đúng như vậy. Chúng ta thấy, thiện nam thiện nữ có sẵn căn lành nhờ thiện tri thức hướng dẫn khiến vào đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có sẵn duyên lành mà không gặp thiện tri thức, thì duyên lành đó cũng khó phát triển. Thế nên thiện tri thức là người có công lớn đối với người tu hành. Thí dụ như tôi không gặp hòa thượng Viện trưởng cho xuất gia, thì không biết bây giờ tôi trôi nổi ra sao? Nhờ thiện hữu tri thức giáo hóa hướng dẫn, chúng ta mới nhận được đạo lý rồi từ đó tiến tu. Vì vậy mà ơn của thiện tri thức đối với chúng ta lớn vô kể, nếu người không tu tiến thì ơn thiện tri thức thấy như không có. Đó là đứng trên sự mà nói. Về lý thì sở dĩ a-lại-da thức mà được thanh tịnh sáng suốt, là nhờ ý thức và tiền ngũ thức chuyển và hướng dẫn. Vậy a-lại-da thức được chuyển thành trí là nhờ những thức trước chuyển mà chuyển theo. Cho nên thức thứ tám được quả không phải công của mình, mà do công của những thức kia. Ở đây biểu trưng qua hình ảnh vua Diệu Trang Nghiêm tán thán hai người con là thiện tri thức của mình.

Phật lại nói: Hai người con của nhà vua đã cung kính cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn muôn ức na-do-tha hằng hà sa đức Phật, thọ trì kinh Pháp Hoa, và làm cho chúng sanh hết tà kiến trụ trong chánh kiến. Điều này cho chúng ta thấy, ý thức và tiền ngũ thức là quan trọng, vì tri kiến Phật luôn hiện hữu ở những thức này. Khi đã nhận ra tri kiến Phật liền từ đó chuyển lần tới a-lại-da thức. Nên nói Tịnh Nhãn và Tịnh Tạng

đã thọ trì kinh Pháp Hoa với thời gian rất lâu không thể tính kể.

Vua Diệu Trang Nghiêm tán thán tướng tốt của Phật. Sở dĩ ngài được tướng tốt như: trên nhục kế có hào quang sáng suốt, mắt dài rộng xanh biếc, tướng lông trắng giữa chặng mày như hòn ngọc... là do phước đức sâu dầy trang nghiêm, không phải do tình phàm mà có được tướng phi thường như vậy. Tới đây vua lại nói: *Từ nay con chẳng còn tự theo tâm hành của mình*. Tâm hành là chỉ cho chủng tử do năm thức trước và ý thức huân tập, rồi mạt-na thức đưa vào a-lại-da thức. Do có chủng tử ở a-lại-da thức nên khởi ra hiện hành, chủng tử tốt thì khởi hiện hành tốt, chủng tử xấu thì khởi hiện hành xấu. Chủng tử khởi hiện hành, hiện hành huân thành chủng tử, cứ như vậy mà tiếp nối không dừng. Nên đây nói: *chẳng còn tự theo tâm hành*, tức là không còn theo những chủng tử mà sanh lòng ác kiêu mạn, giận hờn, tà kiến, nên được thanh tịnh.

Chánh văn:

9. Phật bảo đại chúng:

Ý các ông nghĩ sao? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải người nào lạ, nay chính là Hoa Đức Bồ-tát, bà Tịnh Đức phu nhân nay chính là Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ-tát hiện đang ở trước Phật. Hai người con vì thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và các quyến thuộc nên sanh vào trong cung vua, nay chính là Dược Vương Bồ-tát cùng Dược Thượng Bồ-tát.

Dược Vương và Dược Thượng Bồ-tát này thành tựu các công đức lớn như thế, đã ở chỗ vô lượng trăm nghìn muôn ức các đức Phật trồng các cội công đức, thành tựu bất khả tư nghì những công đức lành. Nếu có người biết danh tự của hai vị Bồ-tát này thời tất cả trong đời, hàng trời, nhân dân cũng nên lễ lạy.

Lúc Phật nói phẩm "Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự" này có tám muôn bốn nghìn người xa trần lụy, rời cấu nhiễm, ở trong các pháp chứng được pháp nhãn tịnh.

Giảng:

Phật hợp thức chuyện xưa thành hiện tại. Vua Diệu Trang Nghiêm thời xưa, nay chính là Bồ-tát Hoa Đức, hoàng tử Tịnh Nhãn và Tịnh Tạng nay là Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng. Dược Vương là vua thầy thuốc và Dược Thượng là thầy thuốc bậc trên. Chúng sanh có những bệnh như tham lam, sân giận, si mê, kiêu căng, bỏn sẻn... phát sanh từ ý thức và năm thức trước. Khi chuyển ý thức và năm thức trước, hết những bệnh trên, gọi đó là Dược Vương và Dược Thượng. Hai vị Bồ-tát này hay chuyển cái xấu cái tà thành cái hay cái chánh, nên công đức của hai vị Bồ-tát này rất lớn. Phật dạy *nếu có người biết danh tự của hai vị Bồ-tát này thời tất cả trong đời, hàng trời, nhân dân cũng nên lễ lạy*. Nghĩa là ý thức và năm thức trước trở thành thầy thuốc trị hết bệnh tham, sân, kiêu mạn... là bậc tôn kính đáng đảnh lễ.

Trọng tâm của phẩm này là phá thức ấm trong thân năm ấm, ở kinh Lăng-nghiêm gọi là ngũ ấm ma. Sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm và thức ấm che khuất tri kiến Phật có sẵn nơi mỗi người, phá tan năm ấm đó thì tri kiến Phật hiển hiện. Cũng như mặt trăng khi mây tan trời trong thì sáng vằng vặc. Phá xong thức ấm đi tới quả Phật không còn khó khăn nữa. Tới đây là xong phần *nhập tri kiến Phật*.

XXVIII- PHẨM PHỔ HIỀN BỒ-TÁT KHUYẾN PHÁT

Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát có nghĩa là Bồ-tát Phổ Hiền khuyên người phát tâm trì kinh Pháp Hoa. Người sau khi nhập tri kiến Phật, công hạnh đã viên mãn có đầy đủ diệu dụng, theo sở nguyện sở cầu của chúng sanh mà vào đời ngũ trược để giáo hóa họ. Mở đầu Kinh này, Bồ-tát Văn-thù đứng ra giải nghi cho Bồ-tát Di-lặc, nói lên ý nghĩa muốn nhập tri kiến Phật là phải bắt đầu bằng trí tuệ tức là căn bản trí. Sau khi nhập tri kiến Phật phá hết năm ấm, công hạnh tu hành viên mãn, khởi sai biệt trí biết rõ tâm bệnh của chúng sanh mà dùng mọi phương tiện để giáo hóa. Bấy giờ ra giáo hóa thì không còn chướng ngại thối lui.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Phổ Hiền Bồ-tát dùng sức thần thông tự tại oai đức danh văn, cùng vô lượng vô biên bất khả xưng sổ chư đại Bồ-tát từ phương đông mà đến; các nước đi ngang qua khắp đều rúng động,

rưới hoa sen báu, trỗi vô lượng trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc.

Lại cùng vô số các đại chúng: trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lầu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân v.v... vây quanh, đều hiện sức oai đức thần thông đến cõi Ta-bà trong núi Kỳ-xà-quật, đầu mặt lạy đức Thích-ca-mâu-ni Phật, đi quanh bên hữu bảy vòng, bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Con ở nơi nước của đức Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, xa nghe cõi Ta-bà này nói kinh Pháp Hoa, nên cùng với vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức chúng Bồ-tát đồng đến để nghe thọ, cúi mong đức Thế Tôn nên vì chúng con nói đó.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai diệt độ, thế nào mà có thể được kinh Pháp Hoa này?

Giảng:

Bồ-tát Phổ Hiền từ cõi Phật phương đông, nghe Phật Thích-ca ở cõi này nói kinh Pháp Hoa, ngài cùng với chúng đồng đến để nghe pháp. Bồ-tát Phổ Hiền không dùng tai để nghe, mà ngài dùng tâm để nghe. Ngài đặt câu hỏi: Sau khi Phật diệt độ, thiện nam tử, thiện nữ nhân, làm sao có thể được kinh Pháp Hoa này? Dưới đây Phật trả lời.

Chánh văn:

2. Phật bảo Phổ Hiền Bồ-tát rằng:

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp, thời sau khi Như Lai diệt độ sẽ được kinh Pháp Hoa này: một là được các đức Phật hộ niệm, hai là trồng các cội công đức, ba là vào trong chánh định, bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp như thế, sau khi Như Lai diệt độ quyết được Kinh này.

Giảng:

Phật dạy, muốn được kinh Pháp Hoa phải thực hành bốn pháp. *Một là được chư Phật hộ niệm, hai là trồng các cội công đức, ba là vào trong chánh định, bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh*. Pháp thứ nhất là được chư Phật hộ niệm, chúng ta có được Phật hộ niệm không? Nơi mỗi người ai cũng có tri kiến Phật, tuy có nhưng vì quên, nên không được Phật hộ niệm. Nếu chúng ta hằng sống với tri kiến Phật thì Phật luôn luôn ở bên cạnh mình không có xa vắng. Như vậy Phật không hộ niệm là gì? Pháp thứ hai là trồng các cội công đức, hiện tại chúng ta đang gieo trồng công đức qua việc tự giác và giác tha. Pháp thứ ba là vào trong chánh định, hiện tại chúng ta đang buông bỏ những vọng tưởng điên đảo, khi vọng tưởng điên đảo lắng xuống, đó là chúng ta đang ở trong chánh định chứ gì? Còn phát lòng từ làm lợi ích chúng sanh, thì chúng ta đang thực hiện, tuy chưa làm được những việc lớn, nhưng những việc nhỏ đang làm. Như vậy là bốn pháp phải có để được kinh Pháp Hoa, hiện tại mỗi người chúng ta ai cũng có, mặc dù chưa được viên mãn.

Chúng ta nhớ, được kinh Pháp Hoa không phải đem tiền đi thỉnh bộ kinh bằng văn tự in trên giấy mực. Được kinh Pháp Hoa đây là phải thực hiện bốn pháp vừa nêu để sống với tri kiến Phật. Đó là *được kinh Pháp Hoa*.

Chánh văn:

3. Lúc đó, ngài Phổ Hiền Bồ-tát bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Năm trăm năm sau trong đời ác trược, nếu có người thọ trì Kinh điển này, con sẽ giữ gìn trừ các sự khổ hoạn làm cho được an ổn, khiến không ai được tiện lợi rình tìm làm hại; hoặc ma, hoặc con trai của ma, hoặc con gái của ma, hoặc dân ma, hoặc người bị ma dựa, hoặc dạ-xoa, hoặc la-sát, hoặc cưu-bàn-trà, hoặc tỳ-xá-xà, hoặc kiết-giá, hoặc phú-đơn-na, hoặc vi-đà-la v.v... những kẻ làm hại người đều chẳng được tiện lợi.

Người đó hoặc đi, hoặc đứng, đọc tụng Kinh này, bấy giờ con cưỡi tượng vương trắng sáu ngà cùng chúng đại Bồ-tát, đều đến chỗ người đó mà tự hiện thân ra, để cúng dường, thủ hộ, an ủi tâm người đó, cũng để cúng dường kinh Pháp Hoa.

Người đó nếu ngồi suy nghĩ Kinh này, bấy giờ con lại cưỡi tượng vương trắng hiện ra trước người đó, người đó nếu ở trong kinh Pháp Hoa có quên mất một câu, một bài kệ, con sẽ dạy đó chung cùng đọc tụng, làm cho thông thuộc.

Bấy giờ, người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa được thấy thân con, lòng rất vui mừng lại càng

tinh tấn, do thấy thân con nên liền được tam-muội và đà-la-ni tên là "Triền đà-la-ni", trăm nghìn muôn ức "Triền đà-la-ni", "Pháp âm phương tiện đà-la-ni", được những môn đà-la-ni như thế.

Giảng:

Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện đi vào cõi đời ác trược để ủng hộ cho người trì kinh Pháp Hoa. Tất cả các loại ma muốn phá phách, làm cho người trì kinh Pháp Hoa thối tâm, thì ngài liền tới ủng hộ, để cho những người đó tu hành, không bị tổn hại. Những người đó đi, đứng, ngồi, nằm đều trì kinh Pháp Hoa thì ngài sẽ cưỡi tượng vương trắng sáu ngà, cùng với chúng đại Bồ-tát đến thủ hộ, an ủi những người đó và cúng dường kinh Pháp Hoa. Chúng ta thấy, Bồ-tát Phổ Hiền từ cõi tịnh đi vào cõi uế, để bảo hộ người tu theo kinh Pháp Hoa. Thường chúng ta thấy tượng Phật Thích-ca ở giữa, hai vị Bồ-tát ở hai bên là Văn-thù và Phổ Hiền. Bồ-tát Văn-thù cưỡi sư tử tượng trưng cho căn bản trí phá dẹp tà kiến xiển dương chánh pháp. Cũng như con sư tử một phen rống lên, thì mọi con thú khác đều né tránh bỏ chạy hết, chỉ còn lại loài sư tử, chúa sơn lâm thôi.

Qua giai đoạn căn bản trí phá tà hiển chánh, tới giai đoạn sai biệt trí khởi phát từ bi đi vào đời giáo hóa ủng hộ người tu. Biểu trưng qua hình ảnh Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà. Voi trắng ngầm nói lên tâm hạnh vững mạnh rộng lớn mà thanh tịnh của Bồ-tát. Sáu ngà là chỉ cho lục độ. Bồ-tát Phổ Hiền vào cõi trần tục ô uế với tâm hạnh lớn mạnh, trí tuệ sáng suốt không

bị nhiễm nhơ, lúc nào cũng dùng pháp lục độ an ủi làm lợi ích cho chúng sanh chóng viên thành đạo quả. Tương tợ, trong mười bức tranh chăn trâu Thiền tông, chúng ta thấy bức tranh thứ mười, thiền sư mặc áo bày ngực, đi chân trần, tay cầm bầu rượu, tay xách con cá chép, đi vào xóm làng hòa mình với chúng sanh để độ họ. Các ngài đã vào Phật quốc là chỗ thanh tịnh rồi, bấy giờ tùy theo căn cơ chúng sanh đi vào chỗ uế trược, để cứu độ làm lợi ích cho họ. Đó là hạnh nguyện lợi sanh.

Như vậy, người tu tới chặng chót này là phải lao mình vào trần thế để cứu độ chúng sanh, cứu độ chúng sanh viên mãn mới thành Phật. Đó là tinh thần *tự giác giác tha giác hạnh viên mãn*. Nếu mình được giác ngộ mà chưa giác tha thì chưa đủ công hạnh để thành Phật. Vì vậy mà phẩm chót của bộ kinh Pháp Hoa nói lên hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Cũng như bức tranh thứ mười trong Thập mục ngưu đồ, thiền sư thõng tay vào chợ, vào làng hòa mình với những người nhiễm nhơ trần tục, để giáo hóa hướng dẫn họ trở về với chánh pháp.

Đây nói người suy nghĩ kinh Pháp Hoa, nếu quên hoặc một câu hoặc một bài kệ, thì Bồ-tát Phổ Hiền đến chung đọc tụng làm cho thông thuộc. Quý vị tụng kinh Pháp Hoa có vị nào được nhắc chưa? Chưa. Tại sao ở đây nói như vậy? Vì kinh Pháp Hoa là chỉ cho người nhận ra tri kiến Phật, mọi người có tri kiến Phật, nếu quên thì có thiện tri thức nhắc cho nhớ để tu. Và Bồ-tát Phổ Hiền sẽ đến gia hộ cho được tất cả đà-la-ni tức là nhớ hết các pháp.

Chánh văn:

4. Thế Tôn! Nếu đời sau, sau năm trăm năm trong đời ác trược, hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, người cầu tìm, người thọ trì, người đọc tụng, người biên chép, mà muốn tu tập kinh Pháp Hoa này, thời trong hai mươi mốt ngày, phải một lòng tinh tấn, mãn hai mươi mốt ngày rồi, con sẽ cưỡi tượng trắng sáu ngà, cùng vô lượng Bồ-tát vây quanh, dùng thân mà tất cả chúng sanh ưa thấy, hiện nơi trước người đó để vì nói pháp chỉ dạy cho lợi ích vui mừng, cũng lại cho chú đà-la-ni.

Được chú đà-la-ni này thời không có phi nhân nào có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ làm hoặc loạn. Con cũng đích thân thường hộ người đó. Cúi mong đức Thế Tôn nghe con nói chú đà-la-ni này.

Liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

A đàn địa, đàn đà bà địa, đàn đà bà đế, đàn đà cưu xá lệ, đàn đà tu đà lệ, tu đà lệ, tu đà la bà để, phật đà ba chuyên nể, tát bà đà la ni a bà đa ni, tát bà bà sa a bà đa ni, tu a bà đa ni, tăng già bà lý xoa ni, tăng già niết dà đà ni, a tăng kỳ, tăng già bà dà địa, đế lệ a đọa tăng già đâu lược, a la đế ba la đế, tát bà tăng già địa, tam ma địa, già lan địa, tát bà đạt ma tu ba lợi sát đế, tát bà tát đỏa lâu đà kiêu xá lược, a nâu dà địa, tân a tỳ kiết lợi địa đế.

Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát nào được nghe chú đà-la-ni này, phải biết đó là sức thần thông của Phổ Hiền.

Giảng:

Người trì hay biên chép kinh Pháp Hoa khoảng hai mươi mốt ngày, thì Bồ-tát Phổ Hiền sẽ tới hiện thân cho thấy để chỉ dạy cho người đó và tặng thêm thần chú. Đây ngầm ý nói rằng người biết hướng về tri kiến Phật hoặc hằng sống với tri kiến Phật, thì lúc nào cũng được gia hộ, được tâm đại tổng trì.

Ý này có hai nghĩa. Một là người thọ trì kinh Pháp Hoa, muốn cho nhân và phi nhân không hoặc loạn nhiễu hại, thì phải giữ tâm thanh tịnh không dấy động nhiễm nhơ, đó là được chú đà-la-ni. Hai là người hướng về sống với tri kiến Phật, không có tâm trông cầu ở người khác. Tuy không trông cầu mà vẫn được gia hộ của chư Phật và Bồ-tát. Hằng ngày tuy làm mọi việc mà vẫn ở trong thiền định, nên nói Bồ-tát Phổ Hiền nói thần chú để gia hộ.

Chánh văn:

5. Nếu kinh Pháp Hoa lưu hành trong Diêm-phù-đề có người thọ trì, thời nên nghĩ rằng: Đều là sức oai thần của Phổ Hiền.

Nếu có người thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh hiểu nghĩa thú trong Kinh, đúng như lời mà tu hành, phải biết người đó tu hạnh Phổ Hiền, ở nơi vô lượng vô biên các đức Phật, sâu trồng cội lành, được các đức Như Lai lấy tay xoa đầu. Nếu chỉ biên chép, người này khi mạng chung sẽ sanh lên trời Đao-lợi.

Bấy giờ, tám muôn bốn nghìn thiên nữ trỗi các kỹ nhạc mà đến rước đó, người đó liền đội mão bảy báu, ở trong hàng thể nữ vui chơi khoái lạc, huống là thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh hiểu nghĩa thú Kinh, đúng như lời mà tu hành.

Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa thú Kinh này, người đó khi mạng chung được nghìn đức Phật trao tay, khiến chẳng sợ sệt, chẳng đọa vào đường dữ, liền lên cung trời Đâu-suất, chỗ Di-lặc Bồ-tát mà sanh vào hàng quyến thuộc trăm nghìn muôn ức thiên nữ, đức Di-lặc Bồ-tát có ba mươi hai tướng, chúng đại Bồ-tát cùng nhau vây quanh. Có công đức lợi ích như thế cho nên người trí phải một lòng tự chép hoặc bảo người chép, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh đúng như lời tu hành.

Thế Tôn! Con nay dùng sức thần thông giữ gìn Kinh này, sau khi Như Lai diệt độ, làm cho rộng lưu bố trong Diêm-phù-đề khiến chẳng dứt mất.

Giảng:

Người trì kinh Pháp Hoa thì được Bồ-tát Phổ Hiền gia hộ. Và nếu người thọ trì, đọc tụng, hiểu nghĩa thú trong kinh, đúng như lời dạy của Phật mà tu hành, đó là người tu theo hạnh Phổ Hiền. Có nghĩa là Bồ-tát xoay lại sống với tri kiến Phật của mình và biết chúng sanh cũng có tri kiến Phật mà họ quên, nên khởi lòng thương xót, giáo hóa khiến cho họ nhận ra tri kiến Phật của họ. Và khi giáo hóa, với trí sai biệt, Bồ-tát biết rõ căn cơ trình độ của chúng sanh, dùng phương tiện thích ứng với

căn tánh họ, khiến họ tin nhận và tu theo. Nên việc giáo hóa không chướng ngại, thực hành được hạnh nguyện lớn của Phổ Hiền.

Phật nói, chỉ cần biên chép kinh Pháp Hoa thôi mà được phước báo sanh lên cõi trời, rồi được đội mão bảy báu, được thiên nữ tới đón vui chơi khoái lạc đầy đủ. Còn nếu trì tụng, ghi nhớ chân chánh nghĩa thú Kinh và đúng như lời Phật dạy mà tu hành, thì công đức không thể lường được. Chư Bồ-tát luôn luôn khuyến khích chúng sanh tu bằng mọi hình thức, hoặc là dùng lời ngon ngọt để khuyến khích, hoặc dùng những hình ảnh mà chúng sanh ưa thích, hoặc nói lên lý đạo chân chánh, để cho chúng sanh phát tâm tu. Đó là phương tiện của Bồ-tát giáo hóa, khiến chúng sanh hướng về tri kiến Phật, hoặc ít hoặc nhiều, rồi tiến tu cho đến thành tựu viên mãn. Cuối cùng Bồ-tát Phổ Hiền tuyên bố rõ ràng rằng: Ngài sẽ làm lưu bố kinh Pháp Hoa khắp cõi Diêm-phù-đề chẳng để dứt mất. Hạnh nguyện của ngài cốt làm sao đưa mọi người tới chỗ tỉnh giác, nhận ra nơi mình có tri kiến Phật. Phật giáo hóa giảng dạy cốt đưa chúng sanh ngộ được tri kiến Phật, Bồ-tát giúp chúng sanh cũng trở về với tri kiến Phật, là cái gốc của sự tu hành.

Chánh văn:

6. Lúc bấy giờ, đức Thích-ca-mâu-ni Phật khen rằng:

Hay thay! Hay thay! Phổ Hiền! Ông có thể hộ trợ Kinh này làm cho nhiều chúng sanh an vui

lợi ích. Ông đã thành tựu bất khả tư nghì công đức, lòng từ bi sâu lớn, từ lâu xa đến nay phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà có thể thực hành nguyện thần thông đó, để giữ gìn Kinh này.

Ta sẽ dùng sức thần thông giữ gìn người hay thọ trì danh hiệu Phổ Hiền Bồ-tát.

Phổ Hiền! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh tu tập, biên chép kinh Pháp Hoa này, phải biết người đó thời là thấy đức Thích-ca-mâu-ni Phật, như từ miệng Phật mà nghe Kinh điển này. Phải biết người đó cúng dường cho đức Thích-ca-mâu-ni Phật. Phải biết người đó được đức Phật khen lành thay! Phải biết người đó được đức Thích-ca-mâu-ni Phật lấy tay xoa đầu. Phải biết người đó được đức Thích-ca-mâu-ni Phật lấy y trùm cho. Người như thế chẳng còn lại ham ưa sự vui trong đời, chẳng ưa kinh sách viết chép của ngoại đạo, cũng lại chẳng ưa gần gũi ngoại đạo và các kẻ ác, hoặc kẻ hàng thịt, hoặc kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, hoặc kẻ buôn bán sắc gái. Người đó tâm ý ngay thật, có lòng nghĩ nhớ chân chánh có sức phước đức. Người đó chẳng bị ba món độc làm não hại, cũng chẳng bị tánh ganh ghét, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn làm não hại. Người đó ít muốn biết đủ, có thể tu hạnh Phổ Hiền.

Giảng:

Phật khen ngợi Bồ-tát Phổ Hiền có lòng từ bi rộng lớn, đem hết khả năng để thực hiện hạnh nguyện

của mình, là giữ gìn Kinh này tồn tại ở cõi Ta-bà, để cho chúng sanh được lợi ích. Phật hứa sẽ bảo hộ cho những người phát tâm thọ trì danh hiệu Bồ-tát Phổ Hiền. Nói cách khác là Phật sẽ gia hộ cho người tu theo hạnh nguyện Phổ Hiền, khởi lòng đại bi quán xét căn cơ của chúng sanh, rồi đi vào đời ngũ trược để tiếp độ chúng sanh, khiến cho họ được giác ngộ.

Phật lại xác nhận một lần nữa, người thọ trì, đọc tụng kinh Pháp Hoa một cách chân chánh, thì người đó sẽ *được thấy Phật Thích-ca, như từ miệng Phật mà nghe Kinh điển này, được Phật Thích-ca khen ngợi, được Phật Thích-ca xoa đầu và lấy y trùm cho...* Vì sao được như thế? Vì bản hoài của Phật là muốn cho chúng sanh nhận ra tri kiến Phật của chính mình. Vậy nếu ai thực hành theo bản hoài của Phật, đấy là trung thành với Phật, nên được Phật nâng đỡ. Đó là nói sự gia hộ bên ngoài. Sau đây là nói đến bản thân của người trì tụng kinh Pháp Hoa. Người khi nhận ra tri kiến Phật là cái thể sáng suốt không sanh không diệt, hằng hữu, thì những thú vui tạm bợ ở đời không nhiễm trước, những cái nhân gây ra phiền não có thể dẹp bỏ được, như đối với kinh sách của ngoại đạo không thích đọc và không thích gần gũi với những người ngoại đạo. Đối với những thú vui tạm bợ ở thế gian, cùng những người có nghiệp ác thì không tương ưng, không thân cận. Vì mọi ý niệm xấu xa không còn, nên nói *chẳng bị tánh ghen ghét, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn làm não hại.* Lại còn *ít muốn biết đủ*, nên có thể tu theo hạnh Phổ Hiền, làm lợi ích cho chúng sanh.

Chánh văn:

7. Phổ Hiền! Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nào thấy người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa phải nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các chúng ma thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân, đánh pháp cổ, thổi pháp loa, rưới pháp vũ, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đại chúng trời người.

Phổ Hiền! Nếu ở đời sau, có người thọ trì, đọc tụng Kinh điển này, người đó chẳng còn lại ham ưa y phục, giường nằm, những vật nuôi sống, chỗ mong cầu chẳng luống, cũng ở trong hiện đời được phước báo đó.

Nếu có người khinh chê đó rằng: "Ông là người điên cuồng vậy, luống làm hạnh ấy trọn không được lợi ích!" Tội báo như thế sẽ đời đời không mất. Nếu có người cúng dường khen ngợi đó, sẽ ở trong đời này được quả báo hiện tại.

Nếu lại thấy người thọ trì Kinh này mà nói bày lỗi quấy của người đó, hoặc thật, hoặc chẳng thật, người này trong hiện đời mắc bệnh bạch lại[1]. Nếu khinh cười người trì Kinh sẽ đời đời răng nướu thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong quẹo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghẻ dữ máu mủ, bụng thủng hơi ngắn, bị các bệnh nặng dữ.

---

[1] Bạch lại: bệnh hủi

Cho nên, Phổ Hiền! Nếu thấy người thọ trì Kinh điển này phải đứng dậy xa rước, phải như kính Phật.

Giảng:

Khi Phật diệt độ khoảng năm trăm năm về sau, có người thọ trì đọc tụng kinh Pháp Hoa, thì biết người đó chẳng bao lâu sẽ là người ngồi đạo tràng phá chúng ma, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và chuyển pháp luân giáo hóa chúng sanh. Người đó được nhiều phước báo về bốn món: ăn, mặc, ở, bệnh, vì công phu tu hành đã tới mức phải được, dù không muốn cũng có; còn người chưa đủ phước đó, dù muốn cũng không được. Ý Phật nói rằng người mà biết sống với tri kiến Phật thì mọi phước đức không cầu mà vẫn được.

Đến đây Phật nêu ra hai trường hợp. Nếu ai thấy người trì kinh Pháp Hoa mà chê bai và cho rằng điên dại, thì người đó bị tội báo nặng nề. Ngược lại, ai mà tán thán khen ngợi thì người đó sẽ được quả báo tốt trong đời hiện tại này. Thông thường chúng ta thấy ai khen người hiền trí, không khen kẻ hung ác thì biết người đó đã có chủng tử lành, mà đã có chủng tử lành thì tự nhiên sẽ hưởng phước lành. Ngược lại, kẻ khinh chê người hiền trí, lại khen người hung dữ, thì chúng ta biết kẻ đó ác và ngu, vì đã có chủng tử ác, ắt phải đọa vào cõi ác, chịu quả báo khổ đau không nghi ngờ.

Sau đây Phật lại nói, kẻ chê bai người trì kinh Pháp Hoa thì răng thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp... Xét lại, nếu người nào mắc phải những tướng xấu đó, là trước đã

chê bai người trì kinh Pháp Hoa, nay phải sám hối và khen ngợi đừng chê nữa. Đây Phật kết thúc cho chúng ta thấy rằng người biết xoay lại sống với tri kiến Phật thì chắc chắn quả Phật sẽ đến. Và đối với người sống với tri kiến Phật, chớ có khinh thường, nếu khinh thường là tạo nghiệp ác đi trong đường dữ chịu khổ đau.

Chánh văn:

8. Lúc Phật nói phẩm "Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát" này, có hằng hà sa vô lượng vô biên Bồ-tát được trăm nghìn muôn ức môn "Triền đà-la-ni", tam thiên đại thiên thế giới vi trần số các đại Bồ-tát, đủ đạo Phổ Hiền.

Lúc Phật nói Kinh này, Phổ Hiền v.v... các vị Bồ-tát, Xá-lợi-phất v.v... các vị Thanh văn và hàng trời, rồng, nhân, phi nhân v.v... tất cả đại chúng đều rất vui mừng thọ trì lời Phật làm lễ mà đi.

Giảng:

Phẩm Phổ Hiền là phẩm chót khuyến khích người trì kinh Pháp Hoa và ủng hộ người trì kinh Pháp Hoa. Đó là phần lưu thông cho mọi người thấy rằng, người thọ trì và bảo hộ kinh Pháp Hoa sẽ được Phật và Bồ-tát ủng hộ. Vậy chớ có xem thường.

TOÁT YẾU TOÀN BỘ KINH

Toàn bộ kinh Pháp Hoa có bảy quyển, hai mươi tám phẩm. Để thấy ý toàn bộ, chúng ta nên lược qua từng phẩm:

1- Phẩm Tự: Phẩm này chỉ chủ yếu của toàn bộ. Hình ảnh Phật phóng quang từ lông trắng giữa chặng mày, ánh sáng soi khắp phương đông, thông trên suốt dưới. Theo ánh sáng, hội chúng thấy chúng sanh trong lục đạo, tạo nghiệp thọ báo, và thấy chư Phật tu nhân chứng quả giáo hóa chúng sanh... Đây là biểu trưng tánh giác (tri kiến Phật) rỗng suốt, không kẹt hai bên, biết rõ nguyên nhân luân hồi sanh tử và nguyên nhân giải thoát sanh tử. Tánh giác rời ngôn ngữ và tâm thức suy tư, cho nên Phật chỉ hiện tướng mà không nói một lời. Chỉ căn bản trí mới thấu suốt được tánh giác, vọng thức thì không sao hiểu nổi. Vì thế, đức Di-lặc (thức) khởi nghi hỏi Bồ-tát Văn-thù (trí).

2- Phẩm Phương Tiện: Từ chỗ vô ngôn đến đây phải dùng ngôn thuyết, ấy là phương tiện. Lại nữa, Phật

dùng mọi phương tiện dẫn dắt chúng sanh, cứu cánh đều đưa đến ngộ nhập tri kiến Phật (tánh giác). Đây là mục đích chung của chư Phật. Dù trước có nói các pháp khác song cũng là phương tiện đưa đến cứu cánh này. Tuy nhiên tri kiến Phật rất khó tin hiểu, nên phải thiết tha cầu thỉnh hai ba phen Phật mới nói.

3- Phẩm Thí Dụ: Sau khi Phật phương tiện dùng ngôn ngữ trình bày, người căn cơ lanh lợi bậc thượng liền nhận ra tri kiến Phật của chính mình. Đây là chỗ đốn ngộ của Xá-lợi-phất, Tôn giả vui mừng hớn hở được điều chưa từng có trình lên Phật. Phật liền ấn chứng (thọ ký) cho ngài sau này sẽ thành Phật. Tuy vậy những căn cơ kém bén nhạy còn chưa nhận ra, Phật phải dùng thí dụ nhà lửa và ba xe, cuối cùng chỉ cho một xe Bạch ngưu.

4- Phẩm Tín Giải: Đây là trình bày kiến giải của mình để Phật ấn chứng. Những vị Thanh văn kỳ cựu đến đây mới nhận rõ tri kiến Phật của mình, vui mừng vô hạn, như chàng cùng tử được cha trao cả sự nghiệp, điều mà trước kia chưa bao giờ dám nghĩ đến. Các ngài dùng thí dụ này trình kiến giải lên Phật.

5- Phẩm Dược Thảo Dụ: Lẽ ra, sau khi trình kiến giải của mình liền được Phật thọ ký ngay, song cần phải khích lệ những căn cơ bậc trung cố gắng nhận ra tri kiến Phật, nên Phật thí dụ đám mưa mọi cây cỏ đều được thấm nhuần. Các căn cơ có khác, nhưng đều được lợi ích trong một trận pháp vũ này.

6- Phẩm Thọ Ký: Thọ ký là tên khác của ấn chứng trong nhà thiền. Khi các vị Ma-ha Ca-diếp v.v... trình bày chỗ sở ngộ rồi, Phật liền thọ ký (ấn chứng)

cho mỗi vị tương lai sẽ thành Phật. Đây mới đốn ngộ Phật thừa, còn phải tiệm tu Bồ-tát hạnh, sau mới chứng thành Phật quả.

7- Phẩm Hóa Thành Dụ: Giải thích một lần nữa về phương tiện của đức Phật, để những vị căn cơ bậc trung thấy rõ tri kiến Phật của mình. Dùng thí dụ Hóa thành và Bảo sở để sách tiến các ngài vượt lên, đừng đắm luyến trong quả vị Thanh văn.

8- Phẩm Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký: Giờ đây hàng căn cơ bậc trung đã thấy rõ tri kiến Phật của mình. Đại diện năm trăm vị, ngài Mãn Từ Tử trình bày sở ngộ, theo đó Phật thọ ký năm trăm vị tương lai đều thành Phật.

9- Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký: Đến đây hàng hữu học và vô học mới nhận ra tri kiến Phật của mình, tự nhận mình có phần trong Phật thừa, mong được Phật thọ ký. Phật thọ ký các ngài trong tương lai đều sẽ thành Phật.

10- Phẩm Pháp Sư: Còn một số căn cơ hạ liệt, chưa dám nhận tri kiến Phật của mình. Phật muốn thúc đẩy họ tiến lên, cần khuyến khích họ thọ trì cúng dường tùy hỷ giáo hóa thì tương lai đều thành Phật.

11- Phẩm Hiện Bảo Tháp: Tháp bảy báu hiện giữa hư không trang nghiêm đẹp đẽ, trong có toàn thân Phật Đa Bảo. Phật Đa Bảo tượng trưng cho pháp thân, tháp bảy báu tượng trưng cho thất đại. Đến đây, Phật chỉ rõ ngay trong thân thất đại này đã hàm chứa pháp thân hay tri kiến Phật. Song làm sao thấy được pháp thân? Cần phải thu nhiếp vọng tưởng lại mới thấy. Cho nên trong kinh nói: *Phật Đa Bảo có nguyện sâu:*

Nếu lúc tháp báu của ta vì nghe kinh Pháp Hoa mà hiện ra trước các đức Phật, vị Phật nào muốn đem thân ta chỉ bày cho bốn chúng, Phật đó phải nhóm họp tất cả Phật của mình phân thân ra thuyết pháp ở mười phương về một chỗ, sau thân ta mới hiện. Phật phân thân chỉ cho ý thức phân tán chạy theo sáu trần, chúng tụ họp về một chỗ là an định, pháp thân sẽ hiện tiền. Đây là chỉ rõ cho đại chúng biết tri kiến Phật đã nằm sẵn trong lầu ngũ uẩn hay trong tháp thất đại.

12- Phẩm Đề-bà-đạt-đa: Đã chỉ rõ tri kiến Phật ở trong lầu năm uẩn hay thất đại, mà người căn cơ hạ liệt vẫn chưa tin chưa hiểu. Một lần nữa Phật lại chỉ cặn kẽ, dù tạo tội ngũ nghịch như Đề-bà-đạt-đa, ty tiện như thân Long nữ vẫn có tri kiến Phật, gặp duyên hóa độ liền ngộ đạo, đều sẽ thành Phật không nghi.

13- Phẩm Trì: Đến đây tất cả vị Tỳ-kheo-ni đều buông xả tâm hạ liệt đinh ninh rằng người nữ tu hành không thể thành Phật, quý vị tự nhận mình có phần thành Phật, vì mình đồng có tri kiến Phật như tất cả những vị đã ngộ, được Phật thọ ký. Do đó, Phật tuần tự thọ ký riêng và chung cho ni chúng.

14- Phẩm An Lạc Hạnh: Trên đã xong phần mọi căn cơ đều đốn ngộ, đến đây là phần tiệm tu Bồ-tát hạnh. Hay nói cách khác, ở trên đã ngộ tri kiến Phật, từ đây về sau là nhập tri kiến Phật. Nói theo nhà Thiền thì ở trên đã kiến tánh, từ đây về sau khởi tu. Kinh nói: *Ở trong đời ác sau, hộ trì đọc tụng giảng nói kinh Pháp Hoa*, có nghĩa là sống và bảo vệ tri kiến Phật của mình. Muốn bảo vệ tri kiến Phật trước phải gìn giữ giới luật, tức là an trụ bốn pháp vậy.

15- Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất: Do công phu tu trì, bảo vệ tri kiến Phật, tự trong thân phát trí vô sư. Trí này từ thân tứ đại xuất phát, nên nói *Bồ-tát từ dưới đất vọt lên*. Trí vô sư do công phu tu hành mà được, nên có khả năng chống lại sanh tử; nó từ chân tánh lưu xuất không sanh không diệt, nên tương ưng với tri kiến Phật. Vì thế Phật không chấp nhận Bồ-tát ở tha phương duy trì truyền bá kinh Pháp Hoa ở cõi này, chỉ dành cho chư Bồ-tát từ đất vọt lên duy trì. Bồ-tát tha phương biểu trưng trí hữu sư. Trí này do học tập được, còn phân biệt giản trạch, thuộc về trí sanh diệt, không đủ khả năng bảo vệ tri kiến Phật.

16- Phẩm Như Lai Thọ Lượng: Đã có trí vô sư phát sanh mới nhận rõ pháp thân (tri kiến Phật) bất sanh bất diệt, thường hằng chẳng đổi. Tuổi thọ của pháp thân đồng tuổi thọ của hư không, vì pháp thân không tướng làm gì bị vô thường và tan hoại. Như Lai ở đây là tri kiến Phật hay pháp thân, thường nằm sẵn trong thân năm uẩn của chúng ta, song không mấy ai nhận ra, chỉ khi nào trí vô sư phát sanh mới thể hiện được pháp thân. Vì thế nên nói rất khó tin khó hiểu, người tin hiểu được thì công đức vô lượng.

17- Phẩm Phân Biệt Công Đức: Pháp thân chân thật bất biến; người tin nhận được pháp thân là đã biết lối trở về chân tánh. Mọi công đức của thế gian đều là công đức tương đối sanh diệt, nên hữu hạn hữu lượng. Người nhận ra pháp thân chân thật là vô sanh, nên công đức vô hạn vô lượng. Vì thế nếu đem so sánh thì không công đức nào của thế gian có thể sánh kịp.

18- Phẩm Tùy Hỷ Công Đức: Công đức của người nhận ra pháp thân đã cao tột như vậy, người phát tâm

tùy hỷ công đức này ắt cũng vô ngần. Phát tâm tùy hỷ tức đã có phần nhận hiểu, khuyến khích kẻ khác tức đã tự hâm mộ, cho nên người tùy hỷ Kinh này, khuyến khích kẻ khác nghe Kinh... đều là công đức vô biên.

19- Phẩm Pháp Sư Công Đức: Công đức Pháp sư hay công đức của người sống với tri kiến Phật, y cứ nơi sáu căn phát hiện. Sáu căn là chỗ phát sáng của hòn ngọc tánh giác, không nương sáu căn làm sao thấy được hòn ngọc. Hằng sống trở lại tánh thấy tánh nghe của mình là cửa vào tánh giác, con đường vào cửa Niết-bàn. Khi sáu căn thuần tịnh thì tự nó trở thành lục thông, khỏi cần tập luyện mới có thần thông.

20- Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát: Người sống với tri kiến Phật và truyền bá cho mọi người phải kiên trì nhẫn nhục, vì làm một điều khó làm, dạy một điều khó dạy. Biết mọi người đều có tri kiến Phật, người ngộ trước nào dám khinh người ngộ sau, người đã ngộ cố chỉ cho người sẽ ngộ. Đây là việc làm của Bồ-tát Thường Bất Khinh. Ngài trì kinh Pháp Hoa và truyền bá kinh Pháp Hoa bằng cách gặp ai cũng bái xá nói rằng: "Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật". Tu nhân như thế, ngài kết quả thành Phật, gieo nhân như thế, kết quả mọi người được dự hội Pháp Hoa. Thế là trì kinh bằng cách chính mình sống với tri kiến Phật của mình, truyền bá là gieo cho mọi người đủ niềm tin mình có tri kiến Phật.

21- Phẩm Như Lai Thần Lực: Đã biết sống trở về pháp thân, khi được thuần thục thì diệu dụng bất khả tư nghì. Tất cả diệu dụng ấy đều từ chỗ Vô tác diệu trí phát sanh, không phải sự dụng công cố gắng nào cả.

Diệu dụng do công phu tu hành trở về tánh giác là một lẽ thật không còn nghi ngờ gì nữa. Cho nên ở đây Phật bày tướng lưỡi rộng dài, tất cả lỗ chân lông đều phóng quang...

22- Phẩm Chúc Lụy: Tri kiến Phật là tuệ mạng của chúng sanh, là trí tuệ của chư Phật, con đường cầu giác ngộ không còn lối nào khác hơn. Thế nên truyền bá cho mọi người nhận ra tri kiến Phật là trách nhiệm tối thượng của người ngộ trước. Ngọn đèn trí tuệ duy nhất để phá đêm tối vô minh của thế gian là tri kiến Phật. Vì vậy đức Phật chúc lụy truyền bá kinh Pháp Hoa.

23- Phẩm Dược Vương Bồ-tát Bản Sự: Trên con đường tu hành muốn đến Phật quả phải dẹp sạch chấp năm ấm, gọi là ngũ ấm ma. Vì năm ấm che đậy khiến Phật tánh không hiển lộ. Phẩm này là phá sắc ấm. Thân tứ đại là sắc ấm, Bồ-tát khi được *chánh định hiện tất cả sắc thân* rồi, liền thiêu thân cúng dường Phật, tức là phá sắc ấm. Pháp thân là thể của báo thân và hóa thân, được "chánh định hiện tất cả sắc thân" tức là nhập pháp thân. Khi Bồ-tát thâm nhập pháp thân thì xem sắc thân như bóng như bọt, không còn cố chấp làm ngã. Xả chấp sắc thân hướng về pháp thân nên nói thiêu thân cúng dường Phật. Xả sắc thân rồi cần phải xả sáu trần mới viên mãn phá sắc ấm, cho nên Bồ-tát sau lại đốt luôn hai cánh tay cúng dường Phật. Chấp ngã chấp pháp đã dẹp sạch đó là chân thật cúng dường Như Lai.

24- Phẩm Diệu Âm Bồ-tát: Phá sắc ấm rồi đến đây phá luôn thọ ấm. Thọ ấm không hình tướng nên Bồ-tát Diệu Âm đến mà chúng không thấy, phải đợi Phật Đa Bảo dạy ngài hiện, chúng mới thấy. Bởi có nhận được

pháp thân mới thấy thọ ấm là hư giả, thấy rồi mới phá dẹp được chúng. Bồ-tát Diệu Âm từ xa lại để nói lên sáu trần từ ngoài đến mới có lãnh thọ. Xả mọi lãnh thọ, không cố chấp, là phá được thọ ấm. Nhân tu của Bồ-tát Diệu Âm do dùng âm nhạc và bát vàng cúng Phật, nên được quả báo tốt đẹp và nhiều diệu dụng. Cúng dường là tên khác của bố thí, tức là buông xả, cúng dường âm nhạc là buông xả âm thanh, cúng dường bát vàng là buông xả sắc tướng. Âm thanh và sắc tướng là hai thứ nổi bật trong sáu trần, nói hai thứ đủ đại biểu cho sáu trần.

25- Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn: Phẩm này phá trừ tưởng ấm. Tưởng là nhân đau khổ của tất cả chúng sanh. Bởi vì có tưởng là có đau khổ. Một viên đạn, một nhát dao bén phạm vào người một cách quá nhanh, không kịp tưởng tượng, chúng ta không nghe sợ, cũng không nghe đau. Sau đó tưởng tượng lại, chúng ta mới kinh sợ. Thế nên mọi khổ ải trên thế gian này bởi tưởng mà có. Muốn hết khổ không gì hơn hết tưởng, tưởng hết mọi đau khổ đều sạch. Niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm liền hết khổ. Quán Thế Âm là *phản văn văn tự tánh*. Trở lại tánh giác thì mọi tưởng đều lặng, còn đau khổ nào mà chẳng khỏi! Sống được với tánh giác, mọi công hạnh, mọi diệu dụng đều đầy đủ. Trong sáu căn, nhĩ căn là viên thông hơn cả, người tu muốn trở về tánh giác nên từ nhĩ căn mà tu thì chóng được kết quả. Nên kinh nói: niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, công đức thù thắng hơn tất cả. Niệm bằng cách nào? Nghĩa là phản quán lại tánh giác chân thật của mình. Quán được thanh tịnh thì trí tuệ phát sanh, lòng từ bi đầy đủ; hằng tu như vậy đến khi nào hoàn toàn thanh tịnh, mặt trời

trí tuệ liền phát sanh, soi sáng cả thế gian. Như đoạn văn trong bài tụng:

Chân quán, thanh tịnh quán,
Quảng đại trí tuệ quán,
Bi quán cập từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Vô cấu thanh tịnh quang,
Tuệ nhật phá chư ám,
Năng phục tai phong hỏa,
Phổ minh chiếu thế gian.

Dịch:

Quán chân, quán thanh tịnh,
Quán trí tuệ rộng lớn,
Quán từ và quán bi,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Sáng thanh tịnh không nhơ,
Tuệ nhật phá các tối,
Hay diệt nạn gió lửa,
Soi sáng khắp thế gian.

Đây là lối tu trở về tri kiến Phật, diệt hết mọi vọng tưởng đau khổ.

26- Phẩm Đà-la-ni: Phẩm này phá hành ấm. Hành ấm là lối suy tư thầm lặng bên trong, nó vừa tế nhị vừa sâu kín cho nên rất khó phá. Người phá được nó liền thấy quá tịch tịnh, lầm tưởng là Niết-bàn, bị lạc vào ngoại đạo hoặc rơi vào trầm không trệ tịch của Thanh văn. Tu nhân

diệt hành ấm, hành giả phải buông sạch mọi xao xuyến thầm lặng vi tế, nên tượng trưng bằng thần chú. Bởi vì khi đọc thần chú, chúng ta nào có xét nghĩ hiểu biết gì. Kết quả diệt được hành ấm, cần phải được chư Phật, chư Bồ-tát hoặc Thiện tri thức khuyến phát khích lệ mới vượt qua được. Đó là hình ảnh chư Bồ-tát nói thần chú bảo hộ người trì kinh Pháp Hoa.

27- Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự: Phẩm này phá thức ấm. Đây là chặng cuối cùng trên đường tu, nếu người khéo vượt qua thì viên mãn Phật quả. Vua Diệu Trang Nghiêm tượng trưng thức a-lại-da (tàng thức), phu nhân Tịnh Đức tượng trưng cho thức mạt-na (ý căn), thái tử Tịnh Tạng tượng trưng cho ý thức, Tịnh Nhãn tượng trưng cho năm thức trước. Chuyển thức a-lại-da thành Đại viên cảnh trí là nhờ ý thức và năm thức trước đã được thuần thục thanh tịnh. Thức a-lại-da thứ tám này là chủ mà không có khả năng quyết định, phải do thức thứ sáu và năm thức trước hướng dẫn. Thức thứ bảy ở bên cạnh thức thứ tám mà không có công dụng bao nhiêu. Phá thức ấm tức là chuyển a-lại-da trở thành Đại viên cảnh trí, nó là chủ thể của các thức kia. Cho nên kinh nói: Phật vì muốn dẫn dắt vua Diệu Trang Nghiêm cùng thương tưởng hàng chúng sanh nên nói kinh Pháp Hoa. Do ý thức và năm thức trước đã thuần thục thanh tịnh, mới chuyển được thức thứ tám thành Đại viên cảnh trí. Đây là hình ảnh hai người con Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn đã có thần thông, có trí tuệ tu tập tất cả công đức... mới chuyển hóa nhà vua đến với Phật. Nhà vua chịu đến là có phu nhân đến. Nguyên nhân tạo nghiệp luân hồi do thức thứ sáu và năm thức trước, chuyển sanh tử thành Niết-bàn cũng nhân thức

thứ sáu và năm thức trước. Khi chuyển thức a-lại-da rồi thì tám thức trở thành tứ trí. Đến đây công phu tu hành đã đầy đủ, chỉ còn phải làm lợi ích chúng sanh.

28- Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát: Phổ Hiền tượng trưng trí sai biệt. Người tu khi viên mãn công phu rồi, cần phải phát nguyện độ sanh, giáo hóa hộ trì cho mọi người được phát tâm Bồ-đề (trì kinh Pháp Hoa), khởi nguyện lực lớn, dùng lục độ làm phương tiện giáo hóa chúng sanh. Đó chính là hình ảnh Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà đến trước người trì kinh Pháp Hoa an ủi họ. Khi công hạnh tự lợi lợi tha của họ hoàn toàn viên mãn, liền thành Phật.

Tóm lại, toàn bộ kinh Pháp Hoa cốt khai thị cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến Phật. Phẩm đầu do Bồ-tát Văn-thù giải nghi cho Bồ-tát Di-lặc về việc phóng quang của đức Phật. Đó là tượng trưng trí căn bản đánh thức phát tâm Bồ-đề. Phẩm cuối Bồ-tát Phổ Hiền phát nguyện bảo hộ người trì Kinh sau này. Đây là tượng trưng trí sai biệt làm lợi ích chúng sanh. Câu then chốt trong Kinh này: *Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến* có khác gì câu *Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật* của Thiền tông. Phẩm Tín Giải và phẩm Thọ Ký của Kinh này nào xa lạ gì với việc *trình kiến giải* được *ấn chứng* của Thiền tông. Cho đến sự tu hành thủy chung đều không khác. Chỉ vì chúng ta không nhận được lý Kinh, cứ chạy theo ngôn cú nên thấy dường như khác biệt.